PHÂN TÍCH GIỚI BỔN (Suttavibhaṅga)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

LỜI CHỨNG MINH

Naiìi-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: ^Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp ỉuăYỈ"5 nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình,
ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyên kinh điên, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: “Di Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vỉ trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật
pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, môi hành giả có được cách tiêp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhát trong lịch sử phong kiên nước nhà vào thời đại Lý - Trân, vân đang tiêp tục đông hành cùng đát nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tOc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc “kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tôn ở thê gian mà còn góp phân làm cho

viii PHÂN TÍCH GIỚI BÔN

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT." Nguyện cầu Phật nhật tăng

huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.20Ỉ9 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli? Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản tri VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Narrf\ vốn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành ^Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Narrf \ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Dại tạng kinh" chí đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka. H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm “Tam tạng Thánh điển Phật giáo” có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pỉtaka, H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pītakaṃ H, tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha)^ Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Viet Nam). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giao59 là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x PHÂN TÍCH GIỚI BÔN

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=S. Vỉnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma. s. Abhỉdharma^ H.Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahāvamsa) đêu ghi nhận răng trong triêu đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pali bat đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy

một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên dá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điên Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gôm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945)? người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nom mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngimg hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (Ma-ha Bắt-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm^ Đại Bảo Tích, Nỉết-bànf Đại Tập); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhấtA-hàm), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hàm), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tinh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam,

tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điên Phật giáo băng tiêng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hảĩửiKinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập n), 1972 (tập ÌII, IV). Các năm ke tiep, Hoa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng

và Mỉlỉnda vân đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kỉnh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh (7),có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đỏ, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()(tèu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các
học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hâu hét các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo An Độ, có nguôi! góc từ Trường Đại học Nālandā nôi tiêng và một sô bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chỉ mới hoàn tất

gần một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nên tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiên chỉ, thiên quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam. góp phân phiên dịch và xuat bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điên

LỜI GIỚI THIỆU xiii

Phật giáo Việt Nam, Đông thời, tôi tha thiêt kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tinh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê? chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triên bên vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐÀU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá tri vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thốnẹ tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bát đâu từ rát sớm và xuyên suôt dòng lịch sử luôn đông hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguôn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyên hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tam quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt

Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng đê chuyên tải nội dung của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nânẹ cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đau nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thê kỷ sau, dưới triêu đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. ở Ấn Độ? lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiêp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyên sang thê giới phương Tây sớm nhát. Tạng Pali do Hoàng tử Mahinda khởi động truyên bá từ An Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành pho Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pali được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pali và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khác gô đây đủ đâu tiên của Trung Quôc được đặt tên là Khai

Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba làn khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tôn cân trọng tại Hải An tư. Nhật Bản tiếp nhận suôi nguôn Phật giáo khá tre, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (Taishô Shinshū Daỉzõkyõ.)do Takakusu Juryiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

LỜINÓIĐẦU xvii

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lân khác bản, được in ân khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gôm nhiêu quôc gia? dân tộc. ơ Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm H26, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm Í311 (Tân Hợi), niên hiệu Himg Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cô đức đã hét lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Đinh Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhimg không đầy đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bô cục lại. Đôi với Tam tạng

Nam truyên (Thượng Tọa bộ), câu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

xviii PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác 9 2 r r phàm kinh điên do những thê hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nôi kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cửu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp ly, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập5 Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pãli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiêu lân trước khi in ân. May thay, với sự tiên bộ của thời đại, một sô rào cản ngôn ngữ trong các đê bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiên. Mặt khác, Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bo sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học? nâng cao giá tri hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phàm hậu kỳ như tóm tăt, tân giải, đô giải hay làm tiên đê cho những công trình hô trợ tiện ích theo sau: Tông mục lục, Đại từ điên Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng

LỜI NÓI ĐẦU xix

\ r r

thêm khả năng đông bộ5 lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tôi ưu. Bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều the hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhăc từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo uvăn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thâm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ân hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yêm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát9 liệt vị Tổ sư, chư vi Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV MỤC LỤC.....xxi BANG VIẾT TẮT..... xxxiii DẪN LUẬN..... xxxix

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU (BHIKKHUVIBHAÑGO)

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ 2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 2.1. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT..... 23 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược.....52 2.2. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ..... 60 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược.....76 2.3. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ BA..... 93 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược..... 105 2.4. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ Tư..... 116 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược..... 138 3. CHƯƠNG SAÑGHADISESA 3.1. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NHẤT..... 151 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược..... 165 3.2. ĐIỀU HỌC VỀ XÚC CHẠM THÂN THỂ..... 170 CHUYỆN DÂN GIẢI KỆ NGÔN TÓM

Lược..... 180 3.3. ĐIỀU HỌC VỀ LỜI NÓI THÔ TỤC.....182 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược..... 186

3.4. ĐIỀU HỌC VỀ Sự HẦU HẠ TÌNH DỤC CHO BẢN THÂN..... 188 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược..... 192 3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC MAI MỐI..... 193 CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM Lược..... 214 3.6. ĐIỀU HỌC VỀ LÀM CỐC LIÊU.....215 3.7. ĐIỀU HỌC VỀ LÀM TRÚ XÁ..... 231 3.8. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ VỊ XẤU XA SÂN HẬN..... 236 3.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ VỊ XẤU XA SÂN HẬN..... 247 3.10. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ CHIA RẼ HỘI CHÚNG..... 254 3.11. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ CHIA RẼ HỘI CHÚNG..... 258 3.12. ĐIỀU HỌC VỀ Sự KHÓ DẠY..... 261 3.13. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ LÀM Hư HỎNG CÁC GIA ĐÌNH..... 263 4. CHƯƠNG Ānīyata 4.1. ĐIỀU HỌC Ānīyata thứ nhất..... 273 4.2. ĐIỀU HỌC Ānīyata thứ nhì..... 276 5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 5.1. PHẨM Y..... 281 5.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ KATHINA..... 281 5.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ KATHINA..... 284 5.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA VỀ KATHINA..... 289 5.1.4. ĐIỀU HỌC VỀ Y CŨ..... 293 5.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NHẬN LÃNH Y..... 295 5.1.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC YÊU CÀU NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ THÂN QUYẾN.•...:.....298 5.1.7. ĐIỀU HỌC VỀ VƯỢT QUÁ số Y ẤY.....301 5.1.8. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ [Số TIỀN] ĐÃ Được CHUẨN BỊ..303 5.1.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ [Số TIỀN] ĐÃ Được CHUẨN BỊ .....306 5.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỨC VUA..... 308 5.2. PHẨM Tơ TẰM..... 313 5.2.1. ĐIỀU HỌC VÈ Tơ TẰM..... 313 5.2.2. ĐIỀU HỌC VỀ THUẦN MÀU ĐEN..... 314

5.2.3. ĐIỀU HỌC VỀ HAI PHẦN..... 315 5.2.4. ĐIỀU HỌC VỀ SÁU NĂM.....317 5.2.5. ĐIỀU HỌC VỀ TẤM LÓT NGỒI VÀ TẤM TRẢI NẰM..... 320 5.2.6. ĐIỀU HỌC VỀ CÁC LÔNG cừu.....323 5.2.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC BẢO GIẶT LÔNG cừu.....325 5.2.8. ĐIỀU HỌC VỀ VÀNG BẠC..... 327 5.2.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC TRAO ĐỔI BẰNG VÀNG BẠC..... 330 5.2.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC MUA BÁN.....332 5.3. PHẨM BÌNH BÁT..... .....335 5.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ BÌNH BÁT..... 335 5.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ CHƯA ĐỦ NĂM MIẾNG VÁ..... 338 5.3.3. ĐIỀU HỌC VỀ Dược PHẨM..... 342 5.3.4. ĐIỀU HỌC

VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA..... 347 5.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GIẶT LẠI Y..... 349 5.3.6. ĐIỀU HỌC VỀ YÊU CÀU CHỈ SỢI..... 351 5.3.7. ĐIỀU HỌC QUAN TRỌNG VỀ THỢ DỆT.....352 5.3.8. ĐIỀU HỌC VỀ Y ĐẶC BIỆT..... 356 5.3.9. ĐIỀU HỌC VỀ [CHỖ NGỤ] NGUY HIỂM.....358 5.3.10. ĐIỀU HỌC VỀ "EŨ Được KHẲNG BỊNH”..... 360 6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 6.1. PHẨM NÓI DỐI.....365 6.1.1. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI DỐI.....365 6.1.2. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI LỜI MẮNG NHIẾC..... 370 6.1.3. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI ĐÂM THỌC..... 383 6.1.4. ĐIỀU HỌC VỀ PHÁP THEO TÙNG CÂU..... 387 6.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NẰM CHƯNG CHỎ NGỤ..... 388 6.1.6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NẰM CHUNG CHỖ NGỤ..... 390 6.1.7. ĐIỀU HỌC VÈ THUYẾT PHÁP..... 393 6.1.8. ĐIỀU HỌC VỀ TUYÊN Bố sự THỰC CHÚNG..... 396 6.1.9. ĐIỀU HỌC VỀ CÔNG Bố TỘI XẤU..... 405 6.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐÀO ĐẤT.....407

6.2. PHẨM THẢO MỘC..... 409 6.2.1. ĐIỀU HỌC VỀ THẢO MỘC..... 409 6.2.2. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI TRÁNH NÉ..... 411 6.2.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC PHÀN NÀN..... 414 6.2.4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ CHỖ NẰM NGỒI.....415 6.2.5. ĐIỀU HỌC THỨ HAI VỀ CHỎ NẰM NGỒI..... 417 6.2.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC CHEN VÀO..... 419 6.2.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÔI KÉO RA..... 420 6.2.8. ĐIỀU HỌC VỀ CĂN GÁC LẦU..... 423 6.2.9. ĐIỀU HỌC VỀ TRÚ XÁ LỚN..... 424 6.2.10. ĐIỀU HỌC VỀ [NƯỚC] có SINH VẬT..... 426 6.3. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI..... 428 6.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ GIÁO GIỚI..... 428 6.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ [MẶT TRỜI] ĐÃ LẶN..... 434 6.3.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỖ NGỤ CỦA TỲ-KHƯU-NI.....436 6.3.4. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT CHẤT..... 438 6.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ CHO Y..... 440 6.3.6. ĐIỀU HỌC VỀ MAY Y..... 442 6.3.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC..... 443 6.3.8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÊN THUYỀN..... 446 6.3.9. ĐIỀU HỌC VỀ Được MÔI GIỚI..... 448 6.3.10. ĐIỀU HỌC VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO..... 450 6.4. PHẨM VẬT THỰC..... 452 6.4.1. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC ở PHƯỚC XÁ..... 452 6.4.2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC CHUNG NHÓM..... 454 6.4 3. ĐIỀU HỌC VÈ VẬT THỰC THỈNH SAU..... 458 6.4.4. ĐIỀU HỌC VỀ NGƯỜI MẸ CỦA KĀNĀ.....462 6.4.5. ĐIỀU HỌC

THỨ NHẤT VỀ NGĂN [VẬT THỰC]..... 464 6.4.6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGĂN [VẬT THỰC].....467 6.4.7. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC SÁI GIỜ..... 469

6.4.8. ĐIỀU HỌC VỀ TÍCH TRỮ [VẬT THỰC]..... 470 6.4.9. ĐIỀU HỌC VẬT THỰC THƯỢNG HẠNG..... 472 6.4.10. ĐIỀU HỌC VỀ TĂM XỈA RĂNG..... 474 6.5. PHẨM ĐẠO Sĩ LÕA THỂ..... 476 6.5.1. ĐIỀU HỌC VỀ ĐẠO sĩ LÕA THỂ..... 476 6.5.2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐUỔI ĐI..... 478 6.5.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỈ có CẶP vợ CHỒNG..... 480 6.5.4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO..... 481 6.5.5. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO..... 483 6.5.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐI THĂM VIẾNG.....484 6.5.7. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ MAHĀNĀMA..... 487 6.5.8. ĐIỀU HỌC VỀ QUÂN ĐỘI ĐỘNG BINH..... 491 6.5.9. ĐIỀU HỌC VỀ TRÚ NGỤ NƠI BINH ĐỘI..... 493 6.5.10. ĐIỀU HỌC VỀ NƠI TẬP TRẬN.....494 6.6. PHẨM UỐNG RƯỢU..... 496 6.6.1. ĐIỀU HỌC VỀ UỐNG Rượu..... 496 6.6.2. ĐIỀU HỌC VỀ THỌT LÉC BẰNG NGÓN TAY..... 498 6.6.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHƠI GIỠN..... 499 6.6.4. ĐIỀU HỌC VỀ sự KHÔNG TÔN TRỌNG..... 501 6.6.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM CHO KINH sợ..... 502 6.6.6. ĐIỀU HỌC VÈ NGỌN LỬA..... 503 6.6.7. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC TẮM.....505 6.6.8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM HOẠI SẮC..... 509 6.6.9. ĐIỀU HỌC VỀ CHÚ NGUYỆN ĐÊ DÙNG CHUNG..... 510 6.6.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THU GIẤU Y..... 512 6.7. PHẨM CÓ SINH VẬT..... 514 6.7.1. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC cố Ý [GIẾT] SINH VẬT..... 514 6.7.2. ĐIỀU HỌC VỀ [NƯỚC] có SINH VẬT..... 515 6.7.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC KHƠI LẠI..... 516 6.7.4. ĐIỀU HỌC VỀ TỘI XẤU XA..... 517

6.7.5. ĐIỀU HỌC VỀ NGƯỜI KÉM HAI MƯƠI TUỔI..... 518 6.7.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC..... 521 6.7.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC..... 523 6.7.8. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ ARITTHA..... 524 6.7.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HƯỞNG THỤ CHUNG VỚI VỊ BỊ ÁN TREO..... :..... 528

6.7.10. ĐIỀU HỌC VỀ SA-DI KANTAKA..... 530 6.8. PHẨM [NÓI] THEO PHÁP..... 534 6.8.1. ĐIỀU HỌC VỀ [NÓI] THEO PHÁP..... 534 6.8.2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GÂY RA sự BỐI

RỐI..... 536 6.8.3. ĐIỀU HỌC VỀ sự GIẢ vờ NGU DỐT..... 537 6.8.4. ĐIỀU HỌC VỀ cư ĐÁNH.....539 6.8.5. ĐIỀU HỌC VỀ sự GIÁ TAY [DỌA ĐÁNH]..... 540 6.8.6. ĐIỀU HỌC VỀ KHÔNG có NGUYÊN cớ..... 542 6.8.7. ĐIỀU HỌC VỀ cố Ý..... 543 6.8.8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGHE LÉN.....544 6.8.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGÀN CẢN HÀNH sự..... 545 6.8.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC Bỏ ĐI KHÔNG TRAO RA Sự TÙY THUẬN..... 547 6.8.11. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ DABBA..... 548 6.8.12. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THUYẾT PHỤC DÂNG..... 550 6.9. PHẨM ĐỨC VUA.....553 6.9.1. ĐIỀU HỌC VỀ HẬU CUNG CỦA ĐỨC VUA..... 553 6.9.2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT QUÝ GIÁ..... 557 6.9.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC VÀO LÀNG LÚC SÁI THỜI..... 560 6.9.4. ĐIỀU HỌC VỀ ỐNG ĐỰNG KIM.....563 6.9.5. ĐIỀU HỌC VỀ GIƯỜNG NẰM..... 564 6.9.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỘN BÔNG GÒN..... 565 6.9.7. ĐIỀU HỌC VỀ TẤM LÓT NGỒI.....567 6.9.8. ĐIỀU HỌC VỀ Y ĐẮP GHẺ..... 568

6.9.9. ĐIỀU HỌC VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA..... 569 6.9.10. ĐIỀU HỌC VỀ TRƯỞNG LÃO NANDĀ.....570 7. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA 7.1. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ NHẤT..... 573 72 ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ NHÌ..... 575 7.3. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ BA..... 576 7.4. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ Tư..... 580 8. CHƯƠNG SEKHIYA 9. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI (BHIKKHUNĪVIBHAÑGO)

1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1.1. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT..... 629 12 ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ..... 635 1.3. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ BA.....637 1.4. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ Tư.....640 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 2.1. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NHẤT..... 645 2.2. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NHÌ.....648 2.3. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ BA..... 650 2.4. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ Tư.....654 2.5. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NĂM..... 656 2.6. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ SÁU..... 658 2.7. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ BẢY..... 660 2.8. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ TÁM..... 663 2.9. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ CHÍN..... 665 2.10. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ MƯỜI..... 668

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA 3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT..... 675 32 ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ..... 677 3.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA..... 679 3.4. ĐIỀU HỌC THỨ Tư.....680 3.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM..... 682 3.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU..... 683 3.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY.....685 3.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM..... 687 3.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN..... 688 3.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI..... 690 3.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT..... 691 3.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI..... 693 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA 4.1. PHẨM TỎI..... 697 4.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT..... 697 4.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ..... 698 4.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA..... 699 4.1.4. ĐIỀU HỌC THỨ Tư..... 700 4.1.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM..... 701 4.1.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU..... 702 4.1.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY..... 704 4.1.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM..... 705 4.1.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN..... 706 4.1.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI..... 708 4.2. PHẨM BÓNG TỐI.....710 4.2.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT..... 710 4.2.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ..... 711 4.2.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA..... 712 4.2.4. ĐIỀU HỌC THỨ Tư..... 713

4.2.5. ĐIỀU HỌC THỨ NAM..... 715 4.2.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU..... 716 4.2.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY..... 718 4.2.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM..... 719 4.2.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN..... 720 4.2.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI.....722 4.3. PHẨM LÕA THỂ..... 724 4.3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT..... 724 4.3.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ..... 725 4.3.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA..... 726 4.3.4. ĐIỀU HỌC THỨ

Tư..... 728 4.3.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NĂM..... 729 4.3.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU..... 730 4.3.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY..... 731 4.3.8. ĐIỀU HỌC THỨ
TÁM..... 732 4.3.9. ĐIỀU HỌC THỨ
CHÍN..... 733 4.3.10. ĐIỀU HỌC THỨ
MƯỜI.....735 4.4. PHẨM NẰM
CHUNG..... 737 4.4.1. ĐIỀU HỌC THỨ
NHẤT..... 737 4.4.2. ĐIỀU HỌC THỨ
NHÌ..... 738 4.4.3. ĐIỀU HỌC THỨ
BA..... 739 4.4.4. ĐIỀU HỌC THỨ
Tư..... 740 4.4.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NĂM..... 741 4.4.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU.....743 4.4.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY..... 745 4.4.8. ĐIỀU HỌC THỨ
TÁM..... 746 4.4.9. ĐIỀU HỌC THỨ
CHÍN..... 747 4.4.10. ĐIỀU HỌC THỨ
MƯỜI..... 748 4.5. PHẨM NHÀ TRIỂN LÃM
TRANH..... 749 4.5.1. ĐIỀU HỌC THỨ
NHẤT..... 749

XXX PHÂN TÍCH GIỚI BỔN _____

4.5.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ..... 750 4.5.3. ĐIỀU HỌC
THỨ BA.....751 4.5.4. ĐIỀU HỌC THỨ
Tư.....752 4.5.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NĂM..... 752 4.5.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU..... 754 4.5.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY..... 755 4.5.8. ĐIỀU HỌC THỨ
TÁM..... 756 4.5.9. ĐIỀU HỌC THỨ
CHÍN..... 757 4.5.10. ĐIỀU HỌC THỨ
MƯỜI..... 758 4.6. PHẨM TU
VIỆN..... 760 4.6.1. ĐIỀU HỌC THỨ
NHẤT..... 760 4.6.2. ĐIỀU HỌC THỨ
NHÌ..... 762 4.6.3. ĐIỀU HỌC THỨ
BA.....763 4.6.4. ĐIỀU HỌC THỨ
Tư..... 765 4.6.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NAM..... 766 4.6.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU..... 767 4.6.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY..... 768 4.6.8. ĐIỀU HỌC THỨ
TÁM..... 769 4.6.9. ĐIỀU HỌC THỨ
CHÍN..... 770 4.6.10. ĐIỀU HỌC THỨ
MƯỜI..... 771 4.7. PHẨM SẢN
PHỤ..... 773 4.7.1. ĐIỀU HỌC THỨ

NHẤT..... 773 4.7.2. ĐIỀU HỌC THỨ
NHÌ..... 774 4.7.3. ĐIỀU HỌC THỨ
BA..... 775 4.7.4. ĐIỀU HỌC THỨ
Tư..... 777 4.7.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NĂM..... 779 4.7.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU..... 781 4.7.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY..... 783 4.7.8. ĐIỀU HỌC THỨ
TÁM..... 785 4.7.9. ĐIỀU HỌC THỨ
CHÍN..... 786 4.7.10. ĐIỀU HỌC THỨ
MƯỜI..... 787

4.8. PHẨM THIẾU NỬ..... 789 4.8.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT..... 789 4.8.2. ĐIỀU HỌC THỨ
NHÌ..... 790 4.8.3. ĐIỀU HỌC THỨ
BA..... 792 4.8.4. ĐIỀU HỌC THỨ
Tư..... 794 4.8.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NĂM.....795 4.8.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU.....797 4.8.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY.....798 4.8.8. ĐIỀU HỌC THỨ
TÁM.....800 4.8.9. ĐIỀU HỌC THỨ
CHÍN..... 801 4.8.10. ĐIỀU HỌC THỨ
MƯỜI.....802 4.8.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT..... 803 4.8.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI..... 804 4.8.13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA..... 805 4.9. PHẨM DÙ DÉP..... 807 4.9.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT..... 807 4.9.2. ĐIỀU HỌC THỨ
NHÌ.....808 4.9.3. ĐIỀU HỌC THỨ
BA..... 809 4.9.4. ĐIỀU HỌC THỨ
Tư..... 810 4.9.5. ĐIỀU HỌC THỨ
NĂM..... 811 4.9.6. ĐIỀU HỌC THỨ
SÁU.....812 4.9.7. ĐIỀU HỌC THỨ
BẢY.....812 4.9. 8-10. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM-CHÍN-MƯỜI..... 813 4.9.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT..... 814 4.9.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI..... 815 4.9.13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA..... 816 5. CÁC ĐIỀU PĀTIDESANĪYA .

5.1. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ NHẤT..... 819 5.2-8. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ HAI ĐẾN THỨ TÁM.....820

6. CÁC ĐIỀU SEKHIYÃ 7. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

PHỤ LỤC l..... 829 PHỤ LỤC 2..... 835 SÁCH DẪN TIÊNG VIỆT..... ..... 839 SÁCH DẪN PÃLI..... 849

BẢNG VIẾT TẤT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Añguttara Nikāya (Kinh Tăng chi bộ)
AA. Añguttara Nikãya Atthakathā (Chú giải Kinh Tăng chỉ bộ)
Áp. Apadãna (Thánh nhân ky sự)
ApA. Apadāna Atthakathā (Chủ giải Thánh nhân kỷ sự)
Asi. Atthasālinī (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)
CNid. CũỊanỉddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNỈdA. CũỊanỉddesa Atthakathā
{Chu giai Tiêu nghĩa thích Ị Chu giai Tiêu diên giải)
Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. CũỊavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikãya (Kinh Trường bộ)
DA. Dīghā Nỉkãya Atthakathā (Chú giải Kinh Trường bộ)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cú)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chú giải Kỉnh Pháp củ)
Dhs. Dhammasañganī {Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gãt. Gāthā (Therā và Therĩ): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ r ít. Itivuttaka (Kỉnh Phật thuyêt như vậy)
ItA. Itivuttaka Atthakathā (Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy)
J. Jātaka (Chuyện Tiên thân)
Kh Khuddakapãtha (Tiểu tụng)
xxxiv PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghỉ) Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những diêm dỉ biệt) M. Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Trung bộ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sư) Miln. Milindapañha (Mi-tien vân đáp / Milinda vân đạo) MNid. Mahāniddesa (Đại nghĩa thích /Đại diễn giải) MNidA. Mahāniddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa

thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikāya Tīkā (Phụ chú giải Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NidA. Niddesa Atthakathā (Chủ giải Nghĩa thích / Chủ giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chỉ đạo luân / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kỉnh tạng / Tìm hiêu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chủ giải Phân tích đạo) r Pug. Puggalapañňatti (Nhân thỉ thiet) PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chủ giải Nhân thỉ thiết) Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự / Chuyện Nga quỹ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Nga quỷ sự/ Chú giải Chuyện Nga quỹ) S. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ) SA. Samyutta Nikãya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Tương ưng bọ) Sn, Suttanipãta (Kỉnh tập) SnA. Suttanipãta Atthakathā (Chú giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thīg. Therīgāthā (Trưởng lão Nỉ kệ)

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Nỉ kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udãna Atthakathā
(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakcyanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chủ giải Phân tích)
Vỉn, Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vỉsm. Vỉsuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
VvA. Vỉmânavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự/ Chủ giải Chuyện Thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đổi)
TÁC PHẨM TIÊNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasâsana Samỉti edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline {Luật tạng) BL Buddhist India (Phật giảo Ẩn Đỏ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giảo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bô Abhidhammatthasañgahd) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos.

Expositor (Chú giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kỉnh Tăng chi bộ)

xxxvi PHÂN TÍCH GIỚI BÔN

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Câm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bô) QKM. Questions ofKing Milỉnda (Mỉlỉnda vấn đạo) PC Points of Controversy (Những điểm di biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo) SBE. The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCT./Đạỉ./T. Đại Chảnh tân tu Đại tạng ()
N. Nam truyền Đại tạng Ả7•()
Biệt Tạp, Biệt dịch Tạp A-hàm ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm kỉnh (,Ekottarikãgamă)
Tạp./SĀ. Tạp A-hàm kinh (,Samyuktāgama)
Trung./MA. Trung A-hàm kỉnh (,Mãdhyamãgama)
Trường./DÃ. Trường A-hàm (,Dīrghāgama)
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon họp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED, Pãlỉ-Englỉsh Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT xxxvii

Tỏ CHỨC HIỆP Hội VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (HỘI Thánh điển Pali) VRI. Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chí Hội Hoàng gia A chau)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân

vân... (v.v...) f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang

xxxviii PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

tr.(by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn A , , J? vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌABỘ Trong ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này, bản Luật tạng Pâli được chọn in là bản dịch của Thượng tọa Indacanda Chánh Thân được dịch Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004. Đe giúp độc giả hiểu rõ về Luật tạng Pâli của Thượng Tọa bộ so với Luật tạng của năm trường phái Luật học12 34567Phật giáo hiện còn lưu trữ bằng Hán văn trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taishõ Shinshữ Daizõkyõ\ tôi khái quát vê sáu trường phái Luật Phật giáo, giới thiệu vê câu trúc và nội dung của Luật tạng Pali cũng như một sô thuật ngữ Luật học Phật giáo thông dụng.

L CÁC TRƯỜNG PHÁI LUẬT PHẬT GIÁO Ngoài Luật tạng Pali còn gọi ỉàLuật Thượng Tọa bộ Theravāda Vinaya, ,có năm trường phái Luật Phật giáo hiện vẫn còn các bản văn lưu hành thuộc các trường phái Phật giáo tiêu biêu gôm: i Luật tứ phân Cāturvargīya Vỉnaỵa^ 3 của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka, ;ii Luật Dỉ-sa-tắc bộ hòa-e ngũ phần {Mahīśāsaka Vinaya, ,gọi tắt là Luật ngũ phan Pañcavargika Vỉnaya,4 của Hóa Địa bộ Mahīśāsaka, iii Luật Ma-ha Tăng-kỳ {Mahāsāmghika Vinaya.gọi tắt là 5 của Đại Chúng bộ Mahāsāmghika,;iv Luật thập tụng Daśa-bhānavāra Vỉnaya,,6 còn gọi là Tát-bà-đa bộ thập tụng luật 7 của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,;

1 Xem bảng đối chiếu chi tiết giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ với 5 trường phái Luật^Phật giáo trong Giới bổn Ty-kheo của Luật tứ phần yhích Nhật Từ dịch va chu thích Hà Nọi: NXB. HồngĐưc, 2021, tr. 72-89. 2 Các thuật ngữ Cāturvargīya Vinaya, Pañcavargika Vĩnaỵa, Daẩa-bhãnavãra Vĩnaya do dịch giả đời sau dịch từ chữ Hán sang Sanskrit sử dụng. Cho đến ngày nay, các học giả chưa tìm ra bộ gốc có các thuật ngữ Sanskrit này. 3 Tứ phần ,được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1428-34. 4 Di-sa-tắc ngũ phần luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1421-24. 5 Ma-ha Tăng-kỳ luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1425-27. 6 Thập tụng luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1435-41. 7 Theo Xuất tam tạng ký tập 7.55. 2145.3. 0020al3.

xi PHÂN TÍCH GIỚI BỔN _____

v Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vỉnaya. 8 gọi tắt là Căn Hữu bộ luật hay Căn Hữu luật thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda, .

Tại Trung Quôc, Luật tứ phân, Luật ngũ phân, Luật thập tụng. Luật Ma-ha Tăng-kỳ được phổ biến rộng rãi và được gọi là bốn bộ Luật lớn . Trong thời đại Nam Bắc triều J,420-589, Luật thập tụng và Luật Ma-ha Tăng- kỳ là hai bộ thịnh hành nhất, đặc biệt là ở Giang Nam .Trong thời Tùy Đường ,581-907, Luật tứ phần thịnh hành nhất tại Trung Quốc. Trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh gọi tắt là Đại Chánh tạng hiện còn lưu giữ các bản văn của năm trường phái Luật và một phần của Luật Theravâda cũng như một số bản văn Luật thuộc Phật giáo Đại thừa. Nếu Luật tạng Thượng Tọa bộ đại diện Phật giáo Thượng Tọa bộ P. Theravâda, s. Sthaviravāda,còn gọi là Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam thì Luật tứ phần đại diện cho Luật tạng được áp dụng phổ biến tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên. Luật tạng Thượng Tọa bộ là bộ Luật Phật giáo đầu tiên được biên tập thành văn bản viêt vào thê kỷ I TTL, đang khi các bản văn Luật tứ phân. Luật ngũ phần. Luật Ma-ha Tăng-kỳ và Luật thập tụng được dịch sang Hán văn trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ v. Riêng bộ Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mũlasarvãstivãda Vinayo được dịch sang tiếng Trung Quốc vào đầu thế kỷ VIII và sang tiếng Tây Tạng vào đầu thế kỷ IX. 1. Luật tạng Pãli Vìnaya Pitaka.của Thượng Tọa bộ có 5 tập: i Phân tích Giới Suttavibhañga,Kỉnh phân biệt8910 11 gồm Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo Mahāvibhañga, Đại phân biệt; ii Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo 1gồm 227 điều giới tiếp theo, và Phân tích Giới bổn Tỳ- kheo-nỉ gồm 311 điều giới; iii Đại phẩm {Mahāvagga. gồm 10 chương; iv Tiểu phẩm Culỉavagga.11 gồm 12 chương; v Tập yếu Parivārā, Phụ tùy12 trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vân đáp.

8 Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1442-59. 9 Bản Trung văn của Diệu Thông về Kinh phân biệt :http://tripitaka.cbeta.org/NO lnOOO l hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinayaA^inaya-l-Han-Yuan-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022. 10 Bản Trung văn của Diệu Thông về Kỉnh phân biệt tiếp theo: http://tripitaka.cbeta.org/ N02n0001 hoặc https://dhammaraln.github.i6/canon/vinaya/Vinaya-HanYu-Heíi.html truy cẫp 26-02-2022. https:// dhammarain.github.io/canon/vinayaA^inaya-4-Han-Yuan-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022. 12 Bản Trung văn của Diệu Thông về Tập yếu ,Phụ tùy: http://tripitaka.cbeta.org/NO5nOOOl hoặc https://dhaminarain.github.io/canon/vinayaA/rinaya-5-Haii-Yuan-Hen.html truy cập ngay 26-02-2022.

2. Luật tứ phần hay Luật Pháp Tạng bộpharmagupta Vinaya. 9 thuộc Pháp Tạng bộ hay còn gọi là Luật Đàm-vô-đức có nghĩa đen là "Luật tạng bổn phầìỉ\ gồm 60 tập, do Phật-đà-da-xá Buddhayaśa,dịch vào khoảng năm 408-13 và Trúc Phật Niệm dịch vào khoảng năm 412-13, thuộc triều đại Hậu Tần 384-417. về sau, tại Trung Quốc, Luật tứ phần là bản văn được Luật tông

một trong mười tông phái của Phật giáo Hán truyền chọn làm bản Luật để nghiên cứu5 hành trì. Chính vì thế, Luật tông còn được gọi là "Tứ phần luật tống"hoặc "Nam Sơn luật tông95 . Sở dĩ có tên gọi là Luật tứ phần là vì Luật Pháp Tạng bộ có cấu trúc gồm 4 phần,13 Phần thứ nhất giới thiệu chi tiết về 250 điều giới Tỳ-kheo ,gồm 21 quyển đầu từ quyển 1-21. Phần thứ hai trình bày 348 điều giới Tỳ-kheo-ni và 4 chủ đề quan trọng như tiếp nhận giới ,giới , an cư ,tự tứ ,gồm 16 quyển kế từ quyển 22-37. Phần thứ ba nói về 15 chủ đề gồm phép tự tứ tiếp theo, da thuộc ,y ,thuốc y công đức Câu-thiểm-di Chiêm-ba quở trách ,người ,phú tàng ,giá ,phá Tăng ,dứt tranh chấp MTỳ-kheo-ni và pháp ,gồm 12 quyển từ 38-49. Phần thứ tư đề cập về 50 chủ đề khác bao gồm phòng xá ,hỗn hợp ,đại hội biên tập 500 người ,đại hội biên tập 700 người ,Điều bộ Tỳ-ni và Tỳ-ni Tăng nhất gồm 11 quyển. 3. Luật thập tụng Daśa-bhānavāra Vinaya.còn gọi là Tát-bà-đa bộ thập tụng luật ,có nghĩa đen là bộ Luật mười lần trì tụng Ten Recitations Vinayo trong 90 ngày của mùa an cư thuộc lần biên tập đầu tiên sau khi đức Phật nhập Đại Niết-bàn. Tuy nhiên, cách giải thích trên cũng chưa có phần thuyết phục hoàn toàn, vì chữ "tụng" này đồng nghĩa như chữ "phan", nên bộ Luật này còn được dịch là Luật mười phần. Đây là bộ Luật tạng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda Vỉnaya.,gồm 61 tập được ngài Công Đức Hoa Punyatāra,12 truyền miệng bản Sanskrit và ngài Cxm-ma-la-thập Kumārajīva,344-413 dịch sang Hán văn trong triều đại Hậu Tần ,399-413. Theo Xuất tam tạng ky tập ngài Cưu-ma-la-thập cung thỉnh ngài Punyatāra đến Trường An truyền bá Luật học. Vào ngày 17-10- 404, hơn 600 Sa-môn đã đến chùa Trường An Trung nghe ngài Punyatāra trùng tuyên Luật, ngài Cưu-ma-la-thập dịch ra Hán văn. Mới hoàn thành được 2/3 công trình phiên dịch thì ngài Punyatāra viên tịch.14

l Punyatāra thường được phiên âm là Phất-nhã-đa-la hay Bất-nhã-đa-la j là ngươi Kashmir M M. 14 Tham chiếu: Xuất tam tạng ký tập r.55. 2145.3. 0020a29-b02:44 .

Cũng theo Xuất tam tạng ky tập tập 3, để hoàn tất dịch phẩm này, ngài Huệ Viễn 334-417 thỉnh ngài Đàm-ma-lưu-chi S. Dharmaruci người Nam Ấn đến Trường An mang theo bản chép tay bản Luật Sanskrit phần còn lại và thỉnh ngài Cưu-ma-la-thập tiếp tục dịch sang Hán văn. Khi dịch tổng cộng được 58 quyển, chưa kịp xuất bản thì ngài Cưu-ma-la-thập viên tịch. Ngài Tỳ-ma-la-xoa s. Vimalāksa đã mang bản thảo đến chùa Thạch Nhuận ở Thọ Xuân nay là huyện An Vi Thọ dịch thêm Thiện tụng Tỳ-ni tự còn gọi là Tỳ-nỉ tụng gồm 3 quyển. Sau đó chỉnh lý Luật thập tụng thành 61 quyển. 4. Luật ngũ phần gọi đủ là Luật Dỉ-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần {Mahīsāsaka Vinaya,,còn gọi là Luật Dỉ-sa-tắc có cấu trúc gồm 5 phần. Đây là Luật tạng của Hóa Địa bộ S. Mahīśāsaka, P. MahiĩĮissaka,do Phật-đà-thập

s. Buddhajīva người Kashmir và Sa-môn Trí Nghiêm 15 dịch năm 423 hoặc 424 tại chùa Long Quang ở Dương Đô .Theo Cao Tăng Pháp Hiển truyện^ bộ Luật này được ngài Pháp Hiển ,337-422 mang từ Tích Lan Sri Lanka về Đông Tấn vào năm 413. 5. Luật Ma-ha Tăng-kỳ Mahāsāmghika Vinaya.,gọi tắt là Luật Tăng-kỳ là Luật tạng của Đại Chúng bộ, do ngài Phật-đà-bạt- đà-la ,S. Buddhabhadra, 359-429 và ngài Pháp Hiển dịch, gồm 40 quyển, vào tháng 11 năm Nghĩa Hy thứ 12, tức là năm 416, trong triều đại Đông iấĩi ,317-420.1517 16 6. Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vỉnaya, hay Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Mcủa bộ phái Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bọ Mūlasarvāstivāda,do ngài Nghĩa Tịnh 635-713 chủ biên bản dịch vào thế kỷ VIII thuộc nhà Đường 9 618-907, Trung Quôc, gôm 200 quyên, vân chưa hoàn tát. An bản băng tiêng Tây Tạng của ngài Thắng Hữu s. Jinamitra được dịch vào thế kỷ VIII-IX được xem là bản dịch hoàn chỉnh nhất của bộ Luật này và được các trường phái Phật giáo Tây Tạng sử dụng thống nhất.18

15 Có giả thuyết thay thế ngài Trí Thắng v&i ngi Đạo Sanh 355-434. 16 Cao Tăng Pháp Hiển truyệnT.51. 2085. 0865c24: . ’ 17 Theo Khai Nguyên Thích giảo //C, quyển 3:LÍt l. Niên hiệu Nghĩa Hy chi c6 14 năm, năm thứ 14 tức là năm 418. 18 Tuy thông tin Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ được cho là Luật tạng của Phật giáo Tây Tạng, nhưng khi so sánh bản luật trong Hán tạng và bản Tạng ngữ ngày nay cũng co sự khác biệt giữa nhóm Điều nên học Sekhiyã.

về cấu trúc, Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ được phân làm 4 phần: (i) Phân biệt luật (S. Vỉnaya-vibhanga,Tỳ-nại-da phân biệt); (ii) Sự việc của luật (S. Vinaỵa-vastu.,Tỳ-nại-da sự); (iii) Tạp sự của luật (S. Vỉnaỵa-ksudraka.,Tỳ-nại-da tạp sự); (iv) Các phần tăng theo pháp số của luật (S. Vinayottaragrantha,KTỳ-nại-da thướng phần). Phần sự việc của luật (S. Vinaya-vastu). theo bản Sanskrit hiện nay, bao gồm 17 phần như sau: (i) Gia nhập Tăng đoàn (S. pravrcỳyã); (ii) Lễ thuyết giới (S. Posadha, Bố-tát); (iii) Lễ an cư mùa mưa (S. Varsa)\ (iv) Lễ Tự tứ cuối mùa an cư (S. Pravārana)\ (v) Sử dụng dép và các đồ vật làm bằng da (S. carma); (vi) Thuốc thang (S. bhaiscỳya); (vii) Các loại y (S. cīvaraṃ (viii) Y công đức (S. kathina); (ix) Tranh chấp của Tăng đoàn tại Kauśāmbī (S. Kauśāmbī); (x) Biểu quyết Tăng đoàn (S. karma); (xi) Kỷ luật trong Tăng đoàn (S. pāndulohitaka); (xii) Cách phạt người phạm tội Tăng tàn (S. pudgaỉa); (xiii) Nguyên tắc ứng xử biệt trú (S. pārivāsika); (xiv) Đình chỉ lễ Bố-tát (S. posadhasthāpana)\(XV)Thủ tục giải quyết tranh chấp (S. adhikaranã)} (xvi) Phá hòa hợp Tăng (S. Samghabheda); (xvii) Trú xứ và đo vật (S. sayanāsanaṃ. n. LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA Bô: CẤU TRÚC VÀ NÔI DUNG 1. về cấu trúc và số tập Luật tạng (P=S. Vinaya-pitaka.)được phiên âm trong Hán văn là Tỳ-nại-da tạng (),l tuyển tập các quỵ định về giới luật Phật giáo ( )được đức Phật chế đinh cho người xuất gia. Giới luật được hình thành từ cuộc sống của Tăng

đoàn, liên hệ đến các phương diện sinh hoạt nên được xem là nơi nương tựa của Tăng đoàn. về cấu trúc trong ấn bản Pali, Luật tạng gồm có 3 phần chính: (i) Phân tích Giới bon (Suttavibhañga,)(ii) Hợp phan (Khandhakà) thường được phiên âm là ukiền-độ,5 ()và dịch nghĩa là "thiên chương^, ();(iii) Tập yếu (Parivārā) còn được dịch là uphụ tíy" (). về số tập, 3 phần của Luật tạng chia làm 5 tập: (i) Phân tích Giới bổn (Suttavibhañga.u, Kinh phân biệt), với 227 điều, gồm Phân tích Giới Tỵ- kheo (Bhikkhuvibhañgd) từ phần Pārâịỉka đến Nissaggiya; (ii) Phân tích Giới Tỳ-kheo (JBhikkhuvibhañgd) tiếp theo cho đến hết, và Phân tích Giới Tỳ-kheo-ni (Bhỉkkhunỉvỉbhanga!J) gồm 311 điều; (iii) Đại phẩm (Mahāvagga,)gồm 10 chương; (iv) Tiểu phẩm (Cuỉlavagga,)gồm 12 chương; (v) Tập yếu (Parivārā,,Phụ tùy) trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp. Bản Hán dịch được nhà xuất bản Diệu Lâm ()thuộc chùa Nguyên Hanh ()ấn hành vào năm 1990 trong Đại tạng kinh Nam mộ2 (

),gồm 5 tập, được xem là bản dịch tương đối trung thành với ấn bản Pali của Hội Thánh điển Pali (Pali Text Society). Tạng Luật Pali do Thượng tọa Indacanda dịch tiếng Việt vào tháng 10- 2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004, lúc đầu được phổ biến tại trang nhà tamtangpaliviet.net19 gồm có 9 tập: (i) Phân tích Giới Ty-kheo I; (ii) Phân tích Giới Ty-kheo II; (iii) Phân tích Giới Ty-kheo-ni; (iv) Đại phẩm I; (v) Đại phẩm II; (vi) Tiểu phẩm I; (vii) Tiểu phẩm II; (viii) Tập yếu I; (ix) Tập yếu II. 2. Phẫn tích Giới bổn Ty-kheo (Bhikkhu Pātimokkha vibhañga) Giới bổn Ty-kheo ()còn gọi là Kinh giới Tỳ-kheo ()là bản văn gồm 227 giới điều đối với Luật Thượng Tọa bộ (Theravāda Vinayo)^ 250 điều của Tỳ-kheo đối với Luật tứ phần(pharmaguptaka Vinayo), 251 điều đối với Luật ngũ phần (Mahīśāsaka Vinayo). 218 điều đối với Luật Ma-ha Tăng-kỳ {Mahāsāmghika Vinayo), 263 điều đối với Luật thập tụng (Sarvāstivāda Vinayo) và 249 điều đối với Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mūlasarvāstivāda Vinayo) theo bản Hán văn, 257 điêu theo bản Tây Tạng và 263 điều theo bản Sanskrit. BẢNG ĐỐI CHIÊU GIỚI TỲ-KHEO CỦA CÁC PHÁI LUẬT

Luật Cần Luật Giải Luật Luật Luật Luật Căn Bản Luật Bản thoát tư ngũ Tăng- thạp Bản tiếng Pali Hán giời phần phần kỳ tụng Tây Phạn văn kỉnh Tạng văn

Trục xuất 4 4 4 4 4 4 4 4 4 4 (Pārājika)

Tăng tàn 13 13 13 13 13 13 13 13 13 (Sañghādisesa)

Không xác định 2 2 2 2 2 2 2 2 2 (Aniyato)

Ưng xả đổi trị (Nỉssaggỉya 30 30 30 30 30 30 30 30 30 Pãcittiyă)

20 Xem chi tiết 227 giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ đối chiếu với 5 trường phái Luật Phật giáo trong quyên Lý Phụng My, Nghiên cứu giới Tỳ-khẹo của Thượng Tọa bộ: Đôi chiêu với năm phải Luật Phật giao, Thích Nhạt Tư dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2Ò21), tr. 69-501. • •

Ưng đối trị 92 90 91 92 90 90 90 90 90 (Pâcittiyd)

Ưng phát lộ 4 4 4 4 4 4 4 4 4 (Pātidesanīya)

Điều nên học 75 100 100 66 113 99 107 96 113 (Sekhỉyă)

Dứt tranh chấp 7 7 7 7 7 7 7 7 7 (Adhikaranasamatha)

Tổng sế giới 227 250 251 218 263 249 257 264 263

3. Phẫn tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunī Pātỉmokkha vibhangấ) Giới bổn Tỳ-kheo-ni ()còn gọi là Kinh giới Tỳ-kheo-ni ( )là bản văn có 311 giới điều
theo Luật Thượng Tọa bộ (Theravāda Vinayo)^ 348 điều của Tỳ-kheo-ni theo Luật tứphần (Dharmaguptaka Vinayo). 380 điều đối với Luật ngũ phần (Mahīśāsaka Vinayo), 290 điều đối với Luật Ma-ha Tăng-kỳ (Mahãsãmghika Vinayo). 354 điều đoi với Luật thập tụng (Sarvāstivāda Vinayo) và 361 điều đối với Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo). BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO-NI CỦA CÁC PHÁI LUẬT

Luật Luật tứ Luật ngũ Luật Luật thập Luật Căn Pali phần phần Tăng-kỳ tụng Bản

Trục xuất 8 8 8 8 8 8 (Pārājikā)

Tăng tàn 17 17 17 19 17 20 (Sañghādisesd)

Ưng xả đối trị 30 30 30 30 30 33 (Nissaggiya Pãcittiya)

Ưng đối trị 166 178 210 141 178 180 (Pãcittiya)

Ưng phát lộ 8 8 8 8 8 11 (JPātidesanīya)

Xem chi tiết 311 giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ trong Phụ lục "Giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ bằng tiếng Việt, Pali và Trung vn" trong quyển Giới bổn Ty-kheo-ni cua Luật tứ phần, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đúc, 2021), tr. 94-180.

xlvi PHÂN TÍCH GIỚI BÔN

Điều nên học 75 100 100 77 106 102 (Sekhiyă)

Dứt tranh chấp 7 7 7 7 7 7 (Adhỉkaranasamathã)

Tổng số giới 311 348 380 290 354 361

4. Đại phẩm (Mahāvagga.) Đại phẩm (Mahāvagga,)l phần đầu của bộ Hợp phần (Khandha.)gồm có 10 chương. (i) Chương quan trọng {Mahākhandhaka,đại kiền-độ) gồm các quy đinh về xuất gia và thọ giới. (ii) Chương lễ đọc giới (Uposathakkhandhaka,Bố-tát kiền-độ) gôm các quy định vê cách xác định ranh giới (sĩmã). sám hôi, đọc giới. (iii) Chương an cư mùa mưa (Vassũpanãyỉkakkhandhaka,, nhập vũ an cư kiên-độ) gôm các quy định vê việc tu tập và hành đạo trong an cư mùa mưa. (iv) Chương tự tứ (Pavāranākkhandhaka,tự tứ kiền-độ) gồm các quy định vê việc Ty-kheo tự sám

hôi khi két thúc an cư mùa mưa. (v) Chương da thú ỌCammakkhandhaka,,bì cách kiền-độ) gồm , \ y • các quy định vê dép và các vật dụng được làm băng da thú. (vi) Chương dược phẩm (Bhesajjakkhandhaka.dược kiền-độ) gồm các quy định về dược phẩm, thực vật và cách chữa một số bệnh thông thường. (vii) Chương y công đức (Kathinakkhandhaka,Ca-hy-na y kiền-độ) gồm các quy đinh về y công đức khi kết thúc an cư mùa mưa gồm cách may, cách sử dụng và ý nghĩa. (viii) Chương về y (Cīvarakkhandhaka.y kiền-độ) gồm các quy định về pháp phục của Tăng đoàn. (ix) Chương Chiêm-ba (Campeyyakkhandhaka,,Chiêm-ba kiền- độ) gồm các quy định về các hoạt động hợp pháp và phi pháp của Tăng đoàn ở Chiêm-ba. (x) Chương Câu-thiệm-di (Kosambakakkhandhaka.C2u- thiệm-di kiên-độ) gôm các quy định vê phá hòa hợp Tăng của một sô Tỳ-kheo ở Kosambī. 5. Tiểu phẩm (Cullavagga.) Tiểu phẩm (Culỉavagga,)là phần cuối của bộ Hợp phần (Khandha.)gồm có 12 chương.

(i) Chương hành sự (Kammakkhandhaka, 5 yết-ma kiền-độ) gồm các quy định về hành sự như khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo do không thừa nhận tội, không sửa lỗi và không bỏ ác kiến. (ii) Chương biệt trú (Parivâsakkhandhaka.,biệt tru kiền-độ) gồm các quy đinh trị phạt Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, gôm: ở riêng ỤParỉvâsd). ý hỷ (Mãnatta), giải tội (Abbhãna) và phục hồi tư cách Tăng sĩ. (iii) Chương tích lũy tội (Samuccayakkhandhaka,tap kiền-độ) gồm các quy định về trị phạt Tỳ-kheo tiếp tục phạm tội đang trong giai đoạn biệt trú do vi phạm tội Tăng tàn. (iv) Chương dứt tranh chấp (Samathakkhandhaka,diệt tránh kiền-độ) gồm các quy định về 7 phương pháp dứt tranh chấp trong Tăng đoàn. (v) Chương các việc nhỏ (Khuddakavatthukkhandhaka,tiểu kiền- độ) gồm các quy định về các sinh hoạt thường nhật của Tăng đoàn như đắp y, vật dụng, thuyết pháp. (vi) Chương dụng cụ ngồi và nằm (Senãsanakkhandhaka., ngọa tọa cụ kiền-độ) gồm các quy đinh về các dụng cụ ngồi, dụng cụ nằm5 xây dựng, quản lý tự viện. (vii) Chương chia rẽ Tăng đoàn (Sañghabhedakkhandhaka.phá Tăng kiền-độ) gồm các quy định về việc chia rẽ Tăng đoàn của Devedatta và cách khắc phục. (viii) Chương phận sự (Vattakkhandhaka,nghi pháp kiền-độ) gồm các quy định về 14 phận sự của nguôi xuất gia như khất thực, ở nhà ăn, sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh, quan hệ thây trò,... (ix) Chương đình chỉ thuyết giới (Pātimokkhatthapanakkhandhaka. ,giá thuyết giới kiền-độ) gồm các quy định về việc đình chỉ thuyết Giới bon nham loại bỏ các Tăng sĩ phạm giới, giữ gìn sự thanh tinh của Tăng đoàn. (x) Chương Ty-kheo-ni (Bhikkhunīkhandhaka.Tỳ-kheo-ni kiền-độ) quy định về 8 điều cung kính và 24 điều trở ngại của Ni giới. (xi) Chương 500 Thánh T ăng kết tập kinh điển lần l (Pāñcasatikakkhandhaka, Ngũ bách kết tập kien-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ nhất với sự tham dự của 500 A-la-hán. (xii) Chương 700 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 2 (Sattasatỉkkhandhaka. Thất bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ hai với sự tham dự của 700 A-la-hán. 6. Tập yếu {Parivārā,,Phụ tùy) Tập yêu là phân phụ lục trong Luật tạng gôm 19 chương nhăm giải đáp các câu hỏi về giới luật được đề cập trong Giới bổn Tỳ-kheo, Giới bổn Tỳ-kheo-nỉ. Đại phẩm và Tiểu phẩm.

(i) Chương giải thích về các điều luật của Tỳ-kheo (Mahāvibhañga, Đại phân biệt), giải đáp về 227 giới Tỳ-kheo liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Không xác định, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp. (ii) Chương giải thích về các điều luật Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunivibhañga, y,Tỳ-kheo-ni phân biệt), giải đáp về 311 giới Tỳ-kheo-ni liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp. (iii) Chương tình huống phạm giới (Samutthānasīsasañkhepa.,đẳng khởi) giải đáp về nguyên nhân phạm giới, tình huống phạm giới do thân, do miệng và do ý. (iv) Chương nguyên nhân phạm giới và cách dứt tranh chấp (Samathabheda, ,vô gián tỉnh lược hòa diệt tranh phân giải) giải đáp về các trường hợp phạm giới, 6 nguyên nhân tranh chấp, 18 sự chia rẽ, 6 nguồn sanh tội và 4 cách dứt tranh chấp. (v) Chương về hợp phần (Khandhakapucchāvāra.vấn kiền-độ) giải đáp về các tội trong chương trong Đại phẩm và Tiểu phẩm. (vi) Chương tăng theo bậc (Ekuttarikanaya.tăng nhất pháp) giới thiệu các nhóm pháp từ l đen 11 được nêu trong Kinh phân biệt và Hợp phần. (vii) Chương Bố-tát (Uposathādipucchāvissajjanā. Bố-tát giải đáp dĩ cập chế giới nghĩa lợi) giải đáp về lễ đọc giới và 10 lợi ích của chế đinh giới luật. (viii) Chương thi kệ (Gāthāsañganika,ca-đà tập) gồm tuyển tập các bài thi kệ về các điều nên học của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. (ix) Chương giải thích về tranh chấp (Adhikaraụabheda,tránh sự phân giải) giải thích về 4 tranh chấp và 7 cách dứt trừ. (x) Chương thi kệ khác (Aparagāthāsañganika,,biệt già-đà kệ) gồm tuyển tập các bài thi kệ khác kết tội, thái độ của người cáo tội, người ngu dốt, người vô liêm sỉ và người thông thái về tội. (xi) Chương cáo tội (Codanākanda,,ha trách phẩm) giải thích về cách cáo tội, xét xử và làm lễ đọc giới. (xii) Chương tranh chấp phụ (Cullasañgāma,,tiểu tránh) giải thích về sự phạm tội, các tranh chấp trong Tăng đoàn về phạm tội và các điều học. (xiii) Chương tranh chấp chính (Mahāsañgāma.d@i tránh) giải thích X If A• f , D • vê tranh châp vê phạm tội, cách xét xử, điêu nên làm. (xiv) Chương y công đức (Kathỉnabheda.Ca-hy-na y) giải đáp về y công đức, tiếp nhận y và hiệu lực của y.

(XV)Chương năm điều của Ưu-bà-ly (UpdHpcificcikci,,ưu-bà- ly ngũ pháp) đức Phật giải đáp về 5 câu hỏi của Tôn giả upâli về những vấn đề trong Đại phẩm và Tiểu phẩm. (xvi) Chương nguồn sinh tội (Atthāpattisamutthāna,đẳng khởi) giải đáp về vô ý phạm tội và nguồn gốc của tội Trục xuất (giống chương I, II, III). (xvii) Chương thi kệ phần 2 (JDutiyagāthāsañganika,de nhị già-đà tập) giải đáp về 6 tội của thân, các tội của miệng và 12 tội Tăng tàn. (xviii) Chương thi kệ xuất mồ hôi (Sedamocanagāthā,phát hãn kệ) gồm tuyển tập các thi kệ về các tội Trục xuất, Không ở chung, Tăng tàn và các tội liên quan. (xix) Chương 5 điều (Pañcavagga,,ngũ phẩm) giải thích 4 biểu quyết Tăng đoàn, 2 lợi ích và 9 cách tổng hợp. III. CÁC THUẬT NGỮ LUẬT QUAN TRỌNG Trục xuất (Pārājika.):Thường phiên âm là "Bala-di"(),dịch là "cực ác” (),"chặt dầu" (đoạn đầu,)vứt bQ” (khí vô du,),

hay "không ở chung” (bất cộng trụ5),gồm 4 điều giới nặng nhất, theo đó9 Tăng sĩ nào vi phạm sẽ bị trục xuất trọn đời khỏi Tăng đoàn và không còn cơ hội phục hồi tư cách Tăng sĩ nữa. Bên Tăng có 4 giới, đang khi bên Ni có 8 giới trục xuất bao gồm: (i) Quan hệ tình dục với người hoặc động vật; (ii) Trộm cắp tài sản; (iii) Giết người, xúi giục, đông lõa, ủng hộ giết người; (iv) Tuyên bố lừa dối rằng mình là Thánh nhân, chứng đắc thiền định; (v) Tiếp xúc cơ thể người nam; (vi) Cho người nam chạm cơ thể; (vii) Che giấu đồng tu phạm tội trục xuất; (viii) Đi theo thầy Tăng bị tố giác. Tăng tàn (Sañghādisesa,,Thường phiên âm là "Tăng-già-bà-thi- sa”()gồm 13 tội nặng đối với Tăng, trong đó, 9 giới đầu, hễ phạm là thành tội, còn 4 giới sau, sau ba lần khuyên mà không buông bỏ, mới tính phạm tội. Bất kỳ Tăng sĩ nào vi phạm tội Tăng tàn đã làm tư cách Tăng sĩ của mình bị tàn phế (tàn mệnh,)hoặc "tàn khuyết bất toan99 (),tức bi sứt mẻ, không còn trọn vẹn phẩm chất Tỳ-kheo. 13 giới Tăng tàn đối với Tăng bao gồm: (i) Thủ dâm xuất tinh; (ii) Chạm thân người nữ; (iii) Nói lời dâm dục; (iv) Đòi hiến dâm dục; (v) Làm người mai mối; (vi) Làm thất quá mức quy định và không do chư Tăng chỉ định; (vii) Không thỉnh chỉ định từ chư Tăng; (viii) Vu khống phỉ báng; (ix) Phỉ báng một chiều; (x) Phá hòa hợp Tăng; (xi) Hỗ trợ phá Tăng; (xii) Hoen ố tín đồ; (xiii) Ngoan cố chống cự. Bên Tỳ-kheo-ni có 17 giới Tăng tàn, bao gồm 13 điều của Tăng và thêm các giới sau đây: (xiv) Cùng người làm ác;(XV)Khuyên đừng tách chúng; (xvi) Bỏ Ba ngôi báu; (xvii) Cho rằng Ni đoàn còn si mê. Muốn phục hồi tư cách Tăng sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm giới Tăng tàn phải bị phạt sống biệt tru bằng với thời gian giấu tội, chịu phép "y hy” (mānatta.)trong 6 ngày dành cho

l PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

chư Tăng và đối với chư Ni thì 14 ngày để chứng minh sự tiến bộ của bản thân. Phép làm xóa tội, Tỳ-kheo phải có sự chứng minh của 20 vi Tỳ-kheo, đang khi Tỳ-kheo-ni phải có 20 vị Tỳ-kheo, cùng với 20 Tỳ-kheo-ni mới được xem là hợp lệ. Chưa xác đinh Aniyaía,Chỉ áp dụng với Tăng, không áp dụng với Ni, gồm hai trường hợp, Tăng sĩ ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ có thể hành dâm, nhưng chưa thể xác định giới nào đã phạm, cho đến khi có người chân thật làm chứng thuyết phục và chính Tăng sĩ đó thừa nhận mình vi phạm tội Trục xuất hay tội Tăng tàn. Ưng xả đối tri Nỉssaggiya Pãcittiya,Thường phiên âm là "Ni-tát- kỳ Ba-datdề” được dịch là "xả đọa59 trong Hán tạng hay "Ưng xả đối tri,9 trong Luật Nam tông. Tăng sĩ nào vi phạm 1/30 điều giới này thì các vật dụng không được phép giữ hoặc giữ sai phép sẽ bi Tăng đoàn tịch thu, tức phải xả bỏ các vật dụng ,đồng thời phải sám hối lỗi này với Tỳ-kheo khác. Ưng đối trị Pãcỉttỉya:Thường phiên âm là "Ba-datdề", “Ba-dạ-dề”"Ba-dật-để-ca^ và được dịch là "dơn đọa,9 hay "Ung đối trị” gồm 90 lỗi nhỏ. Tăng sĩ nào vi phạm các điều giới này chỉ cần sám hối trước Tỳ-kheo khác là hết tội. Ưng phát lộ Pātidesanīya.:Thường được dịch là "h6i quA" hay “tự ưng phát l" Ề 5 gồm 4 lỗi, theo đó, Tăng sĩ vi phạm phải tự nói lỗi trước Tỳ-kheo để được thứ lỗi và làm mới. Bốn lỗi này gồm: i Ăn đồ của Ni; ii Ăn các thức ăn Ni chỉ bảo; iii Ăn của tín chủ nghèo; iv An ở chỗ đáng sợ. Điều nên học Sekhiya hay Sikkhākarariīya.Thường được dịch là "Chúng học pháp"hay "Ung học pháp"gồm 100 điều nên học liên hệ đến oai nghi

của Tăng sĩ, mặc pháp phục, ăn uống, vệ sinh cá nhân, . r :. .. tôn kính tháp, xá-lợi và cách thuyêt pháp cho người tại gia. Dứt tranh chấp Adhikaranasamathā dhammā.Thường được dịch là "Diệt tránh^ gồm 7 nguyên tắc hòa giải và kết thúc tranh chấp: i Nguyên tắc hai bên có mặt; ii Nguyên tắc đương sự nhớ lại; iii Nguyên tắc không còn tâm thân; iv Nguyên tác tự trình bày tội; v Nguyên tác điêu tra vết tội; vi Nguyên tắc phục tùng số đông; vii Nguyên tắc như cỏ che đất. Thâu-lan-giá Thuỉiaccaya.:Tội thô hay tội nặng , chỉ đứng sau tội Trục xuất và tội Tăng tàn vê mức độ nghiêm trọng. Đột-kiết-la S Duskrta, p. Dukkata: Thương được dịch là "Ac tácy hay "Ac hành" tức làm các hành vi xấu, không phù hợp với phẩm hạnh Tỳ-kheo.

DẪN LUẬN li

Ác ngữ Dubbhāsitā,:Còn gọi là "Ac thuyết"“Ac khu" "Hoại thoại"gồm những lời nói xấu, mắng nhiếc, thuộc loại tội nhẹ . Biệt trú Parivāsa,Không được sống chung với Tăng đoàn, hình thức tri phạt bước đầu đối với Tỳ-kheo phạm 1/13 giới Tăng tàn bằng với thời gian phạm giới này. Sau đó? người phạm giới phải chiu phép "V hy" trong sáu ngày, để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm phép giải tội. Bố-tát Uposatha,Lễ đọc Giới bổn trong ngày trăng tròn. Rằm và mùng một là "ngày đọc gi&i"để Tăng đoàn được tăng trưởng điều lành trưởng tịnh,do vậy, Tăng đoàn và Ni đoàn ở mỗi trú xứ phải hội tụ ve địa diêm riêng cua moi ben, lam le đọc giới. Tại các chua Bác tong, ngoài việc đọc giới xuất gia, còn đọc tám giới bát quan trai giới,cho Phật tử tại gia nên "B6-tát" còn được dịch không sát nghĩa là "ngày trai","ngày trai giới","ngày tuân thủ tám giới". Hết tội Abbhāna,:Còn gọi là phép xá tội ,giải tội, xuất tội, là sự công bố Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn đã hết tội, sau khi Tỳ-kheo này đã tuân thủ hình phạt "Không sống chung với Tăng đoàn" Biệt trú, chịu phép “Y hy” trong 6 ngày, có tiến bộ thật sự và Tăng đoàn hài lòng về sự tiến bộ đó. Phép làm giải tội để phục hồi abbhānd tư cách Tăng sĩ buộc phải hội đủ 20 Tỳ-kheo làm yết-ma hết tội . Tự tứ Pavāranā. :Thỉnh cầu pavāreti,chỉ l6i giữa các thành viên Tăng đoàn trong ngày kết thúc an cư mùa mưa để giúp Tăng đoàn giữ giới thanh tinh, hòa hợp, tiến bộ trong học Phật và tu Phật. Ý hỷ Mānatta,:Thường được phiên âm là 66Ma-na-đỏa,5 ii, là hình thức phạt Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn "Không được sống chung với Tăng đoàny Biệt trú,phải nỗ lực tự hối lỗi, ít nhất trong 6 ngày để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm lễ xá tội. Xả giới Bỏ các giới đã tiếp nhận ,còn gọi là "xả giới hoàn tục"có nghĩa là "b6 giới Tăng sĩ làm người tại gia." Có hai trường hợp xả giới. Trường hợp thứ nhất là người xả giới do không muốn tu nữa nên tình nguyện xả giới, trở về đời sống tại gia; đến thời điểm đó hoàn toàn không hề phạm giới Trục xuất hay Tăng tàn. Trường hợp thứ hai là người phạm tội Trục xuất nên bi Tăng đoàn buộc phải xả giới, vĩnh viễn mất tư cách làm Tăng sĩ. *** Bản dịch tiêng Việt của Thượng tọa Indacanda vê Luật tạng Pâli đóng góp to lớn vào việc hoàn thành ấn bản Tam tạng Pâli của Thượng Tọa bộ tại Việt Nam.

Nhờ dịch trực tiếp từ bản Pali trong ấn bản Tam tạng Tích Lan,22 có tham khảo bản dịch tiếng Anh của bà L B. Homer,23 bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Hộ Tông và Hòa thượng Bửu Chơn, tôi tin rằng bản dịch của Thượng tọa Indacanda trung thành với nguyên tác Pali, văn phong tiếng Việt trong sáng rõ ràng. Dịch phàm này giúp người đọc hiên rõ nguyên nhân chê giới, tình huông phạm giới, tình huống không phạm giới, cách sám hối, nhờ đó giữ gìn chánh niệm, tỉnh thức, làm chủ các giác quan trong đi, đứng, năm, ngôi; không năm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; giữ giới thanh tinh, trang nghiêm; xả bỏ tâm tham ải, sân hận, si mê; trở thành bậc chân Tăng, chân Ni trong hiện tại và trở thành bậc tiệm cận Thánh nhân, đạt được giác ngộ, giải thoát trong tương lai. Thành kính tán dương công đức của Thượng tọa Indacanda khi đồng ý cho Ban Biên tập giới thiệu dịch phàm này trong Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam. đồng thời hồi hướng công đức đến tất cả người Việt Nam được trải nghiệm chân lý Phật, sống an vui, hạnh phúc trong cuộc đời.

Chùa Giác Ngô, 26-02-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

22 Xem https://tipitaka.wordpress.com/2007/05/2l/buddhajayanthi-edition ; https://www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-TextsA^6-Patimokkha-BJT/index.htm#Preface. 23 Có thể tham khảo trọn bộ 6 quyển của Luật tạng Pali qua bản dịch của L B. Homer, The Book of the Discipline. (Oxford: The Pali Text Society, 2004). Tạp 4: ht^s://obo.genaud.net/resources/pdf7pts/vp/bod.04.hom.pts.pdf

TẠNG LUẬT (VJNAYAPITAKA)

PHÂN TÍCH GIỚI BỔN (SUTTAVIBHAÑGA)

LỜI GIỚI THIỆU

Tạng luật (Vinayapitaka) thuộc về Tam tạng (Tipitaka) là những lời dạy và quy định của đức Phật về các vấn đề có liên quan đen cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của hội chúng, trong đó chủ yếu đề cập đến các Tỳ-khưu, một phần dành cho Tỳ-khưu-ni? đồng thời một số vấn đề có thể áp dụng cho hàng tại gia cư sĩ cũng được tìm thấy. Tạng Luật được chia làm 3 phần chùih: Suttavibhañga, Khandhaka và Parivārā. L SUTTAVIBHAÑGA (Phăn tích Giới bổn) trình bày về Giới bổn (Patimokkho) của Tỳ-khưu gồm có 227 điều và của Tỳ-khưu-ni gồm có 311 điều. Theo truyền thống đang được áp dụng ở Miến Điện và T ích Lan, Suttavibhañga được phân làm hai: Pārăịika và Pâcittiya. Cách phân chia này có the do việc chia hai số lượng sách của Suttavỉbhanga và được trình bày như sau: Pārājika\ Mở đầu là Chương Verañja giới thiệu việc ngài Sāriputta thỉnh cầu đức Phật quy đinh giới ở xứ Verañjā. Ke đến là các điều học theo thứ tự: 1. 4 Pārājika (Bất cộng trụ) 2. 13 Sañghādisesa (Tăng tàn) 3. 2 Ānīyata (Bất định) 4. 30 Nissaggiya Pãcittiya (Ưng xả đối trị) Pãcittìya: 5. 92 Pãcittỉya (Ưng đối trị) 6. 4 Pātidesañīya (Ưng phát lộ) 7. 75 Sekhiya (Ưng học) 8. 7 Adhikaranasamathā Dhammā (Các pháp dàn xếp tranh tụng) 9. Bhikkhunīvibhañga

(Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni). Truyền thống Thái Lan cũng phân Suttavibhañga làm hai, căn cứ theo nội dung: (i) Mahāvibhañga (Đạiphân tích) còn có tên là Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu) vì có đầy đủ phần phan tích 227 giới trong Giới bổn (Pātimokkha) của Tỳ-khưu từ 4 Pārājika cho đến 7 Adhikaranasamathā Dhammā. Bộ này được phân chia làm 2 tập: Tập I gồm 4 Pārājika, 13 Sañghādisesa và 2 Ānīyata và tập II gồm phần còn lại của Giới bổn bắt đầu với 30 Nissaggiyapācỉttiya và kết thúc với lời tụng đọc tổng kết. (ii) Bhikkhunīvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khnru-nỉ) chỉ trình bày các điều học quy định dành riêng cho Tỳ-khưu-ni, những điều học quy định chung cần phải xem ở Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu).

4 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

II. KHANDHAKA (Hợp phần): Gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương. Khandhaka được chia làm hai: Mahāvagga (Đạiphârrỉ)\ Gôm 10 chương, mở đâu là sự chứng ngộ đạo quả của đức Phật, kế đến là các nhiệm vụ quan trọng của các Tỳ-khưu như lễ xuất gia, lễ Uposatha (Bố-tát), việc an cư mùa mưa, lễ Pavāranā (Tự tứ), v.v... 9 7 5 y r e Culỉavagga (Tiêuphàm): Gôm 12 chương đê cập đên việc hành xử các Tỳ-khưu phạm tội, giải quyết các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia. Đặc biệt chương 10 đề cập việc xuất gia của Tỳ-khiru-ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai lần kết tập Tam tạng đầu tiên ở Ấn Độ. III. PARIVĀRĀ (Tập yểu): Phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật. Chúng tôi trình bày bản dịch Suttavibhañga này theo hình thức trình bày của Tam tạng Thái Lan gồm có Phân tích Giới Tỳ-khưu và Phẫn tích Giới Tỳ- khưu-ni, hay có thể nói gọn lại là Giới Tỳ-khưu và Giới Tỳ-khưu-ni để dễ nhớ. Ý nghĩa của từ "Suttaṃ ở nhóm từ "Suttavibhañga" có ý nghĩa tương đương như là "SikkhdpadcT (điều học, học giới, điều giới,...), nếu xét theo ý nghĩa bao quát có thể gọi là "Giỏi bổny Như vậy, Suttayibhariga nghĩa là sự phân tích các điều học hoặc là sự phân tích về Giới bổn. (ở tạng kinh, từ "Suttd' được dịch là “Kinh9 ví dụ như Brahmajālasutta được dịch là Kinh Phạm võng. v.v...). Đe cập đến nội dung, chương mở đầu Verañja trình bày về thời điểm quy định điều học cho các Tỳ-khiru? đức Phật đã trả lời sự thỉnh cầu của ngài Sāriputta (Xá- lợi-phất) rằng: "Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Trong trường hợp này, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm' Và Ngài đã xác đinh vê thời diêm đó như sau: "Này Sāriputta, chỉnh bởi vì một sô pháp đưa đên lậu hoặc xuất hiện trong hội chủng này... chính bởi vì hội chủng đạt đến sự đông đảo về số lượng... chính bởi vì hôi chủng đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển... chỉnh bởi vì hội chủng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc nên một sổ pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chủng này, nên bậc Đạo sư quy đinh điều học và công bo Giới bon (Pātimokkha) cho các đệ tử nham diệt trừ chỉnh các pháp đưa đen lậu hoặc ayy Đên các chương kê tiêp5 chúng ta biêt được răng môi khi điêu học được quy định, trước tiên có sự chỉ trích và chê bai về việc làm hay lời nói nào đó của các vi xuất gia, việc chỉ trích và chê bai lan rộng khiến các Tỳ-khiru nghe được và cuối cùng đến tai đức Phật. Đối tượng vi phạm trong các câu chuyện này có thể là cá nhân hay nhóm Tỳ-khưu, không hẳn là phàm nhân mà ngay cả một số vị đã chứng được thiền và thần thông như các vị Devadatta và

Sãgata, một vài trường hợp do các bậc đã chứng Thánh quả như ngài Anuruddha về việc nằm chung chỗ ngụ với người nữ, ngài CũIapanthaka về việc giáo huấn các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn, hoặc ngài Velatthasīsa về việc thọ dụng vật thực đã tích trữ. về các sự chỉ trích và . > r 9

chê bai, đa sô phát xuât từ hàng tại gia, có thê là các cư sĩ đã quy y, những người

theo ngoại đạo, hoặc quần chúng bình thường, kế đến do các vi đã xuất gia, chỉ một vài trường hợp do phi nhân hạng trên hoặc dưới. Thông thường, đức Phật triệu tập các Tỳ-khưu lại, xác định vấn dề, khiển trách và giáo huấn, rồi mới quy định điều học. Mỗi lần như vậy, đức Phật luôn khẳng định về mười điều lợi ích của việc làm ấy như sau: "Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu, nhăm sự lạc tru của các Tỳ-khtm hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhăm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nham đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nham tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luậty Có nhiều trường hợp, điều học đã được quy định thêm (anupañňattī). có trường hợp mức độ nghiêm khắc trong việc thực hành càng gia tăng, có trường hợp được giảm nhẹ do nhu cầu cần thiết, ví dụ như Tỳ-khưu bị bệnh có thể thọ thực ở phước xá hơn một lần, hoặc vị Tỳ-khiru có thể hẹn trước roi đi chung với Tỳ-khiru-ni ở đoạn đường có nguy hiểm hoặc chung chuyến đò lúc sang sông. Sau phần quy định về điều học, có phần phân tích về từ ngữ và về các trường hợp vi phạm hoặc không vi phạm. Phần này cần xem xét kỹ lưỡng mới có thê hiên được điêu học thêm phân chính xác. Ngoài ra, có phân các câu chuyện dân giải ở 4 điêu học Pārājika và 5 điêu học đâu của Sañghādisesa gôm những sự việc cụ thể giúp cho hiểu rõ hơn về trường hợp vi phạm tội. Khi đọc các câu chuyện này nên liên hệ với phần phân tích ở phía trước, để thấy được sự phán quyêt của đức Phật. Một điêu quan frọng cân lưu ý răng đôi tượng chính của các điều học này là hạng Tỳ-khưu và Tỳ-khim-ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự với lời thông báo đến làn thứ tư, đầu tiên là vị Bà-la-môn đã được ngài Sāriputta tê độ do việc bô thí một muông thức ăn (Đạiphàm. chương I, [85]). ***

Trong việc nghiên cứu Tam tạng Pali, các bộ Chủ giải (Atthakatha) liên quan cũng cần được xem xét để có thể hiểu đúng những điều đã được kết tập thuộc về Chánh tạng. Ngoài ra còn có các bộ Sớ giải (Tīkã) phân tích về những điểm cần giải thích thêm hoặc chưa được giải thích trong Atthakathaṃ sau đó mới nói đến các bộ sách được soạn thảo theo chuyên đề. Theo tinh thần đó? trong khi nghiên cứu về Tạng luật, chúng tôi đã tham khảo và hiểu theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa ở bộ Chủ giải Samantapãsãdĩkã. Ngài Buddhaghosa được xem là nhà Chú giải sư vĩ đại. Vĩ đại vì ngài là người đầu tiên tổng hợp lại các bộ Chú giải đã có trước, cũng có thể do số lượng tài liệu ngài đã thực hiện là nhiều hơn so với các nhà chú giải khác, cũng có thể vì ngài đã soạn nên bộ sách nổi tiếng Visuddhỉmagga (Thanh tinh đạo) được xem như cô đọng lại những gì tinh hoa của lời Phật dạy. N^ài Buddhaghosa đã hoàn tất phần chú giải về Tạng luật và Tạng Diệu pháp, về Tạng kinh, ngài đã hoàn tất phần chú giải của Kinh

Trường bộ, Kỉnh Trung bộ. Kỉnh Tương ưng bộ. Kinh Tăng chỉ bộ và một số thuộc ve Kinh Tiểu bộ. Cuộc đời của ngài chỉ được ghi lại ngan gọn trong nhiều tài liệu, văn bản cổ nhất được biết đến là Mahāvamsa (chương 37) là bộ sử ký của xứ

6 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Sri Lanka được ghi lại bằng ngôn ngữ Pâli. Ngài Buddhaghosa sanh ở vùng lân cận của Bodh Gayã (nơi đức Phật thành đạo) ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ v Tây lịch. Ngài xuất thân dòng dõi Bà-la-môn và thông thạo ba bộ Vệ-đà. Lúc còn thanh niên thường đi đó đây để tranh luận, do bị thua ngài Revata nên đã xin xuất gia và trở thành Tỳ-khiru. Khi thay được ước nguyện của người học trò ve việc soạn thảo các bộ chú giải Tam tạng, ngài Revata đã gợi ý nên sang đảo Lañkā (Sri Lanka ngày nay), vì toàn bộ kinh điển và chú giải được ngài Mahinda đem sang truyền giáo ở đó (thế kỷ IIITTL) vẫn được lưu truyền và phát triển. Tại đảo Lañkā, trước tiên, ngài Buddhaghosa đã soạn bộ Vỉsuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo), rồi trình lên các ngài Trưởng lão ở Mahāvihāra (Đại tự) để chứng tỏ khả năng và đã được phép sử dụng các tài liệu lưu trữ trong tu viện phần nhiều bằng tiếng địa phương (ngôn ngữ SĩhaỊa), để thực hiện việc tổng hợp lại các bộ Chú giải và dịch sang ngôn ngữ của xứ Magadha (Māgadhānam niruttiyã), nhằm đem lại lợi ích cho tát cả thê gian (ngôn ngữ sử dụng trong Tipitaka - Tam Tạng mới được các nhà học giả phương Tây gọi là ngôn ngữ Pâli vào thời gian sau này). Sau khi thực hiện các công trình trên, ngài Buddhaghosa đã rời đảo Lañkā để trở về đảnh lễ cội Đại Bồ-đề ở quê hương. Nghe đâu, có các tài liệu khác cho rằng ngài Buddhaghosa qua đời ở Miến Điện, có tài liệu nói ở Campuchia. về hình thức, chúng tôi thực hiện và trình bày bản dịch Phân tích Giới bổn (Suttavibhañga) dựa vào văn bản Pali La-tinh từ Compact Disk B UDSIRIV của trường đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. về phương diện từ ngữ có tính cách chuyên môn như tên các điều học Pārājika, Sañghādisesa, tên của lễ Uposatha. Pavāranā. v.v... chúng tôi đã giữ nguyên từ Pâli đôi lúc có ghi trong ngoặc đơn từ dịch của các vi tiền bối để tiện liên hệ. Việc làm này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Chúng tôi ngại việc sáng tạo thêm tên gọi mới e rằng có thể làm rối trí những độc giả vốn đã có sự hiểu biết về Luật của Phật e -t . £ » - Ị. • giáo. Hơn nữa, việc biêt và nhớ được một sô từ có tính cách chuyên môn của ngôn ngữ này sẽ tiện cho công việc trao đổi kiến thức tránh sự nhầm lẫn, nhất là đối với các tu sĩ hoặc học giả người ngoại quốc. Chúng tôi cũng tránh việc sử dụng theo thói quen một số từ được ghi lại theo âm của tiếng Hán xét rằng không có lợi ích, ví dụ như: Ba-la-di (Pārājika), Tăng-già-bà-thi-sa (Sañghādisesa). Đột-kiết-la (Dukkata). Bố-tát (Uposatho). Xá-lợi-phất (Sāriputta), Xa-nặc (Channa), v.v... hoặc tránh sự vay mượn tiêng Hán khó hiêu ví dụ như từ Tự tứ (Pavârauã). v.v... Cũng có một số từ được ghi bằng tiếng Pali do chúng tôi không tìm ra được nghĩa của chúng như trường hợp tên các loại thảo mộc. Ngoài ra, chúng tôi cũng mạo muội Việt hóa một số từ Hán đã trở nên quá quen thuộc, nghĩ rằng khó có sự thay đổi trong tương lai, ví dụ như từ: Thế Tôn (Bhagavā), Tỳ-khưu (Bhikkhỉ). Tỳ-khưu-ni (Bhikkhunī), Sa-di (Sāmanera). v.v... Riêng từ “Ty-khưu” (hay Tỷ-khưu, Tỳ-kheo, Tỷ-kheo) đều được phiên âm từ ngôn ngữ Sanskrit là từ "Bhiksu" hay Pali là tư "Bhikkhuṃ về từ tiếng Việt có liên quan đến phái nữ xuất gia như cô Ni, Ni su, v.v... có thể đã được du nhập vào tiếng Việt

từ tiếp VĨ ngữ 'trong "Bhiksunī" hoặc "Bhikkhunī^ Thêm vào đó, có một số từ Pali được để trong ngoặc đơn sau phần tiếng Việt, để tránh sự hiểu lầm lẫn về ý nghĩa hoặc nghĩa được ghi lại chỉ có tính cách giả đinh, can phải nghiên cứu thêm. ***

Bản dịch này được hoàn thành là một sự nỗ lực học tập của bản thân và việc mạnh dạn giới thiệu đến quý vi không ngoài mục đích là hy vọng sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực toi da, nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai s6t, chỉ mong sao có thể giúp được quý vị độc giả phần nào kiến thức về Phật học dựa vào nguồn tài liệu gốc đã được kết tập lại vì lợi ích của nhiều người, vì lợi ích của chư thiên và nhân loại. Rất mong nhận được ý kiến của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu. Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng BUDSỈR IV. Chúng tôi cũng xin tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh về CD Tam tạng Chattha Sañgāyana, đồng thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Homer và bộ Vỉnayamukha của ngài Mahāsamanā Chao (Thái Lan) đã được dịch sang tiếng Anh; nhờ có trong tay số tài liệu này chúng tôi mới mạnh dạn tiếp tục việc nghiên cứu Tạng luật và ghi lại bằng tiếng Việt. CD Buddhasāsanā quà biếu của Dr. Bình Anson đã đóng góp phần công đức không nhỏ nhờ những tài liệu quý giá như The Buddhist Monastic Code của Thanissaro Bhikkhu, cũng như các tài liệu ve Luật bang tiếng Việt của quý ngài Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, v.v... Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghi, để tìm ra phương thức giải quyết cho những gút mắc về văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vi: Hòa thượng Cittânanda, Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Chánh Kiến, Ni sinh Huyền Châu, Dr. Bình Anson, bà Diệu Bài, anh Phạm Trọng Độ, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích. Không có sự khích lệ của quý v j, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao các ước nguyện của quý vi sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sn Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan, đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 25 tháng 3 năm 2004 Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU (BHIKKHUVIBHAÑGO)

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Verañjā, ở cội cây Nimba của dạ- xoa NaỊeru,1 cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị. Vị Bà-la- môn Verafija đã nghe được răng: "Chc chăn là Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakyā, từ dòng dối Sakyā đã xuất gia, và hiện ngự tại Verañjā, ở cội cây Nimba của dạ-xoa NaỊeru, cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị. Tiếng tăm tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được

lan rộng ra như vầy: 'Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn/ Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn5 Bà- la-môn, chư thiên và loài người. Vi ây thuyêt giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đâu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn két, thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu về văn tự. Vị ấy giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy!" 2. Sau đó, Bà-la-môn Verañja đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngôi xuống ở một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Verañja đã nói r* g•... Á FTP A Ặ \ Vơi đức The Ton điêu nay: Thưa Ngài Gotama, tôi đã được nghe điêu này: "Sa-môn Gotama không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị Ba-la- môn già cả, uy tín, lớn tuổi, sông thọ, đã đạt đên giai đoạn cuôi của cuộc dòd." Thưa Ngài Gotama, điều ấy thật đúng như thế! Bởi vì Ngài Gotama không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vi Bà-la-môn già cả, uy tín, lớn tuôi, sông thọ, đã đạt đên giai đoạn cuôi của cuộc đời. Thưa Ngài Gotama, điều ấy thật không thích đáng! 3. Này Bà-la-môn, trong thê gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai mà Ta có thể cung kính, hoặc có thể đứng dậy, hoặc có thể mời chô ngôi. Này Bà-la-môn, bởi vì nêu Như Lai cung kính, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi người nào thì đầu của người ấy sẽ bị vỡ tan.

1 Theo ngài Buddhaghosa, Verañjā là tên của một thành phố, pucimandạ là cây nimba (Từ điển Pãli- Engỉish cua Pali T? Society cho biết đó là một loại cây có lá đắng và gỗ cứng), NaỊeru là tên của một dạ-xoa, và đức Thế Tôn đã đi đến và ngự ở khu vực lân cận của cây ấy (VìnA. I. 108-09).

12 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

4. Ngài Gotama không biết về phẩm chất. Này Bà-la-môn5 thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: uSa-môn Gotama không biết về phàm ch2t." Này Bà-la-môn, các phàm chát vê sác, các phàm chát vê thinh, các phàm chát vê hương, các phàm chát vê vị, các phàm chát vê xúc, đôi với Như Lai, các việc ây đã được dứt bỏ, các rê đã được căt lìa, như cây thót nót đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn? thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-m6n Gotama không biết về phẩm chất"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.2* 5. Ngài Gotama không biết thưởng thức. Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama không biết thưởng thức." Này Bà-la-môn5 các sự thưởng thức về sắc, các sự thưởng thức vê thinh, các sự thưởng thức vê hương, các sự thưởng thức vê vị, các sự thưởng thức vê xúc, đôi với Như Lai, các việc ây đã được dứt bỏ, các rê đã được cát lìa, như cây thốt nốt đã bi bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh

khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói răng: uSa-môn Gotama không biêt thưởng thức"; và chăc chăn răng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra. 6. Ngài Gotama thuyết về không hành động. Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: uSa-môn Gotama thuyêt vê không hành động?9 Này Bà-la-môn, bởi vì Ta thuyết về không hành động đối với việc làm ác do thân, đối với lời nói ác do miệng, đối với suy nghĩ ác do ý; Ta thuyêt vê không hành động của các pháp ác và bát thiện có nhiêu dạng. Này Bà-la-môn? thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama thuyết về không hành d0ng" và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

2 ông Bà-la-môn dùng từ arasarũpo để chỉ trích đức Phật sống không thuận theo tập quán là người trẻ nen cung kính, hoắc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi đối VƠI các vĩ già cả, uy tín, y. v... (VinA. I. 131-32). Con đức Thế Tôn cung sử dụng lại từ arasarūpo nhưng giải thích là Ngài sống không còn bị vướng bận bởi sắc đẹp, tiếng hay, mui thơm, vị ngon, xúc lấc, là 5rđối tượng thích ý đã được tam cầu bởi 5 giác quan la mắt, tai, mũi, lưỡi và thần, ở các phấn kế tiếp, khi chi trích đưc Phật là 4tkhông biêt thưởng thức", “thuyết vê không hành dOng”, "c6 sự ghê tởm", Ta người từ b6", Tà người thiêu(tét", vị Bà-la-môn cũng nhằm mục đích am chỉ việc đức Phật^ống không theo tập quán, nghĩa là không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngoi đến các vị gia cả, uy tín, v.v...

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ 13

7. Ngài Gotama thuyết về đoạn diệt.3 Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-môn Gotama thuyêt vê đoạn diệt.,, Này Bà-la-môn? bởi vì Ta thuyết về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân hận, của si mê; Ta thuyêt vê sự đoạn diệt của các pháp ác và bát thiện có nhiêu dạng. Này Bà-la-môn? thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sam6n Gotama thuyết về đoạn diet” và chác chăn răng ông không liên tưởng đên ý nghĩa ây khi nói ra. 8. - Ngài Gotama có sự ghê tởm. Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama có sự ghê tởm.,, Này Bà-la-môn5 bởi vì Ta ghê tởm với việc làm ác do thân, với lời nói ác do miệng, với suy nghĩ ác do ý; Ta ghê tởm đối với sự thành tựu của các pháp ác và bát thiện có nhiêu dạng. Này Bà-la-môn? thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-m6n Gotama có sự ghê tởm"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra. 9. Ngài Gotama là người cách ly. Này Bà-la-môn5 thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-m6n Gotama là người cách ly." Này Bà-la-môn, bởi vì Ta thuyết về pháp đưa đến sự cách ly đối với luyến ái, đôi với sân, đôi với si; Ta thuyêt vê pháp đưa đên sự cách ly đôi với các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy,

trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa- môn Gotama là người cách ly"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra. 10. - Ngài Gotama là người thiêu đốt. —Này Bà-la-môn9 thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: uSa-môn Gotama là người thiêu đốt?9 Này Bà-la-môn, Ta thuyết rằng, các pháp ác và bất thiện tức là việc làm ác do thân, lời nói ác do miệng và suy nghĩ ác do ý cần được thiêu đốt. Này Bà-la-môn, người nào có các pháp ác và bát thiện cân được thiêu đót đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bi làm cho không còn Sự sông, không còn các điêu kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ây là: "Người thiêu d6t." Này Bà-la-môn, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong

3 Vị Bà-la-môn chỉ trích rằng: Đức Phật thuyết về đoạn kiến (ucchedavādā), chủ trương sau đời này không có đời khác (VìnA. I. 134).

tương lai. Này Bà-la-môn? thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra. 11. Ngài Gotama là người thoát khỏi bào thai. Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: uSa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai." Này Bà-la-môn? sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là: "Người thoát khỏi bào thai." Này Bà-la-môn, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự tái sanh và hiện hữu lân nữa đã được dứt bỏ, các rê đã được căt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: 46Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai" và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra. 12. Này Bà-la-môn, cũng giống như con gà mái có được tám, hoặc mười, hoặc mười hai quả trứng. Nếu con gà mái nằm lên trên chúng đúng cách, ủ nóng đêu đung cách, áp đung cách, va trong so các con ga con mơi nơ ây5 con nào dùng vuốt của móng chân hoặc mỏ phá vỡ vỏ trứng và nở ra an toàn trước tiên, thì điều nên nói về con gà con ấy là thế nào, lớn nhất hay nhỏ nhất? Thưa Ngài Gotama, nên gọi nó là con lớn nhất, bởi vì nó lớn nhất trong bầy. Này Bà-la-môn, cũng tương tợ như thế, frong số chúng sanh sống trong vô minh [ví như] đang ở trong quả trứng và bị trùm kín lại, Ta là người duy nhất đã phá vỡ vỏ trứng vô minh và chứng đắc quả vị Cháiýi đang giác, vo thượng ở trên đời. Này Bà-la-môn? chính Ta đây là người đứng đầu và cao cả nhất của thế gian. 13. Này Bà-la-môn? hơn nữa, Ta đã có sự tinh tấn bền vững không bị trì trệ, có niệm được thiết lập không bị xao lãng, có thân được khinh an không còn rạo rực, có tâm được định tĩnh tập trung. Này Bà-la-môn, quả

vậy, sau khi đã tách ly khỏi các dục và tách ly khỏi các pháp bất thiện, Ta đây đã chứng đạt và trú thiền thứ nhất với hỷ và lạc sanh lên do tách ly [khỏi các triền cái], có tầm, có tứ. Do sự yên lăng của tầm và tứ, Ta đã chứng đạt và trú thiền thứ hai với nội phân an tĩnh, tâm được chuyên nhát, có hỷ và lạc sanh lên do định, không tâm, không tứ. Và do sự không còn tham muốn ở hỷ, với xả, Ta đã trú, có niệm và tỉnh giác, Ta đã chứng nghiệm trạng thái lạc bang thân, đó là điều mà các bậc Thánh nói rằng: ấy có xả, có niệm, có sự tru vào lạc59; Ta đã chứng đạt và trú thiên thứ ba. Do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khô [của thân], do sự biên mát của hỷ và mi ở tâm [đã có] trước dây, Ta đã chứng đạt và trú thiên thứ tư với sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc.

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ 15

14. Trong khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiêm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn đinh, đạt đến trạng thái vững chắc như thế, Ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ ghi nhớ về các kiếp sống trước. Ta nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lân sanh, năm lân sanh, mười lân sanh, hai mươi lân sanh, ba mươi lân sanh, bôn y y y y

mươi lân sanh, năm mươi lân sanh, một trăm lân sanh, một ngàn lân sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: "d nơi ấy, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vây, kinh nghiệm lạc và khô như vây, có giới hạn tuôi thọ như vây. Từ chô ây, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như thế, Ta nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét đại cương và cá biệt. Này Bà-la-môn, quả vậy, vào canh đầu của đêm, Ta đã chứng đạt Minh thứ nhất này, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khỏd. Như thế ấy là điều [Ta đã thành đạt] trong lúc Ta sống không xao lãng, nỗ lực, quyết tâm. Này Bà-la-môn9 chính điều này đã là sự khai mở đầu tiên của Ta, tương tợ như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.
15. Trong khi tâm được đinh tĩnh, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn đinh, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, Ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí về sự sanh tử của chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ta đây nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ta biết được rằng, các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng [như vầy]: "Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xâu xa băng ý? vu không các bậc Thánh, theo tà kiên, tán thành các hành động do tà kiên. Những kẻ ây, khi tan rã thân xác và chét di, bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng y, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết di, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, loài người.^, Như thế, bằng thiên A A

nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ta nhìn thây các chúng sanh trong khi chét đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ta biết được rằng, các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Này Bà-la-môn, quả vậy, vào canh giữa của đêm, Ta đã chứng đạt Minh thứ hai này, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi. Như thế ấy là điều [Ta đã thành đạt] trong lúc Ta sống không xao lãng, nỗ lực, quyết tâm. Này Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở thứ hai của Ta, tương tợ như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

16 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU _____

Ỉ6. Trong khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiêm, lìa khỏi phiên não, nhu thuận, có thê sử dụng, ôn đinh, đã đạt đên trạng thái vững chắc như thế, Ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ đoạn tận các lậu hoặc. Ta đây đã biết rõ: "Đây là kh6" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Bây là nguyên nhân của kh6“ đung theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “Bây là sự diệt kh6“ đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt khổ59 đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “Dây là các lậu hoác" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Dây là nguyên nhân của các lậu hoặc" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Bây là sự diệt tận các lậu ho/c" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: uĐây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc" đúng theo bản thể thật. Trong khi Ta đây biết được như thế, thấy được như thế, thì tâm cũng đã được giải thoát khỏi dục lậu, tâm cũng đã được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm cũng đã được giải thoát khỏi vô minh lậu. Khi đã được giải thoát, trí của Ta đây đã khởi lên rằng: "Đã được gii thoát.” Và Ta đã biết rõ rằng: “Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn gì khác cho việc [giải thoát] này nữa." Này Bà-la-môn, quả vậy, vào canh cuối của đêm, Ta đã chứng đạt Minh thứ ba này, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi. Như thế ấy là điều [Ta đã thành đạt] trong lúc Ta sống không xao lãng, nỗ lực, quyết tâm. Này Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở thứ ba của Ta, tương tợ như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy. 17. Khi được nói như thế, Bà-la-môn Verañja đã nói với đức Thế Tôn điều này: Ngài Gotama là vi đứng đầu, Ngài Gotama là người cao cả nhất. Bạch Ngài Gotama, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài Gotama, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài Gotama, cũng giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật re • r đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lôi, hoặc đem lại cây đèn dâu nơi bóng tôi [nghĩ răng]: "Những người có măt sẽ nhìn thây được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được Ngài Gotama giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Tôi đây đi đến nương nhờ Ngài Gotama, giáo pháp và hội chúng Tỳ-khưu. Xin Ngài r x - - 9

Gotama châp nhận tôi là nam cư sĩ đã đi đên nương nhờ kê từ hôm nay cho đên trọn đời. Xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi vê việc cư trú mùa mưa ở Verañjā cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 18. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn, Bà-la-môn Verafya đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 19. Vào lúc bây giờ, xứ Verañjā có sự khan

hiêm vê vật thực, khó kiêm ăn? có dịch bệnh,4 thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Vào lúc bấy giờ, có những người buôn ngựa từ xứ Uttarâpatha đã đến cư trú mùa mưa ở Verañjā cùng với năm trăm con ngựa, ở các bãi nhốt ngựa,

4 Chú giải ghi rằng: Có nhiều xương trắng nằm rải rác vì có quá nhiều người chết đói, hoặc là tên của một loại bệnh mốc trắng ở cây lúa (VìnA. L 174-75).

họ có chuẩn bị từng phần lúa mạch5 cho các vị Tỳ-khưu. Vào buổi sáng, các vị Tỳ-khưu mặc y, cầm y bát rồi đi vào trong thành Verañjā để khất thực. Khi không nhận được đô ăn khát thực, các vị đi đến khát thực ở các bãi nhót ngựa và mang về tu viện [mỗi vị] một phần lúa mạch. Các vị giã đi giã lại trong cối giã roi thọ dụng. Đại đức Ananda nghiên phân lúa mạch ở tảng đá roi dâng lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thọ dụng thức ấy. 20. Quả vậy, đức Thế Tôn đã nghe tiếng cối giã. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vi vẫn không hỏi, biết đúng thời các vi mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích. Khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu bởi hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, tiêng côi giã ây là gì vậy? Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Ānanda, tốt lắm! Tốt lắm! Này Ānanda, [điều ấy] đã được khắc phục bởi các ngươi là những người hoàn thiện. Ve sau này, con người sẽ chê bai cơm gạo sālī và thịt. 21. Sau đỏ, Đại đức Mahāmog^allāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngoi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, hiện nay Verañjā có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Bạch Ngài, bề mặt bên dưới của đại địa cầu này có chất như là mật ong, không cặn bã và có hương vị y như thế. Bạch Ngài, thật tốt thay nếu con lật ngửa quả địa cầu ra [để rồi] các Tỳ-khiru sẽ thọ dụng chất bổ dưỡng [ấy].6 -Nàỵ Moggallāna, còn các chúng sanh sông ở quả địa câu thì ngươi sẽ giải quyết the nào? Bạch NgAi, con sẽ biên hóa một bàn tay trở thành ệiông như đại địa câu và sẽ di chuyên chúng sanh sống ở quả địa cau đến đó, roi con sẽ lật ngửa quả địa câu ra băng cánh tay kia. Này Moggallâna, thôi đi. Ngươi chớ thích thú để lật ngửa quả địa cầu ra nữa, khiên chúng sanh sẽ phải gánh chịu sự xáo trộn.

5 Theo ngài Buddhaghosa, lúa mạch (pukakanỉ) này đã được tách vỏ trấu và hấp chín. Các njgười buôn ngựa đem theo lúa mạch để cho ngựa ăn ở nhưng vùng không kiếm ra cỏ, và họ đã xén phân ăn sáng cua ngựa để dâng đến các vị Tỳ-khưu (VìnA. L 176). Moi phần lúa mạch như vậy là l pattha (đơn vị đo thể tích). Paítha là phần vật thực có Idiả năng nuôi sống một người trong ngay, bằng lượng chứa của một nālī(VìnA. L 176). Ngài Mahāsamanā Chao giải thích ở tác phẩm Vỉnayamukha rangpattha có thể tích bàng hai bàn tay bụm lại (tập L 236). 6 Pappatakojam = Pathavimandam, dịch chất tiết ra từ trái đất (VìnA. L 182).

Bạch Ngài,, thật tốt thay nếu tất cả hội chúng Tỳ-khưu có thể đi đến Uttarakurū để khất thực. -Này Moggallâna, thôi đi. Ngươi chớ thích thú đến việc đi đến Uttarakurū để khất thực của toàn bộ hội chúng Tỳ-khmi nữa. 22. Khi ấy, Đại đức Sāriputta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài?" 23. Sau đó, vào lúc chiều tối, Đại đức Sāriputta, khi xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài?" 24. Bạch Ngài, vậy thì Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài? Này Sāriputta, Phạm hạnh thời đức Thế Ton Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lau dài. Này Sāriputta, Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konăgamana và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài. 25. — Bạch Ngài, vậy do nhân gì, do duyên gì khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài? 26. Này Sāriputta, đức Thế Tôn Vipassī, đức Thế Tôn Sikhī và đức Thế Tôn Vessabhū đã không ra sức để thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết đến các đệ tử, và các vị ấy đã có ít Suttam, Geyyam, Veyyākaranam, Gāthā, Udānam, Itỉvuttakam, Jātakam, Abbhutadhammam, VedallamJ Điều học cho

7 Ởrtài liệu Saddhammasañgaha (Diêu pháp yếu lược) có lời giải thích chi tiết về 9 thể loại này như sau: Thế nào là có 9 phần khi noi về thể (añga)? Bởi vì toàn bộ gồm có 9 hình thức khác biệt, đo là Sutta, Geyya, Veyyākarana, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, A bbhutadhamma, Vedaỉla. Trong trường hợp này, Ubhatovibhañga, Niddesa, Khandhaka, Parivārā, các bài kinh Mañgalasutta, Ratanasutta, Nalakasutta, Tuvatakasutta trong^ Suttanipāta (Kinh tập), và các lời dạy của đàng Như Lai có tựa đê là kinh (suttam) thì được xếp vào thê Suita. Các bài kinh co xen các bài kẹ vào, được biết là thể Geyya\ đặc biệt, toàn bọ Thiên Có kệ (Sagāthāvagga) trong Kinh Tương ưng bộ là thể Geyya. Toàn bộ tạng Vì diệu pháp, các bài kinh không có xen các bai kệ, và các lời dạy khác cua đức Phật không thuộc tám loại trên, được xếp vào thể Veyyākarana. Kinh Pháp củ, Trưởng lao Tăng kệ, Trưởng lão Nỉ kê, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong Suttanipāta (Kinh tập) thì được xếp vao thể Gāthā. Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ, được xếp vào thể Udāna. Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: ^Vuttarn h "etarn Bhagavatā tC (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xếp vào thể Itiyuttaka. Năm trâm năm mươi câu chuyện Bổn sanh bắt đầu bằng Bổn sanh iiApannaka>\ được xếp vào thể Jātaka. Tất cả các bài kinh liên quan đen pháp kỳ diệu phi thưcíìg và được gioi thiệu như sau: uNay các Tỳ-khưu, có 4 pháp kỳ diệu phi thường ở Ananda^, được xếp vào thể A bbhutadhamma. Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các

bài kinh Cullavedalla^ Mahāvedalla, Sammāditthi, Sakkapqñhā, Sañkhāra-bhājaniya, Mahāpunnama, v.v... được xếp vào thê Vedalla. Như thế, khi đề cập đến thể thì có 9 phần. (Saddhammasañgaha, chương I, câu 28).

các đệ tử đã không được quy định và Giới bổn (Pãtimokkha) đã không được công bố. 27. Với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [ây]? các vị đệ tử vê sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã khiến cho Phạm hạnh ấy biến mất thật nhanh chóng. Này Sāriputta, cũng giống như nhiều bông hoa khác nhau được đặt xuống ở trên tấm ván sàn và không được kết lại với nhau bằng sợi chi, cơn gió [sẽ] làm phân tán, làm tung tóe, và hủy hoại chúng. Điêu ây có nguyên nhân thê nào? Này Sāriputta, giông như việc [các bông hoa] không được kết lại với nhau bằng sợi chi, này Sāriputta, tương tợ y như thể, với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [áy], các vị đệ tử vê sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vi ấy đã khiến cho Phạm hạnh ấy biến mất thật nhanh chóng. 28. Và chư Phật Thế Tôn ấy [chỉ] ra sức dùng tâm biết được tâm để giáo huấn các đệ tử. Này Sāriputta, trong thời quá khứ, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Vessabhū, ở trong khu rừng ghê rợn nọ, dùng tâm biết được tâm rồi giáo huấn và chỉ dạy hội chúng Tỳ-khưu một ngàn vị rằng: "Hãy suy tầm như vầy.8 Chớ suy tầm như thế.9 Hãy tác ý như vầy.10 Chớ tác ý như thế.11 Hãy từ bỏ điều này.1213Hãy thành tựu rồi an trú điều này."13 Này Sāriputta, khi ấy5 trong lúc được đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Vessabhū giáo huân như thê, chỉ dạy như thê, các tâm của một ngàn vị Tỳ-khưu ây đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này Sāriputta, vào trường hợp ấy, trong khi đã bị kinh sợ đoi với khu rừng ghê rợn, người nào chưa dứt bỏ ái dục đi vào khu rừng ấy thì hầu hết các sợi lông sẽ dựng đứng lên. 29. Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài. 30. Bạch Ngài, vậy do nhân gi, do duyên gì khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konãgamana và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài? 31. Này Sāriputta, đức Thế Tôn Kakusandha, đức Thế Tôn Konãgamana và đức Thê Tôn Kassapa đã ra sức đê thuyêt giảng giáo pháp một cách chi tiêt đên các đệ tử, và các vi ây đã có nhiêu Suttarn, Geyyam, Veyyākaranam, Gāthā,

8 Suy tầm về ly dục, suy tầm về vô sân và suy tầm vô hại (VìnA. L 188). 9 Chớ suy tầm về ngũ dục, chớ suy tầm về sân hận, chớ suy tầm về hãm hại (sđd). 10 Tác ý đến vô thường, tác ý đến khổ não, tác ý đến vô ngã, tác ý đến bất tịnh (sđd). 11 Chớ tác ý đến bốn điều đối nghịch trên là thường, lạc, ngã, tịnh (sđd). 12 Hãy từ bỏ bất thiện pháp (sđd). 13 Hãy thành tựu và an trú vào thiện pháp (sđd).

_.\ v Udānam, Itivuttakam, Jātakamf Abbhutadhammam, Vedallam. Điêu học cho các Thinh văn đã được quy định và Giới bôn (Pātimokkha) đã được công bô. 32. Với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [áy], các vi đệ tử vê sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vi áy đã duy trì Phạm hạnh áy lâu dài và trường cửu. Này Sāriputta, cũng giống như nhiều bông hoa khác nhau được đặt xuống ở trên tấm ván sàn và được kết lại với nhau bằng sợi chí, cơn gió [sẽ] không làm tản mác, không làm tung tóe và không hủy hoại chúng. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Này Sāriputta, giống như việc [các bông hoa] được kết lại với nhau bằng sợi chỉ; này Sāriputta, tương tợ như thê, với sự tịch diệt của chư Phật Thê Tôn ây, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [ấy], các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã duy trì Phạm hạnh ấy lâu dài và trường cửu. 33. Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên khiến Phạm hạnh thời đức Thế T ôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konâgamana và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài. 34. Sau đó5 Đại đức Sāriputta đã từ chô ngôi đứng dậy, đáp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch đức Thế Tôn? nay là thời điểm của việc ấy. Bạch đấng Thiện Thệ, nay là thời điểm của việc ấy, [tức là thời điểm] đức Thế Tôn nen quy định điều học cho các đệ tử, nên công bố Giới bổn (Pãtimokkha); như thế Phạm hạnh này . \ \ • *1 *1 A • .. CÓ thê được tiêp tục và tôn tại lâu dài. _ 35.
Này Sāriputta, f ngươi hãy chờ đọd! 9 r Này 9 Sāriputta, ngươi . hãy chờr đợi! - . Trong trường hợp ây? chỉ có Như Lai mới biêt thời diêm. Này Sāriputta, cho đên khi nào, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng, thì cho đến khi ấy, bậc Đạo sư chưa quy định điều học cho các đệ tử và chưa công bố Giới bổn (Pãtimokkha). Này Sāriputta, chính bởi vì ở đây, một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (Pãtimokkha), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. 36. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về số lượng, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự đông đảo về SÔ lượng, nên ở đây một sô pháp đưa đên lậu hoặc xuât hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (Pâtimokkhă). nhàm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. 37. Này Sāriputta, chor đến khi nào hội chúngr chưa đạt đến sự lớn mạnh 9 • A ° về việc phát triên, thì cho đên khi ây, ở đây một sô pháp đưa đên lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển, nên ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ 21

hội chúng, nên bậc Đạo sư quy đinh điêu học cho các đệ tử và công bô Giới bôn (Pãtimokkhă). nhăm diệt trừ chính các pháp đưa đên lậu hoặc ây. 38. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự dồi dào về lợi lộc, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc, nên ở dây, một sô pháp đưa đên lậu hoặc xuât

hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy đinh điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (Pãtỉmokkha). nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. 39. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về việc học nhiều, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh vê việc học nhiêu, nên ở dây, một sô pháp đưa đên lậu hoặc xuât hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy đinh điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (Pātimokkhd), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. 40. Này Sāriputta, bởi vì hội chúng Tỳ-khmi không có ô nhiễm, không có tội lỗi, có ác pháp đã lìa, được trong sạch, đã an trú vào mục đích.14 Này Sāriputta, bởi vì trong số năm trăm Tỳ-khiru này, vị Tỳ-khưu thấp nhất [đã] là vị Nhập lưu, không còn pháp bị đọa, được bền vững và hướng đến sự giác ngộ. 41. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, điều này quả nhiên đã trở thành thông lệ của các đấng Như Lai là khi các vị cư tru mùa mưa do những ai đã thỉnh mời thì các vị không ra đi, du hành trong xứ sở khi chưa thông báo cho những người ấy. Này Ānanda, chúng ta sẽ thông báo cho Bà-la-môn Verafija này. -Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn. 42. Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn thị giả đi đên tư gia của Bà-la-môn Verañja, sau khi đên đã ngôi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. 43. Khi ấy, Bà-la-môn Verañja đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuông ơ mọt ben. Đức The Ton đã noi vơi Ba-la- môn Verañja đang ngôi một bên điêu này: -Này Bà-la-môn9 được ông thỉnh mời, chúng tôi đã trú qua mùa mưa. Giờ chúng tôi thông báo ông rằng, chúng tôi muốn ra di, du hành trong xứ sở. 44. Bạch Ngài Gotama, sự thật là các vị đã được tôi thỉnh mời và đã tru qua mùa mưa. Tuy nhiên, việc Cling dường là chưa được dâng Cling. Và điều ấy quả không phải là không có vật bố thí, cũng không phải là không có lòng bố thí. Trong trường hợp này, làm sao có thể đạt được điều ấy? Bởi vì cuộc sống tại

14 Đã an trú vào mục đích (sārepatitthito) được giải thích là: Giới, định, tuệ, giải thoát và tri kiến về sự giải thoát (^. L 195).

gia có nhiều phận sự và có nhiều việc cần phải làm. Xin Ngài Gotama nhận lời buổi trai phạn của tôi vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. 45. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy5 thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho Bà-la-môn Verañja băng bài pháp thoại roi đã từ chô ngôi đứng dậy và ra đi. 46. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Bà-la-môn Verañja đã cho chuẩn bi sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mem tại tư gia của mình roi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: r 9

Bạch Ngài Gotama, đã đên giờ. Thức ăn đã chuân bi xong. 47. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của Bà-la-môn Verafija, sau khi đên đã ngôi xuông trên chô ngôi được sáp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó5 Bà-la-môn Verañja đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thê Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời bình bát, Bà-la-môn Verañja đã choàng lên đức Thế Tôn với

ba y và đã choàng lên mỗi một vị Tỳ-khưu với một xấp vải đôi. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Bà-la-môn Verañja bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 48. Sau đó, khi đã ngụ tại Verañjā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã đi dọc theo Soreyya, Sahkassa, Kannakujja và đến được bến đò Pāyāgā.15 Sau khi đên nơi, Ngài đã vượt qua sông Gañgā tại bên đò Pāyāgā và đã ngự đên thành Bārānasī. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Bārānasī theo như ý thích, đức Thế Ton đã ra di, du hành đến thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi ây, trong thành Vesālī, đức Thê Tôn ngụ tại Mahâvana, nơi giảng đường Kūtāgāra. Dứt tụng phẩm Verañjā. —ooOoo—

15 Pāyāgā là một thị trấn ở bên bờ sông Gañgā, nay là thành phố Allahabad (ND).

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA (ở dây, bốn điều Pārājika này được đưa ra đọc tụng)

2.1. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT 1. Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Vesālī, có ngôi làng tên là Kalanda. ở nơi ấy, có người con trai nhà đại phú tên là Sudinna Kalandaputta. Khi ấy, r y

Sudinna Kalandaputta đã đi đên Vesālī cùng với nhiêu người bạn vì công việc cân làm nào đó. Vào lúc bây giờ, đức Thê Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng giáo pháp. 2. Sudinna Kalandaputta đã nhìn thấy đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng giáo pháp. Sau khi nhìn thấy, anh ta đã khởi ý điều này:1 "Hay là ta cũng nên nghe pháp?" Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gần hội chúng ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã khởi ý điều này: “Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ Ươn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà?” 3. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, hội chúng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi. 4. Sau đó, khi hội chúng đã đứng dậy không bao lâu, Sudinna Kalandaputta đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngôi xuồng ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức The Ton điêu nay: -Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Xin đức Thế Tôn hãy [làm lễ] xuất gia cho con. -Này Sudinna, vậy ngươi đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà chưa?

1 Dịch sát từ sẽ là "Sau khi nhìn thấy, điều này đã khởi đến anh ta:...”

24 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Bạch Ngài, con chưa được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. Này Sudinna, các đức Như Lai không [làm lê] xuât gia cho người con trai chưa

được mẹ và cha cho phép. Bạch Ngài, bằng cách nào khiến mẹ và cha sẽ cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà thì con đây sẽ làm theo cách ấy. 5. Sau đó, khi đã hoàn tát công việc cân làm ây ở Vesālī, Sudinna Kalandaputta đã đi về lại làng Kalanda đến gặp mẹ và cha, sau khi đến đã nói với mẹ và cha điều này: Mẹ và cha à! Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tinh như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. Khi được nói như thế, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này: Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng, làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, song không nhà được? 6. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã nói với mẹ và cha điều này: Mẹ và cha à! Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đoi với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sông không nhà. Hãy cho phép con vê việc rời nhà xuất gia, sông không nhà. Đen lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này: Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dâu, quý mên của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, song không nhà được? 7. Khi ây, Sudinna Kalandaputta [nghĩ răng]: uMẹ và cha không cho phép ta về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà", rồi đã nằm xuống ngay tại chỗ ấy, ở trên nền đất không có trải lót [nói rằng]:

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 25

-Đối với con, hoặc là sẽ xảy ra cái chết ngay tại nơi đây, hoặc là sự xuất gia. Sau đó, Sudinna Kalandaputta đã không ăn một bữa, đã không ăn hai bữa, đã không ăn ba bữa, đã không ăn bốn bữa, đã không ăn năm bữa, đã không ăn sáu bữa, đã không ăn bảy bữa. 8. Khi áy, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điêu này: Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cân thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sông, mẹ và cha lại cho phép con vê việc rời nhà xuất gia, sông không nhà được? Này Sudinna thương! Con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con vê việc rời nhà xuất gia, sông không nhà. Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. Đen lần

thứ nhì, ...(nt).. Đên lân thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này: Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna thương! Con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. ỉ y

Đên lân thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. 9. Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này: Này Sudinna mến! Bạn chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna mến! Bạn không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa bạn một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc bạn đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép bạn vê việc rời nhà xuất gia, sông không nhà được? Này Sudinna mến! Bạn hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, bạn có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

26 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. Đen lần thứ nhì, •.(nt)... Đen lần thứ ba, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này: Này Sudinna thương! Bạn chính là ...(nt) Đen lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. 10. Khi ấy, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta điều này: Mẹ và cha à! Sudinna này năm trên nên đát không có trải lót [nói răng]: "Đối với tôi, hoặc là sẽ xảy ra cái chết ngay tại đây, hoặc là sự xuất gia." Nếu mẹ và cha không cho phép Sudinna vê việc rời nhà xuât gia, sông không nhà, anh ta sẽ đi đến cái chết ngay tại chỗ ấy. Vả lại, nếu mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, mẹ và cha sẽ còn nhìn thấy anh ta cho dù đã xuất gia. Nếu Sudinna không thỏa thích trong việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, thì còn chốn nào khác cho anh ta đây? Anh ta sẽ quay trở về ngay tại chỗ này. Mẹ và cha hãy cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà đi. Các con thương! Mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này: Này Sudinna mến! Hãy đứng dậy đi. Bạn đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. 11. Khi ây9 Sudinna Kalandaputta [nghĩ răng]: "Nghe nói ta đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà" nên mừng rỡ phấn chân, vừa

đứng dậy vừa dùng bàn tay phủi kháp mình mây. Sau đó nhiêu ngày, Sudinna Kalandaputta đã phục hồi lại sức khỏe và đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuông một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thê Tôn điêu này: Bạch Ngài, con đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy [làm lễ] xuất gia cho con. Rồi Sudinna Kalandaputta đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên. Khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Sudinna đã thọ trì và thực hành các đức hạnh đầu-đà có hình thức như vay: Là vi ngụ ở rừng, là vị chuyên khất thực, là vị mặc y may bằng vải bị quăng bỏ,2 là vị đi khất thực theo tuần tự từng nhà. Đại đức sống nương tựa vào ngôi làng nọ thuộc xứ Vajjī.

2 Y pamsukūla'. Y được may bằng vải dơ, bị người ta quăng bỏ, thông thường là vải quấn tử thi, được tìm thay ở bãi tha ma (ND).

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 27

12. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã khởi ý điều này: "Hiện nay, xứ Vajjī có sự khan hiêm vê vật thực, khó kiêm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phôi, không dê sinh sông băng sự ra sức khát thực. Vả lại, nhiêu quyên thuộc của e A e y r ta ở trong thành Vesālī thì giàu sang, có nhiêu của cải, nhiêu tài sản, có vô sô vàng bạc, vô sô vật dụng và dôi dào lúa gạo. Hay là ta nên sông nương tựa vào quyên thuộc vậy? Do có liên quan đến ta, quyến thuộc sẽ ban phát các vật thí. Họ sẽ làm các điều phước thiện và các Tỳ-khưu sẽ nhận được lợi lộc, còn ta sẽ không bị khó nhọc về đồ ăn khất thực.” 13. Sau đó, Đại đức Sudinna đã thu xếp chỗ nằm ngồi, cầm y bát và ra đi về phía thành Vesālī. Theo tuần tự, Đại đức đã đến được thành Vesālī. Tại nơi ấy, trong thành Vesālī, Đại đức Sudinna tru ở Mahâvana. Quyến thuộc của Đại đức Sudinna đã nghe được rằng: “Nghe nói Sudinna, con trai của Kalanda đã đến thành Vès21í.” Họ đã đem lại biếu cho Đại đức Sudinna bữa ăn gồm sáu mươi nôi cơm. Khi ây? Đại đức Sudinna đã phân chia sáu mươi nôi cơm ây cho các Tỳ- khưu, roi vào buổi sáng, đã mặc y, câm y bát, đi vào làng Kalanda đê khát thực. Trong khi đi tuần tự tàmg nhà đe khất thực, Đại đức đã đi đen nhà của cha mình. 14. Vào lúc bấy giờ, người nữ tỳ của quyến9 thuộc 9 9 r của Đại đức Sudinna có ý định đô đi món cháo chua đã đê cách đêm. Khi ây, Đại đức Sudinna đã nói với người nữ tỳ của quyến thuộc ấy điều này: -Này chị gái, nếu vật ấy cần phải đổ bỏ thì hãy trút vào đây, trong bình bát của tôi. Khi ấy, trong lúc đang trút món cháo chua đã để cách đêm ấy vào bình bát của Đại đức Sudinna, người nữ tỳ của quyến thuộc của Đại đức Sudinna đã nhận ra đặc điểm của các cánh tay, của các bàn chân và của giọng nói của Đại đức Sudinna.3 Sau đó, người nữ tỳ của quyến thuộc của Đại đức Sudinna đã đi đến gặp mẹ của Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với mẹ của Đại đức Sudinna điều này: Bẩm bà, bà nên biết là công tử Sudinna đã trở về. Này nô tỳ, nếu ngươi nói đúng, ta sẽ ban cho ngươi khỏi phận tôi tớ.

15. Vào lúc bây giờ, Đại đức Sudinna [ngôi] tựa vào chân của vách tường nọ, rồi thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Và người cha của Đại đức Sudinna, trong lúc đi công chuyện đã nhìn thây Đại đức Sudinna [ngôi] tựa vào chân của vách tường nọ đang thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Sau khi nhìn thấy ông đã đi đến gần Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

3 Ngài Bụddhaghosa giải thích ở Chủ giải Samantạpãsãdikã rằng9Đã 8 năm trôi qua nên người nữ tỳ không thể nhận ra Đại đức Sudinna machỉ nhận biết qua các đặc điểm của tay, chân và giongnói. Thêm vào đo, còn cho biết vị Sudinna đã xuất gia vào năm thứ 12 của đức Thế Ton và thời điểm xảy ra câu chuyện này là năm thư 20 (VỉnA, L 208).

28 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này Sudinna thương! Lẽ nào con lại ăn món cháo chua đã để cách đêm? Này Sudinna thương! Hay là con nên đi vê nhà mình đi? Này gia chủ, tôi đã đi đến nhà của ông rồi. Từ nơi đó mà có được món cháo chua đã đê cách đêm này. Khi ấy, người cha của Đại đức Sudinna đã nắm lấy cánh tay của Đại đức Sudinna và nói với Đại đức Sudinna điều này: Này Sudirma thương, hãy đi! Chúng ta sẽ đi về nhà. Sau đó, Đại đức Sudinna đã đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người cha của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này: Này Sudinna thương, con hãy ăn đi! Này gia chủ, thôi đi. Việc thọ thực ngày hôm nay của tôi đã hoàn tất.

Này Sudinna thương! Vậy con hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai. Đại đức Sudinna đã nhận lời băng thái độ im lặng. Sau đó, Đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 16. Sau đó5 khi tàn đêm ấy, mẹ của Đại đức Sudinna đã cho phủ lên mặt đất bằng phân bò tươi, rồi bảo người chất hai đống gồm một vàng, một bạc. Các đông ây đã lớn đên mức khiên người đứng ở phía bên này không nhìn thây người đứng ở phía bên kia và người đứng ở phía bên kia không nhìn thây người đứng ở phía bên này. Sau khi đã cho che lại các đống ấy bằng những tấm thảm, cho sắp đặt chỗ ngồi ở giữa và cho che màn xung quanh, mẹ của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng: -Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương, quý mến thì con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy. Thưa mẹ, xin vâng. Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna. 17. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Sudinna đã mặc y, cầm y bát rồi đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ây, cha của Đại đức Sudinna đã đi đên gặp Đại đức Sudinna, sau khi đên đã cho mở hai đống ấy ra rồi đã nói với Đại đức Sudinna điều này: Này Sudinna thương! Phân này là vật hôi môn thuộc người nữ là của mẹ con, phân kia là của cha, phân kia là của ông nội. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi. Cha à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đen lần thứ nhi, ...(nt).. Đen lần thứ ba, cha của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này: Này Sudinna thương! Phần này là vật hồi môn thuộc người nữ là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương! Con . ỷ .. A 7

CÓ thê quay trở lại cuộc sông tại gia tâm thường đê thọ hưởng của cải và làm các điêu phước thiện được mà. Này Sudinna thương! Hãy quay vê đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi. Này gia chủ, nếu gia chủ không quá căng thẳng thì chúng ta nên bàn về điều ấy. Này Sudinna thương, hãy nói đi! Này gia chủ, nếu vậy thì hãy bảo làm những bao tải thật lớn, cho đổ đầy vàng bạc vào, cho đưa lên các xe kéo hàng, rồi nhận chìm ở giữa sông Gañgā. Điều ấy có lý do là gì? Này gia chủ, bởi vì từ đó sẽ là nguyên nhân khiến ông có sự sợ hãi, hoặc có sự kinh hoàng, hoặc có lông dựng đứng, hoặc là sự gìn giữ; điều ấy sẽ không có cho ông nữa. Khi được nói như thế, người cha của Đại đức Sudinna đã tỏ ra không hài lòng: -Tại sao con trai Sudinna lại nói như thế? 18. Sau đó, cha của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng: Này con dâu, nêu vậy thì con cũng hãy nài nỉ. Có lẽ con trai Sudinna sẽ làm theo lời con. Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã ôm lấy hai bàn chân của Đại đức Sudinna và đã nói với Đại đức Sudinna điều này: Công tử ơi, các nàng tiên nữ ây như thê nào khiên chàng thực hành Phạm hạnh vì các nàng ấy vậy? Này chị gái, tôi thực hành Phạm hạnh không phải vì các nàng tiên nữ. 19. Khi ây, người vợ cũ của Đại đức Sudinna [nghĩ răng]: "Từ nay, công tử Sudinna xưng hô với ta bằng tiếng chị gái", nên đã ngất đi rồi ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, Đại đức Sudinna đã nói với cha điều này: Này gia chủ, nếu vật thực sẽ được bố thí thì hãy bố thí đi. Ông chớ có quấy rầy chúng ta nữa. Này Sudinna thương, hãy ăn đi! Khi ấy, mẹ và cha của Đại đức Sudinna đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Sudinna với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm. Sau đó, khi Đại đức Sudinna đã thọ thực xong, bàn tay đã rời bình bát, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi. Mẹ à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lần thứ ba, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này: Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Chính vì điều ấy, con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavī đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta. Mẹ à! Điều này tôi có thể làm được.

Này Sudinna thương! Hiện nay con ngụ ở đâu vậy? Mẹ à! ở Mahāvana. Sau đó, Đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 20. Sau đó? mẹ của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng: Này con dâu, nếu vậy thì khi nào đến thời kỳ, kinh nguyệt của con xuất hiện, khi ấy con hãy cho mẹ hay. Thưa mẹ, xin vâng. Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna. Sau đó chẳng bao lâu, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã đến thời kỳ, nàng đã có kinh nguyệt. Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã nói với mẹ của Đại đức Sudinna điều này: Thưa mẹ, con đã đến thời kỳ, kinh nguyệt của con đã xuất hiện. Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương, quý mên thì con hãy trang diêm với đô trang sức ấy. Thưa mẹ, xin vâng. Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna. Sau đó, mẹ của Đại đức Sudinna đã đưa người vợ cũ của Đại đức Sudinna đi đến Mahâvana gặp Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với Đại đức Sudinna điều này: —Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna

thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi. Mẹ à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh. Đen lần thứ nhi, ,..(nt)... Đen lần thứ ba, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điêu này: -Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Chính vì điều ấy, con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavī đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta. 21. Mẹ à! Điều này tôi có thể làm được. Rồi vị ấy đã nắm lấy cánh tay của người vợ cũ đi vào Mahâvana. Trong khi điều học chưa được quy định, vị ấy không nhận thức được điều nguy hại nên đã tiến hành việc đôi lứa với người vợ cũ ba lần. Do việc ấy, nàng ta đã mang thai. Chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lơi rằng: "Ngài ơi, hội chúng Tỳ-khưu quả thật không có sự ô uế, không bi điều tai họa, nay Sudinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai hqa!" Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ..(nt).. chư thiên ở cõi Đạo-lợi ...(nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma ...(nt).. chư thiên ở cõi Bẩu-suất chư thiên ở cõi Hóa Lạc ...(nt).. chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại ...(nt).. chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: "Ngài ơi, hội chúng Tỳ-khưu quả thật không có sự ô uế, không bị điều tai họa, nay Sudinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uê, đã gây nên điêu tai hoa!" Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi như thế ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. 22. Sau đó, khi bào thai ây đã được phát triên đây đủ, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã sanh con trai. Khi ấy, những người bạn của Đại đức Sudinna đã đặt tên cho đứa bé trai là "Chủng Tỉr”đã đặt tên cho người vợ cũ của Đại đức Sudinna là "Mẹ của Chủng Tử" và đã đặt tên cho Đại đức Sudinna là "Cha của Chủng Tử." Thời gian sau, cả hai mẹ con ấy đã rời nhà xuất gia, sống không nhà và đã chứng đắc phẩm vị A-la-hán.4 23. Sau đó, Đại đức Sudinna đã có sự ăn năn, đã có nỗi

ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vây lại không thê thực hành

4Theo ngài Buddhaghosa cho biết, hai mẹ con đã xuất gia sau đó khoảng 7 hoặc 8 năm {VinA. L 215).

Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc d&i!" Do chính sự ăn năn ấy và do nỗi ân hận ấy, vi ấy đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khổ sở, buồn bã5 ăn năn và có vẻ thờ thẫn. 24. Khi ấy, những vị Tỳ-khiru, bạn của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này: e r Này Đại đức Sudinna, trước đây, Đại đức có săc tướng, các căn rạng rỡ, sắc diện an tịnh, màu da trong sáng. Hiện nay, trong lúc này, Đại đức đây lại trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khổ sở, buồn bã, ăn năn và có vẻ thờ thẫn. Này Đại đức Sudinna, không lẽ Đại đức không thỏa thích thực hành Phạm hạnh hay sao? Này các Đại dức, không phải tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh mà tôi đã tạo nên ác nghiệp, tôi đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. Này các Đại đức, tôi đây đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã kh6ng đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vay lại không the thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc dòd!" 25. Này Đại đức Sudinna, Đại đức có sự ăn năn là phải lẽ? có nỗi ân hận là phải lẽ. Bởi vì Đại đức đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến CU01 cuộc đời. 26. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn tham ái chứ không phải đê đưa đên tham ái, đã thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn ràng buộc chứ không phải đê đưa đên sự ràng buộc, đã thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao? 27. Này Đại đức, ở dây, trong khi đức Thế Tôn thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì Đại đức lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì Đại đức lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn châp thủ thì Đại đức lại nghĩ đên sự chấp thủ. 28. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái? để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kềm chế các sự khao khát, để trừ diệt các sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao? 29. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tưởng, đã đề cập

đên sự kem chê các nôi khao khát vê dục, đã đê cập đên sự trừ diệt các dục tâm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? 30. Này Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này Đại đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. 31. Sau đó9 khi đã khiên trách Đại đức Sudinna băng nhiêu phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Sudinna rằng: Này Sudinna, nghe nói ngươi thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: 32. Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ9 không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? 33. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp đê đưa đên sự không còn tham ái chứ không phải đê đưa đên tham ái, đã thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn ràng buộc chứ không phải đê đưa đên sự ràng buộc, đã thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn châp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao? 34. Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây, trong khi Ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì ngươi lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì ngươi lại nghĩ đến sự ràng buộc, r . 9 r r •r

thuyêt giảng pháp đê đưa đên sự không còn châp thủ thì ngươi lại nghĩ đên sự chấp thủ. 35. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kềm chế sự khao khát, để trừ diệt sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao? 36. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đê cập đên sự hiêu rõ vê các dục tưởng, đã đê cập đên sự kem chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tầm, đã đề cập đến sự lắng diu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

34 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

37. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con hác xà còn là điêu cao thượng, nhimg đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Này kẻ ro dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Điêu ây có lý do như thê nào? Này kẻ rô dại, bởi vì do nguyên nhân kia,5 ngươi có thê đi đên cái chét hoặc khô gân như chét, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,5 6 khi

tan rã thân xác và chết di, ngươi có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. 38. Này kẻ rô dại, thê mà ở đây lại là ngươi, tức là việc ngươi bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín dáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người tháp kém, là xâu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Này kẻ rồ dại, đối với nhiều pháp bất thiện, ngươi là người vi phạm đầu tiên, trước tất cả. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ ro dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một sô người đã có đức tin. 39. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uông, sự tâm câu quá nhiêu, sự không biêt đủ, sự két phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cáp dưỡng, sự dê dàng trong việc ăn uông, sự ít tâm câu, sự biêt đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khxru rồi đã bảo các Tỳ- khưu rằng: 40. Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy đinh điều học cho các Tỳ- khưu vì mười điêu lợi ích: Nhăm sự tót đẹp cho hội chúng, nhăm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhăm đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự

5 Là việc đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp, vào trong miệng của con hắc xà, vào trong ho than được đót cháy có ngọn lửa sáng rực (ND). 6 Là việc đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ (ND).

tồn tại của Chánh pháp78và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vi Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa là vị phạm tội Pārājika, không được cộng."8 Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] Dứt tụng phẩm về Sudỉnna. —ooOoo—

CHUYỆN CON KHỈ CÁI 1. Vào lúc bấy giờ, tại Mahâvana ở Vesālī, có vị Tỳ-khưu nọ dùng thức ăn dụ dỗ con khỉ cái rồi thực hiện việc đôi lứa với nó. Khi ấy, vào buổi sáng, vi Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát rồi đi vào thành Vesālī để khất thực. 2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khiru trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khưu ấy. Con khỉ cái ấy đã nhìn thấy các vi Tỳ-khưu ây từ đàng xa đang đi lại, sau khi thây đã đi đên gân các vị Tỳ-khiru ây9 sau khi đến gần đã lúc lắc hong ở phía trước các vị Tỳ-khmi ấy, đã lúc lắc đuôi, đã đưa hông ra và đã làm dấu hiệu. Khi ấy, các vị Tỳ-khiru ấy đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, vi Tỳ-khưu ấy thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái này” rồi đã nấp vào ở một bên. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy sau khi đi khất thực \ r x ở trong thành Vesālī, đã mang đô ăn khát thực quay trở vê.

7 Chánh pháp (Saddhammā)'. Ngài Buddhaghosa giải thích Saddhammā gồm có ba phần: Pariyattisaddhamma (pháp học) gồm tất cả các lơi dạy của đức Phật đã được kết tạp thành Tam tạng; Patipattisaddhamma (pháp hành) là 13 pháp đầu-đà, 14 pháp hành, 82 phân sự chmh, Giới, Định vầ Minh sát; Adhigamasaddhamma (pháp đắc chứng) là 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn (VĩnẠ. L 225). Giải thích về 82 phận sự chính, Tīkā (Sớ giải) ghi răng: 66 phận sự của vị hành Parivãsa (băt đâu với điều: Không nên ban phép tu lên bậc trèn, Idiông nen đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi vị Tỳ- khưu ương sạch đi kinh hành ở trên mặt đất); Idiông ngụ chung với 5 hạng Tỳ-khưu (vị cũng thực hành Parivãsa nhưng thâm niên hơn, vị xứng đang [thực hanh] trơ lại từ đau, VỊ Tỳ-khưu xứng đáng hành mãnatta, vị đang thực hành Mãnatta, vị xứng đáng sự giải tội) tính là 5 điều, thành 71; không nen tiếp nhận sự đảnh lê, sự đứng dậy,sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các vị Tỳ-khưu trong sạcỉC tính là l điều, thành 72; không nen bối nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng ve giới, v.v... Tính là 10 điều; tổng cộng là 82 phận sự. 8 Từ "bất cộng trụ,, đã được sử dụng quen thuộc khi đề cập đến tội Pārājika, Thật ra, "bất cộng trụ" là từ dịch của asarnvãso trong câu ^ayampi pārājiko hoti asamvāso^, chứ không phải của Pārājika. Pārājika được xem là tên của tôi, còn asamvāso có thể xemjihu là một hình thức xử lý tội Pãrạịỉka, là khòng được sống chung và tiền hành các hành sự^như là lễ Uposatha, lễ Parāranā, v.v.*. Ngài Buddhaghosa chỉ ra động từ liên quan là ^parājeti = khuất phục, đánh bại, chế ngự, chiến thắng,, va giải thích rằng: Vị ^pārājiko)' là vị ^parājito" (parājito là quá khứ phân từ thê thụ động của parājeti, có nghĩa là "bj khuât phúc", ubị đánh b"", "bi chê ngụ*"). Như vậy, Pãrặịỉka có nghĩa là "kẻ thất trận, kẻ bại trận, người thua ẹuộc'\ và được sử dụng cho tên của một loại tội cực nặng trong Giới bổn (Pãtimokkhă) của ly-khưu, gồm 4 điều được trình bay trong chương này. Chúng tôi giư ngiìyên từ Pãrạịika, không dịch.

36 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

3 Khi ấy, con khỉ cái ấy đã đi đến gần vi Tỳ-khiru ấy. Rồi vị Tỳ-khưu ấy, sau khi thọ dụng đô khát thực ây một phân, đã cho con khỉ cái ây một phân. Sau đó, khi đã ăn xong, con khỉ cái ấy đã đưa hông ra cho vị Tỳ-khưu ấy. Khi ấy, vi Tỳ-khưu ấy thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái ấy. 4. Rồi các vi Tỳ-khưu ấy đã nói với vi Tỳ-khưu ấy điều này: Này Đại đức, chẳng phải điều học đã được đức Thế Tôn quy đinh hay sao? Này Đại đức, tại sao Đại đức lại thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái? -Này các Đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là với người nữ chứ không phải với thú cái. Này Đại đức, chẳng phải điều ấy là đúng như thế hay sao? Này Đại dức, thật không đúng đan, không hợp lẽ, không tót dẹp, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm! Này Đại đức, tại sao Đại đức sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyêt giảng như vây lại không thê thực hành Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đên sự không còn tham ái chứ không phải đê đưa đên tham ái, ..(nt).. đã đê cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này Đại đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa

có đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, các vi Tỳ-khưu áy đã trình sự việc ây len đức The Ton. 5. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi vi Tỳ-khưu ấy rằng: Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thể Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt dẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn đên cuôi cuộc đời? Này kẻ rô dại, không phải Ta băng nhiêu phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đên tham ái, ...(nt)... đã đê cập đên sự lăng diu của các nôi thôi thúc do dục vọng hay sao?

6 Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiêp còn là điêu cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Này kẻ rồ dại, bởi vì do nguyên nhân kia,9 ngươi có thê đi đên cái chét hoặc khô gân như chét, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chét đi, ngươi lại có thê bị sanh vào bát hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,9 10 khi tan rã thân xác và chết di, ngươi có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. 7. Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây lại là ngươi, tức là việc ngươi bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, két cuộc phải dùng nước tây rửa. Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. 8. Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khiru ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ5 sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khmi roi đã bảo các Tỳ- khưu rằng: 9. Này các Tỳ-khiru, như thế thì Ta sẽ quy đinh điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu, nhăm sự lạc trú của các Tỳ- khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của

những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

9 Nguyên nhân kia đã được giải thích ở phần trước. 10 Nguyên nhân này là việc đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái (ND).

38 * PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

"VỊ Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thủ cái là vi phạm tội Pārājika, không được cộng trủ'
Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.
[Sự quy định lần hai]
Dứt chuyện con khỉ cái.
-ooOoo—
TỤNG PHẨM UĐƯỢC CHE PHỦ” 1. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khiru nhóm Vajjiputtaka, tru xứ Vesālī đã thọ thực theo ý thích, ngủ theo ý thích, tắm theo ý thích. Sau khi đã thọ thực theo ý thích, sau khi đã ngủ theo ý thích, sau khi đã tắm theo ý thích, sau khi đã tác ý không chơn chánh, các vị ấy đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự r học tập và chưa bày tỏ lòng yêu nhược. Thời gian sau đó, các vi ấy bị tác động bởi sự bất hạnh của quyến thuộc, bởi Sự bát hạnh vê tài sản, bởi sự bát hạnh vê bệnh hoạn nên đã đi đên gặp Đại đức Ānanda và nói như vây: Thưa ngài Ānanda, chúng tôi không phải là những người chê bai đức Phật, không phải là những người chê bai giáo pháp, không phải là những người chê bai hội chúng. Thưa ngài Ānanda, chúng tôi là những người chê bai chính mình, là những người không chê bai kẻ khác. Chính chúng tôi không có may mắn, chúng tôi có phước báu ít ỏi, chúng tôi đây sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyêt giảng như vây lại không thê thực hành Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời. Thưa ngài Ānanda, nếu như giờ r z < l í. • đây chúng tôi có thê đạt được sự xuất gia trong sự chứng minh của đức Phật, có thể đạt được sự tu lên bậc trên, thì giờ đây chúng tôi cũng có thể là những người hành Minh sát, có thê sông găn bó với sự tu tập vê các thiện pháp, tức là các pháp có liên quan đên sự giác ngộ vào đâu đêm và cuôi đêm. Thưa ngài Ānanda, lành thay! Xin ngài hãy trình sự việc này lên đức Thế Tôn. Này các Đại dức, được rồi.

Nghe theo các vị nhóm Vajjiputtaka trú xứ Vesālī, Đại đức Ānanda đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã trình sự việc áy len đức The Ton. T 9 9 Jk

2. Này Ananda, việc Như Lai có thê hủy bỏ điêu học Pārājika đã được quy định cho các đệ tử vì lý do của các vi Vajjī hoặc của những người con trai của các vi Vajjī là điều không có cơ sở và không hợp lý. Sau đó? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rang:

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 39

Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khxru nào khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược mà thực hiện việc đôi lứa thì vị ấy không được tu lên bậc trên trong tương lai. Và này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khxiu nào sau khi lìa bỏ sự học tập và sau khi tuyên bố sự

yếu nhược rồi thực hiện việc đôi lứa thì vị ấy có thể được tu lên bậc trên trong tương lai. Và này các Tỳ-khiru9 các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: 3. "Vị Tỳ-khưu nào thọ trì sự học tập và lôi sông của các Tỳ-khưuf khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược, mà thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thủ cái là vi phạm tội Pārājika, không được cộng trủy [Sự quy đinh lần ba] 4. Vi nào: Là bát cứ vị nào có môi quan hệ như vây, có giai cáp như vây, có tên như vây, có họ như vây, có giới hạnh như vây, có tru xứ như vây, có nơi đi lại như vầy, là vị Trưởng lão [trên 10 năm Tỳ-khưu], hoặc là vi mới tu [dưới 5 năm], hoặc là vị trung niên [trên 5 năm]; vị ấy được gọi là nào.^, 5. Tỳ-khưu: đi khất thực" là Tỳ-khưu. "Vị chấp nhận việc đi khất thụ*c" là Tỳ-khưu. mặc y đã được cắt r&i" là Tỳ-khtru. Là Tỳ-khưu do sự thừa nhận. Là Tỳ-khưu do tự mình xác nhận. Là Tỳ-khưu khi được [đức Phật] nói rằng: “Này Tỳ-khưu, hãy đi đến.” "Vi đã tu lên bậc trên bằng Tam quy" là Tỳ-khưu. "Vị hiền thiện^, là Tỳ-khưu. "Vị có thực chất" là Tỳ-khiru. uVị Thánh Hữu học99 là Tỳ-khưu. uVị Thánh Vô hẹ)c" là Tỳ-khưu. "Vị đã được tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất bang hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng được duy tri" là Tỳ-khưu. ở đây, vị Tỳ-khưu đã được tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất, bang hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng được duy trì, vị này là Tkhưu” được đề cập trong ý nghĩa này.
6. Sự học tập: Có ba sự học tập: Sự học tập về tăng thượng giới, sự học tập về tăng thượng tâm, sự học tập về tăng thượng tuệ.11 ở đây, "sự học tập59 được đề cập trong ý nghĩa này là sự học tập về tăng thượng giới. 7. Lối sống nghĩa là điều học nào đã được đức Thế Tôn quy định, điều học ây gọi là lôi sông. Vì thê, vị học tập theo lôi sông ây được gọi là "thọ trì lối sống." 8. Khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược: Này các Tỳ-khưu, có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. Này các Tỳ-khưu, có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ. 9. Này các Tỳ-khưuf thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bối Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu bị bực bội? không

11 Adhisīla: Tăng thượng giới là Giới bổn (Pātimokkha). Adhicitta: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thê. Adhipaññā'. Tăng thượng tuệ là sự tu tập [các tâm] đạo siêu thê (VỉnA. L 244-45).

thỏa thích, có ý đinh giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bi hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, mong mỏi thân phận cư sĩ, mong mỏi thân phận người phụ việc chùa, mong mỏi thân phận Sa di, mong mỏi thân phận ngoại dạo, mong mỏi thân phận đệ tử ngoại đạo, mong mỏi thân phận không phải là Sa-môn, mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ đức Phật?” Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 10. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bi bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chil, ...(nt).. mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bo lẳng: “Hay là tôi nên lìa bỏ giáo pháp?" ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ hội chúng ?"...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là

tôi nên lìa bỏ sự học tap?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là toi nên lìa bỏ Luat?95 ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ Giới bổn (Pâtimokkha)T' ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ việc đọc tụng?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ thầy tế do?"...(nt).. noi ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ thầy dạy hoc?" ...(nt)... nói ra9 tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ đệ tử?” ..(nt).. noi ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ học tro?" ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy tế d?” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằn^: "Hay là tôi nên lìa bỏ vi có chung thầy dạy hẹ)c?" ...(nt)...nói ra, tuyên bố răng: "Hay là tôi nên lìa bỏ vị đồng Phạm h@nh?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành gia chiỉ?” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành nam cư si?” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rang: "Hay là tôi nên trở thành người phụ việc chùa?^, ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành Sa-di?" ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành ngoại dạo?" (nt) nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành đệ tử ngoại d@0?” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành không phải là Sa-môn?^ ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành không phải là Thích tử?" Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 11. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bi bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bi bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt).. mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Nếu nlnr tôi có thể lìa bỏ đức Phát?"...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “Nếu như tôi co thể không phải là Thích tử?” Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 12. Hoặc là ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: uGiờ tôi nên lìa bỏ đức Phật?9 ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Giờ tôi nên không phải là Thích tử." Này các Tỳ- khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 13. Hoặc là ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Vậy tôi hãy nên lìa bỏ đức Phát.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Vậy tôi hãy nên không phải là Thích tử." Này

các Tỳ-khưu5 như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 14. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Ước gì tôi có thể lìa bỏ đức Phát.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: UƯỚC gì tôi có thể không phải là Thích tử.” Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 15. Hoặc là [vi Tỳ-khưu] bi bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bôn chôn, bi hô thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt).. mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ mq." ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “T6i nhớ cha." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ anh [em] trai."...(nt).. nói ra? tuyên bố rằng: "T6i nhớ chị [em] gái."...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ con trai.” ...(nt)... nói ra, tuyên bo rang: "T6i nhớ con gai?9 ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ VỌT.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ quyến thuộc?5 ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i nhớ bạn b.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ làng que?5 ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "T6i nhớ phố phường,,^ ...(nt)...nói ra, tuyên bố rằng: "T6i nhớ ruOng.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ vườn.^, ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "T6i nhớ tiền vang.99 ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi

nhớ vàng kh6i.” ...(nt).. nói ra9 tuyên bố rằng: "T6i nhớ nghê nghiep." ...(ĩit).. nói ra, tuyên bô răng: "Tôi hôi tưởng lại sự cười, nói, đùa giỡn trước dây.” Này các Tỳ-khưu, như the là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 16. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn? trong khi bị bôn chôn, bị hô thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu9 mong mỏi thân phận gia chủ,...(nt).. mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có mẹ. Người ấy có thể nuôi t6i.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “T6i có cha. Người ấy có thể nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có anh [em] trai. Người ấy có thể nuôi tôi.,, ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có chị [em] gái. Người ấy có thể nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con trai. Nó có thể nuôi tôi.^, ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con gai. Nó có thể nuôi tôi?9 ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vợ. Cô ấy có thể nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có quyến thuộc. Họ có thể nuôi tồi y ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i có bạn bè. Họ có thể nuôi tôi?9 Này các Tỳ-khưu, như thê là có sự bày tỏ lòng yêu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 17. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bi bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bôn chôn, bị hô thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bô răng: “T6i có mẹ. Người ây sẽ nuôi t6i."...(nt)...nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có cha. Người ấy sẽ nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi

42 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

CÓ anh [em] trai. Người ấy sẽ nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có chị [em] gái. Người ấy sẽ nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con trai. Người ấy sẽ nuôi t6i." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con gái. Người ấy sẽ nuôi t6i.” ...(nt)...nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vợ. Người ấy sẽ nuôi tôi." nói ra, tuyên bô răng: "Tôi có quyên thuộc. Các người ây sẽ nuôi t6i.” ...(nt)... nói ra, tuyên bô răng: "Tôi có bạn bè. Các người ây sẽ nuôi t6i.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có làng quê. Tôi sẽ sống nhờ n6.” ...(nt)... nói ra, tuyên bô răng: "T6i có phô phường. Tôi sẽ sông nhờ nó.,, ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có ruộng. Tôi sẽ sống nhờ n6."...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vườn. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)...nói ra, tuyên bố rằng: “T6i có tiền vàng. Tôi sẽ sống nhờ nó?9 ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vàng khối. Toi sẽ sống nhờ n6.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: “T6i có nghề nghiệp. Tôi sẽ sống nhờ n6." Này các Tỳ-khiru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. 18. Hoặc là [vị Ty-khiru] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bi bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khiru, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Việc khó làm!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Không phải việc dễ làm!y ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Việc khó thực hành!59 ..(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Không phải việc dễ thực hnh!" ...(nt).. nói ra, tuyên bố rg: "Tôi không nỗ lực!99 ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không chịu đựng n6i!” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không sung sướng!" ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không thỏa thích!" Này các Tỳ-khiru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

f r 19. Này các Tỳ-khưuf thê nào là có sự bày tỏ lòng yêu nhược và sự học tập được lìa bối Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khtru bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn5 trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khiru, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt).. mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "T6i lìa bỏ đức Phát." Này các Tỳ-khmi, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ. 20. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bi bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chil, ...(nt).. mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ giáo pháp.” ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ hội chúng '...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ sự học tap" (nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "T6i lìa bỏ Luāt/9 ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ Giới bổn (Pātimokkhci)y ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng^ "Tôi lìa bỏ việc đọc tụng." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ thầy tế d."

..(nt).. nói ra, tuyên bô răng: "Tôi lìa bỏ thây dạy hoc?5 ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “T6i lìa bỏ de tử" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Toi lìa bỏ học trí).” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i lìa bỏ vi có chung thầy tế đậy ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ vi có chung thầy dạy học/9 ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i lìa bỏ vi đồng Phạm hạnh?9 ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi là gia chil" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi là cư si." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi là người phụ việc chiia." ...(nt)... nói ra? tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi là Sadi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi là ngoại dạo." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi là đệ tử ngoại dạo." ...(nt).. nói ra, tuyên bo rang: "Hãy ghi nhận tôi không phải là Sam6n." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Hãy ghi nhận tôi không phải là Thích tử." Này các Ty-khiru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ. 21. Hoặc là [vị Ty-khun] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-mon? trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu5 mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi đã chán đức Phát." ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi đã chán vị đồng Phạm hạnh." Này các Ty-khxru, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ. 22. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi còn liên quan gì với đức Phát?" ...(nt).. nói ra, tuyên bố rằng: "T6i còn liên quan gì với vị đồng Phạm hạnh?” Này các Tỳ-khưu, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ. 23. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i không cần đến đức Phát." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i không cần đến vị đồng Phạm hạnh." Này các Tỳ-khiru? như thế là ...(nt).. và sự học tập được lìa bỏ. 24. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố ràng: "T6i đã hoàn toàn lìa khỏi đức Phát.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "T6i đã hoàn toàn lìa khỏi vị đồng Phạm hạnh.” Này các Tỳ-khưu, như thê là có sự bày tỏ lòng yêu nhược và sự học tập được lìa bỏ. 25. Hoặc là, còn có những điêu khác ám chỉ đức Phật, hoặc ám chỉ giáo pháp, hoặc ám chỉ hội chúng, hoặc ám chỉ sự học tập, hoặc ám chỉ Luật, hoặc ám chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă), hoặc ám chỉ việc đọc tụng, hoặc ám chỉ thầy tế độ, hoặc ám chỉ thay dạy học, hoặc ám chỉ người đệ tử, hoặc ám chỉ người học trò, hoặc ám chỉ vi có chung thầy tế độ, hoặc ám chỉ vị có chung thầy

dạy học, hoặc ám chỉ vị đồng Phạm hạnh, hoặc ám chỉ gia chủ, hoặc ám chỉ nam cư sĩ, hoặc ám chỉ người phụ việc chùa, hoặc ám chỉ Sadi, hoặc ám chỉ ngoại đạo, hoặc ám chỉ đệ tử ngoại đạo, hoặc ám chỉ việc không phải là Sa-môn, hoặc ám chỉ việc không phải là Thích tử, và vi nói ra, tuyên bố với những hình thức ấy, với những biêu hiệnr ây, với những dâu hiệu ây. Này các Tỳ-khưu, như thê là có Sự bày tỏ lòng yêu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

44 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

26. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự học tập chưa được lìa bòi Này các Tỳ- khưu, ở dây, sự học tập được lìa bỏ với những hình thức, với những biểu hiện, với những dấu hiệu mà vị bị điên lìa bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bi điên thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vi có tâm bi rối loạn lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vi lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị có tâm bị rối loạn thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vi bi thọ khổ hành hạ lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vi bị thọ khổ hành hạ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vi lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của thiên nhân thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của loài thú thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điêu học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người bình dân, và nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người quý phái, và nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vi lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người quý phái nhưng nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người bình dân nhưng nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo lối đùa cợt thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học do bi lỡ lời thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vi ấy nói ra nhưng có ý định không cho nghe thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy có định cho nghe nhưng nói ra không nghe được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói với kẻ không hiêu biêt thì sự học tập vân chưa được lìa bỏ. Vị ây không nói ra cho nghe đên người hiêu biêt thì sự học tập vân chưa được lìa bỏ. Hoặc vị ây không nói ra đày đủ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự học tập chưa được lìa bỏ. 27. Việc đôi lứa nghĩa là việc nào là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người tháp kém? là xâu xa, két cuộc phải dùng nước tây rửa; việc ấy gọi là việc đôi lứa. 28. Thực hiện nghĩa là vi nào đưa vật biểu tượng vào vật biểu tượng, đưa dương vật vào âm vật, cho dâu chỉ [đưa vào] khoảng cách băng hạt mè, vị ây được gọi là thực hiện. 29. Ngay cả vói loài thú cái: Sau khi thực hiện việc đôi lứa với giống cái của loài thú thì không còn là Sa-môn? không còn là Thh tử nữa, chứ không phải chỉ với người nữ; vì thế được gọi là "ngay cả với loài thú cái." 30. Là vi phạm tội Pãrậiikax Cũng giống như người đàn ông bi chặt đứt đâu, không thê sông bám víu vào thân thê ây. Tương tợ như thê, vị Tỳ-khiru sau

khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sam6n, không còn là Thích tử; vì thế được gọi là phạm tội Pārājikay 31. Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng tru. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú.” 32. Nữ tánh có ba loại: Người nữ, phi nhân nữ, thú cái. Lưỡng căn có ba loại: Người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn. Vô cănn có ba loại: Người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn. Nam tánh có ba loại: Người nam, phi nhân nam, thú đực. 33. Vị thực hiện việc đôi lứa với người nữ theo ba đường: ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội Pārājika. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân nữ ...(nt)...với thú cái theo ba đường: ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội Pārājika, Vi thực hiện việc đôi lứa với người lưỡng căn ...(nt).. với phi nhân lưỡng căn ...(nt)... với thú lưỡng căn theo ba đường: ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội Pārājika. 34. Vị thực hiện việc đôi lứa với người vô căn theo hai đường: ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội Pārājika. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân vô căn ...(nt).. với thú vô căn ...(nt)... với người nam ...(nt)... với phi nhân nam ..(nt)...với thú đực theo hai đường: ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội Pārājika. 35. Vị Tỳ-khmi nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện của người nữ thì phạm tội Pārājika. Vị Tỳ-khưu nghĩ đên việc giao hợp roi đưa dương vật vào đường tiểu tiện ...(nt).. vào miệng của người nữ thì phạm tội Pārājika. Vi Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt).. vào đường tiểu tiện ...(nt).. vào miệng của phi nhân nữ ...(nt).. của thú cái ...(nt).. của người lưỡng căn ...(nt)... của phi nhân lưỡng căn ...(nt)... của thú lưỡng căn thì phạm tội Pārājika. 36. Vị Tỳ-khưu nghĩ đên việc giao hợp roi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt).. vào miệng của người vô căn thì phạm tội Pārājika. Vị Tỳ-khiru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào miệng của phi nhân vô căn ...(nt).. của thú vô căn ...(nt).. của người nam ...(nt).. của phi nhân nam ...(nt).. của thú đực ...(nt)... thi phạm tội Pārājika.

12 Từ Pali, pandakaisi đề cập đến phái nam. về phái nữ, các từ được tìm thấy làpandikā, itthipandikā, itthipandaka. Từ tiếng Anh tương đương là eunuch, được dịch sang tiếng Việt là "hoạn quan, thái giám.^, Từ "bj thiến" đã được dùng đến trong một số bản dịch trước đây. Lâu nay, chúng tôi hiểu theo y nghĩa thông thường đó. Gần đây, chúng toi tìm thấy từ jātipandaka, mới biết thêm được là có hạng ngươi pandaka bẩm sanh. Dựa theo phần giảng giải của giới Pārậiika thứ nhất này, chúng tôi có được khái niệm là hạng này không có bộ phận sinh dục, còn viec xác định nam hay nữ là do các đặc tính khác như vóc dáng, bô ngực, giọng nói? v.v... về tâm sinh lý, trong Mahāvagga (Đạiphẩm), thuộc Luật tạng có câu chuyện đe cạp đên ban chất ham muốn về nhục dục của hạng ngươi này. Chúng tôi tạm dịch la "v6 cn" cho hạng n^ười không có bộ phận sinh dục này, cho dù là bẩm sinh hay bị thiến.

37. Các Tỳ-khưu đối nghịch13 đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vi ấy] với đuờng đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi

được đây vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. Các Tỳ-khmi đối nghịch đem người nữ lại gần vi Tỳ- khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, [nhưng] ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pãrãịỉka. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vi ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, [nhimg] ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vi ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào5 không ưng thuận khi dừng lại, [nhưng] img thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vi ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, không ưng thuận việc rút ra thì vô tội. 38. Các Tỵ-khmi đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khini rồi kết hợp dương vật [vi ấy] với đường tiểu tiện ,..(nt)... với miệng [của cô ấy]. Nêu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 39. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ..(nt)...đang say sưa ...(nt).. bị điên...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt).. đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt).. đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt).. Nếu vi ấy ưng thuận ...(nt).. thi phạm tội Pārājika. 40. Các Tỳ-khiru đối nghịch đem người nữ đã chết, đã bi [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt).. với đường tiểu tiện ...(nt).. với miệng [của cô ấy]. Nêu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 41. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt)...người lưỡng căn ...(nt)...phi nhân lưỡng căn ...(nt).. thú lưỡng căn lại gần vi Tỳ- khưu rồi kết hợp dương vật [vị áy] với đường đại tiện ...(nt).. với đường tiêu tiện ...(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, img thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

13 Bhikkhupaccatthỉkã được Tīkā (Sớ giải) giải thích là: 4tCác kẻ đối nghịch của Tỳ-khưu„? còn ngài Buddhaghosa thiên về ý “Gác Tỳ-khưuđối n^hich." Theo văn phạm, hai cách dịch trèn đều có khả nang tùy theo cách phân tích hợp từ bhikkhupaccatthikā là tappurisq hay kammadhāraya. Sự chọn lựa của ngài Buddhaghosa có phần hợp lý hơn, xin xem giải thích ở phần ke.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 47

42. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt).. bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn...(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn ...(nt)... đã chét chưa bị [thú] ăn nhiêu phân ...(nt).. Nêu vi ây ưng thuận ...(nt).. thi phạm tội pãrajika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 43. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương

vật [vị ấy] với đường đại tiện …(nt).. với đường tiểu tiện …(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya, …(nt)… không ưng thuận thì vô tội. 44. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người vô căn …(nt)…phi nhân vô căn …(nt)… thú vô căn lại gần vị Tỳ-khmi rồi kết hợp dương vật [vi ấy] với đường đại tiện …(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, img thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm Pārājika. …(nt)… không img thuận thì vô tội. 45. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú vô căn đang tỉnh táo đang ngủ ..(nt)… đang say sưa …(nt).. bi điên …(nt)… đang đờ đẫn …(nt)… đã chết chưa bị [thú] ăn …(nt)… đã chét chưa bị [thú] ăn nhiêu phân. Nêu vị ây ưng thuận ..(nt)…thi phạm tội Pārājika. …(nt)… không ưng thuận thì vô tội. 46. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú vô căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vi Tỳ-khưu roi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện …(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vi ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ..(nt).. không ưng thuận thì vô tội. 47. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nam …(nt)…phi nhân nam …(nt).. thú đực lại gân vị Tỳ-khưu roi két hợp dương vật [vi áy] với đường đại tiện •.(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vi ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm Pārājika. …(nt)… không ưng thuận thì vô tội. 48. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú đực đang tỉnh táo …(nt)… đang ngủ ..(nt)… đang say sưa …(nt).. bị điên …(nt)… đang đờ đẫn…(nt)…đã chết chưa bị [thú] ăn đã chét chưa bi [thú] ăn nhiêu phân …(nt).. Nêu vị ây ưng thuận …(nt).. thi phạm tội Pārậiika. …(nt)… không ưng thuận thì vô tội. 49. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện …(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đay vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ..(nt)… không ưng thuận thì vô tội. 50. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện …(nt).. với đường tiểu tiện …(nt).. với miệng [của cô ấy], của cô ấy được che phủ và của vị ấy không được che phủ

7 A x 1 1 A D 7 , n

..(nt).. của cô ây không được che phủ và của vi ây được che phủ …(nt).. của cô ấy được che phủ và của vị ấy được che phủ …(nt)… của cô ấy không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. …(nt)… không ưng thuận thì vô tội. 51. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo … đang ngủ … đang say sưa… bị điên… đang đờ đẫn… đã chết chưa bị [thú] ăn… đã chết chưa bị [thú] ăn nhiêu phân … Nêu vi ây ưng thuận (nt) thì phạm tội Pārājika. …(nt).. không ưng thuận thì vô tội. 52. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ …(nt).. phi nhân nữ …(nt).. thú cái đã chết, đã bi [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện …(nt).. với đường tiểu tiện …(nt).. với miệng [của

đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ o , n o . • ..(nt).. của đôi tượng không được che phủ và của vị ây được che phủ ..(nt).. của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt).. của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 53. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người lưỡng căn ...(nt).. phi nhân lưỡng căn ...(nt).. thú lưỡng căn lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vi ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt).. với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vi ấy không được che phủ ... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy tmg thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không mig thuận thì vo tôi. 54. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ..(nt)... đang say sưa ...(nt).. bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn ...(nt)... đã chét chưa bị [thú] ăn nhiêu phân ...(nt)... thì phạm tội Pārājika. 55. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phàn lại gần vị Tỳ-khiru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ..(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)...của đối tượng không được che phủ và của vi ấy được che phủ ...(nt).. của đối tượng được che phủ và của vi ấy được che phủ ...(nt).. của đối tượng không được che phủ và của vị ây không được che phủ. Nêu vi ây ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ..(nt).. không ưng thuận thì vô tội.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 49

56. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người vô căn ...(nt)...phi nhân vô căn (nt) thú vô căn ...(nt)... người nam (nt) phi nhân nam (nt) thú đực lại gân vi Tỳ-khưu rồi két hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt).. với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt).. của đối tượng không được che phủ và của vi ấy được che phủ ..(nt)...của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt).. của đối tượng không được che phủ và của vi ấy không được che phủ. Nếu vi ấy img thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm Pārậịỉka. ...(nt)... không img thuận thì vô tội. 57. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người vô căn ...(nt).. thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt).. bị điên...(nt).. dang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ..(nt).. Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)...thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 58. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt).. với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vi ấy được che phủ ..(nt).. của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt).. của đối tượng không được che phủ và của vi ấy

không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 59. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt).. miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tôi. 60. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt).. bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ..(nt).. đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn nhiều phần ... Nêu vị ây ưng thuận ...(nt)...thì phạm tội Pārājika ...(nt)... không ưng thuận thì VO tội. 61. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đã chết, đã bi [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt).. miệng [của cô áy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vi ây ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đây vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... không img thuận thì vô tội. 62. Các Tỳ-khiru đối nghịch đem vị Tỳ-khun lại gần phi nhân nữ ...(nt).. thú cái ...(nt).. người lưỡng căn ...(nt).. phi nhân lưỡng căn ...(nt)... thú lưỡng căn (nt)...người vô căn (nt) phi nhân vô căn (nt)...thú vô căn (nt) người nam ...(nt).. phi nhân nam ...(nt).. thú đực rồi kết hợp đường đại tiện

..(nt)... miệng [của đôi tượng] với dương vật [vị ây]. Nêu vị ây ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đay vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 63. Các Tỳ-khiru đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(rít)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ..(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn ..(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt).. thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 64. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(rit).. miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ...(Dt).. không ưng thuận thì vô tội. 65. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện ..(nt)... đường tiểu tiện ...(nt).. miệng [của cô ấy] với dương vật [vi ấy], của vị ấy được che phủ và của cô ấy không được che phủ ...(nt).. của vị ây không được che phủ và của cô ấy được che phủ ..(nt).. của vị ấy được che phủ và của cô ấy được che phủ ...(nt).. của vi ấy không được che phủ và của cô ấy không được che phủ. Nêu vi ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đay vào? ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika, ..(nt).. Idiong ưng thuận thì vô tôi. 66. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đang tỉnh táo... (nt)... đang ngủ ...(nt)...đang say sưa ...(nt).. bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt).. đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn nhiều phần ... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt).. thì phạm tội Pãrãịỉka. ...(nt)... không img thuận thì vô tội. 67. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vi Tỳ-khtru lại gần người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện...(nt)... miệng [của cô áy] với

dương vật [vị áy], Nêu vị ây ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đây vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thuỉlaccaya. ...(nt)... không ung thuận thì vô tội. 68. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt).. người lưỡng căn ...(nt)...phi nhân lưỡng căn...(nt)... thú lưỡng căn rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] ..(nt).. lại gần người vô căn ...(nt).. phi nhân vô căn ...(nt).. thú vô căn...(nt)... người nam ...(nt).. phi nhân nam ...(lít)... thú đực ròi kết hợp đường đại tiện ...(nt).. miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy] ...(nt).. của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ ...(nt)...của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt).. của vị ấy được che phủ và của đối tượng được che phủ ...Ợit).. của vi ấy không được che phủ và của đôi tượng không được che phủ. Nêu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ung thuận việc rút ra thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA < 51

69. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ..(nt)... đang say sưa...(nt).. bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ..(nt).. đã chết chưa bi [thú] ăn ...(nt).. đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần Nếu vị ấy ưng thuận thì phạm tội Pārājika. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 70. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đã chết, đã bi [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt).. miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy], của vi ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ ...(nt).. của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt).. của vi ấy không được che phủ và của đối tượng không được che phủ. Nếu vi ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội. 71. Các vị vua đối nghịch14 ...(nt)...Các kẻ trộm cướp đối nghịch ...(nt).. Các kẻ vô lại đối nghịch ...(nt).. Các kẻ thảo khấu đối nghịch ...(nt).. thì phạm tội ...(nt).. thì vô tội [nên phân tích tương tợ như ở các phần liên quan đến "các Tỳ-khưu đối nghịch^]. [Phần í6Được che phh" đã được giảng xong]. 72. Đưa vào đường khiếu theo đường khiếu thì phạm tội Pãrậịỉka. Đưa vào nơi không phải là đường khiếu theo đường khiếu thì phạm tội Pãrãịika. Đưa vào đường khiếu không theo đường khiếu thì phạm tội Pārājika. Đưa vào nơi không phải là đường khiếu không theo đường khiếu thì phạm tội Thullaccaya. 73. Vị Tỳ-khưu vi phạm giới với vị Tỳ-khmi đang ngủ. Vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giác không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất. 74. Vị Tỳ-khưu vi phạm giới với vị Sa-di đang ngủ. Vị Sa-di thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vi Sa-di thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất. 75. Vị Sa-di vi phạm giới với vị Tỳ-khưu đang ngủ. Vị Tỳ-khưu thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vi Tỳ-khưu thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bi trục xuất. 76. Vị Sa-di vi phạm giới với vi Sa-di đang ngủ. Vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bi trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bi trục xuất.

14 Nếu ở trên dịch hợp từ bhikkhupaccatthìkã là 4tcác kẻ đối nghịch của Tỳ-khưu,, thì ở đây phải dịch rājapaccatthikā là 4tcac kẻ đối nghịch của vị vua", xét ra không hợp lý. Chính vì ở đây phai dịch là 44cac vị vua đối nghjch" nên có thê xác định ý nghĩa cho từ bhikkhupaccatthikā ở trên là'"các Tỳ-khưu đối nghịch.,,

52 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

77. Vi không biết, vị không ưng thuận, vi bi điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt tụng phẩm ÍẾĐược che phủ?5 -ooOoo—

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Con khỉ cái, các vi Vajjī, có [hình tướng] gia chủ, lõa thê và ngoại đạo, đứa bé gái, vị Ni uppalavannā, hai trường hợp chuyển tánh kỳ lạ. Người mẹ, con gái, chị [em] gái, người vợ, limg dẻo, dương vật dài, hai trường hợp vét loét, tranh vẽ và tượng gô. Với năm chuyện Sundara, năm ở bãi tha ma, khúc xương, rồng cái, dạ-xoa nữ, ma nữ, người vô căn, liệt cảm giác, khi đụng. Chuyện vi A-la-hán ngủ ở Bhaddiya, bốn chuyện Sāvatthi, Vesālī ba chuyện, vòng hoa, vi ngủ mơ, ở Bhārukaccha, Supabbâ, Saddhā, vị Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự9 vi Sa-di-ni, gái điếm, người vô căn, nữ gia chủ, lẫn nhau, vi lớn tuổi xuất gia, con nai. 1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện điều đôi lứa với con khỉ cái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội PārāJikaT" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (1) 2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu Vajjiputtaka cư trú ở Vesālī đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy đinh; phải chăng chúng ta đã phạm tội PārājikaT" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. -Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (2) 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Nhu thế này thì ta sẽ không phạm toi" rồi đã thực hiện việc đôi lứa với hình tướng gia chủ. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (3) 4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Nhu thế này thì ta sẽ không phạm t0f\ sau khi trở nên trân truông roi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị áy đã có nôi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (4)

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA e 53

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khxru nọ [nghĩ rằng]: "Nhu thế này thì ta sẽ không phạm toi", sau khi mặc vải sợi cỏ ...(nt).. sau khi mặc vỏ cây ...(nt).. sau khi mặc gỗ lát mỏng ..(nt).. sau khi mặc tấm mền bằng tóc ...(nt).. sau khi mặc cánh chim cú ...(nt).. sau khi mặc da sơn dương rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (5-11) 6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực. Khi thấy một đứa bé gái năm trên ghê, vi ây đã khởi dục vọng roi đưa ngón tay cái vào âm vật [của đứa bé gái]. Đứa bé gái đã chết. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khiru, không phạm tội Pārājika. Ngươi phạm tội Sañghādisesa. (12) 7. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên Bã-la-môn nọ đem lòng say đắm Tỳ-khưu-ni uppalavannā. Khi ấy, lúc Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã đi vào làng để khất thực, thanh niên Bâ-la-môn ấy đã đi vào liêu cốc, nấp kín rồi chờ đợi. Khi đi khất thực trở về sau bữa ăn?

Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã rửa chân rồi đi vào liêu cốc và ngồi xuống ở trên giường. Khi ấy, người thanh niên Bã-la-môn ấy đã nhấc bổng Tỳ-khưu-ni uppalavannā lên và làm điều tồi bại. Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kê lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, vị Ni không ung thuận thì vô tội.15 (13) 8. Vào lúc bây giờ, tướng trạng người nữ đã xuất hiện ở vị Tỳ-khiru nọ. Các VỊ đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chuyên sang [sinh hoạt] với các Tỳ-khưu-ni [và vân giữ nguyên] thây tê độ áy, sự tu lên bậc trên áy, các năm [thâm niên] áy. Những tội nào của các Tỳ-khưu có liên quan đên các Tỳ-khưu-ni, các tội ây được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các Tỳ-khưu-ni. Những tội nào của các Tỳ-khưu không có liên quan đến các Tỳ-khưu-ni thì được vô tội với các tội ấy. (14) 9. Vào lúc bấy giờ, tướng trạng người nam đã xuất hiện ở vị Tỳ-khưu-ni nọ. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chuyển sang [sinh hoạt] với các Tỳ-khiru [và vẫn giữ nguyên] thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm [thâm niên] ây. Những tội nào của các Tỳ-khưu-ni có liên quan đên các Tỳ-khưu, các tội ây được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các Tỳ-khưu. Những tội nào của các Tỳ-khưu-ni không có liên quan đến các Tỳ-khưu thì được vô tội với các tội ấy. (15)

T Lúc này, vị Tỳ-khưu-ni Uppalavanna đã là vị A-la-hán. Còn người thanh niên ấy, khi vừa đi khuất tầm mắt của vị Tỳ-khưu-4ii thi quả địa cầu đã nưt, tạo ra lỗ hổng hút vào lòng đất như thể quả địa cầu này không thể nâng đỡ nỗi kẻ đọc ác ấy. Anh ta lập tức bị đọa vao địa ngục Avīci và ở vào trạng thái bị lửa địa ngục thiêu đốt (VinA. I. 273).

54 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

10. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Nhu thế này thì ta sẽ không phạm tội,5 rồi đã thực hiện việc đôi lứa với người mẹ. ...(nt)... rồi đã thực hiện việc đôi lứa với con gái. ...(nt)... rồi đã thực hiện việc đôi lứa với chị [em] gái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Tỳ-khưu9 ngươi đã phạm tội Pārājika. (16-18) 11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārāịỉka. (19) 12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khxru nọ là người có lung dẻo. Vị ấy bi bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã dùng miệng ngậm lấy dương vật của mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu5 ngươi đã phạm tội Pārāịỉka. (20) 13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ là người có dương vật dài. Vị ấy bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã đưa dương vật của mình vào đường đại tiện của mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc (nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (21) 14. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã nhìn thấy thây người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm toi" rồi đã đưa dương vật vào bộ phận sinh dục rồi rút ra bằng chỗ vết loét. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (22) 15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nhìn thấy thây người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy [nghĩ rằng]: “Nhu thế này thì ta sẽ không phạm toi" rồi đã đưa dương vật vào vết loét rồi rút ra từ bộ phận sinh dục. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ..(nt)

-Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika, (23) 16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi khởi dục nên đã dùng dương vật [của mình] sờ vào vật biểu tượng ở tranh vẽ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (24) 17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật [của mình] sờ vào chỗ kín ở tượng gỗ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu? không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (25) 18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Sundara đã được xuất gia ở thành Rājagaha và [đang] đi trên đường. Có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vi ấy đã nói điều này: Thưa ngài, xin chờ chốc lát, tôi sẽ đảnh lễ. Trong khi đảnh lễ, người nữ ấy đã vén y nội lên rồi dùng miệng ngậm lấy dương vật [vi ấy]. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

—Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã ưng thuận? Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

Này Tỳ-khưu, vi không ưng thuận thì vô tội.16 (26)

16 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Vị này đẹp trai (sundarà) và là vị Bất lai nên không còn ưa

Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (32) 24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).. Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (33) 25. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khun nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và có va chạm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (34) 26. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và không va chạm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) _ Này Tỳ-khiru9 ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (35) 27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đem lòng say đắm người nữ nọ. Nàng ấy đã từ trần và bi quăng bỏ ở mộ địa. Các khúc xương đã bị phân tán rải rác. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đi vào bãi tha ma rồi thâu nhặt các khúc xương lại và đã đặt dương vật vào chỗ kín. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu? không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (36) 28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc đôi lứa với rồng cái. ...(nt).. đã thực hiện việc đôi lứa với dạ-xoa nữ. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với ma nữ. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với người vô căn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (37-40) 29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị liệt cảm giác. Vị ấy [nghĩ rằng]: “Ta đây không cảm giác được lạc hay khổ, như thế ta sẽ không phạm tội,9 rồi đã thực hiện việc đôi lứa. ...(nt)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại ấy đã phạm tội Pārājika. dàu đã cảm giác hay đã không cảm giác. (41) 30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thực hiện việc đôi lứa với người nữ" nhưng chỉ mới chạm vào vị ấy đã hối hận. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khiỉu? ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội

Sañghādisesa. (42) 31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Jātiyā, ở thành Bhaddiya. Các phân cơ thê của vị ây đã bị cương lên bởi gió. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy], đến khi đạt được mục đích đã bỏ đi. Các vị Tỳ-khưu nhìn thay [vi ấy] bị nhầy nhụa nen đã trình sự việc áy len đức The Ton.

Này các Tỳ-khưu, dương vật trở nên thích ứng do năm lý do: Do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bi cắn bởi sâu bọ. Này các Tỳ-khưu, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên thích ứng. Này các Tỳ-khưu, dương vật của vị Tỳ-khưu ây trở nên thích ứng do ái dục là điêu không có cơ sở và không hợp lý. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy là vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru ấy không phạm tội. (43) 32. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ năm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andhā, ở thành Sāvatthi. Có cô chăn bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ây]. Vị Tỳ-khưu ây đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đây vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ây đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (44) 33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andhā, ở thành Sāvatthi. Có cô chăn dê nọ nhìn thấy ...(nt)... Có cô đi mót củi nọ nhìn thấy ...(nt)...Có cô đi nhặt phân bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã img thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (45-47) 34. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvanaṃ trong thành Vesālī. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên dương vật [vị ấy], sau khi đạt được mục đích đã đứng cạnh bên rồi cười. Vị Tỳ-khưu ấy thức giấc đã nói với người nữ ấy điều này: -Có phải việc làm này là của cô? Thưa vâng, là việc làm của tôi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi có ưng thuận không? Bạch Thế Tôn, con không biết. -Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (48) 35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahâvana trong thành Vesālī, đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã lập tức đứng dậy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã ưng thuận? Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

Này Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội. (49) 36. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahãvana trong thành Vesālī, đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ

nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vi ấy]. Vi Tỳ-khưu ấy đã nhổm dậy khiến cô ấy lăn tròn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã ưng thuận? Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

—Này Tỳ-khưu, vi không ưng thuận thì vô tội. (50) 37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày tại giảng đường Kūtāgāra, ở Mahāvana, trong thành

Vesālī đã mở cửa lớn roi năm xuồng. Các phân thân thê của vị ây đã bị cương lên bởi gió. Vào lúc bây giờ, có nhiêu người nữ mang theo vật thơm và tràng hoa đã đi đến tu viện ngắm nhìn các trú xá. Khi ấy, những người nữ ấy đã nhìn thấy vi Tỳ-khưu ấy nên đã ngồi lên trên dương vật [vi ấy], đến khi đạt được mục đích đã nói rằng: "Bây quả thật là người như bò mOĩig", sau khi để lại vật thơm và tràng hoa rồi đã bỏ đi. Các vị Tỳ-khưu nhìn thấy [vi ấy] bị nhầy nhụa nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? dương vật trở nên thích ứng do năm lý do: Do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bi cắn bởi sâu bọ. Này các Tỳ-khưu, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên thích ứng. Này các Tỳ-khưu? dương vật của vị Tỳ-khưu ấy trở nên thích ứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này các Tỳ-khmi, vị Tỳ-khmi ấy là vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu ấy không có phạm tội. Này các Tỳ-khiru, đối với vi nghỉ ngơi vào ban ngày, Ta cho phép nghỉ ngơi sau khi đã đóng cửa lớn lại. (51) 38. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ người thành phố Bhãrukaccha, trong lúc đang ngủ [mơ thấy] đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ [nên nghĩ rằng]: “Ta không còn là Sa-môn nữa, ta sẽ hoàn tục." Trong lúc đi đến thành phô Bhârukaccha, giữa đường đã nhìn thây Đại đức upâli và đã kê lại sự việc ấy. Đại đức upâli đã nói như vầy: Này Đại đức, với vị đang ngủ mơ thì không phạm tội. (52) 39. Vào lúc bây giờ, nữ cư sĩ tên Supabbâ ở trong thành Rājagaha là người CÓ đức tin mù quáng. Cô ây có tri kiên như vây: "Người nữ nào dâng cúng việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng." Sau khi nhìn thấy vị Tỳ- khưu, cô ấy đã nói điều này: Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa. Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

-Thưa ngài, hãy đên. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai băp vê; như thê ngài sẽ không phạm tội. Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu? không phạm tội Pārājika mà phạm tội Sañghādisesa. (53) 40. Vào lúc bấy giờ9 nữ cư sĩ tên Supabbâ ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có quan điểm như vầy: "Người nữ nào dâng cúng

việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng." Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, cô ấy đã nói điều này: Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa. Này chi gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

Thưa ngài, hãy đên. Ngài hãy cọ xát ở lô rún; ...(nt).. Thưa ngài, hãy đên. Ngài hãy cọ xát ở bụng; r...(nt).. Thưa ngài, hãy đen. Ngài hãy cọ xát ở nách; 9 ĩ ..(nt)...Thưa ngài, hãy đên. Ngài hãy cọ xát ở cô; ...(nt).. Thưa ngài, hãy đên. Ngài hãy cọ xát ở lỗ tai; ...(nt)...Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở bím tóc; ..(nt).. Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai ngón tay;...(nt).. Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ dùng tay ra sức và làm [ngài] xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội. Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu5 ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Sañghādisesa. (54-61) 41. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Saddhā ở trong thành Sāvatthi là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có quan điểm như vầy: "Người nữ nào dâng cúng việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng." Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khiru? cô ấy đã nói điều này: Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi

lứa. -Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép. Thưa ngài, hãy đên. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai băp vê;...(nt).. Thưa ngài, hãy đên. Tôi sẽ đên gân và dùng tay làm (ngài) xuât tinh; như thê ngài sẽ không phạm tội. Vị Tỳ-khtru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Sañghādisesa. (62-70) . 42. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavī ở thành Vesālī đã bắt giữ vi Tỳ- khưu, rồi buộc phải phạm giới với vị Tỳ-khưu-ni. Cả hai đã ưng thuận. Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt).. Cả hai đã không ưng thuận. Cả hai đều vô tội. (71)

43. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavī ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ- khưu, rồi buộc phải phạm giới với cô Ni tu tập sự. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với vị Sa-di-ni. Cả hai đã ưng thuận. Cả hai nên bi trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận. Cả hai đều vô tội. (72-73)

60 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

44. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavī ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ- khưu, rồi buộc phải phạm ẹiới với gái điếm. ...(nt).. rồi buộc phải phạm giới với người vô căn. ...(nt)... roi buộc phải phạm giới với nữ gia chủ. Vi Tỳ-khưu đã ưng thuận. -Vị Tỳ-khiru nên bị trục xuất. ...(nt).. Vị Tỳ-khưu đã không ưng thuận. -Vị Tỳ-khim vô tội. (74-76) 45. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavī ở thành Vesālī đã bắt giữ các vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới lẫn nhau. Cả hai đã ưng thuận. Cả hai nên bi trục xuất.

..(nt)... Cả hai đã không img thuận. Cả hai đều vô tội. (77)

46. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ xuất gia lúc tuổi đã lớn. Vị ấy đã đi gặp người vợ cũ. Cô ấy đã níu giữ lại [nói răng]: Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy hoàn tục. Vị Tỳ-khưu ấy trong lúc bước lui đã té ngửa ra. Cô ấy đã giở [y] lên rồi ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội. (78) 47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ ngụ ở trong rừng. Có con nai tơ đã đi đến chỗ tiểu tiện của vị ấy. Trong lúc đang uống nước tiểu, nó đã dùng miệng ngậm lấy dương vật [vi ấy]. Vị Tỳ-khiru ấy đã ưng thuận. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc roi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này Tỳ-khưu9 ngươi đã phạm tội Pārājika. (79)

Dứt điều Pārājika thứ nhất —ooOoo—

2.2. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha ở Gijjhakūta. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu thân thiết, đồng quan điểm đã dựng lên ở sườn núi Isigili những túp lều bang cỏ roi vào mùa [an cư] mưa. Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm cũng đã dựng lên túp lều bằng cỏ và vào mùa [an cư] mưa. 2. Sau đó, khi đã sông qua mùa mưa đên hét ba tháng, các vị Tỳ-khưu áy đã tháo gỡ các túp lều cỏ, thu xếp cỏ và gỗ lại, rồi ra đi du hành trong xứ sở. Còn Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã cư trú mùa mưa ở chính nơi ấy, mùa lạnh ở nơi ấy và mùa nóng ở nơi ấy. 3. Sau đó, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

4. Đen lần thứ nhì, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, đã gom góp Cỏ và gô roi dựng lên túp lêu cỏ. Đên lân thứ nhì, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt c6, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lêu cỏ, đoạt lây cỏ và gô roi [mang] đi. 5. Đến lần thứ ba, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Đen lần thứ ba, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. 6 Khi ấy, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã khởi ý điều này: "Quả thật đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lêu cỏ, đoạt lây cỏ và gô roi [mang] đi. Vả lại, ta đã khéo học tập nghề làm đồ gốm ở nơi thầy ta không sai sót và có tay nghề thiện xảo; hay là ta nên đích thân nhôi trộn đát bùn và tạo nên một túp lêu toàn bằng đất s6t?" 7. Sau đó9 Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đích thân nhồi trộn đát bùn và tạo nên một túp lêu toàn băng đát sét, roi đã thu nhặt cỏ, củi, phân bò khô và nung chín túp lều ấy. Túp lều ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến. Giống như tiếng vang của cái chuông nhỏ, âm thanh của túp lều ấy cũng tương tợ như thế. 8. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc từ Gijjhakūta đi xuống cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã nhìn thấy túp lều đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến ấy, sau khi nhìn thấy đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, cái vật đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xăn, có màu đỏ như cánh kiến kia là vật gì vậy? 9. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khiru? thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn9 không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khiru? vì sao kẻ rồ dại ấy lại đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét? Này các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại ấy quả không có sự quan tâm, không có lòng thương xót, không có tâm vô hại đối với các sanh mạng! Này các Tỳ-khưu, hãy đi và phá vỡ túp lều ấy. Chớ đe loài người sau này [theo gương đó] gây nên việc giết hại các sanh mạng. Này các Tỳ-khưu? không nên thực hiện cốc liêu toàn bằng đất sét; vi nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 10. - Bạch Ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến túp lều ấy, sau khi đến đã phá vỡ túp lêu ây. Khi ây, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gôm đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Đại đức, vì sao các vị phá vỡ túp lêu của tôi vậy?

-Này Đại dức, đức Thế Tôn bảo phá vỡ. Này các Đại đức, nếu bậc Pháp Chủ bảo phá vỡ thì các vị hãy phá vỡ đi.

11. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã khởi ý rằng: uQuả thật đã đến lần thứ ba5 lúc ta dã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Ngay cả túp lều toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Và có viên quản lý kho gô là người đông đạo với ta; hay là ta nên yêu câu viên quản lý kho gỗ cho các cây gỗ rồi tạo nên túp lều bằng gỗ?" 12. Sau đó? Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi đến gặp

viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này: Này đạo hữu, quả đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ5 những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Ngay cả túp lều toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Này đạo hữu, hãy cho ta các cây gỗ; ta muốn thực hiện túp lều bằng gỗ. Thưa ngài, các cây gỗ mà tôi có thể dâng ngài thì các loại như thế ấy không có. Thưa ngài, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự, nếu đức vua bảo cho các thứ ấy thì thưa ngài, ngài hãy bảo người mang đi. -Này đạo hữu, đã được đức vua cho rồi. 13. Khi ấy, viên quản lý kho gỗ [nghĩ rằng]: uCác Sa-môn Thích tử này quả thật là những vị thực hành pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp. Ngay cả đức vua cũng tinh tín những vị này. Không thể nào họ lại nói: 'Đã được cho' về vật chưa được cho" nên đã nói với Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm điều này: Thưa ngài, ngài hãy cho người mang đi. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã cho người cắt xẻ các cây gỗ ấy thành từng miếng, đã cho chuyển đi bằng các xe tải, rồi đã thực hiện túp lêu bằng gỗ. 14. Sau đó? Bà-la-môn Vassakâra là quan đại thần xứ Magadha, trong lúc đi thanh tra các công việc trong thành Rājagaha đã đi đến gặp viên quản lý kho go, sau khi đen đã noi vơi viên quan ly kho go điêu nay: Này khanh, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được đê riêng, phòng lúc hữu sự, những cây gô ây đâu roi? Thưa quan lớn, những cây gỗ ấy đã được đức vua cho đến ngài Dhaniya, con trai người thợ gốm rồi. 15. Khi ấy, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã trở nên không hoan hỷ [nghĩ rằng]: "Vi sao đức vua lại cho Dhaniya, con trai người thợ

_ Á _ _ K J1 /\ Á 1 Á 1__ 1 • A _ J Ả aL > — L _L Á a_____ 4- Ậ gôm, những cay go thuộc quoc kho la vạt liêu tu bo thanh pho được đê riêng, phòng lúc hữu SỊT?" 16. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāraṃ quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: -Tâu Bệ hạ, nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự đã được Bệ hạ cho đến Dhaniya, con trai người thợ gom, có đúng không vậy? Ai đã nói như thế? Tâu Bệ hạ, viên quản lý kho gỗ. Này Bà-la-môn, vậy thì khanh hãy cho lệnh gọi viên quản lý kho gỗ.

17. Sau đó? Bà-la-môn Vassakâra, quan đại thần xứ Magadha đã truyền lệnh trói viên quản lý kho gỗ. Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã nhìn thấy viên quản lý kho gỗ bị trói lại và đang bị dẫn đi, sau khi nhìn thấy đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này: Này đạo hữu, vì sao ngươi bi trói và bị dẫn đi vậy? rpi A 2 _q • /y 9 [M X Á Thưa ngai, VI sự việc cua nhưng cay go ay. Này đạo hữu, ngươi cứ đi. Ta cũng đi nữa. Thưa ngài, ngài nên đi đến trước khi tôi bị giết chết.

18. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi đến hậu cung của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm rồi

ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gom điều này: 19. - Thưa ngài, nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự đã được trẫm cho đến ngài, có đúng không vậy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa ngài, chúng tôi là những vị vua có nhiêu phận sự, có nhiêu việc phải làm, ngay cả sau khi đã cho, chúng tôi cũng không the nhớ được. Thưa ngài, giờ xin hãy nhắc lại. -Tâu Đại vương, ngài có nhớ khi được phong vương lần thứ nhất, ngài đã tuyên bố lời như vầy: "C6, gỗ và nước đã được dâng đến các Sa-mon và Bà-la- mon? hãy để cho các vị sử dung.99 -Thưa ngài, trẫm đã nhớ rồi. Thưa ngài, có những Sa-môn và Bà-la-môn khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy có sự hối hận cho dù sự

việc là nhỏ nhặt, và vật đã được trẫm nói có liên quan đến các vị ấy là vật vô chủ ở trong rừng. Thưa ngài, ngài đây suy nghĩ dùng mưu mẹo ấy để lấy vật chưa được cho là các cây gỗ. Làm sao trẫm đây có thể hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất vị Sa-môn hay vi Bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ được? Thưa ngài, ngài hãy đi. Ngài được tự do nhờ vào hình tướng. Ngài cũng chớ có tái phạm việc như vầy nữa! 20. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: uCác Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vi này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vi này đã bi hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này còn đánh lừa ngay cả đức vua, thì còn gì nữa đối với những người khac?^ 21. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào r ít ham muôn, tự biêt đủ5 khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học e A : .

tập, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vay?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 22. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, rằng: Này Dhaniya, nghe nói ngươi lây vật chưa được cho là các cây gô của đức vua, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rô dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. 23. Vào lúc bấy giờ, có vi nọ trước kia là quan đại thần xử án, nay đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu, đang ngồi cách đức Thế Tôn không xa. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: -Này Tỳ-khưu, với mức bao nhiêu thì đức Vua

Seniya Bimbisâra xứ Magadha [sẽ] hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất kẻ trộm cắp sau khi bắt được?

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 65

Bạch Thế Tôn, với một pāda^ hoặc tương đương với một pãda, Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, năm mãsaka thì bằng một pâda. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào lấy vật không được cho theo lối trộm cướp; tương tợ như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có the hành hạ, hoặc có the giam giữ, hoặc có the trục xuất [phản rang]: 'Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ nguf ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướp ; tương tợ như thế, vị Tỳ-khỉm khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú' Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] 1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm mang về tu viện chia nhau. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này các Đại đức, các vi thật là đại phước! Có nhiều y đã được phát sanh đến các vị. Này các Đại dức, do đâu mà chúng tôi có phước? Hôm nay, chúng tôi đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm. -Này các Đại dức, không phải điêu học đã được đức Thê Tôn quy định hay sao? Này các Đại dức, tại sao các người lại lấy trộm gói đồ nhuộm? -Này các Đại đức, đúng vậy. Điêu học đã được đức Thê Tôn quy định và điêu ây là ở trong làng, không phải ở trong rừng. 2. Này các Đại đức, điều ấy không phải là như thế hay sao? Này các Đại đức, thật không đúng đăn9 không hợp lẽ, không tót đẹp, không xứng pháp Sa- môn, không được phép, không nên làm! Này các Đại đức, vì sao các Đại đức lại lấy trộm gói đồ nhuộm? Này các Đại đức, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Này các Đại

17 Theo ngài Buddhaghosa, đơn vị tiền tệ thời ấy là kahāpana^ và l kahāpana = 4 pãda = 20 mãsaka (VinA. II. 297). Thượng tọa Thumana, ở bản dịch sang tiêng, Anh của bộ Luật Pārâjĩkapãlị do Departmentfor the Promotion and Propagation of the Sāsanā xuat bản ở Miến Điện, lấy đơn vị tiền tệ làm sự so sanh nên cho rằng: "Nếu lấy trom 1/4 kyat sẽ phạm tội Pārājikd" (l US dollar # 10Ò0 kyat vào nắm 2002). Hơn nữa, baht, đơn VỊ tiền tệ ở Thái Lan chính là từ pāda cua Pālijy US dollar # 45 baht vào năm 2002). Tài liệu Luật Xuất gia tóm tát của HT. Hộ Tông cũng cho rằng: l pāda tương đương 6 các bạc Việt Nam năm 1966. Nêu so sánh theo cách này thì chỉ cần trộm l vật có giá trị rát nhỏ cung đã phạm tội Pārājika. Tài liệu Vinayamukha của ngài Mahāsamanā Chao (Thai Lan) có giới thiệu mọt cách tính như sau: "Theo Sớ giải (Tīka), l māsaka\x\ giá bằng số vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của 4 hạt gạo." Như vậy, l pāda sẽ có giá trị vang có trọng lượng tương đương Ượng lượng của 4 x 5 = 20 hạt gạo, ọghe đâu có ngươi đã ước lượng vào Idioảng 5 phân vang. Mặt khạc, theo câu chuyện duyên khởi cua điều Nissaggiyaúiứ 18, thì l pāda lúc bấy giơ chi mua được mọt miếng thịt nhỏ vừa miệng ăn của một đứa bé. Them vào đó, các câu chuyện dẫn giải cũng có the giúp cho người đọc có thêm được khái niệm về trị giá của 5 mãsaka vào thời bay giờ.

đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa : 9J y e r e . CÓ đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. 3 Sau đó, khi đã khiên trách các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư băng nhiêu phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức The Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp>5 không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rồ dại5 vì sao các ngươi lại đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: ^Vị Tỳ-khưu nào lấy vật không được cho từ làng hoặc từ rừng theo lối trộm cướp; tương tợ như trong vụ đánh cắp, các vi vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có the hành hạf hoặc có the giam giữ, hoặc có the trục xuất [phản rằng]: 'Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướptương tợ như the, vị Tỳ-khưu trong khi lay vật không được cho, vị này cũng là vỉ phạm tội Pārājika, không được cộng trủ, [Sự quy đinh lần hai] 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: đi khất thực^, là Tỳ-khiru. ...(nt)... vi này là "vị Ty-khurT được đề cập trong ý nghĩa này. Làng nghĩa là một túp lều cũng là làng. Hai túp lều cũng là làng. Ba túp lều cũng là làng. Bốn túp lều cũng là làng. Làng có người. Làng không có người. Làng được rào lại. Làng không được rào lại. Nơi các bầy bò được chăn, thả dừng lại tạm nghỉ cũng được gọi là làng. Thậm chí, đoàn xe tải của thương buôn dừng lại trên bốn tháng cũng được gọi là làng. Vùng ven làng nghĩa là [tính đến] chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] hạnệ trung đứng ở bục cổng của ngôi làng được rào lại, [hoặc tính đến] chỗ rơi xuông của cục đát được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] hạng trung đứng ở vùng biên của các ngôi nhà thuộc ngôi làng không được rào lại. Rùng nghĩa là trừ đi làng và vùng ven làng, phần còn lại gọi là rừng. Vật không được cho nghĩa là vật nào chưa được cho, chưa được trao, chưa được dứt bỏ, đư

Theo lối trộm cướp: Có tâm trộm cướp, có tâm lấy trộm. Lấy: Vị lấy đi, vị mang đi, vị lấy trộm, vị làm thay đổi tư thế, vị làm di chuyển khỏi vị trí, vị vượt qua sự quy định. Có hình thức như thế nghĩa là một pãda, hoặc tương đương một pâda. hoặc hơn một pãda. Các vi vua nghĩa là các vị vua [cai trị] toàn trái đất, các vị vua của một xứ, các vi vua của một vùng, các vị trưởng bộ tộc, các quan xử án, các quan đại thần, hoặc các vi nào điều khiển việc gia hình, các vị này gọi là các vị vua. Kẻ trộm nghĩa là kẻ nào lấy đi theo lối trộm cướp vật không được cho trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mâsaka, kẻ ấy gọi là kẻ trộm. Hoặc có thể hành hạ: Họ có thể hành hạ bằng tay, hoặc bằng chân, hoặc băng roi, hoặc băng gậy, hoặc băng dùi cui, hoặc băng cách làm cho tàn phê. Hoặc có thể giam giữ: Họ có thể giam giữ theo cách trói bằng dây thừng, hoặc theo cách trói bằng xiềng xích, hoặc theo cách trói bằng cùm, hoặc bằng cách giam trong nhà ngục,

hoặc băng cách giữ trong thành phô, hoặc băng cách giữ trong làng, hoặc bằng cách giữ trong thị trấn, hoặc họ có thể thực hiện việc cho người canh gác. Hoặc có the trục xuất: Họ có thê trục xuất ra khỏi làng, hoặc ra khỏi thị tran, hoặc ra khỏi thành pho, hoặc ra khỏi khu vực, hoặc ra khỏi xứ sở. Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướp: Điều này là sự quở trách. Có hình thức như thế nghĩa là một pãda. hoặc tương đương một pãda. hoặc hơn một pãda. Trong khi lấy: Trong khi lấy đi, trong khi mang đi, trong khi lấy trộm, trong khi làm thay đổi tư thế, trong khi làm cho rời khỏi vị trí, trong khi vượt qua sự quy đinh. Vi này cũng: Được đề cập liên quan đến vị trước đây Là vị phạm tội Pārājikat Cũng giông như chiêc lá vàng đã lìa khỏi cành, không thể xanh trở lại; tương tợ như thế, vi Tỳ-khim lấy đi theo lối trộm cướp vật không được cho có giá tri một pâda. hoặc tương đương một pãda. hoặc hơn một pâda thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là "vị phạm tội Pārājikay Không được cộng trú: Sự cộng tru, nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ây không có được điêu ây, vì thê được gọi là "không được cộng tni.'

68 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

[Tiêu đề hướng dẫn] 1. Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không, vật ở trong nước, vật ở trên chiếc thuyền, vật ở trong xe, vật là gói hàng, vật ở trong vườn, vật ở trong trú xá, vật ở trong ruộng, vật ở trong khu đất, vật ở trong làng, vật ở trong rừng, nước, tăm xỉa răng, cây rừng, vật được mang đi, vật được ký gởi, trạm thuế, sinh mạng, loài không chân, loài hai chân, loài bốn chân, loài nhiều chân, người theo dõi, người bảo vệ vật ký gởi, lấy trộm theo kế hoạch, hành động theo sự quy định, hành động theo dấu hiệu. 2. Vật ờ trong đất nghĩa là vật được đặt xuống, được chôn, được phủ kín ở trong lòng đất. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong đất: "Ta sẽ lấy tr0m9\ rồi kiếm thêm người thứ hai, hoặc tìm kiếm cái thuổng hay cái giỏ, hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; chặt cây hoặc dây leo mọc ở nơi ấy thì phạm tội Dukkata; đào đất, hoặc xắn ra, hoặc lấy lên thì phạm tội Dukkata;ÌS sờ vào cái hũ thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Sau khi đưa vật đựng của mình vào [trong hũ]1819 rồi khởi tâm trộm cắp vật có giá trị năm mãsaka hoặc hơn năm mâsaka. sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ bỏ vào trong vật đựng của mình hoặc tách ra một nắm tay thì phạm tội Pārājika. Vi khởi tâm trộm cắp vật làm theo dạng sợi: Hoặc là dây thắt lưng, hoặc là dây chuyền cổ, hoặc là dây chuyền ở hông, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ nắm vào chóp [của một vật nào] rồi nâng lên thì phạm tội Thullaccaya^ chà xát rồi bỏ xuống thì phạm tội Thullaccaya*. đưa ra khỏi miệng hũ, cho dù khoảng cách chỉ mảnh như sợi tóc thì phạm tội Pārājika, Vi khởi tâm trộm cắp bơ lỏng, hay dầu ăn5 hay mật ong, hay nước mía rồi uống trong một lần tri giá năm mãsaka hoặc hơn năm mâsaka thì phạm tội Pārājika. Ngay tại chỗ đó, đập bể, hoặc đổ bỏ, hoặc đốt đi, hoặc làm cho không còn sử dụng được nữa thì phạm tội Dukkata. 3. Vật ờ trên đất nghĩa là vật được đặt xuống ở trên mặt đất. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên mặt đất: "Ta sẽ lấy trộm^, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội

Dukkaía; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 4. Vật ờ trên không nghĩa là vật di chuyển ở trên không, hoặc là chim công, hoặc là chim đa đa, hoặc là gà gô, hoặc là chim cun cút, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, hoặc là bạc, hoặc là vàng đang bị bể ra và rơi xuống. Vi khởi tâm trộm cắp vật ở trên không: “Ta sẽ lấy trộm5\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; làm gián đoạn sự di chuyển thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika.

18 Lẽ ra phải là tội Pãcittiya (ND). 19 Vì không thể đưa hũ lên khỏi hố chôn được (VinA. II. 316).

5. Vật ờ khoảng không nghĩa là vật được đặt ở khoảng không [cách khoảng . * r

với mặt đất] hoặc là ở trên giường, hoặc là ở trên ghê, hoặc là ở sào máng y, hoặc là ở dây treo y, hoặc là ở chót đinh đóng ở tường, hoặc là ở cái móc ngà voi, hoặc là được treo trên cây, thậm chí chỉ ở trên vật kê bình bát. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở khoảng không: “Ta sẽ lấy trộm,\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 6. Vật ờ trong nước nghĩa là vật được đặt ở trong nước. Vi khởi tâm trộm cắp vật ở trong nước: "Ta sẽ lấy trộm,\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkaía; lặn xuống hoặc nổi lên thì phạm tội Dukkata\ sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp hoặc là đóa sen xanh, hoặc là đóa sen hồng, hoặc là đóa sen trắng, hoặc là ngó sen mọc ở nơi ấy, hoặc là cá, hoặc là rùa tri giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka, roi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 7. Thuyền nghĩa là vượt qua [hồ, sông, biển, v.v...] bằng vật ấy. Vật ờ trên chiếc thuyền nghĩa là vật được đặt ở trên thuyền. Vi khởi tâm trộm cắp vật ở trên chiếc thuyền: "Ta sẽ lấy trộm,\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉaccaya\ làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp chiếc thuyền: "Ta sẽ lấy tr0m", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ tháo dây buộc thì phạm tội Dukkata; sau khi tháo dây buộc, sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm di chuyên lên, hoặc xuống, hoặc ngang, cho dù khoảng cách chỉ mảnh như sợi tóc thì phạm tội Pārājika. 8. Xe nghĩa là xe có mui, xe kéo hai bánh, xe tải hàng, xe ngựa kéo. Vật ờ ỉ

trong xe nghĩa là vật được đặt ở trong xe. Vị khởi tâm trộm cap vật ở trong xe: "Ta sẽ lấy tr0m", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thuỉaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pãrãịika. Vi khởi tâm trộm cắp chiếc xe: “Ta sẽ lấy trộm,\ rồi kiếm thêm người

thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata\ sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 9. Gói hàng nghĩa là gói hàng ở trên đầu, gói hàng ở vai, gói hàng ở hông, vật được đeo. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở trên đầu rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata^ làm lay động thì phạm tội Thullaccayư. đưa xuống vai thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cáp roi sờ vào gói hàng ở trên vai thì phạm tội Dukkaịa\ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ đưa xuống hông thì phạm tội

y 9

Pārājika. Vị khởi tâm trộm cap gói hàng ở hông roi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; cầm bang tay thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở tay rồi đặt xuống mặt đất thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp rồi nhấc lên khỏi mặt đất thì phạm tội Pārājika. 10. Vườn nghĩa là vườn hoa, vườn trái cây. Vật ờ trong vườn nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong vườn: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong vườn: “Ta sẽ lấy trộm,\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cap vật mọc ở nơi ấy hoặc là rễ cây, hoặc là vỏ cây, hoặc là lá cây, hoặc là bông hoa, hoặc là trái cây trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka. rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata} làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị kiện cáo ve khu vườn thì phạm tội Dukkata} làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội Thullaccaya^ người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Khu vườn] sẽ không còn là của tôi nữa" thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội Thullaccaya, 11. Vật ờ trong trú xá nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong tru xá: Vật trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong tru xá: “Ta sẽ lấy tr0m,9, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata\ sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thuỉiaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị kiện cáo về trú xá thì phạm tội Dukkata; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội Thullaccaya; người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Trú xá] sẽ không còn là của tôi nữa" thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công ly? [nếu] thắng người chủ thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội Thullaccaya. 12. Ruộng nghĩa là nơi sản xuất thóc lúa hoặc rau xanh. Vật ờ trong ruộng nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong ruộng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong ruộng: “Ta sẽ lấy trom5\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata\ sờ vào thì phạm tội Dukkata} làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp thóc lúa hoặc là rau xanh trông ở nơi áy trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka, roi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội

Thullaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị kiện cáo về mảnh ruộng thì phạm tội Dukkata\ làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội Thullaccaya; người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Thửa ruộng] sẽ không còn là của tôi nữa,9 thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi côngệ lý, [nếu] thang người chủ thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nêu] thua thì phạm tội Thullaccaya. Vi

di chuyên cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc ranh giới thì phạm tội Dukkata; khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội Thuỉlaccaya; khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội Pārājika. 13. Khu đất nghĩa là khu đất vườn, khu đất trú xá. Vật ờ trong khu đất nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong khu đất: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong khu đất: “Ta sẽ lấy trộm9\ rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị kiện cáo về khu đất thì phạm tội Dukkata; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội Thullaccaya\ người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Khu đất] sẽ không còn là của tôi nữa,, thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý? [nếu] thua thì phạm tội Thullaccaya. Vi di chuyên cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc tường thành thì phạm tội DukkaỊa; khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội Thullaccaya; khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội Pārājika. 14. Vật ờ trong làng nghĩa là vật được đặt ở bôn nơi trong làng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cap vật ở trong làng: "Ta sẽ lây trộm,\ roi kiêm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata\ sờ vào thì phạm tội Dukkaịa\ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika. 15. Rùng nghĩa là nơi nào có được sự quản lý của con người, nơi ấy tức là rừng. Vật ờ trong rừng nghĩa là vật được đặt ở bon nơi trong rừng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm căp vật ở trong rừng: “Ta sẽ lây trộm,\ roi kiêm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội Dukkata; sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Vị khởi tâm trộm cap hoặc là cây gô, hoặc là dây leo, hoặc là cỏ mọc ở nơi ây trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka. rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya\ làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 16. Nước nghĩa là nước đã được đưa vào trong chậu, hoặc ở trong hồ chứa, hoặc ở trong đập ngăn. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. Sau khi đưa vật đựng của mình vào, vi khởi tâm trộm cắp sổ nước tri giá năm mâsaka hoặc hơn năm mãsaka. rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata^ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ làm cho [nước] vào hẳn trong vật đựng của mình thì phạm tội Pārājika. Vi phá vỡ tường thành thì phạm tội DukkaỊa; sau khi phá vỡ tường thành rồi làm cho thoát ra lượng nước trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mâsaka thì phạm tội Pārājika; làm cho thoát ra lượng nước tri giá hơn

một mãsaka hoặc kém năm mãsaka thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm cho thoát ra lượng nước trị giá một mãsaka hoặc kém một mãsaka thì phạm tội Dukkata. 17. Tăm xia răng nghĩa là đã được cắt hoặc chưa được cắt. Vị khởi tâm trộm cắp vật trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka, rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 18. Cây rùng nghĩa là cây gỗ có sự hữu dụng được con người quản lý. Vi khởi tâm trộm cắp rồi [dùng dao] chặt thì phạm tội Dukkata theo mỗi nhát dao; khi nhát dao cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội Thullaccaya; khi nhát dao cuối cùng đã hoàn tất thì phạm tội Pārājika. 19. Vật được mang đĩ nghĩa là vật được mang đi thuộc về người khác. Vi khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi người khuân vác cùng với vậf\ rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya\ làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội Pārājika. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhặt lấy vật bi roi", rồi làm cho [vật] rơi xuống thì phạm tội Dukkata. Vị khởi tâm trộm cắp vật bị rơi xuống trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka, rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 20. Vật ký gởi nghĩa là vật được ủy thác. Khi được nói rằng: “Cho tôi vật [đã ký gởi]", vi trả lời: “T6i không có giữ” thì phạm tội Dukkata; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về việc ký gởi] thì phạm tội Thullaccaya; người chủ buông bỏ vấn đề: "Người này sẽ không trao cho ta" thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội Pārājika. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội Thullaccaya. 21. Trạm thuế nghĩa là ở khe núi, hoặc ở bến đò5 hoặc ở cổng làng, đức vua đã quy định rằng: "Hãy thâu thuế đối với người đi vào nơi này." Sau khi đi vào nơi đó, vi khởi tâm trộm cắp vật có thuế phải đóng trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka, rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thuỉlaccaya; vượt qua khỏi trạm thuế bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pārājika. Vi đứng ở giữa trạm thuế và ném ra khỏi trạm thuế thì phạm tội Pārājika. Vi tránh né việc đóng thuế thì phạm tội Dukkata. 22. Sỉnh mạng nghĩa là sinh mạng con người được đề cập đến. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi từng bước,\ roi làm di chuyên bước chân thứ nhát thì phạm tội Thulỉaccaya; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội Pārājika. 23. Loài không chân nghĩa là loài rắn, loài cá. Vị khởi tâm trộm cắp [loài không chân] tri giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka. roi sờ vào thì phạm tội

Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 24. Loài hai chan nghĩa là loài người, loài có cánh.20 Vị khởi tâm trộm cắp [loài hai chân] roi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi từng bu&c", rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya; làm di chuyển bước chân thứ

nhì thì phạm tội Pārājika. 25. Loài bốn chân nghĩa là loài voi, loài ngựa, loài lạc đà, loài bò, loài lừa, loài gia súc. Vị khởi tâm trộm cắp [loài bốn chân] rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata\ làm lay động thì phạm tội Thullaccaya\ làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi từng bước9\ rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội Thullaccaya; làm di chuyển bước chân thứ ba thì phạm tội Thulỉaccaya; làm di chuyển bước chân thứ tư thì phạm tội Pārājika. 26. Loài nhiều chân nghĩa là loài bò cạp, loài rết [trăm chân], loài sâu róm. Vị khởi tâm trộm cắp [loài nhiều chân] trị giá năm mâsaka hoặc hơn năm mãsaka. roi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya^ làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi từng bước\ rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội Thuỉỉaccaya; làm di chuyển cứ mỗi bước chân thì phạm tội Thuỉlaccaya; làm di chuyển bước chân cuối cùng thì phạm tội Pārājika. 27. Người theo dõi nghĩa là sau khi theo dõi vật dụng rồi nói rằng: "Hãy lấy trộm vật dụng tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Vị kia lấy trộm vật dụng ấy thì cả hai phạm tội Pārājika. 28. Người bảo vệ vật ký gởi nghĩa là gìn giữ vật đã được mang đến. Vi khởi tâm trộm cắp [vật ký gởi] trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka. rồi sờ vào thì phạm tội Dukkata; làm lay động thì phạm tội Thullaccaya; làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika. 29. Lấy trộm theo kế hoạch nghĩa là sau khi nhiều vị bàn thảo, rồi một vị lấy trộm đô vật thì tất cả đều phạm tội Pārājika. y 30. Hành động theo sự quy đinh nghĩa là lập nên sự quy đinh răng: "Hãy lấy trộm vật ấy vào giờ quy định ấy, hoặc là trước bữa ăn9 hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày,9 thì phạm tội Dukkata; [vị kia] lấy trộm đồ vật ấy vào giờ quy đinh ấy thì cả hai phạm tội Pārậ/ika; [vị kia] lấy trộm đồ vật ấy trước hay sau giờ quy đinh ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vi lấy trộm phạm tội Pārājika. 31. Hành động theo dấu hiệu nghĩa là lập nên dấu hiệu rằng: "Hoặc là tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhướng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, ngươi

20 Loài có cánh (pakkhcỳãtã) có 3 loại: Cánh bằng lông (lomapakkhã) như chim công, gà gô; cánh bằng da (cammapakkhã) như loài dơi; cánh bằng xương (aithipakkhā) như loài ong (VinA. n. 363).

hãy lấy trộm vật ấy theo dấu hiệu ấy“ thi phạm tội Dukkata\ [vị kia] lấy trộm vật ây theo dâu hiệu ây thì cả hai phạm tội Pārặịika; [vị kia] lây trộm vật dụng ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội Pārājika. 32. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vi Tỳ-khưu rằng: "'Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội Dukkata. Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy frộm vật ấy thì cả hai phạm tội Pārājika. 33. Vi Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: uHãỵ lấy trộm vật tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật khác thì vi khởi xướng vô tội, còn vị lay trộm phạm tội Pārājika. 34. Vị Tỳ-khxru chỉ thi vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thi phạm tội Dukkata. Vi kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội Pārājika. 35. Vị Tỳ-khưu chỉ thi vi Tỳ-khưu rằng: "Hy lấy trộm vật tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Vi kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật khác thì vi khởi xướng vô

tội, còn vị lấy trộm phạm tội Pārājika. 36. Vị Tỳ-khmi [A]21 chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vi tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy lấy trộm vật tên như vầy'" thì vị ấy [A] phạm tội Dukkata. Vị [nào] nói cho vị khác thì phạm tội Dukkata. Vi lấy trộm [D] đồng ý thì vi khởi xướng [A] phạm tội Thullaccaya^ vị ấy [D] lấy trộm vật ấy thì tất cả đều phạm tội Pārājika. 37. Vị Tỳ-khưu [A] chỉ thị vi Tỳ-khiru [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy lấy trộm vật tên như vy" thì vị ấy [A] phạm tội Dukkata. Vị ấy [B] chỉ thị vị khác [D] thì vị ấy [B] phạm tội Dukkata. Vị lấy trộm [D] đồng ý thì vị ấy [D] phạm tội Dukkata; vị ấy [D] lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng [A] vô tội, vị truyền chỉ thị [B] và vi lay trộm phạm tội Pārājika, 38. Vị Tỳ-khưu chỉ thi vi Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như thì phạm tội Dukkata. Vị kia đi rồi quay trở lại [nói rang]: “T6i không thể lấy trộm vật Vị ấy lại chỉ thi thêm: "Khi nào ngươi có thể thì khi ấy ngươi hãy lấy trộm vật ấy" thì phạm tội Dukkata. Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội Pārājika. 39. Vị Tỳ-khiru chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hy lấy trộm vật tên như vầy59 thì phạm tội Dukkata. Sau khi chỉ thị, vi ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có lấy tr0m." Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội Pārậiika. 40. Vị Tỳ-khmi chỉ thị vị Tỳ-khiru rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe

21 A, B, C, D được thêm vào cho dễ hiểu dựa theo Chủ giải (VinA. III. 368-70).

rằng: "Chớ có lấy trộm.55 Vi kia [đáp lại rằng]: 'Tôi đã được ngài chỉ rồi lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội Pārājika. 41. Vị Tỳ-khiru chỉ thị vị Tỳ-khiru rằng: uHãy lấy trộm vật tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có lấy tr0m." Vị kia [đáp lại rằng]: "Tốt thối”, rồi ngưng lại thì cả hai vô tội. 42. Vị lấy vật không được cho phạm tội Pārājika do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng quan trọng tri giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata. làm lay động thì phạm tội Thullaccaya, làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Pārājika. 43. Vị lấy vật không được cho phạm tội Thullaccaya do năm yếu tố: Là vật thuộc vê người khác; biêt vật thuộc vê người khác; là vật dụng tâm thường trị giá hơn một mãsaka hoặc kém năm mãsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata, làm lay động thì phạm tội Dukkata. làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Thullaccaya. 44. Vi lấy vật không được cho phạm tội Dukkata do năm yếu tố: Là vật thuộc vê người khác; biêt vật thuộc vê người khác; là vật dụng tâm thường tri giá một mãsaka hoặc kém một mãsaka; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata. làm lay động thì phạm tội Dukkata. làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Dukkata. 45. Vị lấy vật không được cho phạm tội Pārājika do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc vê mình; lây không phải do sự thân thiêt; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng quan trọng tri giá năm mãsaka hoặc hơn năm mâsaka\ và tâm trộm cáp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata, làm lay động thì phạm tội Thullaccaya, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Pārājika. 46. Vị lấy vật không được cho phạm tội Thullaccaya do

sáu yếu tố: Biết vật không thuộc vê mình; lây không phải do sự thân thiêt; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng tầm thường tri giá hơn một māsaka hoặc kém năm māsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata, làm lay động thì phạm tội Dukkata, làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Thullaccaya. 47. Vị lấy vật không được cho phạm tội Dukkata do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc vê mình; lây không phải do sự thân thiêt; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng tam thường trị giá một māsaka hoặc kém một māsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata, làm lay động thì phạm tội Dukkata. làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Dukkata. 48. Vị lấy vật không được cho phạm tội Dukkata do năm yếu tố: Là vật không thuộc vê người khác; nghĩ là vật thuộc vê người khác; là vật dụng quan trọng trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện;

SỜ vào thì phạm tội Dukkata, làm lay động thì phạm tội Dukkata. làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Dukkata. 49. Vị lấy vật không được cho phạm tội Dukkata do năm yếu tố: Là vật không thuộc vê người khác; nghĩ là vật thuộc vê người khác; là vật dụng tâm thường tri giá hơn một mâsaka hoặc kém năm mãsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkaịa. làm lay động thì phạm tội Dukkata. làm dời khỏi vi trí thì phạm tội Dukkata. 50. Vi lấy vật không được cho phạm tội Dukkata do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường tri giá một mãsaka hoặc kém một mãsaka\ và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội Dukkata, làm lay động thì phạm tội Dukkata. làm dời khỏi vị trí thì phạm tội Dukkata. 51. Tưởng là của mình, khi lấy do sự thân thiết, [mượn] trong thời hạn, thuộc vê người chét, thuộc vê loài thú, nghĩ là vật bi quăng bỏ, vị bị điên, vị có tâm bi rối loạn, vi bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt tụng phẩm thứ nhất về việc trộm cắp. —ooOoo—

CHUYỆN ĐẢN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Năm chuyện được thuật lại bởi những người thợ nhuộm, bốn chuyện về những tấm vải choàng, năm chuyện về ban đêm, năm và sáu chuyện nữa liên quan đến việc mang vác. Năm chuyện được thuật lại về lối nói, hai chuyện khác về gió, ở [thi thể] chưa hoại, việc rút thăm cỏ kusa, với chuyện nhà tăm thứ mười. Năm chuyện được thuật lại về vật thú ăn thừa lại và cũng năm chuyện liên quan đến việc vô căn cứ, lúc khó khăn vật thực, cơm, thịt, bánh nướng, bánh ngọt, và thịt ngọt. Vật dụng, túi xách, tấm nệm, sào máng y, vi đã không đi ra và vật nên được ăn do thân thiết, hai chuyện khác về lầm tưởng của mình. Chúng tôi không lây trộm có bảy chuyện và họ đã lây trộm cũng bảy chuyện, họ đã lấy trộm của hội chúng bảy chuyện, hai chuyện khác về bông hoa. Và nhân danh người khác nói có ba chuyện, đem qua ba viên ngọc ma-ni, các con heo rừng, nai, cá và vi đã di chuyển luôn cả chiếc xe. Chim tha đi hai chuyện, hai chuyện về khúc gỗ, vải quăng bỏ, hai chuyện vê nước, theo lân lượt, sự phân công, chuyện khác về việc ấy đã chưa làm cho đủ số.

M A A o A

Bôn chuyện vê năm tay ở trong thành Sāvatthi, phân còn thừa hai chuyện, hai chuyện về cỏ9 [trái cây] thuộc hội chúng, họ đã chia phần có bảy chuyện và bảy chuyện nữa vê không có chủ. Gỗ, nước, đất sét, hai chuyện về cỏ, họ đã trộm vật thuộc hội chúng có bảy chuyện và cũng không nên di chuyển vật có chủ nhân, chỉ tạm thời mang đi vật có chủ thì được. Campā và luôn cả Vương Xá, vị Ajjuka ở thành Vesālī, chuyện Bārānasī và ở Kosambī, vị DaḶhika ở thih Sāgalā. 1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy đinh; phải chăng chúng ta đã phạm tội Pārājikcf!" Các vi đã trình Sự việc áy lên đức The Ton. ...(m). Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (1) 2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên đã khởi lên tâm trộm cắp. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: 'Thải chăng ta đã phạm tội Pārājikal" Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi vô tội trong việc sanh khởi tâm. (2) 3. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp rồi đã sờ vào. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu5 ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (3) 4. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thây tâm vải quý giá nên khởi tâm trộm căp, roi đã làm lay động. Vị ây đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu5 ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (4) 5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ5 sau khi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tâm vải quý giá nên khởi tâm trộm cap, roi đã làm dời khỏi vị trí. Vị ây đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội PārậịỈka. (5) 6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực, sau khi nhìn thấy tấm vải choàng quý giá đã khởi lên tâm trộm căp. ...(nt)... khởi tâm trộm căp5 roi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm dời khỏi vị trí. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khxru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (6-9) 7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu Ĩ1Q, sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.^, Vi ấy nhận ra vật ấy, rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt).. nhận ra vật ấy, rồi đã lấy trộm vật khác.

78 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

..(nt)...nhận ra vật khác, rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt).. nhận ra vật khác, rồi đã lấy trộm vật khác. ...(nt)... Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (10-13) 8 Vào lúc bấy giờ5 có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm/5 Vị ấy nhận ra vật ây roi đã lây trộm [nhâm] đô vật của chính mình. Vi ây đã có nôi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (14) 9. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc mang đô vật của người khác, khởi tâm trộm căp gói đô ở trên đâu, roi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cap, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã đưa xuống vai. ...(nt).. khởi tâm trộm cắp, rồi đã sờ vào gói đồ ở trên vai. ...(nt).. khởi tâm trộm cắp, roi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cap, roi đã đưa xuông h6ng...(nt)... khởi tâm trộm cắp gói đồ ở hông, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã cầm lấy bằng tay. ...(nt).. khởi tâm trộm cắp gói đồ ở tay, rồi đã đặt xuống đất ...(nt).. khởi tâm trộm

cắp, rồi đã nhấc lên khỏi mặt đất. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (15-25) 10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã căng y ở ngoài trời, rồi đi vào trong tru xá. Có vị Tỳ-khưu khác [nghĩ rằng]: "Chớ để y này bi hư hồng" nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vi Tỳ-khưu ấy rằng: Này Đại dức, y của tôi đã bị ai lấy trộm? Vị ấy đã nói như vầy: Đã bi tôi lấy trộm. Vi kia đã giữ vị ấy lại [nói rằng]: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).. Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? -Bạch Thế Tôn, con [đáp lại] thuận theo câu nói. -Này Tỳ-khưu, ngươi vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (26) 11. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã để y ở trên ghế. ...(nt)... đã để tấm lót ngồi ở trên ghế ..(nt)...đã để bình bát ở dưới ghế, rồi đi vào trong tru xá. Co vị Tỳ-khưu khác [nghĩ rằng]: "Chớ để bình bát này bị hư hong59 nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khmi ấy rằng: Này Đại dức, bình bát của tôi đã bị ai lấy trộm? Vị ấy đã nói như vầy: Đã bi tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại [nói rằng]: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (27-29) 12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã căng y ở hàng rào, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khiru-ni khác [nghĩ rằng]: "Chớ để y này bị hư h6ng" nên đã đem cất đi. Vị Ni kia đi ra rồi đã hỏi vi Tỳ-khưu-ni ấy rằng: - Này Ni sư, y của tôi đã bị ai lấy trộm? Vi Ni ấy đã nói như vầy: Đã bi tôi lấy trộm. Vị Ni kia đã giữ vị Ni ấy lại [nói rằng]: Cô không còn là nữ Sa-môn nữa. Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc. Sau đó? vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khiru-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc áy lên đức The Tôn. -Này các Tỳ-khmi, vi ấy vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (30) 13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khun nọ, sau khi nhìn thấy tấm vải choàng bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho lại những người chủ", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) - Này Tỳ-khiru, [khi ấy] ngươi có tâm gì? - Bạch Thế Tôn, con không có tâm trộm cắp. - Này Tỳ-khiru, vi không có tâm trộm cắp thì vô tội. (31) 14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khmi nọ khởi tâm trộm cắp cái khăn xếp đội đàu bi cuốn đi bởi cơn gió xoáy [nghĩ rằng]: “[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng: -Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (32) 15. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ? sau khi đi vào nơi nghĩa địa, đã nhặt lấy vải pamsukūla ở thi thể chưa hoại. Và có nga quỷ trú trong thi thể ấy. Khi ấy, nga quỷ ấy đã nói với vị Tỳ-khiru điều này: Thưa ngài, xin chớ lấy đi tấm vải choàng của tôi. Vị Tỳ-khmi ấy không chú ý đến nên đã nhặt lấy. Khi ấy, thi thể ấy đã đứng dậy và đi sát phía sau vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi vào trú xá và

đóng cửa lại. Khi ấy, thi thể ấy đã té xuống ngay tại chỗ ấy.22 Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ"khưu5 ngươi không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khưu, không nên

lây vảipamsukūla ở thi thê chưa hoại; vị nào lây thì phạm tội Dukkata. (33) 16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc phân chia các y của hội chúng khởi tâm trộm cap nên đã tráo thăm và đã lây được y. Vị ây đã có nôi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (34) 17. Vào lúc bấy giờ, ở trong nhà tắm hoi, Đại đức Ānanda [lầm] tưởng y nội của vị Tỳ-khưu khác là của mình nên đã mặc vào. Khi ấy, vị Tỳ-khiru ấy đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Này Đại đức Ānanda, sao Đại đức lại mặc y nội của tôi? Này Đại đức, tôi tưởng là của tôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 vi [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (35)

18. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trong lúc từ Gijjhakūta đi xuống, đã nhìn thây phân thịt ăn còn thừa của sư tử nên đã cho nâu chín roi thọ dụng. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, [trong trường hợp] phần thịt ăn còn thừa của sư tử thì vô tội. (36) 19. Vào lúc bấy giờ, nhiều vi Tỳ-khưu trong lúc từ Gijjhakūṭā đi xuống, đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài cọp ...(nt).. đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài beo ...(nt).. đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài linh cẩu ...(nt).. đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của chó sói nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu, [trong trường hợp] vật thuộc về loài thú thì vô tội. (37-40)

20. Vào lúc bấy giờ9 có vị Tỳ-khưu nọ, trong khi cơm của hội chúng được phân chia [đã nói rằng]: uHãy trao cho tôi phần của vi khAc", rồi đã lấy phần của vị không có hiện hữu. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Pãcittỉya trong việc cố tình nói dối.23 (41) 21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ, trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia ...(nt).. trong khi bánh nướng của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi mía cây của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi

22 Do sự luyến ái với tấm vải choàng nên người có tấm vải choàng ấy đã bi tái sanh làm petā ở nơi thi thể ấy. Petā có khả năng làm thi the ấy đứng dậy. Sau khi cửa bị đóng lại, petā ấy biết đã bị mất tấm vải choàng nên đã từ bỏ thi thể ấy, rồi theo nghiệp đi tái sanh lần nữa; do đo thi the ấy bị té ngã xuống đất (.II. 374). “ w ' y 23 Là tội Pãcỉttiya thứ nhất.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 9 81

dưa của hội chúng được phân chia ...(nt)... [nói rằng]: uHãy trao cho tôi phần của vi khác9\ rồi đã lấy phần của vị không có hiện hữu. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Pãcỉttiya trong việc cố tình noi dối. (42-45) 22. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vi Tỳ-khưu nọ? sau khi đi vào cửa hàng bán cơm đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần cơm đầy bát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (46) 23. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán thịt đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần thịt đầy bát. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (47) 24. Vào lúc bây giờ, trong thời kỳ khó khăn vê vật thực, có vi Tỳ-khưu nọ, sau khi đi vào cửa hàng

bán bánh nướng đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần bánh nướng đầy bát ...(nt)... đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần bánh ngọt đầy bát ...(nt)... đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần thịt ngọt đầy bát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khiru? ngươi đã phạm tội Pārājika. (48-50) 25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỵ-khưu nọ5 sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rang]: “Ta sẽ lấy trộm vào ban dem/9 Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... Vi ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật khác. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt).. Vị ấy nhận ra vật khác rồi đã lấy trộm vật khác. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (51-54) 26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rang]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật dụng của chính mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ..(nt). -Này Tỳ-khiru, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (55) 27. Vào lúc bây giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thây túi xách ở trên ghê [nghĩ rằng]: “Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội Pārājika" nên đã di chuyển luôn cả cái ghế rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (56) 28. Vào lúc bấy giơ, có vi Tỳ-khxxu nọ có ý đinh trộm cắp và đã lấy trộm nệm của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (57) 29. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý định trộm cắp và đã lấy trộm y ở sào máng y. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (58)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi lấy trộm y ở trong trú xá [nghĩ rằng]: “Khi đi ra khỏi đây thì ta sẽ phạm lộiPãrãịikc^. rồi đã không đi ra khỏi trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khxru. kẻ rồ dại ấy dầu có đi ra hay không đi ra cũng đã phạm tội Par^ika. (59) y 8

31. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khiru là bạn bè, một vị đã đi vào làng để khất thực. Còn vi thứ nhì, trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân phát, đã nhận phần của người bạn và đã thọ dụng do sự thân thiết với vi ấy. Vi kia biết được đã quở trách vị ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này Tỳ-khưu5 [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con lấy do sự thân thiết. Này Tỳ-khưu, trường hợp lấy do sự thân thiết thì vô tội.24 (60)

32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vi Tỳ-khưu thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia, các phần chia của tất cả các vi đã được mang đến và để ở bên cạnh. Có vi Tỳ-khưu nọ [lầm] tưởng phần chia của vị Tỳ-khưu khác là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Tỳ-khxru, vi [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (61)

33. Vào lúc bây giờ, có nhiêu vị Tỳ-khưu thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng đang được phân chia, phan chia của vi Tỳ-khưu nọ được mang lại bằng bình bát của vị Tỳ-khưu khác và được để gần đó. Vị Tỳ- khưu chủ nhân của bình bát [lầm]

tưởng là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vi ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Tỳ-khưu, vi [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (62) 34. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài rồi mang theo gói [xoài] ra đi. Những người chủ đã đuôi theo các kẻ trộm ây. Khi nhìn thây những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [xoài] rồi tẩu thoát. Các vi Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã bảo nhặt lấy rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khiru ấy rằng:

24 Này các Tỳkhưu, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người hội đủ 5 điều: Vị quen biết, vị thân thiết, vị ấy đã nói trước, VỊ áy còn sống và vị lấy biết được rằng: "Nếu được ta lấy thì VỊ ấy sẽ hoan hy" Vìn. L 296. Xem TTTDPGVN. tập 11, tr. 38Ó; TTPV, tập 5, II, chương VIII, tr. 21 í.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA « 83

Các người không phải là Sa-môn. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, [khi ấy] các ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn? chúng con [lầm] tưởng là vật quăng bỏ. Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (63)

35. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hòng ...(nt)... các kẻ trộm trái bánh mì ...(nt)... các kẻ trộm trái mít ...(nt)...các kẻ trộm trái chà là ...(nt)... các kẻ trộm mía ...(nt)... các kẻ trộm dưa, sau khi gom các quả dưa lại, rồi đã mang theo gói [dưa] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [dưa] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khưu tưởng rằng gói [dưa] ấy là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy, rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu? vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (64-69)

36. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài, rồi mang theo gói [xoài] và bỏ đi. Những người chủ đã đuôi theo các kẻ trộm ây. Khi nhìn thây những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [xoài] roi tâu thoát. Các vị Tỳ- khưu khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thay9\ roi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ây răng: —Các người không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này các Tỳ-khưu9 các ngươi đã phạm tội Pārājika. (70) 37. Vào lúc bấy giờ5 có các kẻ trộm trái táo hồng ...(nt).. các kẻ trộm trái bánh mì ..(nt).. các kẻ trộm trái mít ...(ĩit).. các kẻ trộm trái chà là ...(nt)... các kẻ trộm mía ...(nt).. các kẻ trộm dưa, sau khi gom các quả dưa lại rồi đã mang theo gói [dưa] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [dưa] rồi tẩu thoát. Các vi Tỳ-khmi khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thay", roi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(lít). Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (71-76) 38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm ượm cắp? và đã lấy trộm xoài của hội chúng ...(nt).. khởi tâm trộm cắp, và đã lấy trộm trái táo hồng của hội chúng ...(nt).. trái bánh mì của

hội chúng ...(nt).. trái mít của hội chúng

84 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

...(nt)... trái chà là của hội chúng ...(nt).. mía của hội chúng ...(nt).. dưa của hội chúng. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (77-83) 39. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ? sau khi đi đến vườn hoa, khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm bông hoa đã được hái tri giá năm mãsaka. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (84) 40. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến vườn hoa đã hái các bông hoa, rồi khởi tâm trộm cắp, đã lấy trộm [hoa] tri giá năm mãsaka. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (85) 41. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ, đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này: Này Đại dức, nhân danh Đại dức, tôi sẽ nói với gia đình hộ độ của Đại đức. r r r Vị ây sau khi đi đên đã bảo đem lại một tâm vải choàng và đã sử dụng cho bản thân. Vi kia biết được đã quở trách vị ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, ngươi đã không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khưu, không nên nói rằng: "Nhân danh Đại dức, tôi sẽ n6i"; vị nào nói thì phạm tội Dukkata. (86) 42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến ngôi làng nhỏ. Có vi Tỳ-khưu nọ đã nói với vi Tỳ-khưu ấy điều này: Này Đại dức, nhân danh tôi, Đại đức hãy nói với gia đình hộ độ của tôi. Vị ây sau khi đi đên đã bảo đem lại hai tâm vải choàng, roi đã sử dụng cho bản thân một tấm và đã trao cho vi Tỳ-khiru kia một tấm. Vi kia biết được đã quở trách vị ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, ngươi đã không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khưu? không nên nói rằng: "Nhân danh tôi, Đại đức hãy n6i”; vi nào nói thì phạm tội Dukkata. (87) 43. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ đã nói với vi Tỳ-khưu khác điều này: Này Đại đức, nhân danh Đại dức, tôi sẽ nói với gia đình hộ độ của Đại đức. Vi kia cũng đã nói như vầy: Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói với gia đình hộ độ của tôi.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 85

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một ãỊhakarn15 bơ lỏng, một tulam mật đường và một donam gạo, rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nồi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khưu5 không nên nói rằng: "Nhân danh Đại dức, tôi sẽ nóf\ và không nên nói rằng: "Nhân danh tôi, Đại đức hãy I16Ì"; vị nào nói thì phạm tội Dukkata, (88) 44. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang theo viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vi Tỳ-khiru nọ. Sau đó, khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy đã lén bỏ viên ngọc ma-ni vào trong túi xách của vị Tỳ-khưu ấy, và sau khi qua khỏi trạm thuế đã lấy lại. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không biết. Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (89)

45. Vào lúc bây giờ, có người đàn ông nọ mang viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị Tỳ-khưu nọ. Sau đó, khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy giả vờ bị bệnh

rồi đã trao gói đồ của mình cho vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, khi đã qua khỏi trạm thuế, người đàn ông ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Thưa ngài, xin hãy trao gói đồ cho tôi. Tôi không có bệnh. Này đạo hữu, tại sao ngươi đã làm như thế? Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho vi Tỳ-khưu ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khiru, vị không biết thì vô tội. (90)

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đường xa cùng với đoàn xe. Có người đàn ông nọ đã dùng vật chất mua chuộc vi Tỳ-khưu ấy, đến khi nhìn thấy trạm thuế đã trao cho vi Tỳ-khiru ấy viên ngọc ma-ni quý giá [nói rằng]: Thưa ngài, hãy đem viên ngọc ma-ni này qua khỏi trạm thuế. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đem viên ngọc ma-ni ấy qua khỏi trạm thuế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (91) 47. Vào lúc bay giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, vì lòng thương xót con heo rừng bi mắc bẫy nên đã gỡ ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?25

25 Thẹo ngài Mahāsamanā Chao giải thích ở bộ sách Vinayamukha thì âỊhakam và donam là đơn vị đo thể tích: l ālhakarn ươc lượng khoảng 8 bụm tay, và 4 aỊhaka là l doụam. Còn tulam là đơn vi đó trọng lượng.

Bạch Thế Tôn, con vì lòng thương xót.

Này Tỳ-khiru, vi vì lòng thương xót thì vô tội. (92) 48. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm căp con heo rừng bi mắc bẫy: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã gỡ ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu9 ngươi đã phạm tội Pārājika. (93) 49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ vì lòng thương xót con nai bị mắc bẫy nên đã gỡ ra. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp con nai bị mắc bẫy: u[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã gỡ ra ...(nt).. vì lòng thương xót những con cá bị vướng vào rọ nên đã gỡ ra. ...(nt).. khởi tâm trộm cáp những con cá bị vướng vào rọ: u[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã gỡ ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (94-97) 50. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khim nọ, sau khi nhìn thấy gói đồ ở trong chiếc xe [nghĩ rằng]: "Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội Pārājikc^ nên đã đi vượt lên trên, xoay vần [gói đồ], rồi mới đoạt lấy. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (98) 51. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã nhặt lấy miếng thịt bi chim ưng tha đi [nghĩ lẳng] “Ta sẽ cho lại những người chủ.,, Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khmi ấy rằng: —Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). —Này Tỳ-khưu, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (99) 52. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có tâm trộm cắp miếng thịt bị chim ưng tha đi: u[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng: -Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (100) 53. Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc [các khúc gỗ] lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị Tỳ-khưu e tưởngr là vật \ quăng bỏ nên đã vớt lên. Những người chủ đã

quở trách các vị Tỳ-khưu ây răng: -Các người không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này các Tỳ-khmi, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (101)

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA < 87

54. Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc [các khúc gỗ] lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bi phân tán trôi đi. Các vi Tỳ-khưu khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã vớt lên. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (102) 55. Vào lúc bây giờ5 có người chăn bò nọ đã treo tâm vải choàng trên cây rồi đi đại tiện. Có vi Tỳ-khưu nọ tưởng là vật quăng bỏ nên đã nhặt lấy. Khi ấy, người chăn bò ấy đã quở trách vị Tỳ-khiru ấy rang: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, vi [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (103)

56. Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị Tỳ-khmi nọ đang lội qua sông, có tấm vải choàng bị tuột khỏi tay của những người thợ nhuộm [trôi đến] vướng vào bàn chân [của vị ấy]. Vi Tỳ-khưu ấy đã nhặt lên [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho lại những người chiỉ." Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) —Này Tỳ-khưu, vị không có tâm ựộm cắp thì vô tội. (104) 57. Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị Tỳ-khưu nọ đang lội qua sông, có tấm vải choàng bi tuột khỏi tay của những người thợ nhuộm [trôi đến] vướng vào bàn chân [của vi ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vi Tỳ-khưu ấy rằng: -Ngươi không phải là Sa-môn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (105) 58. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nhìn thấy hũ bơ lỏng nên đã thọ dụng mỗi lần một chút ít. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata^6 (106)26

26 Trường hợp này, chúng ta có thể thắc mắc rằng: “Nếu tổng số bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng tri giá bằng năm masaka hoặc hơn nam mãsaka thì vị ấy có phạm tội Parậiỉka hay không?,, [Yêu tố "c6 tam trộm cắp” được hiểu ngầm]. Đương nhiên là vị ẩy phạm tội Pārājika. Tuy nhiên, trương hợp của vị này có chút khác biệt. Chúng tôi hiêu như sau về lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Vị ấy thọ dụng mỗi lần môt chút ít, như the, trị giá bằng một māsaka hoặc kém một mãsạka nên chỉ phạm tội Dukkafa cho mọi lần thọ dụng. Sau khi thọ dụng lần thứ nhất, vị ẩy sám hối, quyết tâm rằng: “Ta sẽ không làm như thế nữa.,, Vì đã trong sạch trở lại, nên yào ngày kế, khi vị ấy thọ dụng thêm mót chút ít thì lại phạm tội Dukkata nữa. Vị ấy lại sám hối tối. Tiến trình phạm tội va sam hối được tiếp điền. Chính vì lý do đó, số lượng bơ lỏng vi ấy đã thọ dụng không được tính gộp lại, mà chỉ tính riêng cho mỗi lần thọ dụng. Nếu vị ấy không sám hổi tội, thì sẽ tùy theo tong số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng mà định tội (VinA. II. 385).

88 > PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

59. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đã cùng nhau phân công rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ lấy trộm đồ vat.^ Một vị đã lấy ụộm đồ vật. Các vị ây đã nói như vây: "Chúng ta không phạm tội Pārājika. Vi nào lây trộm, vị ây phạm tội Pārājikay Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (107)

60. Vào lúc bây giờ, nhiêu vị Ty-khini sau khi đã cùng nhau phân công roi đã lấy trộm đồ vật và chia phần. Trong khi được phân chia bởi các vị ấy, phần chia cho môi một vi không đủ năm māsaka. Các vi áy đã nói như vây: "Chúng ta không phạm tội Pārājikay Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (108) 61. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi, trong lúc có sự khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm một nắm gạo của người chủ tiệm. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārậịika. (109) 62. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi, trong lúc có sự khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm ùộm cắp, rồi đã lấy from một nắm đậu ...(nt).. một nắm đậu tây ...(nt).. một nắm hạt mè của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (110-112) 63. Vào lúc bấy giờ, trong rừng Andhā ở thành Sāvatthi, các kẻ trộm đã giết con bò cái rồi ăn thịt, sau khi thu xếp lại phần còn thừa, rồi đã ra đi. Các vị Tỳ-khiru tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Các kẻ trộm đã quở trách các vi Tỳ-khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các VỊ ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu5 vi [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (113)

64. Vào lúc bấy giờ, trong khu rừng Andhā, ở thành Sāvatthi, các kẻ trộm sau khi giêt con heo rừng đã ăn thịt, sau khi thu xép lại phân còn thừa roi đã đi. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Các kẻ trộm đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu, vị [làm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (114)

65. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm cỏ được cắt sẵn trị giá năm māsaka. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (115)

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 89

66. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ đã cắt cỏ, rồi khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm [cỏ] tri giá năm mâsaka. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu9 ngươi đã phạm tội Pārājika. (116) r e 5

67. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu vãng lai đã bảo chia phân xoài của hội chúng rồi thọ dụng. Các Tỳ-khưu thường trú đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, [khi ấy] các ngươi có tâm gì?

Bạch Thê Tôn, chúng con có nhu câu vê thọ thực. - Này các Tỳ-khiru, [trường hợp] có nhu cầu về thọ thực thì vô tội. (117) 68. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu vãng lai đã bảo chia phân trái táo hông của hội chúng ...(nt).. trái bánh mì của hội chúng ...(nt).. trái

mít của hội chúng ...(nt).. trái chà là của hội chúng ...(nt).. mía của hội chúng ...(nt)... dưa của hội chúng, rồi thọ dụng. Các Tỳ-khưu thường trú đã quở trách các vị Tỳ- khưu ấy rằng: Các người không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khmi, [trường hợp] có nhu cầu về thọ thực thì vô tội. (H8-123)

69. Vào lúc bấy giờ, những người canh giữ vườn xoài dâng trái xoài đến các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật nSy" nên ngần ngại rồi không thọ nhận. Các vị đã trinh sự việc ay len đức The Ton. Này các Ty-khiru, trong việc bô thí của người giữ vườn thì không phạm tội. (124) 70. Vào lúc bây giờ, những người canh giữ vườn táo hông ...(nt)... những người canh giữ vườn cây bánh mì ...(nt)... những người canh giữ vườn mít ...(nt)... những người canh giữ vườn cây chà là ...(nt)... những người canh giữ vườn mía ...(nt)... những người canh giữ vườn dưa dâng những quả dưa đến các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật nSy" nên ngần ngại rồi không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Ton. Này các Tỳ-khưu, các ngươi vô tội trong việc bố thí của người giữ vườn. (125-130) 71. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lấy có tính cách tạm thời cây gỗ của hội chúng để chống đỡ bức tường của tru xá thuộc về bản thân. Các Tỳ-khưu đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng: Ngươi không phải là Sa-môn.

90 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Vị ấy đã CÓ nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con [lấy] có tính cách tạm thời.

Này Tỳ-khưu? [trường hợp] có tính cách tạm thời thì vô tội. (131) 72. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm nước của hội chúng ...(nt).. khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm đất sét của hội chúng ...(nt).. khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm cỏ muñjakita của hội chúng ..(nt).. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (132-134) 73. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, và đã đốt cháy cỏ muñjakita của hội chúng ...(nt).. Vi ây đã có nôi nghi hoặc ...(nt) _ Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (135) 74. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm giường của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (136) 75. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm ghế của hội chúng ...(nt)...nệm của hội chúng ...(nt).. gối của hội chúng ...(nt).. cánh cửa sổ của hội chúng ...(nt).. cánh cửa lá sách của hội chúng ...(nt).. đà gỗ của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (137-142) 76. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong trú xá của nam cư sĩ nọ tại địa diêm khác. Khi ây, nam cư sĩ ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: Vì sao các ngài lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?

Các vi đã trinh sự việc áy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 không nên sử dụng đô đạc của địa diêm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. (143) 77. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại di chuyên [thảm lót] đên nhà hành lễ Uposatha

và phòng hội họp nên ngồi xuống ở nền nhà. Các thân mình và y phục đều bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép lấy đi có tính cách tạm thời. (144) 78. Vào lúc bấy giờ ở xứ Campā, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nói rằng]: "Ni sư muốn uống cháo gồm ba thứ"; sau khi bảo nấu đã mang đi rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị Ni Thullanandâ biết được đã quở trách vị Ni ấy rằng: Ngươi không phải là nữ Sa-môn.

Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc. Sau đó, vị Tỳ-khmi-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu*ni đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, vi Ni ây không phạm tội Pārājika mà phạm tội Pãcittiya về việc cố tình nói dối. (145) 79. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Tỳ- khưu-ni Thullanandã đã đi đến gia đình hộ độ Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nói rằng]: "Ni sư muốn ăn mật viOn"; sau khi bảo nấu đã mang đi, rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị Ni Thullanandâ biết được đã quở trách vị Ni ây răng: Ngươi không phải là nữ Sa-môn. Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). r -Này các Tỳ-khưu, vị Ni ây không phạm tội Pārājika mà phạm tội Pãcittiya về việc co tình nói dối. (146) 80. Vào lúc bấy giờ, ở thành Vesālī, người gia chủ hộ độ Đại đức Ajjuka có hai đứa trẻ trai: [Một] là con trai và [đứa kia] là cháu trai. Khi ấy, người gia chủ ấy đã nói với Đại đức Ajjuka điều này: Thưa ngài, trong hai đứa trẻ trai này, đứa nào có đức tin và mộ đạo thì ngài nên thông báo cơ hội này cho đứa ấy. Vào lúc bấy giờ, đứa cháu trai của người gia chủ ấy thì có đức tin và mộ đạo. Khi ây, Đại đức Ajjuka đã thông báo cơ hội ây cho đứa trẻ trai ây. Với của cải ấy, người ấy đã bảo quản được tài sản và còn thể hiện việc bố thí nữa. Sau đó, người con trai của vi gia chủ ấy đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa ngài Ānanda, ai thật sự là người thừa tự của người cha, là con trai hay là cháu trai? -Này đạo hữu, người con trai chính là người thừa tự của người cha. Thưa ngài, Đại đức Ajjuka này đã bảo rằng, của cải của chúng tôi là thuộc về người anh [em] họ của chúng tôi. Này đạo hữu, Đại đức Ajjuka không phải là Sa-môn. Sau đó, Đại đức Ajjuka đã nói với Đại đức Ānanda điều này: —Này Đại đức Ānanda, hãy cho tôi cuộc phân xử. Vào lúc bây giờ, Đại đức upâli thuộc vê phe của Đại đức Ajjuka. Khi ây, Đại đức upâli đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Này Đại đức Ānanda, vị [Tỳ-khưu] được sở hữu chủ nói rằng: "Hy thông báo cơ hội này cho người tên như vây", roi đã thông báo cho người ây [điêu đã được dặn dò] thì vị [Tỳ-khưu] ấy phạm tội gì? Thưa ngài, vị ấy không phạm bất cứ tội gì, cho dù là tội Dukkata đi nữa.

Này Đại dức, Đại đức Ajjuka này được sở hữu chủ nói răng: "Hãy thông báo cơ hội này cho người tên như vầy", rồi đã thông báo cho người ấy [điều đã được dặn dò]. Này Đại dức, Đại đức Ajjuka không phạm tội. (147) 81. Vào lúc bấy giờ, ở thành Bārānasī, gia đình hộ độ Đại đức Pilindivaccha bi bọn đạo tặc cướp bóc và hai đứa trẻ trai đã bi bắt đi. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha, bằng thần thông, đã đưa hai đứa trẻ ấy về lại và để ở tòa nhà. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai đứa trẻ ấy [biết rằng]: “Bây là năng lực thần

thông của ngài Pilindivaccha", rồi đã đặt trọn niềm tin nơi Đại đức Pilindivaccha. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Tại sao Đại đức Pilindivaccha lại đưa vê những đứa trẻ đã bi bọn đạo tặc bắt di? , Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, trong lãnh vực về thần thông, vị có thần thông thì vô tội. (146) 82. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu là bạn bè, Panduka và Kapila. Một vi cư trú ở ngôi làng nhỏ, vị kia cư trú ở thành Kosambī. Khi ấy, trong lúc vi Tỳ-khưu ấy từ ngôi làng nhỏ đi đến thành Kosambī, ở giữa đường trong lúc lội qua con sông, có xâu thịt mỡ bị tuột khỏi tay đám thợ săn heo rừng [trôi đến] vướng vào bàn chân [vị ấy]. Vi Tỳ-khưu ấy [nghĩ ràng]: “Ta sẽ trao lại cho các người chủ,\ rồi đã nhặt lấy. Các người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng: —Ngươi không phải là Sa-môn. Có cô chăn bò nọ, sau khi nhìn thây vị ây đi ngang qua đã nói điêu này: Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Tịt trong bản chất, ta không phải là Sa-môn nữa rồi59 nên đã thực hiện việc đôi lứa với cô ấy, sau đó đã đi đến thành Kosambī và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức fT'1 Ā rri The Ton. Này các Tỳ-khưu9 vị ây không phạm tội Pārājika trong việc trộm căp? mà phạm tội Pārājika trong chuyện gắn bó vào việc đôi lứa. (149) 83. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāgalā, vị Tỳ-khưu đệ tử của Đại đức Dalhika bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã lấy trộm khăn xếp đội đầu của người chủ tiệm, rồi đã nói với Đại đức Dalhika điều này: Thưa ngài, tôi không phải là Sa-môn? tôi sẽ hoàn tục. Này Đại dức, ngươi đã làm điêu gì? Vị ấy đã kể lại sự việc ấy. Sau khi bảo đem lại [vật ấy], vị DaḶhika đã cho định giá. Trong khi được đinh giá, vật ấy có giá trị không đến năm mãsaka. ...(nt).

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 93

Này Đại đức, ngươi không phạm tội Pārājika. Rồi vị ấy đã thuyết pháp.
Vị Tỳ-khưu ấy đã trở nên hoan hỷ. (150)
Dứt điều Pārậịika thứ nhì.
--ooOoo
2.3. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ BA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn nẹự ở thành Vesālī, Mahāvanaṃ giảng đường Kũtâệãra. Vào lúc bấy giờ, đức The Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen ve [đe mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập ve [đe mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế nầy, thế khác cho các Tỳ-khưu bằng nhiều phương thức. 2. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta muốn thiền tịnh trong nửa tháng. Không ai đến gặp Ta, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Bạch Ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời đức Thế Tôn. Và quả thật, không có vi nào đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. 3. Các vi Tỳ-khiru [nghĩ rằng]: "Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt vê [đê mục] tử thi thê nây thê khác băng nhiêu phương thiíc", roi các vị ây sông chuyên chú, găn bó vào việc tu tập vê [đê mục] tử thi với nhiều động cơ khác nhau. 4. Các vị ây bị khô sở, xâu hô và nhơm gớm với cơ thê của mình. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang diêm, vừa mới gội đâu bị khô sở, xâu hô và nhơm gớm với xác răn, hoặc xác chó, hoặc thây người chét máng vào cô;

tương tợ như thê, các vị Tỳ-khưu ây trong khi bi khô sở, xâu hô và nhơm gớm với cơ thê của mình, [một sô] tự mình đoạt lây mạng sông của chính mình, [một sô] đoạt lây mạng sông lân nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalandika rồi nói như vầy: Này đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi. 5. Sau đó, Sa-môn giả mạo Migalandika được trả công bằng các y và bình bát, đã đoạt lấy mạng sống nhiều vị Tỳ-khưu, rồi cầm cây gươm đẫm máu đi đến dòng sông Vaggumudā. Khi ấy, trong lúc chùi rửa cây gươm đẫm máu, Sa-môn giả mạo Migalandika đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Quả thật, ta đã gây ra nhiều điều bất thiện là việc ta đã đoạt lấy mạng sống của các vị Tỳ-khưu có giới hạnh, có thiện pháp !,9

6. Khi ấy, có vị thiên nhân nọ là tùy tùng của Ma vương đã đi đến ở trên mặt nước [nhimg mặt nước sôn^] vẫn không bị làm chao động, và đã nói với Sa-môn giả mạo Migalandika điều này: Này kẻ thiện nhân, tốt lắm, tốt lắm! Này kẻ thiện nhân, điều lợi ích đã có cho ngươi. Này kẻ thiện nhân, ngươi đã đạt được điều tốt. Này kẻ thiện nhân, ngươi đã tạo nhiều phước báu là việc ngươi đã giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát. 7. Khi ấy, Sa-môn giả mạo Migalaụdika [nghĩ rằng]: "Hq nói điều lợi ích đã có cho ta. Họ nói ta đã đạt được điều tốt. Họ nói ta đã tạo nhiều phước báu. Họ nói ta giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát", rồi cầm cây gươm bén đi đến từng trú xá một, từng phòng một nói như vầy: Vị nào chưa giải thoát? Ta giải thoát cho vi nào đây? Tại nơi ấy, các Tỳ-khưu nào chưa lìa tham ái, các vị ấy vào thời điểm ấy trở nên sợ hãi, thân run rẩy, lông dựng đứng. Còn các Tỵ-khưu nào đã lìa tham ái, các vi ây vào lúc ây là không sợ hãi, thân không run rây, lông không dựng đứng. 8. Rồi Sa-môn giả mạo Migalandika trong một ngày đã đoạt mạng một vi Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng hai vị Tỳ-khưu5 trong một ngày đã đoạt mạng ba vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng bốn vị Tỳ-khưu? trong một ngày đã đoạt mạng năm vị Tỳ-khiru? trong một ngày đã đoạt mạng mười vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng hai mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng ba mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng bốn mươi vi Tỳ-khưu9 trong một ngày đã đoạt mạng năm mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng sáu mươi vị Tỳ-khưu. 9. Sau đó, khi trải qua nửa tháng ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh và bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, có phải hội chúng Tỳ-khưu dường như bị ít đi? 10. - Bạch Ngai, sở dĩ như thế là vì đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen vê [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập vê [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế nầy thế khác cho các Tỳ-khưu bằng nhiều phương thức. Và bạch Ngài, các vị Tỳ-khtru ấy [nghĩ rằng]: "Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập ve [đe mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt ve [đe mục] tử thi thế nầy thế khác bằng nhiều phương thiíc", rồi các vi ấy sống chuyên chú, gắn bó vào việc tu tập về [đê mục] tử thi do nhiều động cơ khác nhau. Các vị ấy bi khổ sở, xấu hổ và nhơm gớm với cơ thể của mình. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bi khổ sở, xấu hổ, và nhơm gớm với xác rắn,

hoặc xác chó, hoặc thây người chết máng vào cổ; tương tợ như thế, các Tỳ-khxru ấy trong khi bi khổ sở, xấu hổ, và nhơm gớm với cơ thể của mình, [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt mạng lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo

Migalandika roi nói như vây: “Này đạo hữu, tót thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi.,, Bạch Ngài, rồi Sa- môn giả mạo Migalandika được trả công bằng các y và bình bát, trong một ngày đã đoạt mạng một vị Tỳ-khưu, ...(nt)... trong một ngày đã đoạt mạng sáu mươi vị Tỳ-khưu. Bạch Ngài, lành thay! Xin đức Thế Tôn hãy chỉ dạy phương pháp khác, theo đó? hội chúng Tỳ-khưu này có thể đạt được trí giải thoát. 11. Này Ānanda, vậy thì có bao nhiêu Tỳ-khưu sống gần thành Vesālī, ngươi hãy triệu tập tất cả các vị ấy ở phòng hội họp. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn. Rồi có bao nhiêu Tỳ-khưu sống l thành Vesālī, Đại đức Ānanda đã triệu tập tất cả các vi ấy ở phòng hội họp, đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã noi vơi đức Thê Tôn điêu này: Bạch Ngài, hội chúng Ty-khira đã được triệu tập. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy suy tính bây giờ là thời điểm của việc gì. 12. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến phòng hội hợp, sau khi đến đã ngồi xuồng trên chô ngôi được sap đặt săn. Sau khi ngôi xuồng, đức Thê Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khiru, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập, được làm cho tăng trưởng, là thanh tinh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như cơn mưa lớn sái mùa vào tháng cuôi của mùa nóng làm biên mát ngay lập tức và làm lăng xuông các bụi bặm đã bốc lên; này các Tỳ-khiru, tương tợ như thế, đinh của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập, được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an tru, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi. 13. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập? Thế nào là được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiêt, có lạc là sự an trú, làm biên mát ngay lập tức và làm tịnh lăng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi? 14. Này các Tỳ-khưu, ở đây vị Tỳ-khiru đi đên khu rừng, hoặc đi đên góc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng, ngồi xuống, xếp chân thế kiết-già, giữ thân thẳng và thiết lập niệm luôn hiện diện. Có niệm, vị ấy thở ra; có niệm, vị ấy thở vào.27 Hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra dài"; hoặc trong khi tìiở vào dài, vị ấy nhận biết: "T6i thở vào di”hoặc trong khi thở ra ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra ngắn"; hoặc trong khi thở vào ngắn, vi ấy nhận biết:

27 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Assãso tỉ bahỉ nikkhamanavãto. Passãso tỉ anto pavisạnavãto = Hơi thở ra là gio đi ra bên ngoài. Hơi thở vào là gió đi vào bên trong (VinA. II. 408). Như thế: Assasati là thở ra,passasati là thở vao. Nếu hiểu như vậy thì phượng phảọ\Anâpânassati hay "Niêm hơi thỏr" nên được trình bày và tu tập theo thứ tự hơi thở ra trươc, rồi mới đến hơi thở vào.

"Tôi thở vào pgắn."28 “Nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở ra"29, vị ấy thực tập; "nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở vào5\ vị ấy thực tập. uLàm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở yào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ hy, tôi sẽ thở ra9\ vi ấy thực tập; "nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra", Vị ấy thực tập; "nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào9\ vi ấy thực tập. "Làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra", vi ấy thực tập; Tàm cho an tinh các thành phần của tâm, tôi sẽ thỏr vào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. "Tâm được hân hoan, ...(nt)... uTâm được đinh tĩnh, ...(nt).. “Tâm được giải thoát, ...(lít)... "Quán xét về vô thường, ...(nt)... "Quán xét về ly tham, ...(nt).. “Quán xét về đoạn diệt, ...(nt).. "Quán xét về dứt bỏ? tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở vào", vi ấy thực tập. Này các Tỳ-khưu5 định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập như thế, được làm cho tăng trưởng như thế, được thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi. 15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rang: r ỉ

—Này các Tỳ-khmi, nghe nói các Tỳ-khiru [một sô] tự mình đoạt lây mạng sống của chính mình, [một số] đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalandika nói như vầy: uNày đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về nguôi” có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những Tỳ-khưu ấy, thật không hợp lẽ? không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu ấy lại tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, lại đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, lại đi đen gặp Sa-môn giả mạo Migalandika nói như vây: "Này đạo hữu, tót thay! Ngươi hãy đoạt mạng sông của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc ve ngươi,, vậy? Này các Tỳ-khiru? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

28 Trong bốn mệnh đề dầu động từ được sử dụng là pajānāti (biết rõ) và có liên từ (hay là, hoặc là) xen vào giữa. Từ mệnh đe thứ năm trở đi, động từ là sikkhati (thực tập, thực hành, học tập). 29 Theo lời giải thích của ngài ^uddhaghosa, sabbakãya nên được hiểuJà phần đầu, phần giữa và phần cuối của toan bộ hơi thở ra mỗi khi thở ra, hoặc toàn bộ hơi thở vào mỗi khi thở vào (VinA. II. 411)

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 97

Wj Tỳ-khưu nào coy đoạt lây mạng sông con người, hoặc tìm cách đem lại vổ khí cho người áy; vị này cũng là vi phạm tội Pārājika, không được cộng trủ.” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] 1. Vào lúc bây giờ, có người nam cư sĩ nọ bị bệnh. Vợ của người áy thì đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Các Ty-khiru nhóm Lục Sư đem lòng say đắm người đàn bà ấy. Khi ấy, các

Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc rằng: “Này các Đại đức, nêu người nam cư sĩ áy còn sông thì chung ta sẽ không đạt được người đàn bà áy. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy ca ngợi lợi ích của sự chét đên người nam cư sĩ ấy.” 2. Sau đó, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư đã đi đến gặp người nam cư sĩ ấy, sau khi đên đã nói với người nam cư sĩ áy điêu này: "Này cư si, quả thật ngươi có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc . \ \ -l Ct* • @ .

phục, có điêu ác không làm, điêu tàn bạo không làm, điêu tội lôi không làm. Ngươi đã làm điều tốt đẹp, ngươi đã không làm điều ác, vậy thì còn gì cho ngươi với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống vậy. Khi chết đi từ chỗ này, khi tan rã thân xác và chết di, ngươi sẽ được sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người, ở đó, được cung phụng, được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ngươi sẽ mãn nguyện.,^ 3. Khi ấy, người nam cư sĩ ấy [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã nói sự thật, bởi vì ta là người có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khác phục, có điêu ác không làm, điêu tàn bạo không lạm, điêu tội lỗi không làm. Ta đã làm điều tốt đẹp, ta đã không làm điều ác, vậy thì còn gì cho ta với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với ta còn tốt hơn sự sống vậy. Từ chỗ này, khi tuổi thọ đã hết, khi tan rã thân xác và chết di, ta sẽ được tái sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người, ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ta sẽ mãn nguyện.,, Và vị áy đã ăn các thức ăn không hợp, đã nhai các vật nhai không hợp, đã nếm các thức nếm không hợp, đã uống các thức uống không hợp. Khi vị ấy đã ăn các thức ăn không hợp, đã nhai các vật nhai không hợp, đã nếm các thức nếm không hợp và đã uống các thức uống không hợp, bệnh nặng đã phát khởi. Chính vì cơn bệnh ấy, vị ấy đã từ trần. 4. Vợ của vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-mon Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-mon hạnh, các vi này không có Phạm hạnh! Sa-mon hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-mon hạnh của các vi này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu roi? Sa-mon hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh

của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến chồng của tôi. Chồng của tôi đã bị giết chết bởi các vị nay?9 5. Những người khác cũng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vi này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vi này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu roi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vi này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ. Người nam cư sĩ đã bị giết chết bởi các vị nầyy 6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vi ấy

phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư si?" 7. Sau đó? các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn9 không được phép, không nên làm! Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “ Vỉ Tỳ-khưu nào cô ỷ đoạt lây mạng sông con n^ười, hoặc tìm cách đem lại vũ khỉ cho người ấyf hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đen sự chết: 'Này người ơi, cỏn gì cho ngươi với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đổi với ngươi còn tốt hơn sự sống!" VỊ có tâm ỷ và có tâm tư như thế, rồi bằng nhiều phương thức ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đen sự chết, vi này cũng là vi phạm tội Pārājika, không được cộng trủ' [Sự quy đinh lần hai] 8. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu ...(nt).. Vi này là Ty-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này. CÔ ý: Là sự vi phạm trong khi biêt, trong khi có ý đinh, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 99

Con người nghĩa là vật gì ở khoảng giữa thời gian từ lúc tâm đầu tiên được sanh lên, [tức là] thức đầu tiên hiện hữu trong bụng mẹ cho đến lúc chết; vật ấy gọi là con người. Đoạt lấy mạng sống: cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp nối. Hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho ngườĩ ấy: Là thanh gươm, là cây giáo, là mũi tên, là cọc nhọn, là dùi cui, là tảng đá, là cây kiếm, là thuốc độc, hoặc là dây thừng. Hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết: Làm cho thấy được sự nguy hiểm trong sự sống và nói khen ngợi về sự chết. Hoặc xúi giục đưa đến sự chết: [Nói rằng:] "Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết di." Này người ơi: Đây là lối nói xưng hô "này người oi!" Còn gì cho ngươi với mạng sống tội lỗi, xấu xa này: Cuộc sống nghĩa là tội lỗi. So với cuộc sống của những người giàu, cuộc sống của những người nghèo là tội lôi. So với cuộc sông của những người có tài sản, cuộc sông của những người không có tài sản là tội lỗi. So với cuộc sống của chư thiên, cuộc sống của loài người là tội lỗi. Mạng sống xấu xa nghĩa là đối với người bị cụt tay, đối với người bi cụt chân, đối với người bi cụt tay và chân, đối với người bi đứt tai, đối với người bi đứt mũi, đối với người bi đứt tai và mũi [nói rằng]: Con gì vơi sự tội loi nay, vơi mạng song xâu xa nay, sự chét đôi vơi ngươi còn tốt hơn sự sống!^ Có tâm ý như thế: Ý nào tâm nấy, tâm nào ý nấy. Có tâm tư: Có sự suy tưởng về sự chết, có sự suy tư về sự chết, có sự suy nghĩ về sự chết Băng nhiêu phương thức: Băng nhiêu cách khác nhau. Ca ngợi lơi ích của sự chết: Làm cho thấy được sự bất hạnh trong mạng sống và nói lời khen ngợi về sự chết: "Khi chết đi từ chỗ này, khi tan rã thân xác, ngươi sẽ được tái sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người, ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ngươi sẽ mãn nguyện/5 Hoặc xúi giục đưa đến sự chết: [Nói rằng:]

uHãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi, hoặc nhảy vào khe nứt, vào hố sâu, hoặc xuống vực thẳm." Vi này cũng: Được đề cập liên quan đến các vị trước đây. Là vị phạm tội Pārậịikat Cũng giống như tảng đá lớn bị bể làm hai, không thể gắn liền lại được; tương tợ như thế, vị Tỳ-khiru cố ý đoạt lấy mạng sống con người thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế được gọi là phạm tội Pārājika^

100 PHAN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng tru.^^

[Tiêu đề hướng dẫn] 1. Tự mình, băng cách khăng định, băng người đưa tin, băng người đưa tin theo lôi dây chuyên, băng người đưa tin không theo lôi dây chuyên, băng người đưa tin đã đi rồi quay trở lại, hiện diện nghĩ là không hiện diện, không hiện diện nghĩ là hiện diện, hiện diện nghĩ là hiện diện, không hiện diện nghĩ là không hiện diện, ca ngợi bằng thân, ca ngợi bằng lời nói, ca ngợi bằng thân và bằng lời nói, ca ngợi bằng người đưa tin, ca ngợi bằng chữ khắc, cái hố đào, sự trợ giúp, việc để bên cạnh, dược phẩm, sự đem lại cảnh sắc, sự đem lại cảnh thinh, sự đem lại cảnh khí, sự đem lại cảnh vi, sự đem lại cảnh xúc, sự đem lại cảnh pháp, sự chỉ bảo, sự dạy dỗ, hành động theo sự quy đinh, hành động theo dấu hiệu. 2. Tự mình: Vị đích thân giêt băng [cách sử dụng] thân thê [tay, chân, năm dấm, đầu gối, V.V.L hoặc bằng vật dính liền với thân thể [gươm, dao, v.v...], hoặc bằng vật được phóng ra [ví dụ mũi tên]. 3. Bằng cách khẳng định: Sau khi khẳng đinh rồi ra lệnh rằng: "Ngươi hãy đâm như vầy, hãy đánh như vầy, hãy giết như vày." 4. Vị Tỳ-khưu chỉ thi vị Tỳ-khưu răng: "Hãy đoạt lây mạng sồng người tên như vầy" thì phạm tội Dukkata. Vị kia nhận biết người ấy, rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội Pārãịika. 5. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy” thì phạm tội Dukkata. Vị kia nhận biết người ấy, rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vi giết người phạm tội Pārājika. 6. Vi Tỳ-khưu chỉ thi vị Tỳ-khưu rằng: "Hy đoạt lấy mạng sống người tên như vy” thì phạm tội Dukkata. Vi kia nhận biết người khác, rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội Pārājika. 7. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khmi răng: “Hy đoạt lây mạng sông người tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Vị kia nhận biết người khác rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội Pãrãjĩka. 8. Vị Tỳ-khưu [A]30 chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị ten [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy,,, thì vị ấy [A] phạm tội Dukkata. Vi [nào] nói cho vị khác thì vị [nói] ấy phạm tội Dukkata. Vị giết người [D] đồng ý thì vị khởi xướng

30 A, B, C, D được thêm vào cho dễ hiểu dựa theo Chủ giải (VìnA. n. 448-50).

[A] phạm tội Thuỉlaccaya; vị ấy [D] đoạt lấy mạng sống của người ấy thì tất cả đều phạm tội Pārājika. 9. Vị Tỳ-khưu [A] chỉ thị vi Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vi tên [C]

rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì vị ấy [A] phạm tội Dukkata. Vị ấy [B] chỉ thị vị khác [D] thì vị ấy [B] phạm tội Dukkata. Vị giết người [D] đồng ý thì vị ấy [D] phạm tội Dukkata; vị ấy [D] đoạt lấy mạng sống của người ấy thì vị khởi xướng [A] vô tội, vị truyền chỉ thị [B] và vị giết người [D] phạm tội Pārājika. 10. Vi Tỳ-khưu chỉ thị vi Tỳ-khiru rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy,9 thì phạm tội Dukkata. Vị kia đi rồi quay trở lại [nói rằng]: “T6i không thể đoạt lấy mạng sống người ấy." Vị ấy lại chỉ thị thêm: “Khi nào ngươi có thể thì khi ây, ngươi hãy đoạt lây mạng sông người 2y” thì phạm tội Dukkata. Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội Pārājika. 11. Vị Tỳ-khmi chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hy đoạt lấy mạng sống người tên như vy" thì phạm tội Dukkata. Sau khi chỉ thị? vị ẩy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vi kia nghe rằng: uChớ có giết.” Vị kia đoạt lấy mạng sống người ây thì cả hai phạm tội Pārājika. 12. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vi Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vay,9 thì phạm tội Dukkata. Sau khi chỉ thị, vị ây có sự hôi hận roi nói rõ cho vi kia nghe rằng: "Chớ có giết." Vị kia [đáp lại rằng]: "T6i đã được ngài chỉ thj” rồi đoạt lấy mạng sống người ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội Pārājika. 13. Vị Tỳ-khiru chỉ thi vị Tỳ-khiru rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như v2y” thì phạm tội Dukkata. Sau khi chỉ thị, vị ây có sự hôi hận roi nói rõ cho vi kia nghe rằng: uChớ có giết.” Vi kia [đáp lại rằng]: "Tốt thôf \ rồi ngimg lại thì cả hai vô tội. 14. Hiện diện, nghĩ là không hiện diện rồi xác định rằng: "Nguồi tên như vầy nên bị giết" thi phạm tội Dukkata. Không hiện diện, nghĩ là hiện diện rồi xác định răng: "Người tên như vây nên bị giêt" thì phạm tội Dukkata. Hiện diện, nghĩ là hiện diện rồi xác đinh rằng: "Người tên như vầy nên bị giết" thì phạm tội Dukkata. Không hiện diện, nghĩ là không hiện diện rồi xác định rằng: "Người tên như vầy nên bị giết" thì phạm tội Dukkata. 15. Ca ngợi băng thân nghĩa là làm cử chỉ băng thân răng: "Người nào chét như vây, người ây đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh vê cõi tr&i” thì phạm tội Dukkata. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội Thullaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 16. Ca ngợi băng lời nói nghĩa là nói ra băng lời nói răng: "Người nào chét như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi

trời" thì phạm tội Dukkata. [Vi kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội Thulỉaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 17. Ca ngợi băng thân và băng IM nói nghĩa là làm cử chỉ băng thân và nói ra bằng lời nói rằng: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thi phạm tội Dukkata. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 18. Ca ngợi bằng người đưa tin nghĩa là nói ra lời chỉ dẫn cho người đưa tin: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội Dukkata. Sau khi nghe lời chỉ dẫn của người đưa tin, [vị kia nghĩ răng]: "Ta sẽ chét theo cách khen ngợi ây", roi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội Thuỉlaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 19. Ca ngợi bằng chữ khắc

nghĩa là khắc chữ: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội Dukkata với mỗi mẫu tự. [Vi kia] sau khi nhìn thấy chữ khắc [nghĩ răng]: "Ta sẽ chêf\ roi gây nên cảm thọ khô thì phạm tội Thullaccaỵa} [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 20. Cái hố đào nghĩa là đào cái hố dành cho người [nghĩ rằng]: uSau khi rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội Dukkata. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. Đào cái hố không có chỉ định [nghĩ rằng]: "Bất cứ ai rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội Dukkata. [Nếu] con người rơi vào đó thì phạm tội Dukkata. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. [Nếu] dạ-xoa, nga quỷ, hoặc thú có dạng người rơi vào đó thì phạm tội Dukkata. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho kẻ áy] thì phạm tội Dukkata; [kẻ áy] chét đi thì phạm tội Thullaccaya, [Nêu] con thú rơi vào đó thì phạm tội Dukkata. Khi đã bi rơi xuống, cảm thọ kho sanh khởi [cho con thú] thì phạm tội Dukkaía; [con thú] chết đi thì phạm tội Pâcỉttiya. 21. Sự trợ giúp nghĩa là trong sự trợ giúp vị đặt vũ khí, hoặc thoa thuốc độc, hoặc làm cho yếu đi, hoặc đem để ở chỗ khe nứt hay ở hố sâu, hoặc nơi Vực thăm [nghĩ răng]: “Vói việc này, sau khi rơi xuồng sẽ chét" thì phạm tội Dukkata. Do vũ khí, hoặc do thuốc độc, hoặc do bị rơi xuống khiến cảm thọ kho sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 22. Việc để bên cạnh nghĩa là đem lại gần bên hoặc là thanh gươm, hay là cây giáo, hoặc là mũi tên, hay là cọc nhọn, hoặc là dùi cui, hay là tảng dá, hoặc là cây kiếm, hay là thuốc độc, hoặc là dây thừng [nghĩ rằng]: u[Người ấy] sẽ

chết bằng vật nay,5 thì phạm tội Dukkata. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết bằng vật ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội Thuỉlaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 23. Dược phẩm nghĩa là cho bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, hoặc đường mía [nghĩ rang]: "Sau khi nem vật này sẽ bị chết" thì phạm tội Dukkata. Khi đang nếm vật ấy, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội Thuỉlaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 24. Sự đem lại cảnh sắc nghĩa là đem lại cảnh sắc trái ý, dễ sợ, khủng khiếp [nghĩ rằng]: "Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chét di" thì phạm tội Dukkata. Sau khi nhìn thây cảnh sác ây, [vị kia] bi hoảng hốt thì phạm tội Thulỉaccaya; [vi kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. [Vị] đem lại cảnh sắc hợp v, dễ thương, đáng yêu [nghĩ rang]: “Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết di” thì phạm tội Dukkata. Sau khi nhìn thây cảnh sác ây, [vị kia] bị thát vọng vì không đạt được thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 25. Sự đem lại cảnh thinh nghĩa là đem lại cảnh thinh trái y, dễ sợ, khủng khiếp [nghĩ rằng]: "Sau khi nghe được âm thanh này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết di” thì phạm tội Dukkata. Sau khi nghe được âm thanh ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. [Vi] đem lại cảnh thinh hợp ý, dễ thương, đáng yêu [nghĩ rang]: “Sau khi nghe được âm thanh này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết di” thi phạm tội Dukkata. Sau khi nghe được âm thanh ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội Thullaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 26. Sự đem lại cảnh khí nghĩa là đem

lại cảnh khí trái ý, ghê tởm, khó chịu [nghĩ rằng]: "Sau khi ngửi mùi này, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [người ấy] sẽ chết di" thì phạm tội Dukkata. Sau khi ngửi mùi ấy, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [vị kia] có cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika, [Vi] đem lại cảnh khí hợp [nghĩ rằng]: "Sau khi ngửi mùi này, [người áy] sẽ bị thát vọng vì không đạt được và sẽ chét di" thi phạm tội Dukkata. Sau khi ngửi mùi ấy, [vi kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội Thullaccaya\ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 27. Sự đem lại cảnh vi nghĩa là đem lại cảnh vị trái ý, ghê tởm, khó chiu [nghĩ rằng]: “Sau khi nếm vị này, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [người ấy] sẽ chết di" thì phạm tội Dukkata. Sau khi nem vị ấy, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [vị kia] có cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội Thullaccaya; [vi kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. [Vị] đem lại cảnh vị hợp ý [nghĩ rằng]: "Sau khi nếm vị này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi55 thì phạm tội Dukkata. Sau khi nếm vi ấy, [vị kia] bi thất vọng vì không đạt được thì phạm tội Thullaccaya^ [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika,

28. Sự đem lại cảnh xúc nghĩa là đem lại cảnh xúc trái ý, gây đau đớn, thô cứng [nghĩ rằng]: "Đụng chạm vào vật này, [người ấy] sẽ chết di" thì phạm tội Dukkata. Khi [vị kia] đụng chạm vật ây, cảm thọ khô sanh khởi thì phạm tội Thullaccaya; [vi kia] chét đi thì phạm tội Pārājika. [Vị] đem lại cảnh xúc hợp ý, gây khoái lạc, mem mại [nghĩ răng]: "Đụng chạm vào vật này, [người áy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết di" thi phạm tội Dukkata. Khi đụng chạm vật ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội Thullaccaya; [vi kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 29. Sự đem lại cảnh pháp nghĩa là thuyết bài giảng về địa ngục của người đi địa ngục [nghĩ răng]: "Sau khi nghe điêu này, [người áy] sẽ bị hoảng hót và sẽ chét di" thì phạm tội DukkaỊa. Sau khi nghe được điêu ây, [vị kia] bi hoảng hốt thì phạm tội Thuỉlaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. [Vi] thuyết bài giảng về cõi trời của nghiệp lành [nghĩ rằng]: "Sau khi nghe điều này, [người ấy] sẽ bị tác động rồi chết di" thì phạm tội Dukkata. Sau khi nghe được điều ấy, [vi kia] bị tác động [nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội Thullaccaya] [vị kia] chết đi thì phạm tội Parājika. 30. Sự chỉ bảo nghĩa là khi được hỏi, vị nói răng: í6Nên chét như vây, người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời^ thì phạm tội Dukkata. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách chỉ bảo ẳy'\ roi gây nên cảm thọ khô thì phạm tội Thullaccaya; [vị kia] chét đi thì phạm tội Pārājika. 31. Sự dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi, vị nói rằng: "Nên chết như vầy, người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về c6i trời” thi phạm tội Dukkata. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách dạy dô ây", roi gây nên cảm thọ khô thì phạm tội Thuỉiaccaya; [vị kia] chết đi thì phạm tội Pārājika. 32. Hành động theo sự quy đinh nghĩa là lập nên sự quy đinh rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy, hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngy" thi phạm tội Dukkata\ [nếu vị kia] đoạt lây mạng sông người ây vào giờ hẹn ây thì cả hai phạm tội Pãrãjỉka\ [nêu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau giờ hẹn ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vi giết người phạm tội Pārājika. 33. Hành động theo dấu hiệu

nghĩa là lập nen dấu hiệu rằng: "T6i sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhướng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, ngươi hãy đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy" thì phạm tội Dukkaịa*. [nếu vi kia] đoạt lây mạng sông người ây theo dâu hiệu ây thì cả hai phạm tội Pārājika\ [nêu vi kia] đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội Pārājika.

34. Vi không cố ý5 vị không biết, vị không có ý muốn gây tử vong, vi bi điên, vi có tâm bi rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt tụng phẩm thứ nhất về tội Pārājika vì giết người. —ooOoo—

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Việc ca ngợi, vị đang ngồi xuống, cái chày và cối giã, chuyện các vi già xuất gia, mắc nghẹn thịt, thuốc độc. Ba chuyện làm nên đát, ba chuyện khác vê gạch, lưỡi rìu và luôn cả khung gỗ, giàn giáo, leo xuống, vi bị té. Hơ nóng, mũi, xoa bóp, việc tắm, thoa dầu, trong khi nâng dậy và xô ngã, chết bởi vì cơm, nước. Có thai với nhân tình, người có hai vợ, giết chết hai mẹ con, cả hai không bị chết, chà xát, đốt nóng, không sanh, còn sanh sản. Thọt léc, sự trả thù, dạ-xoa, quỷ dữ tợn, vi phái người đi, tưởng vị ấy rồi giết, giảng về cõi trời và địa ngục. Ba chuyện về cây cối ở ĀỊavi, ba chuyện khác về lửa, chớ làm cho khổ sở, không theo cách của ngài, [cho uông] sữa còn bơ và giâm mặn. 1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu vì lòng trắc ẩn đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến vị ấy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: 'Thải chăng chúng ta đã phạm tội Pārājikai" Sau đó? các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khiru, các ngươi đã phạm tội Pārājika. (1) 2. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru nọ đi khát thực, trong lúc ngôi xuông đã đè lên đứa bé trai được phủ bởi tấm màn ở trên chiếc ghế và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khiru, ngươi không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khtru, khi chưa xem xét, không nên ngôi xuồng ở chô ngôi; vị nào ngôi xuông thì phạm tội Dukkata. (2) 3. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, trong lúc sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà, khi cái chày được đưa lên thì đã cầm lấy một cái chày. Cái chày thứ hai đã rơi xuống và chạm mạnh vào đỉnh đầu của đứa bé trai nọ. Đứa bé đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

-Bạch Thế Tôn, con không cố ý. Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (3)

4. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru nọ, trong khi sáp đặt chô ngôi ở nhà ăn nơi xóm nhà đã bước lên vật dụng là cối giã khiến [chúng] quay tròn, rồi chạm mạnh vào đứa bé trai nọ và gây ra tử vong. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). - Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (4) 5. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này: "Thua cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha", rồi đã nắm lấy ở lung và đẩy tới. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khưu5 [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thê Tôn, con không có ý muôn gây tử vong. - Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (5) 6 Vào lúc bây giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Khi

thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này: "Thua cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha5\ rồi đã nắm lấy ở limg và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (6) 7. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này: "Thua cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha", rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khmi, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya.Ợ) 8. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đang ăn đã bị mác nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khiru khác đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khưu ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vi kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, vi không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (8) 9. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miêng thịt ở cô họng. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muôn gây tử vong đã vô vào cô của vị Tỳ-khưu ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (9) 10. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đang ăn đã bị măc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khtru ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vi Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vi kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (10)

r

11. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru nọ đi khát thực, sau khi nhận được vật thực có thuốc độc đã mang trở về và dâng các Tỳ-khưu nếm thử trước. Các Tỳ- khiru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khiru, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không biết [có độc]. Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (11)

12. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý muôn thử nghiệm đã trao thuốc độc cho vị Tỳ-khưu khác. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vi kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con có ý muốn thử nghiệm.

Này Tỳ-khưu9 không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (12) 13. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi thực hiện nền đất của trú xá. Có vi ly-khưu nọ ở bên dưới đã đưa đá lên. Viên đá được vị Tỳ-khưu ở phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vi Tỳ-khun ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). - Này Tỳ-khmi? không cố ý thì vô tội. (13) 14. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi thực hiện nền đất của trú xá. Có vị Tỳ-khmi nọ ở bên dưới đã đưa đá lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả viên đá ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khiru? ngươi đã phạm tội Pārājika. (14) 15. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)... Vi Tỳ-khiru ấy đã không bi chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khxru? không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (15) 16. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi xây dựng bức tường của tru xá. Có vi Tỳ-khiru nọ ở bên dưới đã đưa gạch

lên. Viên gạch được vi Tỳ-khiru ở phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khiru ở bên dưới. Vi Tỳ-khiru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, không cố ý thì vô tội. (16)

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru ở thành ÂỊavi xây dựng bức tường của trú xá. Có vi Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa gạch lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả viên gạch ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khiru ở bên dưới. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Vi Tỳ-khưu ấy đã không bi chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khiru, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (17-18) 18. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi xây dựng công trình mới. Có vi Tỳ-khiru nọ ở bên dưới đã đưa lưỡi rìu lên. Lưỡi rìu được vi Tỳ-khưu ở

phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khiru ở bên dưới. Vị Tỳ-khiru ấy đã chết đi. Vi kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khmi, không cố ý thì vô tội. (19) 19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru ở thành ÂỊavi xây dựng công trình mới. Có vi Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa lưỡi rìu lên. Vi Tỳ-khưu ở phía trên có ý muôn gây tử vong nên đã thả lưỡi rìu ở đỉnh đâu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khiru ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ,...(nt)..J Vi Tỳ-khmi ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (20-21) 20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÃỊavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa khung gỗ lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên nắm lây vụng vê khiên khung gô chạm mạnh vào đỉnh đâu của vị Tỳ"khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vi kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru? không cố ý thì vô tội. (22)

21. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru ở thành ÃỊavi xây dựng công trình mới. Có vi Tỵ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa khung gỗ lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả khung gỗ ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khiru ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết di....(nt)...[đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)..J Vi Tỳ-khmi ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (23-24) 22. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi, trong khi xây dựng công trình mới, buộc lại cái giàn giáo. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vi Tỳ-khưu khác điêu này: - Này Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại. Vị ây đã đứng ở chô ây, trong khi buộc lại đã bị té xuồng và chét đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu? [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong. - Này Tỳ-khiru? vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (25) 23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru ở thành ÂỊavi, trong khi xây dựng công trình mới, buộc lại cái giàn giáo. Có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khiru khác điều này: Này Đại dức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại. Vi ấy đã đứng ở chỗ ấy, trong khi buộc lại đã bi té xuống và chết di...(nt).. [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...dứng ở chỗ ấy] đã bị té xuống và không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khiru? không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (26-27)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vi Tỳ-khiru khác đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này. Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khira, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (28)

25. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khtru nọ lợp xong trú xá và leo xuông. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khiru ấy điều này: Này Đại dức, hãy leo xuống từ chỗ này. Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bây giờ, ...(nt)...] đã bị té xuồng và không bị chét. Vi kia đã có noi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (29-30) 26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khxru nọ bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã leo lên đỉnh Gijjhakūta, trong khi lao xuống vách núi đã chạm người đan giỏ nọ và đã gây ra tử vong. Vị ây đã có nôi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khiru, không nên lao mình xuống; vi nào lao xuống thì phạm tội Dukkata. (31) 27. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi leo lên Gijjhakūta đã ném đá để đùa giỡn. Viên đá đã chạm vào người chăn bò nọ và gây ra tử vong. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khiru? không phạm tội Pārājika, Và này các Tỳ-khưu, không nên ném đá đe đùa giỡn; vi nào ném thì phạm tội Dukkata. (32) 28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã hơ nóng vị ấy. Vị Tỳ-khiru ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khmi, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (33)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã hơ nóng vị ấy. Vị Tỳ-khiru ấy đã chết di. ...(nt).. [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Vi Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (34-35) .. 30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh nóng đầu. Các Tỳ-khưu đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vi Tỳ-khiru ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (36)

31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh nóng đàu. Các Tỳ-khưu có ý muôn gây tử vong đã cho vị ây thuôc ở mũi. Vị Tỳ-khưu ây đã chét di...(nt)..

[đã phạm lọi Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Vi Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (37-38) 32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã xoa bóp vi ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này các Tỳ-khưu5 vi không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (39) 33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã xoa bóp vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết di...(nt).. [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (40-41) • • 34. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Các

Tỳ-khiru đã tắm cho vị ấy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (42) 35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bênh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã tắm cho vi ấy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (43-44) 36. Vào lúc bấy giơ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã thoa dầu cho vi ấy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khiru, vi không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (45)

37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã thoa dầu cho vi ấy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ? ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārāịika mà phạm tội Thullaccaya. (46-47) 38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Các Tỳ-khưu đã đỡ vị ấy đứng dậy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này các Tỳ-khưu, vi không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (48) 39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Các Tỳ-khun có ý muốn gây tử vong đã đỡ vị ấy đứng dậy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ,..(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

2. CHƯƠNGPĀRĀJIKA 111

Này các Tỳ-khiru? không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya, (49-50) 40. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã làm vị ấy ngã xuống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muôn gây tử vong thì vô tội. (51) 41. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muôn gây tử vong đã làm vị ấy ngã xuống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết di. ...(nt)...[đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ..(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (52-53) 42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khun đã cho vị ấy thức ăn. Vị Tỳ-khiru áy đã chét đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu5 vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (54)

43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã cho VỊ ấy thức ăn. Vị Tỳ-khtru ấy đã chết di...(nt).. [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khiru ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này các Tỳ-khiru, không phạm tội Pārậịika mà phạm tội Thullaccaya. (55-56) 44. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Các Tỳ-khưu đã cho vị ấy thức uống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khiru5 vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (57)

45. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ bi bệnh. Các Tỳ-khiru có ý muốn gây tử vong đã cho vi ấy thức uống. Vi Tỳ-khxru ấy đã chết di....(nt)...[đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các

Tỳ-khxru, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (58-59) 46. Vào lúc bây giờ, có người đàn bà nọ có chồng đi văng đã mang thai với tình nhân. Cô ấy đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này: Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi. Này chi gái, tốt thôi. Rồi vi Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (60)

47. Vào lúc bây giờ, có người đàn ông nọ có hai VỢT, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khiru thường lui tới với gia đình điều này: - Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi. Này chi gái, tốt thôi. Rồi vi Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Người mẹ đã không bi chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu5 ngươi đã phạm tội Pārājika. (61) 48. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này: —Thưa ngài, nêu cô ây sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi. - Này chi gái, tốt thôi. Rồi vi Tỳ-khiru đã cho co ấy thuốc làm sẩy thai. Người mẹ đã chết đi. Đứa bé trai đã không bị chết. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārậịỉka mà phạm tội Thullaccaya. (62) 49. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khiru thường lui tới với gia đình điều này: Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ ưở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi. - Này chị gái, tốt thôi. Rồi vi Tỳ-khiru đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Cả hai đã chết di. ...(nt).. [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ,...(nt)...] Cả hai đã không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (63-64) 50. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có thai đã nói với vị Tỳ-khiru thường lui tới với gia đình điều này: Thưa ngài, ngài hãy tìm thuôc làm sây thai đi. Này chị gái, như thế thì hãy tự chà xát. Cô ấy đã chà xát và đã làm sẩy thai. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ,..(nt). -Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (65) 51. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có thai đã nói với vị Tỳ-khiru thường lui tới với gia đình điều này: Thưa ngài, ngài hãy tìm thuôc làm sây thai đi. Này chị gái, như thế thì hãy đốt nóng.

CÔ ấy đã đốt nóng và đã làm sẩy thai. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (66) 52. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ không sanh sản đã nói với vị Tỳ- khiru thường lui tới với gia đình điều này: Thưa ngài, ngài hãy tìm thuôc làm cho tôi có thê sanh sản. Này chị gái, tốt thôi. Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu9 không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (67) 53. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ còn sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này: Thưa ngài, ngài

hãy tìm thuốc làm cho tôi không còn sanh sản. Này chị gái, tốt thôi. Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ,..(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (68) 54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm cho vị Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc. Vị Tỳ-khưu ấy trong khi rối loạn không thở ra được nên đã chết đi. Các vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika. (69) 55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Mười Bảy Sư [nghĩ rằng]: ychúng ta sẽ gây chuyên"rồi chạm mạnh vào vị Tỳ-khưu nhóm Lục Su, khiến vị ấy chết đi. Các vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika, (70) 56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là thầy chữa bệnh tà ma đã đoạt lấy mạng sống của loài dạ-xoa. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, không phạm tội Pârãịĭka mà phạm tội Thullaccaya. (71) 57. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến tru xá có dạ-xoa dữ tợn. Các dạ-xoa đã đoạt lây mạng sông vị ây. Vị kia đã có nôi nghi hoặc (nt) - Này Tỳ-khiru, vi không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (72) 58. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến tru xá có dạ-xoa dữ tợn. Các dạ-xoa đã đoạt mạng vi ấy. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ,...(nt)..J Các dạ-xoa đã không đoạt mạng vi ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khmi, không phạm tội Pãrãịika mà phạm tội Thullaccaya. (73-74)

59. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khun nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có thú dữ. Các thú dữ đã đoạt lấy mạng sông vi ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (75) 60. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khmi nọ có ý muôn gây tử vong đã phái vị Tỳ- khưu khác đến khu rừng có thú dữ. Các thú dữ đã đoạt mạng vi ấy. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika, Vào lúc bấy giờ, Các thú dữ đã không đoạt mạng vị ẩy. Vi kia đa có nỗi nghi hoạc?..(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pãrậịĭka mà phạm tội Thullaccaya. (76-77) 61. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có cướp. Các kẻ cướp đã đoạt mạng vi ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). - Này Tỳ-khmi, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (78) 62. Vào lúc bây giờ? có vi Tỳ-khưu nọ có ý muôn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có cướp. Các kẻ cướp đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt).. [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ,...(nt)...] Các kẻ cướp đã không đoạt mạng vi ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu9 không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (79-80) 63. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ"khưu nọ nhận ra người ấy rồi đã đoạt mạng người ấy, nhận ra người ấy rồi đã đoạt mạng íiệười khác, nhận ra người khác roi đã đoạt mạng người ấy, nhận ra người khác roi đã đoạt mạng người khác. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (81-84) 64. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vi Tỳ- khưu khác đã đánh vào vị Tỳ-khưu ấy. Vi Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vi kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (85)

65. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị Tỳ- khưu khác có ý muôn gây tử vong đã đánh vào vi Tỳ-khiru ấy. Vị Tỳ-khưu ây đã chết đi. ...(nt)... [đã

phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Vị Tỳ-khiru ấy đã không bị chết. Vị kia đá có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (86-87) 66. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thuyết vê cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. Vị [Tỳ-khưu] ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khưu9 vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (88) 67. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý muôn gây tử vong thuyêt vê cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)..] Người ấy bi tác động đã không bị chết. Vị [Tỳ-khưu] ấy đã có nỗi nghi hoạc ...(nt). -Này Tỳ-khun, không phạm tội Pãrãịika mà phạm tội Thullaccaya. (89-90)

68. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thuyết về địa ngục của kẻ đi địa ngục. Người ấy bi hoảng hốt và đã chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). - Này Tỳ-khiru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (91) 69. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muôn gây tử vong, thuyêt vê địa ngục của kẻ đi địa ĩiệục. Người ấy bi hoảng hốt và đã chết ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bạy gi&, Người ấy bị hoảng hốt và đã không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (92-93) 70. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru ở ẢỊavi chặt cây trong khi làm công trình mới. Có vị Tỳ-khiru nọ đã nói với vi Tỳ-khưu khác điều này: -Này Đại dức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt. Trong khi vi ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cây đã ngã xuống và giết chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) - Này Tỳ-khưu, vi không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (94) 71. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru ở ÃỊavi chặt cây trong khi làm công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ có ý muôn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này: Này Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt. Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cái cây đã ngã xuống và giết chết. ...(nt)... [đã phạm tội Pãrậịika. Vào lúc bay giờ, cây đã ngã xuổng và không giết chét. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ..(ĩ!t). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (95-96) 72. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ..(nt) -Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (97) 73. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có ý muốn gây tử vong đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội Pārājika. Vào lúc bấy giờ, Dân chúng bị đốt cháy đã không bi chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này các Tỳ-khưu? [các ngươi] không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (98-99) 74. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này: -Này đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát. -Thưa ngài, tốt thôi! Rồi đã đoạt lấy mạng sống bằng một nhát. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (100)

75. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ, sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này: Này đạo hữu, chớ để người này bi khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát. -Tôi sẽ không làm theo lời nói của ngài! Rồi đã đoạt lấy mạng sống kẻ

ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (101) 76. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bi đứt lìa tay chân, được các thân quyến vây quanh tại nhà của thân quyến. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với những người ây điêu này: Này các đạo hữu, các vi có muốn cái chết cho người này không?

Thưa ngài, đúng vậy. Chúng tôi muôn. Như thế thì hãy cho uống sữa còn bơ. Họ đã cho người ấy uống sữa còn bơ. Người ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) _ Này Tỳ-khưu9 ngươi đã phạm tội Pārājika. (102) 77. Vào lúc bấy giờ, có người nam nọ bi đứt lìa tay chân, được thân quyến vây quanh tại nhà của gia đình. Có Tỳ-khưu-ni nọ đã nói với những người ấy điều này: -Này các vị, có muốn cái chết cho anh ta không? Vâng, Ni sư. Chúng tôi muôn. -Vậy hãy cho uông giâm mặn. Họ đã cho anh ta uống giấm mặn. Anh ta đã chết. Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc. Sau đó, Tỳ-khiru-ni ấy đã kể lại việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ- khưu-ni đã kể lại việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni ấy đã phạm tội Pārājika. (103)

Điều Pārājika thứ ba được đầy đủ. —ooOoo—

2.4. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ TƯ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khiru đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa ở bờ sông Vaggumudã. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 117

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý rằng: "Hiện nay, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Còn chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, vậy băng phương thức nào chúng ta có thê sông mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?99 3. Một số vi đã nói như vầy: "Này các Đại đức, chúng ta hãy quyết định làm công cho các người tại gia đi; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thúc." 4. Một số vi đã nói như vầy: uNày các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy đưa tin tức cho các người tại gia đi; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thqc." 5. Một số vi đã nói như vầy: "Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Này các Đại dức, chúng ta hãy nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: 'Vị Tỳ-khiru như vầy đạt sơ thiền, vị Tỳ-khiru như vầy đạt nhị thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tam thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tứ thiền, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Nhập lưu, vi Tỳ-khưu như vầy là vị Nhất lai, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Bất lai, vị Tỳ-khưu như vầy là vị A-la-hán, vi Tỳ- khtru như vây có ba minh, vị

Tỳ-khưu như vây có sáu thăng trí'; như thê, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thực. Này các Đại đức, chính điều này là tốt hơn hết, tức là việc chúng ta nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia." 6. Sau d6, các Tỳ-khưu ây đã nói lời ca ngợi lân nhau vê pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: Tỳ-khiru như vầy đạt sơ thiền, ...(nt).. vi Tỳ- khưu như vầy có sáu thắng trí.^, 7. Khi ấy, những người dân ấy [nghĩ rằng]: "Quả thật, điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật, chúng ta đã đạt được điêu tót! Chúng ta có được các Tỳ-khưu như vầy trong số các Tỳ-khưu có giới, có thiện pháp vào mùa [an cư] mưa! Quả thật từ trước đến nay, chúng ta không có các Tỳ-khưu như vầy vào mùa [an cư] mua!" Họ dâng đến các Tỳ-khưu những vật thực loại mềm mà họ không ăn bởi chính mình, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ dâng đến các Tỳ-khưu những vật thực loại cứng ...(nt).. những thức nếm ...(nt)...những thức uống mà họ không uống bởi chính mình, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con,

không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã có sắc tướng, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. 8. Điều này đã là thông lệ cho các Tỳ-khiru trải qua mùa [an cư] mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy trải qua ba tháng mùa [an cư] mưa đã thu xép chô tru ngụ, câm y bát, ra đi vê phía Vesālī. Theo tuân tự, các vi đã đi đến thành Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. 9. Vào lúc bây giờ, các vi Tỳ-khmi đã sông qua mùa [an cư] mưa ở các phương thì ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái lại, các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudã thì có sắc tướng, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng lữ, sắc thân an tịnh. Điều này đã là thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. 10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudâ điều này: "Này các Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, chắc hẳn đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?" Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dàu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vi vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đên lợi ích, các đang Như Lai có cách đê cat đứt vân đê. 11. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu bởi hai lý do: "Chung ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy đinh điều học cho các đệ tử" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khiru ở bờ sông Vaggumudâ điều này: "Này các Tỳ-khiru? các ngươi có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, đã sống mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bị

khó nhọc vì đồ ăn khất thực như the nào? Khi ây, các Tỳ-khưu ây đã trình sự việc áy len đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu? các ngươi có thực chứng không? Bạch Thế Tôn, không thực chứng. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ

rồ dại, tại sao các ngươi vì lý do bao tử lại nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đên các người tại gia? Này những kẻ rô dại, thà các ngươi bị mô banh bụng bởi dao giết trâu sắc bén còn là điều cao thượng, chớ vì lý do bao tử mà nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia là không [cao thượng]. Điêu ây có lý do như thê nào? Này những kẻ rô dại, bởi vì do nguyên nhân kia,31 các ngươi có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhung không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, các ngươi lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này những kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,32 khi tan rã thân xác và chết di, các ngươi có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 12. - Này các Tỳ-khưu, đây là năm kẻ cướp lớn được biết đến ở thế gian? Thế nào là năm? (1) Này các Tỳ-khưu, ở đây, có kẻ cướp lớn khởi ý như vầy: "Đến khi nào được tháp tùng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ vừa đi quanh làng mạc, phố thi, kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ.” Một thời gian sau, được tháp tùng bởi một trăm hay một ngàn, kẻ ấy vừa đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, ở đây có hạng ác Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Bến khi nào được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, có được lợi lộc về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia." Một thời gian sau, được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, vị ấy đi quanh làng mạc, phố thi, kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, có được lợi lộc ve các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia. Này các Tỳ-khiru, đây là kẻ cướp lớn thứ nhất được biết đến ở thế gian. (2) Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây có hạng ác Tỳ-khưu, sau khi đã học tập Pháp và Luật được công bố bởi Như Lai lại xem là của chính bản thân. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ nhì được biết đến ở thế gian. (3) Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây có hạng ác Tỳ-khưu bôi nhọ vị trong . .X v. :

sạch, có Phạm hạnh đang thực hành Phạm hạnh thanh tịnh băng điêu phi Phạm hạnh không có nguyên cớ. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ ba được biết đến ở thế gian.

31 Là việc bị mổ banh bụng ra bởi con dao bén của kẻ giết trâu bò (ND). 32 Là việc nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia (ND).

(4) Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, ở đây có hạng ác Tỳ-khxru chiêu dụ, mua chuộc các người tại gia băng các trọng vật là các vật dụng chủ yêu của hội chúng như là tu viện, vùng đất của tu viện, tru xá, vùng đất của trú xá, giường, ghế, nệm, gối, chum đồng, chậu đồng, hũ đồng, vại đồng, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưỡi đục, dây leo, tre, cỏ muñja, cỏ pabbajā, cỏ tina, đát sét, đô gô, đô gôm. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ tư được biêt đên ở thê gian. (5) Này các Tỳ-khưu9 trong thế gian bao gồm cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, và loài người, kẻ cướp lớn, đứng hàng đầu là kẻ khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng. Điều ấy có lý do thế nào? Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã ăn thức ăn của xứ sở theo lối trộm cướp. Vị tuyên bố thế này5 bản thân như thế khác, Ản cơm kiểu dối lường, như cờ gian bạc lận. Nhiêu kẻ cô quân y, ác pháp, không thu thúc, Kẻ ác vì nghiệp ác, phải sanh vào địa ngục.33 Kẻ ác giới buông lung, thà ăn vào sắt cục, Cháy đỏ có lửa ngọn, hơn đồ ăn xứ sở.34 13. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudâ bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: r A 9 "Vị Tỳ-khưu nào trong khỉ chưa biêt rõ về pháp thượng nhân, là pháp thê nhập của bản thân, là pháp thuộc ve trí tuệ và sự thay biết của bậc Thánh, lại tuyên bo rang: 'Tôi biết như vay, tôi thay như vầy.f Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, vi đã phạm tội có ước muốn được trong sạch lại nói như vây: 'Này các Đại đức, tôi đã không biêt như vay lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá vi ấy cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trủ' Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] 14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vi Tỳ-khưu trong khi khônệ thấy tưởng là đã thây, trong khi không đạt tưởng là đã dạt, trong khi không đăc chứng tưởng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tưởng là đã chứng ngộ, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát. Một thời gian sau, các vị lại có tâm thiên về tham ái, lại có tâm thiên về sân hận, lại có tâm thiên về si mê. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc rằng: "Biêu học đã được đức Thế Tôn quy định; và chúng ta trong khi không thấy tưởng là đã thấy, trong khi không đạt tưởng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tưởng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tưởng là

33 Kỉnh Pháp củ, câu 307. 34 Kỉnh Pháp củ, câu 308.

đã chứng ngộ, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát, phải chăng chúng ta đã phạm tội Pārājikai" Các vi ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 15. @ Này Ānanda, có các vi Tỳ-khưu trong khi không r thây tưởng là đã thây, r trong khi không đạt tưởng là đã đạt, trong khi không đác chứng tưởng là đã đác chứng, trong khi không chứng ngộ tưởng là đã chứng ngộ, đã nói với sự tự tin thái quá vê trí giải thoát; điêu ây vôn không thuộc vê trường hợp này. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào trong khỉ chưa biêt rõ vê pháp thượng nhân, là pháp thê nhập của bản thân, là

pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc Thánh, lại tuyên bố rằng: 'Tôi biết như vầy, tôi thấy như vầy. 'Sau đó, vào lúc khác, trong khỉ được hỏi hay trong khỉ không được hỏi, vị đã phạm tội có ước muốn được trong sạch lại nói như vầy: (Này các Đại dức, tôi đã không biết như vầy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nỏi điều phù phiếm, điều dối trá ngoại trừ vì sự tự tin thái quá; vỉ này cũng là vi phạm tội Pārājika, không được cộng truy [Sự quy đinh lần hai] 16. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu ...(nt)... [đã được tu lên bậc trên ... băng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư]. Vị này là "vj Tkhưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Trong khi chưa biết rõ: Là không có, không thực chứng, trong khi không tự biết, trong khi không hiểu, trong khi không thấy thiện pháp ở nơi mình [lại nói]: "Tôi có thiện pháp." Pháp thượng nhân nghĩa là thiên, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự chứng ngộ về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vang. Là pháp thể nhập của bản thân: Hoặc là thể nhập các thiện pháp ấy vào bản thân, hoặc là thê nhập bản thân vào các thiện pháp ây. Trí tuệ: Là ba minh. Thấy biết: Điều gì là trí tuệ, điều ấy là sự thấy biết. Điều gì là sự thấy biết, điều ấy là trí tuệ. Tuyên bố: Vị nói ra đến người nữ, hoặc đến người nam, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vi xuất gia. Tôi biết như vầy, tôi thấy như vầy: Tôi biết các pháp này, tôi thấy các e 5 X

pháp này, các pháp này có ở tôi, các pháp này được thuần thục ở tôi và tôi thuân thục trong các pháp này. Sau đó, vào lúc khác: Được thực hiện trong giây phút nào thì đã trải qua giây phút ây, khoảng thời gian ây, thời diêm ây.

122 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Trong khi được hỏi: Sự việc gì đã cho biết thì đang được hỏi về việc ấy: "Điều gì đã được Đại đức đắc chứng? Được Đại đức đắc chứng như thế nào? Được Đại đức đắc chứng vào lúc nào? Được Đại đức đắc chứng ở đâu? Các phiền não nào đã được Đại đức dứt bỏ? Đại đức đã đạt được các pháp nào?" Trong khỉ không được hỏi: Không được bất cứ ai đề cập đến. Vi đã phạm tội: Vị có ước muôn xâu xa, bi thúc giục bởi ước muôn, roi khoác lác ve pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pārājika. Có ước muôn được trong sạch: Hoặc là có ước muôn trở thành người gia chủ, hoặc là có ước muôn trở thành nam cư sĩ, hoặc là có ước muôn trở thành người phụ việc cho tu viện, hoặc là có ước muôn trở thành vị Sa-di. Này các Đại dức, toi đã không biết như vầy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy: Tôi không biết các pháp này, tôi không thấy các pháp này, các pháp này có ở tôi, các pháp này được thuân thục ở tôi và tôi thuân thục trong các pháp này. Toi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá: Điều phù phiếm đã được tôi nói ra, điều doi trá đã được tôi nói ra, điều không thực đã được tôi nói ra, trong lúc tôi không biết, tôi lại nói ra. Ngoại trừ vì sự tự tin thái quá: Trừ ra sự tự tin thái quá. Vi này cũng: Được đề cập liên quan đến các vị trước đây. Là vi phạm tội Pãrãịìkax Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn, không thê tăng trưởng được nữa; tương tợ như thê, vị Tỳ-khiru có ước muôn xấu xa, bi thúc giục bởi ước muốn, khi đã khoác lác về pháp thượng nhân, không có, không thực chứng, thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là uvị phạm tội Pārājikay Không được

cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú." Pháp thượng nhân nghĩa là thiền, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự chứng ngộ về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bi che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng. Thiền: Là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sự giải thoát: Là vô phiên não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.35 Đinh: Là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định. Sự chứng đạt: Là sự chứng đạt vê vô phiên não, sự chứng đạt vê vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện.

35 Vô phiền não giải thoát Suññato vimokkho) là nội9 tâm không còn tham, sân, si; vô tướng giải thoát (animitto vimokkho) là nội tâm không còn các biểu hiện của tham, sân, si; vô nguyện giải thoát (appanihito vimokkho) là không còn trạng thái mong mỏi tham, sân, si (VìnA. II. 492).

Trí tuệ: Là ba minh. Sự tu tập về Đạo: Là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phân. Sự chứng ngộ về Quả: Là sự chứng ngộ quả Nhập lưu, sự chứng ngộ quả Nhất lai, sự chứng ngộ quả Bất lai, sự chứng ngộ quả vị A-la-hán. Sự dứt bỏ phiên não: Là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si. Sự không còn bị che lấp của tâm nghĩa là tâm không còn bi che lấp bởi tham ái, tâm không còn bi che lấp bởi sân, tâm không còn bi che lấp bởi si. Sự thỏa thích ờ noi thanh vắng: Là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhi thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiền.

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền" bi phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tra9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i." 2. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền,, bị phạm tội Pārājika: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối tra^, đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm. 3 Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền,5 bị phạm tội Pārājika*. Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá,9? đã nói xong [biết rằng]: "Điều dôi trá đã được ta nóf\ đã che giâu quan diêm, đã che giâu điêu mong mỏi. 4. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thin" bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tra9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối á", đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát. 5. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền,, bị phạm tội Pãrặjĩka\ Trước đỏ, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối tri”, đã nói xong [biết rằng]: "Điều dôi trá đã được ta n6i”đã che giâu quan diêm, đã che giâu điêu mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý đinh. 6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều

dối trá: "Tôi chứng sơ thiền" bi phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tra,9, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta Ĩ16L"

7. Với bốn yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: “T6i chứng sơ thiền" bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điêu dối [rá", đã nói xong [biết rằng]: “Biều dối trá đã được ta Ĩ16Ì", đã che giấu quan điểm. 8. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi chứng sơ thin” bị phạm tội Pārặjika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,95 trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi. 9. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “T6i chứng sơ thiền” bị phạm tội Pārājika: Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điêu dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát. 10. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: uTôi chứng sơ thiền,, bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điêu dối [rá”, đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý đinh. 11. Với ba yếu tố5 vi cố tình nói điều dối trá: “T6i đã chứng được sơ thiền^, bị phạm iội Pārâịika: Trước đó5 vi ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá^, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i." 12. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng được sơ thien?, bị phạm ioi Pārājika: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều (tói trá", trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: “Diều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm. 13. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng được sơ thin" bi phạm ioi Pārājika: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trú", trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối đã nói xong [biết rằng]: “Biều dối trá đã được ta nói,\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi. 14. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng được sơ thiền^, bị phạm tọi Pãrâịika-. Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối tra99, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối t",đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói,\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát. 15. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng âược sơ thiền^, bị phạm tội Pãrãịika: Trước đó5 vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối tra9\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối tra9\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giau điều khao khát, đã che giau ý đinh.

16. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền” bị phạm tội Pārājika: Trước đó, vị ấy khởi ỷ rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i." 17. Với bốn yếu

tố, vi cố tình nói điều dối trá: "T6i có đạt sơ thiền" bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều d6i trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giâu quan diêm. 18. Với năm yếu tố? vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền,, bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi. 19. Với sáu yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: "T6i có đạt sơ thien^ bị phạm tội Pārājika*. Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang noi điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát. 20. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền,, bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tri”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trú", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói55, đã che giâu quan diêm, đã che giâu điêu mong mỏi, đã che giâu điều khao khát, đã che giấu ý định. 21. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i có trú sơ thi8n" bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá" đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta n6i." 22. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền,^ bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều (tói trá”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang noi điều dối [rá”, đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm. 23. Với năm yếu tố9 vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền" bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang noi điều dối trá5\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi. 24. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i có trủ sơ thiền,9 bị phạm tội Pārājika: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá,5? trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối á", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

25. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: uTôi có trú sơ thiền" bi phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá5\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá5\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý đinh. 26. Với ba yếu tố, vị cố tình noi điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thin” bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: “Diều dối trá đã được ta n6i." 27. Với bốn yếu tố5 vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền” bị phạm iQ\Pārājika\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều d6i trá”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm. 28. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền,, bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tra9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã

được ta ri6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi. 29. Với sáu yếu tổ, vị cố tình noi điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền,^ bi phạm tọi Pãrãịika: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối tra,95 trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối gá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát. 30. Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền,, bị phạm ỉội Pãrãịika: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá5\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối á”, đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i'\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. (Phân sơ thiên này đã được giải chi tiêt như thê nào, toàn bộ nên được giải chi tiết như thế) 31. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: 'Tôi đã chứng ... tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... Tôi có đạt tứ thiền ...Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tứ thiền" bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”đã nói xong [biết rằng]: “Biều dối trá đã được ta n6i”đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý đinh. 32. Với ba yếu tố? vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát... vô tướng giải thoát... vô nguyện giải thoát... Tôi có đạt vô nguyện giải thoát... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ vô nguyện giải thoaf bị phạm tội Pãrậịika ...(nt).

33. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng... Tôi đã chứng được vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... Tôi có đạt vô nguyện định ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ vô nguyện bi phạm tội Pārājika ...(nt). 34. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sự chứng đạt vê vô phiên não ... sự chứng đạt vê vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có tru... Tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyên" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 35. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được ba minh ... Tôi có đạt ba minh ... Tôi có tru ... Tôi đã chứng ngộ ba minh^, bị phạm tội Pārājika ...(nt). 36. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được bôn sự thiêt lập niệm ... bôn chánh cân ... bôn nên tảng của thần thông ... Tôi có đạt bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có trú... Tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần thong99 bị phạm tội Pārājika ...(nt) 37. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được năm quyền ... năm lực ... Tôi có đạt năm lực ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ năm lực" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 38. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được bảy giác chi... Tôi có đạt bảy giác chi ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ bảy giác chi" bi phạm tội Pārậịika ...(nt). 39. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phn” bị phạm tội Pārājika ...(nt). 40. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Toi chứng ... Tôi đã chứng được quả Nhập lưu ... quả Nhất lai... quả Bất lai... phẩm vi A-la- hán ... Tôi có đạt phẩm vị A-la-hán ... Tôi có

trú ... Tôi đã chứng ngộ phẩm vi A-la-han^ bị phạm tội Pārājika ...(nt) 41. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã từ bỏ tham ái, đã quăng bỏ tham ái, đã thoát khỏi tham ái, đã dứt bỏ tham ái, đã xa rời tham ái, đã khai trừ tham ái, đã đoạn trừ tham 9i“ bi phạm tội Pārājika ...(nt). 42. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã từ bỏ sân, đã quăng bỏ sân, đã thoát khỏi sân, đã dứt bỏ sân, đã xa rời sân, đã khai trừ sân, đã đoạn trừ sân,9 bi phạm tội Pārājika ...(nt). 43. Với ba yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã từ bỏ si, đã quăng bỏ si5 đã thoát khỏi si, đã dứt bỏ si, đã xa rời si, đã khai trừ si, đã đoạn trừ si” bị phạm tội Pārājika ...(nt).

44. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái59 bi phạm tội Pārājika ...(nt). 45. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi s2rT bị phạm tội Pārājika ...(nt). 46. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối á: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi si” bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều doi trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối tra9\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói.,^ 47. Với bốn yếu tố ...(nt).. Với năm yếu tố ..(nt).. Với sáu yếu tố ...(nt)... Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bi phạm tội Pārājika\ Trước đó, vi ấy khởi y rằng: “Ta sẽ nói điều g6i trá”, trong khi nói [biêt răng]: "Ta đang nói điêu dôi trá", đã nói xong [biêt răng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Dứt phần đơn giản.

1. Với ba yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và nhi thiền,... Tôi có đạt sơ thiền và nhị thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và nhi thiền,, bị phạm tội Pārājika ...(nt) 2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và tam thiền,... Tôi có đạt sơ thiền và tam thiền ... Tôi có tru ...Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tam thiền" bị phạm tội Pārājika ...(nt) 3 Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và tứ thiền,... Toi có đạt sơ thiền và tứ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tứ thiền,, bị phạm tội Pārājika ...(nt) 4. Với ba yếu tố? vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng T6i chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não giải thoát... sơ thiền và vô tướng giải thoát... sơ thiền và vô nguyện giải thoát... Tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện giải thoát... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện gii thoát" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 5. Với ba yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não định ... sơ thiền và vô tướng định ... sơ thiền và vô nguyện đinh ... Tôi có đạt sơ thiên và vô nguyện định ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện định,9 bị phạm tội Pārājika ...(nt) 6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và sự chứng đạt về vô phiền não ... sơ thiền và sự chứng đạt về vô tướng ... sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện... Tôi có đạt sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện,^ bị phạm tội Pārājika ...(nt).

7. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và ba minh ... Tôi có đạt sơ thiền và ba minh ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và ba minh" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 8. Với ba yếu tố, vị cố tình noi điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và bon sự thiết lập niệm ... sơ thiền và bon chánh cần ... sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có đạt sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bốn nền tảng của than thông,, bị phạm tội Pārājika ...(nt). 9. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Toi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và năm quyền ... sơ thiền và năm lực ... Tôi có đạt sơ thiền và năm lực ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và năm lực,9 bị phạm tội Pārājika ...(nt). 10. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và bảy giác chi ... Tôi có đạt sơ thiền và bảy giác chi... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bảy giác chi" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 11. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có đạt sơ thiền và Thánh đạo tam chi phần ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và Thánh đạo tám chi phn” bị phạm tội Pārājika ...(nt). 12. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Toi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và quả Nhập lưu ... sơ thiền và quả Nhất lai ... sơ thiền và quả Bất lai ... sơ thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt sơ thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và phẩm vi A-la- hán^, bị phạm tội Pārājika ...(nt). 13. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền ... Tôi có đạt sơ thiền ... Tôi có tru ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền ... và tôi đã từ bỏ tham ái... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ5 đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 14. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền ... Tôi có đạt sơ thiền ... Tôi có tru ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội Pārājika\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều doi trá9\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối tĩý”, đã nói xong [biết rằng]: “Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Dứt sự luân phiên từng phần.

130 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

1. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: “T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhi thiền và tam thiền ... Tôi có đạt nhi thiền và tam thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tam thiền" bi phạm tội Pārājika ...(nt). 2. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và tư thiền ... Tôi có đạt nhị thiền và tứ thiền... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tứ thiền" bi phạm tội Pārājika ...(nt) 3. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: uTôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và vô phiền não giải thoát... và vô tướng giải thoát ... và vô nguyện giải thoát... và vô phiền não đinh ... và vô tướng định ... và vô nguyện định ... và sự chứng đạt về vô phiền não ... và sự chứng đạt về vô tướng ... và sự chứng đạt về vô nguyện ... và ba minh ... và bốn sự thiết lập niệm ... và bốn chánh

cần... và bốn nền tảng của thần thông ... và năm quyền... và năm lực ... và bảy giác chi... và Thánh đạo tám chi phần ... và quả Nhập lưu ... và quả Nhất lai... và quả Bất lai... và phẩm vị A-la-hán ...(nt)..T6i có đạt nhi thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có tru ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và phẩm vị A-la- hán" bi phạm tội Pārājika ...(nt). 4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: :T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhi thiền... Tôi có đạt nhị thiền... Tôi có trú... Tôi đã chứng ngộ nhi thiền ... và tôi đã từ bỏ tham ái... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 5. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và sơ thiền ... Tôi có đạt nhi thiền và sơ thiền ... Tôi có tru ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và sơ thiền" bị phạm tội Pārājika ...(nt). Sự luân phiên kết hợp. Sau khi thực hiện mỗi một nhân tố như thể, sự luân phiên kết hợp nên được tiến hành viên mãn.

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i d chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiền và tứ thiền..... tam thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt tam thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tam thiền và phẩm vị A-la-hán" bị phạm tội Pārājika ,..(nt). 2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "TQi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiền ... Tôi có đạt tam thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tam thiền ... và tôi đã từ bỏ tham ái... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ

si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái... và tâm của tôi không bi che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội Pārājika ...(nt) 3. Với ba yếu tố9 vị cố tình nói điều dối trá: "Toi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiền và sơ thiền ... tam thiền và nhị thiền ... Tôi có đạt tam thiền và nhị thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và sơ thiền,, bị phạm tội Pārājika ...(nt). 4. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: acTâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sơ thiền ... nhị thiền ... tam thiền ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi có đạt tứ thiền ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ tứ thiền^, bi phạm tội Pārājika ...(nt). 5. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát,... vô tướng giải thoát,... vô nguyện giải thoát... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt vô nguyện giải thoát... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ vô nguyện giải thoát" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng... và tôi chứng... và tôi đã chứng được vô phiền não định, vô tướng đinh, và vô nguyện đinh ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt vô nguyện định ... tôi có tru ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ vô nguyện định^ bị phạm tội Pārājika ...(nt). 7. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã

chứng được sự chứng đạt ve vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện ... Tâm của tôi không bị che lâp bởi si và tôi có đạt sự chứng đạt vê vô nguyện ... tôi có tru ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện,, bị phạm tội Pārājika ...(nt) 8. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được ba minh ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt ba minh ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ ba minh" bi phạm tội Pārājika ...(nt). 9. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt bốn nền tảng của thần thong ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần thông59 bi phạm tội Pārājika ...(nt).

10. Với ba yếu tố9 vi cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi đã chứng... và tôi chứng... và tôi đã chứng được năm quyền... năm lực ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi có đạt năm lực ... tôi có tru ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ năm lực" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 11. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: uTâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được bảy giác chi ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt bảy giác chi... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ bảy giác chi" bị phạm tội Parajika ...(nt). 12. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: uTâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt Thánh đạo tám chi phân ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bi che lâp bởi si và tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần" bị phạm tội Pārậiika ...(nt) 13. Với ba yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vi A-la-hán ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi có đạt phẩm vị A-la-hán ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ phẩm vi A-la-hán,, bị phạm tội Pārājika ...(nt) 14. Với ba yếu tố9 vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sơ thiền ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi có đạt sơ thiền ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội Pārājika ...(nt). 15. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi đã chứng nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân,9 bị phạm tội Pārājika\ ... Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tr",trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối tra9\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi5 đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Dứt phần một nhân tố.

16. Phần hai nhân tố, phần ba nhân tố? phần bốn nhân tố, phần năm nhân tố, phân sáu nhân tô? phân bảy nhân tô, phân tám nhân tô, phân chín nhân tô, phân mười nhân tố

nên được thực hiện. Theo cách các từ ngữ đã được trình bày, phần một nhân tố nên được triển khai. Phần một nhân tố đã được giải chi tiết như thế nào, phần hai nhân tố cũng nên được giải chi tiết y như thế.

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 133

1. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “T6i đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt vê vô tướng, sự chứng đạt vê vô nguyện, ba minh, bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la- hán, ...(nt)... Tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã từ bỏ sân, tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ? đã thoát khỏi, đã dứt bỏ? đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bi che lâp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lâp bởi sân và tâm của tôi không bi che lấp bởi si” bị phạm tội Pārājika\ ..(nt).. Trước đó? vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Dứt phần tất cả các nhân tố. Dứt phần giảng về các trường hợp đon giản.

1. Với ba yếu tố, vi có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền,, lại cố tình nói điều dối trá: "T6i đã chứng nhị thiền,\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya, 2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “T6i đã chứng sơ thiền^, lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... vô tướng giải thoát... vô nguyện giải thoát... vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... sự chứng đạt về vô phiền não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... ba minh ... bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thần thông ... năm quyền ... năm lực ... bảy giác chi... Thánh đạo tám chi phần ... quả Nhập lưu ... quả Nhất lai... quả Bất lai... phẩm vị A-la-hán ... Tôi đã từ bỏ tham ái... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... Tâm của tôi không bi che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i", đã che giâu quan diêm, đã che giâu điêu mong mỏi, đã che giâu điêu khao khát, đã che giấu ý định. Dứt sự luân phiên từng phần của một nhân tố theo lòi phát biểu của người nói.

134 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “T6i đã chứng nhị thiền” lại cố tình nói điều dối trá: “T6i đã chứng tam thien^, [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya. 2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng:

'Tôi đã chứng nhị thiền,, lại cố tình nói điều dối trá: uTâm của tôi không bi che lấp bởi si9\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya. 3. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng nhị thi2n" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng so [hiền”[người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya ...(nt)...đã che giấu ý định. Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố theo lòi phát biểu của người nói.

PHÀN NHÂN TỐ ĐƯỢC TÓM LƯỢC L Với ba yếu tố, vị có ý đinh nói rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền,\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya, 2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" lại cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân", [người nghe] hiêu được thì phạm tội Pārājika, [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Thullaccaya. Dứt phần một nhân tố theo lời phát biểu của người nói. 3. Phần hai nhân tố, phần ba nhân tố, phần bốn nhân tố, phần năm nhân tố, phân sáu nhân tô, phân bảy nhân tô, phân tám nhân tô, phân chín nhân tô, phân mười nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHÀN TÁT CẢ CÁC NHÂN Tố 1. Với ba yếu tố, ...(nt).. Với bảy yếu tố, vi có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não đinh, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt vê vô phiên não, sự chứng đạt vê vô tướng, sự chứng đạt vê vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phân, quả

Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vi A-la-hán ... Tôi đã từ bỏ tham ái ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ9 đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, tâm của tôi không bị che lấp bởi si", lại cố tình nói điều dối trá, [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika, [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Thullaccaya ...(nt).. đã che giâu ý định. 2. Với ba yếu tố, vi có ý định nói rằng: “T6i đã chứng nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, Sự chứng đạt vê vô tướng, sự chứng đạt vê vô nguyện, ba minh, bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phan, quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán, tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã từ bỏ sân, tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiêu được thì phạm tội Pārājika, [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Thuỉiaccaya. 3. Với ba yếu tố, vị có ý định noi rằng: "Tôi đã chứng tam thiền, tứ thiền, ...(nt).. Tâm của tôi không bị che lấp bởi si ...(nt)..

và tôi đã chứng sơ thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng nhị thiền,\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pārājika, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya. 4. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si, và tôi đã chứng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, ...(nt).. Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái" lại cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lâp bởi sân", [người nghe] hiêu được thì phạm tội Pārājika. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Thullaccaya\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Phần tất cả các nhân tố. Dứt phân giản lược ve sự luân phiên theo lời phát biêu của người nót Dứt phần giảng về trường hợp "C6 ý đinh n6i."

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vj Tỳ-khmi cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng, chứng, đã chứng được sơ thiên, vị Tỳ-khưu ây có đạt, CÓ trú sơ thiên, sơ thiên đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói

[biết rằng]: "Ta đang nói điều (tói trá", đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta nói.,, 2. Với bốn yếu tố ... Với năm yếu tố ... Với sáu yếu tố ... Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: uVị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng, chứng, đã chứng được sơ thiên, vi Tỳ-khưu ây có dạt, có trú sơ thiên, sơ thiên đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy"[người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata: Trước đó? vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. 3 Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: uVị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng ... chứng ... đã chứng được nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát... vô tướng giải thoát... vô nguyện giải thoát ... vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... sự chứng đạt về vô phiên não ... sự chứng đạt vê vô tướng ... sự chứng đạt vê vô nguyện ... ba minh ... bốn sự thiết lập niệm... bốn chánh cần... bốn nền tảng của thần thông ... năm quyền ... năm lực ... bảy giác chi... Thánh đạo tám chi phần ... quả Nhập lưu ... quả Nhất lai... quả Bất lai... phẩm vi A-la-hán... Vi Tỳ-khưu ấy có đạt phẩm vị A-la-hán ... có tru ... phàm vị A-la-hán đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ây5\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. 4. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: uVị Tỳ-khưu ấy đã từ bỏ tham ái... đã từ bỏ sân ... đã từ bỏ5 đã quăng :bỏ, đã thoát khỏi, e2 đã dứt bỏ, đã xa rời, _ đã khai trừ, đã đoạn trừ si", [người nghe] hiên được thì phạm tội Thullaccaya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. 5. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố? vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái... có tâm không bi che lấp bởi sân ... có tâm không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya. [người

nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. 6. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khim cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền ... nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ở nơi thanh vắng ... vi Tỳ-khiru ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có tru ... tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata: Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta

sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. 7. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: uVị nào đã thọ dụng trú xá của đạo hữu, vi nào đã thọ dụng y của đạo hữu, vi nào đã thọ dụng vật thực của đạo hữu, vi nào đã thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu, vi nào đã thọ dụng thuốc men trị bệnh của đạo hữu, vi Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng, vi Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có trú tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy"[người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 8. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: " Tru xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vi nào, vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh văng, vị Tỳ-khưu ây có đạt tứ thiên ở nơi thanh văng ... có trú ... tứ thiên ở nơi thanh văng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ây", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya, [người nghi nghe] không hiểu được thì phạm lội Dukkata. ...(nt). 9. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng y, đã dâng vật thực, đã dâng chỗ trú ngụ, đã dâng thuôc men trị bệnh, vị Tỳ-khưu ây đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh văng, vị Tỳ-khưu ây có đạt tứ thiên ở nơi thanh văng ... có trú ... tứ thiên ở nơi thanh văng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu 2y", [người nghe] hiêu được thì phạm tội Thullaccaya. [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Dukkata: Trước đó? vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối [rá", đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i"đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Dứt mười lăm phần giản lược. Dứt phần giảng về các trường họp liên quan đến vật dụng. Dứt phần giản lược về sự luân phiên của các pháp thượng nhân.

10. Vì sự tự tin thái quá, vị không có ý định khoác lác, vị bị điên, vị có tâm bị roi loạn, vị bi thọ khô hành hạ, vi vi phạm đâu tiên thì vô tội. —00O00—

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Do tự tin thái quá, trong rừng, đồ ăn khất thực, thầy tế độ, oai nghi, các sự trói buộc, nơi vắng vẻ, trú xá, các pháp [thượng nhân], được hộ độ. Không phải là việc khó, tinh tấn, tử thần, sợ hãi, này Đại đức, sự ân hận, chơn chánh, với sự tinh tấn, với sự gắn bó, đưa đen sự thành tựu, roi có hai câu chuyện vê cảm thọ. Bà-la-môn năm chuyện, ba chuyện vị đề cập trí giải thoát, ngụ nhà, các dục đã ngăn chặn, thỏa thích và ra đi. Bộ xương và miếng thịt, hai chuyện kẻ giết bò, cục thịt kẻ bẫy chim, không da người hàng thịt, cây gươm kẻ mổ heo, cây lao thợ săn nai, mũi tên người xử án, cây kim kẻ dạy thú. Người đâm thọc bị khâu, mang tinh hoàn quan tòa, chìm hố kẻ ngoại tình, Bà-la-môn quỷ quyệt là kẻ bị ăn phân. Không da gái lăng loàn, gớm ghiếc bà bói toán, thị héo hon tàn tạ, đổ than hồng tình địch, đầu cụt kẻ trảm tù. Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni, Ni tập sự, Sa-di, rồi vị Sa-di-ni, đã xuất gia trong Luật của Phật Kassapa chúng đã làm ác nghiệp. Dòng sông Tapodâ, thành Rājagaha, chiến trận [Licchavī], và chuyện rồng lặn hụp, Tỳ-khưu Sobhita ỉa vị A-la-hán nhớ được năm trăm kiếp.

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, do sự tự tin thái quá đã nói về trí giải thoát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Biều học đã được đức The Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội Pārājika^ Sau đó, vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khưu, do sự tự tin thái quá thì vô tội. (1) 2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỏi rằng: "Nhu vầy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!" Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này T\-khưu, không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khxru, không nên cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỏi; vị nào cư ngụ thì phạm tội Dukkata. (2) 3 Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực sau khi đã mong mỏi rằng: "Nhu vầy thì dân chúng sê kính trọng ta!" Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Tỳ-khiru, không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khiru, không nên đi khất thực sau khi đã mong mỏi; vị nào đi thì phạm tội Dukkata. (3)

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 139

4. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điêu này: Này Đại đức, tất cả các đệ tử của thầy tế độ của chúng ta đều là các vị A-la-hán. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). - Này Tỳ-khxru, [khi ấy] ngươi có tâm gì? —Bạch Thế Tôn, con có ý đinh khoác lác. -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya?6 (4) 5. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này: Này Đại đức, tất cả các học trò của thầy tế độ của chúng ta đều có đại thần lực, có đại oai lực. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Tỳ-khưu9 [khi ấy] ngươi có tâm gì? - Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác. Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (5) 6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi kinh hành sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt).. đứng yên sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt).. ngồi xuống sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt).. nằm xuống sau khi đã mong mỏi rằng: "Nhu vầy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!" Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên

đức Thế Tôn. ...(nt). Nay Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika. Và này các Tỳ-khmi? không nên nằm xuống sau khi đã mong mỏi; vị nào nằm xuống thì phạm tội Dukkata. (6-9) 7. Vào lúc bấy có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác về pháp thượng nhân đến vị Tỳ-khưu khác. Vi ây cũng đã nói như vây: Này Đại dức, những sự trói buộc của tôi cũng đã được dứt bỏ. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Tỳ-khưu? ngươi đã phạm tội Pārājika. (10) 8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ đi đến nơi vắng vẻ rồi khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị Tỳ-khiru biết được tâm người khác đã phản bác vị Tỳ-khiru ấy rằng: “ Này Đại dức, chớ có nói như thê. Điêu ây Đại đức không có. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata. (11) 9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến nơi vắng vẻ rồi khoác lác về pháp thượng nhân. Có vi thiên nhân đã phản bác vi Tỳ-khưu ấy rằng: -Thưa ngài, chớ có nói như thế. Điều ấy ngài không có.

36 Vị ấy vì chưa đề cập rõ ràng bản thân là A-la-hán (Ahanti avuttatã) nên không phạm tội Pãrậịỉka (g. II. 503). • ,

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Dukkata, (12) r \ 10. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với nam cư sĩ nọ điêu này: Này đạo hữu, vị Tỳ-khưu sống trong tru xá của đạo hữu là vi A-la-hán. Và vị Tỳ-khưu ấy sống trong trú xá của người ấy. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khưu5 [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con có ý đinh khoác lác.

Này Tỳ-khtru, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (13) 11. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với nam cư sĩ nọ điêu này: - Này đạo hữu, vị Tỵ-khun mà ngươi hộ độ bằng vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh là vi A-la-hán. Và người ây đang hộ độ vị Tỳ-khưu ây băng vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc áy len đức The Ton. ...(nt). -Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con có ý đinh khoác lác.

Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (14) 12. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khmi nọ bi bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vi ấy điều này: Đại đức có pháp thượng nhân không? Này các Đại đức, không phải là việc khó để nói lên trí giải thoát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chi có những vị Thinh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như the. Và ta không phải là Thinh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội Pãrậịỉkaì^ Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). - Này Tỳ-khiru, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không có ý đinh khoác lác.

Này Tỳ-khini, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (15) 13. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khxru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này: -Đại đức có pháp thượng nhân không? -Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vi có sự tinh tấn đã được ra sức. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này

Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (16) 14. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này: -Này Đại đức, chớ có sợ hãi!

Này các Đại đức, tôi không sợ hãi thần chết.

Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khxru, vị không có ý đinh khoác lác thì vô tội. (17) 15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khiru đã nói với vị ây điêu này: Này Đại đức, chớ có sợ hãi! Này các Đại đức, có lẽ vị nào có sự ân hận thì vị ây mới sợ hãi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (18) 16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khmi nọ bị bệnh. Các Tỳ-khiru đã nói với vi ây điêu này: Đại đức có pháp thượng nhân không? _ Này các Đại dức, pháp sẽ được thành tựu với vi có sự hành trì chơn chánh. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế T6n. ...(nt) Này Tỳ-khưu? vị không có ý đinh khoác lác thì vô tội. (19) 17. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khiru đã nói với vị ấy điều này: Đại đức có pháp thượng nhân không? Này các Đại dức, pháp sẽ được thành tựu với vi có sự tinh tấn đã được ra sức. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khiru? vi không có ý định khoác lác thì vô tội.37 (20) 18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khiru đã nói với vị ây điêu này: Đại đức có pháp thượng nhân không? Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vi có sự kiên trì gắn bó. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (21) 19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ây điêu này: Này Đại dức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?

Này các Đại đức, người nào khác thì không thể chiu đựng nổi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu9 vi không có ý định khoác lác thì vô tội. (22)

37 Câu chuyện này được lặp lại y như câu chuyện (16) ở trên.

20. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khiru đã nói với vị ây điêu này: -Này Đại dức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Này các Đại đức, phàm nhân thì không thê chịu đựng nôi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khmi? [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con có ý đinh khoác lác.

Này Tỳ-khưu, không phạm tội Pārājika mà phạm tội Thullaccaya. (23) 21. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các Tỳ-khưu và đã nói điều này: Thưa các ngài, xin các vi A-la-hán hãy ngự đến. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chúng ta không phải là các vi A-la-hán và người Bà-la-môn này gọi chúng ta bằng từ A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào dây?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). —Này các Tỳ-khưu, vô tội trong việc xung hô theo đức tin. (24) 22. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các Tỳ-khtru và đã nói điều này: Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngồi xuống. ...(nt).

Thưa các ngài, xin các vi A-la-hán hãy thọ thực. ...(nt). —Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy được hài lòng. ...(nt). Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ra đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này lại đối xử với chúng ta bằng danh xưng A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào(fây?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ..(nt). Này các Tỳ-khưu, vô tội trong việc xưng hô theo đức tin. (25-28) 23. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ khoác lác với vi Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vầy: Này Đại đức, tôi cũng đã đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Pārājika. (29) 24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khiru khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vầy: Này Đại đức, các pháp này cũng được tìm thấy ở tôi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội pārajika. (30)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vây: Này Đại đức, tôi cũng thành thục các pháp này. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khxru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (31) 26. Vào lúc bây giờ, các thân quyên đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điêu này: Thưa ngài, hãy đến và ngụ ở gia đình. Này các đạo hữu, người như tôi không thể ngụ ở gia đình. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (32) 27. Vào lúc bay giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khiru nọ điều này: -Thưa ngài, hãy đến và thọ dụng các dục. Này các đạo hữu, các dục của tôi đã được ngăn chặn. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt) Này Tỳ-khiru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (33) 28. Vào lúc bây giờ, các thân quyên đã nói với vi Tỳ-khưu nọ điêu này: Thưa ngài, xin hãy thỏa thích. -Này các đạo hữu, tôi được thỏa thích với sự thỏa thích tối thượng. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: uChỉ có những vi Thinh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như the. Và ta không phải là Thinh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội PārājikaT" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. _ Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.

Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (34) 29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vi Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở trú xứ nọ sau khi thỏa thuận rằng: nào sẽ rơi trú xứ này trước tiên, chúng ta sẽ biết vị ấy là vi A-la-han/9 Có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằnệ]: "Hãy để cho các vị biết ta là vị A-la-hán59, rồi đã rời tru xứ ấy trước tiên. Vi áy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt). -Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Pārājika. (35) 30. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Lakkhana và Đại đức Mahāmoggallāna cư ngụ tại Gijjhakūta. Khi ấy, vào buổi sáng, Đại đức Mahãmoggallâna đã mặc y, cầm y bát đi đến gặp Đại đức Lakkhana, sau khi đến đã nói với Đại đức Lakkhana điều này: -Này Đại đức Lakkhana, chúng ta hãy đi vào thành Rājagaha để khất thực. Này Đại đức, xin vâng.

Đại đức Lakkhana đã trả lời Đại đức Mahāmoggallāna.

31. Sau đó, trong khi đi xuống từ Gijjhakūta, tại khu vực nọ, Đại đức Mahāmoggallāna đã mỉm cười. Khi ấy, Đại đức Lakkhana đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: —Này Đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì, duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy? Này Đại đức Lakkhana, không phải là thời điểm của câu hỏi này, hãy hỏi ta câu hỏi này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn. 32. Sau đó, Đại đức Lakkhana và Đại đức Mahāmoggallāna đã đi khất thực trong thành Rājagaha, sau bữa ăn, khi đi khất thực trở về đã đi đến gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã đảnh le đức The Ton roi ngoi xuống ở mọt bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Lakkhana đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: ở đây, Đại đức Mahāmoggallāna, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, tại khu vực nọ đã mỉm cười. Này Đại đức Mahāmoggallāna, nhân gduyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy? Này Đại đức, trong khi đang đi xuông từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thây bộ xương đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng38 lăn xả lao vào bộ xương ấy, rứt ra các phần ở khoảng giữa các xương sườn; bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. Này Đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Cũng có chúng sanh lại trở thành như thế này! Cũng có dạ-xoa lại trở thành như thê này! Cũng có nga quỷ lại trở thành như thế này! Cũng có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!" Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.^, 33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vi Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh văn sống với mắt thấy như thật! Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh văn sống vơi trí biết như thật! Bởi vì là Thinh văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Này các Tỳ-khưu, trước đây Ta đã thấy chúng sanh ấy, tuy nhiên Ta đã không nói ra. Và nếu Ta nói ra điêu ấy thì những kẻ khác có thể không tin Ta, những ai không tin Ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh, khổ đau lâu dài. Này các Tỳ-khưu? chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. Kẻ ấy do quả của nghiệp ấy, sau khi đã bị nung nâu trong địa ngục nhiêu năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã gánh chịu sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Này các Tỳ-khiru, Moggallãna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallâna không phạm tội. (36) 34. Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy miếng thịt đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ,

38 Ngài Buddhaghosa giải thích: Các chim kên kên, chim quạ, chim ưng này là các dạ-xoa có dạng chim, ^yakkhagijjhāyakkhakãkãyakkhakulalẩ' (VinA. II. 507).

D , 'M e jT .. , . chim ưng lăn xả lao vào miêng thịt ây, day nghiên, rứt ra; miêng thịt ây đã rên rỉ kho sở. ...(nt). ĩ 9 r Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ây đã là kẻ giêt trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. (37) 35. Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy cục thịt đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cục thịt ấy, day nghiến, rứt ra; cục thịt ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt). - Này các Tỳ-khiru, chúng sanh ấy đã là kẻ bẫy chim ở ngay trong thành Rājagaha này. (38) 36. Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ

Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người đàn ông không có lớp da [bao bọc]39 đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim img lăn xả lao vào người ấy, day nghiên, rứt ra; người ây đã rên rỉ khô SỎL" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người hàng thịt ở ngay trong thành Rājagaha này. (39) 37. Này Đại dức, trong khi đang đi xuồng từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây gươm đang đi trong hư không. Những cây gươm ây lăn xả lao vào người ây9 rơi xuông trên cơ thê của chính người ây; người ây đa rên rỉ khổ sở. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ây đã là người mô heo ở ngay trong thành Rājagaha này. (40) 38. Này Đại dức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây lao đang đi trong hư không. Những cây lao ấy lăn xả lao vào người ây, rơi xuồng trên cơ thê của chính người ây; người ây đã rên rỉ khổ sở. ...(nt). -Này các Tỳ-khiru, chúng sanh ấy đã là người thợ săn nai ở ngay trong thành Rājagaha này. (41) 39. Này Đại dức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các mũi tên đang đi trong hư không. Những mũi tên ấy lăn xả lao vào người ây, rơi xuồng trên cơ thê của chính người ây; người ây đã rên rỉ khổ sở. ..Ặt). -Này các Tỳ-khmi, chúng sanh ây đã là người tra khảo ở ngay trong thành Rājagaha này. (42) 40. Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không. Những cây kim ấy

39 Ngài Buddhaghosa giải thích về người không có lớp da bao bọc là do việc người này đã giết các con dê, roi lột da nen bị qua báo không có lớp da bao bọc (VinA. II. 509).

lăn xả lao vào người ấy? rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ SỎL ...(nt) Này các Tỳ-khưu9 chúng sanh ấy đã là người đánh xe ở ngay trong thành Rājagaha này. (43) 41. Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không. Những cây kim ấy đã đi vào đầu của người ấy rồi đi ra từ miệng, đã đi vào miệng rồi đi ra từ ngực, đã đi vào ngực rồi đi ra từ bụng, đã đi vào bụng rồi đi ra từ hai đùi, đã đi vào hai đùi rồi đi ra từ hai cẳng chân, đã đi vào hai cẳng chân rồi đi ra từ hai bàn chân; người ây đã rên rỉ khô sở. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ nói lời đâm thọc ở ngay trong thành Rājagaha này. (44) 42. Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người hình thù quỷ sứ đang đi trong hư không. Trong lúc đi, người ấy đặt hai tinh hoan ơ trên vai roi di. Trong khi ngoi xuồng, người ây ngôi xuống trên chính hai tinh hoàn ấy. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào người ấy, day nghiến, rứt ra; người ấy đã rên ri khổ sở. ...(nt). - Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là quan xử án40 ở ngay trong thành Rājagaha này. (45) 43. Này Đại đức, trong khi đang đi xuông từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thây người bi chìm đên tận đâu ở trong hô phân ...(nt). Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ây đã là kẻ phạm tội ngoại tình ở ngay trong thành Rājagaha này. (46) 44. Này Đại đức, trong khi đang đi xuồng từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người bi chìm đến tận đầu ở trong ho phân, đang ăn phân bằng hai bàn tay ..(nt). Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ Bà-la-môn quỷ quyệt ở ngay trong thành Rājagaha này. Trong thời giáo pháp của đức

Chánh Đẳng Giác Kassapa, kẻ ấy đã thỉnh mời hội chúng Tỳ-khiru bữa ăn. Sau khi cho người đổ đầy các máng phân và thông báo thời giờ, kẻ ấy đã nói điều này: "Này các ngài, hãy ăn rồi hãy mang đi theo ý thích." (47) 45. Này Đại đức, trong khi đang đi xuông từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà không có lớp da [bao bọc] đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên9 chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cô ấy, day nghiến, rứt ra; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, người đàn bà ây đã là gái lăng loàn ở ngay trong thành Rājagaha này. (48) 40 Người này tuy là quan xử án nhưng nhận hối lộ ở nơi kín đáo, rồi xử án thiên lệch nên bị trả quả phải phơi bày vật kín ra ịyìnA. II. 510).

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA < 147

46. — Này Đại dức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thây người đàn bà hôi thôi, gớm ghiêc đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cô ấy, day nghiến, rứt ra; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, người đàn bà ây đã là bà bói toán ở ngay trong thành Rājagaha này. (49) 47. Này Đại dức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà bị thiêu đốt, héo hon, tàn tạ; cô ấy đã rên rỉ khổ SỎL ...(nt). Này các Tỳ-khưu? người đàn bà ây đã là đệ nhát hoàng hậu của đức Vua Kāliñga. Bà ta lộ vẻ ghen tương, đã dùng chậu than cháy đỏ trút lên người tình địch. (50) 48. - Này Đại đức, trong khi đang đi xuồng từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy thi thể không đầu đang đi trong hư không, còn các con mắt và miệng thì ở trên ngực của người ấy. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào người ây5 day nghiên, rứt ra; người ây đã rên rỉ khô sở. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người xử tử bọn trộm cướp tên Hârika ở ngay trong thành Rājagaha này. (51) 49. Này Đại đức, trong khi đang đi xuồng từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy vị Tỳ-khmi đang đi trong hư không, y hai lớp của vị ấy bi cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa; vị ây đã rên rỉ khô sở. ...(nt). -Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khmi ấy đã là vi ác Tỳ-khưu ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. (52) 50. Này Đại đức, trong khi đang đi xuồng từ Gijjhakūta, ta đây đã nhìn thấy vi Tỳ-khưu-ni ...(nt).. đã nhìn thấy vi Ni tu tập sự ...(nt)...đã nhìn thấy vi Sadi ...(nt).. đã nhìn thấy vi Sa-di-ni đang đi trong hư không, y hai lớp41 của vi Ni ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ5 cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa; vị Ni ấy đã rên rỉ khổ sở. Này Đại dức, ta đây đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Cũng có chúng sanh lại trở thành như thê này! Cũng có dạ-xoa lại trở thành như thê này! Cũng có nga quỷ lại trở thành như thế này! Cũng có sự hình thành bản ngã lại là như thế nay!" Các Tỳ-khiru phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Bại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.,,

41 Có thể đây là một lầm lẫn trong lúc gom các đoạn văn trùng lặp lại với nhau, vì các vi Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni không có y hai lớp (sañghāti). Chỉ Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni mới có y này.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh Văn sống với mắt thấy như thật! Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh Văn sống với trí biết như thật! Bởi vì là Thinh Văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Này các Tỳ-khưu, trước đây Ta đã thấy vị Sa-di-ni ấy, tuy nhiên Ta đã không nói ra. Và nếu Ta nói ra thì những kẻ khác có thể không tin Ta, những ai không tin Ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh, khổ đau lâu dài. Này các Tỳ-khưu, vi Sa-di-ni ấy đã là ác Sa-di-ni ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. Vị Ni ấy, do quả của nghiệp ấy, đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã gánh chịu sự hình thành bản ngã có hinh thức như thế. Này các Tỳ-khun, Moggallãna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallãna không phạm tội. (53-56) 51. Khi ây, Đại đức Mahãmoggallâna đã nói với các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, dòng sông Tapodã chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ. Các Tỳ-khiru phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao Đại đức Mahāmoggallāna lại phát biểu như vầy: 'Này các Đại đức, dòng sông Tapodâ chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ?9 Vả lại, dòng sông Tapodã này là nóng bỏng và trôi chảy. Đại đức Mahāmo^gallāna khoác lác về pháp thượng nhân?5 Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ. Này các Tỳ-khưu, tuy nhiên dòng sông Tapodâ này đi qua giữa hai đại địa ngục, vì thế dòng sông Tapodâ này trở nên nóng bỏng và trôi chảy. Này các Tỳ-khiru, Moggallâna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallãna không phạm tội. (57) 52. Vào lúc bây giờ, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, trong lúc giao chiến với các vị Licchavī, đã bị đánh tan tác. Sau đó, khi đã gom góp lại đội binh hậu bi, đức vua đã đánh bại các vị Licchavī. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: "Các vị Licchavī đã bị đức vua đánh tan tác.” Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khưu rang: Này các Đại dức, đức vua đã bị các vị Licchavī đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: "Các vị Licchavī đã bị đức vua đánh tan tác." Các Tỳ-khiru phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Đại đức Mahãmoggallãna lại phát biểu như vầy: 'Này các Đại dức, đức vua đã bị các

vị Licchavī đánh tan tác. Và trong trận chiên có sự vui mừng loan truyên răng: Các vị Licchavī đã bị đức vua đánh tan tác?' Đại đức Mahãmoggallâna khoác lác về pháp thượng nhân.,, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, trước tiên đức vua đã bi các vị Licchavī đánh tan tác. Sau đó, khi đã gom góp lại đội binh hậu bi, đức vua đã đánh bại các vi Licchavī. Này các Tỳ-khưu, Moggallâna đã nói sự thật.

Này các Tỳ-khưu, Moggallãna không phạm tội. (58) ___

54.42 Sau đó, Đại đức Mahâmoggallãna đã nói với các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, được thể nhập định bất thối, tôi đây ở nơi bờ sông Sappinikâ đã nghe tiêng động của các con rông đang hụp xuống roi trôi lên và gâm lên tiêng rông. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Làm sao Đại đức Mahãmoggallãna được thể nhập đinh bất thối lại có thể nghe tiếng động? Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.,, Các vi đã trình sự việc , áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, có loại định này và vị ấy chưa được thuần thục lắm. Này các Tỳ-khưu? Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (59) 55. Khi ấy, Đại đức Sobhita đã nói với các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Sobhita lại nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp?9 Đại đức Sobhita khoác lác về pháp thượng nhân." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Sobhita đã sông kiêp sông ây và kiêp sông ây chính là một kiếp sống của Sobhita. Này các Tỳ-khưu, Sobhita đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Sobhita không phạm tội. (60) Điều Pãrậịika thứ tư được đầy đủ. —ooOoo— Bạch chư Đại đức, bốn điều Pârậịika đã được đọc tụng xong. Vị Tỳ-khưu vi phạm điêu nọ hoặc điêu kia thuộc vê các điêu này thì không đạt được sự cộng trú cùng với các vi Tỳ-khưu?4243 trước đây như the nào thì sau này là như vậy;44 [vị ấy] là vị phạm tội Pārājika. không được cộng tru.

42 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli, nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT). 43 Không đạt đươc sự công trú cùng với các vị Tỳ-khưu, nghĩa là vi ấy không còn được tham dự các lễ ưposatha (lễ Bo-tát), lễ PavâranaỌỄ Tự tứ), việc đọc tụng Giới bốn (Pãtitnốkkhà) vả các loại hành sự cua hội chung (VinA. II. 516). 44 Trước đây như the nào thì sau này là như vậy (yathā pure tathā pacchā), nghĩa là trước đây còn tại gia, chưa tu lên bậc trên, sự cách biêt đối với các vị Ty-khưu như thế nào, bay giờ, sau khi phạm tội Pārājika thì phải theo đung như thế ẩy (VinA. II. 516).

150 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Trong các điêu ây, tôi hỏi các Đại đức răng: Chác han các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tinh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức ở đây được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt điều học Pārājika. —ooOoo—

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

Bốn điều Pārājika là: Việc đôi lứa, vật không được cho, mạng người, pháp thượng nhân. Sự việc nên được phân tích, không còn sự nghi vấn.

Dứt chương Pārājika.

—ooOoo—

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA MƯỜIBAĐIỀU

Bạch chư Đại đức, mười ba điều Sañghādisesa này được đưa ra đọc tụng. 3.1. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi,

Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Đại đức Seyyasaka không được thỏa thích1 thực hành Phạm hạnh. Vì thế, vị ấy trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình noi đay gân. 2. Đại đức Udāyi2 đã nhìn thấy Đại đức Seyyasaka ốm o, cằn cỗi, xuống sác, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân; sau khi nhìn thây đã nói với Đại đức Seyyasaka điều này: Này Đại đức Seyyasaka, tại sao ngươi lại ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân? Này Đại đức Seyyasaka, chẳng lẽ ngươi không được thỏa thích thực hành Phạm hạnh hay sao? Này Đại đức, đúng vậy. Này Đại đức Seyyasaka, như thế thì ngươi hãy ăn theo như ý thích, hãy ngủ theo như ý thích, hãy tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi ở ngươi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy ngươi hãy dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch. -Này Đại đức, có được phép làm như thê không? -Này Đại đức, được chớ. Ta cũng làm như thế. 3 Sau đó? Đại đức Seyyasaka đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy vi ấy đã dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch. Rồi một thời gian sau, Đại đức Seyyasaka đã trở nên có tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc mặt rạng rỡ, sắc thân an tịnh.

1 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Tâm vị ấy bị loạn động và đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa ái dục, nhưng lại không muốn quay trở về làm người tại gia (PzwJ. III. 517)? 2 Đại đức Udāyi là thầy tế độ của Đại đức Seyyasaka (VinA. III. 517).

4. Khi ấy, các Tỳ-khiru thân hữu của Đại đức Seyyasaka đã nói với Đại đức Seyyasaka điều này: Này Đại đức Seyyasaka, trước đây Đại đức thì ôm o, căn côi, xuống săc, có vẻ xanh xao, thân hình noi đay gân. Giờ đây, trong lúc này, Đại đức đây có tướng mạo, căn quyên sung mãn, săc mặt rạng rỡ, săc thân an tịnh. Này Đại đức Seyyasaka, Đại đức có sử dụng thuốc men gì không? Này các Đại đức, tôi không có sử dụng thuôc men. Tuy nhiên, tôi ăn theo như ý thích, ngủ theo như ý thích, tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi ở tôi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy tôi dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch. Này Đại đức Seyyasaka, có phải Đại đức gắng sức làm xuất ra tinh dịch bằng chính bàn tay thọ dụng vật tín thí? Này các Đại dức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Seyyasaka lại dùng bàn tay găng sức làm xuât ra tinh dịch vậy?,^ Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Seyyasaka bang nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Seyyasaka rằng: Này Seyyasaka, nghe nói ngươi dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyêt

giảng như vây lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao? Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây, trong khi Ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì ngươi lại nghĩ đến tham ái5 thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì ngươi lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì ngươi lại nghĩ đến sự chấp thủ. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kềm chế sự khao khát, để trừ diệt

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 153

Sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tưởng, đã đề cập đến sự kềm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đên sự trừ diệt các dục tâm, đã đê cập đên sự lăng dịu của các nôi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. 6. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Seyyasaka bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Việc xuất ra tỉnh do sự cổ ỷ thì tội Sañghādisesay3 Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy định lần đầu]

7. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực các loại vật thực hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, roi rơi vào giác ngủ. Trong khi các vị ấy có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, rồi rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Các vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Biều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: 'Việc xuất ra tinh do sự cố ý thì tội Sañghādisesa" Và tinh dịch của chúng ta đã bị xuất ra do chiêm bao. Và trong trường hợp này có sự cố ý dự phần vào; phải chăng chúng ta đã phạm tội SañghādisesaT" Rồi đã trình sự việc ay len đức The Tone Này các Tỳ-khưu5 sự cố ý ấy là có nhưng nó không đáng kể. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “ Việc xuất ra tỉnh dịch có sự cố ỷ thì tội Sañghādisesa, ngoại trừ chiêm bao' [Sự quy đinh lần hai] 8. Sự cố ý: Là sự vi phạm trong khi biết, trong khi tự mình nhận biết, sau khi đã suy nghi, sau khi đã khẳng định. Tinh: Có mười loại tinh: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu sữa loãng, màu nước, màu dầu ăn, màu sữa tươi, màu sữa đông, màu bơ lỏng. Sự xuất ra: Sự làm di chuyển khỏi vị trí được gọi là "sự xuất ra." Ngoại trừ chiêm bao: Trừ ra trường hợp đang nằm mơ.

3 Ngài Buddhạghosa giải thích về ý nghĩa của từ Sañghādisesa {Sañgha-ādi-sesa) như sau: Hội chúng (Sangha) là cần thiết tư lúc khởi đau (adĩ) và các phần còn lại (ses). Khởi đầu là sự ban cho hanh phạt Parivāsa, các phần kế tiếp là sư ban cho hành phạt Mânatta hoặc sự ban cho việc thực hành trở lại từ đầu {Mũlãya patikassanam), cuối cùng là hành sự giải tội (Abbhãnakammă), tất cả các việc này đều do hội chúng (Sangha) thực hiện, cá nhân hoặc nhóm Tỳ-khưu đều không được (VỉnA. III. 522). Xin xem thêm chi tiết ở TTPV, tập 6, Cv. I, chương II.

Tội Sañghādisesa: Chỉ có hội chúng, không phải một số vị, không phải cá nhân ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, ban cho hình phạt Mânatta. cho giải tội; vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Là việc đinh danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa." 9. Làm xuất ra ở sác pháp thuộc nội phân, làm xuất ra ở săc pháp thuộc ngoại phần, làm xuất ra ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần, làm xuất ra trong khi lắc hông ở khoảng không, làm xuất ra khi có sự tác động của tham ái, làm xuất ra khi có sự tác động của phân, làm xuất ra khi có sự tác động của nước tiểu, làm xuất ra khi có sự tác động của gió, làm xuất ra khi có sự tác động của sâu bọ, làm xuất ra vì mục đích sức khỏe, làm xuất ra vì mục đích khoái lạc, làm xuất ra vì mục đích dược phẩm, làm xuất ra vì mục đích bố thí, làm xuất ra vì mục đích phước thiện, làm xuất ra vì mục đích tế lễ, làm xuất ra vì mục đích cõi trời, làm xuât ra vì mục đích nòi giông, làm xuât ra vì mục đích nghiên cứu, làm xuất ra vì mục đích đùa giỡn, làm xuất ra tinh màu xanh, làm xuất ra tinh màu vàng, làm xuất ra tinh màu đỏ, làm xuất ra tinh màu trắng, làm xuất ra tinh màu sữa loãng, làm xuất ra tinh màu nước, làm xuất ra tinh màu dầu ăn, làm xuất ra tinh màu sữa tươi, làm xuất ra tinh màu sữa đông, làm xuất ra tinh màu bơ lỏng. 10. ở sắc pháp thuộc nội phần: Là ở sắc pháp có liên quan đến phần ở bên trong. ở sắc pháp thuộc ngoại phần: Là ở sắc pháp có liên quan hoặc không có liên quan đến phần ở bên ngoài. ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần: Là ở cả hai nơi. Trong khi lắc hông ờ khoảng không: Là dương vật của vị đang ra sức khoảng không trở nên thh ứng. Khi có sự tác động của tham ái: Là dương vật của vi bị tham ái quấy rối trở nên thích ứng. Khi có sự tác động của phân: Là dương vật của vị bị phân quấy rối trở nên thích ứng. Khỉ có sự tác động của nước tiểu: Là dương vật của vị bị nước tiểu quấy rối trở nên thích ứng. Khi có sự tác động của gió: Là dương vật của vị bị gió quấy rối trở nên thích ứng. Khi có sự tác động của sâu bọ: Là dương vật của vị bi sâu bọ cắn trở nên thích ứng. Vì mục đích sức khỏe: Là [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không có bênh.” Vì mục đích khoái lạc: Là [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tạo ra cảm giác khoái lac." Vì mục đích dược phẩm: Là [nghĩ rằng]: “[Ta] sẽ có được thuốc men.^^

Vì mục đích bố thí: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho vật thí." Vì mục đích phước thiện: Là [nghĩ rằng]: "[Ta] sẽ có được phước bau." Vì mục đích tế lễ: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cúng hiến vật tế lễ." Vì mục đích cõi trời: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến cõi tròi." Vì mục đích nòi giống: Là [nghĩ rằng]: “[Ta] sẽ có được nòi gi6ng." Vì mục đích nghiên cứu: Là [nghĩ

rằng]: "[Ta] sẽ có được tinh màu xanh, ..(nt).. sẽ có được tinh màu bơ lỏng?5 Vì mục đích đùa giỡn: Có ý định chơi giỡn. 11. ở sắc pháp thuộc nội phần, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ở sắc pháp thuộc ngoại phần, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ơ sác pháp thuộc nội phân và ngoại phân, vị suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Trong khi lăc hông ở khoảng không, vị suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Khi có sự tác động của tham ái, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Khi có sự tác động của phân, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Khi có sự tác động của nước tiêu, vị suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Khi có sự tác động của gió, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Khi có sự tác động do đã bị sâu bọ cắn, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 12. Vì mục đích sức khỏe, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vì mục đích khoái lạc, vị suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sanghãdỉsesa. Vì mục đích dược phàm, vị suy nghĩ dèn, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vì mục dh bô thí, vị suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vì mục đích phước thiện, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Vì mục đích tê lê, vị suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa,

Vì mục đích cõi trời, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vì mục đích nòi giông, vi suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vì mục đích nghiên cứu, vi suy nghĩ đên, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vì mục đích đùa giỡn, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 13. Vi suy nghĩ đên tinh màu xanh, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần đon giản. 14. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe và mục đích khoái lạc, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe và mục đích dược phẩm ... mục đích sức khỏe và mục đích bố thí... mục đích sức khỏe và mục đích phước thiện ... mục đích sức khỏe và mục đích te lễ ... mục đích sức khỏe và mục đích cõi trời... mục đích sức khỏe và mục đích nòi giống ...mục đích sức khỏe và mục đích nghiên cứu ... mục đích sức khỏe và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên tùng phần của một nhân tố. 15. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích dược phẩm, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích bố thí... mục đích khoái lạc và mục đích phước thiện ... mục đích khoái lạc và mục đích tế lễ ... mục đích khoái lạc và mục đích cõi trời ... mục đích khoái lạc và mục đích nòi giống ... mục đích khoái lạc và mục đích nghiên cứu ... Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích sức khỏe, rồi

gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, 16. Vị suy nghĩ đên mục đích dược phàm và mục đích bô thí ... mục đích dược phẩm và mục đích phước thiện ... mục đích dược phẩm và mục đích tế lễ ... mục đích dược phẩm và mục đích cõi trời ... mục đích dược phẩm và mục đích nòi giống ... mục đích dược phẩm và mục đích nghiên cứu ... mục đích dược phẩm và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đen mục đích dược phẩm và mục đích sức khỏe ... mục đích dược phẩm và mục đích khoái lạc, roi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa.

17. Vị suy nghĩ đến mục đích bố thí và mục đích phước thiện ... mục đích bố thí và mục đích tế lễ ... mục đích bố thí và mục đích cõi trời... mục đích bố thí và mục đích nòi giống ... mục đích bố thí và mục đích nghiên cứu ... mục đích bố thí và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích bo thí và mục đích sức khỏe ... mục đích bố thí và mục đích khoái lạc ... mục đích bố thí và mục đích dược phẩm, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 18. Vi suy nghĩ đến mục đích phước thiện và mục đích tế lễ ... mục đích phước thiện và mục đích cõi trời... mục đích phước thiện và mục đích nòi giống ... mục đích phước thiện và mục đích nghiên cứu ... mục đích phước thiện và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích phước thiện và mục đích sức khỏe ... mục đích phước thiện và mục đích khoái lạc ... mục đích phước thiện và mục đích dược phẩm ... mục đích phước thiện và mục đích bô thí, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 19. Vị suy nghĩ đến mục đích tế lễ và mục đích cõi trời... mục đích tế lễ và mục đích nòi giống ... mục đích tế lễ và mục đích nghiên cứu ... mục đích tế lễ và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Vị suy nghĩ đến mục đích tế lễ và mục đích sức khỏe ... mục đích tế lễ và mục đích khoái lạc ... mục đích tế lễ và mục đích dược phẩm ... mục đích tế lễ và mục đích bố thí... mục đích tế lễ và mục đích phước thiện, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 20. Vị suy nghĩ đến mục đích cõi trời và mục đích nòi giống ... mục đích cõi trời và mục đích nghiên cứu ... mục đích cõi trời và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sanghãdỉsesa. Vị suy nghĩ đến mục đích cõi trời và mục đích sức khỏe ... mục đích cõi trời và mục đích khoái lạc ... mục đích cõi trời và mục đích dược phẩm ... mục đích cõi trời và mục đích bố thí... mục đích cõi trời và mục đích phước thiện ... mục đích cõi trời và mục đích tế lễ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 21. Vị suy nghĩ đến mục đích nòi giống và mục đích nghiên cứu ... mục đích nòi giông và mục đích đùa giỡn, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đên mục đích nòi giông và mục đích sức khỏe ... mục đích nòi giống và mục đích khoái lạc ... mục đích nòi giống và mục đích dược phẩm ... mục đích nòi giống và mục đích bố thí... mục đích nòi giống và mục đích phước thiện ... mục đích nòi giống và mục đích tế lễ ... mục đích nòi giống và mục đích cõi trời, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sanghãdỉsesa. 22. Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu và mục đích sức khỏe ... mục đích nghiên cứu và mục đích

khoái lạc ... mục đích nghiên cứu và mục đích dược phẩm ... mục đích nghiên cứu và mục đích bố thí

... mục đích nghiên cứu và mục đích phước thiện... mục đích nghiên cứu và mục đích tế lễ ... mục đích nghiên cứu và mục đích cõi trời... mục đích nghiên cứu và mục đích nòi giống, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 23. Vị suy nghĩ đến mục đích đùa giỡn và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích đùa giỡn và mục đích khoái lạc ... mục đích đùa giỡn và mục đích dược phẩm ... mục đích đùa giỡn và mục đích bố thí... mục đích đùa giỡn và mục đích phước thiện ... mục đích đùa giỡn và mục đích tế lễ ... mục đích đùa giỡn và mục đích cõi trời... mục đích đùa giỡn và mục đích nòi giống ... mục đích đùa giỡn và mục đích nghiên cứu, roi găng sức và làm xuât ra thì phạm tội Sanghãdỉsesa. Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố đã được tóm lược. Dứt phần giản lược về sự luân phiên của một nhân tố. 24. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, và mục đích dược phẩm, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sanghãdỉsesa. Dứt sự luân phiên từng phần của hai nhân tố. 25. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm và mục đích bố thí, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ... (nt)... Vi suy nghĩ đến mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp của hai nhân tố đã được tóm lược. 26. Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... Vi suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn và mục đích khoái lạc ..(îìt).. mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn và mục đích nòi giống, rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần hai nhân tố. 27. Phần liên quan đến ba nhân tố? phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được giải chi tiết y như thế.

ĐÂYLÀ PHÀN TẤT CẢ CÁC NHÂN Tố r 28. Vi suy nghĩ đên mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bố thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần tất cả các nhân tố. Dứt phần giản lược về sự luân phiên. 29. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh và tinh màu vàng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh và tinh màu đỏ ... tinh màu xanh và tinh màu trắng ... tinh màu xanh và tinh màu sữa loãng ...tinh màu xanh và tinh màu nước ... tinh màu xanh và tinh màu dầu ăn ... tinh màu xanh và tinh màu sữa tươi ... tinh màu xanh và tinh màu sữa đông ... tinh màu

xanh và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần của một nhân tố.

30. Vị suy nghĩ đên tinh màu vàng và tinh màu đỏ, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đen tinh màu vàng và tinh màu trắng ...tinh màu vàng và tinh màu sữa loãng ... tinh màu vàng và tinh màu nước ... tinh màu vàng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu vàng và tinh màu sữa tươi ... tinh màu vàng và tinh màu sữa đông ... tinh màu vàng và tinh màu bơ lỏng ... tinh màu vàng và tinh màu xanh, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố. 31. Vi suy nghĩ đến tinh màu đỏ và tinh màu trắng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến tinh màu đỏ và tinh màu sữa loãng ...tinh màu đỏ và tinh màu nước ... tinh màu đỏ và tinh màu dầu ăn ... tinh màu đỏ và tinh màu sữa tươi... tinh màu đỏ và tinh màu sữa đông ... tinh màu đỏ và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Vị suy nghĩ đen tinh màu đỏ và tinh màu xanh ... tinh màu đỏ và tinh màu vàng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 32. Vị suy nghĩ đến tinh màu trắng và tinh màu sữa loãng ... tinh màu trắng và tinh màu nước ... tinh màu trắng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu trắng và tinh màu sữa tươi... tinh màu trắng và tinh màu sữa đông ... tinh màu trắng và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Vị suy nghĩ đến tinh màu trắng và tinh màu xanh ... tinh màu trắng và tinh màu vàng ... tinh màu trắng và tinh màu đỏ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa,

33. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa loãng và tinh màu nước ... tinh màu sữa loãng và tinh màu dầu ăn... tinh màu sữa loãng và tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa loãng và tinh màu sữa đông ... tinh màu sữa loãng và tinh màu bơ lỏng, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đên tinh màu sữa loãng và tinh màu xanh ... tinh màu sữa loãng và tinh màu vàng ... tinh màu sữa loãng và tinh màu đỏ ... tinh màu sữa loãng và tinh màu trăng, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 34. Vị suy nghĩ đến tinh màu nước và tinh màu dầu ăn ... tinh màu nước và tinh màu sữa tươi... tinh màu nước và tinh màu sữa đông ... tinh màu nước và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Vi suy nghĩ đến tinh màu nước và tinh màu xanh ... tinh màu nước và tinh màu vàng ... tinh màu nước và tinh màu đỏ ... tinh màu nước và tinh màu trắng ... tinh màu nước và tinh màu sữa loãng, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 35. Vị suy nghĩ đến tinh màu dầu ăn và tinh màu sữa tươi... tinh màu dầu ăn và tinh màu sữa đông ... tinh màu dầu ăn và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức r r và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đên tinh màu dâu ăn và tinh màu xanh ... tinh màu dầu ăn và tinh màu vàng ... tinh màu dầu ăn và tinh màu đỏ ... tinh màu dầu ăn và tinh màu trắng ... tinh màu dầu ăn và tinh màu sữa loãng ... tinh màu dầu ăn và tinh màu nước, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 36. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa tươi và tinh màu sữa đông ... tinh màu sữa tươi và tinh màu bơ lỏng, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa tươi và tinh màu xanh ... tinh màu sữa tươi

và tinh màu vàng ... tinh màu sữa tươi và tinh màu đỏ ... tinh màu sữa tươi và tinh màu trắng ... tinh màu sữa tươi và tinh màu sữa loãng ... tinh màu sữa tươi và tinh màu nước ... tinh màu sữa tươi và tinh màu dâu ăn, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 37. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Saùghãdỉsesa. Vi suy nghĩ đến tinh màu sữa đông và tinh màu xanh ... tinh màu sữa đông và tinh màu vàng ... tinh màu sữa đông và tinh màu đỏ ... tinh màu sữa đông và tinh màu trăng ... tinh màu sữa đông và tinh màu sữa loãng ... tinh màu sữa đông và tinh màu nước ... tinh màu sữa đông và tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa đông và tinh màu sữa tươi, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. 38. Vị suy nghĩ đên tinh màu bơ lỏng và tinh màu xanh, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến tinh màu bơ lỏng và tinh màu vàng ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu đỏ ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu trắng... tinh màu bơ lỏng và tinh màu sữa loãng... tinh màu bơ lỏng và tinh màu nước ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu

sữa tươi... tinh màu bơ lỏng và tinh màu sữa đông, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Dứt sự luân phiên kết hợp của một nhân tố. 39. Vi suy nghĩ đến tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu đỏ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu ưắng ...(nt)... tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần của hai nhân tố.

40. Vi suy nghĩ đên tinh màu vàng, tinh màu đỏ và tinh màu trăng, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... Vi suy nghĩ đên tinh màu vàng, tinh màu đỏ và tinh màu bơ lỏng ...(nt).. tinh màu vàng, tinh màu đỏ và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên kết hợp của hai nhân tố. 41. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông, tinh màu bơ lỏng và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ... (nt)... Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông, tinh màu bơ lỏng và tinh màu sữa tươi, roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa, Dứt phần hai nhân tố. 42. Phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phàn liên quan đến chín nhân tố nên được giải chi tiết y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN TẤT CẢ CÁC NHÂN Tố 43. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh, tinh màu vàng, tinh màu đỏ, tinh màu trắng, tinh màu sữa loãng, tinh màu nước, tinh màu dầu ăn, tinh màu sữa tươi, tinh màu sữa đông và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần tất cả các nhân tố. 44. Vi suy nghĩ đến mục đích sức khỏe và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, tinh màu xanh, và tinh màu vàng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu đỏ,

) r \ 1 A M A 9 roi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... và tinh màu sữa đông, roi găng sức và làm xuat ra thì phạm tội Sañghādisesa. A . . L Sự khai triên cả hai nên được tiên hành y như thê. 45. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bố thí, mục đích phước thiện, mục ch tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, tinh màu xanh, tinh màu vàng, tinh màu đỏ, tinh màu trắng, tinh màu sữa loãng, tinh màu nước, tinh màu dầu ăn, tinh màu sữa tươi, tinh màu sữa đông và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên xen kẽ. 46. Vi suy tưởng rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy tưởng rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh”, rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên tùng phần.

47. Vị suy tưởng răng: “Ta sẽ làm xuât ra tinh màu vàng”roi găng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ thì phạm tội Sanghãdỉsesa. Vi suy tưởng rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh thì phạm tội Sanghãdisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố đã được tóm lược. 48. Vi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ long", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu xanh thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ lỏng5\ rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa đông thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên từ phần giữa. 49. Vị suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vàng”rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu xanh thì phạm tội Sañghādisesa. Vi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ...tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh dầu ăn ... tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng9\ roi găng sức và làm xuất ra tinh màu xanh thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ nhất của sự luân phiên nghịch chiều.

50. Vị suy nghĩ răng: “Ta sẽ làm xuât ra tinh màu d6", roi găng sức và làm xuất ra tinh màu vàng thì phạm tội Sañghādisesa, Vị suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh”, rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ nhì của sự luân phiên nghịch chiều.

51. Vị suy nghĩ răng: "Ta sẽ làm xuât ra tinh màu trng", roi găng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa

đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng5\ rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ ba của sự luân phiên nghịch chiều. 52. Vi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa long", rồi ng sức và làm xuất ra tinh màu trắng thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ rang: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ'\ rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu trắng thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ tư của sự luân phiên nghịch chiều. 53. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu nước,\ rồi gắng sức và làm xuât ra tinh màu sữa loãng thì phạm tội Sañghādisesa. Vi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng”, rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa loãng thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ năm của sự luân phiên nghịch chiều.

54. Vị suy nghĩ răng: "Ta sẽ làm xuât ra tinh màu dâu n”, roi găng sức và làm xuất ra tinh màu nước thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa tươi... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loāng9\ rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu nước thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ sáu của sự luân phiên nghịch chiều. 55. Vị suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa tươi", rồi gắng sức và làm xuât ra tinh màu dâu ăn thì phạm tội Sañghādisesa. Vị suy nghĩ răng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ...r tinh màu đỏ ... tinh r màu trắng ...y tinh màu sữa loãng . ... tinh màu nu&c", roi găng sức và làm xuât ra tinh màu dâu ăn thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ bảy của sự luân phiên nghịch chiều.

56. Vi suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa d6ng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa tươi thì phạm tội Sañghādisesa. Vi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ...tinh màu dầu ăn", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa tươi thì phạm tội Sañghādisesa, Dứt bước thứ tám của sự luân phiên nghịch chiều. 57. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ 16ng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa đông thì phạm tội Sañghādisesa. Vi suy nghĩ răng: "Ta sẽ làm xuât ra tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi95, roi găng sức và làm xuất ra tinh màu sữa đông thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ chín của sự luân phiên nghịch chiều. 58. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu bơ lỏng thì phạm tội Sanghãdisesa, Vi suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa d6ng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu bơ lỏng thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt bước thứ mười của sự luân phiên nghịch chiều. Dứt sự luân phiên nghịch chiều.

59. Vi suy nghĩ đên, găng sức, bị xuât ra thì phạm tội Sañghādisesa. Vi suy nghĩ đến, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội Thullaccaya. Vị suy nghĩ đên, không găng sức, bi xuât ra thì vô tội. ĩ r Vị suy nghĩ đên, không găng sức, không bi xuât ra thì vô tội. Vi không suy nghĩ đến, gắng sức, bi xuất ra thì vô tội. Vi không suy nghĩ đến, gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội. Vị không suy nghĩ đên, không găng sức, bị xuât ra thì vô tội. Vi không suy nghĩ đến, không gắng sức, không bi xuất ra thì vô tội. 60. Do chiêm bao, vị không có ý đinh làm cho xuât ra, vi bị điên, vị có tâm bi rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. —ooOoo—

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA < 165

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Vị ngủ mơ, vị đại tiện, và tiểu tiện, vị suy tư [về đục] và [tắm] bằng nước nóng, thuốc thoa, bi cơn ngứa, đường di, bao tinh hoàn, nhà tắm hơi, bắp vế. Vị Sa-di, và vị đã ngủ, băp vê, vi dùng năm tay bóp chặt, ở khoảng trông, gồng cứng cơ thể, vị suy tưởng, lỗ khoá, vi cọ xát bằng thanh gỗ. ở dòng nước chảy, đầm nước, đang chạy, đống bông hoa, [rừng] cây hương lạc, cát, bùn, rưới nước, ở chỗ nằm, và dùng ngón tay cái. 1. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, do trong lúc đang ngủ mơ, tinh dịch đã bi xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: 'Thải chăng ta đã phạm tội Sañghādisesaī" Sau đó, vi Tỳ-khưu ẩy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khưu, do trong lúc đang ngủ mơ thì vô tội. (1) 2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đại tiện, tinh dịch đã bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt).. rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này Tỳ-khưu? [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra. - Này Tỳ-khưu, vi không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (2) 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ9 trong lúc tiểu tiện, tinh dịch đã bi xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khiru, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (3) 4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khmi nọ, trong lúc suy tư tầm cầu về dục, tinh dịch đã bi xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt). -Này Tỳ-khưu, trong lúc suy tư tầm cầu về dục thì vô tội. (4) 5. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu Ĩ1Q, trong lúc tắm bằng nước nóng, tinh dịch đã bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). _ Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì? Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra. Này Tỳ-khưu, vi không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (5) 6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc tắm bằng nước nóng, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (6) 7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc tắm bằng nước nóng, tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sanghãdisesa mà phạm tội Thullaccaya, (7)

166 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở dương vật, trong lúc vi ấy thoa thuốc, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt). Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (8) 9. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ bị vết thương ở dương vật. Vị ấy có ý đinh làm xuất ra, trong lúc thoa thuốc, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bi xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). _ Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (9-10) . . • • 10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu

nọ, trong lúc [gãi] ngứa ở tinh hoàn, tinh dịch đã bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, vị không có ý đinh làm xuất ra thì vô tội. (11) 11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc [gãi] ngứa ở tinh hoàn, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoạc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu5 không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (12-13) . 12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đi đường, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(lít). Này Tỳ-khưu, vi không có ý đinh làm xuất ra thì vô tội. (14) 13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc đi đường, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thuỉlaccaya. (15-16) . . • • 14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ đã nắm lấy bao tinh hoàn trong lúc tiểu tiện, và tinh dịch đã bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (17) 15. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra đã nắm lấy bao tinh hoàn trong lúc tiểu tiện, và tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khxru? không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (18-19) 16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỵ-khưu nọ, trong lúc hơ nóng vùng bụng ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, vị không có ý đinh làm xuất ra thì vô tội. (20) 17. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc hơ nóng vùng bụng ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

-Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thuỉlaccaya. (21-22) 18. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, trong lúc kỳ cọ phần lưng của thầy tế độ ở trong nhà tắm hoi, tinh dịch đã bi xuất ra. Vị ây đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (23) 19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc kỳ cọ phần lung của thầy tế độ ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (24-25) 20. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ? trong lúc cho người xoa bóp bắp vế, tinh dịch đã bi xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khiru, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (26) 21. Vào lúc bấy ệiờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc cho người xoa bóp bắp ve, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thuỉlaccaya. (27-28) 22. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra đã nói với vị Sa-di nọ điều này: "Này Sadi, hãy đến. Ngươi hãy nắm lấy dương vật của ta.” Vị Sa-di đã nắm lấy dương vật của vị ấy, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (29) 23. Vào lúc bây giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã năm lây dương vật của vị Sa-di đang ngủ, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (30) 24. Vào lúc bấy ệiờ9 có vị Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc dùng hai băp vê ép chặt lây dương vật, tinh dịch đã bị xuất

ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ẩy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khxru5 không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (31-32) 25. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng nắm tay bóp chặt lấy dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (33-34) . 26. Vào lúc bay giờ, có vị Tỳ-khtru nọ có ý đinh làm xuất ra, trong khi lắc hông ở khoảng trống, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

-Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (35-36) 27. Vào lúc bây giờ, có vi Tỳ-khiru nọ? trong lúc gông cứng cơ thê, tinh dịch đã bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (37) 28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc gồng cứng cơ thể, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt)...tinh dịch đã không bi xuât ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (38-39) 29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị dục khởi đã suy tưởng về âm vật của người nữ? tinh dịch của vi ấy đã bị xuât ra. Vị ây đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa. Và này các Tỳ-khiru, vị bị dục khởi, không nên suy tưởng về âm vật của người nữ; vị nào suy tưởng thì phạm tội Dukkata. (40) 30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đưa dương vật vào lỗ khoá, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (41-42) 31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc dùng thanh gỗ cọ xát vào dương vật, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bi xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya, (43-44) 32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc tắm ở dòng nước chảy ngược, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(ĩit) Này Tỳ-khưu, vi không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (45) 33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc tắm dòng nước chảy ngược, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khiru, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya, (46-47) 34. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuu nọ, trong lúc đùa nghịch ở đầm nước, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khmi, vị không có ý đinh làm xuất ra thì vô tội. (48) 35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc đùa nghịch ở đầm nước, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

-Này Tỳ-khiru, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (49-50) 36. Vào lúc bấy giờ, có vị Ty-khmi nọ, trong lúc chạy ở trong nước, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khiru, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (51) 37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc chạy trong

nước, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu? không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (52-53) 38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đùa nghịch trò chơi trượt bùn, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (54) 39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc đùa nghịch trò chơi trượt bùn, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (55-56) . • 40. Vào lúc bay giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc chạy trong rừng sen, tinh dịch đã bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (57) 41. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc chạy trong rừng sen, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khiru? không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (58-59) 42. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý đinh làm xuất ra, trong lúc đưa dương vật vào trong cát, tinh dịch đã bi xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) -Này Tỳ-khưu9 không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (60-61) 43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra? trong lúc đưa dương vật vào trong bùn, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).. tinh dịch đã không bi xuất ra. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sanghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (62-63) 44. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ không có ý đinh làm xuất ra, trong lúc dùng nước rưới lên dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

Này Tỳ-khưu, vi không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (64) 45. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng nước rưới lên dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị k • x r z\ • xuât ra. Vị ây đã có nôi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (65-66) 46. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc cọ xát dương vật ở chỗ nằm, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (67-68) 47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng ngón tay cái cọ xát vào dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)...tinh dịch đã không bi xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội SañghādisesaT" Vị ấy đã trình lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (69-70) . Dứt điều học về việc xuất ra tỉnh dịch. —ooOoo—

3.2. ĐIỀU HỌC VỀ XÚC CHẠM THÂN THỂ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi cư ngụ ở trong rừng.4 Trú xá của Đại đức ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có nội phòng ở giữa, có gian nhà vây tròn ở xung quanh. Giường, ghế, nệm, gối được khéo xếp đặt, r jT r nước uông, nước rửa được khéo bô trí, phòng óc được quét dọn cân thận. Nhiêu người đi đến có ý muốn nhìn ngắm trú xá của Đại đức Udāyi. 2. Có người

Bà-la-môn nọ cùng người vợ cũng đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này: Chúng tôi muốn nhìn ngắm trú xá của ngài Udāyi. -Này Bà-la-môn, như thế thì ông hãy nhìn ngắm. Rồi [Đại đức] đã cầm lấy chìa khóa, tháo chốt, mở cửa và đi vào trong trú xá. Người Bà-la-môn ấy đã đi vào tiếp theo sau Đại đức Udāyi. Rồi người nữ Bà-la-môn ấy đã đi vào tiếp theo sau người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, trong khi mở ra một số cửa sổ5 trong khi đóng lại một số cửa sổ, Đại đức Udāyi đã đi vòng quanh nội phòng, rồi đi đến ở phía sau và vuốt ve các phần thân thể của người

4 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Trú xá của Đại đức Udāyi không phải ở trong một khu rừng riêng biệt mà ở trong Jetavana, thuộc ve khu vực ở một bên, cuối cùng, sát ranh giới (VinA. III. 532).

nữ Bà-la-môn ây. Sau đó, người Bà-la-môn ây đã trao đôi lời xã giao thân thiện với Đại đức Udāyi, rồi ra đi. 3. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy được hoan hỷ đã thốt ra lời hoan hỷ rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này thật là cao quý khi sống ở trong khu rừng như thế này! Ngài Đại đức Udāyi thật là cao quý khi sống ở trong khu rừng như thế nay!^ Khi được nói như thê, người nữ Bà-la-môn ây đã nói với người Bà-la- môn ấy điều này: n r \ 9

—Sự cao quý của vị ây là do đâu? Ong đã vuôt ve các phân thân thê của tôi ra sao thì Sa-môn Udāyi cũng đã vuốt ve các phần thân thể của tôi y như thế. 4. Khi ây, người Bà-la-môn ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Các Sa- môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vi này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu roi? Phạm hạnh của các vị này đâu roi? Sa-môn hạnh của các vi này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì sao Sa-môn Udāyi lại vuốt ve các phần thân thể của vợ ta? Không thể để cho các người đàn bà gia đình danh giá, các tiểu thơ gia đình danh giá, các thiếu nữ gia đình danh giá, các cô dâu gia đình danh giá, các nữ tỳ gia đình danh giá đi đến tu viện hoặc tru xá. Nếu các người đàn bà gia đình danh giá, các tiểu thơ gia đình danh giá, các thiếu nữ gia đình danh giá, các cô dâu gia đình danh giá, các nữ tỳ gia đình danh giá đi đến tu viện hoặc tru xá? các Sa-môn Thích tử có thể làm nhục họ Eìa!" 5. Các Tỳ-khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ?" 6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng: -Này Udāyi, nghe nói ngươi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ? có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng

nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khxru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: ^Vị Tỳ-khim nào bỉ khởi dục, do tâm bị thay đôi, roi thực hiện việc xúc chạm r thân r thê với người nữ là sự năm lây tay, hoặc sự năm lây bui tóc, hoặc sự vuôt ve bát cứ bộ phận nào thì tội Sanghãdisesay 7. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳkhưu: ...(nt).. Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Bị khởi dục nghĩa là có bị nhiêm dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đăm. Bi thay đổi: Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi9 tâm giận hờn là [tâm] bị thay đổi, tâm me muội là [tâm] bi thay đổi. Tâm bi nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão. Với: Cùng chung. Thực hiện việc xúc chạm thân thể: Được gọi là sự vi phạm. Tay nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến các đầu móng tay. Búi tóc nghĩa là tóc thuần tuy, hoặc là [tóc] có trộn lẫn chỉ sợi, hoặc là có trộn lẫn tràng hoa, hoặc là có trộn lẫn bạc, hoặc là có trộn lẫn vàng, hoặc có trộn lẫn ngọc trai, hoặc có trộn lẫn ngọc ma-ni. Bộ phận nghĩa là ngoại trừ tay và búi tóc, phân còn lại gọi là bộ phận. 8. Sự sờ vào, sự vuốt ve, sự vuốt xuống, sự vuốt lên, sự uốn xuống, sự nâng lên, sự kéo vào, sự đây ra, sự giữ lại, sự ôm chặt, sự năm lây, sự chạm vào. Sự sờ vào nghĩa là việc được cọ xát vào. Sự vuốt ve nghĩa là sự vuốt ve từ chỗ này qua chỗ khác. Sự vuốt xuống nghĩa là vuốt xuống phía dưới. Sự vuốt lên nghĩa là vuốt lên phía trên. Sự uốn xuống nghĩa là nghiêng về phía dưới. Sự nâng lên nghĩa là hướng lên phía trên. Sự kéo vào nghĩa là sự lôi tới. Sự đẫy ra nghĩa là sự đưa về lại. Sự giữ lại nghĩa là sự siết chặt lại sau khi nắm lấy bộ phận [thân thể]. Sự ôm chặt nghĩa là sự siết chặt lại cùng với bất cứ ai. Sự năm lây nghĩa là việc được năm lây. Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào. r Tội Sanghãdisesa: ...(nt)... cũng vì thê được gọi là utội Sañghādisesay

1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, uốn xuống, nâng lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Là người nữ, có sự hoài nghi và bi khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Thullaccaya. Là người nữ, [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của người nữ ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Thullaccaya. Là người nữ, [lầm] tưởng là người nam và bi khởi dục, vi Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve,...(nt)...nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Thullaccaya. Là người nữ, [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu SỜ vào, vuốt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của người nữ ây băng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Thullaccaya. 3. Là người vô căn, nhận biết là

người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khini sờ vào, vuốt ve,...(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Thullaccaya. Là người vô căn, có sự hoài nghi và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của người vô căn ây băng thân thê [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. Là người vô căn, [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Dukkaịa. Là người vô căn, [lầm] tưởng là loài thú và bi khởi dục, vị Tỳ-khmi sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Dukkata. Là người vô căn, [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve, ..(nt)...năm lây, chạm vào thân thê của người vô căn ây băng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. 4. Là người nam, nhận biết là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve,...(nt)...năm lây, chạm vào thân thê của người nam ây băng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. Là người nam, có sự hoài nghi ...(lít)... Là người nam, [lam] tưởng là loài thú ..(nt).. Là người nam, [lam] tưởng là người nữ ...(nt)... Là người nam, [lầm] tưởng là người vô căn và bi khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ,..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy băng thân thê [của vị áy] thì phạm tội Dukkata. 5. Là loài thú, nhận biết là loài thu và bi khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. Là loài thú, có sự hoài nghi ...(nt)... Là loài thú, [lầm]

tưởng là người nữ ..(nt).. Là loài thú, [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... Là loài thú, [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. Phần một nhân tố. 1. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve,...(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Sañghādisesa. 2. Hai người nữ, đối với hai người nữ có sự hoài nghi và bi khởi dục, vi Tỳ- khưu sờ vào, vuốt ve, ,..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Thullaccaya. 3. Hai người nữ, đôi với hai người nữ [lâm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam, ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Thullaccaya. 4. Hai người vô căn, đôi với hai người vô căn nhận biêt là người vô căn và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ,..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Thullaccaya. 5. Hai người vô căn, đối với hai người vô căn có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)...[lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve,...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thê của hai người vô căn ây băng thân thê [của vị áy] thì phạm hai tội Dukkata. 6. Hai người nam, đối với hai người nam nhận biết là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nam ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. 7. Hai người nam, đối với hai người nam có sự hoài nghi ...(nt)...

[lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [làm] tưởng là người nữ ...(nt)... [lầm] tưởng là người VÔ căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của hai người nam ây băng thân thê [của vị áy] thì phạm hai tội Dukkata. 8. Hai con thú, đối với hai con thú nhận biết là loài thú và bị khởi dục, vị Tỵ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của hai con thú ây bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. 9. Hai con thú, đối với hai con thú có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của hai con thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata, 10. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể

của cả hai người áy băng thân thê [của vị áy] thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. 11. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai có sự hoài nghi và bi khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt)...nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khmi sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Thullaccaya. 13. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vi Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 14. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve,...(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 15. Người nữ và người nam, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bi khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata với tội Sanghãdỉsesa. 16. Người nữ và người nam, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)...[lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt)...nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 17. Người nữ và loài thú, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ,(nt) nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ây băng thân thê [của vị áy] thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. 18. Người nữ và loài thú, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là nệười nam ...(nt)... [lâm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve, ..(nt)...nắm lấy, chạm vào thân thê của cả hai [người và thú] ây băng thân thê [của vị áy] thì phạm tội Dukkaịa với tội Thullaccaya. 19. Người vô căn và người nam, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt)...nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 20. Người vô căn và người nam, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là

người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(ĩit).. nắm lấy, chạm vào thân thê của cả hai người ây băng thân thê [của vi áy] thì phạm hai tội Dukkata. 21. Người vô căn và loài thú, đối với cả hai [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve, ..(nt).. năm lây5 chạm vào thân thê của cả hai [người và thú] ây băng thân thê [của vị áy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 22. Người vô căn và loài thú, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ và bi khởi dục, vị Tỳ-khxru sờ vào, vuôt ve, ..(nt)... năm lây, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata, 23. Người nam và loài thú, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm hai tội Dukkata. 24. Người nam và loài thú, đối với cả hai có sự hoài nghi và bị khởi dục, ...(nt)... [lâm] tưởng là loài thú, ...(nt)... [lâm] tưởng là người nữ, ...(nt)... [lâm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. Dứt phần hai nhân tố. 1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vi Tỳ-khiru sờ vào, vuôt ve,...(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của người nữ ây băng vật được găn liền với thân thể [của vi ấy] thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt). 2. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuôt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Thullaccaya. ...(nt). 3. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ây băng vật được găn liên với thân thê [của vị áy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. ...(nt). 4. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của người nữ ây băng thân thê [vị áy] thì phạm tội Thullaccaya. ,..(nt). 5. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thê của hai người nữ ây băng thân thê [của vị áy] thì phạm hai tội Thullaccaya. ...(nt).

6. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được găn liên với thân thê của cả hai người ây băng thân thê [của vi áy] thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. ...(nt). 7. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khtru sờ vào, vuốt ve,...(nt)...nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 8. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 9. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ

vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của cả hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 10. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 11. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ va bi khởi dục? vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục? vị Tỳ-khiru sờ vào vật ném ra của cả hai người ấy bằng thân thể [của vi ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 13. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm tội Dukkaịa. ...(nt). 14. Hai người nữ5 đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 15. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vi Tỳ-khiru sờ vào vật ném ra của cả hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 16. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, vi Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của người nữ ấy bằng vật ném ra [của vị ấy] thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 17. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru sờ vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng vật ném ra [của vị ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt).

18. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của cả hai người ấy bang vật ném ra [của vi ấy] thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). Dứt phần giản lược về vị Tỳ-khưu.

1. Là người nữ, nhận biêt là người nữ và bi khởi dục, người nữ sờ vào, vuôt ve, vuốt xuống, vuốt lên, uốn xuống, nâng lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng than thể [của cô ấy]; [nếu] vi ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt). 2. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bi khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, uốn xuống, nâng lên, kéo vào, đây ra, giữ lại, ôm chặt, năm lây, chạm vào thân thê của vị Tỳ-khưu ây băng thân thê [của họ]; [nêu] vị ây có ý muôn đáp ứng, roi ra sức băng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Sañghādisesa. ...(nt). 3. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve, ,..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkaịa với tội Sañghādisesa. ...(nt). 4. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khira ấy bằng vật được gắn liên với thân thê [của cô ây]; [nêu] vị ây có ý muôn đáp ứng, roi ra sức băng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt). 5. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuôt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào thân thê của vị

Tỳ-khtru ây băng vật được găn liên với thân thê [của họ]; [nêu] vị ây có ý muôn đáp ứng, roi ra sức băng thân và biêt được sự xúc chạm thì phạm hai tội Thuỉlaccaya. ...(nt). 6. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve, ..(nt).. nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ- khưu ây băng vật được găn liên với thân thê [của họ]; [nêu] vị ây có ý muôn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. ...(nt). 7. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)...nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy băng thân thê [của cô ây]; [nêu] vi ây có ý muôn đáp ứng, roi ra sức băng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Thullaccaya. ...(nt). 8. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuôt ve, ..(nt).. năm lây, chạm vào vật được găn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý

muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Thullaccaya. ...(nt). 9. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve,...(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỵ-khiru ấy bằn^ thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bang thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. ,..(nt). 10. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của cô ấy]; [nếu] vi ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 11. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bi khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuôt ve, ..(nt)...năm lây, chạm vào vật được găn liên với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bi khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve,...(nt).. nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thê của vị Tỳ-khưu ây băng vật được găn liên với thân thê [của họ]; [nếu] vi ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 13. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ây băne thân thê [của cô ây]; [nêu] vị ây có ý muôn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biêt được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 14. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ ya bị khởi dục, hai người nữ sờ vào vật ném ra của vi Tỳ-khiru ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 15. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 16. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, người nữ sờ vào vật ném ra của vi Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 17. Hai người nữ9 đối với hai người

nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vi ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt).

18. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ây băng vật được găn liên với thân thể [của họ]; [nếu] vi ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 19. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khiru ây băng vật ném ra [của cô ây]; [nêu] vị ây có ý muôn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Duìdcata. ...(nt). 20. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khun ấy bang vật ném ra [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 21. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bi khởi dục, cả hai sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khiru ấy bằng vật ném ra [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Dukkata. ...(nt). 22. Vị có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm r y thì phạm tội Sañghādisesa. Vị có ý muôn đáp ứng, roi ra sức băng thân, [nhưng] không biết được sự xúc chạm thì phạm tội Dukkaía. Vị có ý muốn đáp ứng, [nhưng] không ra sức băng thân, và biêt được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn đáp ứng, [nhưng] không ra sức bằng thân, và không biết được sự xúc e ỉ \ \ e jf • chạm thì vô tội. Vi có ý muôn thoát ra, roi ra sức băng thân, và biêt được sự xúc chạm thì vô tội. Vi có ý muốn thoát ra, rồi ra sức bằng thân, [nhưng] không biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn thoát ra, [nhưng] không ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn thoát ra, [nhưng] không ra sức bằng thân và không biết được sự xúc chạm thì vô tội. 23. Vị không cố ý, khi [tâm] không ghi nhận/ vị không biết, vị không thích thú, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bi thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. —ooOoo—

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Người mẹ5 người con gái, chị [em] gái, người vợ, nữ dạ-xoa, người vô căn, người nữ đang ngủ, đã chết, thú cái và con búp bê gỗ.

5 Khi [tâm] không ghi nhận (asatỉyã = bị thất niệm): Vịrấy bị bận rộn về việc khác nên không biết rằng: "Ta chạm vào ngươi nữ." Trong lúc không biết như thế, như trong khi co duỗi tay chân, v.v... vị có sự đụng chạm thì vo tội (VìnA. III. 541).

Khi bị áp bức, xe hàng, đường đi, thân cây, chiếc thuyền, sợi dây, cây gậy, vị dùng bình bát đẩy, khi đảnh lễ, ra sức nhimg chưa đụng. 1. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ sờ vào người mẹ, do lòng thương mến mẹ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "...(nt).. Phải chăng ta đã phạm tội SanghãdisesaT' Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Tỳ-khiru, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (1) 2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sờ vào người con gái ruột, do lòng r e ĩ thương mên con gái. ...(nt)... sờ

vào người chị [em] gái, do lòng thương mên chị [em] gái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khxru? không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (2-3) 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người vợ cũ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (4) 4. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với nữ dạ-xoa. Vị ây đã có nôi nghi hoặc: ...(nt) _ Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (5) 5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người vô căn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (6) 6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đang ngủ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khiru? ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (7) 7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khmi nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đã chét. Vị ây đã có nôi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (8) 8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với loài thú cái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (9) 9. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với con búp bê gỗ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (10) 10. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người đàn bà đã áp bức vị Tỳ-khưu nọ, và tay nắm tay dẫn đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ..(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi có thích thú không? Bạch Thế Tôn, con không thích thú.

Này Tỳ-khưu, vị không thích thú thì vô tội. (11)

182 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

11. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã làm lay động chiêc xe hàng có người đàn bà đã leo lên. Vị ây đã có nôi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (12) 12. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ, khi nhìn thấy người đàn bà ở lối đi ngược chiều đã bị khởi dục, rồi dùng bả vai thúc vào [cô ấy]. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (13) 13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã làm lay động thân cây có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ-khưu5 không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkaịa. (14) 14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khim nọ bị khởi dục nên đã làm lay động chiếc thuyền có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu5 không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (15) 15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khini nọ bi khởi dục và đã lôi sợi dây thừng đang được người đàn bà nắm lấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (16) 16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục và đã lôi cây gậy đang được người đàn bà nắm lấy. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu5 không phạm tội Sarighādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (17) 17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục và đã dùng bình bát đẩy người đàn bà. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khưu5 không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya. (18) 18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ9

trong khi người đàn bà đang đảnh lễ6 bị khởi dục nên đã đưa bàn chân lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt) Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (19) 19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nắm lấy người ỉ V• T• Ấ e đàn bà”roi đã ra sức nhưng chưa chạm đên. Vi ây đã có nôi nghi hoặc: ...(nt) Này Tỳ«khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (20)

Dứt điều học về việc xúc chạm thân thể. —ooOoo—

3.3. ĐIÊU HỌC VỀ LỜI NÓI THÔ TỤC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Đại đức Udāyi cư ngụ ở trong rừng.

6 Trường hợp người nữ có ý muốn nắm lấy bàn chân rồi đảnh lễ thì vị Tỳ-khưu nên ngăn lại, hoặc hai bàn ch nên được che đậy, hoặc bất động. Vị không lay động, nếu tâm có ưng thuận thì cũng không phạm tội (VinA. ÍIL 546).

Trú xá của Đại đức ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người nữ đã đi đên tu viện với ý định nhìn ngăm trú xá. Khi áy, những người nữ ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này: Thưa ngài, chúng tôi muôn nhìn ngăm trú xá của ngài. Khi ấy, Đại đức Udāyi sau khi cho những người nữ ấy nhìn ngắm tru xá, rồi đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của những người nữ ấy, còn nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu câu, nài nỉ, hỏi han, chát vân, chỉ bảo, dạy dô và khinh bỉ nữa. Những người nữ nào thuộc hạng táo tợn, ranh mãnh, trơ trẽn, những người ấy cùng với Đại đức Udāyi cười cợt, khoe khoang, cười vang, trêu chọc. Trái lại, những người nữ nào có sự hổ thẹn, những người ấy đi ra bên ngoài và phàn nàn với các Tỳ-khmi răng: "Thua các ngài, điêu này là không đúng đan, không thích hợp. Chúng tôi dầu được chồng nói như thế còn không thích, huống hồ là ngài Udāyi !,9 Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vi áy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại nói với người nữ bằng những lời thô tục?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khun lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng: Này Udāyi, nghe nói ngươi nói với người nữ bằng những lời thô tục, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại nói với người nữ băng những lời thô tục? Này kẻ rô dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng diu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào bỉ khởi dục, do tâm bị thay đôi, roi nói với y người nữ băng những lời thô tục như là việc người trai trẻ nói với cô gái băng những lời có tính chất đôi lứa thì phạm tội Sañghādisesa^ 3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)...Vị này là “vj Ty-khuu99 được đề cập trong ý nghĩa này. Bi khỏi dục

nghĩa là có bị nhiễm dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm. Bi thay đổi: Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi, tâm giận hờn là [tâm] bị thay đổi, tâm me muội là [tâm] bị thay đổi. Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi được đề cập trong ý nghĩa này.

184 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa9 không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục. Lòi nói thô tục nghĩa là lời nói liên quan đến đường tiêu, đường tiểu và việc đôi lứa. Nói: Là sự vi phạm được đề cập đến. Như là việc người trai trẻ nói với cô gái: Là trai tơ với gái tơ, thanh niên với thanh nữ, người nam hưởng dục với người nữ hưởng dục. Có tính chất đôi lứa: Có liên quan đến việc hành dâm. Tội Sañghādisesa:...(nt).. cũng vì thế được gọi là utội Sañghādisesa^ 4. Nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu câu, nài ní, hỏi han, chát vân, chỉ bảo, dạy dỗ và khinh bỉ có liên hệ đến đến hai đường khiếu.7 Nói lời ca ngợi nghĩa là tán dương, khen ngợi, ca tụng về hai đường khiếu. Nói lời chê bai nghĩa là xỉ vả, khinh khi, chê bai về hai đường khiếu. Yêu cầu nghĩa là [nói rằng]: “Hy dâng hiến cho tôi, cô là thích hợp để dâng hiến cho t6i." Nài nỉ nghĩa là [nói rằng]: “Khi nào mẹ cô sẽ hoan hỷ? Khi nào cha cô sẽ hoan hỷ? Khi nào các thiên nhân của cô sẽ hoan hỷ? Khi nào là thời khắc tốt, là thời giờ tốt, là thời điểm tốt? Khi nào tôi sẽ đạt được việc đôi lứa với c6?” Hỏi han nghĩa là [nói rằng]: “C6 dâng hiến cho chồng như thế nào? Cô dâng hiến cho tình nhân như thế nào?,, Chất vấn nghĩa là [nói rằng]: “Nghe nói cô dâng hiến cho chồng như vầy, cô dâng hiên cho tình nhân như vây." Chỉ bảo nghĩa là khi được hỏi thì nói răng: uHãy dâng hiên như vây, trong khi dâng hiến như vầy thì sẽ được chồng yêu quý và thương m&n.” Dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi thì nói rằng: "Hy dâng hiến như vầy, trong khi dâng hiến như vầy thì sẽ được chồng yêu quý và thương mến.^, Khỉnh bỉ nghĩa là [nói rằng]: “C6 không có hiện tướng [người nữ], cô không có đủ hiện tướng [người nữ], cô không có kinh nguyệt, cô bị băng huyết, cô thường xuyên mang vải lót, cô bị rong kinh, cô là người nữ có di căn, cô là người nữ vô căn, cô là người bị lại đực, cô là người nữ tiêu tiểu chung một khiếu, cô là người nữ lưỡng cn.” 1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ và

7 Hai đường khiếu là đường tiêu và đường tiểu. Từ maggā theo ý nghĩa thông thường là "đường đi, con dvòng." Tuy nhiên, trong văn cảnh này, tư dịch được ghi là Ul±iếu, đường khieu,? như đã được các vị tiền bôi sử dụng. Ngoài ra, ở điều Pārạjika thứ nhất con có đề cập đến mọt đường khiếu khắc nữa la đường miệng.

khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người nữ ấy thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt). 2. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khỏd dục, vị Tỳ-khiru nói lòd ca ngợi, nói lời chê bai,...(nt).. và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người nữ ấy của thì phạm hai tội Sañghādisesa. ...(nt).

3 Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)...và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội Dukkata với tội Sanghãdisesa. ...(nt). 4. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, vị Tỳ-khim nói lời ca ngợi, nói lời chê bai,...(nt).. và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cô] trở xuống và từ đâu gói trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiêu của người nữ ấy thì phạm tội Thuỉlaccaya, ...(nt). 5. Hai người nữ, đôi với hai người nữ nhận biêt là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ..(nt)...và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiêu của hai người nữ ây thì phạm hai tội Thullaccaya. 6. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ..(nt).. và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội Dukkata với tội Thullaccaya. 7. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru nói lời ca ngợi, nói lời chê bai,...(nt).. và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cô] trô lên và từ đâu gói trở xuồng của người nữ ây thì phạm tội Dukkata. 8. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bi Idiởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai,...(nt).. và khinh bỉ có đe cập đen [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở lên và từ đầu gối trở xuống của hai người nữ ấy thì phạm hai tội DukkaIa. 9. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ,..(nt).. và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở lên và từ đầu gối trở xuống của hai người ấy thì phạm hai tội Dukkata. 10. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bi khởi dục, vị Tỳ-khiru nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ..(nt).. và khinh bỉ có đê cập đên vật găn liên với thân của người nữ ây thì phạm tội Dukkata. 11. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ..(nt).. và khinh bỉ có đề cập đến vật găn liên với thân của hai người nữ ây thì phạm hai tội Dukkaía.

186 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

12. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ..(nt)...và khinh bỉ có đề cập đên vật găn liên với thân của hai người ây thì phạm hai tội Dukkata. 13. Khi giảng giải về ý nghĩa của từ ngữ, khi đọc tụng pháp, khi chỉ dạy Giáo pháp,8 vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. —ooOoo—

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Màu đỏ? bị sân sùi, bi roi, thô dày, và lông dài, được gieo giông, phải chăng đạo lộ là thông suốt, đức tia, với vật thí, về công việc. 1. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len được nhuộm mới. Có vi Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này: -Này chị gái, của chị là màu đỏ. Cô ấy đã không hiểu được. -Thưa ngài, đúng vậy. Tâm vải len được nhuộm mới. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: 'Thải chăng ta đã phạm tội SanghãdisesaT" Vi Ạ Ạ 1 /X #_ FT^l Ạ TI Z _ J\ áy đã trình sự việc ây len đức The Ton. ...(nt). -Này Tỳ-khmi, không

phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (l) 2. Vào lúc bây giờ, có người đàn bà nọ khoác tâm vải len sân sùi [có lông rậm và ngăn]. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, roi đã nói với người đàn bà ây điêu này: - Này chị gái, của chị là sần sùi. Cô ấy đã không hiểu được. Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len sần sùi. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt) -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (2) 3. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len vừa mới dệt. Có vị Tỳ-khxru nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này: -Này chi gái, của chị có lông bi rối. Cô ấy đã không hiểu được. Thưa ngài, đúng vậy. Tâm vải len vừa mới dệt. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (3)

8 Cả ba ý nghĩa được ghi lại căn cứ vào Chủ giải (VìnA. III. 549).

4. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len thô dày. Có vị Tỳ- khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này: -Này chị gái, của chị có lông rậm. Cô ấy đã không hiểu được. Thưa ngài, đúng vậy. Tâm vải len thô dày. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khiru, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (4) 5. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm áo choàng dài. Có vị Tỳ- khưu nọ bị khởi dục, roi đã nói với người đàn bà ây điêu này: Này chị gái, của chi có lông dài. Cô ấy đã không hiểu được. Thưa ngài, đúng vậy. Là tấm áo choàng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ..(nt) -Này Tỳ-khiru? không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (5) 6. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ, sau khi cho người gieo giống thửa ruộng, rồi đi về. Có vị Tỳ-khun nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này: Này chị gái, của chị đã được gieo giống. Cô ấy đã không hiểu được. -Thưa ngài, đúng vậy. Vân còn chưa được lâp kín. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (6) 7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy người nữ du sĩ ngoại đạo đi ngược chiều, bị khởi dục, rồi đã nói với người nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này: Này chi gái, phải chăng đạo lộ của chi là thông suốt? Cô ấy đã không hiểu được. Này Tỳ-khưu, đúng vậy. Rồi ngươi sẽ theo vào. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya? (7) 8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà nọ điều này: Này em gái, cô có đức tin. Tuy nhiên, cô không dâng cho chúng tôi việc cô đã dâng cho chồng.

9 Trường hợp này, vị Tỳ-Ịchưu bị phạm tội Thuỉlaccaya vì đã ám chỉ uchỗ kín",khi sử dụng từ "maggā"', nhưng ngươi nữ du sĩ hiểu theo nghĩa thông thường là “con đường." Nếu cô ấy hiểu được ý thô tục thi vị Tỳ-khưu ấy đã phạm tội Sañghādisesa (ND).

Thưa ngài, việc gì vậy?
Việc đôi lứa.
Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)
Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (8)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà nọ điều này:

Này em gái, cô có đức tin. Tuy nhiên, cô không dâng cho chúng tôi vật thí hạng nhất.

Thưa ngài, việc gì vậy?

Việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)

Này Tỳ-khiru? ngươi đã phạm tội Sañghādisesa, (9)

10. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đang làm công việc. Có vị Tỳ-khưu . q. y • . . y• y y r .

nọ bi khởi dục, roi đã nói với người đàn bà ây điêu này:

Này em gái, cô hãy đứng, tôi sẽ làm. ...(nt).

Này em gái, cô hãy ngôi xuông, tôi sẽ làm. ...(nt)

Cô ấy đã không hiểu được. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)

_ Này Tỳ-khmi, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata.

(10-11-12)

Dứt điều học về nói lồi thô tục.

—ooOoo—

3.4. ĐIỀU HỌC VÈ Sự HẦU HẠ TÌNH DỤC CHO BẢN THÂN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi ở thành Sāvatthi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đên nhiêu gia đình. Vào lúc bây giờ, có người đàn bà nọ là góa chông, đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Khi ây, vào buôi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người đàn bà ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. 2. Khi ấy, người đàn bà ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Udāyi rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Udāyi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khh và tạo niềm phấn khởi cho người đàn bà ấy đang ngồi ở một bên bằng bài pháp thoại. 3. Sau đo, khi đã được Đại đức Udāyi chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

Thưa ngài, xin ngài cứ nói ra nhu cầu. Chúng tôi có khả năng để dâng đến ngài vật dụng tức là y phục, vật thực, chỗ tru ngụ và thuốc men chữa bệnh. Này em gái, đối với chúng tôi, những thứ ấy tức là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh thì đạt được không khó. Vậy hãy dâng cho chúng tôi điều mà chúng tôi khó đạt được. Thưa ngài, điều gì vậy?

-Việc đôi lứa. - Thưa ngài, là điều cần thiết? Này em gái, là điều cần thiết. - Thưa ngài, hãy đi đến. Rồi [người đàn bà đó] đã đi vào phòng trong, cởi bỏ y phục và nằm ngửa ra trên chiếc giường nhỏ. Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến [đã nói rang]: Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thôi này! Rồi [Đại đức Udāyi] đã nhổ bãi nước miếng và bỏ đi. 4. Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: uCác Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị

này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tinh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bi hư hỏng, Phạm hạnh của các vi này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vi này đâu rồi? Phạm hạnh của các vi này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vi này đã không còn! Vì sao Sa-môn Udāyi sau khi đích thân cầu xin tôi việc đôi lứa [lại nói rằng]: 'Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này', rồi 9 _ \ . • . nho bãi nước miêng va bỏ đi? Toi co điêu gì xâu? Toi co mui hôi gì? Tôi thua kém với ai, vì điều gi?" 5. Các người đàn bà khác cũng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Các Sa- môn Thích tử này không biết hổ thẹn, ...(nt).. Vì sao Sa-môn Udāyi sau khi đích thân cầu xin cô ấy việc đôi lứa [lại nói rằng]: 'Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này\ rồi nhổ bãi nước miếng và bỏ đi? Cô ấy có điều gì xấu? Cô ấy có mùi hôi gì? Cô ấy thua kém với ai, vì điều gi?" 6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người đàn bà ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ?” 7. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng:

Này Udāyi, nghe nói ngươi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ5 không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ vậy? Này kẻ rô dại? không phải Ta băng nhiêu phương thức đã thuyêt giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ..(nt)... đã đề cập đến sự lắng diu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu nào bỉ khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ rằng: 'Này em gái, đây là việc đứng đầu trong các sự hầu hạ là việc người nữ nên hầu hạ đến người có giới, có thiện pháp, có Phạm hạnh như là ta bang việc ấy' là việc có tỉnh chất đôi lứa, thì tội Sañghādisesa." 8. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ..(nt)... Vi này là uvị TV-khưiT được đề cập trong ý nghĩa này. Bi khởi dục nghĩa là có bị nhiễm dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm. Bỉ thay đổi: Tâm bị nhiễm dục vọng ỉa [tâm] bị thay đổi, tâm giận hờn là [tâm] bị thay đổi, tâm mê muội là [tâm] bị thay đổi. Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục. Trong sự hiện diện của người nữ: Xung quanh người nữ, không xa người nữ. Tình dục cho bản thân: Là tình dục của chính bản thân, có nguyên nhân của bản thân, có ý đinh cho bản thân, là sự phục vụ cho bản thân. Đây là việc đứng đầu: Điều này là tột

đỉnh, điều này là hạng nhất, điều này là dẫn dầu, điều này là tối thượng, điều này là quý báu nhất. Người nữ: Là người nữ dòng vua chúa, hoặc là người nữ Bà-la-môn, hoặc là người nữ thương buôn, hoặc là người nữ nô lệ. Như là ta: Là người dòng vua chúa, hoặc là Bà-la-môn? hoặc là thương buôn, hoặc là nô lệ.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 191

Người có giới: Người có sự tránh xa việc sát sanh, có sự tránh xa việc trộm cắp, có sự tránh xa việc nói doi. Có Phạm hạnh: Có sự tránh xa việc đôi lứa. Có thiện pháp nghĩa là với giới ấy và với Phạm hạnh ấy là [người] có thiện pháp. Bằng việc ấy: Bằng việc đôi lứa. Nên hầu hạ: Nên làm cho thích thú. Có tính chất đôi lứa: Là có liên quan đến việc hành dâm. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... cũng vì thê được gọi là utội Sañghādisesay 1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục9 vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ ấy thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Là người nữ, có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt).. [lâm] tưởng là người nam ...(nt)... [lâm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vi Tỳ- khiru ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ ấy thì phạm tội DukkaIa. 3. Là người vô căn, nhận biết là người vô căn và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn ấy thì phạm tội Thuỉlaccaya. 4. Là người vô căn, có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam y A

..(nt)...[lâm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn ây thì phạm tội Dukkata. 5. Là người nam ...(nt).. Là loài thú, nhận biêt là loài thú ...(nt).. có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khxru ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú ấy thì phạm tội Dukkata. 6. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khiru ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của hai người nữ ấy thì phạm hai tội Sañghādisesa. ...(nt). 7. Người nữ và người vô căn, đôi với cả hai [lâm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vi Tỳ-khưu ca ngợi sự hâu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của hai người ấy thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ...(nt). 8. Vi nói rằng: "Hãy hộ độ với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bênh", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. -ooOoo—

192 < PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

CHUYỆN DẪN GIẢI

KỆ NGON TÓM LƯỢC

Làm sao bà hiếm muộn [sanh con]? [Làm sao] tôi đạt được đứa con trai?

Được yêu quý? Và có thể may mắn? Tôi nên dâng vật gì? Tôi có thể hộ độ bằng thứ gì? Làm sao tôi có thể đi đến cõi trời?

1. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ không sanh sản đã nói với vị Tỳkhưu thường tới lui với gia đình điều này:

-Thưa ngài, làm sao tôi có thể sanh con?

r

Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhát.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt)

Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (1)

2. Vào lúc bây giờ, có người đàn bà nọ còn sanh sản đã nói với vi Tỳ-khiru thường tới lui với gia đình điều này:

-Thưa ngài, làm sao tôi có thể đạt được con trai?

r

Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhát.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt)

-Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

Thưa ngài, làm sao tôi có thể được chồng yêu quý?

r

Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhát.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)

Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khtru thường tới lui với gia đình điều này:

Thưa ngài, làm sao tôi có thể được may mắn?

Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)

Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

Thưa ngài, tôi nên dâng ngài vật gì?

r

Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhát.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc:...(nt)

Này Tỳ-khiru, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

Thưa ngài, tôi hộ độ ngài bằng vật gì?

Này em gái, bằng vật thí hạng nhất.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)

Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (6)

7. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vi Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

—Thưa ngài, làm sao tôi có thể đi đến cõi trời?

Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)

—Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội Sañghādisesa. (7)

Dứt điều học về sự hầu hạ tình dục cho bản thân.

—ooOoo—

3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC MAI MỐI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi ở thành Sāvatthi là vi thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình. Tại nơi nào vị ấy nhìn thây thanh niên chưa vợ hoặc thanh nữ chưa chông thì vi ây nói lời khen ngợi về cô con gái trước mặt cha mẹ của người con trai rằng:

—CÔ con gái của gia đình kia là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, có học thức, khôn ngoan, thông minh, giỏi giang, siêng năng. Cô gái ấy thì xứng đôi với người con trai này. Các người ây nói như vây: Thưa ngài, những người này không biết chúng tôi. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Thưa ngài, nếu ngài có thể bảo họ cho cưới thì chúng tôi có thể rước cô con gái ấy về cho người con trai này. Rồi vi ấy nói lời khen ngợi về cậu con trai trước mặt cha mẹ của người con gái rang: Cậu con trai của gia đình kia là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, có học thức, khôn ngoan, thông minh, giỏi giang, siêng năng. Cậu trai ấy thì xứng đôi với người con gái này. Các người ấy nói như vầy: -Thưa ngài, những người này không biết chúng tôi. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Thật xấu hổ khi rêu rao về con gái! Thưa ngài, nếu ngài có thể bảo họ xin cưới thì chúng tôi có thể gả cô con gái này cho người con trai ấy. Bằng chính phương thức ấy, vị ấy cho người thực hiện các đoàn đi rước dâu, cho người thực hiện các đoàn đi đưa dâu và cho người tiến hành các vụ cưới hỏi. 2. Vào lúc bấy giờ, có

người đàn bà nọ, trước đây [chồng] làm nghề thầy bói, có cô con gái đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Các đệ tử đạo lõa thể ở ngôi làng khác đã đi đến và nói với bà vợ người thầy bói ây rằng: Thưa bà, hãy gả cô con gái này cho con trai của chúng tôi. Bà ây đã nói như vây: -Thưa các ông5 quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả. Dân chúng đã nói với các đệ tử đạo lõa thể ấy điều này: Thưa các ông, vì sao các ông đã đi đến? Thưa các ông, ở đây chúng tôi đã xin bà vợ người thày bói kia gả cô con gái cho người con trai của chúng tôi, bà ấy đã nói như vầy: "Thua các ông? quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi5 không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả." -Thưa các ông, vì sao các ông lại xin bà vợ người thầy bói ấy gả cô con gái? Sao không nói với ngài Udāyi? Ngài Udāyi sẽ bảo người ta gả cho. Khi ấy, các đệ tử đạo lõa thể ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

-Thưa ngài, ở đây chúng tôi đã xin bà vợ người thầy bói kia gả cô con gái cho người con trai của chúng tôi, bà áy đã nói như vây: "Thua các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả." Thưa ngài, tót thay! Ngài hãy bảo bà vợ người thây bói ây gả cô con gái cho người con trai của chúng tôi. 3. Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp bà vợ người thầy bói ấy, sau khi đến đã nói với bà vợ người thay bói ấy điều này: Sao bà lại không gả cô con gái cho những người này? -Thưa ngài, quả thật tôi không biết các người này. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả. -Hãy gả cho những người này. Tôi biết những người này. -Thưa ngài, nếu ngài biết thì tôi sẽ gả. Sau đó, bà vợ người thầy bói ấy đã gả cô con gái cho các đệ tử ngoại đạo ấy. Khi ây5 các đệ tử ngoại đạo ây đã dân cô con gái ây đi và đã đôi xử như là con dâu chỉ trong một tháng, roi từ đó vê sau sử dụng như là đứa tớ gái. Sau đó, cô con gái ây đã phái người đưa tin đi đên gặp người mẹ [nhăn răng]: "Vi bị đọa đày nên con bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng, roi từ đó vê sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi?5 4. Khi ây, bà vợ người thây bói ây đã đi đên gặp các đệ tử ngoại đạo ây, sau khi đên đã nói với các đệ tử ngoại đạo ây điêu này: Thưa các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy. Các người ây đã nói như vây: Chúng tôi không có cưới hỏi gì với bà; chúng tôi chỉ có cưới hỏi với vị Sa-môn thôi. Bà hãy di, chúng tôi không biết bà. Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy bị trách mắng bởi các đệ tử ngoại đạo ấy nên đã quay trở về lại thành Sāvatthi. Đen lần thứ nhì, cô con gái ấy đã phái người đưa tin đi đến gặp người mẹ [nhắn rằng]: "Vi bị đọa đày nên con bị khổ SỞ, không được yên ôn. Họ đã đôi xử con như là con dâu chỉ trong một tháng, roi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con di.” 5. Khi ây, bà vợ người thây bói ây đã đi đên gặp Đại đức Udāyi, sau khi đên đã nói với Đại đức Udāyi điều này: Thưa ngài, nghe nói người con gái ấy bị đọa đày, bị khổ

sở, không được yên ôn. Họ đã đôi xử cô ây như là con dâu chỉ trong một tháng, roi từ đó vê sau sử dụng như là đứa tớ gái. Thưa ngài, ngài nên nói rằng: “Này các ông, chớ có

sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.59 r • f r Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đên gặp các đệ tử ngoại đạo ây, sau khi đên đã nói với các đệ tử ngoại đạo ấy điều này: r -Này các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đôi xử người con gái này như là con dâu vậy. Các người ấy đã nói như vầy: -Chúng tôi không có cưới hỏi gì với ngài; chúng tôi chỉ có cưới hỏi với bà vợ người thầy bói thôi. Vị Sa-môn thì không nên vướng bận công việc. Là Sa-môn thì nên là vi Sa-môn tốt. Ngài hãy di, chúng tôi không biết ngài. Khi ây, Đại đức Udāyi bị trách măng bởi các đệ tử ngoại đạo ây nên đã quay trở về lại thành Sāvatthi. Đen lần thứ ba, cô con gái ấy đã phái người đưa tin đi đến ệặp người mẹ [nhắn rằng]: "Vi bi đọa đày nên con bi khổ sở, không được yên ôn. Họ đã đôi xử con như là con dâu chỉ trong một tháng, roi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con di." 6. Đen lần thứ nhì, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này: Thưa ngài, nghe nói người con gái ấy bị đọa đày, bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử cô ấy như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Thưa ngài, ngài nên nói rằng: uNày các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vW Lần trước, tôi đã bi các đệ tử ngoại đạo ấy trách mắng. Bà hãy di, tôi sẽ không đi. 7. Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Ngài Udāyi hãy bị đọa đày như vầy! Ngài Udāyi hãy bị kho sở như vầy! Ngài Udāyi chớ được yên ổn như vầy, giống như cô con gái của tôi bi đọa dày, khổ sở9 không được yên ổn với bà gia tồi, với ông gia toi, với người chồng toi.59 Và cô con gái ấy cũng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Ngài Udāyi hãy bi đọa đày như vầy! Ngài Udāyi hãy bi khổ sở như vầy! Ngài Udāyi chớ được yên ổn như vầy, giống như tôi bi đọa đày, khổ sở? không được yên ổn với bà gia tồi, với ông gia tồi, với người chồng t8i." Những người nữ khác không được thuận thảo với các bà gia, hoặc với các ông gia, hoặc với những nguôi chồng, các cô ấy nguyền rủa như vây: “Ngài Udāyi hãy bị đọa đày như vây! Ngài Udāyi hãy bị khổ sở như vầy! Ngài Udāyi chớ được yên ổn như vầy, giống như chúng tôi bị đọa đày, khổ sở, không được yên ổn với các bà gia tồi, với các ông gia tồi, với những người chồng tồi/9 8. Trái lại, những người nữ nào được thuận thảo với các bà gia, hoặc với các ông gia, hoặc với những người chồng, các cô ấy cầu khẩn như vầy: "Ngài Udāyi hãy được yên ôn như vây! Ngài Udāyi hãy được chiêu chuộng như vây!

Ngài Udāyi hãy đạt được sự an lạc như vây, giông như chúng tôi được yên ôn, được chiều chuộng, và đạt được sự an lạc với các bà gia tốt, với các ông gia tốt, với những người chồng t6t." 9. Các Tỳ-khưu đã nghe được một số người đàn bà thì đang nguyền rủa, một số người đàn bà thì đang cầu khan. Các Tỳ-khmi nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai m6i?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 10. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng: Này Udāyi, nghe nói ngươi tiến hành việc mai mối, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến hành việc mai mối vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tiên hành việc mai môi ỷ định của người nam đên người nữ, hoặc ỷ đinh của người nữ đên người nam vê việc trở thành vợ chông, hoặc về việc trở thành nhân tinh, thì tội Sañghādisesay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] 11. Vào lúc bấy giờ, có nhiều kẻ vô lại, trong khi dạo chơi ở vườn hoa đã phái người đưa tin đi đến gặp cô kỹ nữ nọ [nói rằng]: Hãy đến, chúng ta sẽ dạo chơi ở vườn hoa. Cô ấy đã nói như vầy: Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Vả lại, tôi có nhiêu đô đạc, có nhiêu vật dụng, và tôi sẽ không đi ngoại thành cho dù là nên đi. Sau đó, người đưa tin ấy đã kể lại sự việc ấy cho những kẻ vô lại ấy. Khi được nói như thê, có người đàn ông nọ đã nói với những kẻ vô lại ây điêu này: Này các ông, tại sao các ông lại nài nỉ cô kỹ nữ ấy? Sao không nói với ngài Udāyi? Ngài Udāyi sẽ tác hợp cho. Khi được nói như thế, có nam cư sĩ nọ đã nói với người đàn ông ấy điều này: Thưa ông, chớ có nói như thế. Các Sa-môn Thích tử không được phép làm việc như thế. Ngài Udāyi sẽ không làm như vậy. Khi được nói như thế, họ đã đánh cá với nhau rằng: uSẽ làm! Sẽ không lm!" Sau đó, những kẻ vô lại ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

Thưa ngài, ở đây, chúng tôi trong khi dạo chơi ở vườn hoa đã phái người đưa tin đi đến gặp cô kỹ nữ kia [nói rằng]: “Hãy đến, chúng ta sẽ dạo chơi ở vườn hoa." Cô ấy đã nói như vầy: "Thua các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Vả lại, tôi có nhiều đồ dạc, có nhiều vật dụng, và tôi sẽ không đi ngoại thành cho dù là nên di." Thưa ngài, tốt thay! Xin ngài hãy tác hợp cô kỹ nữ ấy cho. 12. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp cô kỹ nữ ấy, sau khi đến đã nói với cô kỹ nữ ấy điều này: Sao cô không đi cho những người này? -Thưa ngài, quả thật tôi không biết những người này. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Vả lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và tôi sẽ không đi ngoại thành cho dù là nên đi. Cô hãy đi cho họ. Tôi biết họ. Thưa ngài, nếu ngài biết thì tôi sẽ đi. Sau đó, những kẻ vô lại ấy đã dắt cô kỹ nữ ấy đi đến vườn hoa. Khi ấy, vi nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao ngài Udāyi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút ch6c?” Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút ch6c?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức The Ton nhan ly do ay, nhân sự kiên ay đã triêu tạp hôi chung Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng: Này Udāyi, nghe nói ngươi tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến

hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tiến hành việc mai mối, hoặc lay đỉnh của người nam đến người nữf hoặc là ỷ định của người nữ đen người nam trong việc trở thành vợ chong, hoặc trong việc trở thành nhân tình, thậm chỉ chỉ là cuộc tình phút chốc thì phạm tội Sañghādisesay [Quy định lần hai] 13. Vị nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt).. Vi này là vi Tỳ-khưu được đề cập trong ý nghĩa này.

_ r r ỉ Tiên hành việc mai môi: Hoặc là đi đên gặp người nam do người nữ phái di, hoặc là đi đến gặp người nữ do người nam phái đi. Hoặc là ý đinh của người nam đến người nữ: Hoặc là thông báo ý định của người nam đến người nữ. Hoặc là ý đinh của người nữ đến người nam: Hoặc là thông báo ý định của người nữ đến người nam. Hoặc trong việc trở thành vợ chồng: Cô sẽ trở thành người vợ. Hoặc trong việc trở thành nhân tình: Cô sẽ trở thành nhân tình. Cho dầu chỉ là cuộc tình phút chốc: Cô sẽ là người vợ trong giây lát. Tội Sañghādisesaz ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội Saùghãdỉsesay 14. Có mười hạng người nữ: Người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ, người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ, người nữ bi quy định hình phạt. Có mười hạng vợ: Vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thứcvợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, vợ trong giây lát. Người nữ được mẹ bảo hộ nghĩa là có mẹ bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.10 11 Người nữ được cha bảo hộ nghĩa là có cha bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý. Người nữ được mẹ cha bảo hộ nghĩa là có mẹ cha bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý. Người nữ được anh [em] trai bảo hộ nghĩa là có anh [em] trai bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý. Người nữ được chi [em] gái bảo hộ nghĩa là có chị [em] gái bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý. Người nữ được thân quyên bảo hộ nghĩa là có thân quyên bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý. Người nữ được dòng họ bảo hộ nghĩa là có dòng họ bảo h, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý. Người nữ được luân lý bảo hộ nghĩa là có các đồng đạo bảo hộ, canh giữ, the hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

10 Phỏng dịch theo Chủ giải (VinA, III. 555). Dịch sát từ là: uNgười nữ mang bát nước.,,
11 Bảo hộ: Không cho phép đi đến bất cứ nơi đâu. Canh giữ: Giữ nàng ở nơi kín đáo, không để các người khác nhìn thấy. Thể hiện sự lãnh đạo: cấm đoán nàng sống ở chỗ theo ý thích. Vận hành sự quản lý: nói rằng: í4Hãy làm điều này, chớ cồ làm điều kia" (VưiA. IIL 555).

Người nữ có sự gìn giữ nghĩa là được giữ lại ngay ở trong phòng: "C6 ấy là của ta", thậm chí còn được đặt quanh bằng các bó hoa.12 Người nữ bi quy đinh hình phạt nghĩa là có những người nào đó quy định hình phạt răng: “Ai đên với người đàn bà tên như vây phải chịu phạt tới mức này." Vợ được mua băng của cải nghĩa là sau khi mua băng của cải, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ]. Vợ sống chung do tự nguyện nghĩa là người yêu giữ người yêu sống chung. Vợ sông chung vì tài vật nghĩa là sau khi biêu xén tài vật, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ]. Vợ song chung vì y phục nghĩa là sau khi biêu xén y phục, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].*13 Vợ được cưới theo nghi thức nghĩa là sau khi chạm vào bát nước, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ]. Vợ do nâng đỡ gánh nặng nghĩa là sau khi lấy xuống tấm đệm lót ở đầu [để mang vác], [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].* Vợ hạng nữ tỳ nghĩa là vừa là nữ tỳ vừa là vợ.* Vợ hạng nhân công nghĩa là vừa là nhân công vừa là vợ. Vợ hạng tù binh nghĩa là [nàng] được đem lại như tù binh.* Vợ trong giây lát nghĩa là đề cập đến cuộc tình phút chốc. Sự liệt kê và các từ ngữ. 1. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vây răng: 'Nghe nói cô hãy là vợ được mua băng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ ... nói với người nữ được mẹ cha bảo hộ ... nói với người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... nói với người nữ được chi [em] gái bảo hộ ...nói với người nữ được thân quyến bảo hộ ... nói với người nữ được dòng họ bảo hộ ... nói với người nữ được luân lý bảo hộ ... nói với người nữ có sự gìn giữ ...

12 Sớ giải (Tīkã) giải thích là: sasãmikã, nghĩa là cô ấy đã có chồng, đã có sở hữu chủ. 13 Ngài Buddhaghosa giải thích ràng: Vợ sống chung vì y phục: Đe cập đến người đàn bà nghèo trở thành vợ sau khi nhận lay y phục, cho dầu chỉ là tấm ao choang. Vợ được cưới theo nghi thức: Sau khi cả hai người nhúng hại tay vao trong một bát nước nói rằng: “Èấy gan bó như là nước này, đừng có chia lia" thi nàng được chấp lứiận là vợ theo phong tục. Vợdònâng đơ gánh nặng: Nàng là người kiếm củi v.v... Sau khi lấy xuống từ đầu của nàng tấm đệm lót để đội vạt nặng, rồi đem về sông ở trong nhà. Vợ hạng nữ tỳ: Nàng được thuê làm việc trong nhà. Người đàn ông không hài lòng với vợ của mình, rồi san sẻ cuộc song gia đình với nàng. Vợ hạng tu binh: Oi đoàn quan dương cờ đi đen chiếm cứ một khu vực và nàng bị bát đem lại, một người nào đo nhận nàng làm vợ nên được gọi là dhajāhatā (VìnẢ. III. 555).

nói với người nữ bi quy đinh hình phạt có tên như vầy rằng: 'Nghe nói cô hãy là vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, 3. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua băng của cải của người tên như vây.'” Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 4. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được mẹ

cha bảo hộ ..(nt).. người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được chị [em] gái bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ bi quy định hình phạt có tên như vây răng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vy.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần.

5. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đên và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vây.'" Vị nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 6. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đên và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được chị [em] gái bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như v*y.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, 7. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đên và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vây răng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như v*y.‘” Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố đã được tóm lược.

8. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bi quy định hình phạt và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: cHọ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.9,9 Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 9. Người nam phái vi Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đên và nói với người nữ bị quy đinh hình phạt và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được chi [em] gái bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ bi quy định hình phạt và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ bi quy định hình phạt và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ bi quy định hình phạt và người nữ có sự gìn giữ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần một nhân tố. 10. Phần liên quan đến hai nhân tố? phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tô, phân liên quan đên bảy nhân tô, phân liên quan đên tám nhân tô, phân liên quan đến chín nhân tố

nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN Tố 11. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ? người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo h, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ, và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.,,, Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên của “Vọ* được mua bằng của cải.59 12. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy."' Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 13. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói răng ... người nữ được

anh [em] trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chi [em] gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ nói rằng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói rằng ... người nữ có sự gìn giữ nói rằng ... người nữ bi quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ trong giây lát của người tên như v*y."' Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ. 14. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đên và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'” Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 15. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ...(nt).. người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy."' Vi nhận lời, thông báo, hoi báo thì phạm tội Sañghādisesa, Dứt sự luân phiên từng phần. 16. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vi nhận lòd, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 17. Người nam phái vi Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.5,9 Vị nhận lời, thông báo, hoi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 18. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.9,9 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luānjphien kết hợp. Phần

nhân to đã được tóm lược. 19. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 20. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy đinh hình phạt và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ bi quy định

hình phạt và người nữ có sự gìn giữ có tên như vây răng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vay.959 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần một nhân tố. 2L Phần liên quan đến hai nhân tố? phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đên bôn nhân tô, phân liên quan đên năm nhân tô, phân liên quan đên sáu nhân tô, phân liên quan đên bảy nhân tô? phân liên quan đên tám nhân tô, phân liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHÀN MƯỜI NHÂN Tố 22. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ, người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chi [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.9,5 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sanghãdỉsesa. Dứt sự luân phiên của í4Hạng vợ trong giây lAt” 23. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vây răng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua băng của cải của người tên như vây.'" Vị nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 24. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ cór tên như vay rang: 'Họ nóir cô hãy là người vợ song chung do tự nguyện ... vợ sông chung vì tài vật... vợ sông chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vy.'" Vị nhận lời, thông báo, hoi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ. 25. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vay rang: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như vy.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 26. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vay rang: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua băng của cải và vợ sông chung vì tài vật... vợ được mua băng của cải và vợ

sông chung vì y phục ... vợ được mua băng của cải và vợ được cưới theo nghi thức ... vợ được mua bằng của cải và vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ được mua băng của cải và vợ hạng nữ tỳ ... vợ được mua băng của cải và vợ hạng nhân công ... vợ được mua bằng

của cải và vợ hạng tù binh ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần. 27. Người nam phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo họ co tên như vay răng: Họ noi co nãy la người vợ sông chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ...(nt)... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ...(nt)... vợ sông chung do tự nguyện và vợ được mua băng của cải của người tên như v*y'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố đã được tóm lược. 28. Người nam phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của ci ...(nt).. vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện ...(nt)... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.599 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần một nhân tố. Phần hai nhân tố cho đến phần chín nhân tố nên được thực hiện như thế.

PHÂN MƯỜI NHẨN TỐ 29. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vây răng: 4Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.5,9 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên của 6íNgoõi nữ được mẹ bảo h.” 30. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói rằng ... người nữ được anh [em] trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chị [em] gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ

nói răng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói răng ... người nữ có sự gìn giữ nói răng ... người nữ bị quy định hình phạt có tên như vây răng: 4Họ nói cô hãy là người vợ được mua băng của cải của người tên như vây.559 Vị nhận lòi, thông báo, hoi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 31. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đên và nói với người nữ bi quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sông chung vì tài vật... vợ sông chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.9,9 Vi nhận lòi, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ. 32. Người nam phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bi quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như v*y'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 33. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua băng của cải và vợ sông chung vì tài vật... vợ được mua băng của cải và vợ trong giây lát của người tên như v*y.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần. 34. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài,

hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vây.”' Vị nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố được tóm tắt. 35. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bi quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.9,9 Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần một nhân tố. Phần hai nhân tố cho đến phần chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 207

ĐÂYLÀ PHẢN MƯỜI NHÂN Tố 36. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 6Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh và vợ trong giây lát của người tên như vầy.5,5 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên của wNgưM nữ bi quy đinh hình phạt.” 37. Người nam phái vị Tỳ-khmi đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 38. Người nam phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua băng của cải và vợ sông chung do tự nguyện của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 39. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, và người nữ được mẹ cha bảo hộ tên như vây răng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua băng của cải, vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật của người tên như vầy.9,9 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, Sự triển khai cả hai phần nên được thực hiện như thế. 40. Người nam phái vi Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ? người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ5 người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vây răng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua băng của cải, vợ sống chung do tự nguyên, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh và vợ trong giây lát của người tên như vy.”' Vị nhận lời? thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự triển khai cả hai phần.

41. Người mẹ của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Cha của người nam phái vị Tỳ-khiru đi ...(nt).. Mẹ cha của người nam phái vị Tỳ-khưu đi

..(nt)... Anh [em] trai của người nam phái vị Tỳ-khiru di ...(nt).. Chị [em] gái của người nam phái vị Tỳ-khưu di ...(nt)...Thân quyến của người nam phái vi Tỳ-khưu đi ...(nt)... Dòng họ của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt).. Các đồng đạo của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt). Sự giản lược về người nam nên được giải chi tiết. Phần triển khai cả hai của hai nhân tố nên được giải chi tiết giống như cách thức về người nam.

42. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đên và nói với người có tên như vây răng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ được mua bằng của cải của người tên như v*y."' Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 43. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đên và nói với người có tên như vây răng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy."' Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ. 44. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ được mua băng của cải và vợ sông chung vì tài vật... vợ được mua băng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vy.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần.

45. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ sông chung do tự nguyện và vợ sông chung vì tài vật... vợ sông chung do tự nguyện và vợ trong giây lát... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua băng của cải của người tên như vây."' Vị nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố đã được tóm lược.

46. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải... vợ trong giây lát và vợ sống

chung do tự nguyện ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.9,9 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần một nhân tố. Phần hai nhân tố cho đến chín nhân tố nên được thực hiện như thế.

ĐÂYLÀ PHẦN MƯỜI NHÂN Tố 47. Ngưòd mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh năng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như v*y."' Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự

luân phiên của 6íNgưM mẹ?5 48. Người cha của người nữ được cha bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi... Mẹ cha của người nữ được mẹ cha bảo hộ phái vi Tỳ-khưu đi... Anh [em] trai của người nữ được anh [em] trai bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi... Chi [em] gái của người nữ được chị [em] gái bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi... Thân quyến của người nữ được thân quyến bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi... Dòng họ của người nữ được dòng họ bảo hộ phái vi Tỳ-khưu đi... Các đồng đạo của người nữ được luân lý bảo hộ phái vi Tỳ-khưu đi... Sở hữu chủ của người nữ có sự gìn giữ phái vị Tỳ-khưu đi... Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ được mua băng của cải của người tên như vây.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ sông chung do tự nguyện ...vợ sông chung vì tài vật... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vày.„^ Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ. 49. Người quy đinh về hình phạt đối với người nữ bi quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy răng: 'Hây nhận [cô ta] là người vợ được mua băng của cải và vợ sông chung do tự nguyện ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.9,5 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, Sự luân phiên từng phần.

210 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

50. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát... vợ song chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.9,5 Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân to đã được tóm lược. 51. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy đinh hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với nẹười có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là vợ trong giây lát và vợ được mua băng của cải... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy/" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt phần một nhân tố. Phàn hai nhân tố, ba nhân tố cho đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂYLÃ PHÀN MƯỜI NHÂN Tố 52. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy răng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.9,5 Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên của Người nữ bi quy đinh hình phạt.” 53. Người nữ

được mẹ bảo hộ phái vi Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vày.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 54. Người nữ được mẹ bảo hộ phai vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vây răng: 'Hãy chập nhận tôi là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.”' Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA * 211

55. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vây răng: 'Hãy chập nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như vy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung vì tài vật ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên từng phần. 56. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố được tóm tắt. 57. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vi nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sanghādisesa. Dứt phần một nhân tố. Các phần hai nhân tố? v.v... nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHÀN MƯỜI NHÂN Tố 58. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vi Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua băng của cải, vợ sông chung do tự nguyện, vợ sông chung vì tài vật, vợ sông chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vây.'" Vi nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt sự luân phiên thứ nhì của Người nữ được mẹ bảo h0.” 59. Người nữ được cha bảo hộ phái vi Tỳ-khưu đi... Người nữ được mẹ cha bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được anh [em] trai bảo hộ phái

212 < PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được chị [em] gái bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được thân quyến bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được dòng họ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được luân lý bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi... Người nữ có sự gìn giữ

phái vi Tỳ-khưu đi... Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vây.'" Vị nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 60. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải... vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như v2y."‘ Vi nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự liệt kê và các từ ngữ. 61. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện ..(nt).. vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 62. Người nữ bi quy định hình phạt phái vị Tỳ-khiru đi: "Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ song chung do tự nguyện và vợ được mua băng của cải của người tên như vây.'" Vị nhận lời, thông báo, hôi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Sự luân phiên kết hợp. Phần nhân tố đã được tóm lược.

63. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vy."' Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, Dứt phần một nhân tố. Các phần hai nhân tố, v.v... nên được thực hiện y như thế.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 213

ĐÂYLÀ PHÀN MƯỜI NHÂN Tố 64. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: “Thua ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua băng của cải, vợ sông chung do tự nguyện, vợ sông chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như v*y.‘" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa, Sự luân phiên của “Ngirài nữ bi quy đinh hình phạt?9 Dứt ất cả các phần giản lược theo sự luân phiên. 65. Nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. Nhận lời, thông báo, không hôi báo thì phạm tội Thullaccaya. Nhận lời, không thông báo, hồi báo thì phạm tội Thullaccaya. Nhận lời, không thông báo, không hồi báo thì phạm tội Dukkata. Không nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Thullaccaya. Không nhận lời, thông báo, không hồi báo thì phạm tội Dukkata. Không nhận lời, không thông báo, hồi báo thì phạm tội Dukkata. Không nhận lời, không thông báo, không hồi báo thì vô tội. 66. Người nam bảo nhiêu vị Tỳ-khưu răng: “Thua các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vy." Tất cả nhận lời, tất cả thông báo, tất cả hồi báo thì tất cả phạm

tội Sañghādisesa, 67. Người nam bảo nhiêu vị Tỳ-khưu răng: "Thua các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như v*y." Tất cả nhận lời, tất cả thông báo, rồi bảo một vị hồi báo thì tất cả phạm tội Sañghādisesa. A A 68. Người nam bảo nhiêu vị Tỳ-khưu răng: “Thua các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vỊy." Tất cả nhận lời, rồi bảo một vị thông báo, tất cả hồi báo thì tất cả phạm tội Sañghādisesa. 69. Người nam bảo nhiều vi Tỳ-khưu rằng: "Thua các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Tất cả nhận lời, sau khi bảo một vị thông báo, roi bảo một vị hôi báo thì tát cả phạm tội Sañghādisesa. 70. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: "Thua ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy.” Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 71. Người nam bảo vi Tỳ-khưu rằng: “Thua ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vi nhận lời, thông báo, bảo người học trò hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa.

72. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: “Thua ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị nhận lời, bảo người học trò thông báo, đích thân hồi báo thì phạm tội Sañghādisesa. 73. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: "Thua ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vy." Vi nhận lời, bảo người học trò thông báo, người học trò sau khi thông báo [trở về] đứng ở bên ngoài, rồi [đi] hồi báo thì cả hai phạm tội Thullaccaya^ 74. Khi đi làm hoàn tất, khi trở về làm trái lời dặn thì phạm tội Thullaccaya. Khi đi làm trái lời dặn, khi trở về làm hoàn tất thì phạm tội Thullaccaya. Khi đi làm hoàn tát, khi trở vê làm hoàn tát thì phạm tội Sañghādisesa. Khi đi làm trái lời dặn, khi trở về làm trái lời dặn thì vô tội. 75. Vi đi vì công việc cân thiêt của hội chúng, hoặc của bảo tháp, hoặc của người bệnh, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. —ooOoo—

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGON TÓM LƯỢC Người nữ đã ngủ, đã chết, đã đi khỏi, không phải người nữ, người nữ vô căn, sau khi gây gổ, vị đã khuyên giải và việc mai mối cho người vô căn. 1. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bảo vị Tỳ-khưu nọ rằng: “Thua ngài, hãy đi và thông báo cho người nữ tên như v$y." Vị ấy đã đi và đã hỏi mọi người rằng: Cô gái tên như vầy ở đâu? -Thưa ngài, cô ta đã ngủ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: 'Thải chăng ta đã phạm tội SañghādisesaT" Vị ay đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (1) 2. Vào lúc bây giờ, có người đàn ông nọ bảo vị Tỳ-khưu nọ răng: “Thua ngài, hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy.” Vị ấy đã đi và đã hỏi mọi người rằng: Cô gái tên như vầy ở đâu? -Thưa ngài, cô ta đã chết. ...(nt). —Thưa ngài, cô ta đã đi khỏi. ...(nt).

14 Người học trò khi quay trở về không báo cho thầy biết [đứng ở bên ngoài] và đích thân đem lại hồi báo cho người đàn ông. Người thầy bãi thân nhận lơi và bản thân bảo học tro thông báo nên phạm tội Thullaccaya vì hai phân ây; còn người học trò, bản thân thông báo và bản thân đem lại [hồi báo] nên phạm tội Thullaccaya vì hai phần ay (VinA. III. 559).

Thưa ngài, cô ta không phải là người nữ. ...(nt). Thưa ngài, cô ta là người nữ vô căn. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Dukkata. (2-5) 3 Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ, sau khi gây gổ với chồng đã đi về nhà mẹ. Có vị Tỳ-khưu nọ thường tới lui với các gia đình đã làm công việc hòa giải. Vi ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt). Này Tỳ-khưu, có phải cô ta đã bị chồng bỏ?15 - Bạch Thế Tôn, cô ta không bị chồng bỏ. -Này Tỳ-khưu9 trường hợp không bị chồng bỏ thì vô tội. (6) 4. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã tiến hành việc mai mối cho người vô căn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: 'Thải chăng ta đã phạm tội SañghādisesaT" Vị ây đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này Tỳ-khưu, không phạm tội Sañghādisesa mà phạm tội Thullaccaya, (7) Dứt điều học về việc mai mối. ...ooOoo—

3.6. ĐIỀU HỌC VỀ LÀM CỐC LIÊU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VèỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các vị ấy sống có nhiều sự van xin5 có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaji hãy bố thí cỏ tina, hãy bố thí đất séty Dân chúng bực mình vì sự van xin, bực mình vì sự yêu cầu, khi thấy các Tỳ-khưu thì hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại; ngay cả khi thấy con bò cái họ cũng tránh di, [lầm] tưởng là các vị Tỳ-khưu. 2. Khi ấy, Đại đức Mahkassapa, trải qua mùa [an cư] mưa ở thành Rājagaha, đã ra đi vê phía thành AỊavi, theo tuân tự đã ngự đên thành AỊavi. Tại nơi ây, trong thành ÂỊavi, Đại đức Mahâkassapa ngụ tại tháp thờ AggâỊava. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Mahâkassapa đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành ÂỊavi

15 Ngài Buddhaghosa giải thích: Alarnvacanīyā là pariccattā (bị từ bộ). Theo như trong một số quốc độ, người đàn ba bị mat đi tính chất làm vợ thì gọi là alarnvacanīyā. Ý nghĩa của các từ được ghi như sau: alam\ vừa đủ, xứng đáng; vacanīyā: nén được nói, cần phải nói; alarnvacanīyā'. được nói đủ rồi, hết nước nói, không còn gì đe nói (VinA. III. 561).

đê khát thực. Dân chúng sau khi nhìn thây Đại đức Mahâkassapa cũng trở nên hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại. Sau đó, khi đã đi khất thực trong thành ÂỊavi, sau bữa ăn, trong khi đang đi khất thực trở về, Đại đức Mahâkassapa đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, thành ÂỊavi này trước đây vật thực dồi dào, đồ khất

• nhận được thực — mau chóng, dê dàng sinh sông băng sự ra sứcA khát thực. Hiện JF

nay, thành AỊavi này quả thật có sự khó khăn vê vật thực, đô khát thực nhận được khó khăn, không dê dàng sinh sông băng sự ra sức khát thực. Này các Đại đức, do nhân gì, do duyên gì khiến thành Ālavi này lại có sự khó khăn về vật thực, đồ khất thực nhận

được khó khăn, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khất thực? Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Mahākassapa. 3 Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đã ra đi, du hành về phía thành Ālavi, trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Ālavi. Tại nơi ấy, trong thành ĀJavi, đức Thế Tôn ngụ tại tháp thờ Aggālava. Sau đó, Đại đức Mahākassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahākassapa đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavi rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cóc liêu áy chưa đạt được sự hoàn tát. Các ngươi đây sông có nhiêu van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbajā, hãy bố thí cỏ tina? hãy bố thí đất set?9 Dân chúng bực mình vì sự van xin, bực mình vì sự yêu cầu, khi thấy các Tỳ-khưu thì hốt hoảng, lo sợ? tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại; ngay cả khi thấy con bò cái, họ [làm] tưởng là các vi Tỳ-khưu, rồi cũng tránh di, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 5. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cóc liêu áy chưa đạt được sự hoàn tát. Các ngươi đây sông có nhiêu van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, ...(nt)... hãy bố thí cỏ tiụa, hãy bố thí đất sef9 vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA e 217

Sau đó, khi đã khiển trách, đức Thế Tôn đã nói pháp thoại, rồi đã bảo các Tỳ-khưu rang: 6 Này các Tỳ-khưu, thời trước đây, có hai anh em ân sĩ đã sông nương tựa sông Gañgā. Này các Tỵ-khiru, khi ấy rồng chúa Manikantha16 đã vượt qua sông Gañgā và đến gần vị ân sĩ trẻ tuôi, sau khi đến đã dùng các phần thân thể quân quanh vi ân sĩ trẻ tuổi bảy vòng, roi phông lớn mang ở trên đâu [vi áy] và giữ nguyên. Này các Tỳ-khiru9 rồi do sự khiếp sợ con rồng ấy, vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Này các Tỳ-khưu, Vị ẩn sĩ lớn tuổi đã nhìn thấy vị ẩn sĩ trẻ tuổi bị ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đay gân, sau khi nhìn thấy đã nói với vi an sĩ trẻ tuổi điều này: "Này đệ, vì sao đệ lại trở nên ôm o, căn côi, xuồng săc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vay?" "Thua huynh, ở đây, rông chúa Manikantha đã vượt qua sông Gañgā và đến gần đệ, sau khi đến đã dùng các phần thân thể quấn quanh đệ bảy vòng, rồi phồng lớn mang trên đầu [đệ] và giữ nẹuyên. Thưa huynh, do sự khiếp sợ con rông ây, đệ trở nên ốm o, cằn cỗi, xuồng sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gan?9 "Này đệ, vậy đệ có muốn con rồng ấy không đến nữa?,, "Thua huynh, đệ muốn con rồng ấy không đến nữa.,^ “Này đệ, vậy đệ thấy con rồng ấy có vật gi?” "Thua huynh, đệ thấy viên ngọc ma-ni là vật trang điểm ở cổ của n6." "Này đệ, như thê thì đệ hãy xin con rông ây viên ngọc ma-ni: Rông ơi, hãy

cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc mani." 7. Này các Tỳ-khưu, rồi rồng chúa Manikantha đã vượt qua sông Gañgā và đến gần vị ẩn sĩ trẻ tuổi, sau khi đến đã đứng ở một bên. Này các Tỳ-khưu, vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã nói với rồng chúa Manikantha đang đứng một bên điều này: "Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cân ngọc mani." Này các Tỳ-khưu, khi ây rồng chúa Manikantha [nghĩ rằng]: "Vj Tỳ-khưu xin ngọc ma-ni, vị Tỳ-khưu cần ngọc ma-ni", rồi đã bỏ đi ngay lập tức. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì, rông chúa Manikantha đã vượt qua sông Gañgā và đên gân vị ân sĩ trẻ tuổi. Này các Tỳ-khưu, vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã nhìn thấy rồng chúa Manikantha từ ở đàng xa đang di lại, sau khi nhìn thấy đã nói với rồng chúa Manikantha điều này: "Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc ma-ni." Này các Tỳ-khưu, khi ấy rồng chúa Manikantha [nghĩ rằng]: "Vj Ty-khiru xin viên ngọc ma-ni, vị Tỳ-khưu cần viên ngọc ma-ni", rồi ngay từ nơi ấy quay trở lui. Này các Tỳ-khưu? đến lần thứ ba, rồng chúa Manikantha đang vượt qua sông Gañgā. Này các Tỳ-khưu,

l? Manikantha nghĩa la: cổ có ngọc ma-ni. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: 'Nghe nói con rồng chúa ấy khi đi có trang điểm ở cổ một viên ngọc ma-ni lớn vĩ đại, [co thể] ban cho tất cả các điều mong ước; VI thế, được biết đến với tên Manikantha,, (VinA. III. 565).

vị ẩn SĨ trẻ tuổi đã nhìn thấy rồng chúa Manikantha đang vượt qua sông Gañgā, sau khi nhìn thấy đã nói với rồng chúa Manikantha điều này: "Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc ma-ni." Này các Tỳ-khưu, khi ấy, rồng chúa Manikantha đã thốt lên với vị ẩn sĩ trẻ tuổi bằng những lời kệ rằng: "Cơm và nước của ta được dồi dào, tuyệt hảo được sanh lên do nhân của viên ngọc ma-ni này. Ngươi kẻ xin quá lố, ta không cho vật ấy và ta cũng sẽ không đên khu ân cư của ngươi nữa. Như là những đứa trẻ tay câm dao mài bén, ngươi làm ta run rây trong khi cầu xin viên ngọc. Ngươi kẻ xin quá lố, ta không cho vật ấy và ta cũng sẽ không đên khu ân cư của ngươi nữa.,, 8. Này các Tỳ-khưu, khi ấy, rồng chúa Manikantha [nghĩ rằng]: Tỳ- khưu xin ngọc ma-ni, vị Tỳ-khưu cần ngọc rồi bỏ đi, trong khi bỏ đi như thê roi đã không quay lại nữa. Này các Tỳ-khưu? sau đó, vị ân sĩ trẻ tuổi do việc không còn nhìn thây con rông xinh xăn ây nữa càng trở nên ôm o, căn côi, xuồng săc, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân thêm hơn nữa. Này các Tỳ-khưu, rồi vị ẩn sĩ lớn tuổi đã nhìn thấy vi ẩn sĩ trẻ tuổi càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa; sau khi nhìn thây đã nói với vị ân sĩ trẻ tuổi điêu này: "Này đệ, vì sao đệ lại càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa vay?" "Thua huynh, đệ càng trở nên ôm o, căn côi, xuông săc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa là do việc không còn nhìn thấy con rồng xinh xắn ấy nữa.” Này các Tỳ-khưu, khi ấy vị ẩn sĩ lớn tuổi đã thốt lên với vị ẩn sĩ trẻ tuổi bằng lời kệ rằng: uDầu mong được vật yêu quý của người, chớ van xin vật ấy. Do cầu xin quá đáng trở thành bị ghét bỏ. Con rồng bị người Bà-la-môn cầu xin ngọc ma-ni không còn xuất hiện nữa, bởi rồng đã hiểu được điều ấy.” Này các Tỳ-khưu, bởi vì việc van xin còn không được hoan hy, việc yêu cau còn không được hoan hỷ đoi với những chúng sanh là các

loài thú ấy thì sẽ là điều gì đối với loài người? 9. Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, có vị Tỳ-khưu nọ sông trong khu rừng rậm nọ ở sườn núi của dãy Hy-mã-lạp sơn. Này các Tỳ-khiru, không xa khu rừng rậm ấy, có đầm nước lớn và sâu thẳm. Này các Tỳ-khưu, có bầy chim lớn, vào ban ngày đi kiêm ăn ở trong đâm nước ây và ban đêm đi đên ngụ ở khu rừng rậm ây. Này các Tỳ-khưu, khi ây vi Tỳ-khưu ây bị quây rây bởi tiêng động của bầy chim ấy đã đi đến gặp Ta, sau khi đến đã đảnh lễ Ta rồi ngồi xuống ở một bên. Này các Tỳ-khưu, rồi Ta đã nói với vị Tỳ-khxru ấy đang ngồi một bên £

điêu này:

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 219

“Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đi đến?55 “Bạch Thế Tôn, sức khỏe kh Bạch Thế T6n, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, con đi đến đường xa ít mệt nhọc. Bạch Ngài, có khu rừng rậm lớn ở sườn núi của dãy Hy-mã-lạp sơn. Bạch Ngài, không xa khu rừng rậm ấy có đầm nước lớn và sâu thẳm. Bạch Ngài, rồi có bầy chim lớn, vào ban ngày đi kiếm ăn ở trong đầm nước ấy và ban đêm đi đến ngụ ở khu rừng rậm ấy. Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến vì bị quấy rầy bởi tiếng động của bầy chim ấy.” "Này Tỳ-khưu, vậy ngươi có muốn bầy chim ấy không đến nữa?" "Bạch Ngài, con muốn bầy chim ấy không đến nữa.” "Này Tỳ-khưu, như thế thì ngươi hãy về lại nơi ấy và đi vào khu rừng rậm ấy5 rồi vào canh đầu của đêm, hãy nói lớn lời này ba lần: Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đên ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lăng nghe tôi. Tôi cân lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim. Rồi vào canh giữa của đêm ...(nt)...Rồi vào canh cuối của đêm, hãy nói lớn lời này ba lần: Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đen ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lang nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.,, 10. Này các Tỳ-khưu, sau đó, vị Tỳ-khưu ây đã vê lại nơi ây và đi vào khu rừng rậm ấy, rồi vào canh đầu của đêm đã nói lớn lời này ba lần: "Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim." Rồi vào canh giữa của đêm ...(nt).. Rồi vào canh cuối của đêm đã nói lớn lời này ba lần: "Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.,^ Này các Tỳ-khưu, khi ấy bầy chim ấy [nghĩ rằng]: Tỳ-khưu xin lông chim, vị Tỳ-khiru cân lông chim" nên đã rời bỏ khu rừng rậm ây, trong khi bỏ đi như thế rồi đã không quay lại nữa. Này các Tỳ-khiru, bởi vì việc van xin còn không được hoan hỷ, việc yêu cầu còn không được hoan hỷ đối với những chúng sanh là các loài thú ấy, thì sẽ là điều gì đối với loài người? 11. Này các Tỳ-khưu, trước đây cha của Ratthapāla, con trai nhà danh giá đã thốt lên với Ratthapāla, con trai nhà danh giá bằng lời kệ rằng: 66Này Ratthapāla, có rất là nhiều người, dầu ta không biết họ, họ vẫn đi đến gặp và cầu xin ta, sao con lại không xin ta?" "Kẻ xin không được ưa thích, kẻ không cho khi được xin cũng không được ưa thích; chính vì lý do ấy, tôi không cầu xin ông, chớ có ghét bỏ t6i." 12. Này các Tỳ-khưu9 chính Ratthapāla, con trai nhà danh giá ấy, còn nói với cha của mình nhu thê, thì người với người sẽ còn nói điêu gì nữa? Này

các Tỳ-khưu, đối với người tại gia, các của cải kiếm được khó khăn, các vật

tích lũy được bảo quản khó khăn. Này những kẻ rồ dại, thế mà ở nơi ấy, các ngươi lại sống có nhiều van xin, có nhiều sự yêu cầu đối với các của cải kiếm được khó khăn, đối với các vật tích lũy được bảo quản khó khăn như thế [nói rằng]: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò5 hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbajā, hãy bố thí cỏ tina5 hãy bố thí đất s6t." Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu tự xỉn [vật liệu], rồi trong khi cho xây dựng cốc liêu không có thỉ chủ, dành cho bản thân thì nên cho làm theo kích thước, ơ đây, kích thước này là chiều dài mười hai gang theo gang tay của đức Thiện The," chiều ngang bảy gang ở bên trong, và nên dan các Tỳ-khưu đên đê xác định khu đát. Các vị Tỳ-khưu ấy nên xác định khu đất là không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh. Nêu vỉ Tỳ-khưu tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng cốc liêu dành cho bản thân ở khu đất cỏ điều chướng ngại, không có loi đi vòng quanh, hoặc không dan các Tỳ-khưu đen đe xác định khu đất, hoặc vượt quá kích thước thì phạm tội Sañghādisesay 13. Tự xin [vật liệu] nghĩa là sau khi tự mình yêu cầu người nam, nhân công, bò, xe kéo, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưỡi đục, ...(lít)... cỏ tig, đất sét. Cốc liêu nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài. Trong khi cho xây dựng: Là đang làm hoặc đang bảo người làm. Không có thí chủ: Không có người nào khác là sở hữu chủ: Hoặc là người nữ, hoặc người nam, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia. Dành cho bản thân: Vì nhu cầu của bản thân. Nên cho làm theo kích thước, ở đây, kích thước này là chiều dài mười hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ: Theo cách đo ở bên ngoài. Chiều ngang bảy gang ờ bên trong: Theo cách đo ở bên trong. Nen dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất: Vi Tỳ-khưu là người làm cốc liêu ấy nên dọn sạch khu đất làm cốc liêu, nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm

17 Sugatavỉdatthỉ (gang tay của đức Thiện Thệ) được ngài Buddhaghosa giải thích: Bằng ba lần gang tay của người bậc trung, với bàn tay của người thợ ne thì bằng một gang rưỡi (VinA. III. 567). Cung vậy, HT. Bửu Chơn ghi rang: một gàng của người bậc trung là 0,25m và tinh ra diện tích là 9,00m x 5,2ỏm (Tử thạnh tịnh giới, tr. 33, ở phần chú thích). Trong tai liệu Vìnayamukha, ngài Mahāsamanā Chao đề nghị rằng, sugatavidatthi, tức là gang tay của đức Thiện Thệ, nên được tính theo kích thước tning bình là 0,25m; như vậy, diện tích sẽ là 3,00m x l,75m. Vì đây là kutỉ (cốc) nên chúng tồi nghĩ rằng, kích thước thứ hai hợp lý hơn.

hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh

cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liOu." Nên được thỉnh cầu làn thứ nhì; Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Nếu toàn thể hội chúng có thể xem xét khu đất làm cốc liêu thì [khu đất] nên được xem xét bởi toàn thể hội chúng. Nếu toàn thể hội chúng không thể xem xét khu đất làm cốc liêu thì tại nơi ấy, các Tỳ-khiru nào có kinh nghiệm, đủ năng lực đe biết được có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh, các vị ấy nên được thỉnh cầu và nên được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ây thỉnh câu hội chúng việc xem xét khu đát làm cóc liêu. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định các vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khxru tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu. Hội chúng chỉ định các vị Tỳ-khưu tên [như vây] và tên [như vây] đê xem xét khu đát làm cóc liêu của vi Tỳ-khtru tên [như vây]. Đại đức nào đông ý việc chỉ định các vị Tỳ-khưu tên [như vây] và tên [như vây] đê xem xét khu đát làm cóc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để xem xét khu đát làm cóc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,^ Các vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy, sau khi đi đến nơi đó nên xem xét khu đát làm cóc liêu và nên nhận biêt là có điêu chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh. Nấu có điều chướng ngại và không có lối đi vòng quanh thì nên nói rằng: "Chớ làm ở đây.55 Nếu không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh thì nên thông báo với hội chúng răng: "Không có điêu chướng ngại và có lôi đi vòng quanh.,, Vị Tỳ-khiru là người làm cốc liêu nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm5 chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi có ý đinh làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liPu." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

r g L * "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý đinh làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên xác đinh khu đất làm cốc liêu của vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác đinh khu đất làm cốc liêu. Hội chúng xác định khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vay]. Đại đức nào đồng ý việc

xác định khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đòng ý có thể nói lên. Khu đất làm cốc liêu của vi Tỳ-khiru tên [như vầy] đã được hội chúng xác định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này la như vậyy Có điều chướng ngại nghĩa là có tổ kiến, hoặc là có tổ mối, hoặc là có ổ chuột, hoặc là có ổ rắn, hoặc là có ổ bọ cạp, hoặc là có ổ rết, hoặc là chỗ ở của bầy voi, hoặc là chỗ ở của bầy ngựa, hoặc là chỗ ở của bầy sư tử, hoặc là chỗ ở của bây cọp, hoặc là chô ở của bây beo, hoặc là chô ở của bây gâu, hoặc là chô của bay chó sói, hoặc là chỗ ở của bất cứ các loài thú hoặc các loài sinh vật nào, hoặc kê cận ruộng trông thóc lúa, hoặc kê cận ruộng trông rau cải, hoặc kê cận nơi tra tấn, hoặc kề cận nơi xử trảm, hoặc kề cận mộ địa, hoặc kề cận vườn hoa, hoặc kề cận đất của đức vua, hoặc kề cận chuồng voi, hoặc kề cận chuồng ngựa, hoặc kề cận trại giam, hoặc kề cận quán rượu, hoặc kề cận nhà đồ tể, hoặc kề cận đường vận chuyển, hoặc kề cận giao lộ, hoặc kề cận nơi hội họp, hoặc kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là có điều chướng ngại. Không có lối đi vòng quanh nghĩa là không thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [không thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là không có lối đi vòng quanh. Không có điêu chướng ngại nghĩa là không có tô kiên, ...(nt).. hoặc không kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là không có điều chướng ngại. Có lối đi vòng quanh nghĩa là có thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [có thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là có lối đi vòng quanh. Tự xin [vật liệu] nghĩa là sau khi tự mình yêu câu vê người nam, nhân công, ...(nt)... đất sét. Cốc liêu nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài. Cho xây dựng: Là [tự] làm hoặc bảo người làm. Hoặc không dẫn các Tỳ-khưu đến để xác đinh khu đất, hoặc vượt quá kích thước: Hoặc là sau khi không cho xác đinh khu đất làm cốc liêu bằng hành

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA « 223

Sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hoặc là sau khi vượt quá chiều dài hoặc chiêu rộng, cho dù chỉ băng sợi t6c, roi [tự] làm hay bảo người làm thì phạm tội Dukkata cho mỗi thao tác. Khi còn chưa đến cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya. Khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. Tội Sañghādisesa: ,..(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội Sarighãdỉsesay 1. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkaịa với tội Sañghādisesa. Vi Tỳ-khiru làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác đinh, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khxru làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không loi đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. Vi Tỳ-khưu làm cốc liêu vượt quá kích thước, có điều

chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khiru làm cốc liêu vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khtru làm cốc liêu vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vi Tỳ-khưu làm cốc liêu vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata, Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khiru làm cốc liêu theo kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

224 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với hai tội Sañghādisesa. Vi Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa, Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sanghãdisesa. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. Vị Tỳ-khxru làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, không có điêu chướng ngại, không lôi đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khxru làm cốc liêu ở khu đất đã được xác đinh, theo kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 2. Vi Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi.59 Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì [vị ấy] phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa, ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. 3. Vi Tỳ-khxru chỉ thị: “Hy làm cốc cho t6]." Họ làm cốc cho vi ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì [vi ấy] phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 4. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm cốc cho t6i." Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có loi đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. 5. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i." Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội

Dukkata. ... không có chướng ngại,

không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô toi. 6. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với hai tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa.... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có loi đi quanh thì phạm hai tội Sañghādisesa. 7. Vi Tỳ-khmi chỉ thi: "Hãy làm cốc cho tôi/9 Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác đinh, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata,... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 8. Vị Tỳ-khxru chỉ thi: uHãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và không có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác đinh, không có chướng ngại và có lối đi quanh.,, Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì [vị ấy] phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có loi đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sanghãdisesa, ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. 9. Vi Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và không có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 10. Vị Tỳ-khiru chỉ thi: "Hãy làm cốc cho t6i”, rồi ra đi và không có chỉ thi: 'Thải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkaịa với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. 11. Vị Tỳ-khiru chỉ thi: uHãy làm cốc cho tồi", rồi ra đi và không có chỉ thị: 'Thải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

12. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i”, rồi ra đi và không có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác đinh, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với hai tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với hai tội Sañghādisesa.... không có

chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với hai tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có loi đi quanh thì phạm hai tội Sañghādisesa. 13. Vi Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và không có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác đinh, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vi ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tọi. 14. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vi ây nghe răng: "Họ nói cóc được làm cho ta ở khu đát không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 15. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: “Hy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: “Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh. Vị ây nghe răng: "Hq nói cóc được làm cho ta ở khu đát không được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh." Vi Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định và không có chướng ngại." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkaịa. 16. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phai là khu đất được xác đinh, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vi ấy ở khu đất không được xác đinh, không có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác đinh, không có chướng ngại, không lối đi quanh.” Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là khu đất được xác định và có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 17. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôf\ rồi ra đi và có chỉ thị: “Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, có lối đi

quanh. Vị ấy nghe rằng: "Hnói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là khu đất được xác djnh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 18. Vị Tỳ-khmi chỉ thi: "Hãy làm cốc cho t6i" rồi ra đi và có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác đinh, không có chướng ngại và có lối đi quanh.^, Họ làm cốc cho vị ây ở khu đát đã được xác định, có chướng ngại, không lôi đi quanh. Vị ây nghe rằng: "Hẹ)nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 19. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hy làm cốc cho tôf\ rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có

lối đi quanh.,^ Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Hq nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh.^, Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là không có chướng ng@i." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 20. Vi Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác đinh, không có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Hnói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh.,, Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 21. Vị Tỳ-khtru chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.^, Họ làm cốc cho vi ấy ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 22. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải theo kích thước, không có chướng ngại và có lôi đi quanh.,, Họ làm cóc cho vi ây vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải theo kích thước và không có chướng ngại.".. "Ph*i theo kích thước và có lối đi quanh.".."Phai theo kích thiróc." Nêu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 23. Vị Tỳ-khiru chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôiy, rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vi ấy nghe rằng:

uHọ nói cốc được làm cho ta là theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vi Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là không có chướng ngại và có lối đi quanh."... 'Thải là không có chướng ngại.".. 'Thải là có lối đi quanh." ... thì vô tội. 24. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vi ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lôi đi quanh. Vi ây nghe răng: "Hnói cóc được làm cho ta ở khu đất không được xác đinh, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là khu đất được xác đinh, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, và không có chướng ngại." ... "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước và có lối đi quanh.".."Phi là khu đất được xác định và theo kích thiróc." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 25. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: “Hy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác đinh, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vi ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh.,, Vi Tỳ-khxru ấy nên đích thân đi hoặc phái người

đưa tin rằng: 'Thải là không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... 'Thải là không có chướng ngại."... 'Thải là có lối đi quanh.” ... thì vô tội. 26. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: uHãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có loi đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vi xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có loi đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata. 27. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi và có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vi xây dựng phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 28. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hy làm cốc cho t0i", rồi ra đi và có chỉ thị: “Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh.^, Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng

phạm ba tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata. 29. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôf \ rồi ra đi và có chỉ thi: 'Thải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vi ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không loi đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 30. Vị Tỳ-khiru chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tối”, rồi ra đi và có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vi xây dựng phạm bốn tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. 31. Vị Tỳ-khiru chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôf\ rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 32. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vi ấy trở về lúc làm chưa xong thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có loi đi

quanh ... thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội Sañghādisesa. 33. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở vê lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khmi ây nên cho cóc ây đên vi khác hoặc nên phá di, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

230 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

34. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i”rồi ra đi. Họ làm cốc cho vi ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vi khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vi khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội Sañghādisesa. 35. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: uHãy làm cốc cho toi9\ rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vi Tỳ-khưu ây nên cho cóc ây đên vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vi khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vi ây phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lôi đi quanh ... thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkaịa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 36. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho t6i”, rồi ra đi. Họ làm cốc chơ vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội Dukkata với hai tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có loi đi quanh ... thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa, ... không có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm hai tội Sañghādisesa. 37. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hy làm cốc cho tôi9\ rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khiru ấy nên cho cốc ấy đến vi khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá di, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội Dukkata.... có chướng ngại, có loi đi quanh ... thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không loi đi quanh ... thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khưu chỉ thị: "Hy làm cốc cho t6i", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác đinh, theo kích thước, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 38. Vi tự* mình hoàn e tát phân vi ây y làm rxong thì phạm tội Sañghādisesa. r chưa Vị bảo những người khác hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa, Vi tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa, Vị bảo những người khác hoàn tất phần

những người khác chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 231

39. Vô tội trong trường hợp hang núi, hang nhân tạo, chòi cỏ, vì nhu cầu của vi khác, trong mọi trường hợp ngoại trừ nhà ở918 Vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về làm cốc liêu. —ooOoo—

3.7. ĐIỀU HỌC VỀ LÀM TRÚ XÁ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita.19 Vào lúc bấy giờ, người gia chủ hộ độ cho Đại đức Channa2021 đã nói với Đại đức Channa điều này: Thưa ngài, hãy tìm kiếm khu đất của trú xá. Tôi muốn cho xây dựng trú xá cho ngài. Sau đó, trong khi dọn sạch khu đất của trú xá, Đại đức Channa đã cho người đốn cội cây nọ? vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thi trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính? Các Sa-môn Thích tử làm hại cuộc sống của loài có một giác quan?”2i Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Channa lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, ...(nt).. được lãnh thổ tôn kính?” 2. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Channa bằng nhiều phương thức, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Channa, nghe nói ngươi cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, ...(nt)... được lãnh thổ tôn kính, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính vậy? Này kẻ rồ dại, bởi vì có

18 Ngài Buđdhaghosa giải thích rằng: Ngoại trừ nhà ở cho mục đích trú ngụ của vị ấy [thì phạm tội]. Nếu vị ấy cho xay dựng bảo rằng:e la nhà làm lễ Uposatha, nhà tắm hơi, nhà ăn, iiẸa đót lừa khấc nữa>„ trông mọi tnrờng hợp thì vo tội. Tuy nhiên, nếu vị ấy nghĩ rằng: utSẽ la nhà làm lễ Uposatha và ta sẽ trú ngụ,\ hoặc uSe là nhà tắm hơi, nhà ăn, nhà đốt lừa va ta sẽ trù ngu", trong khi được cho làm thì vị ấy phạm tội (VinA. III. 574). 19 Tu viện này được cho xây dựng bởi người phú hộ tên Ghosita (VinA. III. 574). 20 Chaima (Xa-nặc) là người đánh xe hầu cận của Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta). 21 Chỉ có giác quan "thân" (kãyỉndriyarrỉ) để nhận biết sự xúc chạm (Sđd. 575).

232 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

những chúng sanh có tâm thức là các hạng người ở trên cây cối. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu trong khi cho xây dựng trú xá lớn có thỉ chủ, dành cho bản thân, nên dẫn các Tỳ-khưu đến để xác đinh khu đất. Các vi Tỳ-khưu ấy nên xác đinh khu đất là không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh. Nêu vị Tỳ- khưu cho xây dựng trủ xả lớn dành cho bản thân ở khu đất có điều

chướng ngại, không có lối đi vòng quanh, hoặc không dẫn các Tỳ-khiru đến để xác đinh khu đất thì phạm tội Sañghādisesay Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến. Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài. Trong khi cho xây dựng: Là đang làm hoặc đang bảo người làm. Có thí chủ: Có người nào khác là sở hữu chủ: Hoặc là người nữ, hoặc người nam, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia. Dành cho bản thân: Vì nhu câu của bản thân. Nên dẫn các Tỳ-khưu đến để xác đinh khu đất: Vị Ty-khmi là người làm trú xá nên dọn sạch khu đất làm trú xá, nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú x£" Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Nếu toàn thể hội chúng có thể xem xét khu đất làm trú xá thì [khu đất] nên được xem xét bởi toàn thể hội chúng. Nếu toàn thể hội chúng không có thể xem xét khu đất làm trú xá thì tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu nào có kinh nghiệm, đủ năng lực đê biêt được có điêu chướng ngại hoặc không có điêu chướng ngại, có lôi đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh, các vị ấy nên được thỉnh càu và nên được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm tru xá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm tru xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khiru này tên [như r có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ây thỉnh câu vây], có ý định làm trú xá lớn, hội chúng việc xem xét khu đát làm trú xá. Hội chúng chỉ định các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vây]. Đại đức nào đông ý việc chỉ đinh các Tỳ-khưu tên [như vây] và tên

[như vầy] để xem xét khu đất làm tru xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định 9 r . r- -í * đê xem xét khu đát làm trú xá của vị Tỳ-khmi tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Các vị Tỳ-khiru đã được chỉ định ấy, sau khi đi đến nơi ấy nên xem xét khu đất làm trú xá, và nên nhận biết là có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh. Nếu có điều chướng ngại và không có lối đi vòng quanh thì nên nói rằng: uChớ làm ở dây." Nếu không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh thì nên thông báo với hội chúng rằng: "Không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh.,, Vị Tỳ- khưu là người làm trú xá nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xa." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ

ba. Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vày], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên xác định khu đất làm tru xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác đinh khu đất làm trú xá. Hội chúng xác định khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khmi tên [như vây]. Đại đức nào đông ý việc xác đinh khu đát làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vay] xin im lặng; vị nào không đong ý có thể nói lên. Khu đát làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vây] đã được hội chúng xác định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này lá như vậy.,, Có điều chướng ngại nghĩa là có tổ kiến, ...(nt)... hoặc kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là có điều chướng ngại. Không có lối đi vòng quanh nghĩa là không thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [không the] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là không có lối đi vòng quanh. Không có điêu chướng ngại nghĩa là không có tô kiên, ...(nt).. hoặc không kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là không có điều chướng ngại. Có lối đi vòng quanh nghĩa là có thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [có thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là có lối đi vòng quanh.

Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến. Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài. Cho xây dựng: Là [tự mình] làm hoặc bảo người làm. Hoặc không dẫn các Tỳ-khưu đến để xác đinh khu đất: Sau khi không cho xác định khu đất làm tru xá bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhi, rồi [tự] làm hoặc bảo người làm thì tội Dukkata cho mỗi thao tác. Khi còn chưa đến cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya. Khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. Tội Sanghādisesax ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^ 3 Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không loi đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác đinh, có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkaịa với tội Sañghādisesa, Vị Tỳ-khiru làm trú xá ở khu đất không được xác đinh, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đát đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, không loi đi quanh thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu làm tru xá ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm trú xá cho t6i." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa, ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi

quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. 4. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: uHãy làm tru xá cho t6i Họ làm tru xá cho vi ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata. ... không có chướnẹ ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, có lôi đi quanh thì vô tội. 5. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm trú xá cho t6i", rồi ra đi và không có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác đinh, không có chướng ngại và có lối đi quanh.^,

Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác đinh, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... có chướng ngại, có loi đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có loi đi quanh thì phạm tội Sañghādisesa. 6. Vị Ty-khtru chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho t6i", rồi ra đi và không có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác đinh, không có chướng ngại và có lối đi quanh.,, Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 7. Vị Ty-khiru chỉ thi: "Hãy làm tru xá cho tôr\ rồi ra đi và có chỉ thi: 'Thải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lôi đi quanh. Vị ây nghe răng: "Hnói trú xá được làm cho ta ở khu đát không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh.” Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh.,, Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkaịa. ... 'Thải là khu đất được xác định và không có chướng pgại." ... 'Thải là khu đất được xác định và có lối đi quanh." ... 'Thải là khu đất được xác djnh." Nêu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội Dukkata. 8. Vị Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm trú xá cho tôi9\ rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ây nghe răng: "Hq nói tru xá được làm cho ta ở khu đát đã được xác đinh, có chướng ngại, không lối đi quanh.” Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: 'Thải là không có chướng ngại và có lối đi quanh.” ... 'Thải là không có chướng ngai." ... 'Thải là có lối đi quanh" thì vô tội. 9. Vị Tỳ-khiru chỉ thị: "Hãy làm tru xá cho t6i”, rồi ra đi và có chỉ thị: "Phai là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ây ở khu đát không được xác định, có chướng ngại, không lôi đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vi xây dựng phạm tội Dukkaịa. 10. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôf\ rồi ra đi và có chỉ thị: 'Thải là khu đất được xác đinh, không có chướng ngại và có lối đi quanh.” Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội Dukkata.

... có chướng ngại, có lối đi

quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, không loi đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 11. Vi Tỳ-khưu chỉ thi: "Hãy làm trú xá cho tôr\ rồi ra đi. Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ây trở vê lúc làm chưa xong thì vị Tỳ-khưu ây nên cho trú xá ây đên vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì phạm hai tội Dukkata với tội Saùghãdỉsesa. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội Sanghãdỉsesa. 12. Vi Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho t6i", rồi ra đi. Họ làm tru xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác đinh, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho trú xá ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá di, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội Dukkata.... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata.... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội Dukkata. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội. 13. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa. Vị bảo những người khác hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa. VỊ bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Sañghādisesa. 14. Vô tội trong trường hợp hang núi, hang nhân tạo, chòi cỏ, vì nhu cầu của vị khác, trong mọi trường hợp ngoại trừ nhà ở, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về làm trú xá. —ooOoo—

3.8. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VÈ VỊ XẤU XA SÂN HẬN l. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, phẩm vị A-la-hán đã được Đại đức Dabba Mallaputtā22 chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cân phải đạt đên. Và đôi với vị ây, không có bát cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Khi ấy, Đại đức Dabba Mallaputtā trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tâm như vầy đã khởi lên: 'Thẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta

22 Ngài Dabba là con trai của vua xứ Mallā (VìnA. ni. 578).

đã đạt được tất cả những gì vi đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chdĩig?" Rồi điều này đã khởi đên cho Đại đức Dabba Mallaputtā: "Hay là ta nên phân bô chô cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chdng?" 2. Sau đó, vào buổi tối, Đại đức Dabba Mallaputtā đã xuất khỏi thiền tịnh và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputtā đã nói với đức The Tôn điêu

nay: -Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?,, Bạch Ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sap xép các bữa ăn cho hội chúng?" , Bạch Ngài, con muôn phân bô chô cư ngụ• và săp xép các bữa ăn cho hội chúng. Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy, ngươi hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Dabba Mallaputtā đã đáp lại đức Thế Tôn. 3 Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các vị Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy chỉ đinh Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trủ ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: r r "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vi sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Đại đức Dabba Mallaputtā là vi phân bố chỗ trú ngụ và là vị săp xép các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói len. Đại đức Dabba Mallaputtā đã được hội chúng chỉ đinh là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sáp xép các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay."

238 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

5.23 Và khi đã được chỉ định, Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khtru có cùng sở hành. Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về kinh [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ tụng đọc kinh với nhau.” Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu rành rẽ về luật [nghĩ rằng]: "Các vi sẽ xác định về luật với nhau." Vị ấy phân bố chỗ tru ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên giảng pháp [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ thảo luận về pháp với nhau.^ Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về thiền [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau.” Vi ấy phân bố chỗ tru ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên nói chuyện the tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân [nghĩ rằng]: "Các Đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấyy Còn các Tỳ-khưu đi đến vào buổi tối, vi ấy thể nhập vào hỏa giới và phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy bằng chính ánh sáng ấy. Cho nên, các Tỳ-khưu cố ý đi đến vào buổi tối [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thần thông của Đại đức Dabba Mallaputtā.Sau khi đi đến gặp Đại đức Dabba Mallaputtā, các vi ấy nói như vầy: Này Đại đức Dabba, hãy phân bô chô trú ngụ cho chúng tôi. Đại đức Dabba Mallaputtā nói với các vị ấy như vầy: Các Đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào? Các vi ây cô ý đê cập các chô xa xôi: Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ tru ngụ ở Gijjhakūta (núi Linh Thứu). Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú

ngụ ở Corapapâta (khe núi Kẻ Cướp). Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ tru ngụ ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ tru ngụ ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapanna (Thất Diệp). Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Sĩtavana (Hàn Lâm), động Sappasondika. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Gotama. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Tinduka. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Tapoda. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở khu vườn Tapoda. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ tru ngụ ở vườn xoài của Jīvaka. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Đôi với các vị ây, Đại đức Dabba Mallaputtā đã thê nhập vào hỏa giới và đi phía trước với ngón tay đang được thắp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau Đại đức Dabba Mallaputtā. Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú ngụ cho các vi ấy như vầy: “Bây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước

23 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 4), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

rửa, đây là gậy chống, đây là quy đinh của hội chúng: 'Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.'" Sau khi đã phân bố chỗ tru ngụ cho các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputtā quay trở về lại VèḶuvana. 6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi nhóm Mettiya và Bhummajaka24 chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ tru ngụ kém thuộc vê hội chúng và những bữa ăn tôi. Vào lúc bây giờ? dân chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đến các Tỳ-khiru trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo gồm có bơ lỏng, dàu ăn, phần ăn thượng hạng và thường dâng đến các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vi ấy khi đi thọ thực về, sau bữa ăn thường hỏi các Tỳ-khưu trưởng lão rang: -Này các Đại đức, các vi đã có thức gì ở tại nhà ăn? Các vị đã có thức gì? Một số Trưởng lão trả lời như vầy: -Này các Đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dâu ăn, có phân ăn thượng hạng. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vầy: Này các Đại đức, chúnệ tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng, gom có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. 7. Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon, thường cúng dường đến hội chúng bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thường lệ. Vị ấy cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vi này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn và dâng các vị khác phần ăn thượng hạng. Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummā] aka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến Đại đức Dabba Mallaputtā, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dabba Mallaputtā rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Dabba Mallaputtā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon đang

ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Dabba Mallaputtā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, vi gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: -Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sắp xếp cho vị nào? -Này gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sắp xếp cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. 8. Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng [nghĩ rằng]: "Tại sao các Tỳ-khưu tồi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?", rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rang: 24 Hai vị này là hai trong sáu vị đứng đầu nhóm Lục Sư. Thứ tự được trình bày là hai vị Panduka và Lohitaka ở Sāvatthi, Mettiya và Bhummajaka ở Rājagaha, Assaji và Punabbasuka ở vung núi Kītā (g. III. 614). •

-Này con, hãy xép đặt chô ngôi ở nhà kho cho các vị đên thọ thực vào ngày mai và hãy phục vụ các vi ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Thưa ông chủ, xin vâng. Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon. 9. Khi ây, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc răng]: “Này các Đại đức, hôm qua, bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này cơm, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vị nọ dầu ăn và sẽ dâng các vị khác phần ăn thượng hạng." Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vị đã không ngủ được như ý. 10. Sau đó5 vào buổi sáng, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vi gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các Tỳ-khxru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ây, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý điêu này: "Chăn hẳn đến giờ này, bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế nAy!" Sau đó, cô tớ gái ấy đã trở lại với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua [nói rằng]: Thưa các ngài, xin hãy thọ thực. Này chị gái, chúng tôi ỉa các vi thọ nhận bữa ăn thường lệ. -Tôi biết các ngài Đại đức là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua, tôi đã được vi gia chủ dặn dò rằng: "Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua." Thưa các ngài, xin hãy thọ thực. 11. Khi ây, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc răng]: 6'Này các Đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đen tu viện gặp Dabba Mallaputtā. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputtā ly gián với vị gia chủ!^, Chính vì tâm bực bội ấy, các vi ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ bê y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, xấu hổ, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng. 12. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Mettiyã đã đi đến gặp các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: Tôi xin chào các ngài Đại đức.

Khi được nói như thế, các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đen lần thứ nhi, ..(nt)... Đen lần thứ ba, Tỳ-khưu-ni Mettiyâ đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: Tôi xin chào các ngài Đại đức. Đen lần thứ ba, các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. —Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi? -Này cô Ni, bởi vì cô vẫn dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bi Dabba Mallaputtā làm tổn hại. -Thưa các ngài Đại dức, tôi làm được điêu gì? - Này cô Ni, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn có thể trục xuất Dabba Mallaputtā. Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì? Này cô Ni, cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā/9 Thưa các ngài Đại dức, xin vâng. Rồi Tỳ-khưu-ni Mettiyã nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, Tỳ-khtru-ni Mettiyâ đã nói với đức m FTI A -X* À A_ The Ton điêu nay: Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch Ngài, chính quôc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sâu khô thì chính ở quôc độ ây có sự sợ hãi, có tai họa, và có sâu khô. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bi ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā. 13. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: -Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khmi-ni này vừa nói không? —Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn ..(nt)...Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: -Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này vừa nói không?

Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: “C6 làm"; nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không làm." Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ nhận thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa, ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, chính vì việc ấy, các ngươi hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyâ và hãy tra hỏi các Tỳ-khưu này. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá. 14. Sau đó? các Tỳ-khưu ấy đã trục xuất Tỳ-khiru-ni Mettiyā. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Đại đức, chớ có trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyâ, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý đinh loại trừ nên xúi giục cô ta thôi. Này các Đại đức, có phải các vị bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārôịika không có nguyên cớ? Này các Đại đức, đúng

vậy. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika không có nguyên CỚT' Sau đó? các vị Tỳ-khmi ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bôi nhọ Dabba Mallaputtā về tội Pārājika không có nguyên cớ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bôi nhọ Dabba Mallaputtā về tội Pārājika không có nguyên cớ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khmi, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào xấu xa, sân hận, bất bình vi Tỳ-khưu [khác], rồi bôi nhọ vê tội Pārājika không cỏ nguyên cớ [nghĩ răng]: 'Chác là ta có thê loại vị ẩy ra khỏi Phạm hạnh này.' Sau đó, vào lúc khác, trong khỉ được hỏi hay trong khi không được hỏi và sự tranh tụng ấy thật sự không có nguyên cớ, vị Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm [cũng] phạm tội Sañghādisesa^ 15. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu:...(nt).. Vị này là vị Tỳ-khưu được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 243

Xấu xa, sân hận: Bị nổi giận, không được hài lòng, không được thỏa mãn, có tâm giận dữ, sanh khởi lòng cay cú. Bi bất bình: Là bi bất bình do sự nổi giận ấy, do sự sân hận ấy, do sự không được hài lòng ây, do sự không được thỏa mãn ây. r -- - Không có nguyên cớ nghĩa là không được thây, không được nghe, không bị nghi ngờ. về tội Pãrãịỉkax về bất cứ điều nào thuộc về bốn điều. Bôi nhọ: Hoặc là buộc tội, hoặc là bảo người buộc tội. Chắc là ta có thể loại trừ vi ấy ra khỏi Phạm hạnh này: Ta có thể loại trừ [vi ấy] ra khỏi trạng thái Tỳ-khưu, ta có the loại trừ [vị ấy] ra khỏi pháp Sa- môn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi giới uẩn, ta có thể loại trừ [vi ấy] ra khỏi đức tính khắc khổ. Sau đó9 vào lúc khác: Đã bôi nhọ trong giây phút nào, thì khi đã trải qua giây phút ấy, khoảng thời gian ấy, thời điểm ấy. Trong khi được hỏi: Đã bôi nhọ với sự việc nào thì đang được hỏi về sự việc ây. Trong khi không được hỏi: Không được bất cứ ai đề cập đến. Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Và vi Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm: Tôi đã nói điều rỗng không, tôi đã nói điều dối trá, tôi đã nói điều không thật, tôi đã nói điều tôi không biết. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^ 16. Đối với vi đã không thấy vị [Tỳ-khiru] đang phạm tội Pārājika. nếu buộc tội vi ấy rằng: "Ta đã thấy ngươi phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-m6n, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha. lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng với ngươi nūa^ thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 17. Đối với vị đã không nghe rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pārājikc^. nếu buộc tội vị ấy rằng: “Ta đã nghe ngươi phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāranā, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa” thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 18. Đối với vị đã không nghi ngờ rằng: [Tỳ-khtru ấy] đã phạm tội Pārājika'\ nếu buộc tội vi ấy rằng: “Ta đã nghi ngờ ngươi phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử5 không còn lễ Uposatha, lễ

Pavāranā, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa,, thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói.

19. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārājika. nếu buộc tội vi ấy rằng: "Ta đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha. lễ Pavāranā, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nua99 thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 20. Đối với vi đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārājika, nếu buộc tội vi ấy rằng: "Ta đã thấy và đã nghi ngờ ngươi phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn9 ngươi không phải là Thích tử, ...(ĩit).." thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 21. Đối với vị đã không thấy vi [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārājika, nếu buộc tội vi ấy rằng: "Ta đã thấy, đã nghe, và đã nghi ngờ ngươi phạm tội Pārājika. thi phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 22. Đối với vị đã không nghe rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pârâịỉkđ\ nếu buộc tội vi ấy rằng: “Ta đã nghe và đã nghi ngờ ...(nt)..."Ta đã nghe và đã thấy ...(nt)...“Ta đã nghe, đã nghi ngờ và đã thấy ngươi phạm tội Pārājika. ...(nt).." thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 23. Đối với vị đã không nghi ngờ rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pārāịika'\ nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ và đã thấy ...(nt).. "Ta đã nghi ngờ và đã nghe ...(nt).. "Ta đã nghi ngờ, đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội 9^/Q, thi phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 24. Đối với vi đã thấy vị [Tỳ-khun] đang phạm tội Pārājika. nếu buộc tội vi ây răng: "Ta đã nghe ngươi phạm tội Pārājika. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 25. Đối với vi đã thấy vi [Tỳ-khiru] đang phạm tội Pārājika. nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ ngươi phạm tội Pārājika,...(ĩit).. nếu buộc tội vị ấy rằng: “Ta đã nghe và đã nghi ngờ ngươi phạm tội Pārājika,...(nt)..." thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 26. Đối với vị đã nghe rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pārājikd\ nếu buộc tội vị ấy rằng: “Ta đã nghi ngờ ...(nt).. "Ta đã thấy ...(nt).. "Ta đã nghi ngờ và đã thấy ngươi phạm tội Pārājika. ...(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 27. Đối với vị đã nghi ngờ rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pārājikd\ nếu buộc tội vi ấy rằng: “Ta đã thấy ngươi phạm tội Pārājika, ...(nt).. "Ta đã nghe ngươi phạm tội Pārājika, ...(nt)... "Ta đã thây và đã nghe ngươi phạm tội Pārājika. ...(nt)... thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 28. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārājika. [nhưng] hoài nghi về việc đã thấy, không tin việc đã thấy, không nhớ việc đã thấy, quên đi việc đã thấy, ...(nt).. [nhưng] hoài nghi về việc đã nghe, không tin việc đã nghe, không nhớ việc đã nghe, quên đi việc đã nghe, ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về

r x ngờ, không nhớ việc đã nghi ngờ, quên việc đã nghi ngờ, không tin việc đã nghi r

đi việc đã nghi ngờ, nêu buộc tội vị ây răng: “Ta đã nghi ngờ và đã thây ...(nt).. Ta đã nghi ngờ và đã nghe ...(nt).. Ta đã nghi ngờ, đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn9 ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha. lễ Pavāranā, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa” thi phạm tội

Sañghādisesa theo từng lời nói. 29. Đối với vi đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārăḷiika, nếu cho người buộc tội vi ây răng: "Ngươi đã bi thây là đã phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-m6n, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha. lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa,, thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 30. Đối với vi đã không nghe rằng: uVị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pārājikd^ ...(nt).. Đối với vi đã không nghi ngờ rằng: uVị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pârãjikcỉ\ nêu cho người buộc tội vị ây răng: "Nguôi đã bị nghi ngờ là đã phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn? ...(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 31. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khmi] đang phạm tội Pārājika, nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị thấy và đã bị nghe ...(nt)...Ngươi đã bị thấy và đã bị nghi ngờ ...(nt).. Ngươi đã bị thấy, đã bị nghe và đã bi nghi ngờ là đã phạm tội Pārājika, ...(nt).. Đối với vị đã không nghe rằng: [Tỳ-khưu áy] đã phạm tội Pārãịíkđ\ nêu cho người buộc tội vị ây răng: "Ngươi đã bi nghe và đã bị nghi ngờ ...(nt)...Ngươi đã bị nghe và đã bi thấy ...(nt).. Ngươi đã bị nghe, đã bi nghi ngờ và đã bị thay ...(nt)... Đoi với vị đã không nghi ngờ rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pârâjỉk(ỉ\ nếu cho người buộc tội vi ấy rằng: "Ngươi đã bị nghi ngờ và đã bi thấy ...(nt)... Ngươi đã bi nghi ngờ và đã bi nghe ...(nt)...Ngươi đã bị nghi ngờ, đã bị thay và đã bị nghe là đã phạm tội Pārājika, ngươi không phải là Sa-môn9 thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 32. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārājika, nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Nguôi đã bi nghe ...(nt).. nếu cho người buộc tội vi ấy răng: "Ngươi đã bi nghi ngờ ..(nt).. nêu cho người buộc tội vị ây răng: "Nguôi đã bị nghe và đã bị nghi ngờ là đã phạm tội Pārājika, ngươi không phải là Sa- môn, thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 33. Đối với vị đã nghe rằng: [Tỳ-khiru ấy] đã phạm tội Pārăḷiikcỉ' ...(nt)... Đối với vị đã nghi ngờ rằng: [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội Pârãịik(ỉ\ nếu cho người buộc tội vi ây răng: "Ngươi đã bi thây ...(nt).. nêu cho người buộc tội vi ây răng: "Ngươi đã bị nghe ...(nt).. nêu cho người buộc tội vị ây răng: "Ngươi đã bị thấy và đã bị nghe là đã phạm tội Pārājika, ngươi không phải là Sa-môn, ..(nt).." thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói.

34. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội Pārājika. [nhưng] hoài nghi về việc đã thấy, không tin việc đã thấy, không nhớ việc đã thấy, quên đi việc đã thấy; ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về việc đã nghe, không tin việc đã nghe, không nhớ việc đã nghe, quên đi việc đã nghe; ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về việc đã nghi ngờ, không tin việc đã nghi ngờ, không nhớ việc đã nghi ngờ, quên đi việc đã nghi ngờ, nếu cho người buộc tội vi ấy rằng: “Ngươi đã bị nghi ngờ và đã bi thấy ...(nt)... “Ngươi đã bi nghi ngờ và đã bị nghe ...(nt).. "Ngươi đã bị nghi ngờ, đã bị thay và đã bi nghe là đã phạm tội Pārājika. ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 35. Có sự ghi nhận là trong sạch về vị không trong sạch. Có sự ghi nhận là không trong sạch vê vị trong sạch. Có sự ghi nhận là không trong sạch vê vị không trong sạch. Có sự ghi nhận là trong sạch về vi trong sạch. 36. Vi không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vi ấy là trong

sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. 37. Vi không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Sañghādisesa. 38. Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội Dukkata với tội nói lời mắng nhiếc [tội Pācittỉya thứ nhì]. 39. Vi không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý đinh lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc. 40. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata, 41. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vi ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì vô tội. 42. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội Dukkata với tội nói lời mắng nhiếc. 43. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vi ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, roi nói lời [mang nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

44. Vi không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vi ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì vô tội. ...(nt)... khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội Dukkata với tội nói lời măng nhiêc. ...(nt)... khi đã thỉnh ý [đê buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc. 45. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội Pārājika nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có đinh loại trừ, roi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa. ..(nt)... khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý đinh loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Sañghādisesa, ...(nt)... khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội Dukkaía với tội nói lời mắng nhiếc. ...(nt).. khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc. 46. Vị có sự ghi nhận là không trong sạch vê vị trong sạch, vị có sự ghi nhận là không trong sạch về vị không trong sạch, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì VO tôi. Dứt điều học thứ nhất về vị xấu xa sân hận. —ooOoo—

3.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VÈ VỊ XẤU XA SÂN HÂN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, trong lúc đang đi xuống từ Gijjhakūta đã nhìn thấy con dê đực đang tình tự với con dê cái, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: “Này các Đại đức,

giờ chúng ta đặt tên con dê đực này là Dabba Mallaputtā và đặt tên con dê cái này là Tỳ-khưu-ni Mettiyã, rồi chúng ta sẽ phát biểu như vầy: 'Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi đã nói về Dabba Mallaputtā từ điều đã được nghe; giờ đây, chúng tôi đã đích thân thấy được đương sự đang tình tự với Tỳ-khưu-ni MettiyCác vị ấy đã đặt tên con dê đực ấy là Dabba Mallaputtā và đã đặt tên con dê cái ấy là Tỳ-khưu-ni Mettiyã. Các vi ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, trước đây chúng tôi đã nói vê Dabba Mallaputtā từ điêu đã được nghe; giờ đây chúng tôi đã đích thân thấy được đương sự đang tình tự với Tỳ-khưu-ni Mettiyâ. l Các Tỳ-khiru đã nói như vầy: -Này các Đại đức, chớ có nói như thế. Đại đức Dabba Mallaputtā sẽ không làm như the.

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã hành động giống như điều các Tỳ-khưu này đã nói không? -Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn ...(nt)...Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã hành động giông như điêu các Tỳ-khun này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. Này Dabba, các vi [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: “C6 làm"; nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không m.” Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khmi, như vậy thì các ngươi hãy tra hỏi các Tỳ_khưu này. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá. 3 Sau d6, các Tỳ-khiru ấy đã tra hỏi các vi Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka: -Này các Đại đức, có phải các vị nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đỏ thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājikai Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika^ Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khtru, nghe nói các ngươi nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Dabba Mallaputtā về tội Pārậi̯ka, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Dabba Mallaputtā về tội Pārājika vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin

cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào xấu xa, sân hân, bất bình vị Tỳ-khưu [khác], rồi nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt và bôi nhọ vê tội Pārặi̯ka [nghĩ rang]: 'Chăc là ta có thê loại vị ây ra khỏi Phạm hạnh này. 'Sau

đóf vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, và cuộc tranh tụng ấy là có quan hệ khác biệt hằn, sự kiện nhỏ nhặt nào đỏ đã được nắm lấy, và vị Tỳ-khưu [dầu có] thủ nhận lỗi lầm [cũng] phạm tội Sañghādisesay 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là uvị TV-khmT được đề cập trong ý nghĩa này. Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác. Xâu xa, sân hận: Bị nôi giận, không được hài lòng, không được thỏa mãn, có tâm giận dữ, sanh khởi lòng cay cú. Bất bình: Là bị bất bình do sự nổi giận ấy, do sự sân hận ấy, do sự không được hài lòng ấy, do sự không được thỏa mãn ấy. Thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt: Có quan hệ khác biệt về tội hoặc là có quan hệ khác biệt về tranh tụng. Thế nào là cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng? Cuộc tranh tụng liên quan đên tranh cãi là có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng liên quan đên khiên trách, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách là có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng liên quan đên tội, đôi với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cuộc tranh tụng liên quan đên tội là có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi, đối với cuộc tranh tụng liên quan đên khiên trách, đôi với cuộc tranh tụng liên quan đên tội. Như thê là cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng. Thế nào là cuộc tranh tụng có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng? Cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách là có cùng quan hệ đôi với cuộc tranh tụng liên quan đên khiên trách. Cuộc tranh tụng liên quan đên tội có thê là có cùng quan hệ, có thê là có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng liên quan đến tội. Thê nào là cuộc tranh tụng liên quan đên tội có quan hệ khác biệt đôi với cuộc tranh tụng liên quan đến tội? Tội Pārājika về việc đôi lứa là có quan hệ khác biệt đối với tội Pārājika về trộm cắp, đối với tội Pārājika về giết người,

đôi với tội Pārājika vê pháp thượng nhân. Tội Pārājika vê trộm căp là có quan hệ khác biệt đối với tội Pārājika về giết người, đối với tội Pārājika về pháp thượng nhân, đối với tội Pārājika về việc đôi lứa. Tội Pârãjika về giết người là có quan hệ khác biệt đối với tội Pārājika về pháp thượng nhân, đối với tội Pārājika về việc đôi lứa, đối với tội Pārājika về trộm cắp. Tội Pārājika về pháp thượng nhân là có quan hệ khác biệt đối với tội Pārājika ve việc đôi lứa, đối với tội Pārājika về trộm cắp, đối với tội Pārājika về giết người. Như thế là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có quan hệ khác biệt đoi với cuộc tranh tụng liên quan đến tội. Thế nào là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội? Tội Parajika về việc đôi lứa là có cùng quan hệ đối với tội Pārājika về việc đôi lứa. Tội Pārājika về trộm cắp là có cùng quan hệ đối với tội Pārājika về trộm cắp. Tội Pārājika về giết người là có cùng quan hệ đôi với tội Pārājika vê giêt người. Tội Pārājika vê pháp thượng nhân là có cùng quan hệ đối với tội Pārājika về pháp thượng nhân. Như thế là cuộc tranh tụng liên quan đến tội

có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội. Cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như thế là cuộc tranh tụng có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng. Nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó: Nhỏ nhặt, nghĩa là mười điều nhỏ nhặt: Điêu nhỏ nhặt vê sự xuât thân, điêu nhỏ nhặt vê tên gọi, điêu nhỏ nhặt vê dòng họ, điều nhỏ nhặt về đặc điểm, điều nhỏ nhặt về tội vi phạm, điều nhỏ nhặt về bình bát, điều nhỏ nhặt về y phục, điều nhỏ nhặt về thầy tế độ, điều nhỏ nhặt về thầy dạy học, điều nhỏ nhặt về chỗ tru ngụ. Điều nhỏ nhặt về sự xuất thân nghĩa là có vị [xuất thân] Sát-đế-lỵ được thấy là đang phạm tội Pãrậiỉka. sau khi nhìn thấy vị [xuất thân] Sát-đế-lỵ khác lại buộc tội rằng: “Nguôi là vi [xuất thân] Sát-đế-lỵ phạm tội Pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha. lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng nữa" thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Có vị [xuất thân] Bà-la-môn được thấy ...(nt)... Có vị [xuất thân] thương buôn được thấy ...(nt).. Có vị [xuất thân] hạng cùng đinh được thấy là đang phạm tội Pārājika. sau khi nhìn thấy vị [xuất thân] hạng cùng đinh khác lại buộc tội răng: “Nguôi là vi [xuât thân] hạng cùng đinh phạm tội Pārājika đã bi ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn5 ngươi không phải là Thích tử, ...(nt).." thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điêu nhỏ nhặt vê tên gọi nghĩa là có vi tên Buddharakkhita được thây •.(nt).. Có vi tên Dhammarakkhita được thấy ..(nt)... Có vi tên Sañgharakkhita được thấy là đang phạm tội Pārājika. sau khi nhìn thấy vị tên Sañgharakkhita khác, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị tên Sañgharakkhita phạm tội Pārājika đã

bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn9 ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về dòng họ nghĩa là có vi họ Gotama được thấy ...(Dt).. Có vị họ Moggallâna được thấy ...(nt).. Có vi họ Kaccāyana được thấy ...(nt).. Có vị họ Vāsittha được thấy là đang phạm tội Pārājika. sau khi nhìn thấy vị họ Vāsittha khác, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị họ Vāsittha phạm tội Pārājika đã bi ta thấy, ngươi không phải là Sa-m6n, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về đặc điểm nghĩa là có vị cao được thấy ...(nt).. Có vi lùn được thấy ...(nt)... Có vị đen được thấy ...(nt)... Có vị trắng được thấy là đang phạm tội Parajika, sau khi nhìn thấy vị trắng khác, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị trắng phạm tội Pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa- môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về tội vi phạm nghĩa là có vị được thấy là đang vi phạm tội nhẹ, nếu buộc tội vị ấy về tội Pārājika rằng: "Ngươi không phải là Sa- môn? ngươi không phải là Thích tử, ...(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về bình bát nghĩa là có vị mang bình bát đồng được thấy ..(nt)... Có vị mang bình bát đất được thấy ...(nt)... Có vị mang bình bát tráng men được thấy ...(nt).. Có vị mang bình bát đất loại bình thường được thấy là đang phạm tội Pārājika, sau khi nhìn thấy vị khác [cũng] mang bình bát đất loại bình thường, lại buộc tội rằnẹ: "Ngươi là vị mang bình bát đất loại bình thường phạm tội Pārājika đã bị ta thay, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về

y phục nghĩa là có vị mặc y parnsukūla được thấy ...(nt).. Có vị mặc y của gia chủ được thấy là đang phạm tội Pārājika, sau khi nhìn thấy vị khác [cũng] mặc y của gia chủ, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị mặc y của gia chủ phạm tội Pārậịika đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn9 ngươi không phải là Thích tử, ..(nt).. thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về thầy tế độ nghĩa là có người đệ tử của vị tên [như vầy] được thấy là đang phạm tội Pārājika, sau khi nhìn thấy người đệ tử khác của vị tên [như vầy], lại buộc tội rằng: "Ngươi là đệ tử của vi tên [như vầy] phạm tội Pārậịỉka đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt).. thi phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Điều nhỏ nhặt về thầy dạy học nghĩa là có người học trò của vị tên [như vầy] được thấy là đang phạm tội Pārājika. sau khi nhìn thấy người học trò khác của vi tên [như vầy], lại buộc tội rằng: “Nguôi là học trò của vi tên [như vày] phạm tội Pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ,..(nt)... thì phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về chỗ trú ngụ nghĩa là có vị ngụ ở chỗ trú ngụ của người tên [như vây] được thây là đang phạm tội Pārājika. sau khi nhìn thây vị khác [cũng] ngụ ở chỗ tru ngụ của người tên [như vầy], lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị ngụ ở chỗ trú ngụ của người tên [như vầy] phạm tội Pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha, lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng nỉta" thì phạm tội Saùghãdỉsesa theo từng lời nói. Ve tôi Pārāfika: Ve bát cư điêu nao thuộc ve bon điêu. Bôi nhọ: Hoặc là buộc tội, hoặc là cho người buộc tội. Chắc là ta có thể loại trừ vi ấy ra khỏi Phạm hạnh này: Ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi trạng thái Tỳ-khưu, ta có thể loại trừ [vi ấy] ra khỏi pháp Sa- môn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi giới uẩn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi đức tính khắc khổ. Sau đó, vào lúc khác: Đã bôi nhọ trong giây phút nào thì khi đã trải qua giây phút ấy, khoảng thời gian ấy, thời điểm ấy. Trong khỉ được hỏi: Đã bôi nhọ với sự việc nào thì đang được hỏi về sự việc ấy. Trong khi không được hỏi: Không được bất cứ ai đề cập đến. Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Sự kiện nhỏ nhát nào đó đã được nắm lấy: Điều nhỏ nhặt nào đó trong mười điều nhỏ nhặt ấy đã được nắm lấy. Và vi Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm: Tôi đã nói điều rỗng không, tôi đã nói điều dối trá, tôi đã nói điều không thật, tôi đã nói điều tôi không biết. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^ r 5. Vị Tỳ-khiru đang phạm tội Sañghādisesa bị nhìn thây. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội Sañghādisesa có sự ghi nhận là tội Sanghãdỉsesa. Nếu buộc tội vị ấy với tội Pārājika [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn5 ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha. lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng nữa,\ như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 6. Vị Tỳ-khiru đang phạm tội Sañghādisesa bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội Sañghādisesa có sự ghi nhận là tội Thullaccaya ...(nt).. có sự ghi nhận là tội Pãcỉttiya ...(nt).. có sự ghi nhận là tội Pātidesariīya ...(nt)... có sự ghi nhận là tội Dukkata ...(nt).. có sự ghi nhận ỉa tội Dubbhāsitā. Nếu buộc tội vị

ấy với tội Pārājika [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn5 ngươi không phải là Thích tử, như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói.

7. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội Thullaccaya ...(nt)... tội Pãcittiya ...(nt)... tội Pātidesañīya ...(nt).. tội Dukkata ...(nt).. tội Dubbhāsitā bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội Dubbhāsitā có sự ghi nhận là tội Dubbhāsitā. Nếu buộc tội vi ấy với tội Pārājika [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ..(nt)...như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 8. Vi Tỳ-khưu đang phạm tội Dubbhāsitā bi nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội Dubbhāsitā có sự ghi nhận là tội Sañghādisesa,...(nt)...dựa trên [cơ sở] tội Dubbhāsitā có sự ghi nhận là tội Thullaccaya. tội Pãcỉttiya, tội Pātidesanīya, tội Dukkata. Nếu buộc tội vi ấy với tội Pārājika [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha, lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. Sau khi thực hiện cho mỗi một nhân tố, nên thành lập sự luân phiên. 9. Vi Tỳ-khưu đang phạm tội Sañghādisesa bi nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội Sañghādisesa có sự ghi nhận là tội Sañghādisesa. Nếu cho người buộc tội vi ấy với tội Pārājika [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha, lễ Pavāranā. hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 10. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội Sañghādisesa bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] trên [cơ sở] tội Sañghādisesa có sự ghi nhận là tội Thullaccaya ... có sự ghi nhận là tội Pãcittiya ... có sự ghi nhận là tội Pātidesanīya ... có sự ghi nhận là tội Dukkata ... có sự ghi nhận là tội Dubbhāsitā. Nếu cho người buộc tội vi ấy với tội Pãrãịíka [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ..«nt).." như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Saúghãdisesa theo từng lời nói. 11. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội Thullaccaya bi nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa rên [cơ sở] tội Thullaccaya có sự ghi nhận là tội Thulỉaccaya ... có sự ghi nhận là tội Pãcittiya ... có sự ghi nhận là tội Pātidesañīya ... có sự ghi nhận là tội Dukkata ... có sự ghi nhận là tội Dubbhāsitā ... có sự ghi nhận là tội Sañghādisesa. Nêu cho người buộc tội vị ây với tội Pārājika [nói răng]: "Nguôi không phải là Sa-mQn, ngươi không phải là Thích tử, như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 12. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội Pãcittiya ... tội Pātidesañīya ... tội Dukkata ... tội Dubbhāsitā bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội Dubbhāsitā có sự ghi nhận là tội Dubbhāsitā ...(nt).. dựa trên [cơ sở] tội Dubbhāsitā có sự ghi nhận là tội Sañghādisesa ... có sự ghi nhận là tội Thullaccaya ... có sự ghi

nhận là tội Pācittiya ... có sự ghi nhận là tội Pātidesañīya ... có sự ghi nhận là tội Dukkata. Nêu cho người buộc tội vi ây với tội Pārājika [nói răng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha, lễ Pavāranā, hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội Sañghādisesa theo từng lời nói. 13. Vi buộc tội hoặc bảo [người khác] buộc tội theo như sự nhận biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học thứ nhì về vi xấu xa sân hận. —ooOoo—

3.10. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ CHIA RẼ HÔI CHÚNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đã đi đến gặp Kokâlika, Katamorakatissaka con trai của Khandadevī, và Samuddadatto; sau khi đến đã nói với Kokālika, Katamorakatissaka con trai của Khandadevī, và Samuddadatto điều này: Này các Đại dức, hãy đi. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Khi được nói như thế, Kokâlika đã nói với Devadatta điều này: Này Đại dức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại oai lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyên lãnh đạo được? Này các Đại dức, hãy đi. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ? sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nô lực băng nhiêu phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vi khất thực; vi nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vi ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, vi nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vi sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm t0i."

Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này. -Này Đại dức, với năm sự việc này thì có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Này Đại đức, bởi vì dân chúng có niêm tin với khô hạnh. 2. Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ5 sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ? sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vi khất thực; vi nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vi ây phạm tội. Cho đên trọn đời là các vị mặc y [may băng] vải bị quăng bỏ, vị nào

hoan hỷ y của gia chủ thì vị ây phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vi ấy phạm tội. -Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vi sống ở rừng; vị nào muôn thì cứ cư ngụ ở trong làng. Vị nào muôn thì hãy trở thành vi khát thực; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ việc thỉnh mời. Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y [may bằng] vải bi quăng bỏ; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ y của gia chủ. Này Devadatta, Ta cho phép chỗ tru ngụ là gốc cây trong tám tháng. Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện là: Không thấy, không nghe và không nghi ngờ. Khi ấy, Devadatta [biết rằng]: uĐức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này99, trở nên mừng rỡ, phân chân, cùng phe cánh từ chô ngôi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 3 Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc: Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đên gặp Sa-môn Gotama và đã yêu câu năm sự việc: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ..(nt).. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tộiy Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi sẽ thọ trì và thực hành năm sự việc này. ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: Các Sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn r Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đên việc xa hoa.

256 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Còn những người nào có đức tin, mộ dạo, sáng suốt, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh dạo?” 4. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khmi nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyên lãnh đạoT' Sau đó? các vi Tỳ-khmi ây đã trình sự việc ây lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Devadatta, nghe nói ngươi ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh dạo, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rô dại, thật không đúng đan, ...(nt)... Này kẻ rô dại, vì sao ngươi lại ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào ra sức chìa rẽ hội chủng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đên chia rẽf roi loan truyền, chấp giữ, vị Tỳ-khưu ây nên được nỏi bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chủng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽf rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chủng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc25 thì sống được an lạc.' Và khi được các Tỳ-khưu nói như vây mà vỉ Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vỉ Tỳ~khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ẩy. Nếu được nhắc nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc ây, như thê việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesay 5. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là Tỳ-khưu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng tru được thiết lập trong cùng ranh giới. Ra sức chia rẽ: Vị [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để

những người này trở thành khác biệt, trở thành tách biệt, trở thành phe Iìh6m?" Rồi tầm cầu phe cánh, kết hợp nhóm bọn. Hoặc là cuộc tranh tụng dưa đến chia rẽ: Là mười tám sự việc làm chia rẽ.26 Nắm lấy: Là chọn lấy. Loan truyền: Là khơi lên.

25 Chung sự đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha) đang được hiện hành (VìnA. ni. 608). 26 Xem TTTDPGVN, tập 11, tr. 447; TTPV, tập 4, Mv. ỉ, chương x, Kosambī, tr. 325.

Chấp giữ: Là không chịu từ bỏ. Vi Tỳ-khini ấy: Là vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng. Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khiru khác. Các vị nào thây, các vị nào nghe, các vị ây nên nói răng: í4Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi CQ, chung một nguyên tắc thì sống được an lạc.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ? như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vi sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng, rồi nên được nói rằng: “Bại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhát, hoặc năm lây cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi CQ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu ấy nên được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhác nhở như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khiru có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhăc nhở vi Tỳ-khiru tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lòd đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khiru này tên [như vầy], ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vi Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khiru tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đê dứt bỏ sự việc ây xin im lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ây. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này la như vay.“ Tội Dukkata do lời đề nghị. Các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi cham dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội Sañghādisesa.

258 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Đối với vị vi phạm tội Sañghādisesa, thì tội Dukkata do lời đề nghi và các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực. Tội Sañghādisesa:...(nt)..

cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^ 6. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lam] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata, 7. Vi chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vo tôi. Dứt điều học thứ nhất về chia rẽ hội chúng. —ooOoo—

3.11. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ CHIA RẾ HÔI CHÚNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Các Tỳ-khiru đã nói như vầy: Devadatta là người nói sai pháp, Devadatta là người nói sai luật. Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo vậy? Khi được nói như thế, Kokālika, Katamorakatissaka con trai của Khandadevī, và Samuddadatto đã nói với các vi Tỳ-khưu ây như vây: Các Đại đức chớ có nói như thế. Devadatta là người nói đúng pháp. Devadatta là người nói đúng luật. Devadatta năm được và phát biêu vê ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa, điêu ây hợp ý chúng tôi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, các Tỳ-khưu lại là những kẻ ủng hộ, tức là những kẻ tuyên bố ly khai?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? nghe nói trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, các Tỳ-khưu lại là những kẻ ủng hộ, tức là những kẻ tuyên bố ly khai, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, những kẻ rồ dại ấy lại là những kẻ ủng hộ9 tức là những kẻ tuyên bố ly

khai vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Cdc Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ của chỉnh vi Tỳ-khưu ấy, tức là những kẻ tuyên bổ ly khai, dầu là một vi, hoặc hai v/, hoặc ba vi, và các vị ấy nói như vay: 'Các Đại đức chớ có nói bát cứ điêu gì vê vi Tỳ-khưu này. Vi Tỳ-khưu này là người nói đúng Pháp. Vi Tỳ-khưu này là người nói đủng Luật, Vi Tỳ-khưu này nắm được rồi phát biểu về ước muôn và điều thích ỷ của chủng tôi, vỉ ấy hiểu và nói cho chủng tôi; hơn nữa, điều ấy hợp ỷ chủng tôi.f Các vi Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khiru như vầy: 'Các Đại đức chớ có nói như thế. Vỉ Tỷ-khưu này không phải là người nói đúng Pháp. Vi Tỳ-khưu này không phải là người nói đủng Luật, Các Đại đức chớ có thích ỷ ve việc chia rẽ hội chúng. Các Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chủng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sổng được an lạc.' Và khỉ được các Tỳ-khưu nói như vậy mà các vị Tỳ-khưu ây vân châp giữ y như thê, thì các vi Tỳ-khtru ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần

thứ ba mà dứt bỏ việc ấyf như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa^ 2. Của chính vi ấy: Là của chính vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng. Các Tỳ-khưu là: Các vi Tỳ-khưu khác là. Những kẻ ủng hộ: [Vi chia rẽ hội chúng] có quan điểm gi, có điều mong mỏi gì, có sự thích ý gì thì các vị ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mỏi ấy, có sự thích ý ấy. Những kẻ tuyên bố ly khai: Là những vị đứng trong phe, trong nhóm của vị ấy. Một vi, hoặc hai vị, hoặc ba vi: Là một vi, hoặc hai vị, hoặc ba vị, và các vị ấy noi như vấy: "Các Đại đức chơ có nói bất cứ điều gì về vị Tỳ-khưu này. Vị Tỳ-khtru này là người nói đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu này là người nói đúng Luật. Vị Tỳ-khưu này nam được roi phát biểu ve ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa điều ấy hợp ý chúng t6i." Các vị Tỳ-khưu ấy: Các vị Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ. Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vi ấy nên nói rằng: "Các Đại đức chớ có nói như thế. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng pháp. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng luật. Các Đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì song được an lạc." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [các vi ấy] dứt bỏ, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Các vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được

nói răng: "Các Đại đức chớ có nói như thê. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng pháp. Vi Tỳ-khiru này không phải là người nói đúng luật. Các Đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhát, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tăc, thì sống được an lạc." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [các vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khiru nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chủng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] là những kẻ ủng hộ của Tỳ-khưu tên [như vầy], đang ra sức chia rẽ hội chủng, tức là những kẻ tuyên bo ly khai. Các vi ẩy không dứt bỏ sự việc ấy. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chủng, hội chủng nên nhắc nhở các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chủng hãy lang nghe tôi. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vay] là những kẻ ủng hộ của Tỳ-khĩm tên [như vầy], đang ra sức chia rẽ hội chủng, tức là những kẻ tuyên bo ly khai. Các vỉ ấy không dứt bỏ sự việc ây. Hội chúng nhác nhở các Tỳ-khim tên [như vây] và tên [như vây] để dứt bỏ sự việc ấy, Đại đức nào đồng ỷ việc nhắc nhở các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xỉn ỉm lặng; vỉ nào không đồng ý có the nói lên. Tôi xỉn thông báo sự việc này lần thử nhì. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chủng nhắc nhở đe dứt bỏ sự việc ẩy, Sự việc được hội chủng đong ỷ nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vây." Tội Dukkata do lời đề nghị. Các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi

chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Đối với các vi vi phạm tội Sañghādisesa. thì tội Dukkata do lời đề nghị và các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực. Hai, ba vị nên được nhác nhở chung [một lượt], không nên nhác nhở nhiêu hơn sô lượng đó. Tội Sañghādisesa: ...(iìt)... cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa"' 3. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, các vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, các vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa, Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, các vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lâm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkaịa.

3. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 261

4. Các vi chưa được nhắc nhở, các vị dứt bỏ, các vi có tâm bị rối loạn, các vi bi thọ khổ hành hạ, các vị bị điên, các vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học thứ nhì về chia rẽ hội chúng. —ooOoo—

3.12. ĐIỀU HỌC VỀ Sự KHÓ DẠY 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa hành xử sai nguyên tắc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này Đại đức Channa, chớ có làm điêu như vậy. Việc ây không được phép. Vị ấy đã nói như vầy: Này các Đại đức, điều gì khiến các ngươi nghĩ là tôi cần được dạy bảo? Chính tôi mới nên dạy bảo các ngươi. Đức Phật là của chúng tôi, giáo pháp là của chúng tôi, giáo pháp đã được thấu suốt bởi ngài Thái tử của chúng tôi. Cũng giống như cơn gió mạnh thổi qua thì gom tụ cỏ, củi, lá cây, và rác rưởi đó đây chung lại thành đống; hoặc cũng giống như dòng sông phát xuất từ ngọn núi thì gom tụ các loại rong rêu chung lại thành đống; tương tợ như thế, các ngươi có tên khác nhau, có họ khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có gia tộc khác nhau đã được xuất gia và quy tụ chung lại. Điều gì khiến các ngươi nghĩ là tôi cần được dạy bảo? Chính tôi mới nên dạy bảo các ngươi. Đức Phật là của chúng tôi, giáo pháp là của chúng tôi, giáo pháp đã được thấu suốt bởi ngài Thái tử của chúng tôi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp, Đại đức Channa lại tỏ ra ương ngạnh?^, Sau đó, các vị Tỳ-khxru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Channaṃ nghe nói trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp, ngươi lại tỏ ra ương ngạnh, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp, ngươi lại tỏ ra ương ngạnh vậy? ...(nt)...Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Ngay cả vỉ Tỳ-khưu có bản tánh khó dạy, trong khỉ được dạy bảo bởi các Tỳ-khưu về các điều học thuộc về Giới bắn lại tỏ ra ương ngạnh: 'Các Đại đức chớ có nói bất cứ điều gì đến tôi, dầu là tốt hay là xấu; tôi cũng sẽ không nói bất cứ điều gì đen các Đại dức, dầu là tốt hay là xấu. Các Đại đức hãy kem che lại việc đe cập đến tôi.' Vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy:

'Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, Đại đức hãy tỏ ra là người dê dạy. Đại đức hãy dạy bảo các Tỳ-khưu đúng theo pháp, các Tỳ-khưu cũng sẽ dạy bảo Đại đức đúng theo pháp; bởi vì như vây, hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau.' Và khỉ được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu mà vi Tỵ-khưu ây vân châp giữ y như thê, thì vi Tỵ-khim ây nên được các Tỳ-khưu nhác nhở đên lân thứ ba đê dứt bỏ việc ây. Nêu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thể, việc này ỉa tót đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesay 2. Ngay cả vi Tỳ-khưu có bản tánh khó dạy: Là vị khó dạy, là hội đủ các đức tính làm cho vị ấy trở thành khó dạy, không nhẫn nhịn, không nghiêm chỉnh thọ nhận sự giáo huấn. về các điều học thuộc về Giới bổn: về các điều học thuộc về Giới bổn (Pãtimokkhă). Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Đúng theo pháp nghĩa là điều học nào đã được đức Thế Tôn quy định, điều ấy nghĩa là đúng theo pháp. Khi được dạy bảo với điều ấy, lại tỏ ra ương ngạnh: "Các Đại đức chớ có nói bất cứ điều gì đến tôi, dầu là tốt hay là xấu; tôi cũng sẽ không nói bất cứ điều gì đến các Đại đức, dầu là tốt hay là xấu. Các Đại đức hãy kem chê lại việc đê cập đên toi. Vị Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khmi có bản tánh khó dạy. Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thay, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Dại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, Đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các Tỳ-khưu đúng theo pháp, các Tỳ- khưu cũng sẽ dạy bảo Đại đức đúng theo pháp; bởi vì như vậy, hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vi sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu ây nên được kéo đên giữa hội chúng và nên được nói răng: “Dại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, Đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các Tỳ-khim đúng theo pháp, các Tỳ-khưu cũng sẽ dạy bảo Đại đức đúng theo pháp; bởi vì như vậy, hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau/9 Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khưu ây nên được nhác nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lẳng nghe tôi. Vỉ Tỳ-khưu này tên [như vay], trong khi được các Tỳ-khiru dạy bảo đúng theo pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy, Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội

chúng nên nhác nhở vi Tỳ-khưu tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc áy. Đây là lời đề nghỉ. Bạch các ngài, xỉn hội chủng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khmì này tên [như vầy], trong khỉ được các Tỳ-khưu dạy bảo đủng theo pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vi ấy không dứt bỏ sự việc ấy, Hội chúng nhắc nhở vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đe dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đong ỷ việc nhắc nhở vỉ Tỳ-khưu tên [như vay] đê dứt bỏ sự việc ây xin ỉm lặng; vị nào không đông ỷ có thê nói lên. Tôi xỉn thông bảo sự việc này lần thứ nhi. ...(rư)... Tôi xỉn

thông báo sự việc này lan thứ ba, ...(ní). Vị Tỳ-khưu tên [như vây] đã được hội chủng nhác nhở đê dứt bỏ sự việc ây. Sự việc được hội chủng đong ỷ nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vây.9' Tội Dukkata do lời đề nghị. Các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội Sarighādisesa. Đoi với vị vi phạm tội Sañghādisesa. thì tội Dukkata do lời đề nghị và các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực. Tội Sañghādisesaz ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay 3. Hành sự đúng pháp, nhận biêt là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lam] txrởng là hành sự sai pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp,...(nt).. phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, ...(nt).. phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, ...(nt).. phạm tội Dukkata. 4. Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về sự khó dạy. —ooOoo—

3.13. ĐIỀU HỌC VÈ VỊ LÀM HƯ HỎNG CÁC GIA ĐÌNH 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường tru27 tại Kītāgiri (núi Kītā) là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tác có hình thức như vây: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ

27 Được gọi là uvị thường trú" (āvāsika), nghĩa là có chỗ trú ngụ (āyāso) thuộc về các vị ấy; chỗ trú ngụ được gọi trú xá (vihārā). Tại nơi ấy, những vị thường trú nào có trách nhiệm làm mới, sưa chữa những chỗ cũ kỹ, v.v... thì được gọi là āvāsika, còn vị chỉ thuần túy cư ngụ thôi thì gọi là nevãsika. ở đây, các vị này là các vị ãvãsika (VinA. III. 613).

khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu tho, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu tho, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một CÓC, ngôi chung trên một chô ngôi, năm chung trên một giường, năm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tâu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tâu dàn, vui đùa cùng với

người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ băng tay, họ chơi trò sáp ngửa, họ chơi trò thôi kèn băng lá cây, họ chơi trò uôn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi băn cung, họ chơi trò đô chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi nói với cô vũ nữ như vầy: “Này cô em, hãy nhảy múa ở đây9\ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. 2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kâsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kītāgiri. Khi ây, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ây đã mặc y, câm y bát và đi vào vùng Kītāgiri để khất thực. Vi ấy với mắt nhìn xuống, thành tựu các oai nghi, tạo được niềm tịnh tín khi đi tới, bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói như vầy: -Người này là ai mà trông giống như kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngân vậy? Khi gã đi đên, ai mà chịu bô thí đô ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói

năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có hợm hĩnh, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đâu câu chuyện; chính vì thê, đô ăn khát thực nên được cúng dường đến các ngài. CÓ nam cư sĩ nọ đã nhìn thây vị Tỳ-khiru ây đang đi khát thực ở vùng Kītāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vi Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy? Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được. Thưa ngài, xin thỉnh. Chúng ta sẽ đi vê nhà. 3. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã dẫn vị Tỳ-khưu ấy về nhà, dâng thức ăn và đã nói điều này: Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu? Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, như thế thì xin ngài đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: "Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kītāgiri đã bị hủ hóa. Các vi nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tác có hình thức như vây: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trông, ...(nt).. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây, giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khiru tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay! Nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khiru đến vùng Kītāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kītāgiri có thể tồn tại." 4. - Này đạo hữu, được rồi. Vi Tỳ-khưu

ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatthi. Tuần tự, vi ấy đã đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Điều này đã là thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vi Tỳ-khưu ấy điều này: Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến, đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy? Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, con đi đường xa không mệt lắm. 5. Bạch Ngài, con đây đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Ksi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã tru tại vùng Kītāgiri. Bạch Ngài, khi ây, vào buôi sáng, con đã mặc y, câm y bát, đi vào vùng Kītāgiri đê

khất thực. Bạch Ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy con đang đi khất thực ở vùng Kītāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần con, sau khi đến đã đảnh lễ con và đã nói điều này: "Thua ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vay?" "Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận duve." "Thua ngài, xin thỉnh. Chúng ta sẽ đi về nhà." Bạch Ngài, khi ây, nam cư sĩ ây đã dân con vê nhà, dâng thức ăn, roi đã nói điều này: "Thua ngài, ngài sẽ đi đâu?^ uNày đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế T6n." "Thua ngài, như thế thì xin ngài đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: 'Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kītāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khiru tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, ...(nt).. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niêm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mát niêm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây, giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra di, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay! Nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kītāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kītāgiri có thể tồn Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến. 6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tác có hình thức như vây: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trông, ..(nt).. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Những người trước đây mộ đạo, có niêm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mát niêm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây, giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: 7. Này các Tỳ-khiru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại hành xử sai nguyên tắc có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đau, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ

làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, họ

đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu tho, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyên, xức nước hoa và phân thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tâu dàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu dàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lôi săp vòng tròn, họ chơi lôi rút quân cờ? họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sáp ngửa, họ chơi trò thôi kèn băng lá cây, họ chơi trò uôn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau băng các năm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà, roi nói với cô vũ nữ như vầy: "Này cô em, hãy nhảy múa ở day", họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. 8. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Sau khi đã khiển trách, đức Thế Tôn đã nói pháp thoại, rồi bảo Sāriputta và Moggallâna rằng: Này Sāriputta và Moggallâna, hai ngươi hãy đi đến vùng Kītāgiri, rồi hãy thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khim nhóm Assaji và Punabbasuka, các vị này là những đệ tử của hai ngươi.28 Bạch Ngài, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ5 làm thế nào chúng con thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu ấy được? Này Sāriputta và Moggallãna, chính vì điều ấy, hai ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu. Bạch Ngài, xin vâng. Sāriputta và Moggallãna đã trả lời đức Thế Tôn.

28 Ngài Buddhaghos^a cho biết rằng: Hai Tỳ-khưu này [và luôn cả bốn vị còn lại, đứng đầu nhóm Lục Sư] đều đã được xuất gia với hai vị tối thượng Thinh van này, đã sống nương nhờ tròn đủ 5 năm và có học thuộc lòng các tiêu đề mātikā (VinA. III. 614).

9. Và này các Tỳ-khưu9 nên thực thi như vầy: Trước hết, các Tỳ-khiru nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác đinh tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành đỘYiệ sai trái. Những hành động sai trái của các vi này không những được nhìn thây mà còn được nghe đon nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì các vỉ này không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chủng, hội chủng nên thực thỉ hành sự xua đuổi ra khỏi vung Kītāgiri đoi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng KītāgirL 'Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chủng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khicu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành độnệ sai trải. Những hành động sai trái của các vỉ này không những được nhìn thay mà còn được nghe đon nữa. Các gia đình bỉ hư hỏng vì các vi này không những được nhìn thay mà còn được nghe đon nữa. Hội chúng thực thỉ hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đoi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Asscỳỉ và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kĩtãgỉrỉ.' Đại đức nào đồng ỷ việc thực thỉ hành sự xua đuối ra khỏi vùng Kĩtâgỉrỉ đoi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khim nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kĩtãgỉrỉ 'xỉn ỉm lặng; vỉ nào không đong ỷ có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(ní)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba, ...(nt). Hành sự xua đuôi ra khỏi vùng Kĩtãgiri đôi với các Tkhưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri' đã được hội chúng thực thù Sự việc được hội chúng đong ỷ nên mới ỉm lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vây." Sau đó, hội chúng Tỳ-khưu dẫn đầu là Sāriputta và Moggallãna đã đi đến vùng Kītāgiri, và đã thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: "Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khônệ được cư ngụ tại vùng Kĩ^giri." Khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các vi ấy không làm bon phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bôn phận đê sửa đôi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu: Do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi. Họ bị sa đọa, họ bỏ di, họ hoàn tục. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi lại không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không

làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ lại măng chửi, họ lại nói xâu: Do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vi vì ghét, do có sự thiên vi vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi. Họ bi sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục?" li.29 Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình bày sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không làm bổn phận một

cách nghiêm chỉnh, ...(nt)... họ hoàn tục, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, lại không làm bôn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ- khưu hài lòng, họ lại mắng chửi, họ lại nói xấu: Do có sự thiên vi vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi. Họ bi sa đọa, họ bỏ di, hoàn tục vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: ^Vị Tỳ-khưu sổng nương tựa vào ngôi làng hoặc thi trấn nọ là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trải. Những hành động sai trái của vi ấy khônệ những được nhìn thấy mà còn được nghe đon nữa. Các gia đình bi hư hỏng vì vị ấy không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa, Vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỷ-khưu như vầy: 'Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đon nữa. Các ệia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thay mà còn được nghe đon nữa. Đại đức hãy rời khỏi trủ xứ này, sự cư trủ ở đây đoi với Đại đức đã đủ roi!' Và khi được nói như the bởi các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy lại nói với các Tỳ-khưu ấy như vầy: 'Các Tỳ-khưu cỏ sự thiên vi vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vỉ vì si mê, có sự thiên vi vì sợ hãi, cùng với tội như nhau, họ lại xua đuối vị này, họ lại không xua đuôi vi kia.' Vỉ Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Đại đức chớ có nói như the. Các Tỳ-khĩm không có sự thiên vi vì thương, không có sự thiên vỉ vì ghét, không có sự thiên vị vì sỉ mêf không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bỉ hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đoi với Đại đức đã đủ roi!' Và khi được các Tỳ-khưu nói như vậy mà vi Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vi Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ

29 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pali (không có số 10), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

việc ấy. Nêu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấyf như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa^ 12. Vi Tỳ-khưu [sống nương tựa] vào ngôi làng hoặc thỉ trấn nọ: Là r jF r ngôi làng, là thị trân, là thành phô, là ngôi làng và luôn cả thị trân. Sống nương tựa: Các vật dụng là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh là phụ thuộc vào nơi ấy. Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la- môn5 gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Kẻ làm hư hỏng các gia đình: Là kẻ làm các gia đình trở thành hư hỏng với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tắm, hoặc với đất sét, hoặc với gỗ chà răng, hoặc với tre, hoặc bằng cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin. Có hành động sai trái: Vị trồng bông hoa, vị bảo kẻ khác trồng, vị tưới bông hoa, vị bảo kẻ khác

tưới, vị hái bông hoa, vị bảo kẻ khác hái, vị kết lại bông hoa, vị bảo kẻ khác kết lại. Không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa: Những ai có mặt thì nhìn thấy, những ai vắng mặt thì nghe. Các gia đình bi hư hỏng vì vi ây: Trước kia, họ mộ đạo, vì vi ây, họ trở nên không còn mộ đạo. Họ đã có niềm tin trở thành không có niềm tin. Không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa: Những ai có mặt thì nhìn thay, những ai vang mặt thì nghe. Vi Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình. Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vi Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trói của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bi hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thây mà còn được nghe đôn nữa. Đại đức hãy rời khỏi tru xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ r§i!" Và Idii được các Tỳ-khưu nói như thê, vị Tỳ-khxru ấy lại nói vód các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Các Tỳ-khưu có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi, cùng với tội như nhau, các vị lại xua đuổi vị này, các vi lại không xua đuổi vị kia.” Vi Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu được thực thi hành sự. Bởi các Tỳ-khini: Là bởi các vị Tỳ-khiru khác. Các vị nào thay, các vi nào nghe, các vi ấy nên nói rằng: "Dại đức chớ có nói như thế. Các Tỳ-khưu không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vi vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thây mà còn được nghe đôn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ rồir Nên được nói

đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vi sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khiru ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được nói rằng: "Dại đức chớ có nói như thế. Các Tỳ-khưu không có sự thiên vi vì thương, không có sự thiên vi vì ghét, không có sự thiên vi vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bi hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ roi!99 Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ- khưu ấy nên được các Tỳ-khiru nhắc nhở. Và này các Tỳ-khxru, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khmi có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xỉn hội chủng hãy lắng nghe tôi. Vỉ Tỳ-khưu này tên [như vầy], khi được hội chúng thực thỉ hình phạt xua đuổi lại lên án các Tỳ-khưu có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vỉ vì ghét, có sự thiên vỉ vì si mêf có sự thiên vi vì sợ hãi. Vỉ ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chủng, hội chúng nên nhắc nhở VỊ Tỳ-khưu tên [như vay] đe dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghi

Bạch các ngài, xin hội chủng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], khi được hội chúng thực thỉ hình phạt xua đuổi lại lên án các Tỳ-khưu có sự thiên vỉ vì thương, có sự thiên vỉ vì ghét, có sự thiên vi vì sỉ mê, có sự thiên vi vì sợ hãi Vi ây không dứt bỏ sự việc ây. Hội chúng nhác nhở vi Tỳ-khiru tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây. Đại đức nào đông ỷ việc nhác nhở vỉ Tỳ-khưu tên [như vay] đe dứt bỏ sự việc ấy xin ỉm lặng; vi nào không đong ỷ có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt)... Tôi xỉn thông báo sự việc này lan thứ ba. ...(nt). Vị Tỳ-khưu tên [như vây] đã được hội chủng nhác nhở đê dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chủng đong ỷ nên mới ỉm lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vây." 13. Tội Dukkata do lời đề nghị. Các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Đối với vi vi phạm tội Sañghādisesa. thì tội Dukkata do lời đề nghị và các tội Thullaccaya do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực. Tội Sañghādisesa: Chỉ có hội chúng, không phải một số vị, không phải một cá nhân, ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy, cho thực hành lại từ dầu, ban cho hình phạt Mãnatta. cho giải tội; vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^

Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; cũng vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^ 15.3Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lam] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. 16. Vi chưa được nhắc nhở, vi dứt bỏ, vi bị diên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về vị làm hư hỏng các gia đình. —ooOoo— 17. Bạch chư Đại đức, mười ba điều Sañghādisesa đã được đọc tụng xong, chín điều bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, bốn điều [khi được nhác nhở] đến lần thứ ba. Vị Tỳ-khưu vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này và che giấu biết được bao nhiêu ngày thì vị Tỳ-khưu ấy phải chịu hình phạt Parỉvãsa không theo ý muốn bấy nhiêu ngày. Vị Tỳ-khưu đã trải qua hình phạt Parivãsa nên thực hành thêm sáu đêm Mânatta dành cho Tỳ-khiru. Vị Tỳ-khưu có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất thì vi Tỳ-khưu ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng Tỳ-khưu nhóm hai mươi vị. Nếu hội chúng Tỳ-khưu nhóm hai mươi vị chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị Tỳ-khưu ấy thì vị Tỳ-khưu ấy chưa được giải tội và các Tỳ-khưu ấy bi khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt chương Mười ba pháp. —ooOoo—

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY Sự xuất ra [tinh dịch], việc xúc chạm cơ thể, [nói lên] lời thô tục, tình dục cho bản thân, mai mối, liêu cốc, tru xá, và không có nguyên cớ. Điều nhỏ

nhặt nào đó, sự chia rẽ [hội chúng], những kẻ ủng hộ vị ấy, vị khó dạy và làm hư hỏng các gia đình là mười ba điêu học Sañghādisesa. Dứt chương Sañghādisesa. —ooOoo— 30 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pãli (không có số 14), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

4. CHƯƠNG Ānīyata

Bạch chư Đại dức, hai điều Ānīyata này được đưa ra đọc tụng.

4.1. ĐIỀU HỌC Ānīyata thứ nhất 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là vị thường tới lui với r \ r các gia đình và đi đên nhiêu gia đình ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, người con gái của gia đình hộ độ Đại đức Udāyi đã được gả cho người con trai của gia đình nọ. Khi ấy, vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, đi đến gia đình ây, sau khi đên đã hỏi mọi người răng: -Cô gái tên [như vầy] ở đâu? -Thưa ngài, cô ấy đã được gả cho người con trai của gia đình kia rồi. 2. Và gia đình ấy cũng là người hộ độ cho Đại đức Udāyi. Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã hỏi mọi người rằng: Cô gái tên [như vầy] ở đâu? Thưa ngài, cô ấy ngồi ở phòng trong.

Khi ây, Đại đức Udāyi đã đi đên gặp người con gái ây, sau khi đên đã cùng với người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, tùy lúc thì tâm sự, tùy lúc thì nói pháp.1 3. Vào lúc bây giờ, bà Visākhā, mẹ của Migâra có nhiêu con trai, có nhiêu cháu trai,2 có các con trai không bệnh tật, có các cháu trai không bệnh tật, được xem là điều đại kiết tường. Trong những dịp te lễ, hội hè, đình đám, dân chúng thường un tiên mời bà Visākhā, mẹ của Migâra dự tiệc. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migâra được thỉnh mời nên đã đi đến gia đình ấy. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nhìn thây Đại đức Udāyi cùng với người con gái ây? một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Udāyi điều này: "Thua ngài, điều này là không thích hợp, là không đúng đắn. Là việc ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động. Thưa

1 Xem xét khi nào không có ai qua lại thì hỏi han chuyện gia đình: "Chắc J cô hạnh phúc? Chắc là cô không bị mệt nhọc? Chác là cô không bị d6i?" v.v... Khi nào có ai đi lại gần thì nói pháp: "Nên thọ bát quan trai giai. Nen dâng thức ăn the&thg." v.v... (VinA. III. 631). 2 Ngài Buddhaghosa giải thích là bà Visākhā có 10 người con trai và 10 người con gái. Mỗi người con trai hoặc gái co 20 người con. Tổng cộng bà có hơn 420 người con cháu (VinA. ni. 631).

ngài, mặc dầu ngài Đại đức không có ước muốn gì đến chuyện ấy, tuy nhiên, những người không có niềm tin thì khó mà thuyết phục m." 4. Tuy được rbà Visākhā, mẹ của Migâra nói như thê, Đại đức Udāyi đã " 7

không lưu tâm đên. Sau đó, bà Visākhā, mẹ của Migâra đã ra vê và đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khun. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai

rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành dong?55 5. Sau đó9 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chô ngôi kín đáo? được che khuất, thuận tiện cho hành động vậy? Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào cùng với người nữf một nam một nữ ngôi ở chô ngôi kín đảo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, có nữ cư sĩ có lời nói đảng tin cậy, sau khỉ thấy rồi tổ cáo vị ấy với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội Pārājika, hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tội Pâcittiya. [Nêu] vi Tỳ-khưu thủ nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội Pārājika, hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tội Pãcỉttiya; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đảng tin cậy ây tô cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ây theo tội ây, Đây là điêu Ānīyata^ 6. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là Tỳ-khưu59 được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa? không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão. Với: Cùng chung. Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khmi và người nữ. ,Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. Kín đáo đối với mắt nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. Kín đáo đối với tai nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường. Chỗ ngồi được che khuất: Là được che khuất bởi bức tường, hoặc bởi cánh cửa, hoặc bởi tâm màn, hoặc bởi tâm vách chăn, hoặc bởi cội cây, hoặc bởi cột nhà, hoặc bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì. Thuận tiện cho hành động: Là có thể thực hiện việc đôi lứa.

4. CHƯƠNG Ānīyata 275

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi thì vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần, khi vị Tỳ-khưu đang ngồi thì người nữ ngồi gan hoặc nằm gần, hoặc cả hai đang ngoi, hoặc cả hai đang nằm. Có lời nói đáng tin cậy nghĩa là người nữ đã chứng Thánh quả, đã thông suốt tứ diệu dế, đã hiểu rõ tam học: Giới, đinh, tuệ.3* Nữ cư sĩ nghĩa là người nữ đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ hội chúng. Sau khi thấy: Sau khi đã nhìn thấy. [Cô ấy] có thể tố cáo với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội Pārājika, hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tội Pãcittiya. [Nếu] vi Tỳ-khưu thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội Pārājika, hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tội Pãcittiya; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ấy theo tội ấy. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: “T6i đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Sịt thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không thực hiện việc đôi lứa" thì nên hành xử theo việc ngồi. Nấu cô ấy tố cáo như vầy: "T6i đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ9\ nếu vị ấy nói như

vầy: "Tôi đã không ngồi nhưng đã năm,, thì nên hành xử theo việc năm. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Tôi đã không ngồi nhưng đã dứng" thi không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vày: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc đôi lứa^ thì nên hành xử theo việc nam. ...(nt)... “T6i đã không nằm nhưng đã ng8i” thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt).. "T6i đã không nằm nhưng đã dứng" thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thê với người nữr”và vị ây thú nhận điêu ây thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt).. "Sự thật là tôi đã ngồi nhimg tôi đã không

3 Hai từ Abhisametãvinĩ và Viññātasāsanā được ghi nghĩa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa (VìnA. III. 632).

thực hiện việc xúc chạm cơ thể" thì nên hành xử theo việc nghi. ...(nt).. "T6i đã không ngồi nhưng đã thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... uTôi đã không ngồi nhưng đã dứng" thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ9\ và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... "Sự thật là tôi đã nằm nhxmg tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể” thi nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhimg đã ng8i" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không nam nhưng đã dứng" thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "T6i đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành dOng", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhimg đã nằm" thi nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã dứng" thi không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã nằm xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành dOng", và vị ây thú nhận điêu ây thì nên hành xử theo việc năm. ..(nt)... "T6i đã không nằm nhưng đã nghi” thì nên hành xử theo việc ngồi. ..(îìt).. "T6i đã không nằm nhưng đã dứng” thì không nên hành xử. Tội Ānīyata: Không chắc chan là tội Pārājika, hay là tội Sañghādisesa, hay là tội Pãcittiya. 7. Vi thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngôi xuông, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngôi. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuổng, không thú nhận tội thì không nên hành xử. Vi không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vi không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi. Vị không thú nhận việc đi đến,

không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử. Dứt điều học Ānīyata thứ nhất. —ooOoo—

4.2. ĐIỀU HỌC Ānīyata thứ nhì 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi [nghĩ rằng]: "Dức Thế

Tôn đã cấm đoán việc cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành d0ng" nên đã cùng với chính người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, tùy lúc thì tâm sự, tùy lúc thì nói pháp. Đen lần thứ nhì, bà Visākhā, mẹ của Migâra được thỉnh mời nên đã đi đến gia đình ấy. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migâra đã nhìn thấy Đại đức Udāyi cùng với chính người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Udāyi điều này: "Thua ngài, điều này là không thích hợp, là không đúng đắn. Là việc ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ ngôi ở nơi kín đáo. Thưa ngài, mặc dâu ngài Đại đức không có ước muốn gì đến chuyện ấy, tuy nhiên những người không có niềm tin thì khó mà thuyết phục Tuy được bà Visākhā, mẹ của Migãra nói như thế, Đại đức Udāyi đã không lưu tâm đến. 2. Sau đó, bà Visākhā, mẹ của Migãra đã ra vê và đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín âấoT' Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Và này các Tỳ-khiru? các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: “Hơn nữa, khi chô ngôi là không được che khuất, không thuận tiện cho hành động, nhưng thích hợp đe nói với người nữ bang những lời thô tục. Vi Tỳ- khmi nào ở cho ngồi có hình thức như thế cùng với người nữ, môt nam một nữ ngôi ở nơi kín đảo, cỏ nữ cư sĩ có lời nói đảng tin cậy, sau khỉ thây roi tô cáo vị ấy với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tội Pâcỉttỉya. [Nêu] vỉ Tỳ-khưu thủ nhận việc ngoi thì nên hành xử với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tôi Pãcỉttỉya; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đảng tin cây ẩy tô cảo với tội nào thì nên hành xử vỉ Tỳ-khưu ầy theo tội ây. Đây cũng là điêu Ānīyata^ 3 Hơn nữa, khi chỗ ngồi là không được che khuất: Là không được che khuất bởi bức tường, hoặc bởi cánh cửa, hoặc bởi tấm màn, hoặc bởi tấm vách chắn, hoặc bởi cội cây, hoặc bởi cột nhà, hoặc bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì. Không thuận tiện cho hành động: Là không thể thực hiện việc đôi lứa. Nhưng thích hợp để thốt ra với người nữ bằng những lời thô tục: Là có thể nói với người nữ bằng những lời thô tục.

Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(iit) Tỳ-khưu:...(nt).. Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. ở chỗ ngồi có hình thức như thế: ở chỗ ngồi y như thế ấy. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, khônệ phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục. Với: Cùng chung. Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và người nữ. ,Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. Kín đáo đối với mắt nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. Kín đáo đối với tai nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường. Ngôi: Khi người nữ đang ngôi thì vi Tỳ-khiru ngôi gân hoặc năm gân, khi vị Tỳ-khưu đang ngồi thì người nữ ngồi gần hoặc nằm gần, hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm. Có lời nói đáng tin cậy nghĩa là người nữ đã chứng Thánh quả, đã thông suốt tứ diệu đế, đã hiểu rõ tam học: Giới, định, tuệ. Nữ cư sĩ nghĩa là người nữ đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ hội chúng. Sau khi thấy: Sau khi đã nhìn thấy. [Cô ấy] có thể tố cáo với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội Sañghādisesa. hoặc là với tội Pãcỉttỉya, [nếu] vị Tỳ-khiru thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội Sañghādisesa, hoặc là với tội Pãcittiya; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ấy theo tội ấy. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "T6i đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Sịt thật là tôi đã ngôi nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ the" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã khônệ ngồi nhưng đã nằm,, thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt).. "Tôi đã không ngoi nhưng đã dứng" thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt).. "Sịt thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt).. "T6i đã không nằm nhưng đã ng8i" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã dứng" thì không nên hành xử.

4. CHƯƠNG Ānīyata « 279

Nêu cô ây tô cáo như vây: "Tôi đã nghe được răng, ngài Đại đức đã ngôi và đang nói với người nữ bằng những lời thô tục", và vi ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... “Sụ* thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không nói với người nữ bằng những lời thô tục" thi nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "T6i đã không ngồi nhưng đã nằm,, thì nên hành xử theo việc nằm..... (nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã dứng” thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã nghe được rằng, ngài Đại đức đã nằm và đang nói với người nữ băng những lời thô tục", và vị ây thú nhận điêu ây thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)..."Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không nói bằng những lời thô tục” thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt).. "Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... “T6i đã không nằm nhimg đã dứng" thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức cung với người nữ, một nam một nữ đã ngồi ở chỗ kín dáo", và vi ấy thú nhận điều ấy thì nên

hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)..."T6i đã không ngồi nhưng đã dứng" thì không nên hành xử. Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã nằm ở chỗ kín dáo", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc năm. ...(nt)... uTôi đã không năm nhưng đã ng6i" thì nên hành xử theo việc ngồi..... (nt)... "T6i đã không nằm nhimg đã dứng" thì không nên hành xử. Đây cũng là: Được gọi như thế vì có liên quan đến điều trước. Tội Ānīyata: Không chắc chắn là tội Sañghādisesa. hay là tội Pãcỉttiya. 4. Vi thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vi thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuông, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đên, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử. Vi không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngoi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đên, thú nhận việc ngôi xuồng, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngôi. Vị không thú nhận việc đi đên, không thú nhận việc ngôi xuông, không thú nhận tội thì không nên hành xử. Dứt điều học Ānīyata thứ nhì. —ooOoo—

280 * PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

5. Bạch chư Đại dức, hai điều Ānīyata đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tịnh trong vãn vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. —ooOoo—

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY [Nơi] thuận tiện cho hành động và tương tợ y như thế, về nơi không thuận tiện. [Hai] điều học Ānīyata đã khéo được quy định bởi đức Phật tối thượng như thế ấy. Dứt chương Ānīyata. —ooOoo—

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA

Bạch chư Đại đức, ba mươi điều Nỉssaggiya Pãcỉttỉya này được đưa ra đọc tụng.

5.1. PHẨM Y

5.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VÈ KATHINA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, ở tháp thờ Gotamaka. Vào lúc bấy giờ, ba y đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khiru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đi vào làng với ba y nọ, mặc ở trong tu viện với ba y khác, và đi xuống tắm với ba y khác nữa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ trội?,, Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, nghe nói các ngươi sử dụng y phụ trội, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng y phụ trội vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu nào sử dụng y phụ trội thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy định căn bản] 2. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: 'Không được sử dụng y phụ trội9 và y phụ trội này đã được phát sanh đên ta. Và ta có ý định dâng y này đên Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sâketa; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Sau đó? Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

282 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép cất giữ1 y phụ trội tối đa mười ngày. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: r \ 9 r “Khi vân đê y đã được dứt diêm đôi với vị Tỳ-khưuf tức là khi Kathỉna đã hét hiệu lực, y phụ trội được cát giữ tôi đa mười ngày. Vượt quả hạn ây thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya^2 [Sự quy đinh lần hai] 3. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bi cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bi tan vỡ. Khi Kathina đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề,3 hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.4 Tối đa mười ngày: Là được cất giữ nhiều nhất là mười ngày. Y phụ trội nghĩa là chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y5 [có kích thước] tối thiểu6 cần phải chú nguyện để dùng chung. Vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ: Đen lúc hừng đông ngày thứ mười một thì phạm vào tội Nỉssaggiya. [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngôi chôm hôm, chăp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng?9 Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và y đã xả bỏ nên được cho lại:

1 Động từ Dhāreti có nghĩa chính là "mang, mặc, v.v...,, nhưng để phù hợp với ngữ cảnh, từ dịch Việt đã được biến đổi ít nhiêu như là "cất giữ, sư dụng, v.v..." 2 Nissoggiya Pãcỉttiya có hai phần: Nỉssaggỉya liên quan đến đồ vật cần được xả bỏ, Pãcittiya là tội ưng đối ưí. 3 Tám tiêu đề (Mātika) về sự hết hiệu lực của Kathina: Do sư ra đi, do [y] được hoàn tất, do tự mình quyết đinh, do bị mất, do nghe được [tin], do sự tan vỡ của niềm mong moi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc (TTTDPGVN, tạp 11, tr. 328; TTPV,)5, Mv. II, chướng VII, tr. 116). 4 Hội chúng thực hiện hành sự thâu hồi, khiến Kathina hết hiệu lực (ND). 5 Sáu loại y: ''Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại

bang gai thô, loại bằng chỉ bổ" (TTTĐPGVN, tập 11, tr. 366; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, ư. 183). • 6 Chú nguyện để dùng chung: 4tNày các Tỳ-khiru, Tạ cho phép chú nguyện để dùng chung y [có kích thước] toi thiểu với chiều dài là tám ngón tay với chiều rộng la bốn ngon tay theo ngon tay tiêu chuẩn,, (TTTDPGVN, tập 11, tr. 384; TTPV, t|p 5, Mv, II, chương VIII, tr. 213).

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 283

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Y này thuộc vê vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào Nissaggiya đã được xả bỏ đen hội chúng. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại y này đến vị Tỳ-khưu tên [như v*y].” 4. Vị Tỳ-khiru ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại dức.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và y đã xả bỏ nên được cho lại: “Xin chư Đại đức hãy lắng nghe tôi. Y này thuộc về vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào tội Nỉssaggỉya đã được xả bỏ đến chư Đại đức. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại dức, chư Đại đức nên cho lại y này đen vị Tỳ- khưu tên [như vy].” 5. Vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến một vi Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến Đại đức.,, Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu ấy và y đã xả bỏ nên được cho lại: "Tôi cho lại Đại đức y này.,, 6. Khi quá hạn mười ngày, nhận biêt là đã quá hạn thì phạm tội Nỉssaggỉya Pâcittiya. Khi quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bi mất trộm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bi hư hỏng thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Khi không bị cháy, [lam] tưởng là đã bị cháy thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Y phạm vào tội Nissaggỉya. không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn mười ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội. 7. Trong thời hạn mười ngày, vi chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bi mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy di, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

284 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không cho lại y đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên không cho lại y đã

được xả bỏ; vị nào không cho lại thì phạm tội Dukkata. Dứt điều học thứ nhất về KaḶhina. —ooOoo—

5.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ KATHINA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khiru sau khi đã trao y tận tay các Tỳ-khưu, rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y [y vai trái].7 Các y ấy được để lại lâu ngày trở nên mốc meo. Các Tỳ-khira đem phơi nắng các y ấy. Đại đức Ānanda trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thây các Tỳ-khưu ây đang phơi năng các y ây, sau khi nhìn thây đã đi đên gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vi Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Đại đức, các y bi móc meo này là của vị nào vậy? Khi ây9 các vị Tỳ-khưu ây đã kê lại sự việc ây cho Đại đức Ananda. Đại đức Ānanda phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, lại ra di, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi trao y tận tay các Tỳ- khưu, rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy, sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu5 lại ra đi5 du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khiru? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi văn đê y đã được dứt diêm đôi với vị Tỳ-khưuf tức là khi Kathina đã hết hiệu lực, nếu vỉ Tỳ-khưu xa lìa [một trong] bay, dầu chỉ một đêm thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy định căn bản] 2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Kosambī bị bệnh. Các thân quyến đã phái người đưa tin đến gặp vi Tỳ-khưu ấy [nói rằng]: Ngài Đại đức hãy đi đến. Chúng tôi sẽ hộ độ.

7 Santaruttara = sa-^antara+uttara = sa+antaravãsaka+uttarasanga = với + y nội + thượng y (y vai trái).

Các Tỳ-khmi cũng đã nói như vầy: Này Đại đức, hãy đi. Các thân quyến sẽ hộ độ Đại đức. Vị ấy đã nói như vầy: Này các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: "Không được xa lìa ba y” và tôi thì bi bệnh nên không thể mang theo ba y mà ra đi được. Tôi sẽ không đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép ban cho sự đông ý vê việc không phạm tội vì xa lìa ba y đối với Tỳ-khxru bị bệnh. Và này các Tỳ-khiru? nên ban cho như vầy: Vi Tỳ-khưu bi bệnh ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi bị bệnh không thê mang theo ba y mà ra đi được. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Vi ấy thỉnh cầu hội

chúng sự đồng ý vê việc không phạm tội vì xa lìa ba y. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vi Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đã được hội chúng ban cho vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “Khi vân đê y đã được dứt diêm đôi với vị Tỳ-khưuf tức là khi Kathina đã hét hiệu lực, nêu vỉ Tỳ-khmi xa lìa [một trong] bay, dâu chỉ một đêm thì [y áy] nên được xả bỏ và [vi ấy] phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có sự đong ỷ của các Tỳ-khưuy [Sự quy định lần hai]

286 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

4. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bi cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ. Khi Kathina đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề, hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng. Nếu vi Tỳ-khưu xa lìa ba y, dầu chỉ một đêm: Nếu đã xa lìa hoặc là y hai lớp, hoặc là thượng y, hoặc là y nội, dầu chỉ một đêm. Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Thì [y ấy] nên được xả bỏ: Đen lúc hừng đông thì phạm vào tội Nissaggỉya. [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu5 nên được xả bỏ như vầy:...(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi đã xa lìa qua đêm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tôi xả bỏ y này đến hội chiing." ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại dức." 5. Làng một địa hạt, nhiều địa hạt; gia trang một địa hạt, nhiều địa hạt; trang trại một địa hạt, nhiều địa hạt; nhà mái nhọn một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà vuông một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà lớn một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà dài một địa hạt, nhiều địa hạt; chiếc thuyền một địa hạt, nhiều địa hạt; đoàn xe một địa hạt, nhiều địa hạt; cánh đồng một địa hạt, nhiều địa hạt; ruộng lúa một địa hạt, nhiều địa hạt; khu vườn một địa hạt, nhiều địa hạt; trú xá một địa hạt, nhiều địa hạt; gốc cây một địa hạt, nhiều địa hạt; khoảng không gian một địa hạt, nhiều địa hạt. 6. Làng một địa hạt nghĩa là làng thuộc vê một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở trong làng thì nên hiện diện trong làng. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó, hoặc là không nên rời khỏi tam tay.8 7. Làng thuộc về nhiều gia đình và được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó: ở trong phòng hội họp, hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tàm tay. Khi đi đến phòng hội họp, sau khi đã để y ở trong tầm tay thì nên hiện diện ở trong phòng hội họp hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tam tay. Sau khi đã đe y ở trong phòng hội họp, nên hiện diện ở trong phòng hội họp hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện

tại nhà đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 8. Gia trang thuộc về một gia đình là được rào lại và có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Sau khi đã để y ở trong gia trang thì nên hiện diện trong gia

8 Ngài Buddhaghosa giải thích là l hatthapāsa (tầm tay) = 2,5 ratana (VìnA. III. 652), và l ratana = 2 vidatthiyo (gang tay), l vidatthi = 12 lần bề rồng của ngón tay (VibhA. 343). Tài liêu The Buddhist Monastic Code cua Thanissaro Bhikkhu cho biết: l hatthapāsa = 1,25m.

trang. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tam tay. 9. Gia trang thuộc về nhiều gia đình là được rào lại và có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay, [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 10. Trang trại thuộc vê một gia đình và được rào lại, có nhiêu căn phòng, nhiều hậu phòng. Sau khi đã để y ở trong trang trại thì nên hiện diện trong trang trại. [Nêu] không được rào lại, y đã được đê ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 11. Trang trại thuộc về nhiều gia đình và được rào lại, có nhiều căn phòng, nhiêu hậu phòng. Y đã được đê ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó9 hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 12. Nhà mải nhọn thuộc về một gia đình*. Sau khi đã để y ở trong nhà mái nhọn thì nên hiện diện trong nhà mái nhọn. Nhà mái nhọn thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được đe ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 13. Tòa nhà vuông thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong tòa nhà vuông thì nên hiện diện trong tòa nhà vuông. Tòa nhà vuông thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 14. Tòa nhà lớn thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong tòa nhà lớn thì nên hiện diện trong tòa nhà lớn. Tòa nhà lớn thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được đe ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 15. Tòa nhà dài thuộc vê một gia đình. Sau khi đã đê y ở trong khu nhà dài thì nên hiện diện trong khu nhà dài. Tòa nhà dài thuộc về nhiều gia đình là có nhiêu căn phòng, nhiêu hậu phòng. Y đã được đê ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. 16. Chiêc thuyên thuộc vê một gia đình: Sau khi đã đê y ở trong chiêc thuyền thì nên hiện diện trong chiếc thuyền. Chiếc thuyền thuộc về nhiều gia đình là có nhiêu căn phòng, nhiêu hậu phòng. Y đã được đê ở trong hậu phòng

nào thì nên hiện diện trong hậu phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tâm tay. 17. Đoàn xe thuộc về một gia đình: Sau khi đã để y ở trong đoàn xe thì không nên rời xa phía trước hoặc phía sau quá bảy abbhantara^ không nên xa rời phía bên hông quá một abbhantara. Đoàn xe thuộc vê nhiêu gia đình: Sau khi đã đê y ở trong đoàn xe thì không nên rời xa khỏi tâm tay. 18. Cảnh đồng thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong cánh đồng thì nên hiện diện bên trong cánh đồng. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. Cảnh đồng thuộc về nhiều gia đình và được rào lại, sau khi đã đê y ở bên trong cánh đông thì nên hiện diện bên trong cánh đông hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tâm tay. [Nêu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tam tay. 19. Ruộng lua thuộc về một gia đĩnh và được rào lại, sau khi đã để y bên trong ruộng lúa thì nên hiện diện bên trong ruộng lúa. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tâm tay. Ruộng lúa thuộc vê nhiêu gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong ruộng lúa thì nên hiện diện ở nơi ngưỡng cửa hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. 20. Khu vườn thuộc vê một gia đình và được rào lại, sau khi đã đê y ở bên trong khu vườn thì nên hiện diện ở bên trong khu vườn. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tâm tay. Khu vườn thuộc vê nhiêu gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong khu vườn thì nên hiện diện ở nơi ngưỡng cửa hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tam tay. 21. Trủ xá thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong tru xá thì nên hiện diện bên trong trú xá. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại tru xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. Trú xả thuộc về nhiều gia đình và được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại tru xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy hoặc là không nên rời khỏi tam tay. 22. Gốc cây thuộc về một gia đình là toàn bộ bóng râm được chiếu xuống vào lúc nửa ngày [giữa trưa]. Sau khi đã để y ở bên trong bóng râm thì nên hiện r y 9 diện bên trong bóng râm. Góc cây thuộc vê nhiêu gia đĩnh thì không nên rời khỏi tầm tay.

9 Ngài Buddhaghosa giải thích: l abbhantara = 28 hattha (cánh tay) (VịnA. III. 654). Từ điển của Childers giải thích: Hattha là chiều dài, tính từ cùi chỏ của cánh tay đên đầu ngón tay út. Tài liệu The Buddhist Monastic Code của Thanissaro Bhikkhu cho biết: Khoảng cách của 7 abbhantara = 98m (Như vậy, l abbhantara = 14m, l hattha = 0,5m).

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 289

23. Khoảng không gian một địa hạt nghĩa là không ở trong thôn làng, ở trong rừng, khoảng không gian xung quanh bảy abbhantara là một địa hạt,10 từ đó trở đi là nhiều địa hạt. 24. Khi đã xa lìa, nhận biết là đã xa lìa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi đã xa lìa, có sự hoài nghi thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi đã xa lìa, [lầm] tưởng là chưa xa lìa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya, ngoại trừ có Sự đông ý của các Tỳ-khưu. Khi chưa nguyện xả, [lâm] tưởng là đã nguyện xả5 ... Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã

phân phát,... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãciítiya, ngoại trừ CÓ sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Y phạm vào tội Nissaggiya. không xả bỏ roi sử dụng thì phạm tội Dukkaía. Khi chưa bi xa lìa, [lầm] tưởng là đã bị xa lìa thì phạm tội Dukkata. Khi chưa bị xa lìa, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa bị xa lìa, nhận biết là chưa bị xa lìa thì vô tội. 25. Vị nguyện xả vào thời điểm rạng đông, vị phân phát, [y] bi mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy di, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, với sự đồng ý của các Tỳ-khưu, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học thứ nhì về KaỊhina. —ooOoo—

5.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA VỀ KATHINA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, y ngoài hạn kỳ đã phát sanh đến vị Tỳ- khưu nọ. Y ấy trong khi được may cho vi ấy thì không đủ. Khi ấy, vị Tỳ-khmi ây căng y ây ra roi vuốt tới vuốt lui cho thăng, Đức Thê Tôn trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy vị Tỳ-khiru ấy sau khi căng y ấy ra đang vuốt tới vuốt lui cho thăng, sau khi nhìn thây đã đi đên gặp vị Tỳ-khưu ây, sau khi đên đã nói với vi Tỳ-khưu ấy điều này: Này Tỳ-khưu, vì sao ngươi lại căng y ây ra roi vuốt tới vuốt lui cho thẳng vậy? Bạch ngài, y ngoài thời hạn này đã phát sanh đến con, trong khi được may lại không đủ. Chính vì thê nên con căng y này ra roi vuốt tới vuốt lui cho thăng. Này Tỳ-khưu, ngươi có sự mong mỏi về y không? Bạch Thế Tôn, thưa có.

10 Tức là vòng tròn, bán kính 7 abbhantara (= 98m), lấy chỗ để y làm tâm điểm (ND).

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì được giữ lại với sự mong mỏi về y. 2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã cho phép sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì được giữ lại với sự mong mỏi về y" nên khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì giữ lại hơn một tháng. Các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y. Đại đức Ānanda trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, các y đã được buộc thành đống, treo ở sào máng y là của vị nào vậy? -Này Đại đức, chúng là các y ngoài hạn kỳ của chúng tôi đã được giữ lại với sự mong mỏi về y. -Này các Đại đức, vậy các y này đã được giữ lại bao lâu roi? -Này Đại dức, hơn một tháng. Đại đức Ānanda phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng vậy? Này các Tỳ-khưu? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vỉ Tỳ-khưuf tức là khỉ Kathina đã hết

hiệu lực, lại có y ngoài hạn ky phát sanh đến vi Tỳ-khưuf vi Tỳ-khim đang mong muốn thì nên thọ lãnh, Sau khi thọ lãnh nên bảo thực hiện ngay lập tức, và nếu không đủ thì vi Tỳ-khưu ấy nên giữ lại y ấy tối đa một tháng khỉ có sự mong mỏi làm cho đủ phần thiếu hụt; nếu giữ lại quá hạn ấyt mặc dầu có sự mong mỏi, [y áy] nên được xả bỏ và [vi áy] phạm tội Pâcittiyay 3. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vi Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ. Khi Kathina đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề, hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.

Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi Kaịhina không thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi Kathỉna thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; [y] được dâng xác định trong thời gian trên thì [y] ấy gọi là y ngoài hạn kỳ. Phát sanh: Là phát sanh từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vải quăng bỏ,11 hoặc từ vật sở hữu của bản thân.12 Đang mong muôn: Vị đang ước muôn thì nên thọ lãnh. Sau khi thọ lãnh nên bảo thực hiện ngay lập tức: Nên bảo thực hiện trong mười ngày. Nếu không đủ: Trong khi được may thì không đủ [y chưa hoàn thành]. Vi Tỳ-khưu ấy nên giữ lại y ấy tối đa một tháng: Nên giữ lại nhiều nhất là một thang. Làm cho đủ phần thiếu hụt: Với mục đích làm cho đủ phần thiếu hụt. Khi có sự mong mỏi: Là sự mong mỏi [y] từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vải quăng bỏ, hoặc từ vật sở hữu của bản thân. Nếu giữ lại quá hạn ấy mặc dầu có sự mong mỏi: Khi y căn bản được phát sanh ngày ấy [và] y mong mỏi được phát sanh [cùng ngày] thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh ba ngày... được phát sanh bon ngày... được phát sanh năm ngày... được phát sanh sáu ngày... được phát sanh bảy ngày... được phát sanh tám ngày... được phát sanh chín ngày... được phát sanh mười ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh mười một ngày... được phát sanh mười hai ngày... được phát sanh mười ba ngày...được phát sanh mười bốn ngày ... được phát sanh mười lăm ngày... được phát sanh mười sáu ngày... được phát sanh mười bảy ngày... được phát sanh mười tám ngày... được phát sanh mười chín ngày... được phát sanh hai mươi ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai mươi mốt ngày thì nên bảo thực hiện trong chín ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai mươi hai ngày... được phát sanh hai mươi ba ngày... được phát sanh hai mươi bốn ngày... được phát sanh hai mươi lăm ngày... được phát sanh hai mươi sáu ngày... được phát sanh hai

11 Vải quăng bỏ (pamsukũỉà) được phát sanh lên do nhiều cách thức. Một trong những cách thức đã được các Ty-khưu thời ấy áp dụng là đi vào mộ địa nhặt lấy các vải quấn tử thi đem ve giặt sạch, cắt may thành y, nhuộm màu, v.v... (ND). 12 Ngài Buđdhaghosa giải thích "Từ vật sở hữu của bản thân?, là phát sanh lên do bông vải, chỉ sợi, v.v... của bản thân (4 III. 659).

mươi bảy ngày... được phát sanh hai mươi tám ngày... được phát sanh hai mươi chín ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong một ngày. Khi y căn bản được phát sanh ba mươi ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh, thì ngay trong ngày ây [y căn bản] nên được chú nguyện đê dùng riêng, nên được chú nguyện đê dùng chung, nên được phân phát. Nêu vị không chú nguyện để dùng riêng, hoặc không chú nguyện để dùng chung, hoặc không phân phát, đên lúc hừng đông vào ngày thứ ba mươi môt thì [y căn bản] phạm vào tội Nissaggiya. nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y ngoài hạn kỳ này của tôi đã quá hạn một tháng, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng?9 ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ..(nt)... “T6i cho lại Bại dức." 4. Khi y căn bản được phát sanh là khác phẩm chất, rồi y mong mỏi được phát sanh và còn lại nhiều đêm9 không nên bảo thực hiện trái với ước muốn.13 5. Khi quá hạn một tháng, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Khi quá hạn một tháng, có sự hoài nghi, ... Khi quá hạn một tháng, [lầm] tưởng là chưa quá hạn,... Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện đê dùng riêng, ... Khi chưa được chú nguyện đê dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung, ...Khi chưa được phân phát, [lâm] tưởng là đã được phân phát, ... Khi không bị mát trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm,Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 6. Y phạm vào tội Nissaggỉya. không xả bỏ roi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn một tháng, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn một tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn một tháng, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội. 7. Trong thời hạn một tháng, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bi mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bi cháy, [những

13 Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: uNeu y căn bản là mịn và y mong mỏi là thô, không thể kết hợp với nhau, va còn lại nhiều đêm nhưng vẫn không đủ cho đến,hết thang thì không nên cho thực hiển ỵ trái với ước muốn, lại còn bị sự chê bai nữa. Nen chờ cho đến khi nhạn lãnh y mong mỏi khác nưa roi cho thực hiện trong khoảng thời gian [cho phép]. Cũng nên chú nguyện y mong moi làm vải phụ tùng (parìkkhãracọỊam). Nếu y căn ban là thô và y mong moi là mịn thi nen chú nguyện y căn bản làm vải phụ tùng, rồi lấy y mong mỏi làm ỵ căn bản và giữ lại. Bằng phương thức này thì đạt được lại cả tháng ấy để giữ lại y" (VỉnA. III. 659). Có thể hiểu lời giải thích trên như sau: Trong vòng 20 ngày đầu, tính tư lúc y căn bản được phát sanh, nếu y mong moi được phát sanh thì số ngay để giữ y căn bản không còn đủ 30 ngày [mà chỉ còn 10 ngày, phù hợp với thờl gian cất giữ của y mới được phát sanh chỉ được tối đa là 10 ngày]. Như vậy, hoặc là hy vọng trong 10 ngày con lại sẽ có thêm ỳ mong mỏi khác cùng loại, hoặc là chu nguyện y mong mỏi thành vải phụ tùng để y căn bản có thể tiếp tục giữ được đủ 30 ngày. Trường hợp y mồng mỏi la tốt hơn thì có thể lấy y mong mỏi mới phát sanh làm y căn bản và nguyện y căn ban lam vải phụ tùng, như thế sẽ được tính đủ 30 ngày.

người khác] cướp rồi lấy di, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học thứ ba về Kathina. —ooOoo—

5.1.4. ĐIỀU HỌC VỀ Y cũ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, người vợ cũ của Đại đức Udāyi đã xuất gia nơi các Tỳ-khiru-ni. Cô ấy thường xuyên đi đến gặp Đại đức Udāyi. Đại đức Udāyi cũnệ thường xuyên đi gặp Tỳ-khưu-ni ấy. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi nhận phân phân phối vật thực ở nơi có sự hiện diện của Tỵ-khưu-ni ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đên gặp Tỳ- khưu-ni ấy, sau khi đến đã để lộ ra vật kín phía trước [mặt] Tỳ-khưu-ni ấy, rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi. Tỳ-khưu-ni ấy cũng đã để lộ ra vật kín phía trước [mặt] Đại đức Udāyi, rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi. Khi ấy, Đại đức Udāyi bị khởi dục nên đã suy tưởng đến vật kín của Tỳ-khưu-ni ấy. Tinh dịch của vị ấy đã xuất ra. 2. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội. Thưa ngài, hãy trao lại. Chính tôi sẽ giặt. Rồi [cô] đã dùng miệng nuốt vào một phần tinh dịch ấy, còn một phần đã đưa vào vật kín. Do việc ấy, cô ấy đã mang thai. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: Tỳ-khxru-ni này không có Phạm hạnh, cô có thai. Này các Ni su, tôi không phải là không có Phạm hạnh. Rồi [cô] đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru-ni. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn5 phê phán, chê bai rằng: “Vi sao ngài Đại đức Udāyi lại bảo Tỳ-khưu-ni giặt y cũ?” Sau đó, các Tỳ-khiru-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỵ-khưu. Các Tỳ- khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại bảo Tỳ-khưu-ni giặt y cũ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Udāyi, nghe nói ngươi bảo Tỳ-khưu-ni giặt y cũ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. -Này Udāyi, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến? -Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến. -Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi lại bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ vậy? Này kẻ rồ

dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: ^Vị Tỳ-khưu nào bảo Tỳ-khưu-nỉ không phải là thân quyên giặt, hoặc bảo / -W x J

nhuộm, hoặc bảo đập giũ y cũ thì [y áy] nên được xả bỏ và [vỉ áy] phạm tội Pãcittiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu:...(nt)...Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. [Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ, hoặc từ dòng bên cha. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Y cũ nghĩa là đã được mặc một lần, đã được khoác lên một lần. Vị chỉ thị rằng: "Hãy giãf9 thì phạm tội Dukkata. [Y] đã được giặt thì phạm vào tội Nissaggiya. Vị chỉ thi rằng: uHãy nhuộm59

thì phạm tội Dukkata. Y đã 7# 9 y được nhuộm thì phạm vào tội Nissaggỉya. Vị chỉ thị răng: "Hãy đập giũ" thì phạm tội Dukkata. Khi [y] đã được vỗ vào một lần bằng bàn tay hoặc bằng cây gô thì phạm vào tội Nissaggiya, [y áy] cân được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đến cá nhân. 4. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt)... "Bạch các ngài, y cũ này của tôi đã được bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt).. hội chúng nên cho lại ..(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại dúrc." 5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt y cũ thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Không phải là thân quyến, nhận biết : : r . -c _ không phải là thân quyên, vị bảo giặt, bảo nhuộm y cũ thì phạm tội Dukkata với tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo đập giũ y cũ thì phạm tội Dukkata với tội Nissaggiya Pãcittiya. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm, bảo đập giũ y cũ thì phạm hai tội Dukkata với tội Nỉssaggiya Pãcittiya. 6. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm y cũ thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo đập giũ y cũ thì phạm tội Dukkata với tội Nỉssaggiya Pãcittiya. ...(nt).. vị bảo nhuộm, bảo giặt y cũ thì phạm tội Dukkata với tội Nissaggỉya Pãcỉttiya. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo đập giũ, bảo giặt y cũ thì phạm hai tội Dukkata với tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. 7. Không phải là thân quyên, nhận biêt không phải là thân quyên, vị bảo đập giũ y cũ thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya. Không phải là thân quyên, nhận biêt không phải là thân quyến, vị bảo đập giũ, bảo giặt y cũ ...(nt).. vị bảo đập giũ5

bảo nhuộm ..(nt).. vị bảo đập giũ, bảo giặt, bảo nhuộm y cũ thì phạm hai tội Dukkata với tội Nissaggiya Pãcittiya. 8. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi,...(nt).. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, Vị bảo giặt y cũ của vị khác thì phạm tội Dukkata. Vi bảo giặt tấm lót ngồi [tọa cụ], tấm trải nằm [ngọa cụ] thì phạm tội Dukkaía. Vi bảo co Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng giặt thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến,...(nt)...phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi, ..(nt).. phạm tội Dukkata. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến ...(nt).. thi vô tội. 9. Khi vị [Tỳ-khưu~ni] là thân quyến đang giặt, có vị [Tỳ-khxru-ni] thứ nhì không phải là thân quyến [phụ giúp], vị [Tỳ-khưu-ni] giặt khi chưa được nói, vị bảo giặt [y] chưa được sử dụng, bị bảo giặt vật dụng khác ngoại trừ y, [vi bảo] cô Ni tu tập sự? [vị bảo] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về y cũ. —ooOoo—

5.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NHÂN LÃNH Y 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni uppalavannā trú ngụ tại thành Sāvatthi. Khi ấy vào buổi sáng, Tỳ-khưu-ni Uppalavannā đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Sāvatthi để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthi, trong lúc đi khất thực trở về sau bữa ăn, Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã đi đến khu rừng Andhā để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào trong khu rừng Andhā, Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã ngồi nghỉ trưa ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ,

bọn trộm cướp khi hành sự được hoàn tất đã giết chết con bò cái, lấy phần thịt, rồi đi vào khu rừng Andhā. Thủ lãnh bọn cướp đã nhìn thấy Tỵ-khira-ni Uppalavannā đang ngôi nghỉ trưa ở tại góc cây nọ, sau khi nhìn thây [nghĩ răng]: "Nêu lũ con trai và đàn em của ta nhìn thây, chúng sẽ quấy rầy vị Tỳ-khưu-ni này" nên đã rẽ sang lối khác. Sau đó, vị thủ lãnh bọn cướp ấy đã lấy các miếng thịt ngon nhất ở phần thịt đã được nấu chín, dùng lá buộc thành gói, rồi treo lên ở thân cây không xa Tỳ-khưu-ni uppalavannā, nói rằng: Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nhìn thấy thì hãy lấy đi vật thí này"rồi đã bỏ đi. Trong khi thủ lãnh bọn cướp ấy đang nói lời nói này, Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã xuất khỏi thiền định và nghe được. Sau đó, Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã cầm lấy phần thịt ấy và đi về Ni viện. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã sửa soạn phần thịt ấy, buộc lại thành gói ở thượng y, rồi đã bay lên không trung và hiện ra ở VeẸuvana. 2. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã đi vào làng để khất thực. Đại đức Udāyi là vị ở lại canh giữ trú xá. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, đức Thế Tôn ở đâu? Này Sư tỷ, đức Thế Tôn đã đi vào làng để khất thực. Thưa ngài, xin hãy dâng phần thịt này đến đức Thế Tôn. Này Sư tỷ, đức Thế Tôn được hài lòng về cô với phần thịt. Nếu cô có thể biếu tôi cái y nội thì tôi cũng có thể được hài lòng như vậy với cái y nội. Thưa ngài, quả thật chúng tôi thân phận là người nữ, có lợi lộc khó khăn. Và đây là cái y thứ năm, cuối cùng14 của tôi; tôi sẽ không cho. Này Sư tỷ, cũng giống như người đã cho con voi thì nên biếu luôn các sợi dây nài; này Sư tỷ, tương tợ y như thế, cô đã dâng đức Thế Tôn phần thịt thì hãy biếu tôi cái y nội. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni uppalavannā trong khi bi nài ép bởi Đại đức Udāyi nên đã cho cái y nội, roi đi vê Ni viện. Các Tỳ-khưu-ni trong lúc tiêp rước y bát của Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã nói với Tỳ-khiru-ni uppalavannā điều này: - Thưa Ni sư, y nội của cô đâu rồi? Tỳ-khmi-ni Uppalavannā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru-ni. Các Tỳ- khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao ngài Đại đức Udāyi lại nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni? Là người nữ, có lợi lộc thật khó khn!" Sau đó5 các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. 3. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại nhận lãnh y của Tỷ-khưu-ni?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này Udāyi, nghe nói ngươi nhận lãnh y của Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. -Này Udāyi, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến? Bạch Thế Tôn? không phải là nữ thân quyến.

Này kẻ rô dại, người nam không phải là thân quyên không biêt điêu gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi lại nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim nào nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyên thì [y ẩy] nên được xả bỏ và [vỉ áy]phạm tội Pãcittiya." Và điều học này đã được đức Thế

Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản]

14 Ngoài ba y như các Tỳ-khưu là y hai lớp (sanghãtí), thượng y (ụttarasagarn) và y nội (antaravãsakanì), Tỳ-khưu-ni còn có thêm hai y nưa là áo lót (sarnkaccikam) và vải choàng tam (udakasātikarri). Xin xem TTTĐPGVN, tập 11, tr. 923; TTPV, tập 7, àv. ii, chương x,tr. 515.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 297

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lãnh y trao đổi của các Tỳ-khiru-ni. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các ngài Đại đức lại không nhận lãnh y trao đôi của chúng t6i?" Các Tỳ- khưu đã nghe được các Tỳ-khưu-ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các VỊ Ty-kniru ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. Khi ay, đức The Ton nhan lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhận lãnh vật trao đổi của năm hạng là Tỳ-khtru, Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép nhận lãnh vật trao đoi của năm hạng này. Và này các Tỳ-khưu? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thăn quyên thì [y áy] nên được xả bỏ và [vỉ áy] phạm tội Pãciítiya, ngoại trừ sự trao đôiy [Sự quy đinh thứ hai] 5. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt)... Tỳ-khưu: ...(nt)...Vị này là "vi Thưu" được đề cập trong ý nghĩa này. [Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung. Ngoại trừ sự trao đổi: Trừ ra sự trao đổi. 6. Vị nhận lãnh, trong lúc thực hiện thì phạm tội Dukkata, Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggiya. [y áy] cân được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ..(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi đã được nhận lãnh từ tay của Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyên, ngoại trừ sự trao đôi, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chiing." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức?9 7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttiya. ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyên, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya, ngoại trừ sự trao đổi. Vi nhận lãnh y từ tay của cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội Dukkaịa, ngoại trừ sự trao đổi. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến, ...(nt).. phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt).. phạm tội Dukkata. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến, ...(nt)... thì vô tội.

298 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

8. Của vi [Tỳ-khiru-ni] là thân quyến, sự trao đổi vật lớn bằng vật nhỏ hoặc là vật nhỏ bằng vật lớn, vị Tỳ-khiru lấy do sự thân thiết, lấy có tính cách tạm thời, lấy vật phụ

tùng khác ngoại trừ y, của cô Ni tu tập sự, của Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về nhận lãnh y. —ooOoo—

5.1.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC YÊU CÀU NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ THÂN QUYẾN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, là rành rẽ về thuyết giảng giáo pháp. Vào lúc bấy giờ, có người con trai nhà đại phú nọ đã đi đến gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức ưpananda, con trai dòng Sakyā, đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người con trai nhà đại phú ấy đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó5 khi đã được Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi băng bài pháp thoại, người con trai nhà đại phú ấy đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Thưa ngài, xin ngài nói ra nhu cầu mà chúng tôi có khả năng để dâng đến ngài Đại đức, tức là vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bềnh. Này đạo hữu, nếu đạo hữu có ý định bố thí thì hãy dâng một trong hai15 tấm vải này. 2. Thưa ngài, thật là kỳ cục cho các người con trai gia đình danh giá chúng tôi lại đi chỉ mặc một tấm vải! Thưa ngài, xin chờ đợi đến khi tôi đi về nhà, khi đã vê nhà roi, tôi sẽ gởi đên hoặc là một trong hai tâm vải này, hoặc là đẹp hơn hai tấm này. Đen lần thứ nhì, ...(nt)...Đen lần thứ ba, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, đã nói với người con trai nhà đại phú ấy điều này: Này đạo hữu, nêu ngươi có ý định bô thí thì hãy dâng một trong hai tâm vải này. Thưa ngài, thật là kỳ cục cho các người con trai gia đình danh giá chúng tôi lại đi chỉ mặc một tấm vải! Thưa ngài, xin chờ đợi đến khi tôi đi về nhà, khi đã về nhà rồi, tôi sẽ gởi đến hoặc là một trong hai tấm vải này, hoặc là đẹp hơn hai tấm này.

? Ito: Nghĩa là 4ttừ dây", ám chỉ vải đang được mặc trên người ấy. Theo câu chuyện, được biết người ấy đang mặc hai tấm vải nên ghi lại như trên (ND).

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 299

Này đạo hữu, ngươi nói lời thỉnh cầu mà không chịu bố thí, việc gì khiển ngươi không có ý định bố thí lại nói lời thỉnh cầu vậy? Khi ấy, người con trai nhà đại phú ấy trong lúc bị nài ép bởi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, nên đã cho một tấm vải rồi đi. Dân chúng sau khi nhìn thấy người con trai nhà đại phú ấy đã nói điều này: r ỉ —Này công tử, sao ngài lại đi đên chỉ mặc một tâm vải? 3. Khi ấy, người con trai nhà đại phú ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ây. Những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà thực hiện sự thỉnh cầu đúng pháp đối với những người này! Tại sao trong lúc được người con trai nhà đại phú thực hiện sự thỉnh cầu đúng pháp, các vị ấy lại lấy đi tấm vải choang?” Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khmi nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, lại yêu cầu người con trai nhà đại phú về y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này Upananda, nghe nói ngươi yêu câu người con trai nhà đại phú vê y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn,

đúng vậy. Này upananda, là thân quyến của ngươi hay không phải là thân quyến? -Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến. —Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi lại yêu cầu người con trai nhà đại phú về y? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào yêu câu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyên vê y thì [y áy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] 4. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa từ Sâketa đến Sāvatthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện và đã cướp bóc các vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y", trong lúc ngần ngại đã không yêu cầu, rồi lõa thể như thế đi đến thành Sāvatthi và đảnh lễ các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

300 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này các Đại đức, các đạo sĩ lõa thể này tốt thật, những người này đảnh lễ các Tỳ-khưu. r \ Các vị ây đã nói như vây: Này các Đại dức, chúng tôi không phải là đạo sĩ lõa thể, chúng tôi là Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức upâli điều này: Này Đại đức upâli, hãy xét hỏi những người này đi. Trong lúc được xét hỏi bởi Đại đức upli, các vi ây đã kê lại sự việc ây. 5. Khi ấy, Đại đức Ưpãli sau khi xét hỏi các Tỳ-khtru ấy đã nói với các Tỳ- khưu điều này: Này các Đại đức, những vị này là những vị Tỳ-khưu, hãy cho y đến những vị ấy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khiru lại lõa thể mà đi đến? Sao không dùng cỏ che kín lại, rồi mới nên đi đến?" Sau đỏ, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy5 nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khxru rằng: - Này các Tỵ-khưu, Ta cho phép vị có y bị cướp đoạt hoặc vị có ỵ bi hư hỏng, được yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y. [Ta cho phép] khi đi đến trú xứ đầu tiên, nếu nơi ấy hội chúng có y thuộc về trú xá, hoặc vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm, thì được lấy vật ấy và choàng lên [nghĩ rằng]: "Khi nhận được y, ta sẽ gỏd lại." Nếu hội chúng không có y thuộc về trú xá, hoặc vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm, thì nên dùng cỏ hoặc lá che kín lại, rồi mới nên đi đến; nhimg không nên lõa thể mà đi đên, vị nào đi đên thì phạm tội Dukkata. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: ' Tỳ-khưu nào yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân

quyên vê y thì [y áy] nên được xả bỏ và [vỉ ẩy] phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp này là vi Tỳ-khiru có y bị cướp đoạt hoặc là có y bị hư hỏng. Đây là duyên cớ trong trường hợp nàyy [Sự quy định lần hai] 7. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là vị Tỳ-khmi được đề cập trong ý nghĩa này. Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà. Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn

nhà.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA « 301

r / A . r- ỉ A ĩ s r T Á • 1 • Ả X Y nghĩa là bát cứ loại y nào thuộc vê sáu loại y [có kích thước] tôi thiêu cân phải chú nguyện để dùng chung. Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ. Y bi cướp đoạt nghĩa là y của vị Tỳ-khưu bị các vi vua, hoặc những kẻ trộm, hoặc những kẻ vô lại cướp đoạt, hoặc bị bất cứ những ai cướp đoạt. Y bi hư hỏng nghĩa là y của vị Tỳ-khưu bị lửa đốt cháy, hoặc bi nước cuốn trôi, hoặc bị các con chuột hoặc các con mối gặm nhấm, hoặc là cũ kỹ vì sử dụng. Vi yêu càu, trong lúc thực hiện thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ có duyên cớ. Do sự đạt được thì phạm vào Nỉssaggỉya. [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy ..(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi đã được yêu cầu từ gia chủ không phải là thân quyên, ngoại trừ có duyên cớ5 giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.,, ..(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ..(nt).. "Tôi cho lại Đại đưc.,, • 8. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị yêu cầu y thì phạm tội Nỉssaggỉya Pācittiya. ngoại trừ có duyên cớ. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, vi yêu cầu y thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vi yêu cầu y thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. ngoại trừ có duyên cớ. Là thân quyến, [lâm] tưởng không phải là thân quyên thì phạm tội Dukkata. Là thân quyên, có Sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Là thân quyên, nhận biêt là thân quyên thì vô tội. 9. Khi có duyên cớ, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về việc yêu cầu người không phải là thân quyến. —ooOoo—

5.1.7. ĐIỀU HỌC VÈ VƯỢT QUÁ số Y ẤY 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana? tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến gặp các Tỳ-khưu là những vị có y bi cướp đoạt roi nói như vay: Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã cho phép vị có y bị cướp đoạt, hoặc là vị có y bị hư hỏng được yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyên vê y. Này các Đại dức, vậy chúng ta hãy yêu câu vê y. Này các Đại dức, thôi đi. Chúng tôi đã nhận được y rồi. -Này các Đại đức, chúng tôi yêu câu vì nhu câu của các Đại đức. Này các Đại đức, các vị hãy yêu câu.

302 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

r Sau đó, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã đi đên các gia chủ không phải là thân quyên và đã nói điêu này: Này các đạo hữu, các vị Tỳ-khxru mới đi đến là những vị có y bị cướp đoạt, hãy dâng y cho các vị áy, roi đã yêu câu nhiêu y. 2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đang ngồi ở nơi hội họp đã nói với người đàn ông khác điều này: Quý ông, các vị Tỳ-khiru mới đi đến là những vị có y bị cướp đoạt, tôi đã dâng y cho các vị ấy. Vị kia cũng đã nói như vầy: -Toi cung đã dâng roi. Một người khác cũng đã nói như vây: -Tôi cung đa dang roi. Những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y? Các Sa-môn Thích tử

sẽ làm việc buôn bán vải hay sẽ lập nên gian hang?59 Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lại không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y?" Sau d6, các vị Tỳ-khưu ấy f đã trình sự việc ay len đức The Ton. 3. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại không biết sự chừng mực và yêu câu nhiêu y vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin? ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu9 các ngươi nên phổ biên điêu học này như vây: "Nếu vỉ ấy được nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến thỉnh cầu để đem lại với nhiều y, vỉ Tỳ-khưu ấy nên chấp nhận y trong số ấy với mức tối đa là y nội và thượng yf nếu chấp nhận vượt quá số ấy thì [y ấy] nên r được xả bỏ và [vi áy] phạm tội Pācittiyay 4. Nếu vi ấy: Là vị Tỳ-khưu có y bị đánh cướp. Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà. Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà. Với nhiều y: Với các y có số lượng nhiều.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 303

Thỉnh cầu để đem lại: Là [nói rằng]: "Ngài thích bao nhiêu, xin nhận lấy bấy nhiêu." • Vi Tỳ-khưu ấy nên chấp nhận y trong số ấy với mức tối đa ỉa y nội và thượng y: Nếu ba [y] bị hư hỏng thì nên chấp nhận hai [y], hai [y] bị hư hỏng thì nên chấp nhận một [y], một [y] bị hư hỏng thì không nên chấp nhận. Nếu chấp nhận vượt quá số ấy: Vị yêu cầu vượt quá số ấy, trong lúc thực hiện thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nissaggiya, [y ấy] can được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ- khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi đã được yêu cầu vượt quá số ấy từ gia chủ không phải là thân quyến, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chiing." ...(nt)...hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại đức." 5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị yêu cầu y vượt quá số ấy thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt).. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vi yêu cầu y vượt quá số ấy thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì VO tôi. 6. Trong khi mang đi [nói rằng]: "Tôi sẽ mang lại phần còn thừa", [các thí chủ] dâng cho [nói rằng]: 'Thần còn lại là của chính ngài"[các thí chủ] dâng không vì nguyên nhân [y] bi cướp đoạt, [các thí chủ] dâng không vì nguyên nhân [y] bị hư hỏng, của các thân quyến, của những nguôi đã nói lời thỉnh cầu, bằng vật sở hữu của bản thân, vi bị điên, vi vi phạm đau tiên thì vô tội. Dứt điều học về vượt quá số y ấy. —ooOoo—

5.1.8. ĐIÊU HỌC THỨ NHẤT VÈ [Số TIỀN] ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN BỊ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, có người đàn ông nọ đã nói với người vợ điều này: -Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức

upananda. Khi người đàn ông ấy đang nói lời này, có vi Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã nói với Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā điều này: Này Đại đức upananda, ngài có phước báu lớn lao. ở chỗ kia, có người đàn ông nọ đã nói với người vợ điều này: "Tôi sẽ dâng y đen ngài Đại đức upananda.,, Này Đại đức, người ấy là người hộ độ cho tôi.

304 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Sau đó, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, đã đi đến gặp người đàn ông ấy, sau khi đến đã nói với người đàn ông ấy điều này: -Này đạo hữu, nghe nói đạo hữu có ý đinh dâng y đến tôi, có đúng không vậy? - Thưa ngài, tôi cũng có khởi ý như vầy: "T6i sẽ dâng y đến ngài Đại đức upananda." -Này đạo hữu, nếu quả thật đạo hữu có ý định dâng y đến tôi thì hãy dâng y có hình thức như vầy. Tôi được dâng y mà tôi sẽ không sử dụng thì tôi sẽ làm gì với y ây? 2. Sau đó5 người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng y cho những người này! Vì sao ngài Đại đức upananda khi chưa được tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y?" Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, khi chưa được thỉnh câu trước, lại đi đên gặp gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này upananda, nghe nói ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. -Này upananda, là thân quyên của ngươi hay không phải là thân quyên? Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyên. Này kẻ rô dại, trong trường hợp ây, sao ngươi khi chưa được thỉnh câu trước, lại đi đên gặp gia chủ và đưa ra sự căn dặn vê y? Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).....Và này các Tỳ-khưu? các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: Trường hợp có sổ tiền mua y của nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyên đã được chuân bị dành riêng cho vỉ Tỳ-khỉm: 'Với sô tiên mua y này, sau khi mua y, tôi sẽ dâng y đen vỉ Tỳ-khưu tên [như vầy],' Trong trường hợp ấy, nếu vỉ Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cau trước, lại đi đen và đưa ra sự căn dặn về y: (Quả thật là tốt, với sổ tiền mua y này, ông hãy mua y có hình thức như vây và như vây r roi dâng cho tôi 7 vì sự mong muôn y tót đẹp, [y áy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcittiyay 3. Dành riêng cho vi Tỳ-khưu: Vì nhu câu của vị Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khưu, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khưu. Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 305

Nam gia chủ nghĩa là bát cứ người nam nào sông trong căn nhà. Nữ gia chủ nghĩa là bát cứ người nữ nào sông trong căn nhà. Số tiền mua y nghĩa là vàng, hoặc là tiền vàng,

hoặc là ngọc trai, hoặc là ngọc ma-ni, hoặc là đá quý, hoặc là pha lê? hoặc là vải vóc, hoặc là chỉ sợi, hoặc là bông vải. Với sổ tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng. Sau khi mua y: Sau khi trao đổi. Tôi sẽ dâng: Tôi sẽ cho. Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy: Vi Tỳ-khưu ấy là vị Tỳ-khưu mà số tiền mua y đã được chuẩn bị dành riêng cho. Chưa được thỉnh câu trước: Chưa được nói trước răng: “Thua ngài, ngài CÓ nhu câu với loại y như thê nào? Tôi sẽ mua y như thê nào cho ngài?95 Lại đi đến :Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào. Đưa ra sự căn dặn về y: [Y] hãy dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng. Với sô tiên mua y này: Với [sô tiên] đã được săn sàng. Có hình thức như vầy và như vầy: Là dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng. Sau khi mua: Sau khi trao đổi. [Đạo hữu] hãy dâng cho: Hãy trao cho. Vì sự mong muốn y tốt đẹp: Có ao ước vật tốt, có ao ước vật giá cao. ỉ 4. [Gia chủ] mua [y] dài, hoặc rộng, hoặc chác, hoặc mịn màng theo lời nói của vị ấy. Trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggỉya. [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khiru? nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cau trước, lại đi đen gia chủ không phải là thân quyên và đã đưa ra sự căn dặn vê y, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.^, ..(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại due.59 5. Không phải là thân quyên, nhận biêt không phải là thân quyên, khi chưa được thỉnh câu trước, lại đi đên gia chủ và đưa ra sự căn dặn vê y thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi,...(nt).. Không phải là thân quyên, [lâm] tưởng là thân quyên, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

6. Của các thân quyên, của những người đã nói lời thỉnh câu, vì nhu câu của vi khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vi bảo mua [y] giá thấp đối với người có ý định mua [y] giá cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học thứ nhất về [số tiền] đã được chuẩn bi. —ooOoo—

5.1.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VÈ [Số TIỀN] ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN BỊ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đã nói với người đàn ông khác điều này: -Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức upananda. Người kia cũng đã nói như vầy: -Tôi cũng sẽ dâng y đến ngài Đại đức upananda. Có vi Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được cuộc nói chuyện này của những người đàn ông ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Này Đại đức Ưpananda, ngài có phước báu lớn lao. ở chỗ kia, có người đàn ông nọ đã nói với người đàn ông khác điều này: "Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức upananda." Người kia cũng đã nói như vầy: "Tôi cũng sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda." Này Đại đức, họ là những người hộ độ cho tôi. 2. Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, đã đi đến gặp những người đàn ông ấy, sau khi đến đã

nói với những người đàn ông ấy điều này: -Này các đạo hữu, nghe nói các đạo hữu có ý định dâng các y đến tôi, có đúng không vậy? Thưa ngài, chúng tôi cũng có khởi ý như vầy: "Chúng tôi sẽ dâng các y đến ngài Đại đức upananda." Này các đạo hữu, nếu quả thật các đạo hữu có ý định dâng các y đến tôi thì nên dâng y có hình thức như vầy. Tôi được dâng những y mà tôi sẽ không sử dụng thì tôi sẽ làm gì với các y ấy? 3. Khi ấy? những người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng các y cho những người này! Tại sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được chúng tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y?" Các Tỳ- khưu đã nghe được những người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đên gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn vê y?"

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 307

4. Sau đó, các vị Tỳ"khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này upananda, nghe nói ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn ve y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. -Này upananda, là các thân quyên của ngươi hay không phải là các thân quyến? Bạch Thế Tôn, không phải là các thân quyến. Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với những người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Trường hợp có các sô tiên mua y khác nhau của hai nam gia chủ hoặc [của hai] nữ gia chủ không phải là các thân quyến đã được chuẩn bỉ dành riêng cho vi Tỳ-khưu: 'Với các sổ tiền mua y khác nhau nàyf sau khi mua các y khác nhau, chủng tôi sẽ dâng các y đen vỉ Tỳ-khiru tên [như vay],' Trong trường hợp ấy, nếu vỉ Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y: 'Quả thật là tốt, với các sổ tiền mua y này, quỷ ông hãy mua y có hình thức như vầy và như vầy, rồi hãy dâng cho tôi, cả hai là với một [y]vì sự mong muôn y tót đẹp, [y áy] nên được xả bỏ và [vi áy] phạm tội Pãcittiyay 5. Dành riêng cho vi Tỳ-khưu: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khiru, rồi có ý định dâng vi Tỳ-khmi. Của hai: Của cả hai. Không phải là các thân quyến nghĩa là những người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. [Các] nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nam nào sống trong căn nhà. [Các] nữ gia chủ nghĩa là bất cứ những người nữ nào sống trong căn nhà. Các số tiền mua y nghĩa là nhiều vàng, hoặc là các tiền vàng, hoặc là các ngọc ma-ni, hoặc là các ngọc trai, hoặc là các đá quý, hoặc là các pha lê, hoặc là nhiêu vải vóc, hoặc là nhiêu chỉ sợi, hoặc là nhiêu bông vải. Vói các số tiền mua y này: Với [các số tiền] đã được sẵn sàng. Sau khi mua y: Sau khi trao đổi. Chúng tôi sẽ dâng: Chúng tôi sẽ cho. Trong trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khưu ấy: Vi Tỳ-khưu ấy là vi Tỳ-khưu mà các số tiền mua y đã được chuẩn bị dành riêng cho.

Chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: "Thua ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Chúng tôi sẽ mua y như thế nào cho nghi?" Lại đi đến: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào. Đưa ra sự căn dặn về y: [Y] hãy dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng. Với các số tiền mua y này: Với [các số tiền] đã được sẵn sàng. Có hình thức như vầy và như vầy: Là dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc min màng. Sau khi mua: Sau khi trao đổi. [Quý ông] hãy dâng đến: [Quý ông] hãy trao cho. Cả hai là vói một [y]: Luôn cả hai người là với một [y]. Vì sự mong muốn y tốt đẹp: Có ao ước vật tốt? có ao ước vật giá cao. 6. Họ mua [y] dài, hoặc rộng, hoặc chác, hoặc mịn màng theo lời nói của vi ấy. Trong lúc thực hiện thì ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggỉya, [y áy] cân được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đen các gia chủ không phải là các thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại dức." 7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội. 8. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vi khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vi bảo mua [y] giá thấp đối với những người có ý đinh mua [y] giá cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học thứ nhì về [số tiền] đã được chuẩn bị. —ooOoo—

5.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỨC VUA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vi quan đại thần, là người hộ độ cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, đã phái sứ giả đem tiền mua y đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, [bảo rang]: "Hãy mua y với so tiền mua y này, rồi dâng y đến ngài Đại đức Upananda.,, Sau đó9 người sứ giả ấy đã

đi đên Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đên đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: - Thưa ngài, số tiền mua y nàỵ được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y. Khi được nói như thế, Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā, đã nói với người sứ giả ấy điều này: - Này đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời. Khi được nói như thế, người sứ giả ấy đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không? Vào lúc bây giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đên tu viện do công việc cân làm nào đó. Khi ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, đã nói với người sứ giả ấy điều này:

Này đạo hữu, chính nam cư sĩ này là người phục vụ cho các Tỳ-khưu. Sau đó? khi đã dặn dò nam cư sĩ ây, nẹười sứ giả ây đã đi đên gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đen đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā điều này: -Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đen lúc đúng thòi, người ấy sẽ dâng y cho ngài. 2. Vào lúc bây giờ, vi quan đại thân ây đã phái sứ giả đi đên gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā [nhắn rằng]: "Thua ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng.^, Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, đã không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả. Đen lần thứ nhi, vị quan đại thần ây đã phái sứ giả đi đên gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā [nhắn rằng]: "Thua ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dung.^ Đen lần thứ nhì, Đại đức Upananda, con trai dòne Sakyā, đã không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả. Đên lân thứ ba, vị quan đại thân ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā [nhắn rằng]: "Thua ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng.59 3. Vào lúc bây giờ là ngày hội họp của thị trân. Và thi trân đã thực hiện quy định là: "Ai đi đến trễ bi phạt năm mươi tien.59 Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, đã đi đến gặp nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y. Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay. Hôm nay là ngày hội họp của thị trấn. Và thị trấn đã thực hiện quy định là: "Ai đi đến trễ bị phạt năm mươi ti2n." Này đạo hữu, hãy dâng y cho tôi ngay hôm nay. Rồi đã nắm lấy dây thắt lung [của người ấy].

310 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Khi ấy, nam cư sĩ ấy trong lúc bị Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, ép buộc nên đã mua y cho Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, và đã đi đen trễ. Dân chúng đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: Này ông, vì sao ông lại đi đên trê? Ong đã bị mát năm mươi tiên. 4. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà phục vụ cho những người này! Vì sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, khi được nam cư sĩ nói rằng: 'Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay' lại không chờ đợi?" Các Tỳ- khiru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, khi được nam cư sĩ nói rằng: 'Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay' lại không chờ dọd?” Sau đó9 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này upananda, nghe nói ngươi khi được nam cư sĩ nói rằng: "Thua ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay" lại không chờ đợi, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi khi được nam cư sĩ nói rằng: "Thua ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay" lại không chờ đợi? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: Trường hợp đức vua, hoặc quan triêu đình, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ phải sứ giả đem so tiền mua y dành riêng cho vị Tỳ-khưu [nói rằng]: 'Hãy mua y với so tiền mua y này, roi hãy dâng đen vi Tỳ-khưu tên [như vay]. 'Nêu người sứ giả ấy đi đến gặp vi Tỳ-khưu ấy và nói như vầy: (Thưa ngài, số tiền mua y này được

dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y.' Người sứ giả ấy nên được vi Tỳ-khưu ấy nói như vay: 'Này đạo hữu, chủng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đủng phép vào lúc hợp thời ' Nếu người sứ giả ấy nói với vi Tỳ-khưu ấy như vầy: 'Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không? 'Này các Tỳ-khưuf vị Tỳ-khưu có sự cần dùng y nên chỉ ra người phục vụ là người phụ việc chùa hoặc là nam cư sĩ: 'Này đạo hữu, đây chính là người phục vụ cho các Tỳ-khưu. 'Nêu người sứ giả ấy sau khi đã dặn dò người phục vụ ấy rồi đã đi đến gặp vi Tỳ-khưu ấy nói như vầy: 'Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức đã chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đủng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài. 'Này các Tỳ-khưuf vi Tỳ-khưu có sự cần dùng y sau khi đi đen gặp người phục vụ ấy, rồi nên thông báo, nên nhắc nhở hai hoặc ba lần: 'Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y.' Trong khỉ thông báo, nhắc nhở hai hoặc ba lần, nếu đạt được y ấyf như thế việc này là tốt đẹp; nếu không đạt được thì nên đứng với trạng thái im lặng bốn

lần, năm lần, tối đa là sáu lần. Trong khi đứng với trạng thái im lặng bốn lần, năm lần, toi đa là sáu lan, nếu đạt được ỵ ấy,, như the việc này là tốt đẹp; nếu không đạt được, rồi ra sức vượt quả sổ lan ẩy và đạt được y ấy thì [y ấy] phạm vào tội Nissaggiya và [vị ấy] phạm tội Pâcittiya. Nếu khôn^ đạt được thỉ tiền mua y đã được mang lại là của nơi nào thì nên đích thân đi đen nơi ấyf hoặc nên phái sứ giả đi đên [nói răng]: (Nàỵ quỷ vị, các người đã gởi đên sô tiên mua y dành riênệ cho vi Tỳ-khưu nào, so tiền ấy không có được chút gì lợi ích cho vi Tỳ-khưu ấy. Quỷ vị hãy thâu hoi lại vật của mình, chớ đế vật của quỷ vỉ bi mất mát. 'Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấyy 5. Dành ring cho vi Tỳ-khưu: Vì nhu câu của vi Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khưu, roi có ý định dâng vị Tỳ-khiru. Đức vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc. Quan triều đình nghĩa là người nào nhận lãnh bữa ăn và tiền lương của đức vua. Bà-la-môn nghĩa là Bà-la-môn do sự sanh ra. Gia chủ nghĩa là trừ ra các vi vua, các quan triều đình, các Bà-la-môn; những người còn lại gọi là gia chủ. Số tiền mua y nghĩa là vàng, hoặc là tiền vàng, hoặc là ngọc trai, hoặc ngọc là ma-ni. Vói số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng. Sau khi mua y: Sau khi trao đổi. Hãy dâng đến: Hãy trao cho. Nêu người sứ giả ấy đi đen gặp vi Tỳ-khưu ấy và nói như vay: "Thua ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y." Người sứ giả ấy nên được vi Tỳ-khiru ấy nói như vầy: uNày đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp th&L" Nếu người sứ giả ấy nói với vị Tỳ-khuru ấy như vầy: uVậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?^ Này các Tỳ- khưu, vị Tỳ-khưu có sự cần dùng y nên chỉ ra người phục vụ là người phụ việc chùa hoặc là nam cư sĩ: "Này đạo hữu, đây chính là người phục vụ cho các Tỳ- khưu.” Kh6ng nên nói: "Hãy trao cho người ấy”; hoặc "Người ấy sẽ cất giữ”; hoặc "Người ấy sẽ trao(tói"; hoặc "Người ấy sẽ mua.” Nêu người sứ giả ây sau khi đã dặn dò người phục vụ ây, roi đã đi đên gặp vị Tỳ-khưu ấy nói như vầy: "Thua ngài, người phục vụ mà Đại đức đã chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngi." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru có sự cần dùng y, sau khi đi đến gặp người phục vụ ấy rồi nên thông báo, nên nhắc nhở hai hoặc ba lần: “Này đạo hữu, tôi có nhu

cầu về y.” Không nên nói: "Hãy dâng y cho t6i"; "Hãy man^ lại y cho t6i"; "Hãy trao đổi ỵ cho t6i"; "Hãy mua y cho t6i." Nên được nói đến lan thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu đạt được [y], như thế việc này là tốt đẹp. Nếu không đạt

được thì sau khi đi đến nơi ấy, nên đứng với trạng thái im lặng. Không nên ngồi xuống chỗ ngồi. Không nên thọ nhận vật thực. Không nên thuyết pháp. Nếu được hỏi: “Ngài đã đi đến vì lý do gi?” Nên nói rằng: "Này đạo hữu, ngươi hãy biết lấy.” Nêu ngồi xuống chỗ ngồi, hoặc thọ nhận vật thực, hoặc thuyết pháp thì làm hỏng việc đứng. Lần thứ nhì, nên đứng. Lần thứ ba, nên đứng. Sau khi thông báo bốn lần, nên đứng bốn lần. Sau khi thông báo năm lần, nên đứng hai lần. Sau khi thông báo sáu lần thì không nên đứng. Nếu không đạt được, rồi ra sức vượt quá số lần ấy và đạt được y ấy, trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nissaggiya. [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ..(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã đạt được do sự thông báo quá ba lần và đứng quá sáu lần, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chiing."...(nt).. hội chúng nên cho lại. ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Đại dức." Nêu không đạt được thì tiên mua y đã được mang lại là của nơi nào thì nên đích thân đi đến nơi ấy, hoặc nên phái sứ giả đi đến [nói rằng]: uNày quý vị, các người đã gởi đến số tiền mua y dành riêng cho vi Tỳ-khưu nào, số tiền ấy không có được chút gì lợi ích cho vị Tỳ-khưu ấy. Quý vi hãy thâu hồi lại vật của minh, chớ để vật của quý vi bi mất m§t." Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là điều hợp lý trong trường hợp ấy. 6. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, nhận biết là đã vượt quá, vi đạt được thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, có sự hoài nghi, vị đạt được thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, [lầm] tưởng là chưa đủ, vị đạt được thì phạm tội Nissaggiỵa Pãcỉttiya. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, [lam] tưởng là đã vượt quá thì phạm tội Dukkata. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, nhận biết là chưa đủ thì vô tội. 7. Với sự thông báo ba lần, với việc đứng sáu lần, với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, [người ấy] dâng khi chưa được thông báo, thí chủ dâng sau khi thông báo, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về đức vua. Phẩm Y là thứ nhất —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Kathina đã hét hiệu lực có ba điêu, việc giặt và việc nhận lãnh, ba điêu nữa về không phải là thân quyến, của cả hai và bởi người sứ giả. —ooOoo—

5.2. PHẨM TƠTẢM

5.2.1. ĐIỀU HỌC VÈ Tơ TẰM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Ālavī, nơi tháp thờAggâỊava. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi đến gặp những người làm tơ tằm, rồi nói như vầy: Này các đạo hữu, hãy nâu nhiêu kén tăm roi bô thí đên

chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này sau khi đi đến ^ặp chúng tôi lại nói như vầy: 'Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bô thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm/ Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà gây nên việc giết chóc nhiều sinh vật nhỏ b6." Các Tỳ-khtru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến gặp những người làm tơ tằm lại nói như vầy: 'Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm? 5 Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi đến gặp những người làm tơ tằm rồi nói như vây: 6CNày các đạo hữu, hãy nâu nhiêu kén tăm roi bô thí đên chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm", có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi đi đến gặp những người làm tơ tăm lại nói như vây: "Này các đạo hữu, hãy nâu nhiêu kén tăm roi bô thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm?” Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khini? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “ Tỳ-khưu nào bảo làm tâm trải năm có trộn lăn tơ tăm thì [vật ầy] nên được xả bỏ và [vi ấy]phạm tội Pãcittiya." 2. Vị nào: Là bát cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

314 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt. Bảo làm: Vi [tự] làm hoặc bảo làm sau khi đã trộn lẫn vào, cho dầu chỉ một sợi tơ tằm. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khiru, nên được xả bỏ như vày: ...(nt).. "Bạch các ngài, tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm này của tôi đã được bảo làm, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đên hội chiing.” ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại dức." 3. Vị tự mình hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya, Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội Dukkata. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vi thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 4. Vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về tơ tằm. —ooOoo—

5.2.2. ĐIỀU HỌC VÈ THUẦN MÀU ĐEN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư

bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thây, roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen giống như những kẻ tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu dèn?' Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm

tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: r \ \ \ "Vị Tỳ~khiru nào bảo làm tâm trải năm băng lông cừu thuần màu đen thì [vật áy] nên được xả bỏ và [vi áy] phạm tội Pãcittiyay 2. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là TVkhưiT được đề cập trong ý nghĩa này. Màu đen nghĩa là có hai loại màu đen: Màu đen do tự nhiên hoặc là màu đen nhuộm. Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt. Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya. [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ..(nt).. "Bạch các ngài, tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen của tôi đã được bảo làm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing" (nt) hội chúng nên cho lại (nt)
chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... íéTôi cho lại Đại due." J 3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pâcỉttiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vi khác thì phạm tội Dukkata. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 4. Vi làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bi diên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về thuần màu đen. —ooOoo—

5.2.3. ĐIỀU HỌC VÈ HAI PHẦN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm không được bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen^, nên sau khi đã lấy chỉ chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế. Các Tỳ-khiru nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lại lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton.

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi lây chỉ một chút ít màu trăng ở đường biên, roi bảo làm tâm trải năm băng lông cừu thuẫn màu đen y như thê, có đúng không vậy? - Bạch Thế T6n, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vây: r y r 2 “Trong khi bảo làm tâm trải năm mớif vị Tỳ-khim nên lây hai phân lông cừu thuân màu đen, phân thứ ba màu trăng, phân thứ tư màu nâu đỏ. Nêu vỉ Tỳ-khưu không lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phân thứ tư màu nâu đỏ, roi bảo làm tâm trải năm mới thì [vật áy] nên được xả bỏ và [vỉ ấy] phạm tội Pãcittỉyay 2. Mói nghĩa là liên quan việc làm [tấm trải nằm] được đề cập đến. Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra, còn chưa được dệt. Trong khi bảo làm: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên lấy hai phần lông cừu thuần màu đen: Sau khi đã được mang lại thì nên lấy hai cân16 lông cừu thuần màu đen. Phần thứ ba màu trắng: Một cân của màu trắng. Phần thứ tư màu nâu đỏ: Một cân của màu nâu đỏ. Nếu v| Tỳ-khưu không lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ: Sau khi không lấy hai cân lông cừu thuần màu đen, một cân màu trắng, một cân màu nâu đỏ, rồi [tự] làm hoặc bảo làm tấm trải nằm mới. Trong khi tiến hành thì [vi ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya, [vật ấy] càn được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như v2y: ...(nt).. "Bạch các ngài, tâm trải năm của tôi đã được bảo làm sau khi đã không lấy hai cân lông cừu thuần màu đen, một cân màu trắng và một cân màu nâu đỏ9 giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.^, ..(nt).. hội chúng nên cho lại ,..(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Đại dức.” 3. Vị tự mình hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Vi tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm

16 Cân (tulã) là đơn vị đo trọng lượng. Theo cách tính của ngài Mahāsamanā Chao ở trong Vìnayamukha thì l tulâ có trọng lượng của 160.000 hạt gạo.

e r y xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tát phân những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội Dukkata. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 4. Sau khi lấy một cân màu trắng và một cân màu nâu đỏ rồi làm, sau khi lấy màu trắng nhiều hơn [hoặc] màu nâu đỏ nhiều hơn roi làm, sau khi lấy thuần màu trắng [hoặc] thuần màu nâu đỏ rồi làm, vi làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về hai phần. —ooOoo—

5.2.4. ĐIỀU HỌC VỀ SÁU NAM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru bảo làm tấm trải nằm hàng năm. Các vi ây sông có nhiêu sự van xin, có nhiêu sự yêu câu: "Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: 'Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu?' Các tấm trải nằm của chúng tôi bị con cái của chúng tôi tiêu tiêu và bị các con chuột gặm nhâm còn được làm năm sáu năm một lần. Thế mà các Sa-môn Thích tử này lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: 'Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu.'" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khiru lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiêu sự yêu câu: 'Các người hãy bô thí các lông cừu. Có nhu câu với các lông cừu?'" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khiru bảo làm tấm trải nằm hàng năm, roi sồng có nhiêu sự van xin, có nhiêu sự yêu câu: "Các người hãy bô thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu”, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu5 vì sao những kẻ rồ dại ấy lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, roi sông có nhiêu sự van xin, có nhiêu sự yêu câu: "Các người hãy bô thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu" vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “Sau khi bảo làm tâm trải năm mới, vi Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm. Nêu chưa đủ sáu năm mà cho đi hoặc không cho đi tấm trải nằm ấy, rồi bảo làm tấm trải nằm mới khác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vi ấy] phạm tội Pâcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Kosambī bị bệnh. Các thân quyến đã phái người đưa tin đến gặp vị Tỳ-khmi ấy nói rằng: Ngài Đại đức hãy đi đến. Chúng tôi sẽ hộ độ. Các Tỳ-khưu cũng đã nói như vây: Này Đại đức, hãy đi. Các thân quyến sẽ hộ độ Đại đức. Vị ấy đã nói như vầy: -Này các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: “Sau khi bảo làm tam trải nam mới, vị Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm.,, Và tôi thì bị bệnh nên không thể mang theo tấm trải nằm mà ra đi được. Tôi không được thoải mái khi không có tấm trải nằm. Tôi sẽ không đi. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đối với vị Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khiru, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chan các Tỳ- khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bi bệnh không thể mang theo tấm trải nằm mà ra đi được. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tấm trải n3m." Nên được thỉnh câu lân thứ nhì. Nên được thỉnh câu lân thứ ba. Hội chúng

cân được thông báo bởi vị Tỳ-khiru có kinh nghiệm, đủ năng lực: ĩ . "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vay] bị bệnh, không the mang theo tam trải nam mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cau hội chúng sự đồng ý về tấm trải nằm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. r . Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khiru này tên [như vay] bị bệnh, không the mang theo tam trải nam mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tấm trải nằm. Hội chúng ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý vê tâm trải năm đên vị Tỳ-khiru tên [như vây] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA * 319

Sự đồng ý về tấm trải nằm đã được hội chúng ban cho đến vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.99 5. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Sau khỉ bảo làm tấm trải nằm mới, Vĩ Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm. Nêu chưa đủ sáu năm mà cho đi hoặc không cho đi tâm trải năm âyf roi bảo làm tâm trải năm mới khácy thì [vật J ẩy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có sự đông ỷ của các Tỳ-khưu^ [Sự quy đinh lần hai] 6. Mới nghĩa là có liên quan việc làm [tấm trải nằm] được đề cập đến. Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt. Sau khi bảo làm: Sau khi [tự] làm hoặc sau khi bảo [người khác] làm. Nên sử dụng sáu năm: Nên sử dụng tối đa là sáu năm. r Nêu chưa đủ sáu năm: Còn ít hơn sáu năm. Cho đi tấm trải nằm ấy: Sau khi cho đến những người khác. Hoặc không cho đi: Sau khi không cho đến bất cứ ai. Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khmi. 7. Vị [tự] làm hoặc bảo làm tấm trải nằm mới khác. Trong khi tiến hành thì [vi ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggiya. [vật ấy] cân được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đên cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt).. "Bạch các ngài, tâm trải năm của tôi đã được bảo làm chưa đủ sáu năm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khiru. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng."...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Đại dức." 8. Vi tự mình hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Vi tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pâcỉttiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phàn những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. 9. Vị làm khi được sáu năm, vi làm khi đã quá sáu năm, vi làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác, vi nhận được [tấm trải nằm] đã được làm bởi người khác rồi sử dụng, vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm r r e # vách chăn, hoặc nệm, hoặc gói, với sự đông ý của các Tỳ-khưu, vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về sáu năm. —ooOoo—

5.2.5. ĐIỀU HỌC VỀ TẤM LÓT NGỒI VÀ TẤM TRẢI NẰM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, Ta muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai đi đến gặp Ta, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Bạch ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời đức Thế Tôn. Và quả thật, không có vi nào đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở Sāvatthi đã thực hiện quy định là: "Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội Pâcittỉyay 2. Khi ấy, Đại đức upasena, con trai của Vañganta cùng tập thể đã đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngôi xuồng ở một bên. Khi Đại đức upasena, con trai của Vañganta đã ngồi xuống ở một bên, đức The Ton đã noi điêu nay: Này upasena, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, chúng con đi đường xa được ít mệt nhọc. 3. Vào lúc bây giờ, vị Tỳ-khtru đệ tử của Đại đức upasena, con trai của Vañganta, ngồi xuống không xa đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Tỳ-khưu, đối với ngươi, các y pamsukūla có dễ chịu không? Bạch Ngài, đối với con, các y pamsukūla không có dễ chiu. Này Tỳ-khưu, vậy tại sao ngươi lại là vi hành pháp sử dụng ypamsukūlal Bạch Ngài, thầy tế độ của con là vị hành pháp sử dụng y pamsukũla\ như thế, con cũng là vị hành pháp sử dụng y pamsukūla. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức upasena, con trai của Vañganta điều này: Này upasena, tập thê này quả là có niêm tin đôi với ngươi. Này Upasena, ngươi hướng dẫn tập thể thế nào? Bạch Ngài, ai cầu xin con sự tu lên bậc trên thì con nói với người ấy như vầy: "Này đạo hữu, ta là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y pamsukūla. nếu ngươi cũng sẽ là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y pamsukũla như thế thì ta sẽ cho ngươi tu lên bậc tren.99 Nếu đồng ý với con thì con cho tu lên bậc trên, nếu không đồng ý với con thì con không cho tu lên bậc trên. Vị nào cầu xin con pháp nương nhờ thì con nói với vị ấy như vầy: “Này Đại dức, ta là vị hành pháp ở rừng, hành

pháp đi khát thực, hành pháp sử dụng y pamsukūla, nêu ngươi cũng sẽ là vi hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y pamsukūla như thế thì ta sẽ ban cho ngươi pháp nương nh&." Nếu đồng ý với con thì con ban cho pháp nương nhờ, nêu không đông ý với con thì con không ban cho pháp nương nhờ. Bạch Ngài, con hướng dẫn tập thể như thế. Này upasena, tốt lắm, tốt lắm! Này upasena, ngươi hướng dẫn tập thể tốt lắm. Này upasena, ngươi có biết về quy định của hội chúng ở Sāvatthi không? Bạch Ngài, con quả thật không biêt vê quy định của hội chúng ở Sāvatthi. Này upasena, hội chúng ở Sāvatthi đã thực hiện quy định là: "Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thê Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đên gặp đức Thê Tôn nên bị buộc sám hối tội Pâcittỉyay - Bạch Ngài, hội chúng ở Sāvatthi sẽ được biết tiếng bởi quy định của chính họ. Chúng con sẽ không quy định điều không được quy định hoặc sẽ không hủy bỏ điều

đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Này Upasena, tót lăm, tót lăm! Không nên quy định điêu không được quy định hoặc không nên hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Này Upasena, Ta cho phép các vị Tỳ- khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y pamsukūla, hãy để các vị ấy đi đến diện kiên Ta một cách thoải mái. 4. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đứng bên ngoài cổng ra vào [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ buộc Đại đức upasena, con trai của Vañganta sám hối tội Pãciítiyay Sau đó, Đại đức upasena, con trai của Vañganta cùng tập thể đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. Khi ấy, các vi Tỳ- khưu ấy đã nói với Đại đức Ưpasena, con trai của Vañganta điều này: -Này Đại đức Upasena, Đại đức có biêt quy định của hội chúng ở Sāvatthi không? - Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: "Này upasena, ngươi có biết ve quy định của hội chúng ở Sāvatthi kh6ng?" "Bạch Ngài, con quả không biết về quy định của hội chúng ở thành Sāvatthi.55 "Này Ưpasena, hội chúng ở Sāvatthi đã thực hiện quy định là: 'Nay các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội Pãcỉttiya^ "Bạch Ngài, hội chúng ở Sāvatthi sẽ được biết tiếng bởi quy định của chính họ. Chúng con sẽ không quy định điều không được quy định hoặc sẽ không hủy bỏ điều đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy dinh.” Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã cho phép rằng: "Các vị Tỳ-khxru nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y pamsukũla, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái."

5. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy [bàn bạc rằng]: "Bại đức upasena đã nói rằng: 'Không nên quy định điều không được quy đinh hoặc không nên hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy đinh9 có phải là sự thật không vay?" Các Tỳ-khiru đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép rằng: 'Các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y pamsukūla. hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái.'” Các vị ấy ao ước được diện kiến đức Thế Tôn nên đã quăng bỏ các tấm trải nằm và thọ trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khất thực, pháp của vi sử dụng y pamsukūla. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã nhìn thấy các tấm trải nằm bị quăng bỏ chỗ này? chỗ nọ, sau khi nhìn thấy đã hỏi các Tỳ-khtru rằng: Này các Tỳ-khưu, những tấm trải nằm bị quăng bỏ chỗ này, chỗ nọ là của vị nào vậy? Khi ấy, các vị Ty-khira ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Ton nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy đinh điêu học cho các Tỳ- khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Trong khỉ bảo thực hiện tâm lót ngôi, vi Tỳ-khưu nên lây một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ để hoại vẻ đẹp. Nếu vị Tỳ- khưu không lây một

gang tay của đức Thiện Thệ ở phân xung quanh của tâm lót cũ mà bảo làm tâm lót ngôi mới thì [vật áy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcỉttỉyay 6. Tấm lót ngồi nghĩa là có đường viền quanh được nói đến. Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt. Sau khi bảo làm: Sau khi [tự] làm hoặc sau khi bảo [người khác] làm. Tấm lót cũ nghĩa là đã được ngồi dầu chỉ một lần, đã được nằm dầu chỉ một lần. Nên lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ờ phần xung quanh để hoại vẻ đẹp: Sau khi cắt vòng tròn hoặc vuông vức rồi nên trải ra ở một góc, hoặc sau khi tháo rời rồi nên trải ra. Nếu vi Tỳ-khưu không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ờ phần xung quanh của tấm lót cũ: Sau khi không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phan xung quanh của tấm lót cũ rồi [tự] làm hoặc bảo làm tấm lót ngồi mới, trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggỉya. [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm,

hoặc đên cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt).. "Bạch các ngài, tấm lót ngồi này của tôi đã được bảo làm sau khi không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phân xung quanh của tâm lót cũ, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing." ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "T6i cho lại Đại dức." 7. Vi tự mình hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãicttỉya. Vi bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittỉya. Vi [tự làm] hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội Dukkata. 8. Sau khi đã lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tâm lót cũ roi làm; trong khi không có, đã lây ít hơn roi làm; trong khi không có, đã không lấy rồi làm; vị nhận được [tấm lót ngồi] đã được làm bởi người khác roi sử dụng; vị làm tâm màn che, hoặc tâm thảm trải nên đát, hoặc tâm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về tấm lót ngồi và tấm trải nằm. —ooOoo—

5.2.6. ĐIỀU HỌC VÈ CÁC LÔNG cừu 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ khi đang đi đến thành Sāvatthi trong xứ Kosala, ở giữa đường có các lông cừu đã được phát sanh. Khi ây? vị Tỳ-khưu ây đã dùng thượng y gói các lông cừu ây lại thành gói roi đi. Dân chúng sau khi nhìn thây vi Tỳ-khiru ây đã chê giêu răng: “Thua ngài, chúng được mua bao nhiêu? Lợi nhuận sẽ là bao nhiêu?” Trong khi bị những người ấy chế giễu, vị Tỳ-khưu ấy đã trở nên xấu hổ. Sau đó, khi đến thành Sāvatthi, vi Tỳ-khưu ấy đã đứng thẳng người ném các lông cừu ấy xuống. Các Tỳ-khưu đã nói với vi Tỳ-khưu ây như vây: Này Đại dức, vì sao Đại đức lại đứng thăng người ném các lông cừu này M xuông vậy? Này các Đại đức, như thê là vì nguyên nhân các lông cừu này mà tôi đã bị dân chúng chế giễu. -Này Đại đức, thế Đại đức đã mang những lông cừu này khoảng bao xa vậy? Này các Đại đức, hơn ba do-tuần.17

17 Từ điển của Childers ghi rằng: l yojana là vào khoảng 12 miles, còn từ điển của Pali Text Society lại ghi là khoảng 7 miles. Irong khi đo The Buddhist Monastic Code của Thanissaro Bhikkhu cho biêt: l yojana = 10 miles = 16km.

r r e \ Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao vi Tỳ-khưu lại mang các lông cừu hơn ba do-tuan?^ Sau đó, các vị Tỳ- khưu áy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi mang các lông cừu hơn ba do-tuần, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại mang các lông cừu hơn ba do-tuần vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu trong khi đi đường xa, có các lông cừu được phát sanh, vi Tỳ- khưu mong muốn thì nên thọ lãnh, Sau khi thọ lãnh, nên dùng tay mang toi đa ba do-tuần khỉ không có người mang. Nêu mang vượt quá khoảng cách ấy, cho dầu không có người mang vác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya^' 2. Vi Tỳ-khưu trong khi đi đường xa: Là vi đang đi đường. Các lông cừu được phát sanh: Là được phát sanh từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vật quăng bỏ, hoặc từ vật sở hữu của bản thân. Mong muốn: Với vị đang ước muốn. Thì nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh thì nên dùng tay mang tối đa ba do- tuần: Nên dùng tay mang nhiều nhất ba do-tuần. Khi không có người mang vác: Không có người nào khác khuân vác: Hoặc là người nữ, hoặc là người nam, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia. Nếu mang vượt quá khoảng cách ấy, cho dầu không có người mang vác: Vượt quá ba do-tuần bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata. Vượt quá ba do- tuần bước thứ nhì thì phạm vào tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Đứng trong khoảng ba do-tuần và làm rơi ngoài ba do-tuần thì phạm vào tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Sau khi để ở trên xe hoặc trong gói đồ của người khác mà họ không hay biết, vị vượt quá ba do-tuân thì [các lông cừu áy] phạm vào tội Nỉssaggỉya, cân được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu? nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, các lông cừu này của tôi đã vượt quá ba do-tuân, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ các vật này đên hội chúng.„ (îìt) hội chúng nên cho lại (nt) chư Đại đức nên cho lại
(nt) "T6i cho lại Đại due." 3. Hơn ba do-tuân, nhận biêt là đã hơn, vi vượt qua thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttiya. Hơn ba do-tuần, có sự hoài nghi, vị vượt qua thì phạm tội Nissaggỉya Pâcỉttỉya. Hơn ba do-tuần5 [làm] tưởng là chưa hơn, vị vượt qua thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi chưa hơn ba do-tuần? [lam] tưởng là đã hơn thì phạm

tội Dukkata, Khi chưa hơn ba do-tuần, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa hơn ba do-tuần, nhận biết là chưa hơn thì vô tội. 4. Vi mang đi ba do-tuần, vị mang đi kém ba do-tuần, vị mang đi ba do- tuần rồi mang lui lại, sau khi đi ba do-tuần vị có ý định tìm tru xứ rồi mang hơn khoảng cách đó, vị nhận lại vật bị cướp rồi mang đi, vị nhận lại vật đã sám hối ưng xả [và được cho lại] rồi mang đi, vị bảo người khác mang,

vị mang vật đã là thành phẩm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về các lông cừu. -ooOoo—

5.2.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC BẢO GIẶT LÔNG cừu 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khưu-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu. Trong khi giặt, trong khi nhuộm và trong khi chải các lông cừu, các Tỳ-khiru-ni xao lãng việc đọc tụng, việc vấn hỏi, [việc tu tập] tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đen đã đảnh lễ đức The Tôn, roi đứng ở một bên. Đức The Tôn đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamĩ đang đứng một bên điều này: Này Gotamĩ, chắc hẳn các Tỳ-khưu-ni sống không có xao lãng, tinh cần và bản thân có nỗ lực? Bạch Ngài, sự không xao lãng của các Tỳ-khưu-ni từ đâu có được khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khiru-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu? Trong khi giặt, trong khi nhuộm và trong khi chải các lông cừu, các Tỳ-khưu-ni xao lãng việc đọc tụng, việc vân hỏi, [việc tu tập] tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamĩ bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamĩ đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bảo các Tỳ-khưu-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn? đúng vậy. Này các Tỳ-khưu, là các nữ thân quyến của các ngươi hay không phải là các nữ thân quyến? -Bạch Thế Tôn, không phải là các nữ thân quyến.

Này những kẻ rồ dại, những người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gi làm hài lòng hay không làm hài lòng những người nữ không phải là thân quyên. Này những kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao các ngươi lại bảo các Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu nào bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, hoặc bảo nhuộm, hoặc bảo chải các lông cừu thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vi ấy] phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khmT được đề cập trong ý nghĩa này. [Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. 4. Vị chỉ thị rằng: "Hãy giát" thì phạm tội Dukkata. [các lông cừu] đã được giặt thì phạm vào tội Nissaggiya. Vị chỉ thị rằng: "Hy nhuOm” thì phạm tội Dukkata. [các lông cừu] đã được nhuộm thì phạm vào tội Nissaggiya. Vị chỉ thị rằng: "Hãy chi” thì phạm tội Dukkata. [các lông cừu] đã được chải thì phạm vào tội Nỉssaggỉya. nên được xả bỏ đến hội chúng,

hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: "Bạch các ngài, các lông cừu này của tôi đã được bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [các lông cừu] này đến hội chúng." ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại đức.,, 5. Không phải là thân quyên, nhận biêt không phải là thân quyên, vị bảo giặt các lông cừu thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội Dukkata với tội Nỉssaggỉya. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo chải các lông cừu thì phạm tội Dukkata với tội Nỉssaggỉya. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vi bảo giặt, bảo nhuộm, bảo chải các lông cừu thì phạm hai tội Dukkata với tội Nissaggỉya. 6. Không phải là thân quyên, nhận biêt không phải là thân quyên, vị bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội Nỉssaggỉya. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm, bảo chải ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo giặt các lông cừu thì phạm tội Dukkata với tội Nissaggiya. ...(nt).. vị bảo nhuộm, bảo chải, bảo giặt các lông cừu thì phạm hai tội Dukkata với tội Nỉssaggiya. 7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo chải các lông cừu thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. Không phải là thân quyến,

nhận biêt không phải là thân quyên, vi bảo chải, bảo giặt ...(nt).. vi bảo chải, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội Dukkata với tội Nissaggiya..... (nt)... vị bảo chải, bảo giặt, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm hai tội Dukkata với tội Nissaggỉya. 8. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt).. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, ...(nt).. Vi bảo giặt các lông cừu của vị khác thì phạm tội Dukkata. Vi bảo cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng giặt thì phạm tội Dukkata. Là thân quyên, [lâm] tưởng không phải là thân quyên thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaía. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội. 9. Khi vị [Tỳ-khưu-ni] là thân quyến đang giặt có vi [Tỳ-khưu-ni] thứ nhì không phải là thân quyến [phụ giúp], vi [Tỳ-khiru-ni] giặt khi chưa được nói, vị bảo giặt vật đã là thành phẩm chưa được sử dụng, [vị bảo] cô Ni tu tập sự, [vị bảo] Sa-di-ni, vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về việc bảo giặt lông cừu. —ooOoo—

5.2.8. ĐIỀU HỌC VỀ VÀNG BẠC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Rājagaha, VèỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā là vi thường tới lui với gia đình nọ và là vị nhận bữa ăn thường kỳ. Khi nào gia đình ấy có được vật thực loại cứng hoặc loại mềm, phần chia trong số đó được để dành cho Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā. Vào lúc bấy giờ, gia đình ấy có được miếng thịt nhằm lúc chiều tối. Trong số đó, phần chia của Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā được để dành lại. Đen canh cuối của đêm, đứa bé trai của gia đình ấy thức dậy khóc lóc rằng: Hãy cho con thịt. Khi ấy, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này: Hãy cho đứa bé phần chia của ngài Đại đức. Sau khi mua phần khác, tôi sẽ dâng ngài. Rồi người đàn ông ấy đã cho đứa bé phần thịt ấy. 2. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, đã mặc y, câm y bát đi đên gia đình

ây, sau khi đên đã ngôi xuống trên chô ngôi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: -Thưa ngài, hôm qua lúc chiều tối có được miếng thịt. Trong số đó, phần chia của ngài Đại đức đã được để dành. Thưa ngài, vào canh cuối của đêm, đứa

bé trai này đã thức dậy khóc lóc rằng: "Hãy cho con thjt." Phần chia của ngài Đại đức đã được cho đến đứa bé. Thưa ngài, với một đồng tiền thì vật gì hãy được mang lại?18 Này đạo hữu, đồng tiền đã được ta từ bỏ. -Thưa ngài, đúng vậy. Đã được từ bỏ. Này đạo hữu, hãy trao cho ta chính đông tiên ây. 3 Khi ấy, người đàn ông ấy đã trao đồng tiền cho Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Chúng tôi nhận lãnh vàng bạc như thế nào thì các Sa-môn Thích tử này thọ lãnh vàng bạc y như thế?9 Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā lại thọ lãnh vàng bạc?" Sau đó5 các vi Ty-khưu ay đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này upananda, nghe nói ngươi thọ lãnh vàng bạc, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thọ lãnh vàng bạc vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "VỊ Tỳ-khưu nào nhận lấy hoặc bảo nhận lấy hoặc ưng thuận vàng bạc đã /c r _ được mang đên thỉ [vật áy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcittiyay 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vàng nghĩa là màu da của bậc Đạo sư được nói đến. Bạc nghĩa là đông tiên kahãpana. tiên mâsaka băng đông, tiên mâsaka băng gỗ, tiền mãsaka bằng nhựa cánh kiến, những vật nào dùng trong việc buôn bán. Nhận lây: Bản thân câm lây thì phạm vào tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Bảo nhận lấy: Bảo người khác cầm lấy thì phạm vào tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. Hoặc ưng thuận [vàng bạc] đã được mang đến: Đối với [vàng bạc] đã được mang đến [nói rằng]: "Vật này hãy là của ngài", vị ưng thuận thì phạm vào tội Nỉssaggiya. nên được xả bỏ ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: Vị Tỳ-khưu ây nên đi đên hội chúng, đăp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vày: "Bạch các ngài, tôi đã thọ lãnh vàng bạc, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing.” Sau khi xả bỏ? nên sám hối

18 Nếu dựa vào câu chuyện này thì giá trị của l pâda hoặc 5 mâsaka (= 1/4 kahãpanà) vào thời bấy giờ không cao lam, xin xem lại Parajika điêu hai (ND).

tội. Tội nên được ghi nhận bởi vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nếu có r r : • \ người phụ việc chùa hoặc nam cư sĩ đi đên nơi ây thì nên nói với người ây răng: "Này đạo hữu, hãy nhận biết vật nSy.” Nếu người ấy nói rằng: "v&i vật này, hãy để cho vật gì

được mang lại?" Không nên nói rằng: "Hãy mang lại vật này hoặc vật này." Nên đề cập đến vật được phép là bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía. Nếu người ấy sau khi dùng [vàng bạc] ấy trao đổi và đem lại vật được phép thì tất cả nên thọ dụng, trừ ra vi đã thọ lãnh vàng bạc. Nếu điều ây có thê đạt được như vậy, như thê việc này là tót đẹp; nêu không thê đạt được thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, hãy quăng bỏ vật này." Nếu người ấy quăng bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [người ấy] không quăng bỏ thì nên chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc là vị Tỳ-khiru hội đủ năm điều kiện: Là vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi5 là vị biết vật đã được quăng bỏ hoặc chưa được quăng bỏ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vày: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khuu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh vị Tỳ- khưu tên [như vầy], là vi quăng bỏ vàng bạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay], là vị quăng bỏ vàng bạc xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể noi lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quăng bỏ vàng bạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này la như vậy?9 5. Vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy, sau khi đã không làm dấu hiệu rồi nên ném đi. Nếu sau khi đã làm dấu hiệu rồi ném đi thì phạm tội Dukkata. Vàng bạc, nhận biết là vàng bạc, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội Nissaggiya Pâcittỉya. Vàng bạc, có sự hoài nghi, vi thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. Vàng bạc, [lầm] tưởng không phải là vàng bạc, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội Nissaggiya Pâcittỉya. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc thì phạm tội Dukkata. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc thì vô tội. 6. Sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong chô ngụ, vị giữ lại [nghĩ răng]: "Là của ai, người ây sẽ mang di", vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về vàng bạc. —ooOoo—

330 * PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

5.2.9. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC TRAO ĐỔI BẰNG VÀNG BẠC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khun nhóm Lục Sư tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Sa-môn Thích tử lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, giống như những kẻ tại gia hưởng dục vay?” Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thiic?“ Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, nghe nói các ngươi tiên hành việc trao đôi băng vàng bạc dưới nhiều hình thức, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách

rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu nào tiến hành việc trạo đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vỉ ấy] phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi nào: Là bát cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Dưới nhiều hình thức nghĩa la vật đã chế biến, vật chưa chế biến, vật đã chế biến và chưa chế biến. Đã chế biến nghĩa là làm thành vật [trang sức] ở đâu, làm thành vật [trang sức] ở cô, làm thành vật [trang sức] ở tay, làm thành vật [trang sức] ở bàn chân, làm thành vật [trang sức] ở hông. Chưa chế biến nghĩa là việc làm thành khối được nói đến. Đã chế biến và chưa chế biến nghĩa là cả hai điều ấy. Vàng bạc nghĩa là có màu sắc của bậc Đạo su, là đồng tiền kahāpana, tiền mãsaka bằng đồng, tiền mãsaka bằng gỗ, tiền mâsaka bằng nhựa cánh kiến, những vật nào dùng trong việc buôn bán. Tiến hành: Vị trao đổi vật đã chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Vị trao đôi vật chưa chê biên với vật đã chê biên thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya. Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttiya. Vi trao đổi vật đã chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttiya. Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị trao đổi vật đã chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội

Nỉssaggiya Pãcittiya. Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vị trao đoi vật đã che biến và chưa chê biên với vật đã chê biên và chưa chê biên thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Nên được xả bỏ ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing." Sau khi xả bỏ9 nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nếu có người phụ việc chùa hoặc nam cư sĩ đi đến nơi ấy thì nên nói với người ây răng: "Này đạo hữu, hãy nhận biêt vật này.,, Nêu người ây nói răng: "Vói vật này, hãy đê cho vật gì được mang lại?" Không nên nói răng: "Hãy mang lại vật này hoặc vật này?9 Nên đe cập đen vật được phép là bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía. Nếu người ấy sau khi dùng [vàng bạc] ấy trao đổi và đem lại vật được phép thì tất cả nên thọ dụng, trừ ra vị đã thọ lãnh vàng bạc. Nêu điêu ây có thê đạt được như vậy? như thê, việc này là tốt đẹp; nếu không thể đạt được thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, hãy quăng bỏ vật nSy." Nếu người ấy quăng bỏ? như thế, việc này là tốt đẹp; nếu [người ấy] không quăng bỏ thì nên chỉ đinh vị quăng bỏ vàng bạc là vị Tỳ- khtru hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bi chi phối bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được quăng bỏ hoặc chưa được quăng bỏ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu câu;

sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nấu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy]? là vị quăng bỏ vàng bạc. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vi quăng bỏ vàng bạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quăng bỏ vàng bạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 3. Vị Tỳ-khưu đã được chỉ đinh ấy, sau khi đã không làm dấu hiệu rồi nên ném đi. Nếu sau khi đã làm dấu hiệu rồi ném đi thì phạm tội Dukkata. 4. Vàng bạc, nhận biết là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya. Vàng bạc, có sự hoài nghi, vị trao đôi vàng bạc thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vàng bạc, [lầm] tưởng không phải là vàng bạc, vị

trao đổi vàng bạc thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc, vi trao đổi vàng bạc thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc thì phạm tội Dukkata. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc thì vô tội. 5. Vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về việc trao đổi bằng vàng bạc. —ooOoo—

5.2.10. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC MUA BÁN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā là rành rẽ vê việc may y. Vị ây đã làm y hai lớp được nhuộm khéo léo và được sửa soạn khéo léo từ các loại vải cũ, sau khi làm xong đã khoác vào. Khi ấy, có vị du sĩ ngoại đạo nọ mặc tấm choàng tri giá cao đã đi đến gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Này Đại đức, y hai lớp này của ngài đẹp thật. Hãy đổi cho tôi với tấm choàng này. -Này đạo hữu, hãy biết lấy. Này Đại đức, được rồi. Tôi biết mà. Này đạo hữu, tốt thôi. Roi [họ] đã trao đôi. Sau đó, vị du sĩ ngoại đạo ây đã khoác lên y hai lớp ây, rồi đi đến tu viện của các du sĩ ngoại đạo. Các du sĩ ngoại đạo đã nói với vi du , r x SĨ ngoại đạo ây điêu này: Này huynh đệ, y hai lớp này của ngươi đẹp thật. Ngươi nhận được từ đâu vậy? 7 e A r Này các huynh đệ9 đã được trao đôi băng tâm choàng kia của tôi. Này huynh đệ5 y hai lớp này của ngươi sẽ được bao nhiêu ngày? Chính tấm choàng kia của ngươi mới giá trị. 2. Khi ây5 vị du sĩ ngoại đạo ây [nghĩ răng]: "Các du sĩ ngoại đạo đã nói sự thật. Y hai lớp này của ta sẽ được bao nhiêu ngày? Chính tấm choàng kia của ta . > r e mới giá trì”, roi đã đi đên gặp Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đen đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này:

9 _ • r Này Đại dức, đây là y hai lớp của Đại đức. Hãy cho lại tôi tâm choàng. Này đạo hữu, không phải ta đã nói với đạo hữu rằng: "Này đạo hữu, hãy biết lấy." Ta sẽ không cho lại. 3. Khi ây, vị du sĩ ngoại đạo ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Ngay cả người tại gia còn cho lại vật ấy đến người tại gia có sự luyến tiếc. Sao vị xuất gia lại không cho lại vi xuất gia?" Các Tỳ-khưu đã nghe được vi du sĩ ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā lại tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại dạo?" Sau đó? các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này Upananda, nghe nói ngươi tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại dạo, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: r \ r "Vị Tỳ-khưu nào tiên hành việc mua bán dưới nhiêu hình thức thì [vật áy] nên được xả bỏ và [vỉ ấy] phạm tội Pãcỉttỉyay 4. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Dưới nhiều hình thức nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh, thậm chí cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời. Tiến hành việc mua bán: [Nói rằng]: uHãy cho vật này với vật này, hãy mang lại vật này với vật này, hãy trao đổi vật này với vật này, hãy mua vật này với vật này,\ vi tiến hành thì phạm tội Dukkata, Khi nào có vật được mua và vật được bán, [tức là] vật của bản thân được đến tay người kia và vật của người kia được đến tay của bản thân thì phạm vào tội Nỉssaggỉya, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như v2y: ...(nt)..."Bạch các ngài, tôi đã tiên hành việc mua bán dưới nhiều hình thức, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.^, ..(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Bại dức." 5. Việc mua bán, nhận biêt là việc mua bán thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya. Việc mua bán, có sự hoài nghi thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Việc mua bán, [lầm] tưởng không phải là việc mua bán thì phạm tội Nissaggiya Pâcỉttiya. Không phải là việc mua bán, [lam] tưởng là việc mua bán thì phạm tội Dukkata. Không phải là việc mua bán, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là việc mua bán, nhận biết không phải là việc mua bán thì vô tội.

334 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

6. Vị hỏi trị giá [của vật], vị chỉ bảo người làm cho đúng phép, vi nói rằng:

"Chúng ta có vật này, chúng ta cần vật này và vật này", vi bị điên, vị vi phạm đàu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc mua bán.

Phẩm Tơ tăm là thứ nhì.

—ooOoo—

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, tấm lót ngồi, hai điều về lông cừu, vê việc nhận lây, cả hai dưới nhiêu hình thức. —ooOoo—

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA > 335

5.3. PHẨM BÌNH BÁT

5.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ BÌNH BÁT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều bình bát? Các Sa-môn Thích tử sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sứ?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cất giữ bình bát phụ trOi?" Sau d6, các vi Tỳ- khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cất giữ bình bát phụ trội, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại cất giữ bình bát phụ trội vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào cất giữ bình bát phụ trội thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vi ấy] phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. [Sự quy đinh căn bản] —ooOoo- 2. Vào lúc bấy giờ, có bình bát phụ trội được phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng bình bát ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta ngụ tại Sâketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: 'Không được cất giữ bình bát phụ trội\ và bình bát phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý định dâng bình bát này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sãketa; vậy ta nên thực hành như thế no?" Sau d6, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức The Ton.

336 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

3. Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây? -Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khiru rang: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cát giữ bình bát phụ trội tôi đa mười ngày. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: r r r “Binh bát phụ trội nên được cát giữ tôi đa mười ngày. Vượt quá hạn ây thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vỉ ấy] phạm tội Pãcittỉyay [Sự quy đinh lần hai] 4. Tối đa mười ngày: Là nên được cất giữ [hoặc sử dụng] nhiều nhất mười ngày. Bình bát phụ trội nghĩa là chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung. Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. Bình bát có ba dạng: Bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. Bình bát cỡ lớn, nghĩa là chứa được một nửa ālhaka cơm,19 một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. Bình bát cỡ vừa nghĩa là chứa được một nãḷika cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. Bình bát cỡ nhỏ nghĩa là chứa được một pattha20 cơm, một phân tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. Lớn hơn các cỡ ấy không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát. Vượt quá hạn ấy thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ: Đen lúc hừng đông ngày thứ mười một thì phạm vào tội Nissaggiya. [Bình bát ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá

nhân. Và này các Tỳ-khiru, nên được xả bỏ như vầy: Vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Bình bát này thuộc vê vi Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào tội Nissaggỉya đã được xả bỏ đến hội

19 Addhālhakodanam (addha-ālhaka-odanani).^ Addhā là một nửa,, ãỊhaka là đơn vị đo thể tích, odanam là cơm đã được nau. Tuy nhiên, nên hiểu là "cơm đã được nấu từ 1/2 ālhaka gập" (VinA. III. 703), chứ không phải "lượng cơm là 1/2 ãỊhakay Người Việt chúng ta cũng nói: An hết l lon, là ăn hết l lon gạo chư không phai l lon cơm, ngài Mahāsamanā Chao cung giải thích tương tợ; trong khi đó, dịch giả L B. Homer dịch theo ý sau, nghĩa là Tượng cơm là 1/2 alhakay 20 Theo ngài Mahāsamanā Chao giải thích ở Vìnayamukha thì l ãỊhaka = 4 nāli/nālika = 8pattha (l nâli =2 pattha). Pattha là lượng chứa do hai tay bụm lại. Khi dùng các lượng 1/2 ãỊhaka, l nail, l pattha gạo rồi nấu lên thành cơm thì các lượng cơm ẩy theo thứ tự là sức chứa đựng của ba loại bình bát cỡ lớn, cỡ vừa và cỡ nhỏ.

chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát nay đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]?9 Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khiru, đắp thượng y một bên vai, đảnh lê ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngôi chôm hôm, chăp tay lên và nên nói như vầy: "Thua các ngài, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức.,, Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại. "Xin chư Đại đức hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào tội Nỉssaggỉya đã được xả bỏ đến chư Đại đức. Nấu là thời điểm thích hợp cho chư Đại dức, chư Đại đức nên cho lại bình bát này đến vị Tỳ-khiru tên [như vầy]?9 5. Vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến một vi Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Thua Đại đức, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày, cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đên Đại đức.,, Sau khi xả bỏ? nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vi Tỳ-khưu ấy và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: "T6i cho lại Đại đức bình bát này.” 6. Khi quá hạn mười ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Khi quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bi mất trộm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi không bi hư

hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcittiya. Khi không bị bể, [lầm] tưởng là đã bi bể thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittỉya, Bình bát phạm vào tội Nissaggiya, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn mười ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội. 7. Trong thời hạn mười ngày, vị chú nguyện để dùng riêng, vi chú nguyện để dùng chung, vi phân phát, [bình bát] bị mất trộm, [bình bát] bị hư hỏng, [bình bát] bi bể, [những người khác] cướp roi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các Tỳ-khiru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

338 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này các Tỳ-khưu, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ; vị nào không cho lại thì phạm tội Dukkata. Dứt điều học về bình bát. —ooOoo—

5.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ CHƯA ĐỦ NĂM MIẾNG VÁ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, có người thợ làm đồ gôm nọ đã thỉnh câu các Tỳ-khưu răng: "Các ngài Đại đức nào có nhu câu vê bình bát, tôi sẽ dâng bình bát." Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không biết chừng mực và yêu câu nhiêu bình bát. Những vi có các bình bát nhỏ thì yêu câu các bình bát lớn. Những vị có các bình bát lớn thì yêu cầu các bình bát nhỏ. Khi ấy, trong lúc làm nhiều bình bát cho các Tỳ-khiru, người thợ làm đồ gốm ấy không thê làm hàng khác đê bán nên không nuôi nôi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại không biêt chừng mực và yêu câu nhiêu bình bát? Người này trong lúc làm nhiều bình bát cho các vị này, không thể làm hàng khác đê bán nên không nuôi nôi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ s&." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát?” 2. Sau đó, các vị Tỳ-khun ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu? nghe nói các ngươi không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu? vì sao những kẻ ro dại ấy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên yêu câu bình bát, vi nào yêu câu thì phạm tội Dukkata. 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khmi nọ có bình bát bi bể. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán yêu cầu bình bát”trong lúc ngần ngại không yêu cầu, rồi đi khất thực bằng hai bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi khất thực bằng hai bàn tay giống như là các ngoại đạo vay?” Các Tỳ-khưu đã nghe được những người

ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị có bình bát bi hư hỏng hoặc bình bát bi bể được yêu càu về bình bát. 4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Phật đã cho phép vị có bình bát bị hư hỏng hoặc bình bát bị bể được yêu cầu về bình bát các vị ấy với [bình bát] bi bể chỉ chút ít? bị lủng chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát. Khi ấy, trong lúc làm nhiều bình bát cho các Tỳ-khưu, người thợ làm đò gốm ấy giống như trước đây, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu kho sở. Tương tợ y như thế, dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát? Người này trong lúc làm nhiều bình bát cho các vị này, không thê làm hàng khác đê bán nên không nuôi nôi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ s&." 5. Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khmi nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các ngươi với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, chỉ với chút ít bi trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi với [bình bát] bi bể chỉ chút ít, bi lủng chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: r r "Vị Tỳ-khưu nào với bình bát chưa đủ năm miêng vả mà kiêm thêm bình bát mới khác thì [bình bát mới áy] nên được xả bỏ và [vỉ áy]phạm tội Pãcittỉya. Vi Tỳ-khưu ấy nên xả bỏ bình bát ấy đen tập the các Tỳ-khưu. Và cải nào là bình bát cuôi cùng của tập thê các Tỳ-khưu âyf cái ây nên trao đên vi Tỳ-khưu ây: 'Này Tỳ-khưu, đay là bình bát của ngươi, nên giữ lấy cho đến khi bể.'Đây là điều đúng đan trong trường hợp ấyy 6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vi Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ năm miêng vá nghĩa là bình bát không có miêng vá, hoặc một miếng vá, hoặc hai miếng vá, hoặc ba miếng vá, hoặc bốn miếng vá. Bình bát không chỗ đắp vá nghĩa là bình bát không có lỗ thủng rộng hai ngón tay.21 Bình bát có chỗ đắp vá nghĩa là bình bát có lỗ thủng rộng hai ngón tay. Bình bát mói nghĩa là liên quan việc yêu câu được đê cập đên. Kiếm thêm: Vị yêu cầu, trong khi tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggỉya. [bình bát ấy] cần được xả bỏ ở giữa hội chúng. Tất cả các Tỳ-khưu nên mang theo bình bát đã chú nguyện và tụ hội lại. Không nên chú nguyện bình bát kém cỏi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy bình bát cao giá." Nếu vị chú nguyện

bình bát kém cỏi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy bình bát cao giá59 thì phạm tội Dukkata. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: Vị Tỳ-khưu ây nên đi đên hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khiru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, bình bát này của tôi đã được kiếm thêm khi bình bát chưa đủ năm miếng vá, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chiing." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nên chỉ định vị chuyển đổi bình bát là vị Tỳ-khưu hội đủ năm điều kiện: Là vi không the bi chi phoi bởi sự ưa thích, không the bị chi phoi bởi sự sân hận, không thể bị chi phoi bởi sự si me, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được lấy hay chưa được lấy. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị chuyển đổi bình bát. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị chuyển đổi bình bát. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị chuyển đổi bình bát xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị chuyển đổi bình bát. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v".“ Bình bát nên được chuyên đôi bởi vị Tỳ-khiru đã được chỉ định ây. Nên nói với vị Trưởng lão rằng: "Thua ngài, xin Trưởng lão nhận lấy bình bát." Nếu vi Trưởng lão nhận lấy, bình bát của vi Trưởng lão nên được chuyển đổi đến vị thứ nhì. Và không nên vì lòng thương hại vị ấy mà không nhận lấy, vị nào không

21 Dvanguỉa (hai lóng tay): Anguỉa là chiều dài của lóng tay, tương đương độ dài của 7 hạt gạo (VìbhA. 343). The Buddhist Monastic Code cho biết: Độ dài của hai lóng tay (dvaùguỉa) khoảng 2 inches = 5,08cm.

nhận lấy22 thì phạm tội Dukkata. Vi không có bình bát không được chuyển đổi. Nên được chuyển đổi cho đến vị mới tu của hội chúng theo đúng phương thức ấy. Và cái nào là bình bát cuối cùng của tập thể các Tỳ-khưu ấy, cái ấy nên trao đến vi Tỳ-khưu ấy: “Này Tỳ-khưu? đây là bình bát của ngươi, nên giữ lấy cho đến khi bể." Vị Tỳ-khưu ấy không nên để xuống bình bát ấy không đúng chỗ, không nên sử dụng sái với cách thức dùng,23 không nên phân phát đi [nghĩ rằng]: uLàm thế nào bình bát này bi trộm, hoặc bị hư hỏng, hoặc bị bể?” Nếu để xuống không đúng chỗ, hoặc sử dụng sái với cách thức dùng, hoặc phân phát thì phạm tội Dukkata. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là điều hợp lý trong trường hợp ây. 7. Với bình bát không miêng vá, vi kiêm thêm bình bát không miêng vá thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát một miêng vá ... bình bát hai miêng vá ... bình bát ba miêng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội Nissaggỉya Pâcỉttỉya. 8. Với bình bát một miêng vá, vị kiêm thêm bình bát không miêng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội

Nissaggiya Pãciítiya. 9. Với bình bát hai miêng vá, vị kiêm thêm bình bát không miêng vá... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 10. Với bình bát ba miêng vá, vị kiêm thêm bình bát không miêng vá... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittỉya. 11. Với bình bát bôn miêng vá, vi kiêm thêm bình bát không miêng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. 12. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát một chỗ đắp vá... bình bát hai chô đáp vá ... bình bát ba chô đăp vá ... bình bát bôn chô đáp vá thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttỉya. 13. Với bình bát một miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội Nỉssaggỉya Pācittiya.

22 Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa thì vị nào vì lòng thương hại mà không nhận lấy thì mới phạm tội Dukkata, còn vị tự biết đủ [nghĩ rằng]: "hinh bát khác cho toi lẩm gi?" rồi không nhạn lấy thì vô tội (VinA. IIL 708). 23 Ngài Buddhaghọsa giải thích rằng: "Kh6ng nên sử dụng sái với cách thức dùng, ví dụ như nấu cơm, nấu cháo, nấu thuốc lứiuộm, v.v... luý nhiên, khi đi đường xa, nếu bị bệnh và không có vật gì để nấu thì nên bòi đất sét ở bên ngoài rồi nấu cháo hoặc nấu nướcí, (ýìnA. III. 709).

14. Với bình bát hai miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 15. Với bình bát ba miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bon chỗ đắp vá thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya. 16. Với bình bát bốn miếng vá, vi kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bon chỗ đắp vá thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttiya. 17. Với bình bát không chỗ đắp vá, vi kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá ... Với bình bát một chỗ đắp vá,... Với bình bát hai chỗ đắp vá,... Với bình bát ba chỗ đắp vá,... Với bình bát bốn chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá ... Với bình bát không chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. 18. Với bình bát một chỗ đắp vá, vi kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ...bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. 19. Với bình bát hai chỗ đắp vá,... Với bình bát ba chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá... bình bát ba chỗ đắp vá... bình bát bon chỗ đắp vá thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcittỉya. 20. Với bình bát bốn chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ

đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bon chỗ đắp vá thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. 21. Vị có bình bát bi hư hỏng, vị có bình bát bi bể, đối với các thân quyến, đối với những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về chưa đủ năm miếng vá. —ooOoo—

5.3.3. ĐIỀU HỌC VỀ DƯỢC PHẨM l. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha ở thành Rājagaha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã đi đen gặp Đại đức Pilindivaccha,

sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này: -Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy? -Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi. —Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không? Tâu Đại vương, đức Thế Tôn chưa có cho phép về người giúp việc tu viện. -Thưa ngài, như thế thì ngài hãy hỏi đức Thế Tôn, rồi báo cho trẫm biết. -Tâu Đại vương, xin vâng. Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niêm phân khởi băng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. 2. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Ton [thưa rằng]: "Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như thế nao?99 Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ- khiru lại, đã nói pháp thoại, roi bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép người giúp việc tu viện. Đen lần thứ nhi, đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này: Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không? -Tâu Đại vương, đã được rồi. Thưa ngài, như vậy thì trẫm ban cho ngài Đại đức người giúp việc tu viện. Rồi sau khi hứa với Đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Sau một thời gian dài, đức Vua khi phục hồi lại ký ức, đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng: Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trẫm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa? Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức. Này khanh, tính đến đêm nay là đã bao lâu rồi vậy?

Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm, rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha điều này: -Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm. -Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện. -Tâu Bệ hạ, xin vâng. Rồi vị quan đại thần đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha, dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi nơi ấy là "Ngôi làng của những người giúp việc tu viên.” Họ đã gọi nơi làng ấy là "Ngôi làng Pilinda.^, 3. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay lui tới ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilinda để khất thực. Vào lúc bấy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ được trang điểm, đeo vòng hoa và đùa giỡn. 4. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha trong lúc đi khất thực theo từng nhà ở làng Pilinda đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuông ở chô ngôi được săp đặt săn. Vào lúc bây giờ, cô bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ây nhìn thây những đứa trẻ khác được trang diêm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc: Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này: Vì sao bé gái này khóc vậy? Thưa ngài, bé gái này nhìn thây những đứa trẻ khác được trang diêm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc: "Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sue?9 Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức? Khi ây, Đại đức Pilindivaccha đã câm lây vòng cỏ nọ, roi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ây điêu này: -Vậy thì hãy đội vòng cỏ này lên đầu của bé gái ấy đi. Khi áy, người đàn bà giúp việc tu viện áy đã câm lây vòng cỏ áy roi đội lên đầu của đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xăn, duyên dáng; trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisāra A xứ Magadha răng: -Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xan, duyên dáng; trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa băng vàng như thê ây. Đôi với kẻ lâm cảnh khó khăn ây thì lây đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA « 345

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha đã ra lệnh bắt giữ gia đình của người giúp việc tu viện ấy. 5. Đen lần thứ nhì, vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilinda để khất thực. Trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilinda, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện ấy, sau khi đen đã hỏi những người hàng xóm rang: Gia đình của người giúp việc tu viện này đã đi đâu? -d -í A e -Thưa ngài, họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa băng vàng ấy. 6 Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đang ngồi một bên điều này: -Tâu Đại vương, vì sao gia đình của người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ? Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ây có vòng hoa băng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của trẫm cũng không có được vòng hoa

bằng vàng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chác chăn là có được do trộm cáp. Khi ây, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện răng: "Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha là vng" cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng. -Tâu Đại vương, do đâu Đại vương lại có nhiêu vàng đên thê này? Thưa ngài, trâm đã hiêu roi. Việc ây là năng lực thân thông của chính ngài Đại đức. Rồi đức vua đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy. 7. Dân chúng [đồn rằng]: "Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân trước triều thần có cả đức vua nữa" nên đã hoan hỷ? có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn? mật ong, đường mía. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành vi thọ lãnh năm loại dược phẩm và phân phát cho hội chúng mỗi khi được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dã. Rồi tiếp tục được thọ lãnh, các vị chứa đầy các hũ và các chum rồi để riêng ra; các vị chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các loại dược phẩm ấy đã bị rỉ xuống, chảy ra và vẫn ở nguyên chỗ. Các tru xá đã có chuột xuất hiện rải rác, rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn? phê phán, chê bai rằng:

"Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha vay!" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?" 8. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru9 nghe nói các Tỳ-khmi chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại chấp nhận sự thặng dư như thế ấy? Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vầy: "Các loại dược phàm nào được dùng cho các Tỳ-khưu bi bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mỉa. Các thứ ấy sau khi thọ lãnh nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Vượt quá hạn ấy thỉ nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pãcỉttiyay 9. Các loại dược phẩm nào được dùng cho các Tỳ-khưu bi bệnh: Bơ lỏng, nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc là bơ lỏng của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng],24 Bơ đặc nghĩa là bơ đặc của chính các loài thú ấy. Dầu ăn nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eranda, dầu từ mỡ thú. Mật ong nghĩa là mật của loài ong. Đường mía nghĩa là được sản xuất từ cây mía. Các thứ ấy sau khỉ thọ lãnh nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày: Nên được thọ dụng nhiều nhất là bảy ngày. Vượt quá hạn ấy thì nên được xả bỏ: Đen lúc hừng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào tội Nissaggỉya. [dược phẩm ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khmi? nên được xả bỏ như vy: ..(nt)... "Bạch các ngài, dược phẩm này của tôi đã vượt quá hạn bảy ngày, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing." ...(nt).. hội chúng nên cho lại (nt) chư Đại đức nên cho lại (nt) "T6i cho lại Đại dức•" 10. Khi quá hạn bảy ngày, nhận biết là đã quá

hạn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi quá hạn bảy ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Nissaggiya 24 Vị Tỳ-khưu không được dùng mười loại thịt: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (TTTDPGVN,^ 11, tr. 283-87; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr 37-42)*

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 347

5 Pãcỉttỉya. Khi quá hạn bảy ngày, [lâm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi chưa quyết đinh, [làm] tưởng là đã quyết định thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttiya. 11. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát,... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bi mất trộm,... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng,... Khi không bi cháy, [lầm] tưởng là đã bi cháy,... Khi không bi cướp, [lầm] tưởng là đã bi cướp thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. 12. Sau khi nhận lại vật đã xả bỏ, không nên sử dụng bằng cách dùng ở trên cơ thể, không nên nuốt vào. Nên sử dụng cho đèn hoặc sơn màu đen. Vị Tỳ-khưu khác có thể sử dụng bằng cách dùng ở trên cơ thể, [nhưng] không nên nuốt vào. 13. Khi chưa quá hạn bảy ngày, [lầm] tường là đã quá hạn thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn bảy ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn bảy ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội. 14. Trong thời hạn bảy ngày, vị quyết định;25 vị phân phát; [dược phẩm] bị mất trộm; [dược phẩm] bị hư hỏng; [dược phẩm] bị cháy; [những người khác] cướp rồi lấy đi; [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết; vị không mong mỏi với vật đã được hy sinh, đã được từ bỏ5 đã được dứt bỏ đến người chưa tu lên bậc trên, sau khi cho rồi được lại và thọ dụng; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về dược phẩm. —ooOoo—

5.3.4. ĐIỀU HỌC VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, vải choàng tăm mưa đã được đức Thê Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Vải choàng tăm mưa đã được đức Thê Tôn cho phép" nên đã tìm kiêm y choàng tăm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các vị] lõa thể và để mưa làm ướt thân hình. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ- khưu nhóm Lục Sư lại tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các vị] lõa thể và để mưa làm ướt thân hinh?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? nghe nói các ngươi tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các ngươi] lõa thể và để mưa làm ướt thân hình, có đúng không vậy?

25 Ví dụ như khi được phát sanh dầu ăn thì được cất giữ trong thời hạn bảy ngày, trường hợp quyết định làm dầu bôi ở đầu, thuốc thoa tay chân và vết thựcnig thì không phạm tội. Lý do là vì khi sử dụng lam thuốc thoa nên trở thành vật có thể cất giữ đến hết dơi F?.lĩi 7Ì8.

348 e PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ ro dại, vì sao các ngươi lại tìm kiếm y choàng tam mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các ngươi] lại lõa thể và để mưa làm ướt thân hình vậy? Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "[Biêt răng]: 'Mùa nóng còn lại là một tháng", vi Tỳ-khưu nên tìm kiêm y choàng tam mưa. [Biết rang]: 'Mùa nóng còn lại là nửa tháng", vi làm xong thì nên mặc. Nêu [biết rang]: 'Mùa nóng còn lại là hơn một thảng"f roi tìm kiếm y choàng tăm mưa, [nêu biêt răng]: 'Mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng", sau khi làm xong roi mặc vào thì [y áy] nên được xả bỏ và [vi áy] phạm tội Pãcittiyay 2. [Biết rằng]: “MUa nóng còn lại là một tháng59, vi Tỳ-khưu nên tìm kiếm y choàng tắm mưa: Nên đi đến gặp những người nào trước đây dâng y choàng tắm mưa và nên nói như vầy: "Là thời điểm của vải choàng tắm mưa, là lúc của vải choàng tăm mưa, những người khác A r cũng dâng y choàng tăm mua." Không r nên nói răng: "Hãy dâng y choàng tăm mưa cho tôi, hãy mang lại y choàng tăm mưa cho tôi, hãy sắm y choàng tắm mưa cho tôi, hãy mua y choàng tắm mưa cho t6i." [Biết rằng]: “Mùa nóng còn lại là nửa tháng”, vi làm xong thì nên mặc: Khi mùa nóng còn lại là nửa tháng, sau khi làm xong thì nên mặc. Nếu [biết rằng]: wMùa nóng còn lại là hơn một tháng” Khi mùa nóng còn lại là trội hơn một tháng, vị tìm kiêm y choàng tăm mưa thì phạm vào tội Nỉssaggiya. [Nếu biết rằng]: wMùa nóng còn lại là hơn nửa thángw: Khi mùa nóng còn lại là trội hơn nửa tháng, vi làm xong và mặc vào thì phạm vào tội Nissaggỉya. [Y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y choàng tắm mưa này của tôi đã được tìm kiếm khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, sau khi làm xong đã được mặc khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đen hội chiing.” ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Đại dức.” 3. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, nhận biết là còn hơn [một tháng], vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcỉttỉya. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, có sự hoài nghi, vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, [lâm] tưởng là ít hơn [một tháng], vi tìm kiêm y choàng tăm mưa thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 4. Khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, nhận biết là còn hơn [nửa tháng], vi làm xong roi mặc vào thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi mùa nóng còn

lại là hơn nửa tháng, có sự hoài nghi, vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, [lầm] tưởng là ít hơn [nửa tháng], vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 5. Nếu có y choàng tắm mưa mà lõa thể và để mưa làm ướt thân hình thì phạm tội Dukkata. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, [lầm] tưởng là nhiều hơn [một tháng] thì phạm tội Dukkata. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, nhận biết là ít hơn [một tháng] thì vô tội. 6. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, [làm] tưởng là nhiều hơn [nửa tháng] thì phạm tội Dukkata.

Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, nhận biết là ít hơn [nửa tháng] thì vô tội. 7. Vị tìm kiêm y choàng tăm mưa khi [biêt răng]: uMùa nóng còn lại là một tháng"; vị làm xong và mặc vào khi [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là nửa tháng" vi tìm kiêm y choàng tăm mưa khi [biêt răng]: "Mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng,9; vị làm xong và mặc vào khi [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng"; khi y choàng tắm mưa đã được tìm kiếm thì mùa mưa bị trễ, khi y choàng tắm mưa đã được mặc vào thì mùa mưa bi trễ, nên giặt rồi cất lại và nên mặc lúc đúng thời; vị có y bị cướp đoạt; vị có y bị mất trộm; khi có sự CO26 vi bị điên; vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Dứt điều học về vải choàng tắm mưa. —ooOoo—

5.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GIẬT LẠI Y L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavane, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, nói với vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh điều này: e r -Này Đại đức, hãy đên. Chúng ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở. -Thưa ngài, tôi sẽ không đi. Y của tôi thì mảnh mai. Này Đại dức, hãy đên. Ta sẽ cho ngươi y. Rồi [Đại đức Upananda] đã cho y đến vi ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn sẽ ra đi, du hành trong xứ sở?9 Khi ấy, vị Tỳ-khiru ấy đã khởi ý điều này: "Giờ đây, ta sẽ không ra di, du hành trong xứ sở với Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā nữa, ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với đức Thế T6ỉì." Sau đó, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã nói với vị Tỳ-khiru ấy điều này:

26 Chủ giải cho một ví dụ là vị mặc y choàng tắm trị giá cao trong khi tắm sẽ có sự nguy hiểm về trộm cướp (VinA. III. 723). - - '

Này Đại dức, hãy đến. Giờ dây, chúng ta sẽ ra di, du hành trong xứ sở. Thưa ngài, tôi sẽ không ra di, du hành trong xứ sở với ngài. Tôi sẽ ra di, du hành trong xư sở với đức Thế Tôn. -Này Đại đức, y mà ta đã cho ngươi là sẽ ra di, du hành trong xứ sở với ta. Rồi [Đại đức upananda] nổi giận, bất bình, đã giật lại y. 2. Sau đó, vị Tỳ-khmi ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khtru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā, sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại?" Sau đó, các vi Tỳ-khmi ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. -Này upananda, nghe nói ngươi sau khi tự mình cho y đến vi Tỳ-khmi lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn? đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi tự mình cho y đến vi Tỳ-khtru lại nổi giận, bất bình rồi giật lại vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu nào sau khi tự mình cho y đến vỉ Tỳ-khiru lại nổi giận, bất bình roi giật lại, hoặc bảo giật lại thì [y áy] nên được xả bỏ và [vỉ áy] phạm tội Pãcittiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là uvị Tỳ-khiru,5 được đề cập trong ý nghĩa này. Đen vi Tỳ-khưu: Là đến vi Tỳ-khưu khác. Tự mình: Sau khi đích thân cho. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung. Nổi giận, bất bình:

Không được hài lòng, có tâm bực bội, sanh khởi lòng cay cú. Giật lại: Tự mình giật lại thì phạm vào tội Nissaggiya. Bảo giật lại: Ra lệnh người khác thì phạm tội Dukkata. Được ra lệnh một làn, [vị nghe lệnh] dầu giật lại nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Nissaggiya. [Y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khiru, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... uBạch các ngài, y này của tôi sau khi tự mình cho đên vị Tỳ-khưu roi đã giật lại, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chiing." ...(nt)...hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại dức."

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 351

4. Người đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, sau khi tự mình cho y lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Người đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, ..(nt).. Người đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, sau khi tự mình cho y lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 5. Sau khi cho vật dụng khác lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Dukkata. Sau khi cho y hoặc vật dụng khác đến người chưa tu lên bậc trên lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Dukkata, Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 6 Vi kia cho lại, hoặc lấy trong khi thân thiết với vị kia, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về việc giật lại y. —ooOoo—

5.3.6. ĐIỀU HỌC VÈ YÊU CẦU CHỈ SỢI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong thời hạn làm y đã yêu cầu nhiều chỉ sợi. Thậm chí, khi y đã làm xong vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “Này các Đại dức, chúng ta hãy yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y." Sau đó5 các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Thậm chí, khi y đã được dệt xong, vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Đen lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Thậm chí, khi y đã được dệt xong, vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Đen lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, roi bảo các thợ dệt dệt thành y. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y?” 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khmi nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên •4• á rr\ A đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

352 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “ VỊ Tỳ-khưu nào tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y thì [y áy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcittiyay 3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ..(nt)... Vi này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Tự mình: Sau khi đích thân yêu cầu. Chỉ soi nghĩa là sáu loại chỉ sợi: Loại băng sợi lanh, loại băng bông vải, loại bang tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bang gai thô, loại bang chỉ bo. [Bởi] các thợ dệt: Vị bảo các người làm công việc dệt vải [ra công] dệt, trong lúc thực hiện, [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã được tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi đã bảo các thợ dệt dệt thành, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng.,, ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ..(nt).. "T6i cho lại Đại dức." 4. Khi đã bảo dệt, nhận biết là đã bảo dệt thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Khi đã bảo dệt, có sự hoài nghi thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttiya. Khi đã bảo dệt, [lầm] tưởng là chưa bảo dệt thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. 5. Khi chưa bảo dệt, [lầm] tưởng là đã bảo dệt thì phạm tội Dukkata. Khi chưa bảo dệt, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa bảo dệt, nhận biết là chưa bảo dệt thì vô tội. 6[Yêu cầu chỉ sợi] để may y, trong trường hợp mạng vá, trường hợp dây thắt lưng, dây buộc ở vai, túi mang bình bát, đồ lược nước, của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về yêu cầu chỉ sợi. —ooOoo—

5.3.7. ĐIỀU HỌC QUAN TRỌNG VỀ THỢ DỆT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sắp sửa đi vắng nhà đã nói với người vợ điều này: Hãy cân chỉ sợi rồi giao cho người thợ dệt kia, bảo dệt y rồi cất lấy, khi nào về, tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức upananda.

Trong khi người đàn ông ây đang nói lời này, có vị Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được. Sau đó, vị Tỳ-khiru ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đên đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: -Này Đại đức upananda, ngài có phước báu lớn lao. ở chỗ kia, có người đàn ông nọ sắp sửa đi vắng nhà đã nói với người vợ điều này: "Hãy cân chỉ sợi rồi giao cho người thợ dệt kia, bảo dệt y rồi cất lấy, khi nào về, tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức upananda.” - Này Đại đức, đúng vậy. Ông ấy là người hộ độ cho tôi. Người thợ dệt ấy cũng là người hộ độ cho Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. 2. Sau đó, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã đi đến gặp người thợ dệt ấy, sau khi đến đã nói với người thợ dệt ấy điều này: Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, chặt chẽ, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải. -Thưa ngài, những

người này đã cân chỉ sợi rồi giao cho tôi [nói rằng]: “Hy dệt y với số chỉ sợi này?5 Thưa ngài, không thể làm dài, hay rộng, hay chặt chẽ. Thưa ngài, có thể làm là dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào và khéo chải. Này đạo hữu, ngươi hãy làm dài, rộng và chặt chẽ. Sẽ không bị thiếu hụt về chỉ sợi cho ngươi. 3. Sau đó, người thợ dệt ấy sau khi đưa vào máy dệt số chỉ sợi đã được mang lại, roi đã đi đen gặp người đan ba áy, sau khi đen đã noi vơi người đan bà ấy điều này: -Thưa bà? có nhu câu vê chỉ sợi. Này ông, không phải tôi đã nói với ông rằng: "Hãy dệt y với số chỉ sợi này." -Thưa bà, sự thật là tôi đã được bà nói rằng: "Hãy dệt y với số chỉ sợi n2y”; tuy nhiên, ngài Đại đức upananda đã nói với tôi như vầy: “Này đạo hữu, ngươi hãy làm dài, rộng và chặt chẽ. Sẽ không bi thiếu hụt về chỉ sợi cho ngươi?9 Khi ấy, người đàn bà ấy đã cho số lượng chỉ sợi lần sau y như số lượng lần thứ nhất. 4. Rồi Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã nghe được rằng: "Nghe nói người đàn ông ấy đi vắng nhà vừa mới trở vA" Sau đó, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã đi đến tư gia của người đàn ông ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này: -Có phải y ấy đã được dệt?

- Ông à? đúng vậy. Y ấy đã được dệt. Hãy đem lại. Tôi sẽ dâng y cho ngài Đại đức upananda. Sau đó, người đàn bà ây đã đem y ây đên đưa cho chông và đã kê lại sự việc ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy sau khi dâng y đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā rồi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: uCác Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng y cho những người này! Vì sao ngài Đại đức upananda khi chưa được tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt và đưa ra sự căn dặn về y?" 5. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y?" Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này upananda, nghe nói ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, đã đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. -Này upananda, là thân quyến của ngươi hay không phải là thân quyến? -Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến. -Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến khôn^ biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đoi với người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Trường hợp có nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến bảo các thợ dệt dệt thành y dành riêng cho vỉ Tỳ-khưu, Trong trường hợp ấy, nếu vỉ Tỳ-khưu ấy khỉ chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt và đưa ra sự căn dặn về y: 'Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi, Hãy làm [y ấy] dài, rông, chắc chan, hãy dệt cho khẻo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khẻo

chải. Có lẽ chúng tôi có the biếu xẻn các ông vật gì đỏ.'Và sau khỉ nỏi như vây, nếu vỉ Tỳ-khưu ấy biếu xẻn vật gì đó, dầu chỉ là đồ ăn khất thực thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vi ấy] phạm tội Pãcittiyay 6. Dành riêng cho vi Tỳ-khưuyì nhu càu của vị Tỳ-khưu? lấy vị Tỳ-khưu làm đoi tượng, roi có ý định dâng đen vi Tỳ-khiru. Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà. Nữ gia chủ nghĩa là bát cứ người nữ nào sông trong căn nhà.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 355

[Bởi] các thợ dệt: [Bởi] các người làm công việc dệt vải. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện đe dùng chung. Bảo dệt: Bảo đan lại. Trong trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khưu ấy: Vị Tỳ-khưu ấy là vị Tỳ-khưu mà y được dệt dành riêng cho. Khi chưa được thỉnh câu trước: Chưa được nói trước răng: "Thua ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Tôi sẽ dệt cho ngài y như thế nào?" Đi đến gặp các thợ dệt: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào. Đưa ra sự căn dặn về y: [Nói rằng]: “Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, dày, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chi." Có lẽ chúng tôi co thể biếu xén các ông vật gì đó. Và sau khi nói như vậy, nếu vi Tỳ-khưu ấy biếu xén vật gì đó, dầu chỉ là đồ ăn khất thực: Đồ ăn khất thực nghĩa là cháo, bữa ăn, vật thực cứng, cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ ròi, ngay cả nói pháp. 7. [Người thợ dệt] làm [y] dài, hoặc rộng, hoặc chặt chẽ theo lời nói của vi ấy; trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya, [y ấy] cần được xả bỏ đen hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đen hội chúng.,, ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Đại dức." 8. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt).. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn vê y thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. 9. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội. 10. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bang vật sở hữu của bản thân, vị bảo dệt [y] có giá trị thấp đối với người có ý định dệt [y] có giá trị cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học quan trọng về thợ dệt. —ooOoo—

5.3.8. ĐIỀU HỌC VÈ Y ĐẶC BIỆT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần nọ sắp sửa đi xa đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nhắn rằng]: Các Đại đức hãy đi đến.

Tôi sẽ dâng y của mùa [an cư] mưa. Các vi Tỳ-khiru [nghĩ rằng]: "Y của mùa [an cư] mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các vi đã trải qua mùa [an cư] mua", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi đến. Khi ấy, vị quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Đại đức khi được tôi phái sứ giả đến mời lại không đi đến? Bởi vì tôi đi việc quân đội, việc sống khó biết, việc chết khó hay." Các Tỳ-khưu đã nghe được vị quan đại than ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đa trình sự việc áy len đức The Ton. Khi áy, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khtru, Ta cho phép thọ lãnh y đặc biệt rồi để riêng. 2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Y đặc biệt đã được đức Thế Tôn cho phép thọ lãnh rồi để riêng.99 Các vị ấy sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã để vượt quá thời hạn về y. Các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y. Đại đức Ānanda trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại dức, các y đã được buộc thành đống, treo ở sào máng y là của vị nào vậy? Này Đại đức, là các y đặc biệt của chúng tôi. Này các Đại đức, vậy các y này đã được để riêng bao lâu rồi? Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã kể lại cho Đại đức Ānanda về việc [y] đã được để riêng như thế nào. Đại đức Ānanda phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 3. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ"khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại đê vượt quá thời hạn vê y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khmi5 các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 357

"Khi còn mười ngày là đến ngày rằm Kattika của ba tháng,21 trường hợp vị Tỳ-khưu có y đặc biệt phát sanh, vị Tỳ-khim nghĩ rằng là [y] đặc biệt rồi nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh nên đe riêng cho đen hết thời hạn ve y. Nêu đe riêng vượt quá hạn ây thì [y áy] nên được xả bỏ và [vị áy] phạm tội Pãcittiyay 4. Khỉ còn mười ngày là đến: Mười ngày là sẽ đến lễ Pavāranā. Ngày rằm Kattỉka của ba tháng: Lễ Pavāranā là Kattika được nói đến. Y đặc biệt nghĩa là người có ý định đi vào quân đội? hoặc có ý định đi xa, hoặc là bị bệnh, hoặc là mang thai, hoặc là người không có niềm tin đã được sanh khởi niềm tin, hoặc là người không mộ đạo đã được sanh khởi lòng mộ đạo. Nếu người ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khxru [nói rằng]: "Các Đại đức hãy đi đen. Tôi sẽ dâng y của mùa [an cư] mua." Y này gọi là y đặc biệt. Vi Tỳ-khưu nghĩ rằng, là [y] đặc biệt rồi nên thọ lãnh, sau khỉ thọ lãnh nên để riêng cho đến hết thời hạn về y: Sau khi ghi nhận rằng: uĐây là y đặc biêt , roi nen đe riêng. Thời hạn về y nghĩa là khi Kathỉna không được thành tựu thì một tháng cuối của mùa mưa. Khi Kathina được thành tựu thì năm tháng.27 28 Nếu để riêng vượt quá hạn ấy: Khi Kathina không được thành tựu, vi vượt qua ngày cuối cùng của mùa mưa thì phạm vào tội Nỉssaggiya. Khi Kathỉna được thành tựu, vi vượt qua ngày hết hiệu lực Kathỉna thì phạm vào tội Nissaggiya, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khiru? nên

được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch các ngài, y đặc biệt này của tôi đã vượt quá thời hạn vê y, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chilng."...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại bại dức." 5. Y đặc biệt, nhận biêt là y đặc biệt, vị đê vượt quá thời hạn vê y thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Y đặc biệt, có sự hoài nghi, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Y đặc biệt, [lầm] tưởng không phải là y đặc biệt, vi để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội Nissaggiya Pãcitíiya. Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng,... Khi chưa chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng chung, ... Khi chưa được phân phát, [lâm] tưởng là đã phân phát,... Khi không bị mát trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bi cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không

27 Kattikatemāsipunnamā (ngày rằm Kattỉka của 3 tháng): Tương đương rằm tháng^Chín âm lịch Việt Nam là ngày cuối cùng của mùa [an cư] mưa thời kỳ đau, ngày nay còn la ngày làm lê Pavāranā của các vị Tỳ-khưu đã ưải qua mùa [an cư] mưa thời kỳ đau. Còn Kattikacatumāsipunnamā (ngày rấm Kattika cua 4 tháng) tương đương rằm tháng Mười âm lịch (ND). 28 "Thời hạn về y" nghĩa là khi Kathinay không được thành tựu thì l tháng cuối của mùa mưa, tương đương 16 tháng Chín âm lịch đến hết rằm thaiig Mười âm lịch; thời ,gian này còn là thời kỳ dâng y Kathma. Nêu Kathina được thành tựu thì thời hạn về y được kéo dài đến khi nao Kathina còn hiệu lực, hoặc đến hết rằm tháng Hai năm sau, tức là thời hạn 5 tháng (ND).

bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp, vi để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội Nissaggỉya Pācittiya. 6. Y phạm vào tội Nissaệgiya. không xả bỏ roi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Không phải là y đặc biệt, [lam] tưởng là y đặc biệt thì phạm tội Dukkata. Không phải là y đặc biệt, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là y đặc biệt, nhận biết không phải là y đặc biệt thì vô tội. 7. Trong thời hạn [về y], vi chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bi mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lay đi do sự thân thiết, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về y đặc biệt. —ooOoo—

5.3.9. ĐIỀU HỌC VÈ [CHỖ NGỤ] NGUY HIỂM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các vị Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng. Bọn trộm cướp tháng Kattỉka [nghĩ rằng]: uCác Tỳ-khưu đạt được lợi lộcn nên đã quấy nhiễu. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Khi áy, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: uNày các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng được để lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà.,^ 2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép vị sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng được để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà", rồi để lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà và xa lìa hơn sáu đêm. Các y ấy bị mất, bị hư hỏng, bi cháy, bi các con chuột gặm nhấm. Các Tỳ-khưu trở nên mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này các Đại đức,

tại sao các vị lại trở nên mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu? Khi ấy, các vi Tỳ-khmi ấy đã kể lại sự việc cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu sau khi đe lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu dOm?” 3. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi để lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khuu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi để lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: “Khi mùa [an cư] mưa đã qua ngày răm Kattỉka, trường hợp có những chô trú ngụ ở trong rừng được xác đinh là có sự nguy hiếm, có sự kinh hoàng, và vị Tỳ-khưu đang sổng ở các chỗ trú ngụ có hình thức như thế, khi mong mỏi có thê đê lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà. Nêu vỉ Tỳ-khưu ây có ly do nào đó đưa đến việc xa lìa y ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên xa lìa y ấy tối đa là sáu đêm. Nêu xa lìa vượt quá hạn ây, ngoại trừ có sự đông ỷ của các Tỳ-khưuf thì [y áy] nên được xả bỏ và [vỉ áy] phạm tội Pãcỉttỉyay 4. Khi mùa [an cư] mưa đã qua: Là mùa mưa đã đuợc trải qua. Ngày rằm Kattikat Ngày rằm Kattika của bốn tháng được đề cập đến.29 Những chỗ trú ngụ ờ trong rừng: Chỗ trú ngụ ở trong rừng, nghĩa là cách [căn nhà] cuối cùng khoảng cách năm trăm cây cung.30 Có sự nguy hiêm nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, chô căm trại của bọn cướp được thây, chô ăn được thây, chô đứng được thây, chô ngôi được thây, chô năm được thây. Có sự kinh hoàng nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, dân chúng bị giêt bởi bọn cướp được thây, bị cướp giật được thây, bị đánh đập được thấy. Vi Tỳ-khưu đang sống ờ các chỗ trú ngụ có hình thức như thế: Là vi Tỳ-khưu đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như vậy. Khi mong mỏi: Khi ước muôn. Một y nào đó của ba y: Hoặc là y hai lớp, hoặc là thượng y, hoặc là y nội. Có thể để lại ờ trong xóm nhà: Có thể để lại ở vùng xung quanh ngôi làng là khu vực đi khất thực. Nếu vi Tỳ-khưu ấy có lý do nào đó đưa đến việc xa lìa y ấy: Nếu có lý do, nếu có nguyên nhân. Vi Tỳ-khưu ấy nên xa lìa y ấy tối đa là sáu đêm: Nên xa lìa nhiều nhất là sáu đêm. Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khưu Nêu xa lìa vượt quá hạn ây: Khi hừng đông ngày thứ bảy mọc lên thì phạm vào tội Nissaggiya. [y áy] cân được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu5 nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... uBạch các ngài, y này của tôi đã bị xa lìa quá sáu đêm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có

29 Theo âm lịch của Việt Nam là rằm tháng Mười. 30 The Buddhist Monastic Code cho biết: Khoảng cách của 500 cây cung độ chừng Ikm.

Sự đông ý của các Tỳ-khưu. Tôi xả bỏ y này đên hội chúng.,^ ...(nt).. hội chúng nên cho lại (nt) chư Đại đức nên cho lại (nt) "T6i cho lại Đại dức•" 5. Khi quá hạn
sáu đêm, nhận biết là đã quá hạn, vị xa lìa thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttiya. ngoại trừ có sự đông ý của các Tỳ-khưu. Khi quá hạn sáu đêm, có sự hoài nghi, vị xa lìa thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khiru. Khi quá hạn sáu đêm, [lầm] tưởng là chưa quá hạn, vị xa lìa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya, ngoại trừ có sự đong ý của các Tỳ-khưu. Khi chưa nguyện xả, [lầm] tưởng là đã nguyện xả,... Khi chưa phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bi mất trộm,... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bi hư hỏng,... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy,... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp, vị xa lìa thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttiya. ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. 6. Y phạm vào tội Nissaggiya. không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn sáu đêm, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn sáu đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn sáu đêm, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội. 7. Vị xa lìa sáu đêm, vị xa lìa kém sáu đêm, sau khi xa lìa sáu đêm vi ấy đi vào lại trong ranh giới của làng cư ngụ rồi ra đi, vị nguyện xả trong đêm thứ sáu, vi phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bi cháy, [những người khác]cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, với sự đồng ý của các Tỳ-khưu, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điêu học ve [cho ngụ] nguy hiem. —ooOoo—

5.3.10. ĐIỀU HỌC VÈ WĐÃ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNHW 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatthi có bữa trai phạn, có dâng y đến hội chúng của phường hội nọ được chuẩn bị [thông báo rằng]: “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục sư đã đi đến gặp phường hội ấy, sau khi đến đã nói với phường hội ấy điều này: Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho chúng tôi. Thưa các ngài,
chúng tôi sẽ không dâng, bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng hàng năm của chúng tôi đã được thông báo. - Này các đạo hữu, hội chúng có nhiêu thí chủ, hội chúng có nhiêu cơ hội. Chúng tôi song ở đây nương nhờ vào quý vi, trông ngóng nơi quý vị. Nêu quý vi sẽ không bố thí đến chúng tôi, giờ còn ai sẽ bố thí cho chúng tôi? Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho chúng tôi.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA 361

Khi ấy, trong lúc bị các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ép buộc, phường hội ấy đã dâng y được chuẩn bị như thế đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư, rồi dâng vật thực đến hội chúng. Những vị Tỳ-khưu nào biết được bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng đã được chuân bị mà không biêt được là: “[Y] đã được dâng đên các Tỳ-khưu nhóm Lục Su", những vị ấy đã nói như vầy: 2. Này các đạo hữu, hãy dâng y đên hội chúng. -Thưa các ngài,
không có y như đã chuẩn bị, các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đã thuyết phục dâng cho bản thân. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng lại thuyết phục dâng cho bản than?^ Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi dầu biết lợi lộc đã được

khẳng đinh là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi dầu biết lợi lộc đã được khẳng đinh là dâng đến hội chúng lại thuyết phục dâng cho bản thân vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào dầu biết lợi lộc đã được khẳng đinh là dâng đến hội chủng vẫn thuyết phục dâng cho bản thăn thi [vật ấy] nên được xả bỏ và [vi ấy] phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là uvị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác nói cho vị ấy, hoặc người ây nói. [Dâng đến] hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. L0 lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, ngay cả cục bột tăm, gô chà răng, năm chỉ rời. Đã được khẳng đinh là dâng đến nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: "Chúng tôi sẽ dâng, chúng tôi sẽ làm." 4. Vị thuyết phục dâng cho bản thân, trong khi tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya. [vật ấy] cần được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đên cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, vật này của tôi đã được thuyết phục dâng cho bản thân, dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội

chúng, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đên hội chiing."...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt).. chư Đại đức nên cho lại ..(nt).. "Tôi cho lại Đại(tóc.” 5. Khi đã được khẳng định, nhận biết là đã được khẳng đinh, vi thuyết phục dâng cho bản thân thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttiya. Khi đã được khẳng đinh, có sự hoài nghi, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì phạm tội Dukkata. Khi đã được khẳng định, [lầm] tưởng là chưa được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì vô tội. Khi đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, vị thuyết phục dâng đến hội chúng khác hoặc bảo tháp thì phạm tội Dukkata. Khi đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, vị thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân thì phạm tội Dukkata. Khi đã được khẳng đinh là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc bảo tháp thì phạm tội Dukkata. Khi chưa được khẳng định, [lầm] tưởng là đã được khẳng định thì phạm tội Dukkata. Khi chưa được khẳng định, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa được khăng định, nhận biết là chưa được khẳng định thì vô tội. 6. Khi được hỏi rằng: "Chúng tôi dâng nơi nào?" vi nói rằng: “Noi nào mà pháp bố thí của quý vị có thể đạt được sự hữu dụng, hoặc có thể được làm vật sửa chữa, hoặc có thể tồn tại lâu dài, hoặc nơi nào tâm của quý vị hoan hỷ thì hãy dâng nơi vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về uđã được khẳng djnh." Phẩm Bình bát là thứ ba. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Hai điều về bình bát, dược phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại [y] là thứ năm. Tự mình, việc bảo dệt, [y] đặc biệt, sự nguy hiểm và thuộc ve hội chúng. —ooOoo— Bạch chư Đại đức, ba mươi điêu Nissaggiya Pãcỉttiya đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng : "Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn

đề này?y Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng : :Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề nay?^ Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng : "Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đe này?" Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. [[Y] phụ trội, chỉ một đêm, [y] ngoài hạn kỳ, việc giặt y cũ, việc nhận lãnh ấy nữa, việc yêu cầu và vượt quá số y ấy, luôn cả hai điều về chưa được thỉnh cau, và về việc nhắc nhở đến lần thứ ba. Được trộn lẫn, luôn cả thuần [màu đen], có cân lượng, hàng năm, tấm trải lót cũ, và việc mang đi các lông cừu, việc giặt [lông cừu], luôn cả vàng bạc, và hai việc [trao đổi với mua bán] dưới nhiều hình thức.

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA * 363

Bình bát phụ trội, chưa đủ [năm] miếng vá, dược phẩm, vải choàng [tắm mưa], việc giật lại [y] vì bị nổi giận, hai điều về thợ dệt, và với y đặc biệt, với việc xa lìa sáu đêm, sự thuyết phục dâng cho bản thân.]31 Dứt ba mươi điều. DỨT PĀRĀJIKAPĀLI. —ooOoo—

31 Những câu kệ phụ trội này chỉ được thấy ở tạng Tích Lan.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA

Bạch chư Đại đức, chín mươi hai điêu Pācittiya này được đưa ra đọc tụng.

6.1. PHẨM NÓI DỐI

6.1.1. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI DÒI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Hatthaka, con trai dòng Sakyā,1 nói nang tráo trở. Trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, vị ấy phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời. Những người ngoại đạo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Hatthaka, con trai dòng Sakyā, trong khi nói chuyện với chúng tôi lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời?” 2. Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Hatthaka, con trai dòng Sakyā, sau khi đến đã nói với Hatthaka, con trai dòng Sakyā điều này: Này Đại đức Hatthaka, nghe nói trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, Đại đức phủ nhận roi thừa nhận, thừa nhận roi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói doi, sau khi hẹn ước lại không giữ lời, có đúng không vậy? Này các Đại dức, những người ngoại đạo ây cân bị đánh bại băng bát cứ cách nào, sự chiến thắng là không bao giờ được dành cho bọn họ. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Hatthaka, con trai dòng Sakyā, trong khi nói chuyện với những n^ười ngoại đạo lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời?59 3. Sau đó? khi đã khiển trách Hatthaka, con trai dòng Sakyā, bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khiru lại và đã hỏi Hatthaka, con trai dòng Sakyā rằng:

l Ngài Buddhaghosa nói rằng: "Nghe nói vào thời đức Phật, có 80.000 người đàn ông đã từ dòng Sakyā đi xuất gia, Hatthaka, con trai dòng Sakyā, là một vị trong số d6"(yinA,W. 735).

366 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này Hatthaka, nghe nói trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, ngươi phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ? không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, ngươi lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận roi phủ nhận, tránh né điêu này băng điêu khác, cô tình nói dôi, sau khi hẹn ước lại không giữ lời vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ ro dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự khônạ có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một so người đã có đức tin. 4. Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết che, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu, roi đã bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khiru, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ- khiru hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vầy: “Khi cổ tình nói dối thì phạm tội Pãcittiyay 5. Cố tình nói dối nghĩa là lời nói, tiếng nói, cách nói, lời phát biểu, sự biểu hiện bằng lời nói của vị có ý định lừa dối có tám cách không thánh thiện là: Không thấy [nói rằng]: "Tôi đã thấy”không nghe [nói rằng]: "Tôi đã nghe", không cảm giác [nói rằng]: "Tôi đã cảm giSc”không nhận thức [nói răng]: "Tôi đã nhận thức”đã thấy [nói rằng]: "Tôi đã không thấy", đã nghe [nói rằng]: "Tôi đã không nghe", đã cảm giác [nói rằng]: "Tôi đã không cảm giác”, đã nhận thức [nói rằng]: "Tôi đã không nhận thức." Không thấy nghĩa là không được thấy bởi mắt. Không nghe nghĩa là không được nghe bởi tai. Không cảm giác nghĩa là không được ngửi bởi mũi, [và] không được nếm bởi lưỡi, [và] không được xúc chạm bởi thân. Không nhận

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 367

thức nghĩa là không được nhận thức bởi ý. Đã thấy nghĩa là đã được thấy bởi mắt. Đã nghe nghĩa là đã được nghe bởi tai. Đã cảm giác nghĩa là đã được ngửi bởi mũi, [hoặc]

đã được nếm bởi lưỡi, [hoặc] đã được xúc chạm bởi thân. Đã nhận thức nghĩa là đã được nhận thức bởi ý. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội Pācittiya: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tra5\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trl đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta Ĩ16L" Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Toi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội Pācittiya: Trước đỏ. vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9,? đã nói xong [biết rằng]: “Biều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "TQi đã thấy” về điều đã không thấy bị phạm tội Pācittiya\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,55 trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm, đã che giấu điêu mong mỏi. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Toi đã thấy" về điều đã không thấy bi phạm tội Pācittiya: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối tra,95 trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Diều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: uToi đã thấy” về điều đã không thấy bi phạm tội Pācittiya: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta I16Ì", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe” về điều đã không nghe ...(nt).. "TQi đã cảm giác" về điều đã không cảm giác ...(nt)... "Tôi đã nhận thiic” về điều đã không nhận thức bị phạm tội Pãcittiya: Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá^, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều d6i trá”, đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i." Với bốn yếu tố,...(nt)... Với năm yếu t6,...(nt).. Với sáu yếu t8,...(nt)... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "T6i đã nghe" về điều đã không nghe ..(nt).. "Tôi đã cảm giác” về điều đã không cảm giác ...(nt).. "Tôi đã nhận thức,9 về điều đã không nhận thức bi phạm tội Pãcittiya: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", tronẹ khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều doi trá đã được ta nói55, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã nghe,, về điều đã không thấy bị phạm tội Pãcittiya: ...(nt)...Với ba yếu tố, vị cố tình nói

điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã cảm giác" về điều đã không thấy bị phạm tội Pãcittiya: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “T6i đã thấy và đã nhận thức” về điều đã không thấy bị phạm tội Pãcittiya\ ...(nt).. Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác” về điều đã không thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, .../'Toi đã thấy, đã nghe và đã nhận thức" về điều đã không thấy ...(nt)... Với ba yếu tố,... “T6i đã thấy, đã nghe, đã cảm giác, và đã nhận thức” về điều đã không thấy bị phạm tội Pãcittiya: ...(nt) Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: “T6i đã nghe và đã cảm giác” về điều đã không nghe ...(nt).. Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe và đã nhận thức^ về điều đã không nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe và đã thấy” về điều đã không nghe

bị phạm tội Pãcittiya: ...(nt)... Với ba yêu tô, vị cô tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe, đã cảm giác và đã nhận thức" về điều đã không nghe ...(nt).. Với ba yếu tố, .../'Toi đã nghe, đã cảm giác và đã thấy" về điều đã không nghe ...(nt)... Với ba yếu tố,... “T6i đã nghe, đã cảm giác, đã nhận thức và đã thầy" về điều đã không nghe bi phạm tội Pãcittỉya\ ...(nt) Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: 'Tôi đã cảm giác và đã nhận thiíc" về điều đã không cảm giác ...(nt).. Với ba yếu tố, ... 'Tôi đã cảm giác và đã thấy” về điều đã không cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác và đã nghe" về điều đã không cảm giác bi phạm tội Pãcittiya: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã cảm g Ac, đã nhận thức và đã thấy" về điều đã không cảm ệiác ...(nt)...Với ba yếu to,... "Tôi đã cảm giấc, đã nhận thức và đã nghe" về điêu đã không cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố,... "Tôi đã cảm giác, đã nhận thức, đã thấy và đã nghe" về điều đã không cảm giác ...(nt) Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối ưa: 'Tôi đã nhận thức và đã thấy" về điều đã không nhận thức ...(nt).. Với ba yếu tố,'Tôi đã nhận thức và đã nghe" về điều đã không nhận thức ...(nt).. Với ba yếu tố,... “T6i đã nhận thức và đã cảm giác" về điều đã không nhận thức bi phạm tội Pãcittiya:...(nt).. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức, đã thấy và đã nghe,, về điều đã không nhận thức ...(Dt).. Với ba yếu tố,... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, và đã cảm giM” về điều đã không nhận thức ...(nt)..; Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe và đã cảm giác” về điều đã không nhận thức bị phạm tội Pãcittiya: ...(nt). Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không thấy" về điều đã thấy bị phạm tội Pācittiya\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá^, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói?9 Với bốn yếu tố,(nt).. Với năm yeu tố, ...(nt)... Với sáu yếu tố, ..(nt).. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không thấy" về điều đã thấy bị phạm tội Pãcittiya: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối tra,9, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điêu dối t",đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 369

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: T6i đã không nghe,, về điều đã nghe ...(nt).. "T6i đã không cảm gi5c" về điều đã cảm giác ...(nt)... "T6i đã không nhận thức” về điều đã nhận thức bị phạm tội Pãcittiya\ Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trú", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá5\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối ứa đã được ta nói.^, Với bốn yếu tố, ...(nt)... Với năm yếu t6,...(ĩit).. Với sáu yếu tố, ...(nt).. Với bảy yếu tố5 vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không nghe” về điều đã nghe ...(nt)..."Tôi đã không cảm giác” về điều đã cảm giác ...(nt).. "Tôi đã không nhận thiic” về điêu đã nhận thức bị phạm tội Pãcỉttỉya\ Trước đó, vị ây khởi ý răng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trM đã nói xong [biêt răng]: uĐiêu dôi trá đã được ta n6i”đã che giâu quan diêm, đã che giâu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối tra: 'Tôi đã nghe" về điều đã thấy ..(nt).. Với ba yếu tố,... 'Tôi đã cảm giác" về điều đã thấy ...(nt).. Với ba yếu tố,... "Tôi đã nhận thức,5 về điều đã thấy bị phạm tội Pācittiya\ ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe và đã cảm giác^ về điều

đã thấy ..(nt).. Với ba yếu tố?... "Tôi đã nghe và đã nhận thức" về điều đã thấy ...(nt)... Với ba yếu tố,... uTôi đã nghe, đã cảm giác và đã nhận thức" về điều đã thấy bị phạm tội Pâcittiya\ ...(nt). Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Toi đã cảm giác" về điều đã nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... y Toi đã nhận thức" về điều đã nghe ...(nt).. Với ba yếu tố,... 'Tôi đã thấy" điều đã nghe bị phạm tội Pãcittiya: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã cảm giác và đã nhận thức,9 về điều đã nghe ...(nt).. Với ba yếu tố,... "Tôi đã cảm giác và đã thấy" về điều đã nghe ..(nt).. Với ba yếu tố,... "Tôi đã cảm giác, đã nhận thức và đã thấy" về điều đã nghe bị phạm tội Pãcittiya: (nt) Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Toi đã nhận thiíc" về điều đã cảm giác ...(lít)... Với ba yếu tố,.'Tôi đã thấy" về điều đã cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố,... "Tôi đã nghe” về điều đã cảm giác bị phạm tội Pãcittiya\ ...(nt)... Với ba yếu tố? vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức và đã thấy về điều đã cảm giác ...(nt).. Với ba yếu tố,... "T6i đã nhận thức và đã nghe" về điều đã cảm giác ...(nt).. Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy và đã nghe" về điều đã cảm giác bị phạm tội Pãcừtiya: ...(nt) Với ba yếu tố, vi cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã nhận thức ..(nt).. Với ba yếu tố,... "Tôi đã nghe” về điều đã nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Toi đã cảm giác" về điều đã nhận thức bị phạm tội Pãcittiya: ..(nt)...Với ba yếu tố, vị cố tình noi điều dối trá: "T6i đã thấy và đã nghe" về điều đã nhận thức ...(nt).. Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy và đã cảm giác" về điều đã nhận thức ...(nt).. Với ba yếu tố,... "Tôi đã thấy, đã nghe và đã cảm giác" về điều đã nhận thức bi phạm tội Pâcittiya\ ...(nt).

Với ba yếu tố, vị có hoài nghi về điều đã thấy, không tin điều đã thấy, không nhớ về điều đã thấy, quên điều đã thấy, lại cố tình nói điều dối tó "T6i đã thấy và đã nghe" bi phạm tội Pãcittiya: ...(nt)... lại cố tình nói điều dối trá: "T6i đã thấy và đã nghe, đã cảm giác và đã nhận thức” bị phạm tội Pãcittỉya: ...(nt)... vị có hoài nghi vê điêu đã nghe, không tin điêu đã nghe, không nhớ vê điêu đã nghe, quên điêu đã nghe ...(nt)... vi có hoài nghi vê điêu đã cảm giác, không tin điêu đã cảm giác, không nhớ vê điêu đã cảm giác, quên điêu đã cảm giác ...(nt) Với ba yếu tố, vị có hoài nghi về điều đã nhận thức, không tin điều đã nhận thức, không nhớ về điều đã nhận thức, quên điều đã nhận thức lại cố tình nói điều dối trá: “T6i đã nhận thức và đã thấy" ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức và đã nghe" ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức và đã cảm giWc” ...(nt).. quên điều đã nhận thức ... “T6i đã nhận thức, đã thấy, và đã nghe” ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác,5 bị phạm tội Pãcittiya\ Trước đó, vi ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá5\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i.” Với bốn yếu tố9 ...(nt).. Với năm yếu tố, ...(nt)... Với sáu yếu tố?...(nt).. Với bảy yếu tố,... quên điều đã nhận thức, lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe và đã cảm giAc” bị phạm tội Pãciíiiya: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá9\ đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định. Vi nói không suy nghĩ, vị nói theo thói quen. Nói không suy nghĩ nghĩa là nói vội [nói nhanh]. Nói theo thói

quen nghĩa là [nghĩ rằng]: “Ta sê nói điều này" lại nói điều khác, vi bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về nói dối là thứ nhất. —ooOoo—

6.1.2. ĐIỀU HỌC VÈ NÓI LỜI MẮNG NHIẾC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-khiru hiên thiện đã măng nhiêc các Tỳ-khiru hiên thiện theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ? theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, lại còn chửi rủa và khinh bỉ băng sự sỉ vả hạ tiện. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện lại mắng nhiếc các Tỳ"khiru hiền thiện theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ9 theo công việc, theo nghề nghiệp, theo

bệnh tật, theo đặc diêm, theo phiên não, theo sự vi phạm, lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiên 2. Sau đó, khi đã khiên trách các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư băng nhiêu phương thức, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi cãi cọ với các Tỳ-khtru hiền thiện đã mang nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện theo sự sanh ra, ...(nt).. lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện lại mang nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện theo sự sanh ra, ...(nt)... lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin ...(nt).. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 3. Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, ở thành Takkasilâ, có người Bà- la-môn nọ có con bò mộng tên là Nandivisâla. Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisâla đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: “Này Bà-la-môn, hãy đi và hãy đánh cá với nhà phú thương một ngàn [nói rằng]: Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.^, Này các Tỳ-khưu, sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đánh cá với nhà phú thương một ngàn [nói rằng]: "Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau." Này các Tỳ-khưu, sau đó người Bà-la-môn ấy đã nối liền một trăm xe kéo lại với nhau, rồi máng con bò mộng Nandivisãla vào và đã nói điều này: "Này đồ xạo, hãy kéo đi. Này đồ xạo, hãy lôi di." Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisâla đã đứng yên ngay tại chỗ ấy. Này các Tỳ-khiru, khi ấy người Bà-la-môn ấy bị thua một ngàn nên đã rầu rĩ. 4. Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisâla đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: “Này Bà-la-môn, vì sao ngươi lại rầu rĩ vay?” “Này ông bò, bởi vì do ông mà ta đã bi thua một ngàn như thế.” "Này Bà-la-môn? vì sao ngươi lại bôi xấu ta bang cách nói đo xạo [trong khi] ta là kẻ không xạo?" Này Bà-la-môn, ngươi hãy đi và hãy đánh cá với nhà phú thương hai ngàn [nói rằng]: “Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau." Và chớ có bôi xấu ta bằng cách nói đồ xạo [trong khi] ta là kẻ không xạo. Này các Tỳ-khưu, sau đó, người Bà-la-môn ây đã đánh cá với nhà phú thương hai ngàn [nói rằng]: “Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được

nối liền với nhau." 5. Này các Tỳ-khưu, sau đó người Bà-la-môn ấy sau khi nối liền một trăm xe kéo lại với nhau, rồi đã máng con bò mộng Nandivisâla vào và đã nói điều này: “Này bạn hiền, hãy kéo đi. Này bạn hiền, hãy lôi di." Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisâla đã lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.

6 6CNên nói chỉ toàn lời hòa nhã, không nói lời không hòa nhã vào bất cứ lúc nào. [Con bò] đã lôi đi gánh hàng nặng cho người nói lời hòa nhã và đã đạt được tài sản cho người ấy. Và nhờ thế, nó đã được hoan hy.” Này các Tỳ-khưu, ngay từ thời ấy, sự chửi rủa và sự khinh bỉ đã không làm Ta hài lòng, thì hiện nay điều gì khiến cho sự chửi rủa và sự khinh bỉ sẽ làm Ta hài lòng? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vây: “Khi nói lời mắng nhiếc thì phạm tội Pâcittiyay 7. Lời mắng nhiếc nghĩa là mắng nhiếc theo mười biểu hiện: Theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm và bằng sự sỉ vả. 8. Sự sanh ra nghĩa là có hai sự sanh ra: Sự sanh ra thấp kém và sự sanh ra cao quý. Sự sanh ra thấp kém, nghĩa là sự sanh ra của hạng cùng đinh, sự sanh ra của hạng đan tre, sự sanh ra của hạng thợ săn, sự sanh ra của hạng làm xe, sự sanh ra của hạng hót rác; sự sanh ra ây gọi là sự sanh ra tháp kém. Sự sanh ra cao quý, là sự sanh ra của hạng Sát-đế-lỵ và sự sanh ra của Bà-la-môn; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra cao quý. 9. Tên gọi nghĩa là có hai loại tên gọi: Tên gọi thấp kém và tên gọi cao quý. Tên gọi thấp kém, nghĩa là tên Avakannaka, Javakannaka, Dhanitthaka, Savitthaka, Kulavaddhaka, hoặc là [tên gọi] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; tên gọi ấy gọi là tên gọi thấp kém. Tên gọi cao quý, nghĩa là được gắn liền với từ Buddha [đức Phật], được gắn liền với từ Dhammā [Giáo pháp], được gắn liền với từ Sangha [Hội chúng], hoặc là [tên gọi] không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; tên gọi ấy gọi là tên gọi cao quý. 10. Dòng họ nghĩa là có hai loại dòng họ: Dòng họ thấp kém và dòng họ cao quý. Dòng họ thấp kém, nghĩa là dòng họ Kosiyā, dòng họ Bhāradvāja, hoặc là [dòng họ] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở áy; dòng họ áy gọi là dòng họ tháp kém. Dòng họ cao quý, nghĩa là dòng họ Gotama, dòng họ Moggallāna, dòng họ Kaccāna, dòng họ Vāsettha, hoặc là [dòng họ] không bị khinh bỉ, không bi chê bai, không bị ghê tởm, không bi xem thường, được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; dòng họ ấy gọi là dòng họ cao quý. 11. Công việc nghĩa là có hai loại công việc: Công việc tháp kém và công việc cao quý. Công việc thấp kém, nghĩa là công việc của thợ mộc, công việc hốt dọn bông hoa, hoặc là [công việc] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; công việc ấy gọi là công việc thấp kém. Công việc cao quý, nghĩa là việc đong áng, việc thương

buôn, việc chăn bò, hoặc là [công việc] không bi khinh bỉ, không bi chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng trong những xứ sở ấy; công việc ấy gọi

là công việc cao quý. 12. Nghề nghiệp nghĩa là có hai loại nghề nghiệp: Nghề nghiệp thấp kém và nghề nghiệp cao quý. Nghề nghiệp thấp kém, nghĩa là nghề đan tre, nghề làm gôm, nghê thợ dệt, nghê thuộc da, nghê hớt tóc, hoặc là [nghê nghiệp] bị khinh bí, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ây; nghê nghiệp ây gọi là nghê nghiệp tháp kém. Nghê nghiệp cao quý, nghĩa là nghề quản lý, nghề kế toán, nghề thư ký, hoặc là [nghề nghiệp] không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bi xem thường, được tôn trọng trong những xứ sở ấy; nghề nghiệp ấy gọi là nghề nghiệp cao quý. 13. Tất cả các bệnh tật là thấp kém, tuy nhiên bệnh tiểu đường là cao quý. 14. Đặc điểm nghĩa là có hai đặc điểm: Đặc điểm thấp kém và đặc điểm cao quý. Đặc điểm thấp kém, nghĩa là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng; đặc điểm ấy gọi là đặc điểm thấp kém. Đặc điểm cao quý, nghĩa là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng; đặc điểm ấy gọi là đặc điểm cao quý. 15. Tất cả các phiền não là thấp kém. 16. Tất cả các sự vi phạm (ãpattí) là thấp kém. Tuy nhiên, sự vi phạm vào dòng Thánh [quả vi Nhập lưu] và sự tự mình vi phạm [sự chứng đạt] là cao quý.23 17. Sự Sỉ vả nghĩa là có hai sự sỉ vả: Sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý. Sự sỉ vả thấp kém, nghĩa là [nói rằng]: "Ngươi là con lạc đà5 ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi nguôi", đệm vào tiếng 'hoặc đệm vào tiếng "bhđ\ hoặc gọi là "ka đối với người nam và "kotacỉkã^ đối với người nữ; sự sỉ vả ây gọi là sự sỉ vả tháp kém. Sự sỉ vả cao quý, nghĩa là [nói rằng]: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vi Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cối trời chờ đợi nguôi"; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả cao quý. 18. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bi, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, roi nói theo sự thấp kém

2 Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ 'ãpattr là "sụ* đạt đến", nghĩa thông dụng là "SỰT phạm tội, hay tội vi phạm,, như được thấy ở trường hợp thấp kém. Còn trường hợp cao quý được nêu ra hai hợp tư la "Sotāpattr (Sota-ạpattỉ) và "Sarnapattf (Sam-āpattī) do được ghép VỚI "āpattf. Từ 'Sotãpatã' có ý nghĩa là: Sự đạt đến dòng chảy, sự tiến vao dòng Thanh, tức là quả vị Nhập lưu; còn từSamāpatticó y nghĩa là: Sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Khó co thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Việt (ND). 3 Không rõ nghĩa của các từ đệm này, chỉ biết khi đệm vào các từ này thì có ý chê bai (ND).

rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác"; vi nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 19. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác,9; vi nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 20. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý đinh khinh bi, có ý định

làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Sát-đế-ly, ngươi là Ba-la-m6n" vị nói thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 21. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-lỵ? hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Sát-đế-lỵ, ngươi là Bà-la- môn,,; vị nói thì phạm tội Pâcittỉya theo từng lời nói. 22. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bí, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] thấp kém là Avakannaka, là Javakannaka, là Dhanitthaka, là Savitthaka, là Kulavaddhaka, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Avakannaka, ngươi là Javakannaka, ngươi là Dhanitthaka, ngươi là Savitthaka, ngươi là Kulavaddhaka^; vị nói thì phạm tội Pācittiya theo từng lời nói. 23. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] cao quỵ là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Sañgharakkhita, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Avakannaka, ngươi là Javakannaka, ngươi là Dhanitthaka, ngươi là Savitthaka, ngươi là Kulavaddhaka^; vị nói thì phạm tội Pācittiya theo từng lời nói. 24. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] thấp kém là Avakannaka, là Javakannaka, là Dhanitthaka, là Savitthaka, là Kulavaddhaka, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Buddharakkhita, ngươi là Dhammarakkhita, ngươi là Sahgharakkhita" vị nói thì phạm tội Pācittiya theo từng lời nói. 25. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bi, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] cao quý là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Sañgharakkhita, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Buddharakkhita, ngươi là Dhammarakkhita, ngươi là Sahgharakkhita" vị nói thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 26. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xâu hô vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] tháp kém là Kosiyā, là Bhāradvāja,

rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Kosiyā, ngươi là Bhradvậịa"; vị nói thì phạm tội Pâcittỉya theo từng lời nói. 27. Vi đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý đinh khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] cao quý là Gotama, là Moggallâna, là Kaccâna, là Vāsettha, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Kosiyā, ngươi là Bhāradvāja"; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 28. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] thấp kém là Kosiyā, là Bhāradvāja, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Gotama, ngươi là Moggallâna, ngươi là Kaccãna, ngươi là Vāsettha,,; vi nói thì phạm tội Pâcittiya theo từng lời nói. 29. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có dòng họ] cao quý là Gotama, là Moggallâna, là Kaccâna, là Vāsettha, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Gotama, ngươi là Moggallâna, ngươi là Kaccâna, ngươi là Vāsettha^; vị nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 30. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có công việc] thấp kém là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là thợ mộc, ngươi là người hốt

dọn bông hoa”; vị nói thì phạm tội Pãcittỉya theo từng lời nói. 31. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bí, có ý định làm xâu hô vị đã tu lên bậc trên [có công việc] cao quý là nông phu, thương buôn, người chăn bò, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là thợ mộc, ngươi là người hốt dọn bông hoa"; vị nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 32. Vị dãtu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý địrủì làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có công việc] thấp kém là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là nông phu, ngươi là thương buôn, ngươi là người chăn bí)"; vị nói thì phạm tội Pãcittỉya theo từng lời nói. 33. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý đinh khinh bỉ, có ý định r 2. _ làm xâu hô vị đã tu lên bậc trên [có công việc] cao quý là nông phu, thương buôn, người chăn bò, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là nông phu, ngươi là thương buôn, ngươi là người chăn bb"; vị nói thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 34. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bí, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] thấp kém là nghề đan tre, nghề làm gôm, nghê thợ dệt, nghê thuộc da, nghê hớt tóc, roi nói theo sự tháp kém rằng: "Ngươi là thợ đan tre, ngươi là thợ làm gốm, ngươi là thợ dệt, ngươi là thợ thuộc da, ngươi là thợ hớt t6c"; vị nói thì phạm tội Pãciítiya theo từng lời nói. 35. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] cao quý là quản lý, kế toán,

thư ký, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là thợ đan tre, ngươi là thợ làm gốm, ngươi là thợ dệt, ngươi là thợ thuộc da, ngươi là thợ hớt t6c"; vị nói thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 36. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] thấp kém là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hớt tóc, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là quản lý, ngươi là kế toán, ngươi là thư ký95; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 37. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] cao quý là quản lý, kế toán, thư ký, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Nguôi l quản lý, ngươi là kế toán, ngươi là thư ky” vị nói thì phạm tội Pâcittỉya theo từng lời nói. 38. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] thấp kém là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh, rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Nguôi là người bệnh cùi, ngươi là người bệnh mụt nhọt, ngươi là người bệnh chàm, ngươi là người bệnh lao phổi, ngươi là người bệnh động kinh”; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 39. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] cao quý là bệnh tiểu đường, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là người bệnh cùi, ngươi là người bệnh mụt nhọt, ngươi là người bệnh chàm, ngươi là người bệnh lao phổi, ngươi là người bệnh động kinh"; vị nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 40. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] thấp kém là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phôi, bệnh động kinh, roi nói theo sự cao quý răng: "Ngươi là người bệnh tiểu đường^; vị nói thì phạm tội Pâcittiya theo từng lời nói. 41. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý

đinh khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] cao quý là bệnh tiểu đường, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người bệnh tiểu đường,,; vi nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 42. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xâu hô vi đã tu lên bậc trên [có đặc diêm] tháp kém là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là quá cao, ngươi là quá lùn, ngươi là quá dèn, ngươi là quá tĩing"; vi nói thì phạm tội Pâcittỉya theo từng lời nói. 43. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xâu hô vi đã tu lên bậc trên [có đặc diêm] cao quý là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng, rồi nói theo sự thấp kém rằng:

"Nguôi là quá cao, ngươi là quá lùn, ngươi là quá đen, ngươi là quá trắng"; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 44. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xâu hô vị đã tu lên bậc trên [có đặc diêm] tháp kém là quá cao, quá lùn, quá dèn, quá trăng, roi nói theo sự cao quý răng: "Ngươi là không quá cao, ngươi là không quá lùn, ngươi là không quá đen, ngươi là không quá trắng"; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 45. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bi, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có đặc điểm] cao quý là không quá cao, không • y9 y J . quá lùn, không quá đen, không quá trăng, roi nói theo sự cao quý răng: "Ngươi là không quá cao, ngươi là không quá lùn, ngươi là không quá đen, ngươi là không quá trắng"; vị nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 46. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [có nội tâm] thấp kém bị tham khuấy nhiễu, bi sân khuấy nhiễu, bi si khuấy nhiễu, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi bị tham khuấy nhiễu, ngươi bi sân khuấy nhiễu, ngươi bị si khuấy nhiễu59; vi nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 47. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] cao quý là có tham đã lìa, có sân đã lia, có si đã lìa, roi nói theo sự tháp kém răng: "Ngươi bị tham khuây nhiễu, ngươi bị sân khuấy nhiễu, ngươi bi si khuấy nhiễu^; vị nói thì phạm tội Pâcittiya theo từng lời nói. 48. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bi, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] thấp kém bi tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bi si khuấy nhiễu, rồi nói theo sự cao quý rằng:6'Ngươi có tham đã lìa, ngươi có sân đã lìa, ngươi có si đã lia"; vi nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 49. Vi đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] cao quý là có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi có tham đã lìa, ngươi có sân đã lìa, ngươi có si đã lia"; vị nói thì phạm tội Pâcỉttiya theo từng lời nói. 50. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bi, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] thấp kém là vi phạm tội Pārājika. vi phạm tội Sañghādisesa. vi phạm tội Thullaccaya, vi phạm tội Pãcỉttiya, vi phạm tội Pãtidesariỉya, vi phạm tội Dukkata, vi phạm tội Dubbhāsitā, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi đã vi phạm tội Pārājika, ngươi đã vi phạm tội Sañghādisesa. ngươi đã vi phạm tội Thullaccaya. ngươi đã vi phạm tội Pâcittiya. ngươi đã vi phạm tội Pātidesañīya. ngươi đã vi phạm tội Dukkaịa. ngươi đã vi phạm tội Dubbhāsitaṃ; vị nói thì phạm tội

Pãcỉttiya theo từng lời nói.

51. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] cao quý là vi phạm vào dòng Thánh [quả vị Nhập lưu], rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi đã vi phạm tội Pārājika. ...(nt).. ngươi đã vi phạm tội Dubbhāsitaṃ; vi nói thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 52. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] thấp kém là vi phạm tội Pārājika, ...(nt).. vi phạm tội Dubbhāsitā, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi đã vi phạm vào dòng Thánh [Ngươi là bậc Nhập lưu]" vi nói thì phạm tội Pācittiya theo từng lời nói. 53. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] cao quý là vi phạm vào dòng Thánh [quả vị Nhập lưu], roi nói theo sự cao quý răng: "Ngươi đã vi phạm vào dòng Thánh [Ngươi là bậc Nhập lưu]” vị nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lơi noi. 54. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý đinh làm xâu hô vị đã tu lên bậc trên [băng sự sỉ vả] tháp kém là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò5 ngươi là con lira, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, kho cảnh chờ đợi ngươi^,; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 55 Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, roi nói theo sự tháp kém răng: "Ngươi là con lạc dà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi nguôi"; vị nói thì phạm tội Pâcittỉya theo từng lời nói. 56. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bi, có ý đinh làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém là con lạc đà5 con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Nguôi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi nguôi"; vị nói thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 57. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bí, có ý định làm xâu hô vị đã tu lên bậc trên [băng sự sỉ vả] cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, rồi nói theo sự cao quý rằng: “Nguôi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi,,; vị nói thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói.

58. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "d đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 59. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: “d đây, có một số vị là Sát-đế- lỵ5 là Bà-la-m6n"; vị

nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 60. Vi đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: UỞ đây, có một số vi tên là Avakannaka. là Javakannaka. là Dhanitthaka. là Savitthaka. là Kulavaddhaka^; vịnóithì...(nt)... "d đây, có một số vị tên làBuddharakkhita, làDhammarakkhita, là Sahgharakkhita"; vị nói thi ...(nt).. "d đây, có một số vị dòng họ là Kosiyā, là Bhāradvājaṃ; vị nói thi ...(nt).. "d đây, có một số vi dòng họ là Gotama, là Moggallâna, là Kaccâna, là Vāsettha"; vi nói thi ...(nt)... "d dây, có một số vị là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa"; vị nói thì ...(nt)... “d đây, có một số vị là nông phu, thương buôn, người chăn bè)"; vị nói thì ...(nt)... "d đây, có một số vị là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hớt t6c"; vị nói thì ...(nt).. “d dây, có một số vị là quản lý5 kế toán, thư ky”; vị nói thi ...(nt).. "d đây, có một số vi là người bệnh cùi, người bệnh mụt nhọt, người bệnh chàm, người bệnh lao phổi, người bệnh động kinh"; vị nói thì ,..(nt)... "ở đây, có một số vị là người bệnh tiểu đường"; vi nói thi ...(nt).. "d đây, có một số vi là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng"; vị nói thì ,..(nt)... UỞ dây, có một số vị là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng55; vị nói thi ...(nt)...UỞ đây, có một số vị bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bi si khuấy ĩlhiễu,,; vi nói thì ...(nt)... "d dây, có một số vi có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã Ha"; vị nói thi ...(nt)... "d dây, có một số vị đã vi phạm tội Pārājikd\ vi nói thì ..(nt)... đã vi phạm tội Dubbhāsitaṃ^ vị nói thi ...(nt).. "d đây, có một số vị đã vi phạm vào dòng Thánh [ở đây, có một số vị là các bậc Nhập lưu]"; vị nói thì ..(nt).. "d đây, có một số vị là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, không có cõi trời cho những người ấy, khổ cảnh chờ đợi những người ấy"; vi nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 61. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "d đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp su, không có khổ cảnh cho những người ây, cõi trời chờ đợi những người áy” vi nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 62. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "C6 lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rac,9; vi nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời n6i. ...(nt).

63. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bi, có ý đinh làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "C6 lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vi nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 64. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý đinh khinh bi, có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ..(nt).. "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng t6i”; vi nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 65. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự

sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự cao quý rằng ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Nguôi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vi Pháp su, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi nguôi"; vị nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 66. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "d đây, có một số vi là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thi ...(nt).. "d dây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; Vị nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 67. Vi đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "C6 lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác,9; vị nói thi ...(nt).."C6 lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp su, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vi nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 68. Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xâu hô người chưa tu lên bậc trên, roi nói như vây: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác,9; vị nói thì ...(nt).. "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có kho cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng t6i"; vị nói thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 69. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh

ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hót rác, roi nói theo sự tháp kém răng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác" vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 70. Vi đã tu lên bậc trên không có ỷ định chửi rủa, không có ý đinh khinh bi, không có ý định hạ nhục, có ý muôn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác,?; vi nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 71. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý đinh khinh bi, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vi đã tu lên bậc trên [có sự sanh rāj thấp kém là hạng cùng dinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là hạng Sát-đế-lỵ9 ngươi là hạng BS-lam6n" vi nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 72. Vi đã tu lên bậc trên không có ỵ đinh chửi rủa, không có ý định khinh bí, không có ý định hạ nhục, có ý muôn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là hạng Sát-đế-lỵ5 ngươi là hạng Bà-la-môn59; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 73. Vị đã tu lên bậc trên không có ý đinh chửi rủa, không có ý đinh Idiinh bi, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ

vả] thấp kém, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự cao quý rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý5 rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi59; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 74. Vị dātu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý đinh khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vi đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "d đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt lie" vị nói thi ...(nt)...UỞ dây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiêm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có kho cảnh cho những người ây, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 75. Vi đã tu lên bậc trên không có ý đinh chửi rủa, không có ý định khinh bí, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "C6 lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hót rác" vị nói thì ...(nt)... "C6 lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp su"; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói.

76. Vi đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý đinh khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rúc"; vi nói thi ...(nt)... "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp su, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng t6i"; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 77. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bi, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ..(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự cao quý rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có kho cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi nguôi"; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 78. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý đinh khinh bỉ, không có ý đinh hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: UỞ đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vi nói thì ...(nt)... "d dây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có kho cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vi nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 79. Vi đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bi, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn ngườd chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "C6 lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thi ...(nt).."C6 lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp su"; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 80. Vi đã tu lên bậc trên không có ý đinh chửi rủa, không có ý đinh khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người

chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vi nói thì ...(nt)... "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp su, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng t6i"; vị nói thì phạm tội Dubbhāsitā theo từng lời nói. 81. Vị [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vị [nói để] đề cập đến pháp, vị [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vị bị điên, vị có tâm bi rối loạn, vị bi thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về nói IM mắng nhiếc là thứ nhì. —ooOoo—

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA > 383

6.1.3. ĐIỀU HỌC VÈ NÓI ĐÂM THỌC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiên đên sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này roi kê lại cho vị kia đưa đên sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia roi kê lại cho vị này đưa đên sự chia rẽ với vị kia; vì the, các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vi kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa7,5 2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ- khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vi kia; vì thế, các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ- khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đen sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi [tạo ra] sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Sự đâm thọc nghĩa là sự đâm thọc vì hai nguyên do: Của vi ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ. Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo ïiệhề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm và bang sự sỉ vả. 4. Sự sanh ra nghĩa là có hai sự sanh ra: Sự sanh ra thấp kém và sự sanh ra cao quý. Sự sanh ra thấp kém, nghĩa là sự sanh ra của hạng cùng dinh, sự sanh

ra của hạng đan tre, sự sanh ra của hạng thợ săn, sự sanh ra của hạng làm xe, sự sanh ra của hạng hốt rác; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra thấp kém. Sự sanh ra cao quý là sự sanh ra của hạng Sát-đế-lỵ và sự sanh ra của Bà-la-môn; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra cao quý. ...(nt). 5. Sự sỉ vả nghĩa là có hai sự sỉ vả: Sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý. Sự sỉ vả thấp kém, nghĩa là [nói rằng]: '"Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi nguôi", đệm vào tiêng hoặc đệm vào tiếng hoặc gọi là đối với người nam và "kotacikā" đối với người nữ; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả thấp kém. Sự sỉ vả cao quý, nghĩa là [nói rằng]: "Nguôi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vi Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi nguôi"; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả cao quý. 6. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vi đã tu lên bậc trên [nói rằng]: tên [như vầy] nói ngươi là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác,9 thì phạm tội Pâcỉttỉya theo từng lời nói. 7. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: uVị tên [như vầy] nói ngươi là Sát-đế-lỵ9 BAlam6n" thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 8 Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đôi với vị đã tu lên bậc trên [nói răng]: "Vj tên [như vây] nói ngươi là Avakannaka, là Javakannaka, là Dhanitthaka, là Savitthaka, là Kulavaddhaka" thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 9. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đôi với vi đã tu lên bậc trên [nói răng]: tên [như vây] nói ngươi là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Sahgharakkhita" thi phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 10. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vi đã tu lên bậc trên [nói rằng]: tên [như vầy] nói ngươi là Kosiyā, là Bhāradvāja,, thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng lời nói. 11. Vị đã tu lên bậc trên nghe tư vị đã tu lên bậc ưen, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vi đã tu lên bậc trên [nói rằng]: uVị tên [như vầy] nói ngươi là Gotama, là Moggallâna, là Kaccâna, là Vāsettha^ thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 12. Vi đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đôi với vi đã tu lên bậc trên [nói răng]: uVị tên [như vây] nói ngươi là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa" thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 13. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: uVị tên [như vầy] nói ngươi là nông phu, thương buôn, người chăn bí)" thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói.

14. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vi tên [như vầy] nói ngươi là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hớt t6c" thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 15. Vị dātu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: uVị tên [như vầy] nói ngươi là quản lý, kế toán, thư ky" thì phạm tội Pâcittiya theo từng lời nói. 16. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo

ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: tên [như vầy] nói ngươi là người bệnh cùi, người bệnh mụt nhọt, người bệnh chàm, người bệnh lao phổi, người bệnh động kinh" thi phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 17. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: tên [như vầy] nói ngươi là người bệnh tiểu đường" thi phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 18. Vị dãtu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: t4Vị tên [như vầy] nói ngươi là quá cao, quá lùn, quá dèn, quá trắng,9 thì phạm tội Pâcittiya theo từng lời nói. 19. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đôi với vị đã tu lên bậc trên [nói răng]: "Vị tên [như vây] nói ngươi là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng" thì phạm tội Pãcittỉya theo từng lời nói. 20. Vị dãtu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vj tên [như vầy] nói ngươi bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu" thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 21. Vị dãtu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lia" thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 22. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vi đã tu lên bậc trên [nói rằng]: uVị tên [như vầy] nói ngươi vi phạm tội Pārājika, vi phạm tội Sañghādisesa. vi phạm tội Thullaccaya, vi phạm tội Pãcittiya. vi phạm tội Pātidesanīya, vi phạm tội Dukkata, vi phạm tội Dubbhāsitā^ thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng lời nói. 23. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là vi vi phạm vào dòng Thánh" thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói. 24. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vi tên [như vầy] nói ngươi là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi nguôi" thì phạm tội Pãcittỉya theo từng lời nói.

25. Vi• đã tu lên bậc • trên nghe từ vi• đã tu lên bậc • trên,7 roi tạo • ra sự• đâm thọc • đôi với vị đã tu lên bậc trên [nói răng]: "Vi tên [như vây] nói ngươi là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là vi Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi" thì phạm tội Pācittiya theo từng lời nói. 26. Vị dãtu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vi đã tu lên bậc trên [nói ràng]: "Vj tên [như vầy] nói: 'ở dây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác/ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 27. Vị dãtu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vj tên [như vầy] nói: 'ở đây, có một số vị là Sát-đế-ly, là Bà-la-môn.5 Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thi phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 28. Vị dãtu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vj tên [như vầy] nói: 'ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy/ Vi ấy

chỉ nói điều ấy, không nói điều khAc" thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 29. Vị dātu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vi đã tu lên bậc trên [nói rằng]: tên [như vầy] nói: 'Có lẽ những người này là hạng cùng dinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác/ Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thi phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 30. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: tên [như vầy] nói: ...(nt)... 6Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, những người ấy không có khổ cảnh, cõi trời chờ đợi những người ấy.9 Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác,9 thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 31. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác.5 Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. ...(nt). 32. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: uVị tên [như vầy] nói: 'Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi.9 Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác,9 thì phạm tội DukkaIa theo từng lời nói. 33. Vi đã tu lên bậc trên nghe từ vi đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya theo từng lời nói.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 387

34. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 35. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ người chưa tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đoi với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 36. Vị dātu lên bậc trên nghe từ người chưa tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata theo từng lời nói. 37. Vi không ao ước được thương, vị không có ý định chia rẽ, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về nói đâm thọc là thứ ba. —ooOoo—

6.1.4. ĐIỀU HỌC VÈ PHÁP THEO TỪNG CÂU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu. Các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khxru ít ham muốn, ...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu, khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đoi với các Ty-khưu?" 2. Sau đó? các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, nghe nói các ngươi dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu, khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu, khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này

các Tỳ- khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khtm nào dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj Ty-khuu99 được đề cập trong ý nghĩa này. Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni? [các người] còn lại là người chưa tu lên bậc trên. Theo từng câu nghĩa là một câu [của bài kệ], đọc tiếp theo, chỉ mỗi một âm, đọc hòa theo. Một câu [của bài kệ] nghĩa là bắt đầu đọc một lượt, chấm

dứt một lượt. Đọc tiếp theo nghĩa là người đọc trước, người đọc sau, rồi chấm dứt một lượt. Chỉ mỗi một âm nghĩa là khi đang đọc chung "Rũpam aniccarrf\ vi [Tỳ-khưu] chỉ đọc chữ "Ra" rồi ngưng. Đọc hòa theo nghĩa là khi đang đọc “Rūpā aniccanf\ [người chưa tu lên bậc trên] phát ra âm "Vedanā aniccā^ Điều gì là một câu [của bài kệ], điều gì là đọc tiếp theo, điều gì là chỉ mỗi một âm, điêu gì là đọc hòa theo, tát cả điêu ây gọi là pháp theo từng câu. Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thinh văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư thiên, có liên quan đến mục đích, có liên quan đen giáo pháp. Dạy đọc: Vi dạy đọc theo câu thì phạm tội Pãcittiya theo mỗi một câu. Vi dạy đọc theo từ thì phạm tội Pãcittiya theo mỗi một từ. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, vị dạy đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcitíiya. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi dạy đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcittiya. Người chưa tu lên bậc trên, [lam] tưởng là đã tu lên bậc trên, vị dạy đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcittiya. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên thì vô tội. Trong khi [được] bảo đọc tụng chung, trong khi thực hiện việc học chung, vị dạy người [chưa tu lên bậc trên] đọc [bỏ băng] phàn đã được học thuộc lòng nhiều lần, vị dạy người [chưa tu lên bậc trên] đang đọc sai, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về pháp theo từng câu là thứ tư. —ooOoo—

6.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NẰM CHUNG CHỖ NGỤ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành ÂỊavĩ, nơi tháp thờAggâỊava. Vào lúc bây , giờ, các cư sĩ thường đi đên tu viện > đê nghe pháp. Khi _pháp đã được thuyêt giảng, các Tỳ-khưu trưởng lão đi vê trú xá của các vị. Các Tỳ-khmi mới tu cùng với các cư sĩ năm ngủ ngay tại nơi ây, ở phòng phục vụ; các vị bị thất niệm, không tỉnh giác, lõa thể, mớ ngủ, ngáy ngủ. Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các ngài Đại đức lại năm ngủ bị thát niệm, không tỉnh giác, lõa thể, mớ ngủ, ngáy ngiỉ?" Các Tỳ-khưu đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu lại nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên?” 2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi năm chung chô ngụ với người chưa tu lên bậc trên, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách

rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rô dại ây lại năm chung chô ngụ với người chưa tu lên bậc trên vậy? Này các Tỳ-khiru? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: ^Vị Tỳ-khưu nào nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3 Sau đó, khi đã ngự tại thành ÂỊavĩ theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Kosambī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó, trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Badarikâ. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Rãhula điều này: Này đệ Râhula, điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: "Không được nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trOn.” Này đệ Rãhula, hãy tìm chỗ ngủ. Khi ấy, trong khi không có được chỗ ngủ, Đại đức Rãhula đã nằm ngủ ở nhà tiêu. Sau đó, vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn sau khi thức dậy đã đi đến nhà tiêu, sau khi đi đến đã tằng hắng. Đại đức Râhula cũng đã tằng hắng lại. Ai đó vậy? - Bạch Thế Tôn, con là Râhula. Này Râhula, sao con lại nằm ở đây? Khi ấy, Đại đức Râhula đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên hai hoặc ba đêm. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều y học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quả hai ba đêm thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là "vị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khxru, [các người] còn lại gọi là người chưa tu lên bậc trên. Quá hai ba đêm: Là hơn hai hoặc ba đêm. Với: Là cùng chung.

Chỗ ngụ nghĩa là đã được lợp kín toàn bộ, đã được che kín xung quanh toàn bộ5 đã được lợp kín phần lớn, đã được che kín xung quanh phần lớn. Nằm chung chỗ ngụ: Vào ngày thứ tư, lúc mặt trời đã lặn, khi người chưa tu lên bậc trên đang năm, vị Tỳ-khưu năm xuồng thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi vị Tỳ-khưu đang nằm, người chưa tu lên bậc trên nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sau khi đứng dậy rồi A r [cả hai] lại năm xuông thì phạm tội Pãcittỉya. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biêt là chưa tu lên bậc trên, vị năm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội Pãcittiya. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi nam chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội Pãcỉttiya. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội Pãcittiya. Trong chỗ lợp kín một nửa, che kín xung quanh một nửa thì phạm tội Dukkaịa. Vi đã tu lên bậc frên9 [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Vi đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên thì vô tội. Vị ngụ hai ba đêm, vi ngụ chưa đủ hai ba đêm, sau khi ngụ hai đêm, vào đêm thứ ba đi ra ngoài trước rạng đông, rồi lại tru ngụ tiếp, trong chỗ không được lợp kín toàn bộ, trong chỗ không được che kín xung quanh toàn bộ, trong chỗ không được lợp kín phần nhiều, trong chỗ không được che kín xung quanh phần nhiều, khi người chưa tu lên bậc trên đang nằm thì vị Tỳ-khưu ngồi, khi vị Tỳ-khiru đang nằm thì

người chưa tu lên bậc trên ngồi, hoặc là cả hai đều ngồi, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất về nằm chung chỗ ngụ là thứ năm. —ooOoo—

6.1.6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NẰM CHUNG CHỎ NGỤ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Anuruddha, trong khi đang đi đên thành Sāvatthi trong xứ Kosala, nhăm lúc chiêu tôi đã ghé lại ngôi làng nọ. Vào lúc bây giờ, ở trong ngôi làng ây có nhà nghỉ trọ của người đàn bà nọ đã được sắp đặt.4 Khi ấy, Đại đức Anuruddha đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này: -Này chi gái, nếu chị không phiền lòng, chúng tôi có thể ngụ một đêm ở phước xá. -Thưa ngài, ngài có thể ngụ.

4 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Người đàn bà ấy đã lập nên ngôi nhà trọ ấy để làm phước thiện. Khi đi đến ngôi làng ây, nhiều người biêt tin nên đã đến xin trú đêm (VinA. IV 750).

Những khách lữ hành khác cũng đã đi đên gặp người đàn bà áy, sau khi đên đã nói với người đàn bà áy điêu này: Thưa bà, nếu bà không phiền lòng, chúng tôi có thể tru một đêm ở phước xá. Có ngài Sa-môn đã đên trước, nêu vi áy cho phép thì các ông có thê trú lại. Khi ấy, những khách lữ hành ấy đã đi đến gặp Đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với Đại đức Anuruddha điều này: Thưa ngài, nếu ngài không phiền lòng, chúng tôi có thể trú một đêm ở phước xá. -Này các đạo hữu, hãy trú lại. 2. Khi ấy, người đàn bà ấy do nhìn thấy Đại đức Anuruddha nên đã đem lòng say đắm. Sau đó, người đàn bà ấy đã đi đến gặp Đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với Đại đức Anuruddha điều này: -Thưa ngài, bi quấy rầy bởi những người này, ngài sẽ ngụ không được an lạc. Thưa ngài, tót thay! Tôi có thê sap đặt cho ngài chiêc giường ở bên trong. Đại đức Anuruddha đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, người đàn bà ấy đã sắp đặt chiếc giường của mình ở bên trong cho Đại đức Anuruddha, rồi đã khoác xiêm y và trang sức, xức hương thơm roi đi đen gặp Đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với Đại đức Anuruddha điều này: Thưa ngài, ngài là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái và thiếp là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Thưa ngài, tốt thay! Thiếp có thể là vợ của ngài. Khi được nói như thế, Đại đức Anuruddha đã im lặng. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lan thứ ba, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Anuruddha điều này: Thưa ngài, ngài là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái và thiếp là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Thưa ngài, tốt thay! Ngài hãy chấp nhận thiếp đây và tất cả tài sản. Đen lần thứ ba, Đại đức Anuruddha đã im lặng. Sau đó, người đàn bà ấy đã cởi ra tấm áo choàng và đi qua đi lại phía trước Đại đức Anuruddha, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống. Khi ấy, Đại đức Anuruddha đã thu thúc các giác quan, cũng không nhìn người đàn bà áy và cũng không nói. Khi áy, người đàn bà ấy [nghĩ rằng]: “Ngài thật là kỳ diệu! Ngài thật là phi thường! Nhiều người bỏ ra cả trăm cả ngàn vì ta, the mà khi được đích thân ta van xin, vị Sa- môn này lại không chịu chấp nhận ta đây và tất cả tài sản5\ rồi đã quấn lại tấm áo choàng, đê đầu ở hai chân của Đại đức Anuruddha và đã nói với Đại đức Anuruddha điều này: -Thưa ngài, tội lôi đã chiêm ngự lây con, khiên con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên con đã hành động như thế. Thưa ngài, đối với con

đây, xin ngài Đại đức ghi nhận tội lỗi là tội lỗi, hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

392 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này chị gái, đúng như vậy, tội lỗi đã chiếm ngự lấy cô, khiến cô như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên cô đã hành động như thế. Và này chi gái, chính từ việc đó, cô đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, nay chúng tôi ghi nhận điều ấy cho cô. Này chi gái, chính điều này là sự tiến bộ trong Giới luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai." 4.5 Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người đàn bà ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Anuruddha với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi Đại đức Anuruddha đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người đàn bà ây đã ngôi xuống ở một bên. Đại đức Anuruddha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho người đàn bà ây đang ngôi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Anuruddha chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Anuruddha điều này: Thưa ngài, thật là tuyệt vời! Thưa ngài, thật là tuyệt vời! Thưa ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được ngài Đại đức Anuruddha giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Thưa ngài, con đây xin quy y đức Thế Tôn ấy, Giáo pháp và hội chúng Tỳ-khưu. Xin ngài Đại đức chấp nhận con là nữ cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. 5 Sau đó, Đại đức Anuruddha đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ..(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Đại đức Anuruddha lại nam chung chỗ ngụ với người nữ?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này Anuruddha, nghe nói ngươi nằm chung chỗ ngụ với người nữ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này Anuruddha, vì sao ngươi lại năm chung chô ngụ với người nữ vậy? Này Anuruddha, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào nằm chung chỗ ngụ với người nữ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 6. Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là uvị Thưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

5 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 3), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 393

Người nữ: Nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão. Với: Là cùng chung. Chỗ ngụ nghĩa là đã được lợp kín toàn bộ, đã được che kín xung quanh toàn bộ, đã được lợp kín phần lớn, đã được che kín xung quanh phần lớn. Nằm chung chỗ ngụ: Là lúc mặt trời đã lặn, khi người nữ đang nằm, vị Tỳ-khưu nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Khi vị Tỳ-khiru đang nằm, người nữ nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc

cả hai nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sau khi đứng dậy rồi [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội Pãcittỉya. Người nữ, nhận biết là người nữ, vi nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ, có sự hoài nghi, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Pãcittỉya. Người nữ, [lam] tưởng không phải là người nữ, vi nam chung chỗ ngụ thì phạm tội Pãcittiya. Trong chỗ lợp kín một nửa, che kín xung quanh một nửa thì phạm tội DukkaỊa. Vị nằm chung chỗ ngụ với nữ dạ-xoa, hoặc với ma nữ, hoặc với nệười vô căn, hoặc với thú cái thì phạm tội Dukkaịa. Không phải là người nữ, [lâm] tưởng là người nữ thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội. Trong chỗ không được lợp kín toàn bộ, trong chỗ không được che kín xung quanh toàn bộ5 trong chỗ không được lợp kín phan nhiều, trong chỗ không được che kín xung quanh phần nhiều, trong khi người nữ đang nằm thì vị Tỳ-khưu ngồi, trong khi vi Tỳ-khưu đang nằm thì người nữ ngồi, hoặc cả hai đều ngồi, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì về nằm chung chỗ ngụ là thứ sáu. —ooOoo—

6.1.7. ĐIỀU HỌC VỀ THUYẾT PHÁP 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, Đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvatthi. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến gia đình nọ. Vào lúc bấy giờ, bà chủ nhà đang ngồi ở cửa lớn của căn nhà. Cô con dâu đang ngồi ở cửa phòng trong. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp bà chủ nhà, sau khi đến đã thuyết pháp thầm thì bên tai của bà chủ nhà. Khi ấy, cô con dâu đã khởi ý điều này: "VỊ Sa-môn ấy là tình nhân của mẹ chồng hay là đang tán tinh?" 2. Sau đó, khi đã thuyết pháp thầm thì bên tai của bà chủ nhà, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp cô con dâu, sau khi đến đã thuyết pháp thầm thì bên tai của

CÔ con dâu. Khi ấy, bà chủ nhà đã khởi ý điều này: "Vi Sa-môn ấy là tình nhân của con dâu hay là đang tán tinh?" 3 Sau đó9 khi đã thuyết pháp thầm thì bên tai của cô con dâu, Đại đức Udāyi đã ra đi. Khi ấy, bà chủ nhà đã nói với cô con dâu điều này: -Này con, vi Sa-môn ấy đã nói gì với con vậy? Thưa mẹ, vị ấy đã thuyết pháp cho con. Vậy đã nói gì với mẹ? Cũng đã thuyết pháp cho mẹ. Hai người nữ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Đại đức Udāyi lại thuyêt pháp thâm thì bên tai, không lẽ pháp không nên được thuyêt giảng công khai và minh bach?95 r

4. Các Tỳ-khưu đã nghe được các người nữ ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)...các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao Đại đức Udāyi lại thuyết pháp đến người nữ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. ...(nt). -Này Udāyi, nghe nói ngươi thuyết pháp đến người nữ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này kẻ rô dại, vì sao ngươi lại thuyêt pháp đên người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào thuyết pháp đến người nữ thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các

Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, các nữ cư sĩ sau khi nhìn thấy các Tỳ-khiru đã nói điều này: Xin các ngài Đại đức hãy thuyết pháp. Này các chị gái, không được phép thuyết pháp đến người nữ. Xin các ngài Đại đức hãy thuyêt pháp năm sáu câu thôi, có thê biêt được chỉ với chừng ấy. -Này các chị gái, không được phép thuyết pháp đến người nữ. Rồi trong khi ngần ngại, các vị đã không thuyết. Các nữ cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức khi được chúng tôi thỉnh cầu lại không thuyết ph?" Các Tỳ-khmi đã nghe được các nữ cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép thuyết pháp năm sáu câu đến người nữ. Và này các Tỳ-khmi, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 395

"Vị Tỳ-khưu nào thuyết pháp đến người nữ hơn năm sáu câu thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khiru như thế. 6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "'Đức Thế Tôn đã cho phép thuyết pháp năm sáu câu đến người nữ." Các vị ấy sau khi bảo người nam không trí suy xét ngôi gân, roi thuyêt pháp đên người nữ quá năm sáu câu. Các Tỳ-khiru ít ham muốn, ...(nt)... các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lại bảo người nam không trí suy xét ngồi gần, rồi thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu c2u?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế T6n. ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bảo người nam không trí suy xét ngôi gân, roi thuyêt pháp đên người nữ quá năm sáu câu, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bảo người nam không trí suy xét ngồi gần, rồi thuyết pháp đến ngưòd nữ quá năm sáu câu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào thuyết pháp đến người nữ hơn năm sáu câu, ngoại trừ có người nam có trí suy xét thì phạm tội Pãcittiyay 8.6 Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: (nt) Vị này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục. Hơn năm sáu câu: Là vượt quá năm sáu câu.6 7 Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thinh văn, được giảng bởi các vị ẩn si, được giảng bởi chư thiên, có liên quan đến mục đích, có liên quan đến giáo pháp. Thuyết: Vị thuyết theo câu thì phạm tội Pãcittiya theo mỗi một câu. Vi thuyết theo từ thì phạm tội Pãcỉttỉya theo mỗi một từ. Ngoại trừ có người nam có trí suy xét: Trừ ra có người nam có trí suy xét. Người nam có trí suy xét nghĩa là có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

6 Dọ đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 7), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT). 7 Ngài Buddhaghosa giải thích về chữ "vo" (câu) là "eko gāthāpādo)' (một câu của bài kệ) (VìnA. IV. 751). Và một cau của bài kệ, thông thường

có ít nhất là 8 âm (ND).

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị thuyết pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Người nữ, có sự hoài nghi, vị thuyết pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vi thuyết pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Vị thuyêt pháp hơn năm sáu câu đên nữ dạ-xoa, hoặc ma nữ? hoặc người vô căn, hoặc loài thú có thân người nữ thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội. Vị thuyêt pháp hơn năm sáu câu, có người nam có trí suy xét, vị thuyêt pháp chưa tới năm sáu câu, vị sau khi đứng dậy ngồi xuống lại rồi thuyết pháp, vị thuyết trong khi người nữ đứng dậy rồi ngồi xuống lại, vi thuyết đến người nữ khác,8 vị hỏi câu hỏi, vị trả lời khi được hỏi câu hỏi, trong khi đang thuyết vì lợi ích của người nam khác thì người nữ lắng nghe, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về thuyết pháp ỉa thứ bảy. —ooOoo—

6.1.8. ĐIỀU HỌC VỀ TUYÊN Bố sự THỰC CHỨNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khiru thân thiết, đồng quan điểm đã vào mùa [an cư] mưa ở bờ sông Vaggumudā. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phôi theo thẻ, không dê dàng sinh sông băng sự ra sức khát thực. 2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Hiện nay, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phôi theo thẻ5 không dê dàng sinh sông băng sự ra sức khát thực. Còn chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau, vậy bằng phương thức nào chúnệ ta có the song mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì ăn khất thực?,, 3. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại dức, chiíng ta hãy quyết định làm công việc cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đên mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?5 4. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công việc cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy đưa

8 về điểm này^ Chủ giải có ghi là: Sau khi thuyết đến người nữ này chưa đến năm sáu câu, vj,ấy chuyển sang thuyết đen ngươi nữ khác. Theo cách ấy, trong một tư thế ngồi, vị ấy có thể thuyết đen 100.000 ngxrơi nư(^. IV. 751).

tin tức cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thúc." 5. Một số vị đã nói như vầy:

“Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công việc cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta sẽ nói lời ca ngợi lẫn nhau ve pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: 'Vị Tỳ-khưu như vầy đạt sơ thiền, vi Tỳ-khưu như vầy đạt nhị thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tam thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tứ thiền, vi Tỳ-khưu như vầy là vị Nhập lưu, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Nhất lai, vi Tỳ-khiru như vày là vi Bất lai, vị Tỳ-khiru như vầy là vị A-la-hán, vị Tỳ- khưu như vầy có ba minh, vị Tỳ-khưu như vầy có sáu thắng trí như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ song mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thúc." 6. Này các Đại đức, chính điêu này là tót hơn hét, tức là việc chúng ta nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia. Sau d6, các vị Tỳ-khưu ấy đã ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia: Tỳ-khưu như vầy đạt sơ thiền, ...(nt)... vị Tỳ-khưu như vầy có sáu thắng trí." 7. Khi ấy, những người dân ấy [nghĩ rằng]: '"Quả thật, điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật, chúng ta đã đạt được điều tốt! Chúng ta có được các Tỳ-khưu như vầy trong số họ vào mùa [an cư] mưa! Quả thật, từ trước đến nay, không có các Tỳ-khưu như vầy vào mùa [an cư] mưa như là các vị Tỳ-khưu có giới, có thiện pháp này vay!" Họ cúng dường đến các Tỳ-khưu những vật thực loại mềm mà họ không ăn cho chính bản thân, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ cúng dường đến các Tỳ-khưu những vật thực loại cứng, những thức nếm, những thức uống mà họ không uống cho chính bản thân, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. 8. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã trở thành thông lệ cho các Tỳ- khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy trải qua ba tháng mùa [an cư] mưa đã thu xếp chỗ tru ngụ, cầm y bát, ra đi vê phía thành Vesālī. Trong khi tuân tự du hành, các vi đã đi đên thành Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lê đức Thê Tôn roi ngoi xuống ơ mọt ben. 9. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu đã sông qua mùa [an cư] mưa ở các phương thì ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái

lại, các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudã có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. 10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị các Tỳ-khiru ở bờ sông Vaggumudâ điều này: Này các Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa có được thoải mái không? Và không bị khó nhọc vì đô ăn khất thực? Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã song qua mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực. Các đấng Như Lai dầu

biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khiru bởi hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử." 11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này: Này các Tỳ-khưu, các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thực như thế nào? Khi ấy, các vị Tỳ-khun ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, các ngươi có thực chứng không? - Bạch Thế Tôn, có thực chứng. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các ngươi lại ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia vì lý do của bao tử vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: A r "Vị Tỳ-khưu nào tuyên bô pháp thượng nhân đên người chưa tu lên bậc trên [nếu] đã thực chứng thì phạm tội Pãcittiyay 12. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là uvị T]-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Ngươi chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni, [các người] còn lại là người chưa tu lên bậc trên. 13. Pháp thương nhân nghĩa là thiền, sự giải thoát, định, sự chứng dạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự thực chứng về Quả, sự dứt bỏ phiền

não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng. Thiền: Là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sự giải thoát: Là vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.9 Đinh: Là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định. Sự chứng đạt: Là sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện. Trí tuệ và sự thấy biết: Là ba minh. Sự tu tập về Đạo: Là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phàn. Sự thực chứng về Quả: Là sự thực chứng quả vị Nhập lưu, sự thực chứng quả vi Nhất lai, sự thực chứng quả vị Bất lai, sự thực chứng phẩm vị A-la-hán. Sự dứt bỏ phiền não: Là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si. Sự không còn bỉ che lấp của tâm nghĩa là tâm không còn bị che lấp bởi tham ái, tâm không còn bi che lấp bởi sân, tâm không còn bi che lấp bởi si. Sự thỏa thích ờ nơi thanh vắng: Là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhị thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiền. 14. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “T6i đã chứng sơ thiền” thì phạm tội Pācittiya. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi chứng sơ thiền^, thì phạm tội Pãcittiya. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu len bậc trên rằng: "Tôi đã chứng được sơhiền" thì phạm tội Pãcittiya. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi có đạt sơ thin" thì phạm tội Pācittiya. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi có trú sơ thiền,, thì phạm tội Pãcỉttiya. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền^, thì phạm tội Pãcittiya. 15. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: uTôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiền,... tam thiền,... tứ thiền,... tôi có đạt tứ thiền ...

tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ tứ thiền” thì phạm tội Pãcittiya. 16. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “T6i đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát,... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát, ... vô phiền não định, ... vô tướng định, ... vô nguyện đinh, ... tôi có đạt vô nguyện định ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ vô nguyện djnh" thì phạm tội Pãciiíiya. 17. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não, ... sự chứng đạt về vô tướng,... sự chứng đạt về vô nguyện,... tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện^, thì phạm tội Pâcittiya.

9 Vô phiền não giải thoát: Nội tâm không còn tham, sân, si. Vô tướng giải thoát: Nội tâm không còn các biểu hiện cua tham, sân, si. Vô nguyện giải thoát: Không còn trạng thái mong moi về tham, san, si (^.11.492).

18. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: uTôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được ba minh,... tôi có đạt ba minh ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ ba minh,, thì phạm tội Pâcittỉya. 19. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bôn sự thiêt lập niệm,... bôn chánh cân,... bôn nên tảng của thân thông,... tôi có đạt bôn nên tảng của thân thông,... tôi có tru ... tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần th6ng" thì phạm tội Pãcittiya. 20. Tuyên bổ: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "T6i đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được năm quyền,... năm lực,... tôi có đạt năm lực ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ năm Ẹrc" thì phạm tội Pãcittỉya. 21. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bảy giác chi,... tôi có đạt bảy giác chi,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ bảy giác chi” thì phạm tội Pãciítiya. 22. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần,... tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần" thì phạm tội Pâcittiya. 23. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: 'Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được quả vị Nhập lưu5... quả vị Nhất lai,... quả vị Bất lai, ... phẩm vị A-la-hán, ... tôi có đạt phẩm vi A-la-hán, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán" thì phạm tội Pãcittỉya. 24. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã từ bỏ tham ái, ... tôi đã từ bỏ sân, ... tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ5 đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si" thì phạm tội Pãcittỉya. 25. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi tham ái,... tâm của tôi không bị che lấp bởi sân,... tâm của tôi không bi che lấp bởi si” thì phạm tội Pãcittiya. 26. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền,... nhị thiền,... tam thiền,... tứ thiền ở nơi thanh văng, ... tôi có đạt tứ thiên ở nơi thanh văng, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ tứ thiền ở nơi thanh vắng” thì phạm tội Pãcỉttỉya. 27. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và nhị thiên,... tôi có đạt sơ thiên và nhị thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và nhị thiền" thì phạm tội Pãcittỉya. 28. Tuyên bố: Vị

nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và tam thiên,... sơ thiên và tứ thiên, ... tôi có đạt sơ thiên và tứ thiên,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và tứ thiền" thì phạm tội Pãcỉttỉya.

29. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và vô phiên não giải thoát, ... và vô tướng giải thoát, ... và vô nguyện giải thoát, ... và vô phiền não đinh, ... và vô tướng định, ... và vô nguyện định, ... tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện định, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và vô nguyện djnh" thi phạm tội Pãcỉttỉya. 30. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và sự chứng đạt vê vô phiên não,... và sự chứng đạt về vô tướng,... và sự chứng đạt về vô nguyện,... tôi có đạt sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện,, thì phạm tội Pãcỉttỉya. 31. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "T6i đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và ba minh, ... tôi có đạt sơ thiên và ba minh, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và ba minh,, thì phạm tội Pãcittiya. 32. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu len bậc trên rằng: “T6i đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bốn sự thiết lập niệm,... sơ thiền và bôn chánh r \ cân,... sơ thiên \ và bôn nên tảng của thân thông,... tôi có đạt Ja sơ thiên z

và bôn nên tảng của thân thông,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và bôn nền tảng của thần thông,9 thì phạm tội Pãcittiya. 33. Tuyên bổ: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và năm quyên,... sơ thiên và năm lực, ... tôi có đạt sơ thiên và năm lực, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và năm lực,9 thì phạm tội Pãcỉttiya. 34. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bảy giác chi,... tôi có đạt sơ thiền và bảy giác chi, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và bảy giác chi" thì phạm tội Pãcỉttỉya, 35. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: 'Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần,... tôi có đạt Sơ thiên và Thánh đạo tám chi phân,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và Thánh đạo tám chi ph*n" thì phạm tội Pãcittiya. 36. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và quả vị Nhập lưu, ... và quả vị Nhát lai, ... và quả vị Bất lai,... và phẩm vị A-la-hán,... tôi có đạt sơ thiền và phẩm vi A-la-hán,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ Sơ thiền và phẩm vị A-la-hán" thì phạm tội Pãcỉttiya. 37. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tôi đã từ bỏ tham ái, ... và tôi đã từ

bỏ sân, ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si” thì phạm tội Pãcittỉya. 38. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái,...và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân,... và tâm của tôi không

bị che lấp bởi si" thì phạm tội Pâcittiya. 39. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Toi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiền và tam thiền, ... nhị thiền và tứ thiền, ... tôi có đạt nhị thiền và tứ thiền,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tứ thiền" thi phạm tội Pãcittiya, 40. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng Nhi thiền ...(nt).. và tâm của tôi không bi che lấp bởi si" thì phạm tội Pãcittiya. ...(nt). 41. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “T6i đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên và sơ thiên, ... tôi có đạt nhi thiên và sơ thiền,... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ nhi thiền và sơ thien^, thì phạm tội Pãcittiya. ...(nt). [Phần căn bản đã được tóm lược] 42. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi si và tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền. ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sơ thiền, ... tôi có trú ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sơ thiền” thi phạm tội Pãcỉttỉya. ...(nt). 43. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và và tâm của tôi không bị che lấp bởi san?, thì phạm tội Pâcittỉya. ...(nt). 44. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền, nhi thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt vê vô phiên não, sự chứng đạt vê vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả vị Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai và phẩm vi A-la- hán, ... Tôi đã từ bỏ tham ái,... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bẻ), đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bi che lấp bởi sân và tâm của tôi không bi che lấp bởi si” thì phạm tội Pâcỉttỉya. 45. Tuyên bố: Vi có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiên", lại nói: "Tôi đã chứng nhi thiên”[người nghe] hiêu được thì phạm tội Pãcỉttỉya, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 403

46. Tuyên bố: Vi có ý đinh nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền^, lại nói: “T6i đã chứng tam thiền, ... tứ thiền, ... vô phiền não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát, ... vô phiền não định,... vô tướng định,... vô nguyện định,... sự chứng đạt về vô phiền não,... sự chứng đạt về vô tướng,... sự chứng đạt về vô nguyện,... ba minh,... bốn sự thiết lập niệm,... bốn chánh cần,... bốn nền tảng của thần thông,... năm quyền, ... năm lực, ... bảy giác chi, ... Thánh đạo tám chi phần, ... quả vi Nhập lưu, ... quả vi Nhất lai,... quả vi Bất lai,... phẩm vị A-la-hán,... tôi đã từ bỏ tham ái,... tôi đã từ bỏ sân,... tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ? đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bi che lấp bởi tham ái,... tâm của tôi không bi che lấp bởi sân,... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pâcittỉya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. 47. Tuyên bố: Vi có ý đinh nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng nhi thien,9... lại nói: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [nguôi nghe] hiểu được thì phạm tội Pãcittiya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkaịa. 48. Tuyên bố: Vị có ý

định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền,\ lại nói: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pãcittiya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata, ...(nt). [Phần căn bản đã được tóm lược] 49. Tuyên bố: Vị có ý đinh nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi si" lại nói: "Tôi đã chứng so thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pâcỉttỉya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 50. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", lai nói: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân9\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Pãcittiya, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 51. Tuyên bố: Vi có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền" ...(ĩit).. Vi có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bi che lấp bởi sân", lại nói: uTâm của tôi không bị che lấp bởi si”, [nguồi nghe] hiểu được thì phạm tội Pãcỉttiya, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 52. Tuyên bố: Vi có ý đinh nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng nhi thiền, tam thiền, và tứ thiền^,... “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", lại nói: "Tôi đã chứng sơ thiền”, [nguồi nghe] hiểu được thì phạm tội Pãcittiya. [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. ...(nt).

53. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền, vị Tỳ-khiru ấy có đạt... có trú sơ thiền, sơ thiền đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy" thì phạm tội Dukkaịa. 54. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng... chứng... đã chứng được nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; vịTỳ"khưu ấy có đạt... có tru tứ thiền; tứ thiền đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy” thì phạm tội Dukkata. ...(nt). 55. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não đinh, vô tướng đinh, vô nguyện đinh; vị Tỳ-khưu ấy có đạt... có trú vô nguyện đinh; vô nguyện đinh đã được thực chứng bởi vi Tỳ-khưu ấy” thi phạm tội Dukkata. 56. Tuyên bố: Vi nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ây đã chứng sự chứng đạt vê vô phiền não,... sự chứng đạt về vô tướng,... sự chứng đạt về vô nguyện, vi Tỳ-khun ấy có đạt... có trú sự chứng đạt về vô nguyện đinh; sự chứng đạt về vô nguyện định đã được thực chứng bởi vi Tỳ-khưu ấy" thi phạm tội Dukkata. ...(nt). 57. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vi Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được ba minh,... bốn sự thiết lập niệm,... bốn chánh cần,... bốn nền tảng của thân thông, ... năm quyên, ... năm lực, ... bảy giác chi, ... Thánh đạo tám chi phần,... quả vị Nhập lưu,... quả vi Nhất lai,... quả vi Bất lai,... phẩm vị A-la-hán, vi Tỳ-khưu ấy đã từ bỏ tham ái,... đã từ bỏ sân ... đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, vị Tỳ-khiru ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái, có tâm không bi che lấp bởi sân và có tâm không bị che lấp bởi si" thì phạm tội Dukkata. 58. Tuyên bố: Vị nói với người chưa

tu lên bậc trên rằng: [Tỳ-khiru] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền,. nhi thiền, ... tam thiền, ... tứ thiền ở nơi thanh vắng; vi Tỳ-khưu ấy có đạt... có trú tứ thiền ở nơi thanh vang, tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vi Tỳ-khưu ấy ở nơi thanh vắng" thì phạm tội Dukkata, 59. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng tru xá của đạo hữu,... Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng y của đạo hữu, ... Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng vật thực của đạo hữu, ... Vi [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu,... Vi [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng vật dụng là thuốc men tri bệnh của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh văng; vị Tỳ-khưu ây có đạt... có tru tứ thiên ở

, r e A . ĩ nơi thanh văng, tứ thiên ở nơi thanh văng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu 2y” thì phạm tội Dukkata. 60. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Trú xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vi [Tỳ-khiru] nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khiru] nào, ... Vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ- khưu] nào,... Chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khưu] nào, ... Vật dụng là thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ- khiru] nào, vi Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh văng; vi Tỳ-khiru ây có đạt... có trú tứ thiên ở nơi thanh văng, tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khiru ấy” thì phạm tội Dukkata, 61. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Vi [Tỳ-khưu] nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng trú xá, ... và đã dâng y, ... đã dâng vật thực, ... đã dâng chỗ trú ngụ,... đã dâng vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vi Tỳ-khưu ây đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh văng; vị Tỳ-khiru ây có đạt... có trú tứ thiên ở nơi thanh văng, tứ thiên ở nơi thanh văng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy” thì phạm tội Dukkata. 62. Vị tuyên bô sự thực chứng đên người đã tu lên bậc trên, vi vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học về tuyên bố sự thực chứng là thứ tám. —ooOoo-

6.1.9. ĐIỀU HỌC VÈ CÔNG Bố TÔI XẤU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, gây chuyện xung đột với các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Vi ấy sau khi phạm tội xuất ra tinh dịch có sự cô ý đã thỉnh câu hội chúng hành phạt Parỉvãsa vê tội ấy. Hội chúng đã ban cho vị ấy hành phạt Parỉvâsa về tội ấy. 2. Vào lúc bấy giờ, tại thành Sāvatthi có buổi trai phạn của phường hội nọ. Vị ây đang chiu hành phạt Parivãsa nên đã ngôi chô ngôi cuôi cùng trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các cư sĩ ấy điều này: -Này các đạo hữu, vị này là Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā được quen thuộc với quý vị9 là vi thường tới lui với các gia đình, là vi thọ dụng vật tín thí băng chính bàn tay đã găng sức làm xuât ra tinh dịch. Vị ây sau khi phạm tội xuât ra tinh dịch có sự cô ý đã thỉnh câu hội chúng hành phạt Parỉvãsa vê tội ấy. Hội chúng đã ban cho vị ấy hành phạt Parivãsa về tội ấy. Vị ấy đang chịu hành phạt Parivãsa nên đã ngồi chỗ ngồi cuối cùng trong nhà ăn. 3. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư

lại công bố tội xấu của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên?" ...(nt).

406 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

r • r • r Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi công bô tội xâu của vị Tỳ-khưu đên người chưa tu lên bậc trên, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi lại công bô tội xâu của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào công bô tội xâu của vỉ Tỳ-khưu đên người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có sự đong ỷ của các Tỳ-khưuy 4. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vi Tỳ-khưu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Của Tỳ-khưu: Là của vị Tỳ-khưu khác. Tội xấu nghĩa là bốn tội Pārājika và mười ba tội Sañghādisesa. Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni9 [các người] còn lại là người chưa tu lên bậc trên. Công bô: Vi công bô đên người nữ, hoặc đên người nam, hoặc đên người tại gia, hoặc đến vị xuất gia. Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ- khưu. Có sự đồng ý của các Tỳ-khưu có sự giới hạn về tội, không có sự giới hạn về gia đình; có sự đồng ý của các Tỳ-khưu có sự giới hạn về gia đình, không có sự giới hạn về tội; có sự đồng ý của các Tỳ-khưu có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn vê gia đình; có sự đông ý của các Tỳ-khưu không có sự giới hạn vê tội và không có sự giới hạn về gia đình. Có sự giói hạn về tội nghĩa là các tội được xét đến: "Nên công bố với chừng ấy tội." Có sự giói hạn về gia đình nghĩa là các gia đình được xét đến: :Nên công bố đến chừng ấy gia dinh." Có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình nghĩa là các tội được xét đến và các gia đình được xét đến: "Nên công bố với chừng ấy tội đến chừng ấy gia đình?5 Không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình nghĩa là các tội không được xét đến và các gia đình không được xét đên: “Nên công bô với chừng ây tội đên chừng ây gia dinh." Khi có sự giới hạn vê tội, trừ ra các tội được xét đên, vị công bô các tội khác thì phạm tội Pãcittiya, Khi có sự giới hạn về gia đình, trừ ra các gia đình được xét đến, vi công bố đến các gia đình khác thì phạm tội Pãcittiya. Khi có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình, trừ ra các tội được xét đến và trừ ra các gia đình được xét đến, vị công bố các tội khác đến các gia đình khác thì phạm tội Pãcittiya.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 407

Khi không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình thì vo tôi. Tội xấu, nhận biết là tội xấu, vi công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ có sự đong ý của các Tỳ-khiru. Tội xấu, có sự hoài nghi, vị công bo đen người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcỉttiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tội xấu, [lầm] tưởng không phải là tội xấu, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ có sự đong ý của các Tỳ-khiru. Vị công bố tội không phải là tội xấu thì phạm tội Dukkata. Vi công bố sự vi phạm tội xâu hoặc tội không xâu của người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Không phải là tội xấu, [lầm] tưởng là tội xấu thì phạm tội Dukkata, Không phải là tội xấu, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Không phải là tội xấu, nhận biết không phải là tội xấu thì phạm tội Dukkata.

Vi tuyên bố về sự việc không [tuyên bố] về tội, vị tuyên bố về tội không [tuyên bố] về sự việc, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về công bố tội xấu là thứ chín. —ooOoo—

6.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐÀO ĐẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành ÂỊavĩ, nơi tháp thờAggãỊava. Vào lúc bấy giờ, trong khi thực hiện công trình mới, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavĩ tự đào và bảo đào đất. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tự đào và bảo đào đất, các Sa-môn Thích tử giết hại mạng song chỉ có một giác quan?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavĩ lại tự đào và bảo đào đất?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tự đào và bảo đào đất, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tự đào và bảo đào đất vậy? Này những kẻ rô dại, bởi vì dân chúng nghĩ răng có mạng sông ở trong đất. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tự đào hoặc bảo đào đất thì phạm tội Pãcỉttỉyay

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khiru: ...(nt).. Vi này là "vi Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Đất nghĩa là có hai loại đất: Đất màu mỡ và đất không màu

6.2. PHẨM THẢO MỘC

6.2.1. ĐIỀU HỌC VÈ THẢO Mộc 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành ÂỊavĩ, nơi tháp thờAggâỊava. Vào lúc bấy giờ, trong lúc thực hiện công trình mới, các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavĩ chặt cây và bảo người chặt. Có vị Tỳ-khưu nọ ở thành ÂỊavĩ cũng chặt cây. Vi thiên nhân ngụ ở trên cây ây đã nói với vị Tỳ-khưu ây điêu này: —Thưa ngài, ngài có ý định làm chỗ ở cho mình thì xin ngài chớ phá hủy chỗ ở của chúng tôi. Vi Tỳ-khưu ấy trong lúc không lưu tâm đã chặt đi và đã đánh trúng cánh tay đứa bé trai của vị thiên nhân ấy. Khi ấy, vi thiên nhân ấy đã khởi ý điều này: "C6 lẽ ta nên đoạt mạng sông của vi Tỳ-khưu này ngay tại nơi day?99 Roi vị thiên nhân ấy đã khởi ý điều này: "Việc ta đoạt mạng sống của vi Tỳ-khiru này ngay tại nơi đây là không đúng đắn, có lẽ ta nên trình sự việc này lên đức Thế T6n?" Sau đó, vị thiên nhân ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình Sự việc ây len đức Thê Ton. —Này thiên nhân, lành thay, lành thay! Này thiên nhân, lành thay! Ngươi đã không đoạt lấy mạng sống của vị Tỳ-khưu ấy. Này thiên nhân, nếu hôm nay ngươi đã đoạt lây mạng sông của vị Tỳ-khưu ây, này thiên nhân, ngươi đã gây ra nhiều sự vô phước. Này thiên nhân, hãy đi, ở chỗ kia có thân cây mọc riêng biệt. Hãy đi đến nơi ấy. 2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại chặt cây và bảo người chặt? Các Sa-môn Thích tử giết hại mạng sống chỉ có một giác quan.” Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn

nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu ở thành AỊavĩ lại chặt cây và bảo người chặt?" Khi ấy, dức Thế Tôn ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chặt cây và bảo người chặt, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại chặt cây và bảo người chặt vậy? Này những kẻ rô dại, bởi vì dân chúng nghĩ răng có mạng sông ở

trong thân cây. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu? các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Khi phá hoại sự sống của thảo mộc thì phạm tội Pācittiya^ 3. Thảo mộc nghĩa là có năm sự sanh ra bởi mâm giông: Mâm giông từ rê, mâm giông từ thân, mâm giông từ măt choi, mâm giông từ phân ngọn, mâm giống từ hạt là loại thứ năm. Mầm giống từ rễ nghĩa là củ nghệ, củ gừng, cây vācā, cây vacatta, cây ngải cứu, cây lê lư [trị bệnh điên?], cây usĩra, cỏ bhaddamuttaka, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ rê, được nảy mâm từ rê? vật ây được gọi là mâm giống từ rễ. Mầm giống từ thân nghĩa là cây sung, cây đa, cây pilakkha, cây udumbaraṃ cây tuyết tùng, cây kapithana, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ thân, được nảy mâm từ thân, vật ây được gọi là mâm giông từ thân. Mâm giông từ măt choi nghĩa là cây mía, cây tre, cây sậy, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ đoạn nối, được nảy mầm từ đoạn nối, vật ấy được gọi là mầm giống từ mắt chồi. Mâm giông từ phân ngọn nghĩa là cây húng quê, cỏ lạc dà, cỏ thơm hirivera, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ phan ngọn, được nảy mầm từ phần ngọn, điều ấy được gọi là mầm giống từ phần ngọn. Mâm giông từ hạt nghĩa là hạt lúa bp, hạt rau cải, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ hạt, được nảy mâm từ hạt, vật ây được gọi là mâm giông từ hạt. Mầm giống, nhận biết là mầm giống, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì phạm tội Pâcỉttỉya. Mầm giống, có sự hoài nghi, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì phạm tội Dukkata. Mầm giống, [lầm] tưởng không phải là mầm giống, vi chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nâu, hoặc bảo nâu thì vô tội. Không phải mâm giông, [lâm] tưởng là mâm giông thì phạm tội Dukkata, Không phải là mầm giống, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là mầm giống, nhận biết không phải là mầm giống thì vô tội. Vị nói răng: "Hãy tìm vật này, hãy bô thí vật này, hãy mang lại vật này, có nhu cầu về vật này, hãy làm vật này thành đúng phép", không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về thảo mộc là thứ nhất —ooOoo—

6.2.2. ĐIỀU HỌC VÈ NÓI TRÁNH NÉ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa tự mình hành xử sai nguyên tắc và trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gi?" Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Channa trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: 'Ai đã vi

phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?,,, ...(nt). -Này Channa, nghe nói ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói răng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gi?" có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: “Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gi?” Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng hãy phán quyết tội nói tránh né đến Tỳ-khưu Channa. Và này các Tỳ-khưu, nên phán quyết như vầy: Hội chúng can được thông báo bởi vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: 2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúcỊ. được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc rcách 9 9 a

khác. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng hội chúng nên phán quyêt tội nói tránh né đến Tỳ-khiru Channa. Đây là lời đe nghi. 3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác. Hội chúng phán quyêt tội nói tránh né đên Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc phán quyết tội nói tránh né đến Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tội nói tránh né đã được hội chúng phán quyêt đên Tỳ-khưu Channa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 4. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Channa bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

"Khi nói tránh nẻ thì phạm tội Pâcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng, Đại đức Channa [nghĩ rằng]: "Trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác, ta sẽ vi phạm t0i" nên đã im lặng, gây khó khăn cho hội chúng. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Channa trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng? ...(nt). Này Channa, nghe nói ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng đã im lặng, gây khó khăn cho hội chúng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng vậy? Này kẻ ro dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng hãy phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khưu Channa. Và này các Tỳ-khưu, nên phán quyết như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khiru có kinh nghiệm, đủ năng lực: 6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong

lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khtru Channa. Đây là lời đề nghị. 7. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng. Hội chúng phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khmi Channa. Đại đức nào đồng ý việc phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tội gây khó khăn đã được hội chúng phán quyết đến Tỳ-khưu Channa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 8. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Channa bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(ĩit).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi nói tránh nếf gây khó khăn thì phạm tội Pâcittỉyay 9. Nói tránh né nghĩa là trong lúc được xác định sự việc hoặc tội ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gi?” Việc này nghĩa là nói tránh né.

Gây khó khăn nghĩa là trong lúc được xác định sự việc hoặc tội vi phạm ở giữa hội chúng, vi không có ý định nói lên điêu ây? không có ý đinh khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng; việc này nghĩa là gây khó khăn. r Khi tội nói tránh né chưa được phán quyêt, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý đinh nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gi?" thì phạm tội Dukkata. Khi tội gây khó khăn chưa được phán quyêt, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không CÓ ý định khơi lại điêu ây, roi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng thì phạm tội Dukkata, Khi tội nói tránh né đã được phán quyêt, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý đinh nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: “Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gi?” thi phạm tội Pãcỉttỉya. Khi tội gây khó khăn đã được phán quyết, trong lúc được xác đinh sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vi không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, roi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội Pãcittiya, Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội. Vi không biết rồi hỏi, hoặc vị bị bệnh rồi không nói, [nghĩ rằng]: "Hội chúng sẽ có xung đột, hoặc cãi cọ5 hoặc tranh luận, hoặc tranh cỗd" rồi không nói, [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự

chia rẽ hội chúng hoặc là sự bất đồng hội chúng” rồi không nói, [nghĩ rằng]: "Sẽ thực hiện hành sự hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vi không xứng đáng với hành SỊT” rồi không nói, vị bi điên, vi vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học về nói tránh né là thứ nhì. —ooOoo—

6.2.3. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC PHÀN NÀN 1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú ngụ và sắp xếp các bữa ăn của hội chúng. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vị mới tu, có phước báu ít ỏi. Các vị ây thường nhận được những chô trú ngụ kém thuộc vê hội chúng và những bữa ăn tồi. Các vị ấy phàn nàn về Đại đức Dabba Mallaputtā với các Tỳ-khưu rằng: “Dabba Mallaputtā phân bô chô trú ngụ theo sự ưa thích và sáp xép các bữa ăn theo sự ưa thích.” Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại phàn nàn về Đại đức Dabba Mallaputtā với các Ty-khưu?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu? nghe nói các ngươi phàn nàn về Dabba Mallaputtā với các Tỳ-khưu, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn? đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại phàn nàn về Dabba Mallaputtā với các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ ro dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi phàn nàn thì phạm tội Pãcỉttỉỵay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [nghĩ rằng]: "Việc phê phán đã bị đức Thế Tôn cấm đoán, đã thế thì các Tỳ-khiru chỉ sẽ được nghe th6i", rồi phê phán Đại đức Dabba Mallaputtā ở xung quanh các vị Tỳ-khưu răng: "Dabba Mallaputtā phân bô chô trú ngụ theo sự ưa thích và săp xép các bữa ăn theo sự ưa thích.” Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại phê phán Đại đức Dabba Mallaputtā?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi phê phán Dabba Mallaputtā, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại phê phán Dabba Mallaputtā vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi phàn nàn, phê phán thi phạm tội Pâcỉttỉyay

3.1 Phê phán nghĩa là vị có ý đinh làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị phân bô chô trú ngụ, hoặc là vị sáp xép bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh, rồi phàn nàn hoặc phê phán vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittỉya, Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi phàn nàn phê phán thì phạm tội Pācittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi phàn nàn phê phán thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp,

[lầm] tưởng là hành sự sai pháp, khi phàn nàn phê phán thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị phàn nàn hoặc phê phán người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vi có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự5 có ý định làm xấu hổ vi đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vi phân chia vật linh tinh, rồi phàn nàn hoặc phê phán với vi đã tu lên bậc trên hoặc với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị có ý đinh làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xâu hô người chưa tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định hoặc không được chỉ định làm vi phân bố chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vi phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vi phân chia vật linh tinh, rồi phê phán hoặc phàn nàn với vị đã tu lên bậc trên hoặc với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị phàn nàn hoặc phê phán vi [khác] đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc phàn nàn là thứ ba. —ooOoo—

6.2.4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VÈ CHỖ NẰM NGỒI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, nhằm lúc mùa lạnh, các Tỳ-khưu sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, rồi sưởi ấm thân hình. Khi thời giờ được thông báo, các vị trong lúc rời đi đã không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi đã ra đi không thông báo. Chỗ nằm ngồi trở nên ẩm ướt. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ..(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi

1 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 2), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

sao các Tỳ-khưu sau khi sáp đặt chô năm ngôi ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo, khiến chỗ nằm ngồi bi ẩm ướt?,, Sau đó, các vi Tỳ-khiru ấy đã trình Sự việc áy lên đức Thê T6n•...(nt). Này các Tỳ-khmi9 nghe nói các Tỳ-khiru sau khi sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ tự trải ra hoặc bảo trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc ve hội chủng ở ngoài trời, trong lúc rời đi không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pâcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi ngụ ở ngoài trời, rồi mang cất chỗ nằm ngồi lúc còn sớm. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy đang mang cất chỗ nằm ngồi lúc còn sớm; sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn nhân lý do ây9 nhân sự kiện ây đã nói pháp thoại, roi bảo các Tỳ-khưu răng: "Này các Tỳ-khưu, trong tám tháng thông thường không có mưa, ta cho phép cất giữ chỗ nằm ngồi ở nơi mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ngay tại chỗ nào các con quạ hoặc chim kên kên không phóng uế." 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu:

...(nt)...Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. Giường nghĩa là có bốn loại giường: Giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được. Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: Ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được. Nệm nghĩa là có năm loại nệm: Nệm len, nệm bông vải, nệm vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá. Vật kê nghĩa là làm băng bông vải, hoặc làm băng cây usīra, hoặc làm băng cỏ muñja, hoặc làm bằng cỏ pabbajā, sau khi đã độn vào bên trong thì được buộc lại. Sau khi tự trải ra: Sau khi tư mình trải ra. Sau khỉ bảo trải ra: Sau khi bảo người khác trải ra. Vị bảo người chưa tu lên bậc trên trải ra thì trách nhiệm thuộc về vị ấy. Vị bảo người đã tu lên bậc trên trải ra thì trách nhiệm thuộc về người đã trải ra. Trong lúc roi đi không thu dọn vật ấy: Không tự mình thu dọn. Cũng không bảo thu dọn: Không bảo người khác thu dọn.

Hoặc ra đi không thông báo: Không thông báo vị Tỳ-khưu, hoặc vi Sa-di, hoặc người giúp việc tu viện. Vị vượt quá chô rơi của cục đát được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] bậc trung2 thì phạm tội Pâcỉttỉya. Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ây, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pãcỉttỉya. Thuộc vê hội chúng, có sự hoài nghi, ...(nt)... Thuộc vê hội chúng, [lâm] tưởng là thuộc vê cá nhân, sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pācittiya. . r A

Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời tâm lót nên, hoặc vải phủ giường ghê, hoặc thảm trải nên, hoặc thảm lót ngôi, hoặc tâm da thú, hoặc thảm chùi chân, hoặc ghế kê chân, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội Dukkata. Thuộc vê cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Thuộc vê cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong lúc lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội Dukkata, Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội. Sau khi thu dọn rồi ra di, sau khi bảo thu dọn rồi ra đi, vị ra đi có thông báo, vị ra đi khi [vật ấy] đang còn được phơi nắng,3 [vật ấy] đã được bất cứ ai chiếm hữu, trong những lúc có sự cố5 vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất về chỗ nằm ngồi là thứ tư. —ooOoo—

6.2.5. ĐIỀU HỌC THỨ HAI VÈ CHÔ NẰM NGỒI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư là bạn hữu. Các vị ấy trong khi sống thì sống chung, trong khi ra đi thì ra đi chung. Các vị ấy sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi đã không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi đã ra đi không thông báo. Chỗ trú ngụ đã bị moi gặm nham. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị áy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chô năm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi lại

không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo, khiến chỗ trú ngụ bị moi gặm nham?^ ...(nt).

2 Tài liệu The Buddhist Monastic Code cho biết: Khoảng cách là 6m. 3 Nghĩ rằng: "Sau khi quay trở lại, ta sẽ thu dẹm" (VinA. IV. 776).

418 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chô năm ở trong trú xá thuộc vê hội chúng, trong lúc rời đi không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi ra đi không thông báo, khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rô dại ây sau khi trải ra chô nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo, khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm vậy? Này các Tỳ-khiru5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: ^Vị Tỳ-khirư nào sau khỉ tự trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm trong trú xả thuộc ve hội chủng, trong lúc rời dỉ không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vi Ty-khuu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. Chỗ nằm nghĩa là nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, r y 9 r : thảm dan, tâm da thú, vật lót ngôi, tâm trải năm, thảm cỏ, thảm lá. Sau khỉ tự trải ra: Sau khi tự mình trải ra. Sau khi bảo trải ra: Sau khi bảo người khác trải ra. Trong lúc rời đi không thu dọn vật ấy: Không tự mình thu dọn. Cũng không bảo thu dọn: Không bảo người khác thu dọn. Hoặc ra đi không thông báo: Không thông báo vị Tỳ-khưu, hoặc vị Sa-di, hoặc người giúp việc tu viện. Vi vượt quá hàng rào của tu viện được rào lại thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị vượt qua vùng phụ cận của tu viện không được rào lại thì phạm tội Pãcittiya. Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vi sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pãcỉttỉya. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pãcittiya. Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pãcittiya,

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 419

• .x o Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chô năm ở vùng phụ cận của trú xá, hoặc trong phòng phục vụ, hoặc ở mái che, hoặc ở góc cây, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Dukkata. Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra giường hoặc ghế ở trong trú xá5 hoặc ở vùng phụ cận của trú xá, hoặc trong phòng phục vụ, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, trong lúc rời đi lại không

thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội. Sau khi thu dọn roi ra di, sau khi bảo thu dọn roi ra đi, vị ra đi có thông báo, [vật ấy] đã được bất cứ ai chiếm hữu, vị có dự tính sau khi đi đến nơi ấy rồi [nhắn tin về] hỏi, vị bị cản trở bởi bất cứ điều gì, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì về chỗ nằm ngồi là thứ năm. —ooOoo—

6.2.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC CHEN VÀO 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện 9 í • : •

của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chiêm hữu các chỗ nằm tốt nhất; các Tỳ-khưu trưởng lão bảo các vị ấy đứng dậy. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điêu này: "Băng phương kê gì chúng ta có thể sống mùa [an cư] mưa ở chính nơi này?" Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão, roi năm xuống [nghĩ răng]: "Người nào bực bội thì sẽ ra di.” 2. Các Tỳ-khưu ít ham mu6n, ...(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão, rồi nằm xu6ng?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão, rồi nằm xuống, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Và này các Tỳ-khtru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vi Tỳ-khưu nào ở trong trú xá thuộc vê hội chủng, dâu biêt vân chen vào [chỗ] của vị Tỳ-khưu đã đến trước, rồi nằm xuống [nghĩ rằng]: 'Người nào bực bội thì sẽ ra đi. 'Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pãcittiyay

3 Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là "vị TV-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. Biết nghĩa là vị biết rằng: "Vi già c*'; vi biết rằng: "Vi bênh”; vi biết rằng: "Đã được hội chúng giao cho." Chen vào: Là sau khi lấn chiếm. Nằm xuống: Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở khu vực lân cận của giường, hoặc của ghế, hoặc của lối vào, hoặc của lối ra thì phạm tội Dukkaịa. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống [ở chỗ ấy] thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không có bất cứ nguyên nhân nào khác khiến [vi ấy] chen vào, rồi nằm xuống. Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị chen vào, rồi nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vi chen vào, rồi nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vi chen vào, rồi nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Vi trải ra hoặc bảo trải ra chô năm khônệ thuộc khu vực lân cận của giường, hoặc của ghế, hoặc của lối vào, hoặc của loi ra thì phạm tội Dukkata. Vi nằm xuống hoặc ngồi xuống [chỗ ấy] thì phạm tội Dukkata. Vi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở vùng phụ cận của trú xá, hoặc trong phòng phục vụ, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cay, hoặc ở ngoài trời thì phạm tội Dukkata. Vị nam xuống hoặc ngoi

xuống [chỗ ấy] thì phạm tội Dukkata. Thuộc vê cá nhân, [lâm tưởng] là thuộc vê hội chúng thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội Dukkata, Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội. Vị đi vào khi bi bệnh, vị đi vào vì lạnh hoặc vì nóng hoặc bi áp bức, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc chen vào là thứ sáu. —ooOoo—

6.2.7. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC LÔI KÉO RA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá lớn nọ ở vùng ven [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ sống mùa [an cư] mưa ở day.99 Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn thấy các Tỳ"khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá5 sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư này đang sửa chữa ngôi trú xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ rút đi.

Một số vị đã nói như vầy: Này các Đại dức, hãy chờ đợi trong lúc họ đang sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong thì chúng ta sẽ bảo họ rút đi. Sau đó, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này: Này các Đại dức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi. Này các Đại đức, sao lại không nói cho biết trước, chúng tôi đã có thể sửa chữa cái khác? Này các Đại đức, không phải trú xá thuộc vê hội chúng hay sao? Này các Đại đức, đúng vậy, trú xá thuộc về hội chúng.

Này các Đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi. Này các Đại dức, trú xá thì lớn, các vị ở được thì chúng tôi cũng sẽ ở được. Này các Đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi. Rồi [các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư] đã nổi giận, bất bình, nắm [các vị ấy] ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong lúc bị lôi kéo ra ngoài, các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khiru đã nói như vầy: -Này các Đại dức, vì sao các vị khóc lóc vậy? - Thưa các Đại đức, những Tỳ-khiru nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các Tỳ-khiru ra khỏi trú xá thuộc về hội chứng?" ...(nt). Này các Tỳ-khiru, nghe nói các ngươi nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc ve hội chúng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nôi giận, bát bình, roi lôi kẻo hoặc bảo lôi kẻo vỉ Tỳ-khưu ra khỏi trủ xá thuộc ve hội chủng thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là uvị Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác. Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. Lôi kéo ra: Sau khi nắm lấy ở trong phòng, rồi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội • Pãcittỉya. Sau khi năмy lây ở phía trước, x roi lôi kéo ra ^bên \ ngoài thì phạm tội Pãcittiya. Với một lân ra sức? mặc dâu kéo đi qua nhiêu cánh cửa, phạm [chỉ một] tội Pãcittiya. Bảo lôi kéo ra: Vị ra lệnh người khác thì phạm tội Pâcỉttỉya. Được ra lệnh một lân, mặc dâu kéo đi qua nhiêu cánh cửa, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcỉttỉya, Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pãcittỉya. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pãcỉttỉya. Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị nổi giận, bất bình, roi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia thì phạm tội Dukkaịa. Vi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra khỏi vùng phụ cận của tru xá, hoặc ra khỏi phòng phục vụ, hoặc ra khỏi mái che, hoặc ra khỏi góc cây, hoặc ra khỏi khuôn viên bên ngoài thì phạm tội Dukkata, Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo người chưa tu lên bậc trên ra khỏi trú xá, hoặc ra khỏi vùng phụ cận của trú xá, hoặc ra khỏi phòng phục vụ, hoặc ra khỏi mái che, hoặc ra khỏi góc cây, hoặc ra khỏi khuôn viên bên ngoài thì phạm tội Dukkata. Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vi kia thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lâm tưởng] là thuộc vê cá nhân [này] trong khi lại thuộc vê cá nhân khác thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội. Vi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị không biết hổ thẹn, vi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ấy; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị bị điên, vi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vi ây; vi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vi thường gây nên các sự xung đột, ... vị thường gây nên các sự cãi cọ9 ... vi thường gây nên các sự tranh luận, ... vị thường gây nên các sự nói chuyện nhảm nhí, ... vị thường gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vi kia; vi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra người đệ tử hoặc người học trò không thực hành phận sự đúng đắn, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia; vi bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc lôi kéo ra là thứ bảy. —ooOoo—

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 423

6.2.8. ĐIỀU HỌC VÈ CĂN GÁC LÀU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu trong trú xá của hội chúng có căn gác lầu, một vị sống ở bên dưới, một vị ở phía trên. Vị Tỳ- khưu ở trên đã ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được. Chân giường đã rơi xuống và chạm vào đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và đã nói với vị Tỳ- khưu ây điêu này: -Này Đại đức, vì sao Đại đức đã thét lên? Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao vị Tỳ-khưu lại ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lau trong trú xá của hội chúng?^, ..(nt) Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức

Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này kẻ rô dại, vì sao ngươi lại ngôi xuồng một cách vội vã ở chiêc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu? các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: ^Vị Tỳ-khưu nào ngôi xuông hoặc năm xuổng ở chiếc giường hoặc ghê loại có chân tháo rời được ở căn gác lau trong tru xá của hội chúng thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác. Thuộc về hội chúng nghĩa là tru xá đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. Căn gác lầu nghĩa là không đụng vào đầu của người đàn ông [có chiều cao] bậc trung. Giường loại có chân tháo rời được nghĩa là sau khi khoan lỗ rồi được gắn vào. Ghế loại có chân tháo rời được nghĩa là sau khi khoan lỗ rồi được gắn vào. Ngôi xuồng: Vi ngôi xuông ở chô ây thì phạm tội Pãcittiya. Nằm xuống: Vi nằm xuống ở chỗ ấy thì phạm tội Pãcỉttiya.

Thuộc vê hội chúng, nhận biêt là thuộc vê hội chúng, vị ngôi xuống hoặc a • r y năm xuồng ở chiêc giường hoặc ghê loại có chân tháo rời được ở căn gác lâu thì phạm tội Pâcittiya. Thuộc vê hội chúng, có sự hoài nghi, ...(nt)...Thuộc vê hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghe loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu thì phạm tội Pãcittiya, Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội Dukkaịa. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội. ở chỗ không phải là gác lầu, ở gác lầu [thấp] bi va chạm vào đầu, phần bên dưới là không được sử dụng, [gác lầu] đã được lót sàn, [giường ghế] đã được đóng đinh, vi đứng ở trên chỗ ấy lấy xuống hoặc treo lên, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về căn gác lầu là thứ tám. —ooOoo—

6.2.9. ĐIỀU HỌC VÈ TRÚ XÁ LỚN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bây giờ, vi quan đại thân, người hộ độ cho Đại đức Channa ra lệnh xây dựng trú xá cho Đại đức Channa. Khi ấy, lúc trú xá đã được làm hoàn tất, Đại đức Channa đã cho người lợp đi lợp lại, đã cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống. Sau đó, Đại đức Channa trong lúc gom góp cỏ và cây gỗ đã làm hư hỏng ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nọ. Khi ây, người Bà-la-môn áy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các ngài Đại đức lại làm hư hỏng ruộng lúa mạch của chúng t6i?" Các Tỳ-khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. r r 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao lúc trú xá đã được làm hoàn tất, Đại đức Channa còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xu6ng?" ...(nt). —Này Channaṃ nghe nói lúc trú xá đã được làm hoàn tất, ngươi còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến tru xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này kẻ rò dại, vì sao lúc trú xá đã

được làm hoàn tất, ngươi còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại

niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “Trong lúc cho xây dựng trú xả lớn, vi Tỳ-khtru nên đứng ở chỗ không trồng trọt mà quyết định cách thức vê hai ba lớp tô đáp đôi với việc lap đặt chót cửa, đoi với việc trang hoàng các lỗ thông hơi, cho đến khung cửa lớn. Nêu vượt quá điều ẩy, cho dầu vi đứng ở chỗ không trồng trọt mà quyết định vẫn phạm tội Pãcittiyay 3. Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến. Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài. Trong lúc cho xây dựng: Là [tự mình] đang làm hoặc đang bảo người làm. Cho đến khung cửa lớn: Là [khoảng rộng] một tầm tay [lm25] ở các khu vực xung quanh của đà ngang và trụ cửa. Đối với việc lắp đặt chốt cửa: Của việc lắp đặt cánh cửa lớn. Đối với việc trang hoàng các lỗ thông hơi: Là của việc trang hoàng các cửa sô [gôm có các việc]: Sơn màu trăng, sơn màu đen, sơn màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. Nên đứng ờ chô không trông trọt mà quyêt đinh cách thức vê hai ba lớp tô đăp: Được trông trọt nghĩa là các loại lúa băp và rau cải. Nêu đứng ở chỗ được trồng trọt mà xác đinh thì phạm tội Dukkata. Khi đang cho tô đắp theo đường thẳng, sau khi đã quyết định hai đường và đã chỉ thị đường thứ ba thì nên rời đi. Khi đang cho tô đắp theo đường vòng, sau khi đã quyết định hai đường vòng và đã chỉ thị đường vòng thứ ba thì nên rời đi. Nếu vượt quá điều ấy, cho dầu vi đứng ờ chỗ không trồng trọt mà quyết đinh: Vị đang cho tô đắp bằng ngói thì phạm tội Pâcỉttỉya theo từng viên ngói. Vi đang cho tô đáp băng đá phiên thì phạm tội Pãcittỉya theo từng viên đá phiến. Vị đang cho tô đắp bằng vữa hồ thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng cục vữa hồ. Vi đang cho tô đắp bằng cỏ thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng nắm cỏ. Vi đang cho tô đắp bằng lá thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng tấm lá. Vượt quá hai hay ba cách thức, nhận biết là vượt quá, vị quyết định thì phạm tội Pãcittiya. Vượt quá hai hay ba cách thức, có sự hoài nghi, vị quyết định thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vượt quá hai hay ba cách thức, [lam] tưởng là chưa quá, vị quyết định thì phạm tội Pãcittiya. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, [lầm tưởng] là đã vượt quá thì phạm tội Dukkata. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, nhận biết là chưa quá thì vô tội.

Trong hai hay ba cách thức, khi chưa đủ hai hay ba cách thức, trong hang đá, trong hang động, trong cốc liêu bang cỏ, vì nhu cau của vi khác, bang vật sở hữu của bản thân, trừ ra nhà ở còn tất cả các nơi thì không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về trú xá lớn là thứ chín. --ooOoo--

6.2.10. ĐIỀU HỌC VÈ [NƯỚC] có SINH VẬT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Ālavī, nơi tháp thờAggâỊava. Vào lúc bấy giờ, trong lúc thực hiện công trình mới,

các Tỳ-khưu ở thành ÂỊavĩ trong khi biêt nước có sinh vật vân tưới và bảo tưới lên cỏ và đát sét. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu ở thành ẢỊavĩ trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét?"...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -... (nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu r nào trong khi biêt nước có sỉnh vật vân tưới hoặc bảo tưới lên Cỏ hay đát sét thì phạm tội Pâcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là uvị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết hoặc các người khác thông báo cho vị ấy. Tưới: Vị tự mình tưới thì phạm tội Pãcỉttỉya. Bảo tưới: Vị ra lệnh cho người khác thì phạm tội Pãcittỉya. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vi kia] tưới nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcỉttỉya. Khi có sinh vật, nhận biết là có sinh vật, vi tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất r Pãcỉttiya. Khi cóa sinh vật, có sự\ hoài nghi, vị tưới hoặc bảo tưới sét thì phạm tội lên cỏ hay đát sét thì phạm tội Dukkaịa. Khi có sinh vật, [lâm] tưởng là không có sinh vật, vị tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất sét thì vô tội. Khi không có sinh vật, [lầm tưởng] là có sinh vật thì phạm tội Dukkata, Khi không có sinh vật, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaịa. Khi không có sinh vật, nhận biết là không có sinh vật thì vô tội.

Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vo tôi.
Điều học về [nước] có sinh vật là thứ mười.
Phẩm Thảo mộc là thứ nhì.
—ooOoo—
TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Thảo mộc, nói tráo trở, trong khi phê phán, hai điều về vị rời đi, vị đến trước, việc lôi kéo ra? loại có chân tháo rời được, cửa lớn và có sinh vật. -ooOoo-

6.3. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI

6.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ GIÁO GIỚI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khun trưởng lão trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm tri bệnh. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, hiện nay các Tỳ-khiru trưởng lão trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Này các Đại đức, vậy chúng ta cũng giáo giới các Tỳkhim-ni." 2. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: Này các Sư tỷ, hãy đi đên gặp chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ giáo giới. Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi đến đã đảnh lễ

các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói pháp thoại đến các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí roi đã giải tán [nói răng]: "Này các Sư tỷ, hãy đi di.” 3 Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đanh le đức The Ton roi đưng ơ mọt ben. Đức The Ton đã noi vơi các Tỳ-khưu- ni ấy đang đứng một bên điều này: —Này các Tỳ-khưu-ni, chắc hẳn việc giáo giới đã có hiệu quả? Bạch Ngài, làm sao sự giáo giới sẽ có hiệu quả khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư nói pháp thoại chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán? 4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phan khởi cho các Tỳ-khưu-ni ấy bang bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 5. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rang:

Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khiru răng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khmi cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: 6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên, là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vi giáo giới Tỳ-khưu-ni. Đại đức nào đồng ý với việc chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhì: ...(nt) Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vay] là

Lục Sư đã bàn bạc điều này: uNày các Đại đức, hiện nay các Tỳ-khiru trưởng lão đã được chỉ định, trong khi giáo giới các Tỳ-khiru-ni, có nhận được lợi lộc y như the thuộc ve các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy đi ra khỏi ranh giới, sau khi chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khxru-ni cho lẫn nhau, chúng ta hãy giáo giới các Ty-khuu-íii." 9. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ra khỏi ranh giới và đã chỉ đinh là vi giáo giới Tỳ-khưu-ni cho lẫn nhau, sau đó đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: -Này các Sư tỷ, chúng tôi cũng đã được chỉ định. Hãy đi đến gặp chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ giáo giới. Khi ây, các Tỳ-khưu-ni ây đã đi đên gặp các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi đến đã đảnh lễ các

Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói pháp thoại đến các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi đã giải tán [nói rằng]: “Này các Sư tỷ, hãy đi di." 10. Sau đó, các Tỳ-khtru-ni ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đanh le đức The Ton roi đưng ơ mọt ben. Đức The Ton đã noi VƠI các Tỳ-khưu- ni áy đang đứng một bên điêu này: Này các Tỳ-khưu-ni? chắc hẳn việc giáo giới đã có hiệu quả?

Bạch Ngài, làm sao sự giáo giới sẽ có hiệu quả khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư nói pháp thoại chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán? Khi ây, đức Thê Tôn băng bài pháp thoại đã chỉ dạy, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khira nhóm Lục Sư răng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít5 sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 12. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni là vị Tỳ-khưu hội đủ tám điều kiện: Là vị có giới, song thu thúc trong sự thu thúc

của Giới bổn (Pãtimokkha), là vi đã được thành tựu về hành xứ,12thấy được sự sợ hãi trong những tội nhỏ nhặt, là vi thọ trì và thực hành trong các điều học. Là vi nghe nhiêu, ghi nhớ điêu đã nghe, tích lũy điêu đã nghe, các pháp nào là toàn hảo ở đoạn đâu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kêt9 thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn : * if vẹn và đây đủ9 các pháp có hình thức như thê được nghe nhiêu, được thuộc năm lòng, được ôn tập băng khâu, được suy xét băng tâm, được khéo phân tích băng kiên thức. Cả hai Giới bôn (Pãtimokkha) được khéo truyên thừa một cách chi tiết, khéo được chia chẽ, khéo được thực hành, khéo được xác đinh theo từng điêu học, theo từng từ ngữ. Là vị có giọng nói rõ ràng, có cách nói lôi cuôn. Được nhiêu Tỳ-khiru-ni quý mên và ưa thích. Có năng lực giáo giới các Tỳ- khưu-ni. Trước đây, không có vi phạm tội nghiêm trọng đối với người nữ đã xuất gia, mặc y ca-sa theo đức Thế Tôn ấy.2 Là vi được hai mươi năm hoặc hơn hai mươi năm [thâm niên]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị Tỳ-khưu hội đủ tám điều kiện này làm vi giáo giới Tỳ-khưu-ni. 13. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Ty-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa được chỉ đinh nghĩa là chưa được chỉ định bằng hành sự với lời thông báo đếiĩ lần thứ tư. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Giáo giới: Vị giáo giới với Tám trọng pháp thì phạm tội Pãcittiya. Vị giáo giới với pháp khác thì phạm tội Dukkata. Vi giáo giới cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội Dukkata. 14. Vị Tỳ-khưu được chỉ định ấy nên quét dọn chỗ ngụ, chuẩn bi nước uống, nước rửa, sắp đặt chỗ ngồi, sau khi giữ lại vi thứ nhì34 *rồi nên ngồi xuống. Các

Tỳ-khưu-ni đi đến nơi ây nên đảnh lê vị Tỳ-khiru ây roi nên ngôi xuông ở một bên. Vị Tỳ-khưu được chỉ định ấy nên hỏi rằng: "Này các Sư tỷ, các vị đã đến đầy đủ chua?”4 Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: “Thua ngài, chúng tôi đã đến đầy điC\ [nên hỏi rằng]: “Này các Sư tỷ, Tám trọng pháp có được thực hành không?,, Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: “Thua ngài, có được thực hanh99, [nen nói rằng]: “Này các Sư tỷ5 đây là lời giáo giới” rồi nên ban lời giáo giới. Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: “Thua ngài, không được thực hanh9\ [các Tỳ-khưu- ni] nên được nhắc lại rằng:

1 Ãcãra-gocara'. "Hanh xứ" tức là usở hành và các chỗ đi lại, thân cận.,, Ngài Buddhaghosa giải thích là vị không thực hành tà mạng như là chotre, v.v... không đi đến các nơi không nên đi như gái điếm, v.v... và có được hành xứ là các gia đình đầy đủ đức tin, (VinA. IV. 788). 2 Khi còn tại gia, không có đụng chạm cơ thể với Tỳ-khưu-ni, không thực hiện việc đôi lứa với các cô Ni tu tập sự va các Sa-di-ni (VinA. IV. 791). . . 3 Đe khỏi bị phạm tội khi thuyết pháp đến người nữ (Sđd. 792). 4 ^Samaggattha bhaginiyo'tC được ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Sabbā āgatthatā'tC nên được dịch như trên thay VI uCác Sư tỷ có được hợp nhát không?,, (Sdd. 792).

15. "Tỳ-khưu-ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hành sự đảnh lễ, đứng dậy chào, chắp tay, phận sự thích hợp đến vị Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính và không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp cần được thực hành tốt đẹp? thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính và không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng Tỳ-khim: Việc hỏi ngày Uposatha và việc đi đến [để nghe] giáo giới. Đây cũng là pháp ...(nt).. Tỳ-khưu-ni sau khi mãn mùa [an cư] mưa nên hành lễ Pavāranā ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: Hoặc do thấy, hoặc do nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp ...(nt).. Tỳ-khưu-ni vi phạm giới nghiêm trọng nên thực hành hành phạt Mãnatta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(ĩit)...Cô Ni tu tập sự đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt).. Tỳ-khưu-ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép sỉ vả hoặc chửi rủa Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp ...(nt).. Ke từ hôm nay, việc khuyên bảo của cácr Tỳ-khưu-ni đên các• Tỳ-khưu bị" ngăn r câm, việc khuyên bảoy của các Tỳ-khưu đên các Tỳ-khưu-ni không bi ngăn câm. Đây cũng là pháp cân được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính và không được vi phạm cho đen trọn dòi.” 16. Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: “Thua ngài, chúng tôi đã đến đầy đủ", vị nói vê pháp khác thì phạm tội Dukkata, Nêu [các Tỳ-khưu-ni] đáp răng: "Thua ngài, chúng tôi chưa đầy dỉT,5 vị nói về Tám trọng pháp thì phạm tội Dukkata, Sau khi không ban lời giáo giới,, vị nói về pháp khác thì phạm tội Dukkata. 17. Hành sự sai pháp, nhận biêt là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khiru-ni chưa đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya, Hành sự

sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đây đủ? [lâm tưởng] là đây đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. 18. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vi giáo giới thì phạm tội Pâcỉttỉya. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội Pâcittỉya. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ- khưu-ni chưa đầy đủ? [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pâcittiya. 19. Hành sự sai pháp, [lâm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu- ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittỉya.

5 ^Vaggamhāyyā'tr thay vì dịch "Thua ngài, chúng tôi là phe nh6m", chúng tôi dịch như trên cho phù hợp mạch văn.

Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ5 có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội Pãcỉttiya. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcỉttỉya, 20. Hành sự sai pháp, nhận biêt là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vi giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcỉttỉya. 21. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittỉya. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vi giáo giới thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ? nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcỉttiya. 22. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ- khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đay đủ, nhận biết là đay đủ; vị giáo giới thì phạm tội Pãcỉttiya. 23. Hành sự đúng pháp, [lâm tưởng] là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khiru- ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, [lầm tưởng] là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ5 có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... [lầm tưởng] là đầy đủ; vi giáo giới thì phạm tội Dukkata. 24. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đày đủ; vị giáo giới ...(nt).. có sự hoài nghi; vị giáo giới ..(nt).. nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Dukkata. 25. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ- khưu-ni chưa đây đủ? nhận biêt là chưa đây đủ; vi giáo giới ...(nt)... có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... [lầm txrởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội DukkaỊa. 26. Hành sự đúng pháp, [lầm tưởng] là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ- khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới ...(rit).. có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... nhận biêt là đây đủ; vị giáo giới thì phạm tội Dukkata. 27. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy

đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới ...(nt)... có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt).. nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Dukkata.

28. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ- khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ; có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đày đủ, nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì vô tội. 29. Vị đang ban cho phần đọc tụng,6 vị đang ban cho phần giải thích,7 vị nhắc lại khi được nói rằng: “Thua ngài, xin hãy nhắc lại", vi hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các Tỳ-khưu-ni lăng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị [giáo giới] cho cô Ni tu tập sự? [vi giáo giới] cho Sa-di-ni, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về giáo giới là thứ nhất —ooOoo-

6.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ [MẶT TRỜI] ĐÃ LẬN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni theo phiên. Vào lúc bây giờ là phiên của Đại đức CũỊapanthaka giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khiru-ni đã nói như vầy: "Bây giờ, ngày hôm nay, sự giáo giới sẽ là không có hiệu quả. Bây giờ, ngài Đại đức CũỊapanthaka sẽ nói đi nói lại chính lời cảm hứng ấy.” 2. Sau đỏ, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp Đại đức CũỊapanthaka, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức CũỊapanthaka rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức CũỊapanthaka đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy đang ngồi một bên điều này: Này các Sư tỷ, các vi đã đến đầy đủ chưa? -Thưa ngài, chúng tôi đã đến đầy đủ. Này các Sư tỷ, Tám trọng pháp có được thực hành không? Thưa ngài, có được thực hành. Này các Sư tỷ, đây là lời giáo giới. Sau khi ban lời trên, vi ấy đã đọc đi đọc lại bài cảm hứng này: "Đối với bậc Hiền trí có tâm hướng thượng, không bi xao lãng, rèn luyện trong các đạo lộ trí tuệ, các sự buồn rầu không hiện hữu ở vị như thế ấy, là vị an tinh, luôn luôn có niệm.„8 3 Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: "Không phải chúng tôi đã nói rằng: 'Bây giờ, ngày hôm nay, sự giáo giới sẽ là không có hiệu quả. Bây giờ, ngài

6 Vị đang đọc tụng phần Pali của Tám trọng pháp (VìnA. IV. 800). 7 Vị đang đọc Chủ giải về phần Pâli của Tám trọng pháp (Sđd.). 8 Ud. 43, Sārỉputtasuttam (Kinh Sāriputta)', Thag. 10; ThagA. L 163, Ekudânỉyattheragāthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Ekudâniyă).

Đại đức Cūlapanthaka sẽ nói đi nói lại chính lời cảm hứng ấy5 hay sao?” Đại đức CũỊapanthaka đã nghe được lời nói trao đổi này của các Tỳ-khiru-ni ấy. Khi ấy, Đại đức CũỊapanthaka đã bay lên không trung rồi đi kinh hành trong không trung trên bâu trời roi đứng lại, roi ngôi xuông, roi năm xuồng, roi biên thành khói, rồi cháy rực lên, rồi biến mất. Vi ấy nói lên chính bài cảm hứng ấy và nhiều Phật ngôn khác. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: 'Thưa ngài, thật là kỳ diệu! Thưa ngài, thật là phi thường! Quả thật, từ trước đến nay, sự giáo giới cho chúng tôi trước đây không được hiệu quả như vầy, như là [sự giáo giới] của ngài Đại đức Cĩựapanthaka!" 4. Sau đó, Đại đức

CũỊapanthaka đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni ấy cho đến khi trời tối hẳn mới giải tán [nói rằng]: -Này các Sư tỷ, hãy đi về.

r Khi ây, cửa thành đã đóng nên các r Tỳ-khun-ni ây đã trú lại bên ngoài thành đên sáng sớm mới đi vào thành phô. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này không còn Phạm hạnh; họ đã ở lại với các Tỳ-khưu trong tu viện, bây giờ mới đi vào thành ph6." 5. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn5 phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Đại đức CũỊapanthaka lại giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã ÍỊn?" ...(nt). -Này CũỊapanthaka, nghe nói ngươi giáo giới các Tỳ-khiru-ni khi mặt trời đã lặn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này CũỊapanthaka, vì sao ngươi lại giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn vậy? Này CũỊapanthaka, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khmi, các ngươi nên phổ biến điêu học này như vây: "Dầu đã được chỉ đỉnh, nếu vị Tỳ-khưu giáo giới Tỳ-khưu-ni khỉ mặt trời đã lặn thì phạm tội Pãcỉttỉyay 6. Đã được chỉ đinh nghĩa là đã được chỉ đinh bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Khi mặt trời đã lặn: Khi mặt trời đã đi xuống ở bên dưới. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Giáo giới: Vị giáo giới với Tám trọng pháp hoặc với pháp khác thì phạm tội Pãcỉttỉya.

Khi [mặt trời] đã lặn, nhận biết là đã lặn, vị giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. Khi [mặt trời] đã lặn, có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội Pãcittỉya. Khi [mặt trời] đã lặn, [lầm tưởng] là chưa lặn, vi giáo giới thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị giáo giới cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội Dukkata. Khi [mặt trời] chưa lặn, [lầm tưởng] là đã lặn thì phạm tội Dukkata, Khi [mặt trời] chưa lặn, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi [mặt trời] chưa lặn, nhận biết là chưa lặn thì vô tội. Vi đang ban cho phần đọc tụng, vị đang ban cho phần giải thích, vị nhắc lại khi được nói rằng: "Thua ngài, xin hãy nhắc lại", vi hỏi câu hỏi, vi giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các Tỳ-khưu-ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị [giáo giới] cho cô Ni tu tập sự, [vị giáo giới] cho Sa-di-ni, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về [mặt trời] đã lặn là thứ nhì. —ooOoo—

6.3.3. ĐIỀU HỌC VÈ CHỖ NGỤ CỦA TỲ-KHƯU-NI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đên chô ngụ của Tỳ-khưu-ni, roi giáo giới cho các Tỳ-khưu- ni nhóm Lục Sư. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư điều này: -Này các Ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi việc giáo giới. -Này các Ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đây giáo giới cho chúng tôi ngay tại đây. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư không đi việc giáo giới?" 2. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- r r e A

khưu ít ham muôn, ..(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đên chô ngụ của Tỳ-khưu-ni lại giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni?^, ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ- khưu-ni rồi giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni? có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni lại giáo giới cho các Tỳ-khxru-ni vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

6. CHƯƠNG PÃCITTIYA 437

"Vị Tỳ-khmi nào sau khỉ đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới cho các Tỳ-khiru-ni thì phạm tội Pâcittỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3 Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ bi bệnh. Các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến thăm bà Mahāpajāpatī Gotamĩ, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điều này: Này Gotamĩ, sức khỏe bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? Thưa các ngài, sức khỏe tôi không khá. Mọi việc không được thuận tiện. Thưa các ngài, xin hãy giảng pháp. - Này Sư tỷ, sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, không được phép giảng pháp cho các Tỳ-khưu-ni. Roi trong lúc ngân ngại, đã không thuyêt giảng. 4. Sau đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến thăm bà Mahāpajāpatī Gotamĩ, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điều này: -Này Gotamĩ, sức khỏe bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? Bạch Ngài, trước đây, các Tỳ-khưu trưởng lão đi đến gặp con thường giảng pháp cho con, vì thế con được an lạc. Giờ đây, các vị [nghĩ rằng]: "Dức Thê Tôn đã ngăn câm,,9 trong lúc ngân ngại không thuyêt giảng, vì thê con không được an lạc. 5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamĩ bang bài pháp thoại roi đã từ chỗ ngoi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi đi đên chô ngụ của Tỳ-khưu-ni? được giáo giới Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ đi đên chô ngụ của Tỳ-khim-ni, roi giáo giới cho các Tỳ-khưu-nỉ thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ cỏ duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là vỉ Tỳ-khưu-ni bỉ bệnh. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy." 6. V| nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khinT được đề cập trong ý nghĩa này. Chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni nghĩa là nơi nào các Tỳ-khưu-ni cư ngụ, dầu chỉ một đêm. Sau khi đi đến: Sau khi đi lại nơi ấy. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

438 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Giáo giới: Vị giáo giới với Tám trọng pháp thì phạm tội Pãcitíiya. Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ. Vi Tỳ-khưu-ni bi bệnh nghĩa là không thể đi vì việc giáo giới hoặc vì việc cộng tru. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni9 rồi giáo giới thì phạm tội Pãcittiyà. ngoại trừ có duyên cớ. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni,

rồi giáo giới thì phạm tội Pãcittỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là chưa tu lên bậc trên, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Vị giáo giới bằng pháp khác thì phạm tội Dukkata. Vị giáo giới cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkaịa. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì vô tội. Khi có duyên cớ, vị đang ban cho phần đọc tụng, vị đang ban cho phần giải thích, vị nhắc lại khi được nói rằng: "Thua ngài, xin hãy nhắc lại9\ vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các Tỳ-khưu-ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị [giáo giới] cho cô Ni tu tập sự, [vị giáo giới] cho Sa-di-ni, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni là thứ ba. -ooOoo—

6.3.4. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT CHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trưởng lão trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nói như vầy: "Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất.,, r • 2. Các Tỳ-khxru ít ham mu6n, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại phát ngôn như vây: 'Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất'?" ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi phát ngôn như vầy: "Các Tỳ- khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất"có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại phát ngôn như vầy: "Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất"? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu giáo giới cho các Tỳ-khưu-nỉ vì nguyên nhân vật chất'thì phạm tội Pācittiya^ 3. Vi nào: Là bát cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tykhưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vì nguyên nhân vật chất: Vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm tri bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng dường. Nói như vay: Vị có ý đinh làm mát thê diện, có ý đinh làm mát danh dự, có ý đinh làm xấu ho vi đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni rồi nói như vầy: giáo giới vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì

nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng đuờng"; vị nói thì phạm tội Pãcừtiya. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, vị nói như thế thì phạm tội Pãcỉttiya. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, vị nói như thế thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp, vị nói như thế thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi cỗ ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vi giáo giới Tỳ-khưu-ni rồi nói như vầy: "Vi giáo giới vì nguyên nhân y phục, ..(nt).. vì nguyên nhân cúng đuờng"; vị nói thì phạm tội Dukkata, Vị có ý đinh làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý đinh làm xâu hô vị chưa tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định hoặc không được chỉ định làm vi giáo giới Tỳ-khưu-ni roi nói như vay: giáo giới vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ tru ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ5 vì nguyên nhân cúng dường^,; vị nói thì phạm tội Dukkata.

Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị nói về vị đang giáo giới theo thói thường vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng dường; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vật chất là thứ tư. —ooOoo—

6.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ CHO Y 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetayana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực ở con đường nọ trong thành Sāvatthi. Có vi Tỳ-khiru-ni nọ cũng đi khất thực ở con đường ấy. Khi ấy, vi Tỳ-khưu ấy đã nói với vi Tỳ-khưu-ni ấy điều này: -Này Sư tỷ, hãy đi. Vật thực được bố thí ở chỗ kia. Vị Ni ấy cũng đã nói như vay: —Thưa ngài, hãy đi. Vật thực được bố thí ở chỗ kia. Do sự gặp gỡ thường xuyên, họ đã trở nên thân thiêt. 2. Vào lúc bấy giờ, y của hội chúng được chia ra. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy sau khi đi việc giáo giới đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy rồi đứng ở một bên. Vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy đang đứng một bên điều này: Này Sư tỷ, đây là phần chia y của tôi; chị nên nhận lấy. -Thưa ngài, xin vâng. Y của tôi đã tàn tệ. Khi ây, vi Tỳ-khưu ây đã cho y đên vị Tỳ-khưu-ni ây. Ngay cả y của vi Tỳ- khưu ấy cũng đã tàn tệ. Các Tỳ-khưu đã nói với vi Tỳ-khun ấy điều này: -Này Đại đức, bây giờ hãy làm y của Đại đức đi. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. 3. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khưu lại cho y đến Tỳ-khưu-ni?" ...(nt) -Này Tỳ-khiru, nghe nói ngươi cho y đến Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Này Tỳ-khưu5 là nữ thân quyên của ngươi hay không phải là nữ thân quyên? —Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

Này kẻ rô dại, người nam không phải là thân quyên không biêt điêu gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào cho y đến Tỳ-khưu-nỉ không phải là thân quyến thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 4. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong lúc ngân ngại không đưa y ra trao đổi với các Tỳ-khtru-ni. Các Tỳ-khiru-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các ngài Đại đức lại không đưa y ra trao đổi với chúng t6i?" Các Tỳ-khưu đã nghe được các Tỳ-khưu-ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đưa ra trao đổi với năm hạng là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập SỊT, Sa-di, Sa-di-ni. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đưa ra trao đổi với năm hạng này. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên phổ biến điều học này như vây: "Vi Tỳ-khưu nào cho y đên Tỷ-khưu-ni không phải là thân quyên thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ sự trao đổỉy 5. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. [Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung. Ngoại trừ sự trao đổi: Trừ ra sự trao đổi, vị cho [y] thì phạm tội Pãcittỉya. Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vi cho y thì phạm tội Pãcittỉya. ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vi cho y thì phạm tội Pâcittỉya. ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là nữ thân quyên, [lâm] tưởng là nữ thân quyên, vi cho y thì phạm tội Pãcittỉya, ngoại trừ sự trao đổi. Vị cho y đến cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội Dukkata. ngoại trừ sự trao đôi. Là nữ thân quyên, [lâm] tưởng không phải là nữ thân quyên thì phạm tội Dukkata. Là nữ thân quyên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Là nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

442 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Với vị [Tỳ-khưu-ni] là nữ thân quyên, sự trao đôi vật lớn băng vật nhỏ hoặc vật nhỏ bằng vật lớn, vị Tỳ-khiru-ni lấy do sự thân thiết, vị Ni lấy trong một thời hạn, vị cho vật dụng khác ngoại trừ y, [cho đến] cô Ni tu tập sự, [cho đến] Sadi-ni, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về cho y là thứ năm. —ooOoo—

6.3.6. ĐIỀU HỌC VÈ MAY Y 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, Tỳ-khiru Udāyi rành rẽ làm công việc may y. Có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này: —Thưa ngài, tót thay! Ngài Đại đức hãy may y cho tôi. Sau đó, Đại đức Udāyi đã may y cho Tỳ-khưu-ni ấy, sau khi khéo nhuộm, khéo sửa soạn, đã vẽ len hình anh gợi cam ơ giữa/ roi gap lại va đe riêng. 2. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi

đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này: Thưa ngài, y ấy đâu rồi?

Này Sư tỷ, hãy mang đi và đê riêng, y này còn được gáp như vây. Khi nào hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến về việc giáo giới, khi ấy hãy khoác y này lên và đi ở phía sau cùng của hội chúng Tỳ-khưu-ni. 3. Khi ây, vị Tỳ-khưu-ni ây đã mang đi và đê riêng y ây còn được gáp như thế. Đen khi hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến nghe giáo giới, khi ấy mới khoác y ấy lên và đi ở phía sau cùng của hội chúng Tỳ-khiru-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Các Tỳ-khưu-ni này thật là quá quắt, trơ trẽn, vô liêm sĩ bởi vì dám vẽ hình ảnh gợi cảm lên trên y?" Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: -Việc làm này là của ai? Là của ngài Đại đức Udāyi. -Thậm chí đối với những kẻ quá quắt, trơ trẽn, vô liêm sĩ, hình thức như vầy cũng không thể trưng bày. Chả lẽ lại là của ngài Đại đức Udāyi? 4. Sau đó, các Tỳ-khiru-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại may y cho Ty-khưuni?" ...(nt) Này Udāyi, nghe nói ngươi may y cho Tỳ-khưu-ni? có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

9 Chủ giải cho biết rằng: "Sau khi nhuộm y, Đại đức Udāyi đã dùng nhiều màu sắc phác họa ở phần giữa cua y ấy hình ảnh người nam và người nữ với sự thực hiện việc đôi lứa còn chưa kết thìic" (VìnA. IV. 804).

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 443

-Này Udāyi, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến? -Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến. Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: Tỳ-khưu nào may y hoặc bảo may y cho Tỳ-khưu-nỉ không phải ỉa thân quyến thì phạm tội Pãcỉttỉyay 5. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. [Người nữ] không phải là thân quyên nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y. May: Vị tự mình may thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng đường kim. Bảo may: Vị ra lệnh người khác thì phạm tội Pãcittiya. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] may nhiều lần, vị [ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcittiya. Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội Pâcittỉya. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội Pãcỉttiya. Không phải là nữ thân quyến, [làm] tưởng là nữ thân quyến, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi may y hoặc bảo may y cho cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội Dukkata. Là nữ thân quyến, [lầm] tưởng không phải là nữ thân quyến thì phạm tội Dukkata. Là nữ thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Là nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội. Trường hợp vị [Tỳ-khưu-ni] là

nữ thân quyên, vị may hoặc bảo may vật dụng khác ngoại trừ y, [trường hợp] cô Ni tu tập sự, [trường hợp] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học về may y là thứ sáu. -ooOoo—

6.3.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư hẹn trước,

rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống y như chúng ta đi dạo với vợ, các Sa-môn Thích tử này cũng đi dạo với các Tỳ-khưu-ni y như thế." 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với các Ty-khưu-ni?"...(nt). - Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi hẹn trước, rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(lít)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu nào hẹn trước, roi đi chung đường xa với vi Tỳ-khiru-nif ngay cả [đi] từ làng này sang làng khác10 thì phạm tội Pâcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, nhiều Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đi đường xa từ thành Sâketa đến thành Sāvatthi. Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy sau khi nhìn thấy các Tỳ- khưu ấy đã nói điều này: —Chúng tôi sẽ cùng đi với các ngài Đại đức. Này các Sư tỷ, không được phép hẹn trước, roi đi chung đường xa với vị Tỳ-khưu-ni. Hoặc là các chi hãy đi trước, hoặc là chúng tôi sẽ đi trước. Thưa các ngài, các ngài Đại đức là những người cao quý. Chính các ngài Đại đức hãy đi trước. 4. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy trong khi đi sau, ở giữa đường đã bị bọn đạo tặc cướp bóc, còn bị làm ô uê nữa. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ây đã đi đên thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khxru-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép trên con đường cần phải đi chung với đoàn xe, được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, sau khi hẹn trước được đi chung đường xa với vi Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biên điêu học này như vây:

10 Gãmantaram = gāma-antaram\ Khoảng giữa của các làng.

"Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ hẹn trước, rồi đi chung đường xa với vỉ Tỳ-khưu- nif ngay cả [đi] từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcitíiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ây là: Con đường cân phải đi chung với 9

đoàn xe, được xác định là có sự nguy hiêmf có sự kinh hoàng. Đây là duyên cớ trong trường hợp âyy 5. Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,, được đề cập trong ý nghĩa này. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Với: Cùng chung. Sau khi hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: "Này Sư tỷ, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Này Sư tỷ, chúng ta hãy đi. Hôm nay, hoặc hôm qua, hoặc ngày mai, chúng ta hãy di" thì phạm tội Dukkata. Ngay cả từ làng này sang làng khác: ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội Pãcittiya theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng khoảng cách nửa do-tuần.11 Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ. Con đường cần phải đi chung với đoàn xe nghĩa là con đường không có đoàn xe không the đi được. Có sự nguy hiểm nghĩa là trên con đường ấy chỗ cắm trại của bọn cướp được thây, chô ăn được thây, chô đứng được thây, chô ngôi được thây, chô năm được thấy. Có sự kinh hoàng nghĩa là trên con đường ấy dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bi cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy. Sau khi đi đến chỗ có sự kinh hoàng, khi nhìn thấy không có sự kinh hoàng thì nên giải tán [nói rằng]: “Này các Sư tỷ, hãy đi di." Khi đã hẹn trước, nhận biết là đã hẹn trước, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcỉttỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Khi đã hẹn trước, có sự hoài nghi, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pâcittiya. ngoại trừ có duyên cớ. Khi đã hẹn trước, [lầm] tưởng là không hẹn trước, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ có duyên cớ. Vị Tỳ-khưu hẹn trước còn vị Tỳ-khưu-ni không hẹn trước thì phạm tội Dukkata. Khi không hẹn trước, [lầm] tưởng là đã hẹn trước thì phạm tội Dukkata. Khi không hẹn trước, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi không hẹn trước, nhận biêt là không hẹn trước thì vô tội.

11 Tài liệu The Buddhist Monastic Code cho biết: Khoảng cách của nửa do-tuần là 8km, tức 5 miles.

Khi CÓ duyên cớ, các vi sau khi không hẹn trước rồi di, vi Tỳ-khưu-ni hẹn trước còn vị Tỳ-khiru không hẹn trước, các vị đi ngoài giờ hẹn trước, trong những lúc có sự cố5 vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc hẹn trước là thứ bảy. —ooOoo—

6.3.8. ĐIÊU HỌC VÈ VIỆC LÊN THUYÊN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống y như chúng ta du ngoạn với vợ trên một chiêc thuyên, các Sa-môn Thích tử này sau khi hẹn trước, roi du ngoạn với các Tỳ-khưu-ni trên một chiếc thuyền y như thế." 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ,..(nt)... các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tykhưu-ni?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni5 có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)..

Này những kẻ ro dại, vì sao các ngươi sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiêc thuyên với các Tỳ-khxru-ni vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: ^Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ hẹn trước, rồi cùng với vỉ Tỳ-khưu-nỉ lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pâcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khiru như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni đi đường xa từ thành Sãketa đến thành Sāvatthi. Khoảng giữa đường, có con sông cần phải vượt qua. Khi ấy, các Tỳ-khiru-ni ấy đã nói với các Tỳ-khiru ấy điều này: Chúng tôi sẽ vượt qua cùng với các ngài Đại đức. Này các Sư tỷ, không được phép hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với vị Tỳ-khưu-ni. Hoặc là các vị hãy vượt qua trước, hoặc là chúng tôi sẽ vượt qua trước. Thưa các ngài, các ngài Đại đức là những người cao quý. Chính các ngài Đại đức hãy vượt qua trước.

4. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy trong khi vượt qua sau, đã bi bọn đạo tặc cướp giật, còn bi làm ô uế nữa. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi ya đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khxru. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ- khưu răng: -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép khi vượt ngang qua [sông] sau khi hẹn trước, được lên chung một chiếc thuyền với vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ hẹn trước, rồi cùng với vị Tỳ-khưu-nỉ lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ vượt ngang qua [sông]y 5. Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là Ty.khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Tỳ-khiru-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Vói: Cùng chung. Sau khi hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: “Này Sư tỷ, chúng ta hãy lên [thuyền]. Thưa ngài, chúng ta hãy lên [thuyền]. Thưa ngài, chúng ta hãy lên [thuyền]. Này Sư tỷ, chúng ta hãy lên [thuyền]. Hôm nay, hoặc hôm qua, hoặc ngày mai, chúng ta hãy lên [thuyền]" thì phạm tội Dukkata. Khi vị Tỳ-khưu-ni đã lên [thuyền], vị Tỳ-khưu lên [thuyền] thì phạm tội Pãcittiya. Khi vị Tỳ-khưu đã lên [thuyền], vị Tỳ-khưu-ni lên [thuyền] thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hoặc cả hai cùng lên [thuyền] thì phạm tội Pãcittỉya. Đi ngược dòng: Đi lên phía trên. Đi xuôi dòng: Đi xuống phía dưới. Ngoại trừ vượt ngang qua [sông]: Trừ ra sự vượt ngang qua [sông]. ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội Pãcittỉya theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng thì phạm tội Pãcittỉya theo từng khoảng cách nửa do-tuần. Khi đã hẹn trước, nhận biết là đã hẹn trước, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ vượt ngang qua [sông]. Khi đã hẹn trước, có sự hoài nghi, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ vượt ngang qua [sông]. Khi đã hẹn trước, [lầm] tưởng là không hẹn trước, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ vượt ngang qua [sông]. Vị Tỳ-khxru hẹn trước, còn vị Tỳ-khưu-ni không hẹn trước thì phạm tội Dukkata. Khi không hẹn trước, [lầm] tưởng là đã hẹn trước thì phạm tội

Dukkata, Khi không hẹn trước, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaịa. Khi không hẹn trước, nhận biết là không hẹn trước thì vô tội. Khi vượt ngang qua [sông], các vị không hẹn trước rồi lên [thuyền], vi Tỳ- khưu-ni hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, các vị lên [thuyền] ngoài giờ hẹn ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc lên thuyền là thứ tám. —00O00-

6.3.9. ĐIỀU HỌC VỀ ĐƯỢC MÔI GIỚI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khmi-ni Thullanandâ là vị thường tới lui với gia đình nọ và là vị nhận vật thực thường kỳ. Và các Tỳ-khưu trưởng lão đã được gia chủ ấy thỉnh mời. Khi ấy vào buổi sáng, Tỳ-khiru-ni Thullanandâ đã mặc y, cầm y bát, đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã nói với gia chủ ấy điều này: Này gia chủ, việc gì mà nhiều vật thực loại cứng, loại mềm này được chuẩn bị vậy? Thưa Ni sư, tôi đã thỉnh mời các vị Trưởng lão. Này gia chủ, các Trưởng lão của ngươi là những vị nào vậy? Ngài Sāriputta, ngài Mahāmoggallāna, ngài Mahākaccāna, ngài Mahākotthita, ngài Mahâkappina, ngài Mahâcunda, ngài Anuruddha, ngài Revata, ngài upli, ngài Ānanda, ngài Rãhula. Này gia chủ, việc gì khiến ngươi lại thỉnh mời những hạng thứ yếu trong khi các khổng long đang còn tồn tại? -Thưa Ni sư, những vị nào là các khổng long của cô vậy? Ngài Devadatta, ngài Kokâlika, ngài Katamorakatissako, con trai của Khandadevī, ngài Samuddadatto. Lúc này, lời nói này của Tỳ-khxru-ni Thullanandã đã bị gián đoạn nửa chừng. Rồi các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi vào. Này gia chủ, có đúng là các khổng long đã được ngươi thỉnh mời không?

Này Ni sư, ngay mới đây, cô đã gọi các ngài Đại đức là những hạng thứ yếu, bây giờ là các khổng long. Roi đã kéo ra khỏi nhà và châm dứt phân bữa ăn thường kỳ. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn,...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Devadatta trong khi biết vật thực được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thqc?" ...(nt). —Này Devadatta, nghe nói ngươi trong khi biêt vật thực được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thực, có đúng không vậy?

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong khi biết vật thực được Tỳ-khiru- ni môi giới cho vẫn thọ thực vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết thức ăn được Tỳ-khưu-nỉ môi giới cho vẫn thọ thực thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ xuất gia ở thành Rājagaha đã đi đến gia đình thân quyến. Dân chúng [nói rằng]: “Lâu lắm ngài Đại đức mới đến", rồi đã làm bữa ăn thịnh soạn. Có vị Tỳ-khưu-ni thường lui tới với gia đình ấy đã nói với những người ây điêu này: "Này các đạo hữu, hãy dâng thức ăn đên ngài Đại diíc.” Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: “Dức Thế Tôn đã cấm đoán thọ thực trong khi biết thức ăn

được Tỳ-khưu-ni môi giới cho", trong khi ngần ngại đã không thọ nhận và không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bi lỡ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 khi có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, Ta cho phép thọ thực trong khi biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khiru nào trong khỉ biết thức ăn được Tỳ-khim-nỉ môi giới cho vẫn thọ thực thì phạm tội Pâcỉttỉya, ngoại trừ có sự chuẩn bỉ trước bởi gia chủ' 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là Tỳ-khưu,, được đề cập trong ý nghĩa này. Biêt nghĩa là tự mình biêt, hoặc các người khác thông báo cho vị ây5 hoặc vi Ni ấy thông báo. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Môi giới cho nghĩa là đối với những người trước đây không có ý định dâng cúng, không có ý định tiêp đãi, vị Ni ây môi giới răng: "Ngài là vị trì tụng, ngài là vi nghe nhiều, ngài là vị trì Kinh, ngài là vị thông Luật, ngài là vị Pháp su, hãy dâng cúng đến ngài, hãy phục vụ ngài." Thức ăn nghĩa là loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực. Ngoại trừ có sự chuân bi trước bởi gia chủ: Trừ ra có sự chuân bị trước bởi gia chu. Có sự chuẩn bi bởi gia chủ nghĩa là các thân quyến, hoặc [những người] đã nói lời thỉnh câu, hoặc [vật thực] đã được chuân bị thường kỳ.

5. Ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n", rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pâcittỉya. Khi được môi giới cho, nhận biết đã được môi giới cho, vị thọ thực thì phạm tội Pãcittỉya, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi được môi giới cho, có sự hoài nghi, vi thọ thực thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi được môi giới cho, [lầm] tưởng là không được môi giới cho, vi thọ thực thì vô tội, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Đươc vị Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng môi giới cho, vị thọ thực thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi không được môi giới cho, [lầm] tưởng là đã được môi giới cho thì phạm tội Dukkata. Khi không được môi giới cho, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi không được môi giới cho, nhận biết là không được môi giới cho thì vô tội. Khi có sự chuẩn bi trước bởi gia chủ, cô Ni tu tập sự môi giới cho, vị Sa-di- ni môi giới cho, tất cả [các thức khác] trừ ra năm loại vật thực, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về được môi giới là thứ chín. —ooOoo—

6.3.10. ĐIÊU HỌC VÈ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, người vợ cũ của Đại đức Udāyi đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Tỳ-khưu-ni ây thường xuyên đi đên gặp Đại đức Udāyi. Đại đức Udāyi cũng thường xuyên đi đến gặp Tỳ-khưu-ni ấy. Vào lúc bây giờ, Đại đức Udāyi đã cùng với Tỳ-khưu-ni ây, một nam một nữ ngôi ở nơi kín đáo. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ..(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Udāyi lại cùng với Tỳ-khiru-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín dAo?" ...(nt) Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với Tỳ-khmi-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có

đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngôi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào cùng với Tỳ-khưu-nif một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo thì phạm tội Pãcittỉyay

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 451

3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vi này là TAkhưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Với: Cùng chung. Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và vị Tỳ-khưu-ni. ,Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. Kín đáo đối với mắt nghĩa^là không thể nhìn thấy trong khi bi che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. Kín đáo đối vói tai nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường. Ngồi: Khi vị Tỳ-khưu-ni đang ngồi, vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội Pâcỉttỉya. Trong khi vị Tỳ-khưu đang ngoi, vi Tỳ-khiru-ni ngoi gan hoặc nằm gần thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc cả hai đang ngồi hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội Pãcittiya. Chô kín dào, nhận biêt là chô kín đáo, vi ngôi xuông một nam một nữ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chỗ kín đáo, có sự hoài nghi, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội Pãcittiya. Chỗ kín đáo, [lầm] tưởng là chỗ không kín đáo, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chỗ không kín đáo, [lầm] tưởng là chỗ kín đáo thì phạm tội Dukkata. Chỗ không kín đáo, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Chỗ không kín đáo, nhận biết là chỗ không kín đáo thì vô tội. Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín dáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về ngồi nơi kín đáo là thứ mười. Phẩm Giáo giới là thứ ba. -ooOoo-

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Vị chưa được chỉ định, [mặt trời] đã lặn, chỗ ngụ của Tỳ-khiru-ni5 vì vật chất, với việc cho [y], vị may [y], [hẹn nhau đi] đường xa? [chung] thuyền, vị CÓ thê thọ thực, một nam và một nữ, các điêu ây là mười. -ooOoo-

452 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

64 PHẨM VẬT THỰC

6.4.1. ĐIỀU HỌC VÈ VẬT THỰC ở PHƯỚC XÁ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Sāvatthi, có phường hội nọ sắp đặt sự thí thực tại phước xá. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vào buổi sáng, sau khi mặc y. cầm y bát đi vào thành Sāvatthi để khất thực, khi không nhận được đồ ăn khất thực đã đi đến phước xá. Dân chúng [nói rằng]: "Lâu lắm các ngài Đại đức mới đến", họ đã phục vụ một cách trân trọng. Sau đó, vào ngày thứ nhi, ..(nt).. vào ngày thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vào buổi sáng, sau khi mặc y, cầm y bát đã đi vào thành Sāvatthi để khất thực, khi không nhận được đồ ăn khất thực đã đi đến phước xá và thọ thực. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Chúng ta sẽ làm điều gì đây, có nên đi về tu viện rồi ngày mai cũng sẽ trở lại chính nơi

này?” Các vị tiếp tục trú ngụ tại chính nơi ấy và thọ dụng vật thực ở phước xá. Các ngoại đạo lánh xa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử cứ tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá? Vật thực ở phước xá được sắp đặt đâu có dành riêng cho các vị này; vật thực ở phước xá được sắp đặt dành cho tất c" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những nệười ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tiếp tục cư tru và thọ dụng vật thực ở phước xá, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vật thực ở phước xả được thọ dụng một lân. Nêu vượt quả sô ây thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. r r 3. Vào lúc bây giờ, Đại đức Sāriputta trong khi đi đên thành Sāvatthi, ở trong xứ Kosala đã ghé lại phước xá nọ. Dân chúng [nói rằng]: "Lâu lắm Trưởng lão

mới dếĩT, rồi đã phục vụ một cách trân trọng. Sau đó, khi Đại đức Sāriputta đã thọ thực xong, có cơn bệnh ngặt nghèo đã phát khởi. Đại đức đã không thể rời trú xá ấy ra đi. Sau đó, vào ngày thứ nhì, những người ấy đã nói với Đại đức Sāriputta điều này: Thưa ngài, xin hãy thọ thực. Khi ấy, Đại đức Sāriputta [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá”trong lúc ngân ngại đã không thọ lãnh nên bữa ăn đã bi lỡ. Sau đó, Đại đức Sāriputta đã đi đến thàrứi Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ«khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép vị Tỳ-khiru bị bệnh được tiếp tục cư trú và thọ thực ở phước xá. Và này các Tỳ-khiru? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu không bỉ bệnh, được thọ dụng vật thực ở phước xá một lần. Nêu vượt quá sổ ấy thì phạm tội Pãcittỉyay 5. Không bi bệnh nghĩa là có thể lìa phước xá ấy ra đi. Bệnh nghĩa là không thể lìa phước xá ấy ra đi. Vật thực ờ phước xá nghĩa là loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực, được phân phát theo nhu câu không chỉ đinh [người thọ] ở trong phòng, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ở ngoài trời. Vị Tỳ-khưu không bi bệnh nên thọ thực một lần, nếu [nghĩ rằng]: “Ta sẽ an9\ rồi thọ lãnh vượt quá số lần ấy thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittiya. Vi không bị bệnh, nhận biết là không bi bệnh, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội Pâcittiya. Vi không bị bệnh, có sự hoài nghi, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá so lần ấy thì phạm tội Pãcittiya. Vị không bi bệnh, [lầm] tưởng là có bệnh, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội Pãcittiya. Vi bi bệnh, [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội Dukkata, Vị bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Vị bị bệnh, nhận biết là bi bệnh thì vô tội. Vị bi bệnh. vi không bi bệnh thọ thực một lần, vi thọ thực khi chuẩn bi ra đi hoặc khi vừa mới đến, các người chủ thỉnh và mời ăn, được sắp đặt dành riêng [cho vi ấy], được sắp đặt vừa đủ theo

nhu cầu [được nhận lãnh từng chút từng chút], trừ ra năm loại vật thực, [thọ dụng] tất cả [các thức khác] thì không phạm tội, vi bi điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về vật thực ở phước xá là thứ nhất —ooOoo—

454 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

6.4.2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC CHUNG NHÓM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta bị mất mát về lợi lộc và danh vọng nên cùng với tùy tùng liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực? Khi được đay đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thh?" 2. Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Devadatta cùng với tùy tùng lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thúc?” ...(nt). Này Devadatta, nghe nói ngươi cùng với tùy tùng liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi cùng với tùy tùng lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: "Trường hợp vật thực chung nhỏm thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu bị bệnh với bữa trai phạn. Các Tỳ-khiru trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nh6ĩ^.” Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu bi bệnh được thọ dụng vật thực chung nhóm. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: ^Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh. Đảy là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 4. Vào lúc bấy giờ, trong thời hạn dâng y, dân chúng sau khi chuẩn bị bữa trai phạn có dâng y, rồi thỉnh mời các Tỳ-khưu [nói rằng]: “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nh6m." Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong thời hạn dâng y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 455

“Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường họp bỉ bệnh, trong thời hạn dâng y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu là những vị may y với bữa trai phạn. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: “Bức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nh6m." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

...(nt). -Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong lúc may y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi đường xa cùng với dân chúng. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này: Này các đạo hữu, hãy chờ đợi chốc lát. Chúng tôi sẽ đi khất thực.

Những người ây đã nói như vây: -Thưa các ngài, hãy thọ thực ở ngay đây. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nh6m." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp đi đường xa. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vay: "Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh, trong thời hạn dângyf trong lúc may yf trong lúc đi đường xa. Đây là duyên cớ trong trường hợp ây." Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 7. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu đi thuyên cùng với dân chúng. Khi ây, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này: -Này các đạo hữu, hãy vào bờ chốc lát. Chúng tôi sẽ đi khất thực. Những người ấy đã nói như vầy: —Thưa các ngài, hãy thọ thực ở ngay đây. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.^, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

456 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

-Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp lên thuyên. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vầy: Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pãcỉttiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh, trong thời hạn dâng yf trong lúc may yf trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu khi trải qua mùa [an cư] mưa ở các nơi đi đến thành Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Dân chúng khi nhìn thấy các Tỳ- khưu người khác xứ sở đã thỉnh mời với bữa trai phạn. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.^, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu]. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biên điêu học này như vây: "Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh, trong thời hạn dâng yf trong lúc may y, trường hợp đi đường xaf trường hợp lên thuyền, trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu]. Đay là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 9. Vào lúc bấy giờ, có người thân quyến ruột thịt của đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha đã xuất gia nơi các đạo sĩ

lõa thê. Khi ây, người đạo sĩ lõa thê ây đã đi đên gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đên đã nói với đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha điều này: -Tâu Đại vương, tôi muốn làm bữa ăn cho tất cả các giáo phái khác. -Thưa ngài, nếu ngài có thể dâng vật thực đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu là trước tiên hết, như vậy thì ngài có thể tiến hành. Sau đó, người đạo sĩ lõa thể ấy đã phái sứ giả đi gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: Xin các Tỳ-khưu hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai của tôi. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm.,, Sau đó, người đạo sĩ lõa thể ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện, rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, người đạo sĩ lõa thể ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Ngài Gotama đã xuất gia, tôi cũng đã xuất gia. Người đã xuất gia thì xứng đáng đê thọ nhận vật thực của người đã xuât gia. Xin Ngài Gotama nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong

r y hợp bữa trai phạn trường A của Sa-môn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biên điêu học này như vây: “Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pâcittỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh, trong thời hạn dâng yf trong lúc mayyf trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền, trường hợp đông đảo [các Tỳ-khiru]t trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy 10. Vật thực chung nhóm nghĩa là nơi nào bốn vi Tỳ-khưu được thỉnh mời với loại vật thực nào đó trong năm loại vật thực rồi thọ thực, việc này gọi là vật thực chung nhóm. Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ. Trường hợp bi bệnh nghĩa là ngay cả [trường hợp] các bàn chân bi nứt nẻ, [nghĩ rằng]: "Trường hợp bị bênh" rồi nên thọ thực. Trong thời hạn dâng y nghĩa là khi Kathina không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi Kaịhỉna được thành tựu thì năm tháng, [nghĩ rằng]: “Trong thời hạn dâng y" rồi nên thọ thực. Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may, [nghĩ rằng]: “Trong lúc may y” rồi nên thọ thực. Trường hợp đi đường xa nghĩa là [nghĩ răng]: "Ta sẽ đi nửa do-tuân,9 roi nên thọ thực, vị đang đi thì nên thọ thực, vị đã đi thì nên thọ thực. Trường hợp lên thuyền nghĩa là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lên thuyền^, rồi nên thọ thực. Vị đã lên thuyền thì nên thọ thực. Vị vừa rời [thuyền] thì nên thọ thực. Trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu] nghĩa là nơi nào hai hay ba vị Tỳ-khưu đi khất thực thì có đủ vật thực. Khi có vi thứ tư đi đến thì khất thực không có đủ vật thực, [nghĩ rằng]: "Trường hợp đông đảo" rồi nên thọ thực. Trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn nghĩa là bất cứ người nào thành tựu phẩm chất du sĩ thực hiện bữa trai phạn, [nghĩ rằng]: "Trường hợp bữa trai phạn của Sa-mon" rồi nên thọ thực. Ngoại trừ có duyên cớ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ thqc” rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittiya. Vật thực chung nhóm, nhận

biết là vật thực chung nhóm, vị thọ thực thì phạm tội Pãcỉttiya. ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực chung nhóm, có sự hoài nghi, vi thọ thực thì phạm tội Pãcỉttỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực chung nhóm, [lầm] tưởng không phải là vật thực chung nhóm, vị thọ thực thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ.

458 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

A

Không phải vật thực chung nhóm, [lâm] tưởng là vật thực chung nhóm thì phạm tội Dukkata. Không phải vật thực chung nhóm, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải vật thực chung nhóm, nhận biết không phải là vật thực chung nhóm thì vô tội. Khi có duyên cớ, hai hoặc ba vị thọ thực chung, sau khi đi khất thực tụ hội chung lại [một chỗ] rồi thọ thực, trong bữa ăn thường kỳ, trong bữa ăn [phân phối] theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng, [thọ dụng] tất cả [các thức khác] thì không phạm tội trừ ra năm loại vật thực, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vật thực chung nhóm là thứ nhì. —00O00-

6.4 3. ĐIỀU HỌC VÈ VẶT THỰC THỈNH SAU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, trong thành Vesālī, sự luân phiên về các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng đã được ấn định. Khi ấy, có người lao công nghèo nọ đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người này thực hiện bữa trai phạn một cách trinh trọng thì việc này không phải là tầm thường, hay là ta nên thực hiện bữa trai phạn?,, Sau đó, người lao công nghèo ấy đã đi đen gặp cậu chủ tên Kira, sau khi đến đã nói với cậu chủ tên Kira ấy rằng: Thưa cậu chủ, tôi muốn thực hiện bữa trai phạn dâng hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, hãy cho tôi tiền lương. Cậu chủ tên Kira ấy cũng có niềm tin và mộ đạo. Khi ấy, cậu chủ tên Kira ấy đã cho người lao công nghèo ấy tiền lương phụ trội. Sau đó, người lao công nghèo ay đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức Thê Ton roi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người lao công nghèo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Này đạo hữu, người hãy biết hội chúng Tỳ-khưu là đông đảo. Bạch Ngài, hội chúng Tỳ-khưu hãy là đông đảo. Con đã chuẩn bi được nhiều táo. Các thức uống trộn với táo sẽ được đầy đủ. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người lao công nghèo ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được răng: “Nghe nói hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đau đã được người lao công nghèo thỉnh mời vào ngày mai, các thức uống trộn với táo sẽ được đầy dủ" Các vi ấy đã đi khất thực vào lúc sáng sớm, rồi đã thọ thực. Dân chúng đã nghe được rang: "Nghe nói hội chúng Tỳ-khưu

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 459

CÓ đức Phật đứng đầu đã được người lao công nghèo thỉnh mời.99 Họ đã mang lại cho người lao công nghèo vô số vật thực loại cứng, loại mềm. 3. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người lao công nghèo ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng, loại

mềm, rồi cho người thông báo thời • _ J. Ạ ỉ _ _____ r #__ rrni _ Arr^ _ giơ đen đức The Ton: Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bi xong.

Khi ây vào buôi sáng, đức Thê Tôn đã mặc y, câm y bát đi đên tư gia của người lao công nghèo ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khxru. Sau đó, người lao công nghèo ấy đã phục vụ các Tỳ-khiru ở trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi. Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi. Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít [vì nghĩ rằng]: "Người lao công này nghèo.,^ Tôi đã cho chuẩn bị sẵn sàng vô số vật thực loại cứng, loại mềm. Thưa các ngài, hãy thọ lãnh theo như ước muốn. Này đạo hữu, không phải vì lý do này mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít, tuy nhiên, vào lúc sáng sớm, chúng tôi đã đi khất thực và đã thọ thực rồi; vì thế, chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít. Khi ây, người lao công nghèo ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các ngài Đại đức đã được tôi thỉnh mời còn thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?" Các Tỳ-khưu đã nghe được người lao công nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 4. Các Tỳ-khtru ít ham muôn, ...(nt)...các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu khi được thỉnh mời ở nơi khác, lại thọ thực ở nơi khac?99 ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu khi được thỉnh mời ở nơi khác, còn thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu? vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được thỉnh mời ở nơi khác, lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pãcittỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Có vị Tỳ-khưu khác đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Đại đức, hãy thọ thực.

-Này Đại đức, thôi đi. Có sự chuẩn bi về bữa ăn cho tôi rồi. Thức ăn của vi Tỳ-khưu ây đã được mang lại khi đã trưa. Vị Tỳ-khưu ây đã thọ thực không được như ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép Tỳ-khưu bị bệnh được thọ dụng vật thực thỉnh sau. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pãcỉttiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bỉ bệnh, Đây là duyên cớ trong trường hợp âyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 6. Vào lúc bấy giờ, trong thời hạn dâng y, dân chúng sau khi chuẩn bị bữa trai phạn có dâng y, rồi thỉnh mời các Tỳ-khưu [nói rằng]: “Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực thỉnh sau.” Y được phát sanh ít ỏi. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khim, Ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau trong thời hạn dâng y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vầy:

Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y. Đây là duyên cớ trong trường hợp âyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu là những vị làm y với bữa trai phạn. Các Tỳ-khưu trong lúc ngân ngại không nhận lời [nghĩ răng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực thỉnh sau." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau trong lúc may y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vầy: "Trường hợp vật thực thỉnh sau thi phạm tội Pâcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dăng yf trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 8. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hau cận đã đi đen gia đình nọ, sau khi đen đã ngoi xuống trên chô ngôi được săp đặt săn. Sau đó, những người ây đã dâng vật thực đên đức Thế Tôn và Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda trong lúc ngần ngại nên không thọ lãnh. —Này Ānanda, hãy thọ lãnh.

- Bạch Thế Tôn, thôi di, có sự chuẩn bị về bữa ăn cho con rồi. Này Ānanda, như thế thì hãy nhường lại [cho vị khác] rồi nhận lấy. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi A bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau, sau khi đã nhường lại [cho vị khác]. Và này các Tỳ-khưu, nên nhường lại như vầy: "Tôi cho sự chuân bị vê bữa ăn của tôi đên vị tên [như vây]." 9. Vật thực thỉnh sau nghĩa là khi đã được thỉnh mời với bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực, trừ ra món ấy, vị thọ thực bất cứ loại vật thực nào khác thuộc vê năm loại vật thực; điêu này gọi là vật thực thỉnh sau. Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ. Trường hợp bi bệnh nghĩa là không thể ngồi ở một chỗ để thọ thực theo như ý muôn, [nghĩ răng]: “Trường hợp bị bênh” roi nên thọ thực. Trong thời hạn dâng y nghĩa là khi Kathina không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi Kathina được thành tựu thì năm tháng, [nghĩ rằng]: "Trong thời hạn dâng y” rồi nên thọ thực. Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may, [nghĩ rằng]: "Trong lúc may y" rồi nên thọ thực. Ngoại trừ có duyên cớ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ thúc" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Môi lân nuôi xuông thì phạm tội Pãcittỉya. Vật thực thỉnh sau, nhận biết là vật thực thỉnh sau, vi thọ thực thì phạm tội Pâcỉttỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực thỉnh sau, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội Pãcittỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực thỉnh sau, [lam] tưởng không phải là vật thực thỉnh sau, vi thọ thực thì phạm tội Pãcittỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Không phải vật thực thửih sau, [lầm] tưởng là vật thực thỉnh sau thì phạm tội Dukkata. Không phải vật thực thỉnh sau, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải vật thực thỉnh sau, nhận biết không phải là vật thực thỉnh sau thì vô tội. Khi có duyên cớ, sau khi nhường lại [cho vị khác] rồi thọ thực, vị thọ thực hai hoặc ba sự thỉnh mời chung một lượt, vị thọ thực theo tuần tự của sự thỉnh mời, khi được toàn bộ cả làng thỉnh mời thì thọ thực ở bất cứ nơi nào ở trong ngôi làng ấy, khi được toàn bộ cả phường hội thỉnh mời thì thọ thực ở bất cứ nơi

nào ở trong phường hội ấy, khi được thỉnh mời vị nói rằng: "Tôi sẽ nhận đồ khất thỊTc", trong bữa ăn thường kỳ, trong bữa ăn [phân phối] theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha, vào ngày đâu của môi nửa tháng, tát cả [các thức khác] trừ ra năm loại vật thực, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vật thực thỉnh sau là thứ ba. —ooOoo—

462 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

6.4.4. ĐIÊU HỌC VÈ NGƯỜI MẸ CỦA KÃNÃ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, mẹ của Kānā là nữ cư sĩ có niềm tin và mộ đạo. Kānā đã được gả cho người đàn ông nọ ở thôn làng. Khi ấy, Kānā đã đi đến nhà mẹ vì công việc cần làm nào đó. Sau đó, chồng của Kānā đã phái nạười đưa tin đi đến gặp Kānā [nhắn rằng]: "Kānā hãy trở về. Tôi muốn sự trở ve của Kana7, Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kānā [nghĩ rằng]: "Thật xấu hổ khi đi với tay không !55 nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kānā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kānā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị Tỳ-khưu ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ây. Vị ây sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vi khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn. Đên lân thứ nhì, chông của Kānā đã phái ngườd đưa tin đi đên gặp Kānā [nhăn rằng]: "Kānā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kana?9 Đen lần thứ nhì, nữ cư sĩ mẹ của Kānā [nghĩ rằng]: "Thật xấu hổ khi đi với tay không!,9 nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kānā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kānā đã bảo dâng bánh ngọt đến vi Tỳ-khưu ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vi ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đên vị ấy. Bánh ngọt được chuân bị như thế đã không còn. Đen lần thứ ba, chồng của Kānā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kānā [nhắn rằng]: "Kāriā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kānā. Nấu Kānā không trở về, tôi sẽ dắt về người vợ khác." Đen lần thứ ba, nữ cư sĩ mẹ của Kānā [nghĩ rằng]: "Thật xấu hổ khi đi với tay khôngnên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kānā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kānā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị Tỳ-khưu ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ây sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vi ấy. Bánh ngọt được chuẩn bi như thế đã không còn. Sau đó, chồng của Kānā đã dắt về người vợ khác. Kānā đã nghe được rằng: “Nghe nói người vợ khác đã được người đàn ông ấy dắt về." Cô ấy đã đứng khóc lóc. 2. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kānā, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kānā đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh le đức The Ton roi ngoi xương ơ mọt ben. Đức The Ton đã noi với nữ cư sĩ mẹ của Kānā đang ngoi một bên điều này: Vì sao Kānā này lại khóc vậy? Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kānā đã kể lại sự việc ấy cho đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nữ cư sĩ mẹ của Kānā bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

3. Vào lúc bấy giờ, có đoàn xe nọ có ý định từ thành Rājagaha đi về phía tây. Có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào khất thực ở đoàn xe ấy. Có nam cư sĩ nọ đã bảo dâng đến vị Tỳ-khưu ấy bánh lúa mạch. Vi ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Ông ta cũng đã bảo dâng bánh lúa mạch đến vi ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Ông ta cũng đã bảo dâng bánh lúa mạch đến vị ấy. Vật dự phòng đường xa được chuẩn bi như thế đã không còn. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã nói với những người ấy điều này: Này các ông, hãy chờ đến ngày mai. Vật dự phòng đường xa được chuẩn bị như thế đã được dâng đến các ngài Đại đức. Tôi sẽ chuẩn bị vật dự phòng đường xa. Này ông, chúng tôi không thể chờ đợi. Đoàn xe đã khởi hành. Roi họ đã ra đi. Khi ây, nam cư sĩ ây sau khi chuân bi vật dự phòng đường xa, trong khi đi ở phía sau thì bọn đạo tặc đã đánh cướp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh không biết chừng mực? Người này sau khi bố thí cho các vị ấy, rồi trong khi đi sau đã bị đánh cướp bởi bọn đạo tặc.” 4. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỵ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt)... và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu khỉ đi đến gia đình được yêu cầu nhận lãnh các bánh ngọt hoặc các bánh lúa mạch, vỉ Tỳ-khưu đang mong mỏi thì nên thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy. Nêu thọ lãnh quả số lượng ấy thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đay, khỉ mang ve từ nơi ấy thì nên chia sẻ cùng với các Tỳ-khưu. Đây là sự đúng đan trong trường hợp ẩyy 5. Khỉ vi Tỳ-khưu đi đến gia đình: Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đê-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Đi đến: Là đi đến nơi ấy. Bánh ngọt nghĩa là bất cứ thức gì được chuẩn bị nhằm mục đích làm quà biếu. Bánh lúa mạch nghĩa là bát cứ thức gì được chuân bi nhăm mục đích làm vật dự phòng đường xa. Được yêu cầu nhận lãnh [nói rằng]: "Ngài thích chừng nào hãy lấy chừng ấy." [Với vi] đang mong mỏi: [Với vị] đang ước muôn. Nên thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy: Nên thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát.

464 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Nếu thọ lãnh quá số lượng ấy: Vị thọ lãnh quá số lượng ấy thì phạm tội Pãcỉttỉya, Sau khi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, vị đi ra khỏi nơi ấy, nhìn thấy vi Tỳ-khưu khác nên thông báo rằng: "Tôi đã thọ lãnh hai ba bình bát đầy ở nơi kia, chớ thọ lãnh ở d6." Nếu sau khi nhìn thấy, vi không thông báo thì phạm tội Dukkata. Nếu đã được thông báo, vi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Khi mang về từ nơi ấy thì nên chia sẻ cùng với các Tỳ-khưu: Là sự đi trở về, sau khi mang về thì nên chia sẻ. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy. Hơn hai ba bình bát đây, nhận biêt là hơn, vị thọ lãnh thì phạm tội Pâcittiya. Hơn hai ba bình bát đầy, có sự hoài nghi, vị thọ lãnh thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hơn hai ba bình bát đầy, [lầm] tưởng là còn kém, vị

thọ lãnh thì phạm tội Pãcỉttỉya. Còn kém hai ba bình bát đây, [lâm] tưởng là hơn thì phạm tội Dukkaịa. Còn kém hai ba bình bát đầy, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Còn kém hai ba bình bát đầy, nhận biết là còn kém thì vô tội. Vi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đây, vị thọ lãnh còn kém hai hoặc ba bình bát đây, họ bô thí vật đã được chuân bị không vì mục đích làm quà biêu hoặc không vì mục đích làm vật dự phòng đường xa, họ bô thí phân còn thừa khi đã chuẩn bị vì mục đích làm quà biếu hoặc vì mục đích làm vật dự phòng đường xa, họ bố thí khi sự ra đi đã bị hủy bỏ, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về người mẹ của Kãnã là thứ tư. -ooOoo-

6.4.5. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VÈ NGĂN [VẬT THỰC] 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các Tỳ-khưu. Khi thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm], các Tỳ-khưu đã đi đên các gia đình thân quyên, roi một sô vi đã thọ thực thêm, một số vị đã nhận lấy đồ khất thực rồi ra đi. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này: Này quý ông, các Tỳ-khưu đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông. Những người ấy đã nói như vầy: Này ông, có phải ông sẽ làm hài lòng chúng tôi không? Ngay cả những vị đã được ông thỉnh mời còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số đã thọ thực thêm, một số đã nhận lấy đồ khất thực rồi ra đi.

Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức sau khi thọ thực trong nhà của chúng tôi lại thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn,...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khac?^ ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu nào thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mem thì phạm tội Pâcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mang lại các đồ ăn khất thực hảo hạng cho các Tỵ-khưu bị bệnh. Các vi bị bệnh ăn không được như ý. Các Tỳ-khưu đổ bỏ các đo ăn ấy. Đức Thế Tôn đã nghe được tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng kêu của các con quạ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, tiêng động ôn, tiêng động lớn, tiêng kêu của các con quạ ây là gì vậy? Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Ānanda, các Tỳ-khưu có thọ thực thức ăn thừa của vị bệnh không vậy? - Bạch Thế Tôn,

không thọ thực. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rang: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ thực thức ăn thừa của vi bị bệnh và của vị không bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên làm thành thức ăn thừa như vầy: "Tất cả chừng này là đủ rồi y Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mem không phải là thức ăn thừa thì phạm tội Pãcittiyay 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào .. .(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Thọ thực xong nghĩa là bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực đã được ăn, dầu chỉ với [một chút ở] đàu cọng cỏ kusa. Đã ngăn [vật thực dâng thêm] nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, [thí chủ] đứng trong tầm tay [lm25] dâng lên [vật thực] và sự khước từ được ghi nhận. Không phải là thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, [việc dâng] đã được thực hiện ở ngoài tầm tay, đã được thực hiện bởi vị chưa thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn [vật thực dâng thêm] đã từ chỗ ngồi đứng dậy nhimg chưa nói: "Tất cả chừng này là đủ không phải là thức ăn thừa của vi bi bệnh; vật này gọi là không phải thức ăn thừa. Thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép đã được thực hiện, việc thọ lãnh đã được thực hiện, việc nâng lên đã được thực hiện, [việc dâng] đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn [vật thực dâng thêm] đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đã nói: "Tất cả chừng này là đủ rồf\ là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là thức ăn thừa. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăiT, rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuồng thì phạm tội Pãcittiya. Không phải thức ăn thừa, nhận biết không phải là thức ăn thừa, vi nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcỉttiya. Không phải thức ăn thừa, có sự hoài nghi, vi nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcỉttiya. Không phải thức ăn thừa, [lầm] tưởng là thức ăn thừa, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãciítiya, Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Dukkata, Thức ăn thừa, [lầm] tưởng không phải là thức ăn thừa thì phạm tội Dukkaịa. Thức ăn thừa, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Thức ăn thừa, nhận biết là thức ăn thừa thì vô tội. Sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi thọ thực, sau khi bảo làm thành thức ăn thừa vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n” rồi thọ lãnh, vi mang theo vì nhu cầu của vi khác rồi đi, vị thọ thực phần còn thừa của vi bị bệnh, vi thọ dụng vật dùng đến

hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ/ vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất về việc ngăn [vật thực] là thứ năm.

—ooOoo—

6.4.6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGĂN [VẬT THỰC] 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, có hai vi Tỳ-khưu đang đi đường xa đến thành Sāvatthi, ở trong xứ Kosala. Một vi Tỳ-khưu hành xử sai nguyên tắc. Vị Tỳ-khưu thứ nhì đã nói với vị Tỳ-khưu kia điều này: Này Đại dức, chớ làm như thế. Điều này không được phép. Vị kia đã kết oan trái với vi ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã đi đến thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của phường hội nọ. Vị Tỳ-khưu thứ nhì thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm]. Còn vị Tỳ-khưu kết oan trái, sau khi đi đến nhà thân quyến đã cầm lấy đồ ăn, rồi đi đến gặp vị Tỳ-khiru ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Đại dức, hãy thọ thực. -Này Đại đức, thôi đi. Tôi đã đầy. Này Đại đức, đồ ăn ngon lắm. Hãy thọ thực. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy trong lúc bi vi Tỳ-khưu kia nài ép nên đã thọ thực đồ ăn ây. Vị Tỳ-khưu két oan trái đã nói với vị Tỳ-khiru ây điêu này: Này Đại đức, ngay cả ngươi vẫn nghĩ rằng ta cần được nhắc nhở, trong khi ngươi đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực thức ăn không phải là đo còn thừa. —Này Đại đức, sao lại không chỉ bảo? Này Đại đức, sao lại không hỏi? 2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vi Tỳ- khưu lại yêu cầu vi Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa?" ..(nt). -Này Tỳ-khmi, nghe nói ngươi yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

1 Khi có cơn khát, vị thọ dụng vật dùng hết đêm để chận đứng cơn khát; khi có bệnh sanh khởi, vị thọ dụng vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng suốt đời để làm giảm nhẹ cơn bệnh thì vô tội (VinÂ. IV 831).

468 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa vậy? Này kẻ ro dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào có ỷ muôn bươi móc lôi lâm, trong khỉ biêt rõ vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] vẫn yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem không phải là thức ăn thừa [nói rang]: 'Này Tỳ- khưu, hãy nhai hoặc hãy ăn đi"; khi vi kia đã ăn thỉ phạm tội Pâcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Là vi Tỳ-khưu khác. Thọ thực xong nghĩa là bát cứ loại vật thực nào thuộc vê năm loại vật thực đã được ăn? dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa. Đã ngăn [vật thực dâng thêm] nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, [thí chủ] đứng trong tầm tay [lm25] dâng lên [vật thực], và sự từ chối được ghi nhận. Không phải là thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, [việc dâng] đã được thực hiện ở ngoài tam

tay, được thực hiện bởi vị chưa thọ thực xong, được thực hiện bởi vi đã thọ thực xong đã ngăn [vật thực dâng thêm] đã từ chỗ ngồi đứng dậy nhưng chưa nói: "Tất cả chừng này là đủ rồf\ không phải là thức ăn thừa của vị bi bệnh; vật này gọi là không phải thức ăn thừa. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Yêu cầu nhận lãnh [nói rằng]: "Đại đức thích chừng nào hãy lấy chừng ấy." Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ấy, hoặc vi kia thông báo. Có ý muốn bươi móc lỗi lầm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ quở trách, ta sẽ nhắc nhở? ta sẽ làm cho hối lỗi, ta sẽ làm cho nhớ lại, ta sẽ làm cho xấu hổ?5 Vị mang lại thì phạm tội Dukkata. Với lời nói của vị ấy, [vi kia nghi rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,9 rồi thọ lãnh thì [vi ấy] phạm tội Dukkata. Mỗi l^ì [vi kia] nuốt xuống thì [vị áy] phạm tội Pãcỉttỉya. về vị đã ngăn [vật thực dâng thêm], nhận biết là đã ngăn [vật thực dâng thêm], vị yêu cau nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem không phải là thức ăn thừa thì phạm tội Pãcittiya. Vê vị đã ngăn [vật thực dâng thêm], có sự hoài nghi, vi yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm không phải

là thức ăn thừa thì phạm tội Dukkata. về vị đã ngăn [vật thực dâng thêm], [lầm] tưởng là chưa nẹăn [vật thực dâng thêm], vị yêu cau nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem không phải là thức ăn thừa thì vô tội. Vi mang lại vật dùng đên hét đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suôt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Với lời nói của vị ấy, [vi kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăny rồi thọ lãnh thì [vi ấy] phạm tội Dukkata. Mỗi làn [vị kia] nuốt xuống thì [vị ấy] phạm tội Dukkata. Vê vi chưa ngăn [vật thực dâng thêm], [lâm] tưởng là đã ngăn [vật thực dâng thêm] thì phạm tội Dukkata. về vị chưa ngăn [vật thực dâng thêm], có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. về vị chưa ngăn [vật thực dâng thêm], nhận biết là chưa ngăn [vật thực dâng thêm] thì vô tội. Vi sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi cho; sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi cho [nói rằng]: "Hãy thọ thựcy vị cho [nói rằng]: "Hãy đi [và] mang theo vì nhu cầu của vi khác"; vi cho phần còn thừa của vi bi bệnh; vi cho vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời [nói rằng]: "Hãy thọ dụng khi có duyên c&"; vi bị điên; vị vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì về ngăn [vật thực] là thứ sáu.
—ooOoo—

6.4.7. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC SÁI GIỜ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Rājagaha, VeẸuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã cho các vị ấy tắm, đã cho xức dầu, đã mời ăn, rồi đã dâng vật thực cứng. Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi nhận lấy vật thực cứng đã đi về tu viện và đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư điều này: Này các Đại đức, có đây, các vi hãy nhai vật thực cứng đi. Này các Đại đức, vật thực cứng đã được các ngươi nhận từ đâu vậy? Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. -Này các Đại đức, có phải các ngươi đã

thọ dụng vật thực vào lúc sái thời? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thòi?” 2. Sau đó5 các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ- khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn,...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Mười Bảy Sư lại thọ dụng vật thực vào lúc sai thòi?” ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thọ dụng vật thực vào lúc sái thời, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu9 các ngươi nên phổ biến điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm vào lúc sải thời thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Lúc sái thời nghĩa là từ lúc đã quá nửa ngày cho đến rạng đông [ngày hôm sau]. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mem nghĩa là năm loại vật thực [gôm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,, rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittiya. Vào lúc sái thời, nhận biết là lúc sái thời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcittỉya. Vào lúc sái thời, có sự hoài nghi, vi nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcỉttiya, Vào lúc sái thời, [lầm] tưởng là lúc đúng thời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcittiya. Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy nệày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Mỗi lân nuôt xuống thì phạm tội Dukkata. Vào lúc đúng thời, [lầm] tưởng là lúc sái thời thì phạm tội Dukkata. Vào lúc đúng thời, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vào lúc đúng thời, nhận biết la 11K đung thơi thi vo tại. ' ' ụ '

Vị thọ dụng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ; vị bị điên; vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về vật thực sái giờ là thứ bảy. —ooOoo—

6.4.8. ĐIÊU HỌC VÈ TÍCH TRỮ [VẬT THỰC] 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, thây tê độ của Đại đức Ananda là Đại

đức Velatthasīsa cư ngụ ở trong rừng. Vị ây sau khi đi khát thực đã đem vê tu viện phần cơm không bi dính thức ăn rồi đem phơi khô và để riêng. Khi có nhu câu vê thực phàm, vi ây ngâm đi ngâm lại với nước roi thọ dụng; năm ba bữa vi ấy mới đi vào làng để khất thực. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Velatthasīsa điêu này: Này Đại đức, vì sao năm ba bữa Đại đức mới đi vào làng để khất thực? 2. Khi ấy, Đại đức Velatthasīsa

đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. —Này Đại đức, có phải Đại đức thọ dụng vật thực đã được tích trữ? Này các Đại đức? đúng vậy. Các Tỳ-khưu ít ham muôn,...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Đại đức Velatthasīsa lại thọ dụng vật thực đã được tích trữ?” ...(nt). Này Velatthasīsa, nghe nói ngươi thọ dụng vật thực đã được tích trữ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này Velatthasīsa, vì sao ngươi lại thọ dụng vật thực đã được tích trữ vậy? Này Velatthasīsa, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm đã được tích trữ thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là "vi Tỳ-khưu^, được đề cập trong ý nghĩa này. Đã được tích trữ nghĩa là đã được thọ lãnh hôm nay qua ngày kế tiếp. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suôt đời; phân còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mem nghĩa là năm loại vật thực [gôm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuôi xuông thì phạm tội Pãcittỉya, Vật đã được tích trữ, nhận biết là vật đã được tích trữ, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcittiya. Vật đã được tích trữ, có Sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mem thì phạm tội Pãcittiya. Vật đã được tích trữ, [lầm] tưởng không phải là vật đã được tích trữ, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Dukkata.

Không phải là vật đã được tích trữ, [lầm] tưởng là vật đã được tích trữ thì phạm tội Dukkata. Không phải là vật đã được tích trữ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là vật đã được tích trữ, nhận biết không phải là vật đã được tích trữ thì vô tội. Vị cát giữ vật dùng đên hét ngọ roi thọ dụng cho đên hét ngọ, vi cát giữ vật dùng đến hết đêm rồi thọ dụng trong đêm, vị cất giữ vật dùng trong bảy ngày rồi thọ dụng trong bảy ngày, vị thọ dụng vật dùng suốt đời khi có duyên cớ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về tích trữ [vật thực] là thứ tám. —ooOoo—

6.4.9. ĐIỀU HỌC VẬT THỰC THƯỢNG HẠNG L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?" Các Tỳ- khiru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu cua bản thân rồi thọ dqng?' ...(nt). —Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)...Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi lại yêu câu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: "Các loại vật thực thượng hạng như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mỉa, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông, vi Tỳ-khưu nào yêu cau các loại vật thực thượng hạng như the cho nhu cau của bản thân roi thọ dụng thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khiru thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khiru bi bệnh điều này: Này các Đại dức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu câu của bản thân roi thọ dụng, nhờ thê chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại, chúng tôi đã không yêu câu, vì thế không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khmi rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Các loại vật thực thượng hạng như là bơ lỏng, bơ đặc, dâu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông, vỉ Tỳ-khưu nào không bỉ bệnh mà yêu cầu các loại vật thực thượng hạng như thế cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Các loại vật thực thượng hạng: Bơ lỏng nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ thựcj.2 Bơ đặc nghĩa là bơ đặc của chính các loài thú ấy. Dầu ăn nghĩa là dầu mè9 dẫu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eranda, dầu từ mỡ thú. Mật ong nghĩa là mật của loài ong. Đường mía nghĩa là được sản xuất từ cây mía. Cá nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến. Thịt nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng]. Sữa tươi nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng]. Sữa đông nghĩa là sữa đông của các loài thú ấy. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Các loại vật thưc thượng hạng như thế: Các loại vật thực thượng hạng có hình thức như thê. Không bi bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có các loại vật thực thượng hạng. Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có các loại vật thực thượng hạng. Vị không bị bệnh mà yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. [Nghĩ rằng]: "Vói sự đạt được, ta sẽ thọ dung" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Môi lân nuốt xuông thì phạm tội Pãcittiya. Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho

2 Thịt của mười loài thú, vị Tỳ-khưu không được phép thọ thực được đề cập ở Mahāvagga (Đại phẩm) gồm có: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gau, thịt chó SÓI (TTTDPGVN, tạp 11, tr. 283-87; TTPV, tạp 5, Mv. II, chương VI, tr. 37-42)/

nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcỉttỉya. Không bị bệnh, [lầm] tưởng là bi bệnh, vi yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cau của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcỉttiya. Bị bệnh, [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội Dukkata. Bi bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội. Vị bị bệnh, sau khi bị bệnh roi yêu câu thì hét bệnh và thọ dụng, vị thọ dụng phần còn lại của vị bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh càu, vì nhu cau của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vật thực thượng hạng là thứ chín. —ooOoo—

6.4.10. ĐIỀU HỌC VÈ TĂM XỈA RĂNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở nghĩa địa, là vị chuyên sử dụng vật đã bị quăng bỏ. Vị ấy khi được dân chúng bo thí lại không muôn thọ lãnh. Vị ây tự mình nhặt lây các vật cúng vong ở trong nghĩa địa, ở gốc cây, ở ngưỡng cửa rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao vị Tỳ-khưu này lại tự mình nhặt lấy các vật cúng vong của chúng tôi rồi thọ dụng? Vị Tỳ-khưu này cứng cáp vạm vỡ, chúng tôi nghĩ là có ăn thịt người?,, Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn,...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng?,, ...(nt). Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào đưa thức ăn chưa được bổ thỉ vào miệng thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 2. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại vê nước và tăm xỉa răng. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Tôn. Khi ây, đức Thê Tôn nhân ly do ây, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tự mình câm lây nước và tăm xỉa răng roi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa được bố thí nghĩa là chưa thọ lãnh được đề cập đến. Đã được bố thí nghĩa là trong khi cho [vật thí] bằng thân, hoặc bằng vật dính liền với thân, hoặc bằng cách buông ra, [thí chủ] đứng trong tầm tay [lm25], vị

nhận lãnh băng thân hoặc băng vật được găn liên với thân; điêu này gọi là đã được bố thí. Thức ăn nghĩa là ngoại trừ nước và tăm xỉa răng, bất cứ vật gì được nuốt r # vào, vật ây gọi là thức ăn. Ngoại trừ nước và tăm xỉa răng: Trừ ra nước và tăm xỉa răng. Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi cầm lấy thì phạm tội Dukkata, Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chưa được thọ lãnh, nhận biết là chưa được thọ lãnh, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội Pãcỉttỉya. ngoại trừ nước và tăm xỉa răng. Chưa được thọ lãnh, có sự hoài nghi, vi đưa thức ăn chưa được bo thí vào miệng thì phạm tội Pãcittỉya, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng. Chưa được thọ lãnh, [lầm] tưởng là đã được thọ lãnh, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng. Đã được thọ lãnh, [lầm] tưởng là chưa được thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Đã được thọ lãnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Đã được thọ lãnh, nhận biết là đã được thọ lãnh thì vô tội. Trường hợp nước và tăm xỉa răng, vị tự mình nhặt lấy rồi thọ dụng bốn loại vật dơ có tính quan trọng3 khi có duyên cớ và không có người làm cho đúng phép, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về tăm xỉa răng là thử mười. Phẩm Vật thực là thứ tư. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Vật thực [ở phước xá], vật thực chung nhóm, [thọ thực] nơi khác, bánh ngọt, và hai chuyện ngăn [vật thực] đã được đề cập, vào lúc sái thời, vật được tích trữ, sữa tươi, với tăm xỉa răng, ây là mười điêu. —ooOoo—

3 Bốn loại vật dơ có tính quan trọng {cattāri mahãvikatãnĩ) là: Phân (gūtham), nước tiểu (muttāni), tro (chārikam) và đất sét (jnattikam), được sử dụng trong trương hợp bị rắn can (TTTDPGVN, tập 11, tr. 272; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI,tr. 17)/ *

6.5. PHẨM ĐẠO Sĩ LÕA THẺ

6.5.1. ĐIỀU HỌC VÈ ĐẠO sĩ LÕA THẺ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, có vật thực cứng phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Ānanda, như thế thì hãy cho bánh ngọt đến những người dùng vật thực thừa. Bạch Ngài, xin vâng. Nghe theo lời đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda đã bảo những người dùng vật thực thừa ngồi xuống theo thứ tự, rồi trong lúc cho mỗi người một cái bánh ngọt, đã cho người nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái. Các nữ du sĩ ngoại đạo xung quanh đã nói với nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này: Vi Sa-môn ấy là tình nhân của cô. Vị Sa-môn ấy không phải là tình nhân của tôi. Vị ấy đã cho hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái. Đên lân thứ nhi, ...(nt).. Đên lân thứ ba, Đại đức Ananda trong lúc cho môi người một cái bánh ngọt, đã cho chính nữ du sĩ ngoại đạo ấy hai cái bánh ngọt [nhưng] nghĩ rằng một cái. Các nữ du sĩ ngoại đạo xung quanh đã nói với nữ du SĨ ngoại đạo ây điêu này: Vị Sa-môn ấy là tình nhân của cô. Vị Sa-môn ấy không phải là tình nhân của tôi. Vị ấy đã cho hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái. "Tinh nhân! Không phải là tình nhân!99 Các cô ấy đã cãi vã nhau. 2. Có đạo sĩ lõa thể nọ đã đi đến nơi phân phát thực phẩm. Có vị Tỳ-khmi nọ, sau khi nghiền cơm với nhiều bơ lỏng, rồi đã cho người đạo sĩ lõa thể ấy một khối cơm lớn. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy đã

cầm lấy khối cơm ấy, rồi ra đi. Một đạo sĩ lõa the khác đã nói với người đạo sĩ lõa the ấy điều này: -Này huynh đệ, từ đâu ngươi đã có được khôi cơm vậy? Này huynh đệ, đã có được từ nơi phân phát thực phẩm của gia chủ đầu trọc, tức là Sa-môn Gotama ấy. Các nam cư sĩ đã nghe được cuộc nói chuyện này của những người đạo sĩ lõa thể ấy. Sau đó, các nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã

đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, những tu sĩ ngoại đạo này có ý muốn bôi nhọ đức Phật, có ý muốn bôi nhọ giáo pháp, có ý muốn bôi nhọ hội chúng. Bạch Ngài, tốt thay! Các ngài Đại đức không nên tự tay cho đến các tu sĩ ngoại đạo. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các nam cư sĩ ấy bằng bài pháp thoại. Sau đó, các nam cư sĩ ấy khi đã được đức Thê Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi băng bài pháp thoại đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiêu quanh, roi ra đi. 3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy đinh điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt).. nhằm sự tôn tại của Chánh pháp và nhăm sự hô trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội Pâcỉttiyay 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vi Ty-khuu" được đề cập trong ý nghĩa này. Đạo sĩ lõa thể nghĩa là bất cứ người lõa thể nào thành tựu pháp du sĩ. Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu và Sa-di. Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bát cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu-ni9 vi Ni tu tập sự và Sa-di-ni. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tăm xỉa răng; phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có]: Cơm, súp, bánh, cá, thịt. Cho: Vị cho bằng thân, hoặc bằng vật được gắn liền với thân, hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội Pãcittiya. Tu sĩ ngoại đạo, nhận biết là tu sĩ ngoại đạo, vị tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pâcittiya. Tu sĩ ngoại đạo, có sự hoài nghi, vị tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcỉttiya. Tu sĩ ngoại đạo, [lam] tưởng không phải là tu sĩ ngoại đạo, vị tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị cho nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. Không phải là tu sĩ ngoại dạo, [lầm] tưởng là tu sĩ ngoại đạo thì phạm tội Dukkata. Không phải là

tu SĨ ngoại đạo, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là tu sĩ ngoại đạo, nhận biết không phải là tu sĩ ngoại đạo thì vô tội. Vị bảo [người khác] cho và không [tự mình] cho, vị cho sau khi đã để gần bên, vi cho vật thoa bên ngoài, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về đạo sĩ lõa thể là thứ nhất —00O00-

6.5.2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐUỔI ĐI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức ưpananda, con trai dòng Sakyā, đã nói với vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh điều này: -Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực. Sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi đã đuổi đi [nói rằng]: -Này Đại dức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với ngươi, ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình, ta còn có sự an lạc. Khi ấy, thời giờ đã cận, vị Tỳ-khưu ấy đã không thể đi khất thực. Khi đi trở vê, vị ây đã không có được phân phân chia vê vật thực nên bữa ăn đã bị lỡ. 2. Sau đó, vi Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khxru. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, nói với vi Tỳ-khưu rằng: 'Này Đại dức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực', sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi lại đuổi di?" ...(nt). Này upananda, nghe nói ngươi nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực", sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ây, roi đuôi đi, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất ỊTC", sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi lại đuổi đi vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào nói với vi Tỳ-khưu như vây: 'Này Đại dức, hãy đên. Chủng ta sẽ đi vào làng hoặc thỉ trấn để khất thực: sau khi bảo [thí chủ] bố thỉ hoặc / ỉ l -í Ả -t r r không bảo [thỉ chủ] bô thí cho vi âyf roi đuôi đi [nói răng]: 'Này Đại dức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với ngươi, ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi moi một mình, ta còn có sự an lạc.' Sau khỉ thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pãcỉttiyay

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 479

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: (nt)...Vi này là "vj Ty-khuu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Là vi Tỳ-khưu khác. Này Đại đức, hãy đến. [Chúng ta sẽ đi vào] làng hoặc thi trấn: Làng, thị trấn, thành phố, làng luôn cả thị trấn. Sau khi bảo [thí chủ] bố thí cho vi ấy: Sau khi bảo [thí chủ] bố thí súp, hoặc bữa ăn, hoặc vật thực cứng, hoặc vật thực mem. Sau khi không bảo [thí chủ] bố thí: Sau khi không bảo [thí chủ] bố thí bất cứ vật gì. Đuổi đi: Vị có ý định cười, có ý định đùa giỡn, có ý đinh ngồi ở chỗ kín đáo, có ý định hành xử sai nguyên tăc với người nữ roi nói như vây: "Này Đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với ngươi, ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình, ta còn có sự an Iqc", rồi đuổi đi thì phạm tội Dukkata. Khi [vị kia] đang lìa khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe, [vị đuổi đi] phạm tội Dukkata. Khi [vị kia] đã lìa khỏi, [vị đuổi đi] phạm tội Pãcittỉya. Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không L • 7 9a phải bát cứ nguyên nhân nào khác đê đuôi đi. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi đuổi đi thì phạm tội Pâcỉttiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị đuổi đi thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vi đuổi đi thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị đưa ra lời ám chỉ vê tật xâu [của vị kia] thì phạm tội Dukkata. Vị đuôi đi người chưa tu lên bậc

trên thì phạm tội Dukkata. Vị đưa ra lời ám chỉ về tật xấu [của người chưa tu lên bậc trên] thì phạm tội Dukkata, Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị đuổi đi [nói rằng]: "Cả hai đi chung sẽ không có vật thúc", sau khi nhìn thấy vật có giá trị cao [nghĩ rằng]: ấy sẽ sanh khởi tâm tham" rồi đuổi đi, sau khi nhìn thây người nữ [nghĩ răng]: ây sẽ sanh khởi sự không phân chấn,, rồi đuổi đi, vị đuổi đi [nói rằng]: "Hãy mang về cháo, hoặc bữa ăn, hoặc vật thực cứng, hoặc vật thực mềm cho vị bị bệnh, hoặc cho vị ở lại, hoặc cho vị canh giữ tu viện,\ không có ý định hành xử sai nguyên tác, vị đuôi đi khi có việc cần phải làm, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc đuổi đi là thứ nhì. —ooOoo—

6.5.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỈ có CẶP vợ CHỒNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức ưpananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đi đên nhà của người bạn đã ngôi trong phòng ngủ với vợ của người ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đên đã đảnh lê Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này: Hãy dâng đồ khất thực đến ngài Đại đức.

Khi ây, người đàn bà ây đã dâng đô khát thực đên Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. Sau đó, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: —Thưa ngài, xin hãy di, bởi vì đô khát thực đã được dâng đên ngài Đại đức. Khi ây, người đàn bà ây biêt được răng: "Người đàn ông này đã bi ám ảnh [bởi dục],^ nên đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Thưa ngài, xin hãy ngồi lại, chớ có đi. r > r r y Đên lân thứ nhì, người đàn ông ây ...(nt).. Đên lân thứ ba, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Thưa ngài, xin hãy đi, bởi vì đô khát thực đã được dâng đên ngài Đại đức. Đen lần thứ ba, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Thưa ngài, xin hãy ngồi lại, chớ có đi. 2. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi ra ngoài và phàn nàn với các Tỳ-khưu rằng: "Thua các ngài, ngài Đại đức upananda này đã ngồi trong phòng ngủ với vợ của tôi. Vị ấy khi được tôi mời đi lại không chịu đi. Chúng tôi có nhiều phận sự, có nhiều công việc phải ISm.” Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ..(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chông lại ngôi xu6ng?" ...(nt) Này Upananda, nghe nói ngươi sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chong, roi ngoi xuồng, co đung không vạy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng lại ngồi xuống vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biên điêu học này như vây:

\ Ạ ‘ Tỳ-khưu nào sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chông, roi ngôi xuống thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vi này là "vi Ty-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này. Gia đình chỉ có cặp vợ chồng nghĩa là chỉ có người đàn bà và người đàn ông. Cả hai chưa đi ra, cả hai chưa đoạn lìa ái dục. Sau khi đi vào: Sau khi đi vào bên trong. Ngòi xu6ng: Trong ngôi nhà lớn, vi đi qua khỏi khung cửa lớn một tàm tay [lm25]9 roi ngôi xuồng thì phạm tội Pâcỉttiya. Trong ngôi nhà nhỏ, vị vượt qua khỏi trung tâm của nhà, rồi ngồi xuống thì phạm tội Pâcittỉya, Trong phòng ngủ, nhận biết là phòng ngủ, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Trong phòng ngủ, có sự hoài nghi, vi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống thì phạm tội Pãcittiya. Trong phòng ngủ, [lầm] tưởng không phải là phòng ngủ, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, roi ngồi xuống thì phạm tội Pãcỉttiya. A

Không phải là phòng ngủ, [lâm] tưởng là phòng ngủ thì phạm tội Dukkata. Không phải là phbng ngủ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là phòng ngủ, nhận biêt không phải là phòng ngủ thì vô tội. Trong ngôi nhà lớn, vi không đi qua khỏi khung cửa lớn một tầm tay, rồi ngồi xuông, trong ngôi nhà nhỏ, vị không vượt qua khỏi trung tâm của nhà, roi ngôi xuống, có vị Tỳ-khưu thứ nhì, cả hai [vợ chông] đã đi ra khỏi, cả hai đã đoạn lìa ái dục? không phải ở trong phòng ngủ, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về chỉ có cặp vợ chồng là thứ ba. —ooOoo—

6.5.4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VÈ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đi đến nhà của người bạn đã cùng với vợ của người ấy ngồi xuống ở chỗ ngồi kín dáo, được che khuất. Khi ấy, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao ngài Đại đức upananda lại cùng với vợ tôi ngồi xuống ở chỗ ngoi kín đáo, được che khuất?” 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā lại cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất?" ...(nt). —Này upananda, nghe nói ngươi cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội Pâcỉttiyay 3 Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu:...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão. Với: Cùng chung. ,Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. Kín đáo đối với mắt nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng

đầu lên. Kín đáo đối với tai nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường. Được che khuất nghĩa là chô ngôi được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì. Ngoi: Khi người nữ đang ngôi, vi Tỳ-khưu ngôi gân hoặc năm gân thì phạm tội Pãcittiya. Trong lúc vị Tỳ-khưu đang ngôi, người nữ ngôi gân hoặc năm gân thì phạm tội Pãcittỉya. Hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội Pãcittiya. Là người nữ, nhận biêt là người nữ, vị ngôi xuống ở chô ngôi kín đáo, được che khuất thì phạm tội Pãcỉttỉya. Là người nữ, có sự nghi ngờ, vị ngồi xuống ở chô ngôi kín đáo, được che khuất thì phạm tội Pãcittiya. Là người nữ, [lâm] tưởng không phải là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội Pãcittỉya. Vi cùng với nữ dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú cái dạng người ngôi xuống ở chô ngôi kín đáo, được che khuâtthì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, [lâm] tưởng là người nữ thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội. Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín dáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất về ngồi nơi kín đáo là thứ tư. —ooOoo—

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 483

6.5.5. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VÈ NGÒI NƠI KÍN ĐÁO 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đi đến nhà của người bạn đã cùng với vợ của người ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Khi ấy, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao ngài Đại đức upananda lại cùng với vợ tôi, một nam một nữ ngồi ở nơi kín dao?^ 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā lại cùng với người nữ? một nam một nữ ngoi ở nơi kín dao?99 ...(nt). -Này Upananda, nghe nói ngươi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngôi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào cùng với người nữ, một nam một nữ ngôi ở nơi kín đảo thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa9 không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục. Vói: Cùng chung. Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và người nữ. ,Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. Kín đáo đối với mắt nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bi che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. Kín đáo đối với tai nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường. Ngồi: Khi người nữ đang ngồi, vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội Pãcittỉya. Trong lúc vi Tỳ-khưu đang ngồi, người nữ ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội Pãcỉttiya. Hoặc cả

hai đang ngôi, hoặc cả hai đang năm thì phạm tội Pãcỉttỉya. Là người nữ, nhận biết là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Là người nữ, có sự nghi ngờ, vi ngồi xuống

ở chô ngôi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội Pãcittiya. Là người nữ, [lâm] tưởng không phải là người nữ, vi ngoi xuống ở chỗ ngoi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội Pãcittỉya. Vị cùng với nữ dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú cái dạng người ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội Dukkata, Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội. Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngôi, không mong mỏi chô kín dáo, đang bận tâm chuyện khác roi ngôi xuồng, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì về ngồi nơi kín đáo là thứ năm. —ooOoo-

6.5.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐI THĂM VIÊNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeẸuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, đã thỉnh mời Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, với bữa trai phạn và cũng đã thỉnh mời các vị Tỳ-khưu khác với bữa trai phạn. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā thường đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này: Này các đạo hữu, hãy dâng bữa trai phạn. Thưa các ngài, xin hãy chờ đên khi ngài Đại đức upananda đên. Đen lần thứ nhì, Đen lần thứ ba, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này: Này các đạo hữu, hãy dâng bữa trai phạn trước khi thời giờ đi quá. Thưa các ngài, chúng tôi đã làm bữa trai phạn vì nguyên nhân là ngài Đại đức upananda. Thưa các ngài, xin hãy chờ đen khi ngài Đại đức upananda đen. 2. Sau đó, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn đã đi đen trễ. Các Tỳ-khưu đã không thọ thực được như ý. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, khi đã được thỉnh mòi, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa n?" ...(nt) Này Upananda, nghe nói ngươi khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào khỉ đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu

upananda, con trai dòng Sakyā, đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng [dặn dò] rằng: "Nên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy, rồi mới dâng đến hội chúng.^, Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đi vào làng để khất thực. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị Tỳ- khưu rằng: Thưa các ngài, ngài Đại đức upananda ở đâu vậy? Này các đạo hữu, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā này đã đi vào làng để khất thực. Thưa các ngài, vật thực loại cứng này [được dặn dò rằng]: uNên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy, rồi mới dâng đến hội chong." Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 như vậy thì sau khi thọ lãnh, các ngươi hãy để riêng ra cho đến khi Ưpananda trở về. 4. Khi ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã cấm đi thăm viếng các gia đình trước bữa n" nên đã đi giao thiệp với các gia đình sau bữa ăn, rồi về lại trong ngày. Món vật thực cứng đã bi bỏ đi. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā lại đi thăm viếng các gia đình sau bữa n?" ...(nt). Này Ưpananda, nghe nói ngươi đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn vậy? Này kẻ ro dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: " Vỉ Tỳ-khưu nào khi đã được thỉnh mời, khỉ đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pâcỉttiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bây giờ, nhăm thời hạn dâng y, các Tỳ-khưu trong lúc ngân ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi giao thiệp với các gia đình trong thời hạn dâng y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vỉ Tỷ-khưu nào khỉ đã được thỉnh mời, khỉ đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trong thời hạn dâng y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu làm công việc may y, và có nhu càu về kim, chỉ, dao nhỏ. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi giao thiệp với các gia đình trong lúc may y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khiru nào khỉ đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pãciítiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trong thời hạn dâng yf trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 7. Vào lúc bay giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép [vị Tỳ-khxru]

có sự thông báo đến vi Tỳ- khưu hiện diện được đi giao thiệp với các gia đình. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào khỉ đã được thỉnh mời, khỉ đã có bữa trai phạn, chưa có sự thông báo đen vỉ Tỳ-khiru hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pãcittỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy r

8. Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt).. Vi này là "vị Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Đã được thỉnh mòi nghĩa là đã được thỉnh mời với bất cứ loại vật thực nào thuộc vê năm loại vật thực. Có bữa trai phạn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì bữa trai phạn là với món đó. Vi Tỳ-khưu hiện diện nghĩa là có thể có sự thông báo để đi vào [làng].

Vị Tỳ-khưu không hiện diện nghĩa là không thể có sự thông báo để đi vào [làng]. Trước bữa ăn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì còn chưa thọ thực món đó. Sau bữa ăn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì [món đó] đã được thọ thực, cho dầu vào lúc rạng đông. Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-lỵ, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Đi thăm viếng các gia đình: Vị đang bước vào khu vực lân cận ngôi nhà của người khác thì phạm tội Dukkata. Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata. Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có nguyên cớ. Trong thời hạn dâng y nghĩa là khi Kathỉna không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi Kathina được thành tựu thì năm tháng. Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may. Đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị không thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ có duyên cớ. Đã được thỉnh mời, có sự nghi ngờ, vị không thông báo đen vị Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Đã được thỉnh mời, [lam] tưởng là không được thỉnh mời, vi không thông báo đến vi Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pãcỉttiya. ngoại trừ có duyên cớ. Không được thỉnh mời, [lâm] tưởng là đã được thỉnh mời thì phạm tội Dukkata. Không được thỉnh mời, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không được thỉnh mời, nhận biết là không được thỉnh mời thì vô tội. Khi có duyên cớ, sau khi thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện rồi đi vào [làng], không có vị Tỳ-khưu hiện diện rồi đi vào [làng] không thông báo, đường đi ngang qua ngôi nhà của người khác, đường đi ngang qua khu vực lân cận ngôi nhà [của người khác], vi đi đến tu viện ở giữa làng, vị đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni, vi đi đến chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo, vị đi trở về, vị đi đến nhà thí thực, trong những lúc có sự co, vi bi điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về đi thăm viếng là thứ sáu. -00O00-

6.5.7. ĐIỀU HỌC VÈ VỊ MAHÃNÂMA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyã, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng

Sakyā có dược phàm dôi dào. Khi ây, Mahānāma dòng Sakyā, đã đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã đảnh le đức The Ton roi ngôi xuong ơ một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakyā đã nói với đức Thế Tôn điêu này: Bạch Ngài, tôi muôn thỉnh câu hội chúng vê [việc dâng] dược phàm trong bốn tháng. -Này Mahānāma, tót lăm, tót lăm! Này Mahānāma, như thê, ngươi hãy thỉnh câu hội chúng vê [việc dâng] dược phàm trong bôn tháng. Các Tỳ-khưu ngần ngại không nhận lời. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu về [việc dâng] vật dụng trong bốn tháng. 2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu yêu cầu dược phẩm [số lượng] ít ỏi ở Mahānāma dòng Sakyā. Giống như trước đây, dược phẩm của Mahānāma dòng Sakyā vân dôi dào. Đên lân thứ nhì, Mahānāma dòng Sakyā đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakyā đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tôi muôn thỉnh câu hội chúng vê [việc dâng] dược phàm trong bốn tháng kế tiếp. -Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế, ngươi hãy thỉnh câu hội chúng vê [việc dâng] dược phàm trong bôn tháng kê tiêp. Các Tỳ-khưu ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). r y . Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép châp nhận sự thỉnh câu tiêp tục. 3. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu yêu câu dược phàm [sô lượng] rát ít ỏi ở Mahānāma dòng Sakyā. Giống như trước đây, dược phẩm của Mahānāma dòng Sakyā vẫn dồi dào. Đen lần thứ ba, Mahānāma dòng Sakyā đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, Mahānāma dòng Sakyā đã nói với đức Thê Tôn điêu này: Bạch Ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm đến trọn đời. -Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế ngươi hãy thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm đến trọn đời. Các Tỳ-khưu ngân ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép châp nhận sự thỉnh câu vĩnh viên. 4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư quấn y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tê. Mahānāma dòng Sakyā là người phát biêu răng:

-Thưa các ngài, tại sao các ngài lại quấn y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề? Chẳng phải vi xuất gia nên quấn y đàng hoàng, trùm y gọn gàng, có sự chỉnh te hay sao? Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã kết oan trái với Mahānāma dòng Sakyā. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: “C6 phương kế gì chúng ta CÓ thê làm cho Mahānāma dòng Sakyā bị xâu h6?" Khi áy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Này các Đại đức, hội chúng đã được Mahānāma dòng Sakyā thỉnh câu vê [việc dâng] dược phàm. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy yêu câu Mahānāma dòng Sakyā vê bơ lỏng di." 5. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp Mahānāma dòng Sakyā, sau khi đên đã nói với Mahānāma dòng Sakyā điêu này: Này đạo hữu, có nhu câu vê một chum1 bơ lỏng. Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các ngài sẽ mang đi đúng hẹn. Đen lần thứ nhì,

...(nt)... Đen lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với Mahānāma dòng Sakyā điêu này: -Này đạo hữu, có nhu cầu về một chum bơ lỏng. Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các ngài sẽ mang đi đúng hẹn. Này đạo hữu, đạo hữu không chịu bố thí khi được yêu cầu, việc gì khiến đạo hữu nói lời thỉnh cầu khi không có ý định bố thí vậy? 6. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakyā phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao khi được nói rằng: 'Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai', các Đại đức lại không chiu chờ dqi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được Mahānāma dòng Sakyā phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ"khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng Sakyā nói rằng: 'Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai' lại không chịu chờ dqi?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi khi được Mahānāma dòng Sakyā nói rằng: "Thua các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai,, lại không chịu chờ đợi, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)...Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi được Mahānāma dòng Sakyā nói rằng: “Thua các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai” lại không chiu chờ đợi vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho

1 Chum (dona) là đơn vị đo thể tích, l dona = 4 ālhaka.Dc dễ hình dung, sức chứa của bình bát cỡ lớn là 1/2 ãịhaka, vậy số lượng bơ lỏng được yêu cầu là 8 lần bình bát cỡ lớn (ND).

những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu không bỉ bệnh nên chấp nhận sự thỉnh cầu về [việc dâng] vật dụng trong bôn tháng, ngoại trừ có sự thỉnh câu tiếp tục, ngoại trừ có sự thỉnh cau đen trọn đời. Nêu chấp nhận vượt quả hạn ấy thì phạm tội Pãcỉttiyay 7. Vi Tỳ-khiru không bi bệnh nên chấp nhận sự thỉnh cầu về [việc dâng] vật dụng trong bốn tháng: Sự thỉnh cầu [để dâng vật dụng] cho trường hợp bị bệnh nên được chấp nhận. Sự thỉnh câu tiêp tục cũng nên được châp nhận [nói răng]: "Khi nào tôi bi bệnh, khi ấy tôi sẽ yêu cầu.” Sự thỉnh cầu đến trọn đòi cũng nên được chấp nhận [nói rằng]: "Khi nào tôi bị bệnh, khi ấy tôi sẽ yêu £u." Nếu chấp nhận vượt quá hạn ấy: Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về dược phẩm, không có sự giới hạn về đêm. Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về đêm, không có sự giới hạn về dược phẩm. Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về dược phàm và có sự giới hạn vê đêm. Có sự thỉnh câu không có sự giới hạn vê dược phẩm và không có sự giới hạn về đêm. Có sự giới hạn về dược phẩm nghĩa là các dược phẩm được xét đến rồi [nói răng]: "Tôi nói lời thỉnh câu với chừng này dược phâm.,^ Có sự giới hạn về đêm nghĩa là các đêm được xét đến rồi [nói rằng]: "Tôi nói lời thỉnh cầu trong [thời hạn] chừng này m.” Có sự giới hạn về dược phẩm và có sự giới hạn về đêm nghĩa là các dược phàm được xét đên và các đêm được xét đên roi [nói răng]: "Tôi nói lời thỉnh cầu với chừng này dược phẩm trong [thời hạn] chừng này dOm." Không có sự giới hạn về dược phẩm và không có sự giói hạn về đêm nghĩa là các dược phàm không được xét đên và các đêm không được xét đên. Khi có sự giới hạn về dược phẩm, trừ ra các dược phẩm đã được thỉnh cầu, vị yêu cau các loại dược phẩm khác thì phạm tội Pãcỉttỉya.

Khi có sự giới hạn về đêm, trừ ra các đêm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu trong các đêm khác thì phạm tội Pãcittiya. Khi có sự giới hạn vê sự thỉnh câu và có sự giới hạn vê đêm, trừ ra các dược phàm đã được thỉnh câu và trừ ra các đêm đã được thỉnh câu, vi yêu cầu các loại dược phẩm khác trong các đêm khác thì phạm tội Pãcittiya. Khi không có sự giới hạn về sự thỉnh cầu và không có sự giới hạn về đêm thì VO tôi. Khi không cân dùng dược phàm, vị yêu câu dược phàm thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi cần dùng dược phẩm này, vị yêu cầu dược phẩm khác thì phạm tội Pãcittiya. Khi đã quá hạn ây, nhận biêt là đã quá hạn ây, vị yêu câu dược phàm thì phạm tội Pãcittỉya. Khi đã quá hạn ấy, có sự hoài nghi, vị yêu cầu dược phẩm

thì phạm tội Pācittiya. Khi đã quá hạn áy, [lâm] tưởng là chưa quá hạn ay9 vị A Ă Ả A' . . yêu câu dược phàm thì phạm tội Pācittiya. Khi chưa quá hạn áy, [lâm] tưởng là đã quá hạn áy thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn ấy, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa quá hạn ấy, nhận biết là chưa quá hạn ấy thì vô tội. 8. Vị yêu câu các loại dược phàm đã được thỉnh câu, vị yêu câu trong [thời hạn] các đêm đã được thỉnh câu, sau khi nói rõ roi yêu câu: "Chúng tôi đã được quý vi thỉnh cầu các loại dược phẩm này, giờ chúng tôi có nhu cầu về dược phàm loại này và loại này9\ sau khi nói rõ roi yêu câu: "[Thời hạn] các đêm chúng tôi được quý vi thỉnh cầu đã trôi qua, giờ chúng tôi có nhu cầu về dược phẩm", của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bi diên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vi Mahānāma là thứ bảy. —ooOoo-

6.5.8. ĐIỀU HỌC VÈ QUÂN ĐÔI ĐÔNG BINH 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala cung với quân đội đi đánh trận. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội động binh. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã cho người gọi đến, rồi đã nói điều này: Thưa các ngài, vì sao các ngài lại đi đến nơi này? Chúng tôi có ý muốn nhìn thấy Đại vương. Thưa các ngài, việc gì lại nhìn trẫm đang say sưa chiến trận? Sao không chiêm ngưỡng đức Thế Tôn? 2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi đên đê xem quân đội động binh? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải đi vào quân d0i." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi để xem quân đội động binh?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi để xem quân đội động binh, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt)... Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi lại đi đê xem quân đội động binh vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những

kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim nào đi để xem quân đội động bỉnh thì phạm tội Pâcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, có người cậu của vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ở trong binh đội. Người ấy đã phái sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy [nhắn rằng]: "Bởi vì cậu bị bệnh ở trong binh đội. Đại đức hãy đi đến. Cậu mong sự đi đến của Đại dức.” Khi ấy, vị Tỳ-khiru ấy đã khởi ý rằng: "Đức Thế Tôn đã quy định điều học cho các Tỳ-khưu rằng: 'Không được đi để xem quân đội động binh, và người cậu này của ta thì bị bệnh ở trong binh đội, vậy ta nên thực hành như the nào?'" Các VỊ đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Khi ay, đức The Ton nhan ly do ay, nhan sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Ty-khxru rằng: —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến binh đội khi có nhân duyên như thế. Và này các Tỳ-khưu? các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào đi để xem quân đội động binh thi phạm tội Pãcittỉya, ngoại trừ có nhân duyên như thế.” 4. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là "vi Ty-khuu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Động binh nghĩa là quân đội sau khi đi ra từ làng thì đóng trại hoặc là tiến tới. Quân đội nghĩa là các tượng binh, các kỵ binh, các xa binh, các bộ binh. [Tượng binh] thì mười hai người đàn ông, một con voi. [Kỵ binh] thì ba người đàn ông, một con ngựa. [Xa binh] thì bốn người đàn ông, một chiếc xe. [Bộ binh] thì bốn người đàn ông có tên ở tay. Vi đi để xem thì phạm tội Dukkata. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội Pãcỉttỉya. Ngoại trừ có nhân duyên như thế: Trừ ra có nhân duyên như thế. Khi động binh, nhận biết là động binh, vi đi để xem thì phạm tội Pãcitíiya, ngoại trừ có nhân duyên như thế. Khi động binh, có sự hoài nghi, vị đi để xem thì phạm tội Pâcittiya. ngoại trừ có nhân duyên như the. Khi động binh, [lam] tưởng không phải là động binh, vị đi để xem thì phạm tội Pãcittiya. ngoại trừ có nhân duyên như the. Vị đi để xem mỗi một [loại binh chủng] thì phạm tội Dukkata. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội Dukkata. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội Dukkata, 6.2 Không phải là động binh, [lầm] tưởng là động binh thì phạm tội Dukkaịa. Không phải là động binh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là động binh, nhận biết không phải là động binh thì vô tội.

2 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 5), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

Vị đứng ở trong tu viện nhìn thấy, [việc động binh] di chuyển đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi hoặc chỗ nằm của vị Tỳ-khưu, vị nhìn thấy khi đi ngược chiều, có nhân duyên như thế, trong những lúc có sự co, vi bị điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về quân đội động binh là thứ tám. —ooOoo—

6.5.9. ĐIỀU HỌC VÈ TRÚ NGỤ NƠI BINH ĐÔI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, khi có công việc cần thiết, các Tỳ- khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến nơi binh đội, rồi trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các

Sa-môn Thích tử lại trú ngụ trong binh đội? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải sống trong binh d0i." 2. Các Tỳ"khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại trú ngụ trong binh đội hơn hai ba dem7,5 ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vầy: “Nêu có nhân duyên nào đó khiên vỉ Tỷ-khưu ây đi đên nơi binh đội, vỉ Tỳ- khiru ấy nên trủ ngụ trong bỉnh đội hai ba đêm; nếu vượt hơn số ấy thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Nếu có nhân duyên nào đó khiến vi Tỳ-khưu ấy dỉ đến nơi binh đội: Nếu có duyên cớ, nếu có việc cần làm. Vi Tỳ-khưu ấy nên trú ngụ trong binh đội hai ba đêm: Nên trú hai ba đêm. Nếu vượt hơn số ấy: Khi mặt trời lặn vào ngày thứ tư, vi tru ngụ trong binh đội thì phạm tội Pãcittiya. Khi hơn hai ba đêm, nhận biết là đã hơn, vi trú ngụ trong binh đội thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi hơn hai ba đêm, có sự hoài nghi, vi trú ngụ trong binh đội thì phạm tội Pãcittiya. Khi hơn hai ba đêm, [lầm] tưởng là còn kém, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội Pãcỉttỉya.

4 Khi còn kém hai ba đêm, [lầm] tưởng là đã hơn thì phạm tội Dukkata. Khi còn kém hai ba đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi còn kém hai ba đêm, nhận biết còn kém thì vô tội. 5. Vi trú ngụ hai ba đêm; vị trú ngụ còn kém hai ba đêm; sau khi trú ngụ hai đêm5 vào đêm thứ ba, sau khi đi ra khỏi trước rạnệ đông, rồi trú ngụ trở lại; vị bị bệnh rồi trú ngụ; vị trú ngụ vì có việc cần làm đoi với người bệnh; ở binh đội bị quân địch bao vây; vị bi cản trở bởi điều gì đó; trong những lúc có sự cố; vị bi điên; vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Dứt điều học về trú ngụ nơi binh đội. —ooOoo—

6.5.10. ĐIÊU HỌC VÈ NƠI TẬP TRẬN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, trong khi tru ngụ hai ba đêm trong binh đội, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi đen nơi tập trận, nơi đóng quân, nơi dàn binh, đội chủ lực. Có vị Tỳ-khưu nọ thuộc nhóm Lục Sư, sau khi đi đến nơi tập trận đã bị trúng mũi tên. Dân chúng đã chế giễu vị Tỳ-khưu ấy rằng: "Thua ngài, chắc hẳn đã là trận chiến cừ khôi? Ngài chiếm được bao nhiêu mục tiOu?” Trong khi bi những ngươi ay che gieu, vị Ty-khưu ay đã xâu ho. 2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-mon Thích tử lại đi đến để xem nơi tập trận? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải đi đến nơi tập tran?9 Các Ty-khtru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư lại đi đe xem nơi tập tran?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi để xem nơi tập trận, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)...

Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đi để xem nơi tập trận vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Nêu trong khỉ trú ngụ ở bỉnh đội hai ba đêm, vi Tỳ-khưu đi đên nơi tập trận, hoặc nơi đóng quân, hoặc nơi dàn bỉnh, hoặc đội chủ lực thì phạm tội Pācittiyay 3. Nếu vi Tỳ-khưu trong khi trú ngụ ờ binh đội hai ba đêm: Trong khi trú ngụ hai ba đêm.

Nơi tập trận nghĩa là nơi nào chiến trận được nhìn thấy. Noi đóng quân nghĩa là chừng này tượng binh, chừng này kỵ binh, chừng này xa binh, chừng này bộ binh. Nơi dàn binh nghĩa là các tượng binh hãy từ nơi này; các kỵ binh hãy từ nơi này; các xa binh hãy từ nơi này; các bộ binh hãy từ nơi này. Đội chủ lực nghĩa là đội tượng binh chủ lực, đội kỵ binh chủ lực, đội xa binh chủ lực, đội bộ binh chủ lực. Đội tượng binh chủ lực ít nhát là ba con voi, đội kỵ binh chủ lực ít nhất là ba con ngựa, đội xa binh chủ lực ít nhất là ba xe, đội bộ binh chủ lực ít nhất là bốn người đàn ông có vũ khí ở tay. Vị đi để xem thì phạm tội Dukkata. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vi lại nhìn nữa thì phạm tội Pãcỉttiya. 5.3 Vị đi để xem mỗi một [loại binh chủng] thì phạm tội Dukkata. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội Dukkata. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội Dukkata. 6. Vị đứng ở trong tu viện nhìn thấy; sự tập trận di chuyển đến và được nhìn thấy ở chỗ đứng hoặc ở chỗ ngồi hoặc ở chỗ nằm của vị Tỳ-khưu; vị nhìn thấy khi đi ngược chiêu; khi có việc cân phải làm, vị đi roi nhìn thây; trong những lúc có sự cố; vi bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều học về nơi tập trận. Phẩm Đạo Sỉ lõa thể là thứ năm. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Vi đạo sĩ lõa thê, việc đuôi đi, có cặp vợ chông, nơi kín đáo hai chuyện, và vi có bữa trai phạn, dược phẩm, bị động binh, [trú ngụ] nơi binh đội, nơi tập trận. —ooOoo—

3 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pali (không có số 4), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

6.6. PHẨM UỐNG RƯỢU

6.6.1. ĐIỀU HỌC VỀ UỐNG RƯỢU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn trong khi du hành ở xứ Cetiya đã đi đến Bhaddavatikâ. Những người giữ bò, chăn dê, nông phu, khách đi đường đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Ton điêu nay: g 8

Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn chớ đi đến Ambatittha. Bạch Ngài, ở Ambatittha có con rông sông trong khu ân cư của đạo sĩ thờ lửa, là con răn có pháp thuật, có nọc độc khủng khiếp, chớ để nó hãm hại đức Thế Tôn. Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã im lặng. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lần thứ ba, những người giữ bò, chăn dê, nông phu, khách đi đường đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn chớ đi

đến Ambatittha. Bạch Ngài, ở Ambatittha có con rông sông trong khu ân cư của đạo sĩ thờ lửa, là con răn có pháp thuật, có nọc độc khủng khiếp, chớ để nó hãm hại đức Thế Tôn. Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã im lặng. 2. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã nẹự đến Bhaddavatikâ. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Bhaddavatikâ. Khi áy, Đại đức Sãgata đã đi về phía khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa, thuộc vùng Ambatittha, sau khi đến đã đi vào nhà thờ lửa, rồi đã sắp đặt tấm thảm trải bằng cỏ, ngồi xuống, xếp [chân] thế kiết-già, giữ thân thẳng, tập trung niệm ở phía trước. Khi ấy, con rồng ấy sau khi nhìn thay Đại đức Sãgata đi vào, có sự khó chịu, có tâm bực bội, đã phun khói. Đại đức Sãgata cũng đã phun khói. Khi ấy, con rồng không còn đè nén được cơn giận nên đã phun ra lửa. Đại đức Sâgata cũng đã nhập thiền đề mục lửa và đã phun ra lửa. Sau đó5 Đại đức Sâgata đã dùng lửa [của mình] đoạt lấy ngọn lửa của con rồng ấy, rồi đã đi về phía Bhaddavatikâ. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi đã ngự tại Bhaddavatikâ theo như ý thích đã ra đi du hành về phía thành Kosambī. Các cư sĩ ở thành Kosambī đã nghe được rằng: "Nghe nói ngài Đại đức Săgata đã gây chiến với con rồng ở Ambatittha.„ 3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Ton đã ngự đến thành Kosambī. Khi ấy, các cư sĩ ở thành Kosambī, sau khi đi ra tiếp đón đức Thế Tôn đã đi đến gặp Đại đức Sâgata, sau khi đên đã đảnh lê Đại đức Sâgata, roi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở thành Kosambī đã nói với Đại đức Sâgata điều này:

—Thưa ngài, vật gì các ngài Đại đức khó có được và ưng ý? Chúng tôi nên chuẩn bi vật gì? Khi được nói như the, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các cư sĩ ở thành Kosambī điều này: -Này các đạo hữu, có thứ rượu cất tên bồ câu thì các Tỳ-khưu khó có được và ưng ý? hãy chuân bị thức ây. Sau đó, các cư sĩ ở thành Kosambī đã chuẩn bị rượu cất tên bồ câu ở mỗi nhà, rồi khi nhìn thấy Đại đức Sãgata đang đi khất thực đã nói với Đại đức Sâgata điều này: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sãgata hãy uống rượu cất tên bồ câu. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sâgata hãy uông rượu cát tên bô câu. Sau đó, khi đã uông rượu cát tên bô câu ở môi nhà, Đại đức Sâgata trong lúc đang đi ra khỏi thành phố đã té ngã ở cổng thành. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đang đi ra khỏi thành phố đã nhìn thấy Đại đức Sâgata bi té ngã ở cổng thành, sau khi nhìn thấy đã bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu, hãy đưa Sâgata về. Bạch Ngài, xin vâng. Các vi Tỳ-khưu ấy nghe theo lời đức Thế Tôn, sau khi đưa Đại đức Sãgata về lại tu viện đã đặt nằm xuống, đầu hướng về đức Thế Tôn. Khi ấy, Đại đức Sâgata đã xoay tròn vòng, đưa hai chân hướng vê đức Thê Tôn, roi năm ngủ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 phải chăng Sãgata đã có sự tôn kính và có sự vâng lời đối với Như Lai? Bạch Ngài, đúng vậy. —Này các Tỳ-khưu, vậy bây giờ Sâgata có sự tôn kính và có sự vâng lời đối với Như Lai không? Bạch Ngài, điêu ây không có. Này các Tỳ-khưu, phải chăng Sâgata đã gây chiến với con rồng ở Ambatittha? -Bạch Ngài, đúng vậy. Này các Tỳ-khưu, vậy bây giờ Sâgata có đủ sức gây chiến với con rắn nước không? Bạch Ngài, điều ấy không có. - Này các Tỳ-khxru, vậy loại thức uống nào sau khi uống vào sẽ trở thành mất tỉnh táo thì có nên uống loại ấy không? -Bạch Ngài, điều ấy không nên.

Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho sgata, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao Sãgata lại uống men say vậy? Này các Tỳ-khưu? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Khi uống rượu và men say thì phạm tội Pãcỉttiyay 5. Rượu nghĩa là rượu từ bột, rượu từ bánh ngọt, rượu từ cơm đã được rắc men vào, đã được trộn vào các hương liệu cần thiết. Men say nghĩa là chất mật từ bông hoa, nước trích ra từ trái cây, nước trích ra từ mật ong, nước trích ra từ đường mía đã được trộn vào các hương liệu cần thiết. Uống: Vị uống vào dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa thì phạm tội Pãcỉttỉya. 6 Men say, nhận biết là men say, vị uống vào thì phạm tội Pãciítiya. Men say, có sự hoài nghi, vị uống vào thì phạm tội Pãcittiya. Men say, [lầm] tưởng không phải là men say, vị uống vào thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Không phải là men say, [lâm] tưởng là men say thì phạm tội Dukkata. Không phải là men say, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là men say, nhận biết không phải là men say thì vô tội. 8. Vị uống vào chất có màu sắc của men say, có hương của men say, có vi của men say nhung không phải là men say; khi được nấu chung với súp, khi được nâu chung với thịt, khi được nâu chung với dâu ăn; ở trong nước mật của trái cây âmaỉaka\ vi uống nước cất không men say; vị bị điên; vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điêu học vê uông rượu là thứ nhát —ooOoo—

6.6.2. ĐIỀU HỌC VỀ THỌT LÉC BẰNG NGÓN TAY 1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vị Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư bang cách dùng ngón tay thọt léc. Vi Tỳ-khưu ấy trong lúc bị cười quá mức, không thở được nên đã chết đi. Các Tỳ- khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại chọc cười vị Tỳ-khưu bang cách dùng ngón tay thọt lZc?" ...(îìt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chọc cười vị Tỳ-khtru bằng cách dùng ngón tay thọt léc, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại chọc cười vi Tỳ-khiru băng cách dùng ngón tay thọt léc vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội Pãcittiyay 2. Thọt léc bằng ngón tay nghĩa là vị đã tu lên bậc trên, có ý định chọc cười vi đã tu lên bậc trên, roi sờ vào cơ thê [vi kia] băng cơ thê [của mình] thì phạm tội Pãcittiya. Vị dātu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc thì phạm tội Pãcittiya. Vi đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc thì phạm tội Pãcittỉya. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc thì phạm tội Pãcittỉya. Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể [vi kia] bằng cơ thể [của mình] thì phạm tội Dukkata. Vi sờ vào cơ thể [vị kia] bằng vật được gắn liền với cơ

thể [của mình] thì phạm tội Dukkata. Vi sờ vào vật được gắn liền với cơ thể [vị kia] bằng vật được gắn liền với cơ thể [của mình] thì phạm tội Dukkata, Vị sờ vào cơ the [vị kia] bang vật [do mình] ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể [vi kia] bằng vật [do mình] ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật [do vị kia] ném ra bằng vật [do mình] ném ra thì phạm tội Dukkaịa. Với vị chưa tu lên bậc trên, vị sờ vào cơ thể [vị kia] bằng cơ thể [của mình] thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Không có ý định chọc cười, vị sờ vào khi có việc cần phải làm, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về thọt léc bằng ngón tay là thứ nhì. —ooOoo—

6.6.3. ĐIÊU HỌC VÈ CHƠI GIỠN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala cùng với Hoàng hậu Mallikã ngự ở tầng trên của tòa lâu đài. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy

Sư đang đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī, sau khi nhìn thấy đã nói với Hoàng hậu Mallikâ điêu này: Này Mallikã, các vị A-la-hán này của khanh đùa nghịch ở trong nước. -Tâu Đại vương, chác chăn là điêu học chưa được đức Thê Tôn quy định hoặc là các vị Tỳ-khưu ấy không biết. 2. Sau đó, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điêu này: "Băng phương thức nào để ta không phải trình lên đức Thế Tôn mà đức Thế Tôn có thể biết được các Tỳ-khưu này đã đùa nghịch ở trong nu&c?" Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã cho mời các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đến, rồi đã dâng khối đường lớn cho các vị ấy [nói rằng]: -Thưa các ngài, xin hãy dâng lên đức Thế Tôn khối đường này. Các Tỳ-khmi nhóm Mười Bảy Sư đã cầm lấy khối đường ấy đi đến gặp đức The Tôn, sau khi đên đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đức Vua Pasenadi xứ Kosala dâng khối đường này đến đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, đức vua đã gặp các ngươi ở đâu? Bạch Thế Tôn? trong khi đang đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đùa nghịch ở trong nước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “Khi chơi giỡn ở trong nước thì phạm tội Pâcittiyay 3. Chơi giỡn ờ trong nước nghĩa là ở trong nước ngập trên mắt cá chân vị có ý định chơi giỡn, rồi hụp xuống, hoặc trồi lên, hoặc bơi lội thì phạm tội Pâcỉttiya. Chơi giỡn ở trong nước, nhận biết là chơi giỡn thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chơi giỡn ở trong nước, có sự hoài nghi thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chơi giỡn ở trong nước, [lầm] tưởng là không chơi giỡn thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị đùa nghịch ở trong nước ngập dưới mắt cá chân thì phạm tội Dukkata, Vi đùa nghịch với chiếc thuyền thì phạm tội Dukkata. Vị đập vỗ trong nước bằng cánh tay, hoặc bằng bàn chân, hoặc với khúc cây, hoặc với mảnh sành thì phạm tội Dukkaịa. Vị đùa nghịch nước, hoặc cháo chua, hoặc sữa tươi,

hoặc sữa pha loãng, hoặc nước nhuộm y, hoặc nước tiểu, hoặc nước bùn chứa ở trong chậu thì phạm tội Dukkata. Không chơi giỡn ở trong nước, [lầm] tưởng là chơi giỡn thì phạm tội Dukkaịa. Không chơi giỡn ở trong nước, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata.

Không chơi giỡn ở trong nước, nhận biết là không chơi giỡn ở trong nước thì vo tôi. Không có ý định chơi giỡn; vi đi xuống nước khi có việc cần phải làm, rồi hụp xuống, hoặc trồi lên, hoặc bơi lội; trong khi đi sang bờ bên kia rồi hụp xuống, hoặc trồi lên, hoặc bơi lội; trong những lúc có sự cố; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về chơi giỡn là thứ ba. -ooOoo—

6.6.4. ĐIỀU HỌC VÈ sự KHÔNG TÔN TRỌNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa hành xử không đúng nguyên tắc. Các Tỳ- khưu đã nói như vầy: -Này Đại đức Channa, chớ hành động như thế. Điều ấy không được phép. Vị ấy hành động tỏ ra vẻ không tôn trọng. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ..(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Đại đức Channa lại thể hiện sự không tôn trpng?” ...(nt). -Này Channa, nghe nói ngươi the hiện sự không tôn trọng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thể hiện sự không tôn trọng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi có sự không tôn trọng thì phạm tội Pâcỉttỉyay 2. Sự không tôn trọng nghĩa là có hai sự không tôn trọng: Sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp. Sự không tôn trọng người nghĩa là khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói ve điều đã được quy định, vị [nghĩ rang]: này bị phạt án treo, hoặc bi xem thường, hoặc bi khiển trách, hoặc lời nói của vi này sẽ không được thực hiên", rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội Pãcittiya. Sự không tôn trọng pháp nghĩa là khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều đã được quy đinh, vị [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để điều này có thể được hủy bỏ, hoặc được thủ tiêu, hoặc được biến mất?" hoặc là vi không có ý muốn học tập điều ấy, rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội Pâcittỉya. Vị dãtu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội Pãcittiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị thể hiện

Sự không tôn trọng thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi đang được vi đã tu lên bậc trên nói vê điêu không được quy định, vị [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực", rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội Dukkata. Khi đang được vi chưa tu lên bậc trên nói vê điêu đã được quy đinh hoặc không được quy định, vị [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ Iịtc", rồi thể hiện sự không tôn

trọng thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị nói rằng: "Sự học tập, sự giải thích của các vị thầy dạy học của chúng tôi là như vậy,\ vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về sự không tôn trọng là thứ tư. —ooOoo—

6.6.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM CHO KINH sợ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm các vi Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư kinh sợ. Trong lúc bị làm cho kinh sợ, các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này các Đại dức, vì sao các vị khóc lóc? -Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này đã làm chúng tôi kinh sợ. r .L Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại làm vị Tỳ-khiru kinh SỌT?” ...(nt) Này các Tỳ-khiru, nghe nói các ngươi làm vị Tỳ-khưu kinh sợ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại làm vị Tỳ-khưu kinh sợ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khmi, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "P7 Tỳ-khưu nào làm vỉ Tỳ-khưu kinh sợ thì phạm tội Pãcỉttiyay

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 503

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là "vi Tỳ-khưu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Là vi Tỳ-khưu khác. Làm kỉnh sợ: Vị đã tu lên bậc trên có ý đinh làm kinh sợ vị đã tu lên bậc trên, rồi đem lại cảnh sắc, hoặc cảnh thinh, hoặc cảnh khí, hoặc cảnh vị, hoặc cảnh xúc thì phạm tội Pācittiya. cho dầu vi kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị kể về sự nguy hiểm của trộm cướp, hoặc sự nguy hiểm của thú dữ, hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ thì phạm tội Pãcỉttiya. cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bi kinh sợ. Vị dātu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị làm kinh sợ thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị làm kinh sợ thì phạm tội Pãcittiya. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vi làm kinh sợ thì phạm tội Pâcỉttỉya. Có ý định làm kinh sợ vị chưa tu lên bậc trên, rồi đem lại cảnh sắc, hoặc cảnh thinh, hoặc cảnh khí, hoặc cảnh vi, hoặc cảnh xúc thì phạm tội Dukkata, cho dầu vi kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị kể về sự nguy hiểm của trộm cướp, hoặc sự nguy hiểm của thú dữ, hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ thì phạm tội Dukkata. cho dầu vi kia bi kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vi chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vi chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkaịa. 6.1 Vị không có ý định làm kinh sợ, rồi đem lại cảnh sắc, hoặc cảnh thinh, hoặc cảnh khí, hoặc cảnh vi, hoặc cảnh xúc; [hay là] kể về sự nguy hiểm của trộm cướp, hoặc sự nguy hiểm của thú dữ, hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ; vi bị điên; vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về việc làm cho kỉnh sợ là thứ năm. • • •

—ooOoo—

6.6.6. ĐIỀU HỌC VỀ NGỌN LỬA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, thành Susumãragira, trong rừng Bhesakalâ, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, trong tháng mùa lạnh, các Tỳ-khưu sau khi đốt lên ngọn lửa ở khúc gỗ lớn có lỗ hổng nọ, rồi sưởi ấm. Và ở trong lỗ hổng ấy có con rắn đen bị đốt nóng bởi ngọn lửa nên bò ra ngoài và tấn công các vị Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã chạy nơi này, nơi nọ. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu lại đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm?,, ...(nt).

1 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 3, 4, 5), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đoi chiếu (BBT).

-Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm, có đúng không vậy? - Bạch Thể Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rô dại ây lại đót lên ngọn lửa rồi sưởi ấm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điêu học này như vây: "Vi Tỳ-khưu nào có ỷ đinh sưởi âmf roi đót lên hoặc bảo đót lên ngọn lửa thì phạm tội Pãcittỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khiru như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khiru bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu bị bệnh điều này: -Này các Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? Này các Đại dức, trước đây, chúng tôi đót lên ngọn lửa roi sưởi âm, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ dây, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán,\ trong lúc ngần ngại nên không sưởi ấm; vì thế chúng tôi không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu; Ta cho phép vi Tỳ-khưu bị bệnh đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa, rồi sưởi ấm. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào không bỉ bệnh, có ỷ định sưởi âm, roi đót lên hoặc bảo đót lên ngọn lửa thì phạm tội Pãcỉttiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại ngay cả trong việc thắp đèn, trong việc đốt lửa, luôn cả ở nhà tắm hơi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa khi có các nhân duyên như thế. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào không bi bệnh, có ỷ đinh sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội Pãcỉttiya, ngoại trừ có nhân duyên như thê y 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Ty-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này. Không bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có ngọn lửa. Bi bệnh nghĩa là vi không có sự thoải mái khi không có ngọn lửa. Có ý đinh sưởi ấm: Có ý muốn hơ nóng.

Ngọn lửa nghĩa là lửa được đề cập đến. Đốt lên: Vị tự mình đốt lên thì phạm tội Pãcittiya. Bảo đốt lên: Vị ra lệnh người khác thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi được ra lệnh một lần, dầu [vị kia] đốt nhiều lần, vị [ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcittiya. Ngoại trừ

có nhân duyên như thế: Trừ ra có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vi có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội Pãcỉttiya. ngoại trừ có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, [lầm] tưởng là bi bệnh, vi có ý đinh sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt a — * r lên ngọn lửa thì phạm tội Pãcỉttỉya. ngoại trừ có nhân duyên như thê. Vị nhặt lên khúc củi đang cháy thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh, [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội Dukkata. Bi bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Bi bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội. Vị bi bệnh, vị sưởi ấm khi [ngọn lửa] đã được thực hiện bởi vị khác, vị sưởi ấm ở chỗ tro tàn [không còn ngọn lửa], khi thắp đèn, khi đốt lửa [nung bình bát], ở trong nhà tắm hoi, ngoại trừ có nhân duyên như thế, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về ngọn lửa là thứ sáu. —ooOoo—

6.6.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC TẮM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi Ị" : r nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu thường tăm ở dòng sông Tapodâ.2 Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha [nghĩ rằng]: “Ta sẽ gội du", rồi đã đi đến sông Tapodâ và đã chờ đợi ở một bên [nghĩ rằng]: "Đến khi các ngài Đại đức tắm xong." Các Tỳ-khưu đã tắm đến khi trời tối hẳn. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha, sau khi gội đau xong vào ban đêm thì cửa thành đã đóng nên đã ngụ lại bên ngoài thành. Vào lúc sáng sớm, đức vua với dầu thoa chưa được tẩm hương đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đên đã đảnh le đức The Ton roi ngoi xuong ơ mọt ben. Đức The Ton đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đang ngồi một bên điều này: Tâu Đại vương, vì sao ngài lại đến sớm với dầu thoa chưa được tẩm hương? Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã trình sự việc ấy lên đức The Ton.

2 Tapodā (nghĩa là nước nóng), vừa là tên của một cái hồ, vừa là tên của một dòng sông. Nước ở hồ thì mát nhưng khi ra đến dòng song thì nóng (TTTDPGVN, tập 10, tr. 148; TTP v. tạp l, Phân tích Giới Tỳ-khưuBiều Pārājika thứ 4, tr. 253).

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, băng bài pháp thoại. Sau đó5 khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, rồi đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy ngay cả đức vua vẫn tắm không biết chừng mực? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rô dại ây sau khi nhìn thây ngay cả đức vua vân tăm không biêt chừng mực vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa thảng thì phạm tội Pâcỉttỉyay

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, nhằm lúc trời nóng nực, nhằm lúc trời oi bức, các Tỳ" khưu trong lúc ngần ngại không tắm, rồi đi ngủ với thân thể đẫm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi bi dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, vào lúc trời nóng nực, vào lúc trời oi bức, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tắm khỉ chưa đủ nửa thảng thỉ phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩrằng]: "Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng" và thảng đau tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức; đảy là duyên cớ trong trường hợp ấy." Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 4. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu bị bệnh điêu này: -Này các Đại dức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? —Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi tăm khi chưa đủ nửa tháng, nhờ thê chúng tôi được thoải mái. Giờ đây [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngân ngại nên không tăm; vì thê chúng tôi không được thoải Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thể Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bi bệnh tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 507

"Vị Tỳ-khưu nào tắm khỉ chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ây là [biêt răng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng 'và tháng đau tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bỉ bệnh; đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi thực hiện công trình mới, trong lúc ngân ngại không tăm, roi đi ngủ với thân thê đâm mô hôi. Y và chô năm ngôi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp có công việc, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tắm khỉ chưa đủ nửa thảng thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩ rằng]: 'Một thảng rưỡi còn lại của mùa nóng fvà tháng đau tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bỉ bệnh, trường hợp có công việc; đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi đi đường xa, trong lúc ngàn ngại không tắm, rồi đi ngủ với thân thể đẫm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). —Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp đi đường xa, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ây là [nghĩ răng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đau tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bỉ bệnh, trường hợp có

công việc, trường hợp đi đường xa; đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 7. Vào lúc bấy giờ, nhiều vi Tỳ-khưu trong khi thực hiện việc may y ở ngoài trời đã bị bao phủ bởi cơn gió có bụi, và trời thì mưa lâm râm. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngân ngại không tăm, roi đi ngủ với thân thê bi âm ướt. Y và chô năm ngồi bi dơ bẩn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp mưa gió, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

508 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

^Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa thảng thì phạm tội Pãcừtiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩrằng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng 'và thảng đau tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bỉ bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xaf trường hợp mưa gió; đây là duyên cớ trong trường hợp ấyy 8. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt).. Vị này là "vị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa đủ nửa tháng: Chưa tới nửa tháng. Tắm: Vị tắm với bột tắm hoặc với đất sét, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Khi hoàn tất việc tam thì phạm tội Pãcittiya. Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ. Lúc trời nóng nực nghĩa là một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng. Lúc trời oi bức nghĩa là tháng đầu tiên của mùa mưa [nghĩ rằng]: "Nhu vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức^, rồi nên tắm. Trường hợp bi bệnh nghĩa là vị không có thoải mái khi không tắm [nghĩ rằng]: "Trường hợp bi bênh" rồi nên tắm. Trường hợp có công việc nghĩa là nẹay cả việc căn phòng được quét bụi [nghĩ rằng]: "Trường hợp có công viec" roi nên tăm. Trường hợp đi đường xa nghĩa là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi nửa do-tun"3 rồi nên tắm. Vị sắp sửa đi thì nên tắm. Vị đã đi thì nên tắm. Trường hợp mưa gió nghĩa là các vị Tỳ-khưu đã bi bao phủ bởi cơn gió có bụi, hoặc là hai hoặc ba giọt nước mưa đã rơi trên thân thể [nghĩ rằng]: "Trường hợp mưa gi6" rồi nên tắm. Chưa đủ nửa tháng, nhận biết là chưa đủ, vị tắm thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ có duyên cớ. Chưa đủ nửa tháng, có sự hoài nghi, vị tắm thì phạm tội Pãcỉttỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Chưa đủ nửa tháng, [lam] tưởng là đã hơn, vị tắm thì phạm tội Pãcỉttỉya. ngoại trừ có duyên cớ. Hơn nửa tháng, [lâm] tưởng là chưa đủ thì phạm tội Dukkata. Hơn nửa tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hơn nửa tháng, nhận biết là đã hơn thì vô tọi. Khi có duyên cớ5 vị tắm khi được nửa tháng, vi tắm khi hơn nửa tháng, vị tắm khi đi sang bờ bên kia sông, ở tất cả các xứ sở vùng biên địa,3 4 trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc tắm là thứ bảy. —ooOoo—

3 Tương đương 5 miles, hoặc 8km (theo The Buddhist Monastic Code). 4 Xem chi tiết ở TTTĐPGVN, tập 11, tr. 261; TTPV, tập 4, Mv. I, chương v, tr. 512-15.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 509

6.6.8. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC LÀM HOẠI SẮC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, nhiều vi Tỳ-khưu và các du sĩ ngoại đạo đang đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa

đường, bọn trộm cướp đã xuat hiện và cướp bóc các vị áy. Quân lính của đức vua xuat phát từ thành Sāvatthi, sau khi bắt được bọn cướp ấy cùng với đồ đạc đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: - Các Đại đức hãy đi đến, các vị hãy nhận ra y của chính mình rồi hãy lấy. Các vị Ty-khxru không nhận ra. Những người áy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại không nhận biết y của chính bản thân?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu, rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu VÌ mười điêu lợi ích: Nhăm đem lại sự tót đẹp cho hội chúng, ...(nt)... nhăm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nhận được y mới nên áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sác là màu xanh, màu bùn, màu đen sâm. Nêu vi Tỳ-khiru không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc mà sử dụng y mới thì phạm tội Pãcittiyay 3. Mới nghĩa là đề cập đến việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y. Nên áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc: Nên áp dụng dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa. Màu xanh nghĩa là có hai loại màu xanh: Màu xanh của rỉ đồng và màu xanh lá cây. Màu bùn nghĩa là nước [bùn] được đề cập đến. Màu đen sẫm nghĩa là bất cứ [phẩm màu] gì liên quan đến màu đen. Nếu vị Tỳ-khưu không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc: Sau khi không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc, dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa, vi sử dụng y mới thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi chưa áp dụng, nhận biết là chưa áp dụng, vị sử dụng thì phạm tội Pācittiya. . y dụng, có sự hoài nghi, vị" sử dụng thì phạm tội Khi chưa áp : Pãcittiya, Khi chưa áp dụng, [lâm] tưởng là đã áp dụng, vị sử dụng thì phạm tội Pãcittiya.

Khi đã áp dụng, [lầm] tưởng là chưa áp dụng thì phạm tội Dukkata. Khi đã áp dụng, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã áp dụng, nhận biết là đã áp dụng thì vô tội. Sau khi áp dụng rồi sử dụng, việc làm thành đúng phép bi hư hoại, chỗ đã thực hiện việc làm thành đúng phép bi sờn, [y] chưa được làm thành đúng phép được may chung với [y] đã được làm thành đúng phép, khi có miếng vá, khi có làm đường viền, khi có sự mạng lại, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc làm hoại sắc là thứ tám. —ooOoo—

6.6.9. ĐIỀU HỌC VÈ CHÚ NGUYỆN ĐỂ DÙNG CHUNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện # r • : e của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đích thân chú nguyện đê dùng chung y đên vị Tỳ-khiru là đệ tử của người anh, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện [của vị ấy]. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu: Này các Đại đức, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā này, sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến tôi, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện. Các Tỳ-khưu ít ham

muốn, ..(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vi Tỳ-khiru5 lại sử dụng khi chưa có sự xả lời n^ujen?" ...(nty Này upananda, nghe nói ngươi sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vi Tỳ-khưu? lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳ-khxru, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: Ỹ r "Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ đích thân chủ nguyện đê dùng chung y đên vỉ Tỳ-khưuf hoặc đên vỉ Tỳ-khưu-ni, hoặc đên vỉ Ni tu tập sự, hoặc đên vỉ Sa-di, hoặc đen vỉ Sa-dỉ-nif lại sử dụng khỉ chưa có sự xả lời nguyện thì phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,, được đề cập trong ý nghĩa này.

Đen vi Tỳ-khưu: Là đến vi Tỳ-khưu khác. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ thực hành sự học tập vê sáu pháp trong hai năm. Sa-di nghĩa là người nam tu tập theo mười điều học. Sa-di-ni nghĩa là người nữ tu tập theo mười điều học. Đích thân: Sau tự mình chú nguyện để dùng chung. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung. Sự chú nguyện để dùng chung nghĩa là có hai sự chú nguyện để dùng chung: Sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt. Sự chú nguyện để dùng chung có mặt nghĩa là [nói rằng]: "Tôi chú nguyện để dùng chung y này đến ngươi hoặc đến vị tên [như vy]." Sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt nghĩa là [nói rằng]: "Tôi trao y này đến ngươi vì mục đích chú nguyện để dùng chung." Vị kia nên nói rằng: "Ai là bạn bè hoặc là người thân thiết của ngài?" "Vị tên [như vầy] và tên [như v2y]." Vị kia nên nói răng: "Tôi sẽ trao cho những người ây. Ngài hãy sử dụng vật sở hữu của những người ây, hoặc ngài hãy phân phát, hoặc ngài hãy tiên hành như là có duyên CÓC' Chưa có sự xả lời nguyện nghĩa là chưa được cho lại5 đến vị ấy hoặc là vị ấy sử dụng trong khi không có thân thiết với vị kia thì phạm tội Pãcittiya. Chưa có sự xả lời nguyện, nhận biết là chưa có sự xả lời nguyện, vi sử dụng thì phạm tội Pãcittiya. Chưa có sự xả lời nguyện, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội Pãcittiya. Chưa có sự xả lời nguyện, [lam] tưởng là đã có sự xả lời nguyện, vi sử dụng thì phạm tội Pãcittiya. Vị chú nguyện đê dùng riêng hoặc vị phân phát [y áy] thì phạm tội Dukkata. Có sự xả lời nguyện, [lầm] tưởng là chưa có sự xả lời nguyện thì phạm tội Dukkata. Có sự xả lời nguyện, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Có sự xả lời nguyện, nhận biết là đã có sự xả lời nguyện thì vô tội. Hoặc là vi kia cho lại, hoặc là vị ấy [vị chủ nhân] sử dụng trong khi thân thiết với vị kia, vi bi điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học về chú nguyện để dùng chung là thứ chín. —ooOoo—

5 Nghĩa là vị kia chưa nói với vị chủ nhân của y rằng: "Ngài hãy sử dụng, hoặc ngài hãy phân phát, hoặc ngài hãy tiến hành như là có duyên c6" (VinA. IV. 864).

6.6.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THU GIẤU Y 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư có các vật dụng không được cất giữ. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thu giấu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khxru nhóm Mười Bảy Sư. Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư điều này: Này các Đại dức, hãy cho lại chúng tôi bình bát và luôn cả y nữa. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cười. Các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vây: -Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc? Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này thu giấu bình bát và luôn cả y của chúng tôi. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thu giấu bình bát và luôn cả y của các Ty-khưu?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thu giâu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khưu, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại thu giấu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ,..(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào thu giâu hoặc bảo thu giâu bình bát, hoặc yf hoặc tâm lót ngôif hoặc ông đựng kim, hoặc dây that lưng của vi Tỳ-khưuf cho dâu chỉ muôn cười giỡn thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu:...(nt).. Vị này là "vị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Của vi Tỳ-khưu: Là của vị Tỳ-khiru khác. Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung. Tấm lót ngồi nghĩa là vật có đường biên được nói đến. Ống đựng kim nghĩa là có kim hoặc không có kim. Dây thắt lưng nghĩa là có hai loại dây thắt lưng: Loại tết bằng vải sợi, loại tết kiểu đuôi heo. Thu giấu: Vị tự mình thu giấu thì phạm tội Pãcittỉya.

Bảo thu giấu: Vi ra lệnh vi khác thì phạm tội Pãcittiya. Khi được ra lệnh một lần, dầu [vị kia] thu giấu nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcittỉya. Cho dầu chỉ muốn cười giỡn: Là có ý định đùa nghịch. Vi đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát, hoặc y, hoặc tấm lót ngồi, hoặc ống đựng kim, hoặc dây thắt lưng, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi dātu lên bậc trên, có sự hoài nghi, ...(nt).. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát, hoặc y, hoặc tấm lót ngồi, hoặc ống đựng kim, hoặc dây thắt lưng, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội Pãcittiya. Vị thu giấu hoặc bảo thu giấu vật dụng khác, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội Dukkata. Vi thu giâu hoặc bảo thu giâu bình bát, hoặc y, hoặc vật dụng khác của người chưa tu lên bậc trên, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkaịa. Không có ý định đùa giỡn, vị thu dọn vật được để lộn xộn, vị thu dọn [nghĩ rằng]: “Ta sẽ cho lại sau khi thuyết giảng bài pháp”, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc thu giấu y là thứ mười. Phẩm Uống rượu là thứ sáu. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn [ở trong nước], sự không tôn trọng, sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tăm, việc hoại sc, đích thân [chú nguyện] và việc thu giấu. —ooOoo—

514 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

6.7. PHẨM CÓ SINH VẬT

6.7.1. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC cố Ý [GIẾT] SINH VẶT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là cung thủ. Và các con quạ làm vị ây không vui. Vị ây sau khi lân lượt băn trúng các con quạ roi đã chặt đầu và cắm thành xâu ở cây cọc nhọn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: -Này Đại đức, ai đã đoạt lấy mạng sống các con quạ này vậy? Này các Đại đức, chính tôi. Các con quạ làm tôi không vui. 2. Các Tỳ-khiru ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao Đại đức Udāyi lại cô ý đoạt lây mạng sông sinh vát?” ...(nt). Này Udāyi, nghe nói ngươi cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật5 có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khun, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim nào cố ỷ đoạt lấy mạng sống sỉnh vật thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj Ty-khuu95 được đề cập trong ý nghĩa này. Cố ý: Sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định. Sỉnh vật nghĩa là đề cập đến sinh vật là loài thú. Đoạt lấy mạng sống: Vị cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp noi thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sinh vật, nhận biêt là sinh vật, vị đoạt lây mạng sông thì phạm tội Pãcỉttiya. Sinh vật, có sự hoài nghi, vị đoạt lấy mạng sống thì phạm tội Dukkata, Sinh vật, [lầm] tưởng không phải là sinh vật, vi đoạt lấy mạng sống thì vô tội. 4. Không phải là sinh vật, [lâm] tưởng là sinh vật thì phạm tội Dukkata. Không phải là sinh vật, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là sinh vật, nhận biết không phải là sinh vật thì vô tội.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 515

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị không có ý định gây tử vong, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc cố ý [giết] sinh vật là thứ nhất. —ooOoo—

6.7.2. ĐIỀU HỌC VỀ [NƯỚC] có SINH VẶT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biêt nước có sinh vật vân sử dung?^ ..(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ y y

biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng thì phạm tội Pâcỉttiyay 2. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là uvị Tykhưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác thông báo cho vị ấy. Trong khi biết rằng: "C6 sinh vậf\ trong khi biết rằng: "Chúng sẽ bi chết do việc sử dụng", vi sử dụng thì phạm tội Pãcitíiya. Có sinh vật, nhận biết là có sinh vật, vị sử dụng thì phạm tội Pãcittiya. Có sinh vật, có sự hoài nghi, vi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Có sinh vật, [lầm] tưởng là không có sinh vật, vị sử dụng thì vô tội. Không có sinh vật5 [làm] tưởng là có sinh vật thì phạm tội Dukkata. Không có sinh vật, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không có sinh vật, nhận biết là không có sinh vật thì vô tội. Trong khi biết rằng: "IQiông có sinh vậf\trong khi biết rằng: “Chúng sẽ không bị chết do việc sử dụng" rồi sử dụng, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về [nước] có sinh vật là thứ nhì. —ooOoo—

6.7.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC KHƠI LẠI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa [nói rằng]: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, nên được thực hiện lại, hành sự chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai, nên được giải quyết lại?9 Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư trong khi biêt sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu? nghe nói các ngươi trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa, có đúng khống vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi trong khi biêt sự tranh tụng đã được giải quyêt đúng theo pháp vân khơi lại đê làm hành sự lân nữa vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa . * _ e er CÓ đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào trong khỉ biết sự tranh tụng đã được giải quyết đủng theo pháp van khơi lại đe làm hành sự lan nữa thì phạm tội Pãcittiyay 2. Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tykhưu” được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vi ấy, hoặc là vị kia thông báo. Đúng theo pháp nghĩa là được thực hiện theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư; việc này gọi là đúng theo pháp. Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Khơi lại để làm hành sự lần nữa: Vị khơi lại [nói rằng]: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, nên được thực hiện lại, hành sự chưa được giải quyêt, đã được giải quyêt sai, nên được giải quyêt lại" thì phạm tội Pâcittỉya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị khơi lại thì phạm tội Pãcỉttiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị khơi lại thì phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi khơi lại thì vô tội.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội. Vị khơi lại trong khi biết ràng: "Hành sự đã được thực hiện hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không đáng bị hành su", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc khơi lại là thứ ba. —ooOoo—

6.7.4. ĐIỀU HỌC VÈ TÔI XẤU XA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thông báo đến vi Tỳ-khưu là đệ tử của người anh rang: Này Đại dức, tôi đã vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý. Chớ thông báo cho bất cứ ai. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã cầu xin hội chúng hành phạt Parivãsa của tội ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt Parivãsa của tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành Parivãsa, vị nọ sau khi nhìn thây vị Tỳ-khưu ây đã nói điêu này: Này Đại đức, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý, tôi đã cầu xin hội chúnệ hành phạt Parỉvãsa của tội ấy. Hội chúng đã ban hành phạt Parỉvâsa của tội ấy đến tôi đây. Tôi đây đang thực hành Parivãsa. Này Đại đức, tôi xin trình báo. Đại đức hãy ghi nhận về tôi là: “Vi có trình bao.^ 2. Này Đại dức, vị nào khác vi phạm tội này, có phải vi ấy cũng làm như vầy? —Này Đại đức, đúng vậy. Này Đại đức, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā này, sau khi vi phạm tội làm xuât ra tinh dịch có sự cô ý, vị ây đã thông báo đên tôi răng: "Chớ thông báo cho bất cứ ai." Này Đại đức, có phải Đại đức đã che giấu?

Này Đại đức, đúng vậy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ- khưu trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ-khưu vẫn che giấu?" ...(nt) - Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ-khiru vẫn che giấu, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

518 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ- khưu vẫn che giấu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khim nào trong khỉ biết tội xấu xa của vi Tỳ-khưu vẫn che giấu thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là Ty-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này. Của vi Tỳ-khưu nghĩa là của vị Tỳ-khưu khác. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vi kia thông báo. Tội xấu xa nghĩa là bốn tội Pārājika và mười ba tội Sañghādisesa, Che giấu: Vị [nghĩ rằng]: "Sau khi biết được điều này, các vị sẽ quở trách, các vị sẽ nhắc nhở, các vị sẽ rầy la, các vi sẽ chê bai, các vị sẽ làm cho xấu hổ; ta sẽ không thông báo", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Tội xấu xa, nhận biết là tội xấu xa, vị che giấu thì phạm tội Pãcittiya. Tội xấu xa, có sự hoài

nghi, vị che giấu thì phạm tội Dukkata. Tội xấu xa, [lầm] tưởng là tội không xấu xa, vi che giấu thì phạm tội Dukkata. Vị che giấu tội không xấu xa thì phạm tội Dukkata. Vi che giấu sự vi phạm xấu xa hoặc không xấu xa của người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Tội không xấu xa, [lầm] tưởng là tội xấu xa thì phạm tội Dukkata. Tội không xấu xa, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Tội không xấu xa, nhận biết là tội không xấu xa thì phạm tội Dukkata. Vi [nghĩ răng]: "Sẽ có sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đên hội chúng" roi không thông báo5 vị [nghĩ răng]: "Sẽ có Sự chia rẽ hội chúng hoặc là sự bát đông trong hội chúng,, roi không thông báo, vi [nghĩ răng]: "Vj này hung bạo thô lô sẽ gây nguy hiêm đên mạng sông hoặc nguy hiểm đến Phạm h@nh" rồi không thông báo, trong khi không nhìn thấy các Tỳ-khưu thích hợp khác rồi không thông báo, vị không có ý định che giấu rồi không thông báo, vị [nghĩ răng]: "Sẽ được nhận biêt do hành động của chính vị ấy" rồi không thông báo, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về tội xấu xa ỉa thứ tư. —ooOoo—

6.7.5. ĐIỀU HỌC VÈ NGƯỜI KÉM HAI MƯƠI TUỔI L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha, có nhóm mười

bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên Upâli là thủ lãnh của chúng. Khi ấy, cha mẹ của upâli đã khởi ý điều này: "C6 phương cách gì để sau khi chúng ta từ trần, Upâli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?,, Rồi cha mẹ của upâli đã khởi ý điều này: "Nếu Upâli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ trần, upâli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.,, Rồi cha mẹ của upâli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bi dàu." Rồi cha mẹ của Ưpâli đã khởi ý điều này: "Nếu upâli có thể học tính toán, như thế, , > 7 r * :

sau khi chúng ta từ trân, upâli có thê sông thoải mái và không bị cực nhọc.,, Rồi cha mẹ của upâli đã khởi ý điều này: "Nếu Ưpâli học tính toán thì ngực sẽ bi đau. Nếu upâli có thể học hội họa, như thế sau khi chúng ta từ trần, upâli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.,, Rồi cha mẹ của Upâli đã khởi ý điều này: "Nếu Upâli học hội họa thì các con mắt sẽ bi đau. 2. Còn những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon, roi năm ngủ trên những cái giường kín gió, nêu Upâli có thê xuât gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thê sau khi chúng ta từ trân, upâli có thê sông thoải mái và không bị cực nhoe." Thiếu niên Upãli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đổi này của cha mẹ. 9 r 9 r v . r

Sau đó, thiêu niên Upâli đã đi đên gặp những thiêu niên ây, sau khi đên đã nói với những thiêu niên ây điêu này: —Này các bạn, hãy đến, chúng ta sẽ xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử. -Này bạn, nếu bạn sẽ xuất gia, như thế chúng tôi cũng sẽ xuất gia. 3 Sau đó, những thiêu niên ây đã đi đên gặp cha mẹ của từng người một và đã nói điều này: -Hãy cho phép chúng con rời nhà xuất gia, sống không nhà. Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy [nghĩ rằng]: "Tất cả những đứa trẻ này có cùng ước muôn, có ý

đinh tót dqp" roi đã châp thuận. Chúng đã đi đên gặp các Tỳ-khưu và cầu xin sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho chúng xuất gia và đã cho tu lên bậc trên. Các vị ấy, vào lúc hừng sáng của đêm, sau khi thức dậy khóc lóc rằng: Hãy cho cháo, hãy cho bữa ăn, hãy cho vật để nhai. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: -Này các Sư đệ, hãy chờ đen khi trời sáng. Nêu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nếu có bữa ăn thì các đệ sẽ ăn, nếu có vật để nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu cháo, hoặc bữa ăn, hoặc vật để nhai không có thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khất thực. Mặc dầu được các Tỳ-khưu nói như thế, các Tỳ-khưu [thiếu niên] ấy cũng vẫn khóc lóc rang: -Hãy cho cháo, hãy cho bữa ăn, hãy cho vật để nhai.

Rồi họ đã tiêu tiểu ở chỗ nằm ngồi. Đức Thế Tôn sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm đã nghe được tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rang: Này Ānanda, tiêng của các đứa trẻ ây là gì vậy? Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 4. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, rồi đã hỏi các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(lít)...Này các Tỳ-khiru, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên vậy? Này các Tỳ-khưu, người chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chiu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu? người đã được hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ kho, nhức nhoi, khốc liệt, sác bén, gay găt? không chút thích thú, khó chịu, chét người thuộc vê cơ thê đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên thì người ấy chưa được tu lên bậc trên và các vi Tỳ-khưu ấy bỉ chê trách; đây là tội Pãcỉttỉya trong trường hợp ấyy 5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo. Người chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là người chưa đạt được hai mươi tuổi. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho tu lên bậc tren^, rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu]9 hoặc vi thầy [đọc tuyên ngôn], hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata, Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự, thầy tế độ phạm tội Pãcỉttỉya. nhóm [chứng minh] và vi thầy [đọc tuyên ngôn] phạm tội Dukkata,

Người chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vi cho tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya. Người chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, vi cho tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya. Người chưa đủ hai mươi tuổi, A 2- e . 2. • < - [lâm] tưởng là tròn đủ hai mươi tuổi, vi cho tu lên bậc trên thì vô tội. Người tròn đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội Dukkata. Người tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Người tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là tròn đủ hai mươi tuổi thì vô tội. Vi cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi [lầm] tưởng là tròn đủ hai mươi tuôi, vi cho tu lên bậc trên người tròn đủ hai mươi tuổi khi nhận biêt là tròn đủ hai mươi tuổi, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.1 Điều học về người kém hai mươi tuổi là thứ năm. -ooOoo-

6.7.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC l. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, có đoàn xe nọ có ý định đi ve phía tây của thành Rājagaha. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với những người ấy điều này: —Tôi cũng sẽ cùng đi với quý vị. -Thưa ngài, chúng tôi sẽ đi vòng tránh trạm thuế. —Này các đạo hữu, các người tự biết lấy. Những viên chức đã nghe được răng: "Nghe nói đoàn xe sẽ đi vòng tránh trạm thuế" nên họ đã canh giữ các con đường. Sau đó, những viên chức ấy đã bắt được đoàn xe ấy, đã tịch thu, rồi đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Thua ngài, vì sao trong khi ngài biết mà vẫn đi chung với đám người đạo tặc?" Sau khi giữ lại, họ đã thả ra. Sau đó, vi Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ-khưu trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc?" ..(nt) -Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không

1 Vì là trường hợp đầu tiên nên nhóm 17 thiếu niên ấy vẫn là Tỳ-khựu, dầu chưa đủ 20 tuổi. Các vị này thường khóc lóc khi bi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư hiếp đáp hoặc vẫn còn những hành đông của trẻ nít nhự đi xem lễ hội (điếu Pācittiya 37), chơi giỡn ở trong nước (điều Pãcỉttiya 53), để đồ đạc bừa bãi (điều Pãcittiya 60), v.v... (ND).

đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào trong khỉ biết vẫn hẹn trước, rồi đì chung đường xa với đám người đạo tặc ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcittỉyay 2. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ..(nt)... Vị này là uvị Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo. Đám người đạo tặc nghĩa là bọn trộm cướp có các hành động đã được thực hiện, hoặc có các hành động chưa được thực hiện, hoặc là họ đi trộm của các vị vua, hoặc đi vòng tránh trạm thuế. Với: Cùng chung. [Sau khi] hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: "Này các đạo hữu, chúng ta hãy di." "Thua ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy di." "Này các đạo hữu, chúng ta hãy đi. Hôm

nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai, chúng ta hãy di" thì phạm tội Dukkata, Ngay cả từ làng này sang làng khác: ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trông thì phạm tội Pâcỉttỉya theo môi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng thì phạm tội Pâcỉttỉya theo từng khoảng cách nửa do-tuần. Đám người đạo tặc, nhận biết là đám người đạo tặc, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcỉttiya, Đám người đạo tặc, có sự hoài nghi, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Dukkata, Đám người đạo tặc, [lầm] tưởng không phải là đám người đạo tặc, vi hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì vô tội. Vị Tỳ-khưu hẹn trước còn đám người không hẹn trước thì phạm tội Dukkata, Không phải là đám người đạo tặc, [lầm] tưởng là đám người đạo tặc thì phạm tội Dukkata. Không phải là đám người đạo tặc, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là đám người đạo tặc, nhận biết không phải là đám người đạo tặc thì vô tội. Sau khi không hẹn trước rồi di, đám người hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, vị đi ngoài giờ hẹn ước, trong những lúc có sự cô, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về đám người đạo tặc là thứ sáu. —ooOoo—

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 523

6.7.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đi đến thành Sāvatthi, ở trong xứ Kosala đã đi ngang qua cổng làng nọ. Có người đàn bà nọ sau khi gây gổ với chồng đã đi ra khỏi làng, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này: Thưa ngài, ngài Đại đức sẽ đi đâu? Này chi gái, tôi sẽ đi thành Sāvatthi. -Tôi sẽ cùng đi với ngài Đại đức. - Này chị gái, cô có thể đi. Sau đó5 chông của người đàn bà ây đã đi ra khỏi làng và đã hỏi dân chúng răng: —Này quý vi, quý vi có nhìn thây người đàn bà hình dáng như vây không? Này ông, cô áy đi với vị xuât gia roi. Sau đó, người đàn ông ây đã đuôi theo và năm lây vi Tỳ-khưu ây, đã đánh đập, rồi thả ra. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy trong lúc giận dỗi đã n^ồi xuống ở gốc cây nọ. Khi ây? người đàn bà ây đã nói với người đàn ông ây điêu này: Này ông, vi Tỳ-khưu ấy đã không dụ dỗ tôi di, mà chính tôi đi chung với vị Tỳ-khưu ấy. Vị Tỳ-khưu ấy không làm gì cả. Hãy đi đến và xin lỗi vi ấy. Khi ấy5 người đàn ông ấy đã xin lỗi vi Tỳ-khưu ấy. 2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ"khưu lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ*?” ...(nt)7 -Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)...Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vi Tỳ-khưu,5 được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, khônẹ phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói

tốt và lời nói xàu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

524 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Với: Cùng chung. [Sau khi] hẹn trước: Vị hẹn trước răng: "Này chị gái, chúng ta hãy di." "Thua ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy di." "Này chị gái, chúng ta hãy đi. Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai, chúng ta hãy di" thi phạm tội Dukkata, Ngay cả từ làng này sang làng khác: ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội Pãcỉttiya theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng khoảng cách nửa do-tuần. Người nữ, nhận biết là người nữ, vi hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcittỉya. Người nữ, có sự hoài nghi, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pãcittiya. Vị Tỳ-khưu hẹn trước, còn người nữ không hẹn trước thì phạm tội Dukkata, Vi Tỳ-khưu hẹn trước, rồi đi chung đường xa với nữ dạ-xoa, hoặc với ma nữ, hoặc với người vô căn, hoặc với loài thú cái hình người ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội. Sau khi không hẹn trước roi đi, người nữ hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, vị đi ngoài giờ hẹn ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiến thì vô tọi. Điều học về việc hẹn trước là thứ bảy. —ooOoo—

6.7.8. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ ARITTHA l. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu tên Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nhiều vị Tỳ-khưu đã nghe được rằng: "Nghe nói Tỳ-khmi tên Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiêu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.9,5

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA « 525

2. Sau đó, các Tỳ-khiru ấy đã đi đến gặp Tỳ-khiru Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, sau khi đên đã nói với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng điêu này: Này Đại đức Arittha, nghe nói Đại đức đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hanh", có đúng không vậy? Này các Đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. -Này Đại đức Arittha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì

việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức Arittha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại ấy có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng: Dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt,...(nt).. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc Cỏ, ...(nt).. Dục tình đã được đức Thê Tôn giảng giải như là hô than cháy rực, ..(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mo, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn,..... (nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây, ..(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, ...(nt).. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. 3. Khi được các Tỳ-khưu ấy nói như thế, Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng do có sự ngoan cô, chấp giữ và bảo thủ tà kiên ác M A y r -l • Ả 'M JT ây nên vân phát biêu giông như thê: Này các Đại dức, đúng như vậy. Theo như tôi hiêu vê pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Và như thế, các Tỳ-khưu ấy đã không thể giúp cho Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng:

Này Arittha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vầy: “Theo như ta hiêu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành”, có đúng không vậy? Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đen sự chướng ngại cho người thực hành. Này kẻ rô dại, vì sao ngươi lại hiêu pháp được Ta thuyêt giảng là như thê? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành? Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều kho đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là bộ xương, ...(nt)...Dục tình đã được Ta giảng giải như là miếng thịt, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là cây đuốc cỏ, ...(nt).. Dục tình đã được Ta giảng giải như là hố than cháy rực, ...(nt).. Dục tình đã được Ta giảng giải như là giấc mo,...(nt).. Dục tình đã được Ta giảng giải như là vật vay mượn, ..(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là trái trên cây, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là lò sát sanh,...(nt).. Dục tình đã được Ta giảng giải như là mũi lao nhọn, ...(nt)...Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiêu khô đau, nhiêu ưu

phiên, ở đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. 5. Và này kẻ rồ dại, hơn nữa ngươi không những vu khống Ta do sự hiểu biêt sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tôn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều vô phước nữa. Này kẻ rồ dại, bởi vì điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nói như vây: 'Theo như ta hiếu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn giảng giải không có khả năng đem đen sự chướng ngại cho người thực hành.Vi Tỳ-khiru ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Đại đức chớ có nói như thế. Chớ có vu khổng đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khổng đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải y \ y r băng nhiêu phương thức răng: Các pháp chướng ngại cỏ khả năng đem đên sự chướng ngại cho người thực hành.' Và khỉ được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu mà vỉ Tỳ-khiru ây vân chập giữ y như thê, thì vỉ Tỳ-khưu ây nên được các Tỳ- khưu nhác nhở đên lân thứ ba đê từ bỏ việc ây. Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc âyf như thê việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 6. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ..(nt).. Vị này là uvị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn giảng giải không có khả năng đem đen sự chướng ngại cho người thực hành." V| Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu nói như thế. Bởi các Tỳ-khưu: Bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Đại đức chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rang: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đen sự chướng ngại cho nệười thực hành.^, Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nêu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata, Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. 7. Vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng, rồi nên được nói rằng: "Đại đức chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại dức, đức Thê Tôn đã giảng giải băng nhiêu phương thức răng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.,, Nên đuyc nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lan thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. 8. Vi Tỳ-khưu ấy cần được các Tỳ-khưu nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy] đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.9 Vi ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe

tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành/Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Hội chúng nhắc nhở vi Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khxru tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiên ây xin im lăng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt) Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy] đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến

sự chướng ngại cho người thực hành/ Vị ây không chịu từ bỏ tà kiên ây. Hội chúng nhác nhở vi Tỳ-khưu tên [như vây] đê dứt bỏ tà kiên ây. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khiru tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ tà kiến ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vW 9. Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata. Do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội Pâcỉttỉya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vi không dứt bỏ thì phạm tội Pãcỉttiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội Pãcittỉya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Pâcỉttiya. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vi chưa được nhắc nhở. vi dứt bỏ, vi bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vi Arittha là thứ tám. -ooOoo—

6.7.9. ĐIÊU HỌC VÈ VIỆC HƯỞNG THỤ CHUNG VỚI VỊ BỊ ÁN TREO L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Tỳ-khưu Arittha là vị phát ngôn như thế, là vi không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)...các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Tỳ-khtru Arittha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn năm chung chỗ ngu?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biêt Tỳ-khưu Arittha là vị phát ngôn như thế, là vi không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(iìt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết Tỳ-khưu Arittha là vi phát ngôn như thế, là vi không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn năm chung chỗ ngụ

vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào trong khỉ biêt vỉ Tỳ-khưu là vỉ phát ngôn như thê, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiên ây mà vân hưởng thụ chung, hoặc van cộng trú, hoặc van nam chung chô ngụ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Biêt nghĩa là tự mình biêt, hoặc là những người khác thông báo cho vị ây, hoặc là vị kia thông báo. Vi phát ngôn như thế: Là vị nói như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hanh." Không thực hành thuận pháp nghĩa là bị phạt án treo, chưa được phục hồi. Với vi không dứt bỏ tà kiến ấy: Với vị không dứt bỏ tà kiến đó. [Hoặc vẫn] hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung, nghĩa là có hai sự hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung vê vật chát và sự hưởng thụ chung vê pháp. Sự hưởng thụ chung ve vật chát nghĩa là vị cho hoặc thọ nhận vật chát thì phạm tội Pãcittỉya. Sự hưởng thụ chung về pháp nghĩa là vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo câu thì phạm tội Pãcỉttiya theo mỗi một câu. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo từ thì phạm tội Pãcỉttiya theo mỗi một từ. Hoặc [vẫn] cộng trú: Vị thực hiện lễ Uposatha, hoặc lễ Pavāranā. hoặc hành sự của hội chúng cùng với vị bị phạt án treo thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc [vẫn] nằm chung chỗ ngụ: ở chỗ chung mái che, khi VỊ bị phạt án treo đang năm, vị Tỳ-khưu năm xuổng thì phạm tội Pâcỉttỉya. Khi vi Tỳ-khưu đang năm, vị bị phạt án treo năm xuông thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sau khi đứng dậy, [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Vị bị phạt án treo, nhận biết là bi phạt án treo, vị hưởng thụ chung, hoặc cộng trú, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Pãcittỉya. Vị bị phạt án treo, có sự hoài nghi, vị hưởng thụ chung, hoặc cộng trú, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Dukkata. Vi bi phạt án treo, [lầm] tưởng là không bị phạt án treo, vi hưởng thụ chung, hoặc cộng trú, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì vô tội. Vị không bị phạt án treo, [lâm] tưởng là bị phạt án treo thì phạm tội Dukkata. Vi không bị phạt án treo, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vị không bị phạt án treo, nhận biết là không bị phạt án treo thì vô tội.

Vị biết rằng: "Vị không bị phạt án treo", vị biết rằng: "Vị đã bi phạt án treo và đã được phục hồf\ vị biết rằng: đã dứt bỏ tà kiến ấy", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc hưởng thụ chung với vi bi án treo là thứ chín. —ooOoo—

6.7.10. ĐIỀU HỌC VÈ SA-DI KANTAKA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Sa-di tên Kantaka có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hanh." Nhiều vị Tỳ-khxru đã nghe được rằng: 1 e JF y "Nghe nói Sa-di tên Kantaka đã có tà kiên ác sanh khởi như vây: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn

giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hanh.'" Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Sa-di tên Kantaka, sau khi đến đã nói với Sa-di tên Kantaka điều này: -Này Sa-di Kantaka, nghe nói ngươi đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành,\ có đúng không vậy? Thưa các ngài, đúng như vậy. Theo như tôi hiêu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. 2. - Này Sa-di Kantaka, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu không đức Thê Tôn la không tot. Bởi VI đức The Tôn không có nói như thê. Này Sa-di Kantaka, đức Thê Tôn đã giảng giải băng nhiêu phương thức rang: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đen sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thê Tôn đã giảng giải răng: Dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Khi được các vị Tỳ-khưu ấy nói như thế, Sa-di Kantaka do có sự ngoan cố, chấp giữ và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế: “Thua các ngài, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.^,

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 531

3. Và như thế, các vị Tỳ-khưu ấy đã không thể giúp cho Sa-di Kaụtaka thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các vi Tỳ-khmi ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức The Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Sa-di Kantaka rằng: Này Kantaka, nghe nói tà kiên ác đã sanh khởi ở ngươi như vây: "Theo như ta hiêu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thê Tôn giảng giải không có khả năng đem đên sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy? Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. 4. - Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu pháp được Ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đên sự chướng ngại cho người thực hành? Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ở đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là bộ xương, nhiều kho dàu, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. ...(nt).. Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu ran độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Và này kẻ rồ dại, hơn nữa ngươi không những vu khống Ta do sự hiểu biết sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều vô phước nữa. Này kẻ rồ dại, bởi vì điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức

tin,...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 như thế thì hội chúng hãy trục xuất Sa-di Kantaka. Và này các Tỳ-khưu, nên trục xuất như vây: "Này Sa-di Kantaka, kê từ hôm nay, không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của ngươi nữa. Ngay cả việc các Sa-di khác được hưởng là việc năm chung chô ngụ với các Tỳ-khưu hai ba đêm, việc ấy không có cho ngươi nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất di." Sau đó5 hội chúng đã trục xuất Sa-di Kantaka. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Sa-di Kantaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ. Các Tỳ-khưu ít ham mu6n, ...(nt)...các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Sa-di Kantaka là kẻ đã bị trục xuất như thê mà vân dụ dô, vân bảo phục vụ, vân hưởng thụ chung, vân năm chung chỗ ngụ?,^ ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết Sa-di Kantaka là kẻ đã bị trục xuất như thê mà vân dụ dô, vân bảo phục vụ, vân hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi trong khi biêt Sa-di Kantaka là kẻ đã bị trục xuất như thê mà vân dụ dô, vân bảo phục vụ, vân hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ vậy? Này những kẻ ro dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: ỉ \ 9 5 r

“Nêu có vị Sa-di nói như vây: 'Theo như ta hiếu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn giảng giải không có khả năng đem đen sự chướng ngại cho người thực hành,' Vi Sa-dỉ ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như sau: 'Này ông Sa-di, ngươi chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tônf bởi vì việc vu khổng đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Ton không có nói như thế. Này ông Sa-dif đức Thế Tôn đã giảng giải bang nhiều phương thức rang: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đen sự chướng ngại cho người thực hành.' Và khi được các Tỳ-khưu nói như vậy mà vỉ Sa-dỉ ây vân chấp giữy như thê, vi Sa-dỉ ây nên được nói bởi các Tỳ-khưu như sau: 'Này ông Sa-di, kê từ hôm nay, không được tuyên bô đức Thê Tôn ấy là bậc Đạo sư của ngươi nữa, Ngay cả việc các Sa-dỉ khác được hưởng là việc năm chung chô ngụ với các Tỳ-khưu hai ba đêmf việc ây không có cho ngươi nữa. Hãy đi cho khác, hãy biến mất đi.' Vi Tỳ-khưu nào trong khi biết vị Sa-dỉ là kẻ đã bỉ trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, hoặc vẫn bảo phục vụt hoặc van hưởng thụ chung, hoặc van nam chung cho ngụ thì phạm tội Pãcỉttiyay 6.2 Vi Sa-di nghĩa là vị Sāmanera được nói đến. Nói như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.,^ Vi Sa-di ấy: Là vi Sa-di nói như thế. Bỏi các Tỳ-khưu: Bởi các Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, ĩ \ # r .

các vị ây nên nói răng: “Này ông Sa-di, ngươi chớ có nói như thê. Chớ có vu không đức The Ton, bởi vì việc vu khòng đức The Ton la không tót. Bơi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này ông Sa-di, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng:

Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nên được nói đên lân thứ nhì. Nên được nói đên lân thứ ba. Nếu [vị Sa-di ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì vị Sa-di ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như sau: "Này ông Sa-di, kể từ hôm nay, không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của ngươi nữa, và việc các Sa-di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các Tỳ-khưu hai ba đêm, ngay cả việc ấy không có cho ngươi nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất di.” Vi nào: Là bát cứ vị nào ...(nt) 2 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pâli (không có số 5), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 533

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo. Đã bi trục xuất như thế: Đã bị trục xuất như vậy. Vi Sa-di nghĩa là vị Sãmanera được nói đến. Hoặc vẫn dụ dỗ: Vị dụ dỗ [nói rằng]: “Ta sẽ cho ngươi bình bát, hoặc y, hoặc sự đọc tụng, hoặc sự hỏi han" thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc vẫn bảo phục vụ: Vị chấp nhận bột tắm, hoặc đất sét, hoặc gỗ chà răng, hoặc nước rửa mặt của vị [Sa-di] ấy thì phạm tội Pãcittỉya. Hoặc vẫn hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung, nghĩa là có hai sự hưởng thụ chung: Sự hưởnệ thụ chung về vật chất và sự hưởng thụ chung về pháp. Sự hưởng thụ chung vê vật chất nghĩa là vị cho hoặc thọ nhận vật chát thì phạm tội Pãcitíiya. Sự hưởng thụ chung về pháp nghĩa là vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo câu thì phạm tội Pãcỉttỉya theo mỗi một câu. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo từ thì phạm tội Pãcittiya theo mỗi một từ. Hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ: ở chỗ chung mái che, khi vị Sa-di bị trục xuât đang năm, vị Tỳ-khưu năm xuông thì phạm tội Pãcittiya. Khi vị Tỳ-khưu đang nằm, vị Sa-di bị trục xuất nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi đứng dậy, [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị bi trục xuất, nhận biết là bị trục xuất, vị dụ dỗ, hoặc bảo phục vụ, hoặc hưởng thụ chung, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi bị trục xuất, có sự hoài nghi, vi dụ dỗ, hoặc bảo phục vụ, hoặc hưởng thụ chung, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Dukkata. Vị bị trục xuất, [lầm] tưởng là không bi trục xuất, vi dụ dỗ, hoặc bảo phục vụ, hoặc hưởng thụ chung, hoặc nam chung chỗ ngụ thì vô tội. Vị không bi trục xuât, [lâm] tưởng là bị trục xuât thì phạm tội Dukkata. Vi không bị trục xuất, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vị không bi trục xuất, nhận biết là không bị trục xuất thì vô tội. Vị biết rằng: uVị [Sa-di] không bi trục xuất”, vị biết rằng: "Vi [Sa-di] đã dứt bỏ tà kiến ấy”, vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vi Kantaka là thứ mười. Phẩm Có sinh vật là thứ mười. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY CÔ ý giêt hại, có sinh vật, được khơi lại, sự che giâu tội xâu xa, chưa đủ hai mươi tuổi, và đám người, sự hẹn trước, vi Arittha, vi bị án treo và Sa-di Kantaka nữa; đây là mười điều học. -ooOoo—

534 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

6.8. PHẨM [NÓI] THEO PHÁP

6.8.1. ĐIỀU HỌC VỀ [NÓI] THEO PHÁP 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa hành xử sai nguyên tắc. Các Tỳ-khmi đã nói như vày: -Này Đại đức Channa, chớ có hành động như thê, điêu này không được phép. Vị ấy nói như vầy: Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điêu học này cho đên khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khiru khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp, Đại đức Channa lại nói như vày: 'Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật?959 ...(nt). Này Channa, nghe nói khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp, ngươi lại nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luāf\ có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao khi được các Tỳ-khtru nói theo pháp, ngươi lại nói như vây: “Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điêu học này cho đen khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ ve Luật?^ Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỷ-khưu nào khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp lại nói như vầy: 'Này các Đại dức, tôi sẽ không thực hành điêu học này cho đên khỉ nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khim khác kỉnh nghiệm, rành rẽ ve Luật' thì phạm tội Pãcỉttỉya. Này các Tỳ-khưu, vỉ Tỳ-khưu trong lúc học tập nên hiếu rõ, nên thác măc, nên suy xét. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy." 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là "vị Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. [Bởi] các Tỳ-khưu: [Bởi] các vi Tỳ-khưu khác.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 535

Theo pháp nghĩa là điều gì đã được đức Thế Tôn quy đinh là điều học, điều ấy gọi là theo pháp, nên được nói với điều ấy. Lại nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, còn chưa hỏi vị Pháp sư thông thái, kinh nghiệm, trí tuệ, nghe nhiều”; vị nói thì phạm tội Pãcittỉya. Vi dātu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị nói như thế thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi nói như thế thì phạm tội Pãcittiya. Vi đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị nói như the thì phạm tội Pãcỉttỉya, Khi được nói về điều không được quy định [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đên sự giảm thiêu, không đưa đên sự ra sức nô Iịtc", roi nói như vầy: "Này Đại dức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vi Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, vị Pháp sư thông thái, trí tuệ, nghe nhiu"; vị nói thì phạm tội Dukkata. Khi được người chưa tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định hoặc không được quy đinh [nghĩ răng]: "Thực hành điêu này không đưa đên sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lựr", rồi nói như vầy: “Này đạo hữu, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, vị Pháp sư thông thái, trí tuệ, nghe nhiều,,;

vi nói thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. [Với] vi trong lúc học tập: [Với] vị có ý muốn học tập. Nên hiểu rõ: Nên biết rõ. Nên thắc mắc: "Thua ngài, điều này là thế nào, ý nghĩa của điều này là gi?" r Nên suy xét: Nên suy nghĩ, nên cân nhác. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy. Vi nói rằng: "Tôi sẽ biết, tôi sẽ học táp", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về [nói] theo pháp là thứ nhất -ooOoo—

6.8.2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GÂY RA sự BỐI RÓI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, đức Thê Tôn băng nhiêu phương thức, thuyết giảng về Luật cho các Tỳ-khưu, ngợi khen về Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen Đại đức upãli như thế này, như thế khác. Các Tỳ-khiru [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn bằng nhiều phương thức, thuyết giảng về Luật, ngợi khen về Luật, ngợi khen về sự nghiên cứu Luật, ngợi khen Đại đức upâli như thế này, như thế khác. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy học thông thạo về Luật từ Đại đức Upli." Và các vị ấy gồm nhiều Tỳ-khưu trưởng lão mới tu, và trung niên học thông thạo về Luật từ Đại đức Ưpâli. 2. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, hiện nay, nhiều vị Tỳ-khmi trưởng lão mới tu, và trung niên học thông thạo ve Luật từ Đại đức Upâli. Nêu các vị này được thành tựu kiến thức ve Luật, họ sẽ lôi và quay chúng ta theo cách thức như ý thích, vào thời điểm như ý thích, lâu mau như ý thích. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy chê bai Luāt.^ Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: "Được việc gì với các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bực bội, sự bối rối th6i!" 3. Các Tỳ-khiru ít ham mu6n, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại chê bai Luat?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chê bai Luật, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại chê bai Luật? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Khi Giới bổn (Pâtimokkha) đang được đọc tụng, vị Tỳ-khưu nào nói như vay: 'Được việc gì với các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bực bội, sự bổi rối thôi! 'Khi có sự chê bai điều học thì phạm tội Pãcỉttỉyay 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Ty-khiru" được đề cập trong ý nghĩa này. Khi Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng: Trong khi đang đọc tụng, hoặc trong khi đang bảo [người khác] đọc tụng, hoặc trong khi đang học. Nói như vầy: Vị chê bai Luật đến vị đã tu lên bậc trên rằng: "Được việc gì với các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bực bội, sự bối roi thôi! Những ai học thông thạo việc này, các vị ấy có sự ăn năn, có sự bực bội, có sự bối rối. Những ai không học thông thạo việc này, các vị ấy không có sự ăn năn, không có sự bực bội, không có sự bối

rối. Phần này là không được đọc tụng, phần này là không được học tập, phần này là không được học thông thạo, phần này là không được duy trì, Luật hãy biến mất hay là các Tỳ-khưu này hãy là những người không được thành tựu kiến thiic" thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị chê bai Luật thì phạm tội Pâcittỉya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị chê bai Luật thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị dãtu lên bậc trên, [lâm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị chê bai Luật thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vi chê bai pháp khác thì phạm tội Dukkata. Vi chê bai Luật hoặc Pháp khác đên người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 7. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 8. Vị không có ý định chê bai rồi nói rằng: “Này, đến khi nào ngươi học thông thạo về các bài kinh, hoặc các bài kệ, hoặc Vi diệu pháp rồi sẽ học thông thạo về Luật sau", vi bi điên. vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc gây ra sự bối rối là thứ nhì. —ooOoo—

6.8.3. ĐIỀU HỌC VÈ sự GIẢ vờ NGU DỐT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi hành xử không đúng nguyên tác [nghĩ răng]: "Hãy đê các vị hay biêt răng: 'Chúng ta đã phạm tội vì không biết'", rồi trong lúc Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đang được đọc tụng lại nói như vầy: "Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biết rằng điêu học này đã được truyên lại trong Giới bôn, đã được đây đủ trong Giới bôn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa thang?9 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc Giới bổn (Pãtimokkhă) đang được đọc tụng lại nói như vây: 'Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biêt răng điêu học này đã được truyên lại trong Giới bôn, đã được đây đủ trong Giới bôn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng?5,9 ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói trong lúc Giới bổn (Pãtimokkhấ) đang được đọc tụng, các ngươi nói như vầy: "Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng9\ có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao trong lúc Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng, các ngươi lại nói như vầy: "Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biêt răng điêu học này đã được truyền lại trong Giới bôn, đã được đây đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng?" Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: ^Vị Tỳ-khưu nào trong lúc Giới bổn (Pãtỉmokkha) đang được đọc tụng vào môi nửa thảng lại nói như vây: 'Ngay giờ đây, tôi mới hay biêt răng điêu học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bồn và được đưa ra đọc tụng vào moi nửa tháng.' Nêu các vị Tỳ-khưu khác biết rõ ve vị Tỳ-khưu ấy rang: 'Vị Tỳ-khưu này trước đây đã có ngồi hai hoặc ba

lan trong lúc Giới bon (Pãtỉmokkha) đang được đọc tụng, nói nhiều hơn nữa làm gì.' Vỉ z * r Tỳ-khim ây không có được sự vô tội vì không biêt, Và trong trường hợp đó, [vỉ áy] đãr vỉ phạm 9 r \ hành xử theo pháp vê tội ây. Hơn nữa, tội nàor thì nên được Sự ngu dót nên được khăng đinh đôi với vị ây răng: 'Này Đại dức, ngươi đây không có sự lợi ích, ngươi đây đã nhận lãnh điêu xâu là việc trong lúc Giới bôn (Pãtimokkha) đang được đọc tụng, ngươi lại không khéo chăm chú và tác ỷ,' Đãy là tội Pãcỉttỉya trong sự ngu dót âyy 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vào mỗi nửa tháng: Vào mỗi kỳ lễ Uposatha. Trong lúc Giới bổn (Pātimokkhaṃ đang được đọc tụng: Trong khi [vị đọc Giới bổn] đang đọc tụng. Nói như vây: Sau khi hành xử không đúng nguyên tăc, vị [nghĩ răng]: "Hãy để các vị hay biết rằng: 'Ta đã phạm tội vì không biết'", rồi trong lúc Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng lại nói như vay: "Ngay giờ đây, tôi mới hay biết rang điều học này đã được truyền lại trong Giới bon, đã được đay đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa thang" thì phạm tội Dukkata. 4. Nêu các vị Tỳ-khưu khác biêt rõ vê vị Tỳ-khưu có ý định giả vờ ngu dót ây răng: "Vị Tỳ-khưu này trước đây đã có ngôi hai hoặc ba lân trong lúc Giới bôn (Patimokkho) đang được đọc tụng, nói nhiêu hơn nữa làm gi." Vj Tỳ-khưu ấy không có được sự vô tội vì không biết. Và trong trường hợp đó, [vị ấy] đã vi phạm tội nào thì nên được hành xử theo pháp về tội ấy. Hơn nữa, Sự ngu dót của vị ây nên được khăng định. Và này các Tỳ-khưu, nên khăng định như vầy. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] không khéo chăm chú và tác ý trong lúc Giới bổn {Patimokkho) đang được

đọc tụng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên khẳng đinh về sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] không khéo chăm chú và tác ý trong lúc Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đang được đọc tụng. Hội chúng khẳng định về sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc khẳng định về sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng khẳng định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v“ Khi sự ngu dot chưa được khăng định, vị giả vờ ngu dót thì phạm tội Dukkata, Khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội Pâcỉttỉya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị giả vờ ngu dót thì phạm tội Pãcitíiya. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội. Vi chưa được nghe [Giới bổn được đọc tụng] một cách chi tiết, vị đã được nghe [Giới bổn được đọc tụng] một cách chi tiết chưa tới hai hoặc ba lần, vị không có ý định giả vờ ngu dót, vi bị điên, vi vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học về sự giả vờ ngu dốt là thứ ba. -ooOoo-

6.8.4. ĐIỀU HỌC VỀ cú ĐÁNH 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư noi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư. Các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: —Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy? Thưa các Đại dức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào chúng tôi. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi nổi giận, bất bình, lại tung cú đánh vào các Ty-khưu?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nôi giận, bát bình, roi tung cú đánh vào các Tỳ-khưu, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi nổi giận, bất binh, lại tung cú đánh vào các Tỳ-khiru vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào nôi giận, bát bình, roi tung cú đảnh vào vị Tỳ-khtm thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vào vi Tỳ-khưu: Vào vị Tỳ-khưu khác. Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú. Tung cú đánh: Vi tung cú đánh bằng thân, hoặc bằng vật gắn liền với thân, hoặc vật ném ra, ngay cả bằng lá sen thì phạm tội Pãcittỉya. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên; vi nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh thì phạm tội Pãcittiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi; vi nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh thì phạm tội Pãcittiya. Vi đã tu lên bậc trên, [lâm] tưởng là chưa tu lên bậc trên; vị nôi giận, bát binh, roi tung cú đánh thì phạm tội Pãcỉttiya, Vi nôi giận, bát bình, roi tung cú đánh vào người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biêt là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Khi bị hãm hại bởi bất cứ người nào, vị có ý định thoát thân rồi tung cú đánh; vị bị điên; vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về cú đánh là thứ tư. —ooOoo—

6.8.5. ĐIỀU HỌC VỀ sự GIÁ TAY [DỌA ĐÁNH] 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư nôi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh1 các Tỳ-khini nhóm Mười Bảy Sư. Các vị ấy dầu được thoát khỏi cú đánh vẫn khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?

1 Được ghi nghĩa theo Chủ giải: ^Pahāradānākāram dassetvã ..." (VinA. IV. 878). Dịch sát từ thì hành động nay là giá tay để tát tai (tola: lòng bàn tay; sattika: cây thương, con dao nho).

. 2 .. < A Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nôi giận, bát bình, roi giá tay dọa đánh chúng tôi. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vi ấy phàn nàn, phê

phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi nổi giận, bất bình. lại giá tay dọa dar± các Ty-ktor Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nôi giận, bát bình, roi giá tay dọa đánh các Tỳ-khưu9 có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi khi nôi giận, bát bình, lại giá tay dọa đánh các Tỳ-khiru vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nôi giận, bát bình, roi giá tay dọa đánh vỉ Tỳ-khưu thì phạm tội Pâcittiyay 3. V| nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Vi Tỳ-khưu khác. Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú. Giá tay dọa đánh: Vị đưa lên [phần] thân [của mình], hoặc vật gắn liền với thân, ngay cả bằng lá sen thì phạm tội Pãcittiya, Vị dãtu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên; vị nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi; vi nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh thì phạm tội Pãcittiya. Vị đã tu lên bậc trên, [lâm] tưởng là chưa tu lên bậc trên; vị nôi giận, bát bình, roi giá tay dọa đánh thì phạm tội Pācittiya. Vị nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Khi bị hãm hại bởi bất cứ người nào, vị có ý đinh thoát thân, rồi giá tay dọa đánh; vị bị điên; vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về sự giá tay [dọa đánh] là thứ năm. —ooOoo-

6.8.6. ĐIỀU HỌC VỀ KHÔNG có NGUYÊN cớ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bôi nhọ vi Tỳ-khiru về tội Sanghãdisesa không có nguyên cớ. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Sañghādisesa không có nguyên CỚ7,5 ...(nt). - Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các ngươi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Saúghãdỉsesa không có nguyên cớ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim nào bôi nhọ vi Tỳ-khưu về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pãcittiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu,, được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khiru khác. Không có nguyên cớ nghĩa là không được thấy, không được nghe, không bi nghi ngờ. về tội Sanghãdisesa: về bất cứ tội nào thuộc nhóm mười ba tội. Bôi nhọ: Vi buộc tội hoặc bảo [người khác] buộc tội thì phạm tội Pãcittỉya. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi bôi nhọ về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pãcittiya. Vi dãtu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị bôi nhọ về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pācittiya. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm]

tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị bôi nhọ về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pãcittiya. Vị bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến thì phạm tội Dukkata. Vi bôi nhọ người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị buộc tội hoặc bảo [người khác] buộc tội theo sự nhận biết, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điêu học vê không có nguyên cớ là thứ sáu. —ooOoo—

6.8.7. ĐIỀU HỌC VỀ cố Ý 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư [nói rang]: "Này các Đại đức, điêu học đã được đức Thê Tôn quy đinh răng: 'Không được cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi/ Và các ngươi chưa đủ hai mươi tuổi đã được tu lên bậc trên, không lẽ các ngươi là người chưa được tu lên bậc tren?59 Các vi ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy? Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi chúng tôi. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cô ý gợi lên nôi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu9 có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào cô ỷ gợi lên nôi nghỉ hoặc ở nơi vi Tỳ-khiru [nghĩrăng]: 'Như thê sẽ làm cho vỉ này không được thoải mái, dâu chỉ trong chóc látsau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. ở nơi vi Tỳ-khưu: ở nơi vị Tỳ-khưu khác. Cố ý: Sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng đinh. Gợi lên nỗi nghi hoặc: VỊ gợi lên nỗi nghi hoặc [nói rằng]: "Ta nghĩ rằng, ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà đã được tu lên bậc trên; ta nghĩ rang, ngươi đã thọ thực lúc sái thời; ta nghĩ răng, ngươi đã uông men say; ta nghĩ răng, ngươi đã ngồi với người nữ ở chỗ kín dáo" thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không có bất cứ nguyên nhân nào khác để gợi lên nỗi nghi hoặc. Vị dãtu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc thì phạm tội Pâcittiya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi cố ý gợi lên

nỗi nghi hoặc thì phạm tội Pãcittiya. Vi dãtu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị cô ý gợi lên nôi nghi hoặc thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi cố ý gợi lên nỗi nghi

hoặc ở nơi người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị không có ý định gợi lên nỗi nghi hoặc rồi nói rằng: "Ta nghĩ rằng, ngươi . 7 í A chưa đủ hai mươi tuôi mà đã được tu lên bậc trên; ta nghĩ răng, ngươi đã thọ thực lúc sái thời; ta nghĩ rằng, ngươi đã uống men say; ta nghĩ rằng, ngươi đã ngồi với người nữ ở chỗ kín đáo. Nay ngươi hãy biết lấy, ngươi chớ có nghi hoặc vê sau nSy", vi bị điên, vị vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học về cố ý là thứ bảy. -ooOoo—

6.8.8. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC NGHE LÉN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư xung đột với các Tỳ-khưu hiền thiện. Các Tỳ-khiru hiền thiện nói như vầy: Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này không có liêm sỉ, không có thể xung đột với các vị này được. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nói như vầy: Này các Đại dức, vì sao các vị lại lên án chúng tôi bằng cách nói là không có liêm sỉ? Này các Đại đức, các vị đã nghe ở đâu? Chúng tôi đã đứng nghe lén các Đại đức. 2. Các Tỳ-khưu ít_ ham muôn,: ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê e \ < r -

bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luân?" ...(nt) Này các Tỳ-khiru9 nghe nói các ngươi đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã . 9r nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiên đên sự tranh luận, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi lại đứng nghe lén các Tỳ- khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khtm nào đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiên đên sự tranh luận [nghĩ răng]: 'Những người này nỏi điêu gi, ta sẽ nghe lời áysau khỉ thực hiện chỉ nguyên nhân áy, không điêu nào khác thì phạm tội Pācittiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. [Của] các Tỳ-khưu: [Của] các vi Tỳ-khxru khác. Đứng nghe lén: "Sau khi lắng nghe những người này, ta sẽ quở trách, ta sẽ nhắc nhở, ta sẽ làm cho hối lỗi, ta sẽ làm cho nhớ lại, ta sẽ làm cho xấu h6", rồi đi đến thì phạm tội Dukkata. Tại nơi nào, vị [ấy] đứng và nghe được thì phạm tội Pācittiya. Trong khi đang đi ở phía sau, vị đi nhanh hơn [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lắng nghe" thì phạm tội Dukkata, Tại nơi nào, vị [ấy] đứng và nghe được thì phạm tội Pācittỉya. Trong khi đang đi ở phía trước, vị đi chậm lại [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lắng nghe" thi phạm tội Dukkata. Tại nơi nào, vị [ấy] đứng và nghe được thì phạm tội Pācittiya. Sau khi đi đen chỗ đứng, hoặc chỗ ngoi, hoặc chỗ nằm của vị Tỳ-khưu, nên tằng hắng, nên báo hiệu cho vi đang nói biết. Nếu không tằng hắng hoặc báo hiệu cho biết thì phạm tội Pācittiya, Sau khi thực hiện chỉ

nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không có bát cứ nguyên nhân nào khác đê đứng nghe lén. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi đứng nghe lén thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị đứng nghe lén thì phạm tội Pācittiya. Vi dãtu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị đứng nghe lén thì phạm tội Pācittiya. Vị đứng nghe lén người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, [Nghĩ rằng]: "Sau khi lắng nghe những người này, ta sẽ hạn chế, ta sẽ kềm chế, ta sẽ dập tắt [sự việc], ta sẽ tự mình thoát ra" rồi đi đến, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc nghe lén là thứ tám. —ooOoo—

6.8.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGAN CẢN HÀNH sự 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi

hành xử sai nguyên tắc lại phản đối, trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị một. Vào lúc bấy giờ, hội chúng đã tụ họp lại do công việc cần làm nào đó. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đang làm y đã trao ra sự tùy thuận đến một vị. Khi ấy, hội chúng [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chỉ có mỗi một vị đã đi đến, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự cho vị ấy", y y * r r

roi đã thực hiện hành sự cho vị ây. Sau đó, vị Tỳ-khưu ây đã đi đên gặp các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điêu này: —Này Đại đức, hội chúng đã làm gì? Này các Đại đức, hội chúng đã thực thi hành sự đến tôi.

-Này Đại đức, chúng tôi đã không trao ra sự tùy thuận vì mục đích của việc ấy [là việc]: "Sẽ thực hiện hành sự cho Đại dức." Và này Đại dức, nếu chúng tôi biết rằng: "Sẽ thực hiện hành sự cho Đại dức" thì chúng tôi đã không trao ra sự tùy thuận. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phan?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi sau khi trao ra sự tày thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào sau khỉ trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đủng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phản thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là Tỳ-khưu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Hành sự đúng pháp nghĩa là hành sự công bố5 hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư được thực hiện theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc

Đạo sư; việc này gọi là hành sự đúng pháp. Sau khi trao ra sự tùy thuận, vị phê phán thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì phạm tội Dukkata. Hành

Sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì vô tội. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaịa. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội. Vị phê phán trong khi biết rằng: "Hành sự đã được thực hiện sai pháp, hoặc theo phe nhóm, hoặc đến vị không đáng bi hành sự" vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc ngăn cản hành sự là thứ chín. —00O00-

6.8.10. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC Bỏ ĐI KHÔNG TRAO RA sự TÙY THUẬN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thể Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, hội chúng đã tụ họp lại do công việc cần làm nào đó. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đang làm y đã trao ra sự tùy thuận cho một vi. Khi ây, hội chúng [bàn bạc răng]: "Hội chúng đã tụ hội lại VÌ mục đích của hành sự nào thì chúng ta sẽ thực hiện hành sự ây", roi đã thiêt lập lời đề nghị. Khi ấy, vị Tỳ-khuu ấy [nói rằng]: "Các vị này thực hiện hành sự đến từng vi một giống y như vầy. Các Đại đức sẽ thực hiện hành sự đến vị nào day?99 Sau khi không trao ra sự tùy thuận, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê • 1 r <• : -.Ce bai răng: "Vi sao trong khi lời quyêt định đang được tuyên bô ở hội chúng, vị Tỳ-khưu không trao ra sự tùy thuận lại từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ di?" ...(nt). Này Tỳ-khưu, nghe nói trong khi lời quyết đinh đang được tuyên bố ở hội chúng, ngươi không trao ra sự tùy thuận, roi từ chô ngôi đứng dậy và bỏ đi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, ngươi không trao ra sự tùy thuận, lại từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa CÓ đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào, trong khỉ lời quyêt đinh đang được tuyên bô ở hội chủng, không trao ra sự tùy thuận, rồi từ cho ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Tỳ-khưu^, được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong khi lời quyết đinh [đang được tuyên bố] ờ hội chúng nghĩa là sự việc đã được kể ra nhimg chưa được quyết định, hoặc là lời đề nghị vừa mới được thiết lập, hoặc là tuyên ngôn của hành sự chưa được hoàn thành. [Sau khi] không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đúng dậy và bỏ y 7 9

đi: [nghĩ răng]: "Làm cách nào đê hành sự này là không thê duy trì, là theo phe nhóm, không thể thực hiên" rồi đi thì phạm tội Dukkata. Vị lìa xa khỏi tập thể một tầm tay

[lm25] thì phạm tội Dukkata. Khi đã lìa khỏi thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, nhận biêt là hành sự đúng pháp, vi không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội Pãcỉttiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không trao ra sự tùy thuận, roi từ chô ngôi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi không trao ra sự tùy thuận, roi từ chô ngôi đứng dậy và bỏ đi thì vô tội. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội. Vị [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc e r : y9 A • Sự tranh cãi đên hội chúng" roi đi; [nghĩ răng]: uSẽ có sự chia rẽ hội chúng, hoặc là sự bất đồng trong hội chiing" rồi đi; [nghĩ rằng]: uHội chúng sẽ thực hiện hành sự hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không xứng đáng với hành sự,9 rồi đi; vị bị bệnh rồi đi; vị đi vì công việc cần làm đối với vị bị bệnh; vi bị khó chịu vì đại tiện, hoặc tiểu tiện rồi đi; vi không có ý định làm xáo trộn hành sự [nghĩ răng]: "Ta sẽ quay trở lại" roi đi; vị bị điên; vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc bỏ đi không trao ra sự tùy thuận là thứ mười. -ooOoo—

6.8.11. ĐIỀU HỌC VÈ VỊ D ABBA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi Ị. . L nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bây giờ, Đại đức Dabba Mallaputtā phân bô chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng. Và vị Đại đức ấy có y đã tàn tạ. Vào lúc bây giờ, có một y được phát sanh đên hội chúng. Khi ây, hội chúng đã cho y ây đên Đại đức Dabba Mallaputtā. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Các Tỳ-khưu trao phân lợi lộc thuộc vê hội chúng thuận theo sự quen biết.,^ 2. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y, sau đó lại tiến hành việc phê phán?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các ngươi cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y, sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi cùng với hội chúng hợp nhát đã cho y, sau đó lại tiên hành việc phê phán vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này • • 9 s r \ \

các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào cùng với hội chúng hợp nhát đã choyf sau đó lại tiên hành việc phê phản rằng: 'Các Tỳ-khưu trao phần lợi lộc thuộc về hội chủng thuận theo sự quen biết'thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng tru được thiết lập trong cùng ranh giới. Y nghĩa là bát cứ loại y nào thuộc vê sáu loại y [có kích thước] tôi thiêu cân phải chú nguyện để dùng chung. [Sau khỉ] đã cho: Sau khi đích thân cho. Thuận theo sự quen biêt nghĩa là thuận theo tình bạn bè, thuận theo sự đồng quan điểm, thuận theo sự thân thiết, thuận theo sự có chung thầy tế độ, thuận theo sự có chung thay dạy học. Thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phàm trị bệnh, ngay cả cục bột tăm, gô chà răng, năm chỉ rời. Sau đó lại tiến hành việc phê phán: Khi y đã được cho đến vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc làm vi sắp xếp bữa ăn, hoặc làm vị phân chia cháo, hoặc làm vi phân chia trái cây, hoặc làm vi phân chia thức ăn khô, hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội Pâcittiya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi y đã được cho, vi phê phán thì phạm tội Pãcittỉya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, khi y đã được cho, vi phê phán thì phạm tội Pãcỉttiya. Khi vật dụng khác đã được cho, vị phê phán thì phạm tội Dukkata. Khi y hoặc vật dụng khác đã được cho đên vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn, hoặc làm vị phân chia cháo, hoặc làm vi phân chia trái cây, hoặc làm vị phân chia thức ăn khô, hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội Dukkata,

Khi y hoặc vật dụng khác đã được cho đến người chưa tu lên bậc trên được chỉ định hoặc không được chỉ đinh bởi hội chúng làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc làm vi sắp xếp bữa ăn, hoặc làm vị phân chia cháo, hoặc làm vị phân chia trái cây, hoặc làm vị phân chia thức ăn khô, hoặc làm vi phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị phê phán [hội chúng] đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi rằng: "Lợi ích gì với việc cho đen vị ấy? Thậm chí khi nhận được roi, [vị áy] sẽ phí phạm, sẽ không bảo quản đúng đăn„; vi bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vi Dabba là thứ mười một

—ooOoo—

6.8.12. ĐIỀU HỌC VÈ VIỆC THUYẾT PHỤC DÂNG 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng của phường hội nọ đã được chuẩn bi, [thông báo rằng]: "Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y.” Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục sư đã đi đến gặp phường hội ấy, sau khi đến đã nói với phường hội ấy điều này: -Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho các vị Tỳ-khưu này. Thưa các ngài, chúng tôi sẽ không dâng. Bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng hàng năm của chúng tôi đã được thông báo. -Này các đạo hữu, hội chúng có nhiêu thí chủ, hội chúng có nhiêu cơ hội. Các vi này sống ở đây nương nhờ vào quý vị, trông ngóng nơi quý vị. Nấu quý vi sẽ không bố thí đến các vi này, giờ còn ai sẽ bố thí cho các vị này? Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho các vị Tỳ-khưu này. Khi ấy, trong lúc bị các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ép buộc, phường hội ấy đã dâng y được chuẩn bị như thế đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Su, rồi dâng vật thực đen hội chúnẹ. Các vị Tỳ-khưu biết được bữa trai phạn có dâng y đen hội chúng đã được chuan bị mà không biết rằnệ "[Y] đã được dâng đen các Tỳ-khưu nhóm Lục Su", các vị ây đã nói như vây: Này các đạo hữu, hãy công hiên

y đên hội chúng. Thưa các ngài, không có y như đã chuẩn bị; các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đã thuyết phục dâng cho các ngài Đại đức nhóm Lục Sư. 2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)...các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng lại thuyết phục dâng cho cá nhân?,^ ...(nt).

-Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biêt lợi lộc đã được khăng định là dành riêng cho hội chúng vân thuyêt phục dâng cho cá nhân, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết lợi lộc đã được khẳng đinh là dành riêng cho hội chúng lại thuyết phục dâng cho cá nhân vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học A này như vây: "Vị Ty-khim nào trong khi biết lợi lộc đã được khẳng đỉnh là dành riêng cho hội chúng van thuyết phục dâng cho cả nhân thì phạm tội Pācittiyay 3. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj Tỳ-khưu,, được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác nói cho vị ấy, hoặc là vi kia nói. Dành riêng cho hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng. Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm tri bệnh, ngay cả cục bột tam, gỗ chà răng, nắm chỉ rời. Đã được khẳng đỉnh nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: "Chúng tôi sẽ dâng, chúng tôi sẽ làm.” Vị thuyết phục dâng vật ấy cho cá nhân thì phạm tội Pâcỉttỉya. Khi đã được khẳng định, nhận biết là đã được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì phạm tội Pãcittỉya. Khi đã được khẳng định, có sự hoài nghi, vị thuyêt phục dâng cho cá nhân thì phạm tội Dukkata. Khi đã được khẳng đinh, [lầm] tưởng là chưa được khẳng đinh, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì vô tội. Khi đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng đến hội chúng khác, hoặc bảo tháp thì phạm tội Dukkata, Khi đã được khẳng r r r định là dâng đên bảo tháp, vị thuyêt phục dâng đên bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân thì phạm tội Dukkata. Khi đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp thì phạm tội Dukkata, Khi chưa được khẳng định, [lầm] tưởng là đã được khẳng định thì phạm tội Dukkata. Khi chưa được khẳng đinh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa được khẳng định, nhận biết là chưa được khẳng định thì vô tội. Trong khi được hỏi rằng: "Chúng tôi dâng nơi nao?99 vị nói rằng: “Noi nào mà pháp bố thí của quý vị có thể đạt được sự hữu dụng, hoặc có thể được làm

vật sửa chữa, hoặc có thể tồn tại lâu dài, hoặc nơi nào tâm của quý vị được hoan hỷ thì hãy dâng nơi âỏ"\ vị bị diên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc thuyết phục dâng là thứ mười hai. Phẩm [nói] theo pháp là thứ tám. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Theo pháp, và sự chê bai, sự giả vờ ngu dốt, cú đánh, việc giá tay dọa đánh, không có nguyên cớ? cố ý, và sự nghe lén, việc ngăn cản, và sự tùy thuận,

vi Dabba và việc thuyết phục dâng. —ooOoo—

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA « 553

6.9. PHẨM ĐỨC VUA

6.9.1. ĐIỀU HỌC VỀ HẬU CUNG CỦA ĐỨC VUA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã ra lệnh cho người giữ công viên rang: Này khanh, hãy đi và làm sạch sẽ công viên. Chúng ta sẽ đi đến công viên.

-Tâu Bệ hạ, xin vâng. Rồi người giữ công viên nghe lệnh đức Vua Pasenadi xứ Kosala, trong lúc làm sạch sẽ công viên đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã tâu với đức Vua Pasenadi xứ Kosala điều này: -Tâu Bệ hạ, công viên đã được sạch sẽ. Tuy nhiên, đức Thế Tôn đang ngồi ở đó. -Này khanh, hãy vậy đi. Chúng ta sẽ thăm viếng đức Thế Tôn. 2. Sau đó, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã đi đến công viên và đã đi đến gần đức The Tôn. Vào lúc bay giờ, có nam cư sĩ nọ đang ngoi thăm viếng đức Thê Tôn. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thây nam cư sĩ ây đang ngôi thăm viếng đức Thế Tôn, sau khi nhìn thấy đã hoảng sợ đứng lại. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Theo như việc người đàn ông này thăm viếng đức Thế Tôn thì không phải là kẻ ác” nên đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đên đã đanh lê đức The Ton roi ngoi xuống ơ một bên. Khi áy, nam cư sĩ ấy do sự tôn kính đức Thế Tôn đã không cúi lạy đức Vua Pasenadi xứ Kosala, cũng không đứng dậy chào. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã không được hài lòng [nghĩ rằng]: "Tại sao người đàn ông này lại không cúi lạy cũng không đứng dậy chào khi ta đi đến?” Khi ấy, đức Thế Tôn nhận biết đức Vua Pasenadi xứ Kosala không được hài lòng nên đã nói với đức Vua Pasenadi xứ Kosala điều này: -Tâu Đại vương, vi nam cư sĩ này là vị nghe nhiều kinh điển đã được truyền thừa, đã lìa khỏi tham ái trong các dục. 3. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Nam cư sĩ này quả không phải là thấp thỏi. Đức Thế Tôn còn khen ngợi người này", rồi đã nói ĩ y

với nam cư sĩ áy điêu này: Này nam cư sĩ, khanh có thể nói lên điều có lợi ích. -Tâu Bệ hạ, rất đúng.

554 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Sau đó5 đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã từ chỗ ngoi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 4. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngự ở tầng trên của tòa lâu đài. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy nam cư sĩ ấy tay câm dù đang đi ở trên đường, sau khi nhìn thây đã ra lệnh mời đên, roi đã nói điều này: Này nam cư si, nghe nói khanh nghe nhiều kinh điển được truyền thừa. Này nam cư sĩ, tốt thay! Khanh hãy nói pháp cho các cung phi của trẫm. -Tâu Bệ hạ, điều thần biết được là cũng nhờ vào các ngài Đại đức. Chính các ngài Đại đức sẽ nói pháp cho các cung phi

của Bệ hạ. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala [nghĩ rằng]: “Nam cư sĩ đã nói diing” A K >4-• Ấ W <4- r Ắ r-p /y *1 1 • ^4-Á ^4- 9 1 1 ^4. r Á qp /y À • Ã• nen đã đi đen gặp đức Thê Ton, sau khi đen đã đảnh le đức Thê Tôn roi ngôi xuông ở một bên. Khi đã ngôi xuống một bên, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt thay! Xin đức Thế Tôn hãy chỉ thi một vị Tỳ-khưu là vị sẽ nói pháp cho các cung phi của trẫm. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, ..(nt)...cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala bằng bài pháp thoại. ...(nt)... hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 5. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, như thế thì ngươi hãy nói pháp cho các cung phi của đức vua.

-Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi vào lần này, lần khác và đã nói pháp cho các cung phi của đức vua. Khi ây vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát đi đến chỗ ngụ của đức Vua Pasenadi xứ Kosala. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang nằm cùng với Hoàng hậu Mallikâ. Hoàng hậu Mallikã đã nhìn thay Đại đức Ānanda từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã vội vàng đứng lên. Tấm vải choàng màu vàng của hoàng hậu đã rơi xuống. Khi ấy, Đại đức Ānanda ngay tại chỗ đó đã quay lại, đi trở vê tu viện và đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. 6. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Đại đức Ānanda khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua?” ...(nt). —Này Ānanda, nghe nói ngươi khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 555

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này Ānanda, vì sao ngươi khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua vậy? Này Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại, roi bảo các Tỳ-khưu răng: 7. - Này các Tỳ-khưu, đây là mười điêu nguy hiêm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Thế nào là mười? Này các Tỳ-khưu, trường hợp đức vua đang nằm với hoàng hậu, vị Tỳ-khưu đi vào nơi ấy, hoặc là khi nhìn thấy vi Tỳ-khưu? hoàng hậu nở nụ cười, hoặc là , JF * : r

khi nhìn thây hoàng hậu5 vị Tỳ-khưu nở nụ cười. Trong trường hợp ây, đức vua khởi ý như vầy: “R6 ràng giữa những người này đã xảy ra chuyện, hoặc họ sẽ làm ra chuyện.,, Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ nhất trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua có nhiều phận sự, có nhiều công việc cân phải làm, sau khi đi đên với người đàn bà nào đó roi không nhớ. Do việc ây, cô ây mang thai. Trong trường hợp ây, đức vua khởi ý như vây: "O đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vi xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ nhì trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua có vật báu nào đó bị mất trộm. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vầy: "d đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vi xuât gia; có thê là việc làm của vị xuât gia?" Này các Tỳ-khưu5 đây là điêu nguy hiêm thứ ba trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua, các chuyện nội vụ đang được giữ

kín lại bi tiết lộ ra bên ngoài. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vày: "d đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vi xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ tư trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua, hoặc là con âm mưu giết cha, hoặc là cha âm mưu giết con. Họ khởi ý như vầy: "d đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vị xuất gia; có the là việc làm của vị xuât gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điêu nguy hiêm thứ năm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua đưa người có địa vị tháp lên địa vị cao. Những người không hài lòng với điêu ây khởi ý như vây: "Bức vua thân cận với vị xuât gia; có thê là việc làm của vị xuât gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ sáu trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

556 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua đưa người có địa vi cao xuống địa vi thấp. Những nời không hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: “Dức vua thân cận với vi xuất gia; có the là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ bảy trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua điều động quân đội không đúng thời. Những người kh6ng hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: “Bức vua thân cận với vị xuất gia; có the là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu5 đây là điều nguy hiểm thứ tám trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, đức vua điêu động quân đội đúng thời, giữa đường lại quay trở về. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: "Dức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ chín trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, hậu cung của đức vua là đông đúc với những voi, đônẹ đúc với những ngựa, đông đúc với những xe, các sắc, thinh, hương, vi, xúc đều gợi lên sự đam nhiễm, không thích hợp cho vị xuất gia. Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ mười trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, đây là mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. 8. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Ānanda bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, về sự khó khăn trong việc ăn uống, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “ Vi Tỳ-khưu nào khỉ chưa được báo tin trước mà vượt qua ngưỡng cửa [phòng ngủ] của đức vua dòng Sát-đế-lỵ đã được đội lên vương miện, trong lúc đức vua chưa đi khỏi, trong lúc vật báu [hoàng hậu] chưa lui ra thì phạm tội Pãcittiyay 9. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vi này là T-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Dòng Sát-đế-lỵ nghĩa là hậu duệ thuần khiết được khéo sanh ra từ cả hai bên, là từ dòng bên mẹ và từ dòng bên cha cho đến bảy thế hệ tổ tiên, không bi gièm pha, không bị chỉ trích khi nói về nguồn gốc. Đã được đoi lên vương miện: Đã được đăng quang với lễ phong vương của dòng Sát-đế-lỵ. Trong lúc đức vua chưa đi khỏi: Đức vua chưa ra khỏi phòng ngủ. Trong lúc vật báu [hoàng hậu] chưa lui ra: Hoàng hậu chưa ra khỏi phòng ngủ, hoặc cả hai chưa ra khỏi. Chưa được báo tin trước: Chưa được thỉnh mời [đi vào]. Ngưỡng cửa nghĩa là ngạch cửa của phòng ngủ được đề cập đến. Phòng ngủ nghĩa là bất cứ nơi nào được quy định là chỗ nằm của đức vua,

thậm chí chỉ được bao quanh bằng khung màn che.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 557

Vượt qua ngưỡng cửa: Vị vượt qua ngạch cửa bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata, Vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa được báo tin, nhận biết là chưa được báo tin, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội Pãcittỉya. Khi chưa được báo tin, có sự hoài nghi, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội Pâcittiya. Khi chưa được báo tin, [lầm] tưởng là đã được báo tin, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội Pãcittỉya. Khi đã được báo tin, [lầm] tưởng là chưa được báo tin thì phạm tội Dukkata. Khi đã được báo tin, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã được báo tin, nhận biết là đã được báo tin thì vô tội. Khi đã được báo tin, [đức vua] không phải là dòng Sát-đê-ly, chưa được đăng quang với lễ phong vương của dòng Sát-đế-lỵ9 hoặc là đức vua đã ra khỏi phòng ngủ, hoặc là hoàng hậu đã ra khỏi phòng ngủ, hoặc cả hai đã ra khỏi phòng ngủ, không phải ở trong phòng ngủ, vị bị điên, vị vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học về hậu cung của đức vua là thứ nhất. -00O00-

6.9.2. ĐIỀU HỌC VÈ VẬT QUÝ GIÁ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỵ-khưu nọ tắm ở dòng sông Aciravatī. Có người Bà-la-môn nọ, sau khi bỏ xuống trên bờ túi xách có năm trăm [đồng tiền], rồi cũng đã tắm ở dòng sông Aciravatī, sau đó đã quên lửng, rồi ra đi. Khi ấy, vi Tỳ-lđiiru ấy [nghĩ rằng]: “Thi xách này là của người Bà-la- môn ấy, chớ để bi mất cắp ở chỗ này”, rồi đã giữ lấy. Sau đó5 người Bà-la-môn ấy, sau khi nhớ ra đã vội vã chạy trở lại và đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này ông, vậy ông có nhìn thấy túi xách của tôi không? -Này Bà-la-môn, đây này. Rồi đã trao cho [người Bà-la-môn]. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Bằng phương kế gì để ta khỏi phải biếu vị Tỳ-khưu này một bình bát đầy?" [nên đã nói rằng]: “Này ông, của toi không phải là năm trăm, của tôi là một ngàrT, sau khi giữ [vị Tỳ-khưu] lại, rồi đã thả ra. 2. Sau đó, vị Tỳ-khiru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ- khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)...các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ-khưu lại nhặt lấy vật quý gis?" ...(nt) Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi nhặt lấy vật quý giá, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại nhặt lấy vật quý giá vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

558 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

“ Vỉ Tỳ-khưu nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quỷ giá, hoặc vật được xem là quý giả thì phạm tội Pãcỉttiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có lễ hội. Dân chúng chưng diện, trang diêm đi đên công viên. Bà Visākhā, mẹ của Migâra, cũng chưng diện, trang điểm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến cong viên.,, Sau khi đi ra khỏi làng [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm gì sau khi đi đến công viên? Hay là ta nên thăm viếng đức Thế T6n?“rồi đã tháo ra đồ trang sức, dùng thượng y buộc lại thành gói, rồi trao cho người tớ gái [nói rằng]: "Này em,

hãy cầm lấy gói đồ này." Sau đó, bà Visākhā, mẹ của Migâra, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng ơ mọt ben. Đức The Ton đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho bà Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngôi một bên băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra, đã từ chỗ ngoi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Khi ấy, cô tớ gái ấy đã quên lửng gói đồ ấy và ra đi. Các Tỳ-khưu đã nhìn thấy, rồi đã trình sự _! _ A_ 1 A 4. r_ FTīl À rr^ việc ay len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, như thế thì các ngươi hãy nhặt lấy và để riêng ra. 4. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khxru5 Ta cho phép nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chô ngụ, roi đê riêng ra [nghĩ răng]: "Là của ai, người ây sẽ đem di." Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khtru nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quỷ giả thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên cho ngụ." Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, trong xứ Kāsī có ngôi làng là nơi thương mãi của gia chủ Anāthapindika. Và vị gia chủ ấy đã dặn dò viên quản lý rằng: "Nếu các ngài Đại đức đi đến, ngươi có thể dọn bữa n." Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ Kāsī đã đi đen ngôi làng là nơi thương mãi của gia chủ Anāthapindika. Người đàn ông ấy đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp các vị Tỳ-khiru ấy, sau khi đến đã đảnh lễ các vị Tỳ-khưu ấy và đã nói điều này: Thưa các ngài, xin các ngài Đại đức hãy nhận lời bữa ăn của gia chủ vào ngày mai. Các vị Tỳ-khưu ấy đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, khi trải qua

đêm ấy, người đàn ông ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ. Vi ấy sau khi tháo ra chiếc nhẫn đeo ngón tay, rồi đã dâng bữa ăn đến các vi Tỳ-khiru ấy [nói rằng]: "Các ngài Đại đức sau khi thọ thực xin cứ việc ra đi. Tôi cũng sẽ đi làm công việc.^, Rồi đã quên lửng chiếc nhẫn đeo ngón tay và ra đi. Các vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Nếu chúng ta đi, chiếc nhẫn đeo ngón tay này sẽ bi mất trộm,, nên đã ngồi lại ngay tại chỗ ấy. Sau đó, người đàn ông ấy khi xong công việc quay trở lại đã nhìn thây các vị Tỳ-khưu ây nên đã nói điêu này: -Thưa các ngài, tại sao các ngài Đại đức ngồi lại ngay tại chỗ này? Khi ấy, các vi Tỳ-khiru ấy đã kể lại sự việc ấy cho người đàn ông ấy, rồi sau khi đi đến thành Sāvatthi đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ay len đức The Torie 6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ, rồi để riêng ra [nghĩ rằng]: "Là của ai, người ấy sẽ đem di.” Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quỷ giả, hoặc vật được xem là quỷ giả thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ

trong khuôn viên tu viện, hoặc trong khuôn viên chô ngụ. Vi Tỳ-khưu sau khi nhặt lây hoặc bảo nhặt lây vật quỷ giá, hoặc vật được xem là quỷ giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chô : ngụr nên đê riêng ra [nghĩ ỉ răng]: 'Là của ai, người ây sẽ đem đi" Đây là điêu đủng dăn trong trường hợp âyy r e

7. Vi nào: Là bát cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là Ty-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Vật quý giá nghĩa là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc pha lê, ngọc xa-cừ, đá quý, ngọc san hô, vàng, bạc, hông ngọc, ngọc măt mèo. Vật được xem là quý giá nghĩa là vật gì được dân chúng ưa chuộng và bảo quản, vật này gọi là vật được xem là quý giá. Ngoại trừ trong khuôn viên tu viện, hoặc trong khuôn viên chỗ ngụ: Trừ ra khuôn viên tu viện [và] khuôn viên chỗ ngụ. Khuôn viên tu viện nghĩa là bên trong tu viện đôi với tu viện đã được rào lại, là vùng phụ cận đoi với tu viện không được rào lại. Khuôn viên chỗ ngụ nghĩa là bên trong chỗ ngụ đối với chỗ ngụ đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với chỗ ngụ không được rào lại. Nhặt lấy: Tự mình nhặt lấy thì phạm tội Pãcỉttỉya. Bảo nhặt lấy: Bảo người khác nhặt lấy thì phạm tội Pãcỉttỉya.

8. Vi Tỳ-khưu sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ờ trong khuôn viên tu viện, hoặc ờ trong khuôn viên chỗ ngụ nên để riêng ra: Sau khi ghi nhận hình dáng hoặc đặc điểm rồi để • 5 M y \ M f

riêng ra và nên thông báo răng: "Ai có vật bị mát, người ây hãy đi dèn." Nêu CÓ người đi đên rnơi ây thì nên nói với người ây răng: “Này đạo hữu, đô vật của r 9

đạo hữu như thê nào?,, Nêu mô tả đúng hình dáng hoặc đặc diêm thì nên trao cho. Nếu không mô tả đúng thì nên nói rằng: "Này đạo hữu, hãy tìm kiếm.^, Vị sắp sửa rời khỏi trú xứ ấy nên trao lại tận tay của những vi Tỳ-khưu thích hợp ở tại nơi ấy, rồi ra đi. Nếu không có những vị Tỳ-khưu thích hợp nên trao lại tận tay của những vi gia chủ thích hợp ở tại nơi ấy, rồi ra đi. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy. Vi sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ, rồi để riêng ra [nghĩ rằng]: "Là của ai, người ấy sẽ đem di” vị lấy vật được xem là quý giá theo lối thân thiết; vị lấy trong một thời hạn; vị nghĩ là vật quăng bỏ; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vật quý giá là thứ nhì. —ooOoo—

6.9.3. ĐIÊU HỌC VÈ VIỆC VÀO LÀNG LÚC SÁI THỜI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, chuyện quan đại thần, chuyện binh lính, chuyện kinh dị? chuyện chiến trường, chuyện thức ăn, chuyện nước uống, chuyện vải vóc, chuyện giường nằm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm5 chuyện thị trân, chuyện thành thị, chuyện quôc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường xá5 chuyện về chỗ có hũ [của cải chôn giấu], chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán ve thế gian, chuyện tiên đoán về biển cả, chuyện sẽ

xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, ...(nt).. chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vây hay là như vây giông như các người tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng:

"Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đên nhiêu vân đê như là: Chuyện đức vua, ..(nt).. chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vy?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, ...(nt).. chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vay hay là như vầy, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đi vào làng lúc sái thời, A y 9 1 9 t r *1 • /\ \ roi ngôi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đên nhiêu vân đê như là: Chuyện đức vua, ...(nt).. chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vây? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khỉru nào đi vào làng lúc sải thời thì phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khiru như thế. 3 Vào lúc bấy giờ, nhiều vi Tỳ-khưu trong lúc đi đến thành Sāvatthi thuộc xứ Kosala đã đi đến gần ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng sau khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này: Thưa các ngài, xin hãy vào. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng lúc sái thòi", rồi trong lúc ngàn ngại đã không đi vào. Bọn đạo tặc đã cướp bóc các vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khiru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép đi vào làng lúc sái thời khi đã thông báo. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu nào đi vào làng lúc sải thời không thông bảo thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đi đến thành Sāvatthi thuộc xứ Kosala đã đi đến gần ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng sau khi nhìn thấy vi Tỳ-khưu ấy đã nói điều này: Thưa ngài, xin hãy vào. Khi ấy, vi Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng lúc sái thời không thông báo", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Bọn đạo tặc đã

cướp bóc vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi vào làng lúc sái thời khi đã thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu nào đi vào làng lúc sải thời không thông báo vỉ Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pãcỉttiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 5. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị rắn cắn. Vi Tỳ-khưu khác [nghĩ rằng]: "Ta sẽ mang i lửa", rồi đi đến làng. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Ton đã cấm đi vào làng không thông báo vị Tỳ-khưu hiện die?", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Vi ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khmi, trong trường hợp có việc cân làm khân cáp như thê, Ta cho phép đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khiru hiện diện. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Vỉ Tỳ-khưu nào đì vào làng lúc sải thời không thông bảoy vỉ Tỳ-khưu hiện 9 diện thì phạm tội Pâcỉttiya, ngoại trừ trường hợp có việc cân làm khân cáp như thế, 6. Vị nào: Là bát cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khmi: ...(nt).. Vị này là uvị Tỳ-khưu^ được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu hiện diện nghĩa là có thể thông báo để đi vào [làng]. Vi Tỳ-khưu không hiện diện nghĩa là không thể thông báo để đi vào [làng]. Lúc sái thời nghĩa là từ lúc đã quá nửa ngày cho đến rạng đông [ngày hôm sau]. Đi vào làng: Vị vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại thì phạm tội Pãcittiya. Vi đi vào vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại thì phạm tội Pâcỉttỉya, Ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế: Trừ ra trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế. Vào lúc sái thời, nhận biết là vào lúc sái thời, vị đi vào làng không thông báo vi Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ trường hợp có việc cân làm khân cáp như thê. Vào lúc sái thời, có sự hoài nghi, vị đi vào làng không thông báo vi Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pâcittiya. ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế. Vào lúc sái thời, [lầm] tưởng là vào lúc

hợp thời, vị đi vào làng không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pācittiya. ngoại trừ trường hợp có việc cân làm khân cáp như thê. Vào lúc hợp thời, [lầm] tưởng là lúc sái thời thì phạm tội Dukkata. Vào lúc hợp thời, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Vào lúc hợp thời, nhận biết là lúc hợp thời thì vô tội. Trong trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế, sau khi thông báo vị Tỳ- khưu hiện diện roi đi vào [làng], không có vị Tỳ-khưu hiện diện roi đi vào [làng] không có thông báo, vị đi bên trong tu viện, vi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, vi đi đen chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo, vi đi trở ve, con đường đi ngang qua ngôi làng, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về việc vào làng lúc sái thời là thứ ba. —ooOoo—

6.9.4. ĐIÊU HỌC VÈ ỐNG ĐƯNG KIM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã được người thợ làm đô sừng nọ thỉnh câu răng: "Các ngài Đại đức nào có nhu câu vê ống đựng kim, tôi sẽ dâng ống đựng kim.,, Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu yêu câu nhiêu ông đựng kim. Những vị có các ông đựng kim nhỏ thì yêu câu các ống đựng kim lớn. Những vị có các ống đựng kim lớn thì yêu cầu các ống đựng kim nhỏ. Khi ấy,

trong lúc làm nhiều ong đựng kim cho các Tỳ-khưu, người thợ làm đồ sừng ấy không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu kho sở. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim? Người này trong lúc làm nhiều ống đựng kim cho các vị này, không the làm hàng khác đe bán nên không nuôi noi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu kho SỎƯ" 2. Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim?" ...(nt). e e -r 5

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi không biêt chừng mực và yêu câu nhiều ống đựng kim, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

"Vị Tỳ-khưu nào bảo làm ông đựng kim băng xương, hoặc băng ngà, hoặc bang sừng thì [ong đựng kim ấy] nên được đập vỡ và phạm tội Pãcittỉyay 3 Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj Ty-khuu^ được đề cập trong ý nghĩa này. r

Xương nghĩa là bát cứ loại xương gì. Ngà nghĩa là ngà voi được đề cập đến. Sừng nghĩa là bát cứ loại sừng gì. 9r Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm, trong lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì nên đập vỡ5 rồi nên sám hoi tội Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Pâcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội Dukkata. Được làm bởi người khác, vị nhận được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. A z f Trong trường hợp hột nút, đô đánh lửa, cái khóa that lưng, hộp đựng thuốc cao, que bôi thuốc cao, cán dao cạo, đồ gạt nước,1 vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điêu học vê ông đựng kim là thứ tư. —ooOoo—

6.9.5. ĐIỀU HỌC VỀ GIƯỜNG NẰM 1. Lúc bấy giờ5 đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā nằm giường cao. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến trú xá của Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin hãy đi đến. Xin đức Thế Tôn hãy nhìn xem cái giường của con. Khi ấy, đức Thế Tôn ngay tại chỗ ấy đã quay lại và bảo các vị Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, kẻ rô dại cân được chỉ bảo vê chô năm. ỉ e 9 e

Sau đó, đức Thê Tôn đã khiên trách Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

1 Một số vật dụng trên được đề cập ở TTTĐPGVNẠ^ 11, tr. 743-44,728; TTPV, tập 7, Cv. II, khóa thắt lưng (vītha. 93), hộp đựng thuốc cao (añjanī. 91), que bôi thuốc cao {añjanisalākā. 91), đo gạt nước (udakapuñchanī. 55).

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 565

"Trong lúc cho thực hiện giường hoặc ghế mới, vị Tỳ-khưu nên bảo làm chân cao tám ngón tay theo ngón tay của đức Thiện The,2 ngoại trừ phan khung giường ở bên dưới. Nêu vượt quá mức ay thì nên cat bớt và phạm tội Pâcittỉyay 2. Mới nghĩa là có liên quan đến việc làm [giường hoặc ghế] được đề cập. Giường nghĩa là có bốn loại giường: Giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được. Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: Ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được. Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm chân cao tám ngón tay theo ngón tay của đức Thiện Thệ, ngoại trừ phần khung giường ờ bên dưới: Trừ ra phần khung giường ở bên dưới. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì nên cắt bớt, roi nên sám hoi tội Pâcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vi khác thì phạm tội Dukkata. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vị làm theo kích thước, vị làm thấp hơn, do người khác làm quá kích thước, sau khi đạt được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về giường nằm là thứ năm. —ooOoo—

6.9.6. ĐIỀU HỌC VÈ ĐÔN BÔNG GÒN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cho thực hiện giường ghế độn bông gòn. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho thực hiện giường ghe độn bông gòn giống như những kẻ tại gia hưởng dục vay?" 2 Sugatañgulena: Theo lóng tay của đức Thiện Thệ. Theo từ điển của Childers, añgula là bề rộng của ngón tay, tượng dương l inch = 2i54cm; vậy 8 añgula = 2,54 x8 = 20,32cm. Tài liệu TheBuddhist Monsatic Code cho biết, chiều dai của 8 añgula vào īdioang 16,60cm; đó là nói về chân giường (pādakam). Tuy nhiên, do câu sau: 4tNgoại trừ phần khung giường ở bên dưới,, nên chân giường được tính từ dưới đất lên phần bên dưới mối noi của thanh ngang va chân giường, hay nói cách khác, 8 angola chính là khoảng hở giua mặt đất và thanh ngang của khung giường. Hiểu theo cách này thì chỗ nằm cách mặt đất bao nhiêu cũngkhông được xác định ro, co thể là 40cm hoặc 50cm tùy theobề rạng của thanh ngang (độ cao như vậy xét ra cũng hợp lý). Nếu tmh ngón tay của đức Thiện Thệ có chiều dài 3 ngón tay của ngươi bình thường thì giường nam co ve

hơi cao (tối thiểu là 70cm nếu tính thanh ngang của giuoiìg co bề rộng là 20cm).

566 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "VI sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cho thực hiện giường ghê độn bông gon?99 ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cho thực hiện giường ghế độn bông gòn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại cho thực hiện giường ghế độn bông gòn vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu nào bảo thực hiện giường ghế độn bông gòn thì [bông gòn] nên được móc ra và phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu:...(nt)...Vi này là uvị Tỳ-khưu,^ được đề cập trong ý nghĩa này. Giường nghĩa là có bốn loại giường: Giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được. Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: Ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được. Bông gòn nghĩa là có ba loại bông gòn: Bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ. Bảo thực hiện: Vị [tự] làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì nên móc ra rồi nên sám hối tội Pãcittiya. Vi tự mình hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vi bảo . L e r * những người khác hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pâcittiya. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội Dukkaịa. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Trong trường hợp vi làm đồ băng bó, dây buộc lưng, dây đeo vai, túi đựng bát, đô lọc nước, gói kê; sau khi đạt được [giường ghê] do người khác làm thì móc ra rồi sử dụng; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về độn bông gòn là thứ sáu. —ooOoo—

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 567

6.9.7. ĐIỀU HỌC VÈ TẤM LÓT NGÒI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: :Tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước. Các vị treo ở phía trước và phía sau của giường và của ghế. Các ___ r ỉ X

Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thiróc?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: “Trong lúc cho thực hiện tấm lót ngồi, vỉ Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước, ở dây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nêu vượt quá mức ây thì [tâm lót ngôi] nên được cắt bớt và phạm tội Pãcittiyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udãyi có thân hình to lớn. Vị ấy khi sắp đặt tấm lót ngôi ở phía trước đức Thê Tôn cứ kéo căng ra kháp các phía, roi mới ngôi xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Udãyi điều này: -Này Udãyi, vì sao sau khi sắp đặt tấm lót ngồi, ngươi cứ kéo căng ra khắp các phía giông như là căng ra tâm da bi nhăn vậy? -Bạch Ngài, như thế là vì tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu thì quá nhỏ. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép đường viền của tấm lót ngồi là một gang. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Trong lúc cho thực hiện tấm lót ngồi, vị Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước, ơ dây, kích thước này là chiêu dài hai gang tay, chiêu rộng một gang rưỡi, đường viền một gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nêu vượt quá mức ấy thì [tấm lót ngồi] nên được cắt bớt và phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Tấm lót ngồi nghĩa là vật có đường viền được nói đến.

568 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi, đường viền một gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội Pãcittiya. Vi tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi bảo những người khác hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Pâcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pâcỉttỉya. Vị [tư] làm hoặc bảo làm vì nhu câu của vi khác thì phạm tội Dukkata. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vi làm theo kích thước; vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [tấm lót ngồi] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vi làm mái che, hoặc thảm trải nên, hoặc tâm vách chăn, hoặc nệm, hoặc gói kê; vi bi điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về tấm lót ngồi là thứ bảy. -ooOoo—

6.9.8. ĐIỀU HỌC VÈ Y ĐẮP GHẺ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của e • - í • _ r ° Ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, y đăp ghẻ đã được đức Thê Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Y đắp ghẻ đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thước. Các vi trong lúc để lòng thòng ở phía trước và phía sau, rồi đi đó đây. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thu&c?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi sử dụng các y đáp ghẻ không theo kích thước, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)...

Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu9 các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Trong lúc cho thực hiện y đắp ghẻ, vị Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước, ơ dây, kích thước này là chiêu dài bôn gang tay, chiêu rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nêu vượt quá mức ấy thì [y đắp ghẻ] nên được cắt bớt và phạm tội Pãcỉttiyay

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA 569

r A e

2. Y đăp ghẻ nghĩa là nhăm mục đích băng bó cho vị có ghẻ hoặc mụt nhọt, hoặc vết thương, hoặc bệnh lở loét ở phía dưới lỗ rún và ở phía trên đầu gối. Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ3 (lmx 0,5m). Vi [tự] làm hoặc ỷ mứcA áy, trong lúc bảo làm vượt quá . hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt L . tiên được thì nên cat bớt roi nên sám hôi tội Pācittiya. Vị tự mình hoàn tát phân vị áy chưa làm xong thì phạm tội Pācittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Pācittiya. Vi tự mình hoàn tát phân những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pācittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pācittiya. Vi [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu câu của vị khác thì phạm tội Dukkata. Được làm bởi người khác, vi đạt được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vị làm theo kích thước; vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [y đắp ghẻ] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vi làm mái che, hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về y đắp ghẻ là thứ tám. —ooOoo—

6.9.9. ĐIỀU HỌC VÈ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Vải choàng tam mưa đã được đức The Tôn cho ph4p" nên đã sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước. Các vị trong lúc để lòng thòng ở phía trước và phía sau roi đi đó đây. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thu&c?" ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3 Gang tay của đức Thiện Thệ (sugatavidatthiỵ Với những kích thước của tấm lót ngồi, y đắp ghẻ, và y tắm mưa, độ dài gang tay của đúc Thiện Thé nên lấy số đo là 25cm, tức là độ dài gang tay của người nam bậc trung thay vì gấp ba lần (xem thêm điều Sanghādisesa thứ 6: về làm cốc liêu). Như thế, kích thước các cạnh của tam lót ngoi căn bản không đường viền sẽ là 50cm x 37,50cm, và đức Phật cho phép thêm vào đường

viền 25cm. Chúng tôi nghĩ lađường viền sẽ bao bọc cả bốn cạnh; tuy nhiên khi đọc lơi trình bày về tấm lót ngồi có kèm thẹo hmh vẽ của ngài Mahāsamanā Chao trong tài liệu Vìnayamukha thì vấn đề xem ra phúc tạp hơn nhiều, quý vị nên tìm đọc để suy nghiệm.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo Idch thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “Trong lúc cho thực hiện vải choàng tắm mưa, vỉ Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước, ở đây, kích thước này là chiều dài sáu gang tay, chiều rộng hai gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nêu vượt quá mức ây thì [vải choàng tam mưa] nên được cắt bớt và phạm tội Pãcittiya^ 2. Vải choàng tắm mưa nghĩa là nhằm nhu cầu của bốn tháng mùa mưa. Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: ở đây, kích thước này là chiều dài sáu gang tay, chiều rộng hai gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ (l ,500m x 0,625m). Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ây, trong lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội Pãcittiya. Vi tự mình hoàn tát phân vi ây chưa làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. Vị bảo những người khác hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị bảo những người khác hoàn tát phân những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcitíiya. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vi khác thì phạm tội Dukkata, Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vị làm theo kích thước; vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [vải choàng tắm mưa] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vi làm mái che, hoặc thảm trải nên, hoặc tâm vách chăn, hoặc nệm, hoặc gói kê; vi bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về vải choàng tắm mưa là thứ chín. —ooOoo-

6.9.10. ĐIỀU HỌC VÈ TRƯỞNG LÃO NANDĀ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện c e -r . • của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Đại đức Nandā, con trai người dì của đức Thế Tôn là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái và thấp hơn đức Thế Tôn bốn ngón tay. Vi ấy mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ. Các Tỳ-khiru trưởng lão đã nhìn thấy Đại đức Nandā từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đi đến" rồi đã rời chỗ ngồi đứng dậy. Các vi ấy sau khi nhận ra người đã đi đên liên phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Nandā lại mặc y có kích thước y của đức Thiện The?” ...(nt).

-Này Nandā, nghe nói ngươi mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này Nandā, vì sao ngươi lại mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ vậy? Này Nandā, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các

Tỳ-khưu5 các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khiru nào cho thực hiện y có kích thước y của đức Thiện Thệ hoặc rộng hơn thì [y ấy] nên được cắt bớt và phạm tội Pãcittiya. Trong trường hợp này, kích thước y của đức Thiện Thệ dành cho đức Thiện Thệ là chiều dài chín gang tay, chiều rộng sáu gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Đây là kích thước y của đức Thiện Thệ dành cho đức Thiện Thệy 2. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)...Vi này là "vị TAkhưu" được đề cập trong ý nghĩa này. Kích thước y của đức Thiện Thệ nghĩa là chiêu dài chín gang tay, chiêu rộng sáu gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Cho thực hiện: Vi [tự] làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì nên cắt bớt, rồi nên sám hối tội Pãcỉttỉya. Vị tự mình hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vi ấy chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vi khác thì phạm tội Dukkata. Được làm bởi người khác, vi đạt được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [y] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vị làm mái che hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê; vi bi điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học về Trưởng lão Nandā là thứ mười. Phẩm Đức vua là thứ chín. -ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Của đức vua và vật quý giá, vị hiện diện, kim may và [chân] giường, [độn] bông gòn, tấm lót ngồi và [y đắp] ghẻ, [choàng tam] thuộc mùa mưa và [y] đức
Thiện Thệ.

-ooOoo—

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM Nói dối, thảo mộc và giáo giới, vật thực và đạo sĩ lõa thể, [uống] rượu, có sinh vật, [nói] theo pháp, với phẩm đức vua, chúng gồm có chín phẩm. —ooOoo— Bạch chư Đại đức, chín mươi hai điều Pãcittiya đã được đọc tụng xong. Trong các điêu ây9 tôi hỏi các Đại đức răng: Chác hãn các vị được thanh tịnh r y r \ • \ r
9

trong vân đê này? Đên lân thứ nhì, tôi hỏi răng: Chác han các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Phần Nhỏ nhặt đã được đầy đủ. —ooOoo—

7. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA e

Bạch chư Đại đức, bốn điều Pātidesañīya này được đưa ra đọc tụng.

7.1. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ NHẤT 1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ sau khi đi khất thực ở trong thành Sāvatthi, đến lúc đi trở về đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu nọ và đã nói điều này: Này ngài Đại đức, hãy nhận lãnh vật thực. -

Này Sư tỷ, tốt lắm! Rồi [vị Tỳ-khưu ấy] đã nhận lãnh hết tất cả. Khi thời giờ đã kề cận, vi Ni ấy đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bi lỡ. Sau đó5 vào ngày thứ nhì, ...(nt).. Vào ngày thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni ấy sau khi đi khất thực ở trong thành Sāvatthi, đến lúc đi trở về đã nhìn thấy vi Tỳ-khưu ấy và đã nói điều này: -Này ngài Đại đức, hãy nhận lãnh vật thực. -Này Sư tỷ, tốt lắm! Rồi [vị Tỳ-khưu ấy] đã nhận lãnh hết tất cả. Khi thời giờ đã kề cận, vi Ni ấy đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. 2. Sau đó9 vào ngày thứ tư, vị Tỳ-khưu-ni ấy run lập cập đi trên đường. Người gia chủ đại phú đang đi xe ngược chiêu đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ây điêu này: Này Ni sư, hãy tránh ra. Vị Ni ây trong lúc bước xuông đã bị té ngã ngay tại chô ây. Người gia chủ đại phú đã xin lỗi vi Tỳ-khưu-ni ấy: —Thưa Ni sư, xin hãy thứ lỗi. Ni sư đã bị tôi làm té ngã. —Này gia chủ, không phải ta đã bị ngươi làm té ngã mà chừih vì ta đây đuối sức. - Thưa Ni sư, vì sao Ni sư đuối sức? Khi ây, vi Tỳ-khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho người gia chủ đại phú. Người gia chủ đại phú ấy đã đưa vi Tỳ-khưu-ni ấy về nhà, dâng thức ăn rồi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Tại sao các ngài Đại đức lại nhận lãnh vật thực từ tay của Tỳ-khưu-ni? Là người nữ có lợi lộc khó khăn!,^ 3. Các Tỳ-khưu đã nghe được người gia chủ đại phú phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)...các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khiru lại nhận lãnh vật thực tò tay của Ty-khưu-ni?“ ...(nt).

574 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

-Này Tỳ-khưu9 nghe nói ngươi nhận lãnh vật thực từ tay của Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Này Tỳ-khưu9 là nữ thân quyên của ngươi hay không phải là nữ thân quyên? -Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến. Này kẻ rô dại, người nam không phải là thân quyên không biêt điêu gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại nhận lãnh vật thực từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ ro dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "VỊ Tỳ-khưu nào tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, roi nhai hoặc ăn thì vỉ Tỳ-khiru ấy nên thủ nhận rằng: 'Bạch chư Đại dức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thủ nhận tội 4. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vj TV-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này. [Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có liên hệ họ hàng cho đên bảy thê hệ tô tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Xóm nhà nghĩa là con đường có xe cộ, ngõ cụt, giao lộ, căn nhà. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị [nghi rằng]: :Ta sẽ nhai, ta sẽ n", rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkata. Mỗi một lan nuốt xuống thì phạm tội Pātidesamya. Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay của vị Ni đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vi tự

tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay của vị Ni đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya. Không phải là nữ thân quyến, [lầm] tưởng là nữ thân quyến, vi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay của vị Ni đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya, Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Dukkata. Vị [nghĩ rang]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn9\ rồi nhận lãnh từ tay của vị Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội Dukkata. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Dukkata.

Nữ thân quyến, [lầm] tưởng không phải là nữ thân quyến thì phạm tội Dukkata, Nữ thân quyên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Nữ thân quyên, nhạn biêt la nữ than quyên thì vo tộie Từ vị [Tỳ-khưu-ni] là nữ thân quyên; [vị Ni] bảo [người khác] trao cho chứ không tự trao cho; [vị Ni] sau khi đê xuống roi cho; ở trong tu viện; ở chô trú ngụ của các Tỳ-khưu-ni; ở chô ngủ của các tu sĩ ngoại đạo; khi đi trở vê; [vị Ni] mang từ làng về rồi cho; [vị Ni] cho vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời, [nói rằng]: "Hãy thọ dụng khi có duyên c&", từ cô Ni tu tập sự; từ Sa-di-ni; vi bị điên; vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học Pãịidesanĩya thứ nhất —ooOoo—

7.2. ĐIÊU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ NHÌ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu được thỉnh mời đang thọ thực ở các gia đình. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đứng hướng dẫn sự phục vụ đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nói rằng]: "Hãy dâng súp ở đây, hãy dâng cơm ở chỗ này." Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo như ý thích. Các Tỳ-khưu khác thọ thực không được như ý. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(rìt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không ngăn cản các Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi không ngăn cản các Tỳ-khưu-iìi đang hướng dẫn sự phục vụ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại không ngăn cản các Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: ^Trường hợp các Tỳ-khiru được thỉnh mời thọ thực ở các gia đình. Nếu tại nơi ây, có vi Tỳ-khưu-ni đứng hướng dân sự phục vụ [nói răng]9 . 'Hãy dâng sup ở đây, hãy dâng cơm ở chô này' Vỉ Tỳ-khưu-ni ây nên bị từ choi bởi các Tỳ-khưu âyf [nói răng]: 'Này Sư tỷ, hãy lui ra cho đên khi nào các Tỳ-khưu thọ thực xong' Nếu không một vi Tỳ-khưu nào lên tiếng để từ chối Tỳ-khưu-ni ấyf [nói rằng]: 'Này Sư tỷ, hãy lui ra cho đen khỉ nào các Tỳ-khưu thọ thực xong" thì các Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rang: 'Bạch chư Đại đứcf chúng tôi đã vỉ phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thủ nhận; chúng tôi xin thủ nhận tội ấy .

2. Trường hợp các Tỳ-khưu được thỉnh mời thọ thực ờ các gia đình: Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-lỵ? gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Được thỉnh mời thọ thực: Được thỉnh mời thọ thực loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực. Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. [Vi Ni] đang hướng dẫn sự phục vụ nghĩa là [nói rằng]: "Hãy dâng súp ở dây, hãy dâng cơm ở chỗ này" thuận theo tình bạn bè, thuận theo sự đồng quan điểm, thuận theo sự thân thiết, thuận theo sự có chung thầy tế độ, thuận theo sự có chung thầy dạy học; điều này gọi là [vị Ni] đang hướng dẫn sự phục vụ. Bởi các Tỳ-khưu ấy: Bởi các vi Tỳ-khưu đang thọ thực. Vi Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ. Các Tỳ- khưu ấy nên từ chối vị Tỳ-khưu-ni ấy9 [nói rằng]: “Này Sư tỷ, hãy lui ra cho đến khi nào các Tỳ-khưu thọ thực xong.” Nếu không một vị Tỳ-khưu nào từ chối, vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,\ rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesañīya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị không ngăn cản vi Ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội Pātidesañīya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị không ngăn cản vi Ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội Pātidesarñya, Người nữ đã tu lên bậc trên, [lam tưởng] là chưa tu lên bậc trên, vi không ngăn cản vị Ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội Pātidesañīya. Vị không ngăn cản vị Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì vô tội. [Vị Tỳ-khưu-ni] bảo [người khác] dâng chớ không tự dâng bữa ăn của bản thân, [vị Ni] tự dâng chớ không bảo dâng bữa ăn của những người khác, [vị Ni] bảo dâng vật chưa được dâng, [vị Ni] bảo dâng nơi nào chưa được dâng, [vi Ni] bảo dâng đồng đều cho tất cả, cô Ni tu tập sự hướng dẫn sự phục vụ, vị Sa-di-ni hướng dẫn sự phục vụ, trừ ra năm loại vật thực còn tất cả [các thức khác] không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học Pātidesanīya thứ nhì. —ooOoo—

7.3. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ BA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, ở trong thành Sāvatthi, có gia đình nọ, cả hai [vợ chồng] đều mộ đạo, tăng trưởng về đức tin, và dứt bỏ về của cải. ở

trong gia đình áy, khi có vật thực cứng, hoặc vật thực mem gì phát sanh trước bữa ăn? họ đều phân phát tất cả vật thực ấy đến các vị Tỳ-khưu. Đôi lúc, họ không còn gì [để ăn]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh không biết chừng mực? Những người này sau khi bố thí cho các vị này, đôi lúc không còn gì [để ăn].,, Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ay len đức The Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, [trường hợp] gia đình nào tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của

cải, Ta cho phép ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đến gia đình có hiện trạng như thế bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Gia đình tên [như vây] tăng trưởng vê đức tin và dứt bỏ vê của cải. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đến gia đình tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Gia đình tên [như vây] tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải. Hội chúng ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đên gia đình tên [như vây]. Đại đức nào đông ý với việc ban cho sự : r r # công nhận là bậc Hữu học đên gia đình tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Sự công nhận là bậc Hữu học đã được hội chúng ban cho đến gia đình tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đông ý nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Và này các Tỳ-khưu9 các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, vỉ Tỳ-khưu nào tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ- khưu ây nên thủ nhận răng'. 'Bạch chư Đại đứcf tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thủ nhận; tôi xin thủ nhận tội ấy.'" Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 4. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có lễ hội. Dân chúng thỉnh mời các Tỳ- khưu, rồi dâng vật thực. Gia đình ấy cũng đã thỉnh mời các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời, [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm đoán tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, rồi nhai hoặc n." Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "C6 điêu gì với cuộc sông của chúng tôi khiên các ngài Đại

đức không thọ lãnh của chúng t6i?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy len đức The T6n. 5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu5 với vi đã được thỉnh mời, Ta cho phép tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, roi nhai hoặc ăn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vay: "Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, vi Tỳ-khưu nào không được thỉnh mời trước, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thếf roi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ-khưu ây nên thủ nhận răng: 'Bạch chư Đại dức, tôi đã vỉ phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thủ nhận; tôi xỉn thủ nhận tội ấy.'" Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 6. Vào lúc bây giờ, có Tỳ-khưu nọ là vị thường lui tới với gia đình ây. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát đi đến gia đình ấy, sau khi đên đã ngôi xuông trên chô ngôi được sáp đặt săn. Vào lúc bây giờ, vị Tỳ-khưu ấy bị bệnh. Khi ấy, những người ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: -Thưa ngài, xin hãy thọ thực. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm đoán vị không được thỉnh mời tư tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực

mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, rồi nhai hoặc ăn", trong lúc ngần ngại đã không thọ lãnh và đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi về tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khiru đã trình sự việc áy lên đức The Ton. 7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, với vi Tỳ-khưu bị bệnh, Ta cho phép tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, roi nhai hoặc ăn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vầy: “Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, vỉ Tỳ-khưu nào không được thỉnh mời trước, không bỉ bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vỉ Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại dức, tôi đã vỉ phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thủ nhận; tôi xỉn thủ nhận tội ấy.

7. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA 579

8. Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học: Gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, nghĩa là gia đình nào tăng trưởng về đức tin, dứt bỏ vê của cải và sự công nhận là bậc Hữu học băng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì đã được ban cho gia đình có hiện trạng như thế. Vi nào: Là bất cứ vi nào ...(nt). Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu,9 được đề cập trong ý nghĩa này. ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế: ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như vậy. Không được thỉnh mời nghĩa là không được thỉnh mời vào ngày nay hoặc ngày mai, họ thỉnh mời khi [vị Tỳ-khưu] đi vào vùng phụ cận của ngôi nhà; việc này gọi là không được thỉnh mời. Được thỉnh mời nghĩa là được thỉnh mời vào ngày nay hoặc ngày mai, họ thỉnh mời khi [vi Tỳ-khưu] không đi vào vùng phụ cận của ngôi nhà; việc này gọi là được thỉnh mời. Không bi bệnh nghĩa là có thể đi khất thực. Bi bệnh nghĩa là không thể đi khất thực. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phan còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mem nghĩa là năm loại vật thực [gôm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị không được thỉnh mời, không bị bệnh [nghĩ rằng]: 'Ta sẽ nhai, ta sẽ n”, rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkaịa. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãtidesanĩya. Đã được công nhận là bậc Hữu học, nhận biết đã được công nhận là bậc Hữu học, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya, Đã được công nhận là bậc Hữu học, có sự hoài nghi, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya. Đã được công nhận là bậc Hữu học, [lâm tưởng] chưa được công nhận là bậc Hữu học, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya. ỉ ĩ f

Vị nhận lãnh vật dùng đên hét đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suôt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Môi một lân nuôt xuông thì phạm tội Dukkata. Chưa được công nhận là bậc Hữu học, [lầm tưởng] đã được công nhận là bậc Hữu học

thì phạm tội Dukkata. Chưa được công nhận là bậc Hữu học, có Sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Chưa được công nhận là bậc Hữu học, nhận biết chưa được công nhận là bậc Hữu học thì vô tội.

Vị đã được thỉnh mời; vị bi bệnh; vị thọ thực phần còn lại của vị đã được thỉnh mời hoặc của vị bi bệnh; vật thực đã được sắp đặt tại nơi ấy là của những người [thí chủ] khác; [gia đình ấy] sau khi đem ra khỏi nhà rồi dâng; bữa ăn thường kỳ; bữa ăn theo thẻ; vào mỗi nửa tháng; vào ngày Uposatha; vào ngày đầu của mỗi nửa tháng; [người áy] dâng vật dùng đên hét đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùnệ suốt đời [nói rằng]: "Hãy thọ dụng khi có duyên c&”; vi bị điên; vị vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học Pātidesanīya thứ ba. —ooOoo—

7.4. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ TƯ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dan chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các nô lệ của dòng Sakyā nổi loạn. Các người nữ dòng Sakyā muốn làm bữa trai phạn ở những chỗ trú ngụ trong rừng. Các nô lệ của dòng Sakyā đã nghe được rằng: “Nghe nói các người nữ dòng Sakyā có ý đinh làm bữa trai phạn ở những chỗ trú ngụ trong rừng.” Chúng đã canh giữ các con đường. Các người nữ dòng Sakyā đã mang thực phẩm thượng hạng loại cứng, loại mem đi đen chỗ trú ngụ ở trong rừng. Các nô lệ của dòng Sakyā đã xuất hiện, cướp bóc và làm nhục các người nữ dòng Sakyā. Những người dòng Sakyā đã xuất hiện bắt giữ bọn cướp cùng với các đồ đạc5 rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức không thông báo ve bọn cướp đang an náu trong tu viên?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dòng Sakyā phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(nt)... Sau đó? các vi Tỳ-khưu áy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, như thê thì Ta sẽ quy định điêu học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt).. nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Trường hợp những chỗ trủ ngụ ở trong rừng được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kỉnh hoàng, vị Tỳ-khưu nào trong khi đang sống ở những chỗ trú ngụ có hình thức như the, sau khỉ tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước ở trong khuôn viên tu viện, rồi nhai hoặc ăn, thì vỉ Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại dức, tôi đã vi phạm tội đảng chê trách, không có lợi ích, can phải thủ nhận; tôi xỉn thủ nhận tội ấy."' Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở những chô tru ngụ trong rừng bi bệnh. Dân chúng mang vật thực cứng, vật thực mem đi đến chỗ trú ngụ trong rừng. Khi ấy, những người ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

Thưa ngài, xin hãy thọ thực. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở những chỗ trú ngụ

trong rừng, roi nhai hoặc n", trong lúc ngân ngại đã không nhận lãnh và đã không thê đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vi Tỵ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khim đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ"khưu, với vi Tỳ-khưu bị bệnh, Ta cho phép sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem ở những chô trú ngụ trong rừng, roi nhai hoặc ăn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "Trường hợp những chỗ trủ ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kỉnh hoàng, vỉ Tỳ-khưu nào trong khi đang song ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế, sau khỉ tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem chưa được báo tin trước ở trong khuôn viên tu viện, không bị bệnh, rồi nhai hoặc ăn thì vỉ Tỳ-khưu ấy nên thủ nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức, tôi đã vỉ phạm tội đảng chê trách, không có lợi Ích, cần phải thủ nhận; tôi xỉn thú nhận tội ấy, 5. Trường hợp những chỗ trú ngụ ờ trong rừng: ở trong rừng, nghĩa là chỗ trú ngụ cách [căn nhà] cuối cùng khoảng cách năm trăm cây cung.1 Có sự nguy hiểm nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, chô căm trại của bọn cướp được thây, chô ăn được thây, chô đứng được thây, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy. Có sự kinh hoàng nghĩa là trong tu viện, hoặc trong vùng phụ cận tu viện, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bi cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy. Vi nào: Là bất cứ vị nào ...(nt) Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu,, được đề cập trong ý nghĩa này. ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế: ở các chỗ trú ngụ có hình thức như vậy. Chưa được báo tin, nghĩa là đã được báo tin đến năm hạng [người đồng đạo];12 điều này gọi là chưa được báo tin. Đã được báo tin [ở các nơi khác], ngoại trừ tu viện hoặc vùng phụ cận tu viện; điêu này gọi là chưa được báo tin. 6. Đã được báo tin nghĩa là bất cứ người nữ nào hoặc người nam nào đi đên tu viện và vùng phụ cận tu viện roi thông báo răng: “Thua ngài, sẽ mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mem của người tên [như vây].^, Nêu có sự nguy

1 Sách The Buddhist Monastic Code cho biết, khoảng cách của 500 cây cung độ chừng Ikm. 2 Năm hạng người đồng đạo là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni.

hiểm, nên nói rằng: "C6 sự nguy hiểm.,, Nếu có sự kinh hoàng, nên nói rằng: "C6 sự kinh hoàng." Nếu [người ấy] nói lại rằng: "Thua ngài, hãy vậy đi. Sẽ được mang lại” thì nên nói với bọn trộm cướp răng: "Dân chúng đi đên nơi đây, hãy lui ra.” Khi đã được báo tin liên quan đen cháo, vật phụ thuộc của cháo được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đên bữa ăn? vật phụ thuộc của bữa ăn được mang lại; điêu này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến vật thực cứng, vật phụ thuộc của vật thực cứng được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo : « _ . Ị. tin liên quan đên gia đình, người nào trong gia đình ây mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đên ngôi làng, người nào trong ngôi làng ây mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin

liên quan đến phường hội, người nào trong phường hội ấy mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. 7. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phân còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá5 thịt. Khuôn viên tu viện nghĩa là bên trong tu viện đối với tu viện đã được rào lại, là vùng phụ cận đoi với tu viện không được rào lại. Không bỉ bệnh nghĩa là có thể đi khất thực. Bi bệnh nghĩa là không thể đi khất thực. [Vật thực] chưa được báo tin, vị không bị bệnh [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ n", rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkata, Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesañīya. -..í , # Khi chưa được báo tin, nhận biêt là chưa được báo tin, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem ở trong khuôn viên tu viện, vi không bi bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội Pãtỉdesanĩya. Khi chưa được báo tin, có sự hoài nghi, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem ở trong khuôn viên tu viện, vị không bi bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya. Khi chưa được báo tin, [lầm] tưởng là đã được báo tin, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vi không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội Pātidesanīya. Vị nhận lãnh vật dùng đên hét đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Dukkata, Khi đã được báo tin, [lầm] tưởng là chưa được báo tin thì phạm tội Dukkata, Khi đã được báo tin, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã được báo tin, nhận biết là đã được báo tin thì vô tội.

Khi đã được báo tin; vị bị bệnh; vi thọ thực phần còn lại trong trường hợp đã được báo tin hoặc của vị bi bệnh; vi thọ lãnh ở bên ngoài tu viện, rồi thọ thực ở bên trong tu viện; vị thọ thực rễ cây, hoặc vỏ cây, hoặc lá cây, hoặc bông hoa, hoặc trái cây sanh trưởng tại nơi ây; vị thọ dụng vật dùng đên hét đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học PãỊidesanĩya thứ tư. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Với vi Ni không phải là thân quyến, hướng dẫn sự phục vụ, [gia đình] bậc
Hữu học và với vị ở trong rừng là bon điều Pātidesanīya đã được giảng rõ bởi đấng Toàn Giác.

—ooOoo—

Bạch chư Đại dức, bốn điều Pātidesanīya đã được đọc tụng xong. Trong các điêu ây5 tôi hỏi các Đại đức răng: Chác han các vị được thanh tinh trong vân > ỉ y e \ r 9

đê này? Đên lân thứ nhì, tôi hỏi răng: Chác hãn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tinh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt các điều PãỊỉdesanĩya. —ooOoo—

8. CHƯƠNG SEKHIYA

Bạch chư Đại đức, các pháp Sekhiyã1 này được đưa ra đọc tụng. 8.1.1 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư quân y [nội]12 để lòng thòng phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau giống như những kẻ tại gia hưởng dục v^y?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi nói pháp thoại đã triệu tập hội chúng Tỳ-khiru lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rang: -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các ngươi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi lại quân y [nội] đê lòng thòng phía trước và phía sau vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên pho biến điều học này như vay: '"Ta sẽ quấn y [nội] tròn đều" là việc học tập nên được thực hành y 2. Nên quấn y [nội] cho tròn đều với việc che kín vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị nào quấn y [nội] để lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý5 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất. —ooOoo—

1 Sekhỉya (vị lai phân từ thụ động, ngữ căn Vsikkh): cần được học tập, nên được rèn luyện. 2 Động từ nivãseti áp dụng cho antaravãsaka (y nội) nên được dịch là "quấn y (nội).,,

8.1.2 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm y [vai trái]3 đe lòng thòng phía trước và phía sau. ...(nt). sẽ trùm y [vai trái] tròn đều' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên trùm y [vai trái] cho tròn đều sau khi đã làm bằng nhau cả hai mép y. Vị nào trùm y [vai trái] để lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vi bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo— 8.1.3 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đê hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt). '“Mặcy che kín đáo, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Vị mặc che kín đáo [mới] nên đi ở nơi xóm nhà. Vi nào để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý9 khi thất niệm, vị không biết, vị bi bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo— 8.1.4 L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt). "'Mặc y che kín đảo, ta sẽ ngồi ở

nơi xóm nhà' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Vị mặc y che kín đáo [mới] nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

3 Động từpãrupati áp dụng cho uttarāsañga (thượng y, y vai trái) nên được dịch ỉa “trùm y (vai trái)."

8.1.5 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt). '"Khéo thu thúc, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Vị khéo thu thúc [mới] nên đi ở nơi xóm nhà. Vi nào múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý5 khi thất niệm, vi không biết, vị bi bệnh, trong những lúc có sự cố? vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm, —ooOoo— 8.1.6 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư múa máy tay chân khi ngoi ở nơi xóm nhà. ...(nt). y

“'Khẻo thu thúc, ta sẽ ngôi ở nơi xóm nha" là việc học tập nên được thực hànhr 2. Vi khéo thu thúc [mới] nên ngôi ở nơi xóm nhà. Vị nào múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý5 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo— 8.1.7 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt). “'Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà với mát nhìn xuông' là việc học tập nên được thực hành y 2. Nên đi ở nơi xóm nhà với mát nhìn xuống, thây khoảng cách băng cái cày.4 Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vi bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4 Nghĩa là nhìn phía trước ở mặt đất khoảng cách 4 hattha, khoảng 2m (VinA. IV. 891).

8.1.8 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư nhìn chô này, chỗ nọ khi ngoi ở nơi xóm nhà. ...(nt). '"Ta sẽ ngôi ở nơi xóm nhà với mát nhìn xuông' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên ngồi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, thấy khoảng cách bằng cái cày. Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi ngòi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý9 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo— 8.1.9 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm

nhà với sự vén y lên. ...(nt). “'Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên' là việc học tập nên được thực hành y 2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. Vị nào vén y lên một bên hoặc cả hai bên khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vi bi bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo— 8.1.10 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. ...(nt). A CL C rri ~77 _ _ 7 A r • < 7 • l A / T La sẽ không ngoi ơ nơi xom nhà vơi sự ven y len la việc nọc tạp nen được thực hành y 2. Không nên ngôi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. Vị nào vén y lên một bên hoặc cả hai bên khi ngoi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

3. Không cố ý9 khi thất niệm, vị không biết, vi bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Tròn đều là thứ nhất. —ooOoo— 8.2.1 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cười tiếng cười lớn khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt). , _ LLC rri ~77 ->• 9 • 1 • l /K A Ta sẽ không đi ở nơi xom nha VƠI tiêng cười vang la việc nọc tạp nen được thực hành y 2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang. Vị nào cười tiếng cười lớn khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý? khi thất niệm, vi không biết, vị bi bệnh, vị chỉ mỉm cười khi có sự việc đáng cười, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo— 8.2.2 L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư cười tiêng cười lớn khi ngôi ở nơi xóm nhà. ...(nt). sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang' là việc học tập nên được thực hành y 2. Không nên ngôi ở nơi xóm nhà với tiêng cười vang. Vị nào cười tiêng cười lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vi bị bệnh, vị chỉ mỉm cười khi có sự việc đáng cười, trong những lúc có sự cố, vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo— 8.2.3 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư gây tiêng động ôn, tiêng động lớn khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ"5 là việc học tập nên được thực hành'" 2. Nên đi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ. Vị nào gây tiếng động ồn, tiếng động lớn khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. -ooOoo— 8.2.4 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư gây tiếng động ồn, tiếng động lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt). ^'Tasẽ ngồi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ' là việc học tập nên được thực hành y 2. Nên ngồi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ. Vị nào gây tiếng động Ôn, tiêng động lớn khi ngôi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội

Dukkata. 3. Không cố y, ...(nt)... vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo— 8.2.5 L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình. ...(nt). "'Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lác lư thân. Nên giữ thân ngay thăng rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

5 Appasaddo'. Dịch sát nghĩa là "ít tiếng động, tiếng động nh6." Chủ giảiy cho ví dụ về tiếng động nhỏ như sau: "Trong, cn nhà dài 6m, có ba vị Trưởng lao ngoi, một vị ngoi đầu này, mọt vị ngoi giữa, một vị ngồi đàng cuối (như vậy, vị ngồi giữa cách đều hai vị kia một khoảng cách là 3m). Khi vị thứ nhất nói nhỏ nhẹ thì vị ngồi ở giữa nghe va xác định được nội dung, còn vi kia ngồi cách 6m, nghe tiếng nói nhưng không xác định được nội dung. Cho đến như vạy là tiêng động nhỏ. Trái lại, nếu VỊ Trưởng lão thứ 3 xác định được nội dung thì gọi là tiếng động lớn" (VinA. IV. 891).

3. Không cố ý5 ...(nt).. vị vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. -00O00- 8.2.6 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình. ...(nt). Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân. Nên giữ thân ngay thăng roi ngôi. Vị nào ngôi ở nơi xóm nhà với sự lác lư thân trong khi đung đưa thân hình do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. --ooOoo— 8.2.7 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay. ...(nt). " sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cảnh tay" là việc học tập nên được thực hành y r 2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lác lư cánh tay. Nên giữ yên cánh tay rồi đi. Vi nào đi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo— 8.2.8 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay. ...(nt). Ta sẽ không ngôi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cảnh tay' là việc học tập nên được thực hànhy

2. Không nên ngôi ở nơi xóm nhà với sự lăc lư cánh tay. Nên giữ yên cánh tay rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt).. vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. -ooOoo— 8.2.9 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu. ...(nt). "'Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu' là việc học tập nên được

thực hành y 2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu. Nên giữ đầu ngay thẳng rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý5 ...(nt)... vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo— 8.2.10 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu. ...(nt). "'7Ỉ7 sẽ không ngôi ở nơi xóm nhà với sự ỉắc lư đâu' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên ngôi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đâu. Nên giữ đâu ngay thăng rồi ngồi. Vi nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đàu trong khi đung đưa cái đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Cười vang là thứ nhì. —ooOoo— 8.3.1 l. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chống nạnh đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

“'Ta sẽ không chông nạnh đi ở nơi xóm nhà" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên chống nạnh đi ở nơi xóm nhà. Vị nào chống nạnh một bên hoặc hai bên rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkaịa. 3. Không cố ý, ...(nt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.,, Điều học thứ nhất —ooOoo— 8.3.2 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chông nạnh ngôi ở nơi xóm nhà. ...(nt) “'Ta sẽ không chổng nạnh ngồi ở nơi xóm nhà' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào chống nạnh một bên hoặc hai bên rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo— 8.3.3 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. r y y9 • Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư trùm y luôn cả đâu roi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt). “'Ta sẽ không trùm đầu lại đi ở nơi xóm nhà' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Vị trùm đầu lại không nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào trùm y luôn cả đầu rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố y, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo— 8.3.4 l. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm y luôn cả đầu rồi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

>

'“7h sẽ không trùm đâu lại ngôi ở nơi xóm nhà' là việc học tập nên được thực hành y 2. Vi trùm đâu lại không nên ngôi ở nơi xóm nhà. Vị nào trùm y luôn cả đâu rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt).. vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo— 8.3.5 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. ...(nt). '"Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự nhón góf là việc học tập nên được thực

hành." 2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố y, ...(ĩìt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo— 8.3.6 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối. ...(nt). LLC rri _ • 9 . r T x -Ị \ . 7 K Ta se không ngoi ơ nơi xom nhà với sự om đau gói la việc học tạp nen được thực hànhy \ \ if

2. Không nên ngôi ở nơi xóm nhà với sự ôm đâu gói. Vi nào ngôi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối bằng tay, hoặc ôm đầu gối bằng miếng vải do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi tru ngụ, trong những lúc có sự cố5 vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo— 8.3.7 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang, như là có ý muốn đổ bỏ. ...(nt).

“'Th sẽ thọ lãnh đồ khất thực một cách nghiêm trang'6 là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên thọ lãnh đồ khất thực một cách nghiêm trang. Vị nào thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang, như là có ý muốn đổ bỏ do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo— 8.3.8 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ lãnh đồ khất thực. Ngay cả trong lúc vung vãi, luôn cả trong lúc làm tràn ra ngoài các vị đều không hay biết. ...(nt). '"Chủ tâm ở bình bát, ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên thọ lãnh đồ khất thực với sự chú tâm ở bình bát. Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ lãnh đo khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo— 8.3.9 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Su, trong khi thọ lãnh đồ khất thực, thọ lãnh quá nhiều súp. ...(nt). "'Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực với lượng sup tương xứng' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Súp nghĩa là có hai loại súp: Súp đậu muggā và súp đậu māsā nên được mang đi bằng tay. Nên thọ lãnh đô khất thực với lượng súp tương xứng. Vị nào thọ lãnh quá nhiều súp do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố y, khi ứiất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, khi [súp] có thêm nhiều món khác nhau để tăng hương vị, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vi khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

6 Sakkaccanti satiụi upatthapetvā'. Nghiêm trang là sau khi thiết lập niệm (VinA. IV. 891).

8.3.10 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ lãnh đô khát thực được làm vun đầy lên. ...(nt). sẽ thọ lãnh đồ khất thực vừa ngang miệng [bình bát]' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên thọ lãnh đồ khất thực vừa

ngang miệng [bình bát]. Vị nào thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cô ý, khi thát niệm, vị không biêt, trong những lúc có sự cô, vị bị điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Chống nạnh là thứ ba. —ooOoo— 8.4.1 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang, như là không có ý muốn ăn. ,..(nt). “'Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực một cách nghiêm trang" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên thọ dụng đồ khất thực một cách nghiêm trang. Vị nào thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang, như là không có ý muốn ăn do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý9 khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất. —ooOoo— 8.4.2 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ dụng đồ khất thực. Ngay cả trong lúc vung vãi lẫn trong lúc làm tràn ra ngoài, các vị đều không hay biết. ...(nt) “'Chil tâm ở bình bát, ta sẽ thọ dụng đồ khất thực" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên thọ dụng đồ khất thực với sự chú tâm ở bình bát. Vị nào nhìn chỗ này, chô nọ khi thọ dụng đô khát thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

8. CHƯƠNG SEKHIYA > 597

3. Không cố V, ...(nt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

—ooOoo—

8.4.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lựa chọn chỗ này, chỗ kia rồi thọ dụng đồ khất thực. ...(nt).

\ Z y

sẽ thọ dụng đô khát thực theo tuân tự' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên thọ dụng đồ khất thực theo tuần tự. Vị nào lựa chọn chỗ này, chỗ kia khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cô ý, khi thát niệm, vị không biêt, vi bị bệnh, vi lựa chọn trong lúc bố thí đến những vị khác, vi lựa chọn trong lúc bỏ sang vật đựng khác, [khi lấy ra] các món đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo— 8.4.4 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, trong lúc thọ dụng đồ khất thực, thọ dụng quá nhiều súp. ...(nt). ^Tasẽ thọ dụng đồ khất thực với lượng súp tương xứng" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Súp nghĩa là có hai loại súp: Súp đậu muggā và súp đậu māsā nên được mang đi bang tay. Nên thọ dụng đo khất thực với lượng súp tương xứng. Vi nào thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý? khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, khi [súp] có thêm nhiều món khác nhau để tăng hương vi, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cau của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố9 vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. -ooOoo- 8.4.5 1.

Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khất thực. ...(nt).

598 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

"'Ta sẽ không vun lên thành đông roi thọ dụng đô khát thực' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khất thực. Vị nào vun lên thành đống, rồi thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi gom chung phân ít ỏi còn sót lại làm vun lên roi thọ dụng, trong những lúc có sự cô, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. -ooOoo— 8.4.6 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư dùng cơm che lấp súp và thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. ...(nt). "'Ta sẽ không dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ỷ muốn được nhiều hơn' là việc học tập nên được thực hành y 2. Không nên dùng cơm che lâp súp hoặc thức ăn với ý muôn được nhiêu hơn. Vi nào dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, các thí chủ phủ kín lại rồi bố thí, không có ý muôn được nhiêu hơn, trong những lúc có sự cô, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo— 8.4.7 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư yêu cầu súp và cơm vì nhu câu của bản thân roi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân rồi thọ thực? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thu?" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn? phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân rồi thọ thqc?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của Ae bản thân roi thọ thực, có đúng không vậy?

8. CHƯƠNG SEKHIYA 599

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này những kẻ rô dại, vì sao các ngươi lại yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân roi thọ thực vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "'Ta sẽ không yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân roi thọ thực' là việc học tập nên được thực hànhy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các vị bi bệnh điều này: -Này các Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân rồi thọ thực, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái. Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi Tỳ-khưu bi bệnh được yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này

như vầy: A 2

y không bỉ bệnh, ta sẽ không yêu câu súp và com vì nhu câu của bản "'Khi thân roi thọ thực" là việc học tập nên được thực hànhy 4. Vị không bị bệnh không nên yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân roi thọ thực. Vị nào không bi bệnh mà yêu câu súp và cơm vì nhu câu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkaịa. 5. Không cố ý9 khi thất niệm, vi không biết, vị bi bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cau, vì nhu cau của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự co, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo— 8.4.8 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn vào bình bát của các vi khác với ý định tìm lỗi. ...(nt). "'Ta sẽ không nhìn vào bình bát của các vị khác với ỷ định tìm ỉỗr là việc học tập nên được thực hành y

2. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Vị nào nhìn vào bình bát của các vị khác với ý đinh tìm lỗi do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho” hoặc "Ta sẽ bảo [người khác] cho” rồi nhìn, vị không có ý đinh tìm lỗi, trong những lúc có sự co, vị bị điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo— 8.4.9 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm vắt cơm lớn. ...(nt). '"Ta sẽ không làm vắt cơm quá lớn' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Vi nào làm vắt cơm quá lớn do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. -ooOoo- 8.4.10 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm những năm cơm dài roi thọ thực. ...(nt) r y

"'Ta sẽ làm năm cơm tròn đêu' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Nên làm năm cơm tròn đêu. Vị nào làm năm cơm dài do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bi bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Nghiêm trang là thứ tư. —ooOoo— 8.5.1 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đen. ...(nt).

“'Ta sẽ không há miệng ra khỉ vát cơm chưa được đưa đên" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên há miệng ra khi vát cơm chưa được đưa đên. Vị nào há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo— 8.5.2 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. ...(nt). "'Ta sẽ không đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực' là việc học tập nên được thực hành y 2. Trong lúc thọ thực, không nên đưa

trọn bàn tay vào miệng. Vi nào đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn Ượng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, ...(nt).. vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo— 8.5.3 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nói khi miệng có vát cơm. ...(nt). “'ĩh sẽ không nói khi miệng có vắt cơm' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên nói khi miệng có văt cơm. Vị nào nói khi miệng có vát cơm do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. -ooOoo- 8.5.4 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục.7 ...(nt)

7 Hợp từpiridukkhepakarn được dịch sát nghĩa là usự thảy lên cục [cơm].,, Như vậy, theo sự xác định ở phần không phạm tối thì vật thực cứng và các thứ trái cây được phép thảy vào miệng! Ngài Bụddhaghosa giải thích rang: Pindukkhepakanti pindam ukkhipitvā ukkhipitvā (VìnA. IV. 893), chúng toi hiểu sự lạp lại của bất biến đọng tư ukkhỉpitvâ là uđưa len rồi đưa lên^, nên đã ghi lại lời dịch Việt là: uThọ thực thèo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục."

"'Ta sẽ không thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục' là việc học tập nên được thực hành y 2. Không nên thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục. Vị nào thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, trong những lúc có sự co, vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo— 8.5.5 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lôi căn vát cơm từng chút một.8 ...(nt). “'Ta sẽ không thọ thực theo lôi căn vát cơm từng chút một' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một. Vi nào thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố? vi bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo- 8.5.6 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lôi làm phông má [do cơm bị độn vào]. ...(nt). “% sẽ không thọ thực theo lối làm phồng má' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực theo lôi làm phông má. Vi nào làm phông má một bên hoặc hai bên rồi thọ thực thì phạm tội Dukkata.

8 Hợp từ kabaḶãvacchedaka được dịch sát nghĩa là t4sự cắn vắt cơm làm hai." Cũng như điều trên, khi xem đến phần không phạm tội với các vật thực cưng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, chúng tôi hiểu lời giải thích kabalāvacchedakanti kabalam avacchinditvā avacchindivā của ngài Bụddhaghosa là "cắn đi can lại vắt cơm", "cắn vắt cơm từng chút m0t", nói theo cách nôm na là uăn ỗieo loi nhâm nhi."

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị kh6ng biết, vị bi bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, trong những lúc có sự co, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì VO tôi. Điều học thứ sáu. —ooOoo— 8.5.7 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự vung rảy bàn tay. ...(nt). '"Ta sẽ không thọ thực có sự vung rảy bàn tay" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Vi nào thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị vung rảy bàn tay khi rũ bỏ vật dơ, trong những lúc có sự co, vị bị điên, vị vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo— 8.5.8 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. ...(nt). 6“Ta sẽ không thọ thực có sự làm rơi đổ cơm' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. Vị nào thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, vị làm cơm bị rơi rớt trong lúc rũ bỏ vật dơ, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo- 8.5.9 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự le lưỡi. ...(nt). “'Tà sẽ khôri2 thọ thực có sự le lưỡi' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có sự le lưỡi. Vị nào thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata,

3. Không cố ý5 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo— 8.5.10 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có làm tiếng chép chép. ...(nt). '"Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng chép chép' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có làm tiêng chép chép. Vị nào thọ thực có làm tiêng chép chép do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý5 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Vắt CƠH1 là thứ năm. —ooOoo— 8.6.1 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bay giờ, món nước sữa được chuẩn bị cho hội chúng bởi người Bà- la-môn nọ. Các vị Tỳ-khưu uống sữa làm tiếng kêu sột sột. Có vi Tỳ-khxru nọ, trước kia là kịch sĩ, đã nói như vầy: "T6i nghĩ rằng toàn thể hội chúng này bi lạnh.,, Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ-khưu lại làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng?" ...(nt). -Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 không nên làm trò đùa giỡn liên quan đến đức Phật, hoặc đến giáo pháp, hoặc đến hội chúng; vị nào làm thì phạm tội Dukkata. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây:

"'Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng sột sộf là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có làm tiếng sột sột. Vị nào thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý9 ...(nt)... vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo— 8.6.2 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự liêm tay. ...(nt) "'Ta sẽ không thọ thực có sự liếm tay" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Vi nào thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo— 8.6.3 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự nạo vét bình bát.9 ..(nt). "'Ta sẽ không thọ thực có sự nạo vét bình bải là việc học tập nên được thực hành y 2. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Vi nào thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý5 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi gom chung phần ít ỏi còn sót lại vét ra ngoài rồi thọ dụng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo- 8.6.4 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự liêm môi. ...(nt).

9 Từ nillehakam nghĩa là "SỊT liếm, vét.,, Trong ba cụm từ hattha-nillehakarn, pattạ-nillehakam, ottha- nillehakarn liên quan đến tay, bình bát và môi. Sở dĩ chúng tôi không dịch là Tiếm bình bát" vì điều ấy không thể thực hiện được nên ghi là "nạo vét." Nếu vị Tỳ-khưu thọ thực trong đĩa thì từ Tiếm" có thể dụng (ND).

"6 Ta sẽ không thọ thực có sự liếm môi" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Vị nào thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vi không biết, vi bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo— 8.6.5 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, trong thành Susumãragira, ở rừng Bhesakalâ, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, ở tòa lâu đài của Kokanada, các vi Tỳ-khưu thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn giống như những kẻ tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ..(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu lại thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn?^ ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rô dại ây lại thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: "'Ta sẽ không thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn' là việc học tập nên được

thực hành]' 3. Không nên thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. Vị nào thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 4. Không cố V, khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, vị thọ lãnh [nghĩ rằng]: “Ta sẽ rửa” hoặc "Ta sẽ bảo [người khác] rửa", trong những lúc có sự cố5 vị bi điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

8. CHƯƠNG SEKHIYA 607

8.6.6 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, trong thành Susumâragira, ở rừng Bhesakalâ, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, ở tòa lâu đài của Kokanada, các vi Tỳ-khưu đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: uTại sao các Sa-môn Thích tử lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?,, 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nha?” ..(nt) Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: sẽ không đổ bỏ nước rửa bình bát cỏ lẫn cơm ở nơi xóm nhà" là việc học tập nên được thực hành y 3. Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Vị nào đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 4. Không cố ý; khi thất niệm; vị không biết; vị bi bệnh; sau khi đã vớt ra [các hột cơm], hoặc sau khi làm nhừ nát, hoặc [đổ vào] ở đồ chứa, hoặc đem ra bên ngoài rồi đổ bỏ; trong những lúc có sự cố; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo— 8.6.7 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

608 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: sẽ không thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay' là việc học tập nên được thực hànhy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại thuyết pháp đến người bi bệnh có dù ở bàn tay rồi không thuyết. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không thuyết pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những n^ười ấy phàn nàn? phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu áy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tồn nhân lý

do ẩy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thuyết pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: “Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay' là việc học tập nên được thực hànhy 3. Dù nghĩa là có ba loại dù: Dù trăng, dù băng sậy, dù băng lá được buộc theo vòng tròn, được buộc bang các thanh cây dẹp. Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vi Thinh văn5 được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư thiên có liên quan đến mục đích, có liên quan đến giáo pháp. Thuyết: Vị thuyết theo câu thì phạm tội Dukkata theo mỗi một câu. Vi thuyết theo từ thì phạm tội Dukkata theo mỗi một từ. 4. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 5 Không cố ý5 khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo— 8.6.8 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có gậy ở bàn tay. ...(nt). “'Từ sẽ không thuyêtpháp đên người không bỉ bệnh có gây ở bàn tay" là việc học tập nên được thực hànhy

2. Gậy nghĩa là gậy dài bốn cánh tay của người đàn ông bậc trung [khoảng 2m]? dài hơn không phải là gậy, ngan hơn không phải là gậy. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố y, ...(nt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo— 8.6.9 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay. ,..(nt). “'Ta sẽ không thuyêtpháp đên người không bị bệnh có dao ở bàn tay' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Dao nghĩa là vũ khí có lưỡi một bên, có lưỡi hai bên. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý, ...(nt).. vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo— 8.6.10 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khini nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay. ...(nt) r r '"Ta sẽ không thuyết pháp đên người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Vũ khí nghĩa là cây cung, cây nỏ. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố? vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Tiếng sột sột là thứ sáu. —ooOoo—

8.7.1 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư thuyêt pháp đên người có mang giày. ...(nt). '"Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bỉ bệnh có mang giày'" là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thuyết pháp đến người không bi bệnh có mang giày. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh

hoặc đứng ở trên giày, hoặc [mang giày] đã được buộc lại, hoặc đã được cởi ra [ở gót chân] do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt)... vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo— 8.7.2 L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đên người có mang dép. ...(nt). “"Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có mang déplà việc học tập nên được thực hành." 2. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có mang dép. Vị nào thuyết pháp đến người không bi bệnh hoặc đứng ở trên dép, hoặc [mang dép] đã được buộc lại, hoặc đã được cởi ra [ở gót chân] do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố y, ...(nt).. vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo— 8.7.3 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người ở trên xe. ...(nt). sẽ không thuyết pháp đến người không bi bệnh ở trên xe' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiệu khiêng, ghế khiêng. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh ở trên xe. Vị nào thuyết pháp đến người không bi bệnh ở trên xe do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

3 Không cố V, ...(nt)...vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo— 8.7.4 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người đang nằm. ...(nt). "'Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bi bệnh đang nằm' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thuyết pháp đến người không bi bệnh đang nằm. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh đang nằm cho dù ở trên nền đất do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3 Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. -ooOoo— 8.7.5 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người ngồi ôm đầu gối. ...(nt). “"Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bi bệnh ngồi ôm đầu gối' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối bằng tay, hoặc ôm đầu gối bằng miếng vải do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo— 8.7.6 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyêt pháp đên người đội khăn ở đau. ...(nt). “""Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bi bệnh đội khăn ở đầu' là việc học tập nên được thực hành y 2. Đội khăn ờ đầu nghĩa là sau khi không để lộ ra tóc ở bên trong rồi đội khăn lên*

Không nên thuyết pháp đến người không bi bệnh đội khăn ở đầu. Vị nào thuyêt pháp đên người không bị bệnh đội khăn ở đâu do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi bảo mở tóc ở bên trong ra rồi thuyết giảng, trong những lúc có sự cố, vi bị điên, vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo— 8.7.7 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có đầu được trùm lại. ...(nt). “"Ta sẽ không thuyêtpháp đên người không bỉ bệnh có đâu được trùm lại' là việc học

tập nên được thực hànhy 2. Có đầu được trùm lại nghĩa là đề cập đến đàu đã được [y] trùm lên. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi bảo tháo vật trùm đầu ra rồi thuyết giảng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo— 8.7.8 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngôi ở nên đát roi thuyêt pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi. ...(nt). ^Tasẽ không ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người không bỉ bệnh ngồi trên cho ngồi' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi. Vi nào ngôi ở nên đát roi thuyêt pháp đên người ngôi trên chô ngôi do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. -ooOoo-

8.7.9 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngôi ở chô ngôi tháp roi thuyêt pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ngôi ở chô ngôi tháp roi thuyêt pháp đên người ngôi trên chô ngôi cao?” ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 2. - Này các Tỳ-khiru, vào thời trước dây, ở thành Bārānasī, cô vợ của người hạng cùng đinh nọ đã mang thai. Này các Tỳ-khưu, khi ấy, người vợ hạng cùng đinh ấy đã nói với người chồng hạng cùng đinh ấy điều này: “Này tướng công, thiếp muốn ăn xoài.99 "Không có xoài, không phải mùa xoài.^, "Nếu thiếp không có, thiếp sẽ chết." Vào lúc bay giờ, đức vua có cây xoài ra trái liên tục. Này các Tỳ-khưu, sau đó, người hạng cùng đinh ấy đã đi đến nơi cây xoài ấy, sau khi đến đã leo lên cây xoài ấy rồi ngồi yên ẩn nấp. 3. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức vua đã đi đến cây xoài ấy cùng với viên quan tế tự Bà-la-môn9 sau khi đến đã ngồi trên chỗ ngồi cao, học thuộc lòng bài chú thuật. Này các Tỳ-khưu, khi ấy người hạng củng đinh đã khởi ý điều này: “Cho đến cả đức vua này mà còn sai trái bởi vì đã ngồi trên chỗ ngồi cao mà học thuộc lònệ bài chú thuật. Và người Bà-la-môn này là sai trái bởi vì đã ngồi ở chô ngôi tháp mà dạy bài chú thuật đên nẹười ngôi trên chô ngôi cao. Và ta là sai trái khi ta vì nguyên nhân đàn bà mà lấy trộm xoài của đức vua. Toàn bộ việc này là luẩn quẩn”, rồi đã rơi xuống ngay tại chỗ ấy [nói rằng]: "Cả hai không biết mục đích, cả hai không nhìn thấy pháp. Vị dạy bài chú thuật và vị học đều sai trai.^ [Vị Bà-la-môn đáp]: “Ta ăn cơm gạo sālī có trộn lẫn thịt tinh khiết. Do đó, ta không thực hành các pháp. Pháp đã được các bậc Thánh nhân ca ngợi." [Người hạng cùng đinh]: uNày Bà-la-môn, xấu hổ thay, sự đạt được tài sản và sự đạt được danh vọng ấy, đó là hành vi với sự bị rơi vào đọa xứ hay là có sở hành xử sai trái. Này vị Bà-la-môn vĩ đại, hãy thoát ra, dầu cho các chúng sanh khác bị đọa đày. Ngài chớ thực

hành việc phi pháp, vì điêu ây ví như đá làm vỡ chum."

4. Này các Tỳ-khưu, ngay từ thời ây, [người] ngôi ở chô ngôi tháp roi dạy bài chú thuật đến người ngồi trên chỗ ngồi cao đã không làm Ta hài lòng, thì hiện nay điều gì khiến cho việc [người] ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao sẽ làm Ta hài lòng? Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phô biên điêu học này như vây: sẽ không ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người không bỉ bệnh ngôi trên chô ngôi cao" là việc học tập nên được thực hành y 5. Không nên ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao. Vi nào ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người không bị bệnh ngôi trên chô ngôi cao do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 6. Không cố ý, ...(nt)...vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. -ooOoo- 8.7.10 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đứng thuyết pháp đến người ngồi. ...(nt). “'Ta sẽ không đứng thuyêtpháp đên người không bỉ bệnh ngôi' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không nên đứng thuyêt pháp đên người không bị bệnh ngôi. Vị nào đứng thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố y, ...(nt).. vi vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. —ooOoo— 8.7.11 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư trong khi đang đi phía sau, thuyết pháp đen người đang đi phía trước. ...(nt). "'Khi đang đi phía sau, ta sẽ không thuyết pháp đến người không bỉ bệnh đang đi phía trước' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Trong khi đang đi phía sau, không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước. Vị nào trong khi đang đi phía sau, thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

3 Không cố ý5 ..(nt)...vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười một. —ooOoo— 8.7.12 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, trong khi đang đi bên đường, thuyết pháp đến người đang đi giữa đường. ...(nt). r r “'Khi đang đi bên đường, ta sẽ không thuyết pháp đên người không bị bệnh đang đi giữa đường' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Trong khi đang đi bên đường, không nên thuyết pháp đến người không bi bệnh đang đi giữa đường. Vị nào trong khi đang đi bên đường, thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata, 3. Không cố ý, ...(nt)...vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười hai. —ooOoo— 8.7.13 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đứng đại tiện và tiểu tiện. ...(nt). '“Khi không bi bệnh, ta sẽ không đứng đại tiện hoặc tiểu tiện' là việc học tập nên được thực hành y 2. Khi không bị bệnh, khônệ nên đứng đại tiện hoặc tiểu tiện. Vị nào không bi bệnh, đứng đại tiện hoặc tiêu tiện do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. 3. Không cố V, ...(nt)...vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười ba. —ooOoo- 8.7.14 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện,

khạc nhổ trên cỏ cây xanh. ...(nt). “'Khi không bỉ bệnh, ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh' là việc học tập nên được thực hànhy 2. Không bi bệnh, không nên đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh. Vi nào không bi bệnh đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

3. Không cố ý5 khi thất niệm, vi không biết, vị bị bệnh, vị đã thực hiện ở chỗ không có cỏ cây xanh rồi khỏa cỏ cây xanh ra che lại, trong những lúc có sự cố, vị bi điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười bốn. -00O00- 8.7.15 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước giống như những kẻ tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước?,^ .(nt). Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các ngươi đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhô vào trong nước vậy? Này những kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khmi, các ngươi nên phổ biến điều học này như vày: "'Ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước' là việc học tập nên được thực hànhy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bị bệnh, ngần ngại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện, khạc nho vào trong nước. Và này các Tỳ-khưu5 các ngươi nên pho biến điều học này như vây: “Khi không bỉ bệnh, ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước'là việc học tập nên được thực hànhy 4. Khi không bị bệnh, không nên đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước. Vi nào không bị bệnh đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata.

5. Không cố ý5 khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước5 trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vi có tâm bị rối loạn, vị bi thọ khô hành hạ, vị vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười lăm. Phẩm Giày dép là thứ bảy. —ooOoo—

PHẦN TÓM LƯỢC [Mặc y] tròn đều, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, với giọng nói nhỏ nhẹ và luôn cả ba điều về sự đung đưa. Sự chống nạnh, trùm đầu, luôn cả sự nhón gót và ôm đầu gối, [thọ lãnh] một cách

nghiêm trang, có sự chú tâm ở bình bát, lượng súp tương xứng và vừa ngang miệng [bình bát]. [Thọ dụng] một cách nghiêm trang và có sự chú tâm ở bình bát, theo tuân tự, với lượng súp tương xứng, vun lên thành đống và che lấp, việc yêu cầu, với ý định tìm lỗi. Không quá lớn, tròn đều, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói, việc đưa lên [liên tục], việc cắn [tìmg chút], việc phồng má, việc vung rảy, việc làm rơi đổ cơm. Và luôn cả sự le lưỡi, tiêng chép chép, với tiêng sột sột, [liêm] bàn tay, [nạo vét] bình bát và [liếm] môi, [bàn tay] có dính thức ăn và [nước rửa bình bát] có lẫn cơm. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến người có dù ở bàn tay, y như thế đến người có gậy ở bàn tay và những ngưòd có dao và vũ khí ở bàn tay. A r y Và luôn cả người mang giày, dép, ở trên xe và đang năm, đên người ngôi ôm đầu gối, đầu đội khăn và được trùm lại. Nen đất, ở chỗ ngồi thấp, đứng, [đi] phía sau và [đi] bên đường, vị đứng không nên làm, ở cỏ cây xanh và vào trong nước. —ooOoo— TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG ẤY [Mặc y] tròn đều, cười vang, chống nạnh và nghiêm trang nữa, vắt cơm, luôn cả tiếng sột sột, với giày dép là thứ bảy. Bảy mươi lăm điều Sekhiyã đã được quy định bởi đức Gotama, vị Trời Tối Cao, bậc Có Danh Vọng, nhằm mục đích học tập cho các đệ tử. —ooOoo— Bạch chư Đại đức, các pháp Sekhiyã đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tinh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Các điều Sekhiyã. —ooOoo-

9. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

Bạch chư Đại dức, bảy pháp dàn xếp tranh tụng1 này được đưa ra đọc tụng. 1. Nhăm đưa đên sự dàn xép, nhăm đưa đên sự giải quyêt các sự tranh tụng đã sanh khởi hoặc chưa sanh khởi nên áp dụng cách hành xử luật với sự hiện diện, nên áp dụng cách hành xử luật bằng sự ghi nhớ, nên áp dụng cách hành xử luật khi không điên cuồng, nên phán xử theo sự thừa nhận, thuận theo số đông, , r r theo tội của vị ây, cách dùng cỏ che lâp. 2. Bạch chư Đại dức, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tinh r A ĩ X 9 —M. : *

trong vân đê này? Đên lân thứ ba, tôi hỏi răng: Chác han các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Các pháp dàn xếp tranh tụng. —ooOoo— Bạch chư Đại dức, phần mở đầu đã được đọc tụng, bốn điều Pārājika đã được đọc tụng, mười ba điều Sañghādisesa đã được đọc tụng, hai điều Ānīyata đã được đọc tụng, ba mươi điều Nissaggiya Pâcittỉya đã được đọc tụng, chín mươi hai điêu Pãcittỉya đã được đọc tụng, bôn điêu Pātidesanīya đã được đọc tụng, các pháp Sekhiyã đã được đọc tụng, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng. Bấy nhiêu của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tát cả [chư Đại đức] nên học tập các điêu học ây với sự hợp nhát, thân thiện,

không cãi cọ. PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU ĐƯỢC CHẤM DỨT —ooOoo—

1 Xem phần giảng giải chi tiết ở TTTĐPGVN, tập 11, IV. Chương Dàn xếp, tr. 653-704; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV.

PHẦN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI (BHIKKHUNĪVIBHAÑGO)

LỜI GIỚI THIỆU

Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni (Bhikkhunīvibhañga) là phần thứ hai của bộ Phân tích Giới bôn (Suttavibhañga) thuộc vê Tạng luật (Vinayapitaka). phân thứ nhất là Phân tích Giới Tỳ-khưu (Bhikkhuvibhañga) được trình bày với tên gọi là Đại phân tích {Mahãvỉbhangă). Tổng cộng điều học của các Tỳ-khưu-ni gồm có 311 điều được phân chia như sau: 1. 8 Pārājika (Bất cộng trụ) 2. 17 Sañghādisesa (Tăng tàn) 3. 30 Nỉssaggiya Pãcỉttiya (Ưng xả đối trị) 4. 166 Pãcittỉya (Ưng đối trị) 5. 8 Pãtỉdesanĩya (Ưng phát lộ) 6. 75 Sekhỉya (Ưng học) 7. 7 Adhikaranasamathā Dhammā (Các pháp dàn xếp tranh tụng). Tuy nhiên chỉ có những điêu học quy định riêng (asādhāranapañňattī) được trình bày trong tập này, còn những điều quy định chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (sādhāranapañňatti) cần phải xem ở Phân tích Giới Tỳ- khưu (Bhikkhuvỉbhaùgà). Ngài Buddhaghosa trong Chú giải Tạng luật Samantapāsādikā đã giúp chúng ta xác định những điều học chung này, tuy nhiên thứ tự các điều học trong Giới bổn đầy đủ của các Tỳ-khưu-ni được trình z r x r . bày như thê nào không thây ngài đê cập đên. Sau khi hoàn tất phần nghiên cứu tài liệu này, chúng tôi có lưu ý một số vấn đề như sau: 1. Tỳ-khưu-ni không có phần giới Ānīyata (Bất định). Tỳ-khiru và Tỳ-khưu- ni đều có 30 điều Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya (Ưng xả đối trị), tuy có số lượng giống nhau nhưng một số điều học lại khác nhau, 75 điều Sekhiya (Ưng học) và 7 pháp dàn xếp tranh tụng hoàn toàn giống nhau. 2. Đức Phật quy định các điều học cho các Tỳ-khưu-ni thông qua các Tỳ- khưu. Mỗi khi có sự việc sanh khởi, các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc cho các Tỳ-khưu rồi các Tỳ-khưu mới trình lên đức Phật. Khi đức Phật quy đinh điều học, Ngài cũng quy định gián tiếp qua các Tỳ-khưu: Và này các Tỷ-khưu, các Tỳ-khim-nỉ hãy phô biên điêu học này ..." Cũng nên lưu ý vê thê của động từ sử dụng trong lời nói của đức Phật: Động từ "uddỉssantù" trong trường hợp

của các Tỳ-khưu-ni thuộc mệnh lệnh cách hàm ý sự chỉ thị, sự ra lệnh, nên được dịch là "hãý\ còn "uddỉsseyyãthâ^ áp dụng cho các Tỳ-khưu thuộc giả định cách có ý nghĩa khuyên bảo nhẹ nhàng được dịch là chúng tôi chưa tìm ra được lý giải ve văn phạm cho điểm này, cũng có the việc nói gián tiếp hay trực tiếp là lý do của sự khác biệt này. Và trong các câu chuyện ở Tạng luật, dường như chỉ có bà Mahāpajāpati Gotamĩ là chủ động thưa chuyện cùng đức Phật, còn các Tỳ-khưu-ni chỉ lắng nghe và trả lời mỗi khi đức Phật hỏi đến. 3. Các Tỳ-khưu-ni khi đến với đức Phật đều đứng cho dù nghe pháp. Điều này được ghi nhận ở các đoạn văn rồi đứng ở một bên. Khỉ đã đứng ở một bên..y Và khi từ giã đức Phật, chỉ có phần mô tả việc các Tỳ-khưu-ni đảnh lễ đức Phật, hướng vai phải nhiễu quanh và ra di, không có đoạn từ cho ngoi đứng dậy,.y Riêng đoi với các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu-ni can phải xin phép khi ngôi xuông ở phía trước (Pãcỉttỉya điêu

94). 4. Tội quy đinh cho Tỳ-khưu thường được giảm nhẹ so với các Tỳ-khưu-ni trong khi cả hai đều thực hiện hành động phạm tội giống nhau. Ví dụ như việc che giấu tội Pārājika của vị khác, Tỳ-khưu phạm Pãcittỉya (Ưng đối tri) điều 64 Tỳ-khưu-ni lại phạm Pārājika (Bát cộng trụ) điêu 2, hoặc vị xu hướng theo tà kiến và vẫn không dứt bỏ sau khi được nhắc nhở5 Tỳ-khưu phạm Pãcittỉya điều 68 còn Tỳ-khưu-ni phạm Pãrặịỉka điều 3, v.v... 5. Tuy nhiên, Tỳ-khưu-ni cũng được 2 điều giảm nhẹ là chỉ hầu cận Ni sư tế độ 2 năm trong khi Tỳ-khưu tối thiểu phải 5 năm hoặc hơn và Tỳ-khưu-ni không phải hành Parivãsa khi phạm tội Sañghādisesa (Tăng tàn), bù lại phải thực hành Mãnatta nửa tháng ở cả hai hội chúng (trong khi đó Tỳ-khưu phải hành Parỉvãsa tùy theo số ngày che giấu và chỉ 6 đêm Mãnatta). Phải chăng điều này chứng tỏ bản chất người nữ không biết giấu giếm tội của bản thân nên hành phạt Parỉvãsa không cần thiết? 6. Vấn đề xuất gia cho người nữ có phần phức tạp hơn, ví dụ như Ni sư tế độ phải 12 năm thâm niên (so với Tỳ-khưu chỉ 10 năm), mỗi năm chỉ có thể cho tu lên bậc trên l nữ đệ tử (không thấy quy đinh cho Tỳ-khưu). Sau khi cho tu lên bậc trên xong, cần phải di chuyển vị tân Tỳ-khưu-ni đi xa để tránh trường hợp người chồng bắt lại (Pãcittiya điều 70). 7. về phần giới tử Ni muốn tu lên bậc trên phải có sự cho phép của cha mẹ và người chông (đã xuât giá vân còn lệ thuộc vào cha mẹ), phải tròn đủ 20 tuổi, đã thực hành sáu pháp trong 2 năm, và sự truyền pháp tu lên bậc trên cần được tiến hành lần lượt ở cả 2 hội chúng. Giới tử Ni được chia làm hai hạng: Kumārībhūtā có thể hiểu là hạng người nữ chưa có sự tiếp xúc thể xác với người nam và hạng thứ nhì là Gihigatã (nghĩa là người nữ đã đi đến nhà) được dịch là người nữ đã kết hôn; ở phan giải nghĩa từ ngữ ghi là "người nữ đã đi đến ở giữa [những] người nam"" (loi nói bóng bẩy của sự tiếp xúc thể xác vód người nam). Nếu vị Tỳ-khưu-ni cho tu lên bậc trên hạng người nữ Gihỉgatã chưa đủ 12 năm

(ũnadvãdasavassã) thì phạm tội Pãcỉttỉya (ưng đối trị) điều 65. Nên hiểu như thế nào về việc chưa đủ 12 năm? Học giả L B. Homer lý luận lòng vòng về vấn đề này: Là kém 12 tuổi? Hay kết hôn chưa đủ 12 năm? Lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng không soi sáng được vân đê. Chúng tôi đã suy nghĩ vê lời giải thích của đức Phật vê lý do không thê cho tu lên bậc trên hạng người nữ này khi chưa đủ 12 năm "không cỏ khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, ..y và hiểu theo nghĩa đơn giản của lời giải nghĩa từ ngữ ở trên: người nữ "cơ sự tiêp xúc the xác với người nam" khi bản thân chưa đủ 12 tuổi. Do the chất và tâm lý của người nữ vào lứa tuổi ấy chưa được chuẩn bị đầy đủ nên việc người nam xâm phạm tiêt hạnh sẽ gây ra những tác hại vê tâm sinh lý khiên khả năng chịu đựng của hạng người nữ ấy bị kém đi (Dịch giả L B. Homer cho biết rằng ở Ấn Độ có những địa phương vẫn duy trì tập tục cưới gả các cô gái lúc còn 8 tuổi). 8. Xã hội An Độ thời đó có vẻ rát nguy hiêm đôi với nữ giới qua những sự việc bất trắc xảy ra cho các Tỳ-khưu-ni đi riêng lẻ hay nhóm. 9. Vấn đề thâu hồi Kathina lại được tìm thấy ở bộ Luật này (Pãcittiya điều 30, [253]) thay vì được kết tập ở chương Kathina (Đại phẩm, Mahāvagga, chương VII). Chúng tôi chỉ liệt kê một số vấn đề nổi bật đã được đánh dấu trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, chúng tôi còn có các thắc mắc như sau: 1. Phải chăng bộ Luật chúng ta đang nghiên cứu ở đây đã được rút gọn lại? Hay nói cách khác,

phải chăng có một bộ Luật được kết tập đầy đủ cho Tỳ-khưu-ni để tiện việc học tập? Theo Đại phẩm {Mahāvagga), vào ngày lễ Uposatha các Tỳ-khưu không được đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă) khi có sự hiện diện của vị Tỳ-khưu-ni (chương II, 201). Như thế, các Tỳ-khưu-ni đã đọc tụng riêng theo như ở lời mở đầu và kết thúc của mỗi loại điều học, hoặc ở lời kết thúc Giới bổn đã xác đinh rõ. Ngoài ra, cần phải có sự chuyển đổi ve văn tự ở các điều học đã được quy định chung, ví dụ ở điều Pãrậịỉka thứ nhất phải đọc "yā pana bhikkhunī' thay vì đọc "yo pana bhỉkkhứ\ "antamaso tỉracchânagatenẩ" thay vì "antamaso tỉracchãnagatâycỉ' v.v... cho thấy việc lưu truyền một bộ Giới bổn đầy đủ của các Tỳ-khưu-ni là hợp lý. Nếu chấp nhận giả thiết như vậy, phải chăng bộ Luật của Tỳ-khưu-ni đã được rút gọn lại sau khi sự tồn tại của các Tỳ-khưu-ni không còn nữa? Vào thời gian nào? 2. Ngoại trừ một số sinh hoạt của các Tỳ-khưu-ni qua các câu chuyện, chúng tôi vẫn không nghiệm ra được các hành sự của các Tỳ-khưu-ni đã được tiên hành như thê nào? Ví dụ như các Tỳ-khưu-ni tụng đọc Giới bôn vào lúc nào trong ngày lễ Uposatho! Trước hay sau khi đi nghe giáo giới? Ni viện có xác đinh ranh giới (sĩmã) riêng hay không? Nếu có, các Tỳ-khưu-ni sẽ tự thực hiện lấy hay cần phải có sự giúp đỡ của các Tỳ-khưu? Trong lúc tra cứu cách giải quyêt cho một sô vân đê? chúng tôi đã không tìm được lời giải thích của ngài Buddhaghosa hoặc lời giải thích không rõ ràng. Chúng tôi tự hỏi rằng:

Phải chăng ngài đã không có sự tham khảo với các Tỳ-khưu-ni thời đó? Hay nói theo sự suy diễn là không còn sự sinh hoạt của Tỳ-khưu-ni vào the kỷ thứ V sau Công nguyên ở đảo Lañkā? Nếu xem xét kỹ lưỡng hai bộ Luật của Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni9 chúng ta có the tìm ra những sự khác biệt ve tâm lý giữa hai giới tính đã được đức Phật nghiệm ra bằng sự tu chứng và giác ngộ của bản thân, trong khi hiện nay môn Tâm lý học phải ton nhiều công sức với các sự nghiên cứu đe tìm ra nguyên lý và áp dụng vào thực tế. Chúng tôi nghĩ rằng còn nhiều vấn đề lý thú khác mà bản thân chúng tôi đã bỏ sót hay không đủ khả năng để phát hiện. ***

Bản dịch Phân tích Giới bổn (Suttavibhangă) của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pali La-tinh từ Compact Disk BUDSIR IV của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Tuy đã nỗ lực tối đa nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những sự chỉ dạy và ý kiến đóng góp của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng B UDSIRIV. Chúng tôi cũng xin tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh ve CD Tam tạng Chattha Sañgāyana, đong thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô L B. Homer. CD Buddhasāsanā quà biếu của Dr. Bình Anson đã đóng góp phần công đức không nhỏ với hai bản dịch từ Hán tạng: Luật Tỳ-khưu-ni bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Quang và Luật Ma-ha Tăng-kỳ của Pháp sư Phật-đà Bạt-đà-la (Thích Phước Sơn dịch). Chúng tôi cũng xm ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tmh của Đại đức Hộ Phạm đã hy sùih nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ để tun ra phương thức giải quyết những điểm khó về văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vị: Hòa thượng

Chánh Minh, Hòa thượng Cittânanda, Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Chánh Kiến, Dr. Bình Anson, bà Diệu Đài, anh Phạm Trọng Độ5 đạo hữu Lương Xuân Lộc, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích, cô Trần Liêng. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao các ước nguyện của quý vi sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điêu kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. Mong sao hét thảy chúng sanh đêu được tiên hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp. Colombo, ngày 31 tháng 3 năm 2004 Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng) (Hiệu đỉnh lần thứ nhất hoàn tất ngày 10/10/2004)

1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

1.1. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Sālha, cháu trai của Migāra1 có ý đinh xây dựng trú xá cho hội chúng Ty-khiru-ni. Khi ấy, Sālha, cháu trai của Migāra đã đi đen gặp các Tỳ-khưu-ni và nói điều này: -Thưa các Ni sư, tôi muốn xây dựng trú xá cho hội chúng Tỳ-khiru-ni. Hãy giao cho tôi vị Tỳ-khưu-ni là vi phụ trách công trình mới. Vào lúc bây giờ, có bôn chi em đã xuât gia nơi các Tỳ-khưu-ni là: Nandā, Nandavatí, Sundarīnandā, Thullanandã. Trong số các cô ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã xuất gia lúc còn trẻ, đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, trí tuệ, kinh nghiệm, thông minh, sắc sảo, cần c biết cách suy xét tính toán, có khả năng để xây dựng, có khả năng đê hoàn thành công việc ây. Khi ây, hội chúng Tỳ-khưu- ni đã chỉ định Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā làm vị phụ trách công trình mới, rồi đã giao cho SâỊha, cháu trai của Migâra. Vào lúc bấy giờ5 Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā thường xuyên đi đên nhà của SâỊha, cháu trai của Migâra [nói răng]: -Hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục. Sālha, cháu trai của Migâra cũng thường xuyên đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni đe biết được việc đã làm xong hoặc chưa làm xong. Do sự thường xuyên gặp gỡ5 hai người đã sanh tâm quyên luyên. Khi ây, Sālha, cháu trai của Migâra trong khi không có được cơ hội đê gân gũi, thân mật với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nên đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng Tỳ-khiru-ni chính vì mục đích ấy. Khi ấy, Sālha, cháu trai của Migāra trong khi xếp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn [nghĩ rằng]: "Chừng này vị Tỳ-khxru-ni là thâm niên hơn Ni sư Sundarmanda^, rồi đã sắp xếp chỗ ngồi phía bên này; "Chừng này vi là trẻ hơn", rồi đã sắp xếp chỗ ngồi ở phía bên kia; và đã sắp xếp chỗ ngồi cho Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā ở góc tường, là nơi đã được che khuất. Như thế, các Tỳ-khưu-ni trưởng lão có thể tin rằng: "C6 ta đang ngồi ở chỗ các Tỳ-khưu-ni mới tu", còn các Tỳ-khưu- ni mới tu có thể tin rằng: “C6 ta đang ngồi ở chỗ các Tỳ-khiru-ni trưởng lão.v

1 Migãranattã dịch theo từ sẽ là tccháu trai của Migara" và bà Visākhā là mẹ của Migāra (Migāramātā), nên Sālha sẽ là cháu cô của bà Visākhā. Tuy nhiên, ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Chữ ở giữa (mātā) đã bị bỏ bớt nên can phải hiểu rang: 'Migãramãtuyã pana nattâ hoti\ nghĩa là cháu trai (nội hoặc ngoại) của Migāramātā,

tức là bà Visākhā,, (VìnA. IV. 900).

2. Sau đó, SâỊha, cháu trai của Migâra đã cho người thông báo thời giờ đến hội chúng Tỳ-khưu-ni rang: Thưa các Ni su, đã đên giờ, bữa ăn đã chuân bị xong. Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã xét đoán rằng: “Sha, cháu trai của Migâra đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng Tỳ-khưu-ni không phải vì phước báu, anh ta có ý muốn gần gũi thân mật với ta; nếu ta đi thì ta sẽ bi mất phẩm giá!" nên đã bảo vị Tỳ-khưu-ni học trò rằng: —Hãy đi và mang thức ăn vê cho ta. Và ai hỏi ta thì cho hay răng: "C6 bị bệnh.,, Thưa Ni sư, xin vâng. Vị Tỳ-khưu-ni ấy đã trả lời Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. 3. Vào lúc bấy giờ, SâỊha, cháu trai của Migâra đứng ở bên ngoài cánh cổng ra vào, hỏi han về Tỳ-khiru-ni Sundarīnandā rằng: Thưa Ni sư, Ni sư Sundarīnandā ở đâu? Thưa Ni sư, Ni sư Sundarīnandā ở đâu? Khi được nói như thế, vị Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni Sundarĩnandâ đã nói với SâỊha, cháu trai của Migâra điều này: Này đạo hữu, [Ni sư] bị bệnh. Tôi sẽ mang thức ăn về. Khi ấy, Sālha, cháu trai của Migâra [nghĩ rằng]: "Sở dĩ ta đã làm bữa trai phạn nham lợi ích cho hội chúng Tỳ-khưu-ni có nguyên nhân là Ni sư Sundarīnandā,\ nên đã ra lệnh cho mọi người rang: "Hãy dâng bữa trai phạn đên hội chúng Tỳ-khưu-ni,\ nói xong đã đi đên chô ngụ của các Tỳ-khưu-ni. 4. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đứng ở bên ngoài cổng ra vào tu viện, trông ngóng SâỊha, cháu trai của Migâra. Rồi Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã nhìn thấy Sālha, cháu trai của Migâra từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã đi vào tu viện, trùm y kín đàu rồi nằm xuống ở chiếc giường. Sau đó, Sālha, cháu trai của Migâra đã đi đến gặp Tỳ-khiru-ni Sundarīnandā; sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā điều này: Thưa Ni sư, có phải Ni sư không được khỏe? Sao lại nằm? Này đạo hữu, bởi vì điều ấy là như vậy! Là khi nàng thích chàng mà chàng lại không thích! Thưa Ni sư, sao tôi lại không thích Ni sư được? Ngặt là tôi không có được cơ hội đe gần gũi, thân mật với Ni sư. Rồi SâỊha, cháu trai của Migâra nhiễm dục vọng, đã thực hiện việc xúc chạm cơ thể với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng. 5. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ yếu đuối, già cả, bị bệnh ở bàn chân, đang nằm không xa Tỳ-khưu-ni Sundarĩnandâ. Vị Tỳ-khưu-ni ấy đã nhìn thay S[ha, cháu trai của Migâra nhiễm dục vọng, đang thực hiện việc xúc chạm cơ the với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, sau khi thấy, mới phàn

nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ the của người nam nhiễm dục vọng?,, 6 Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích Sự học tập, các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục VQỉig?” Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. Các vi Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam

nhiễm dục vọng?,, Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Sundarĩnandâ nhiễm dục vọng, ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn đối với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp9 không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ the của người nam nhiễm dục vọng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không CÓ niêm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau đó, khi đã khiển trách Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uông, sự tâm câu quá nhiêu, sự không biêt đủ, sự két phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cáp dưỡng, sự dê dàng trong việc ăn uông, sự ít tâm câu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hòa nhã, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyêt pháp thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu roi đã bảo các Tỳ-khưu rang: 8. Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu- ni vì mười điêu lợi ích: Nhăm đem lại sự tót đẹp cho hội chúng, nhăm đem lại

Sự an lạc cho hội chúng, nhăm việc trân áp những Tỳ-khưu-ni ác xâu, nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu-ni hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim-nỉ nào nhiễm dục vọng, ưng thuận sự sờ vào, hoặc sự vuốt ve, hoặc sự nắm lấy, hoặc sự chạm vào, hoặc sự ôm chặt của người nam nhiễm dục vọng từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở ỉênf vỉ Ni này cũng là vỉ phạm tội Pārājika, không được cộng trú, là người nữ có liên quan đen phần trên đầu gốiy 9. Vi Ni nào: Là bát cứ vị Ni nào có môi quan hệ như vây, có giai cáp như vầy, có tên như vầy, có họ như vầy, có giới hạnh như vay, có tru xứ như vầy, có hành xứ như vầy, là vị Trưởng lão Ni [trên mười năm] mới tu [dưới năm năm], hoặc trung niên [trên năm năm]; vị Ni ấy được gọi là Ni nào.,, Tỳ-khưu-ni: "Người nữ đi khất thực,9 là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ chấp nhận việc đi khất thúc" là Tỳ-khưu-ni. "Nguôi nữ mặc y đã được cắt r&i" là Tỳ-khưu- ni. Là Tỳ-khưu-ni do sự thừa nhận. Là Tỳ-khưu-ni do tự mình xác nhận. Là Tỳ- khưu-ni khi được [đức Phật] nói rằng: “Này Tỳ-khưu-ni, hãy đi đến.,, "Người nữ đã tu lên bậc trên bằng tam quy là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ hiền thiện,, là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ có thực chất" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ Thánh Hữu hQC” là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ Thánh Vô hoc99 là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ đã được tu lên bậc trên băng hành sự, có lời thông báo đên lân thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với

cả hai hội chúng có sự hợp nht" là Tỳ-khưu-ni. ở đây, vị Tỳ-khưu-ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự, có lời thông báo đến lần thứ tư không sai s6t, đáng được duy trì với cả hai hội chúng có sự hợp nhất, vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. [Nữ] nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến. [Nam] nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể. Từ xương đòn [ờ cổ] trở xuống: Là phía dưới xương đòn [ở cổ]. Từ đầu gối trở lên: Là phía trên đầu gối. Sự sờ vào nghĩa là việc được cọ xát vào. Sự vuốt ve nghĩa là sự di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác. Sự nắm lấy nghĩa là việc được nắm lấy.

Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào. Hoặc ưng thuận sự ôm chặt: Sau khi năm lây phân thân thê roi ưng thuận việc ôm chặt vào. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.2 Là vi phạm tội Pārājikat Cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu, không thể sống bám víu vào thân thể ấy; tương tợ như thế, vi Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự sờ vào, hoặc sự vuốt ve, hoặc sự nắm lấy, hoặc sự chạm vào, hoặc sự ôm chặt của người nam nhiễm dục vọng từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì không còn là nữ Sa-môn9 không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vj phạm tội Pārājikay Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bôn], có sự học tập giông nhau, điêu ây gọi là sự cộng trú. Vị Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú.” Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai:3 Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì phạm tội Pārājika. Vị dùng thân sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] thì phạm tội Thullaccaya. Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào thân [đôi tượng] thì phạm tội Thullaccaya. Vi dùng vật được găn liên với thân sờ vào vật được găn liền với thân [đoi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị sờ vào thân [đoi tượng] bang vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật được gắn liền với [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vi sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng : r- < x • — vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị dùng thân sờ vào thân [đôi tượng] từ xương đòn [ở cô] trở lên, từ đâu gói trở xuồng thì phạm tội Thullaccaya. Vị dùng thân SỜ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đoi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng]

2 Tính luôn các Tỳ-khưu-ni đã vi phạm 4 điều Pārặịika đã được quy đinh chung với Tỳ-khưu nên gọi là các vị Ni trước đ^. (VìnA. IV. 90 í). J 3 Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai: vấn đề vị Tỳ-khưu-ni hay đối tượng nam là người thực hiện hành đọng thật sự làm chúng toi bối rối. Bản dịch cua cô L B. Homer ghi ro, chính vị Tỳ-khưu-ni là người thực hiện các hành động sờ vào, vuốt ve, v.v... ở trên cơ thể của phái nam. Trái lại, chúng tôi đã xem xét kỹ các đoạn văn Pãii về nhiều phương diện: Văn phạm, ngữ cảnh, thành ngữ và xác đinh rằng, các hành động trên là của phái nam. Như ở trong câu chuyện mở đâu, Tỳ-khưu-ni Sundarĩnandã chỉ tiêp nhận và ưng thuận (sādiyati) hành

động từ phía đối tượng người nam thay vì thực hiện (samãpcỳjatĩ)\ Chú ý so sánh sự khác biệt của hai nhóm từpurisạpuggaỉassa kāyasamsqggam và mātugāmena saddhim kāyasamsaggarn. Hơn nưa, ở phần quy điĩứi điều học, từ sādiyeyya (đong ý, chấp thuận, thích thú,...) cúng đa được sử dung; nếu vị Tỳ-khừu-ni là người tạo tác, các động từ được dùng phải là ãmaseyya, paratnaseyya,... vấn đe ở đây là căn cứ vào văn phạm thì không the xác định được giai tính nam hay nữ trong câu văn; điều này hiếm khi xảy ra đối với loại ngôn ngữ này. Ngài Buddhaghosa giải thích rang: Vi Tỳ-khưu-ni sờ vào thân người nam hay ưng thuận việc người nam sờ vào thái [của mình] cũng bị phàm tội tương đương, tùy theo vị trí sờ vao ở trên thân thể (VinA. IV. 901). Như vậy, câu văn ơ trên có thể hiểu theo hai cách, va điều quy định này can hiểu luôn cả hai khía cạnh: Vị Tỳ-khưu-ni ưng thuận hành động của phái nam hoặc chính vị Ni thực hiện các hành động trên. Chúng toi ghi nghĩa theo lời giải thích ẹủa ngài Buddhaghosa nên dùng chữ và 4t[đối tượng] không xác đính giới tYnh"\ quý độc giả nên hiểu cả hai cách.

thì phạm tội Dukkaịa. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vi sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] băng vật ném ra thì phạm tội Dukkata, Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía:4 Vị dùng thân sờ vào thân [đôi tượng] từ xương đòn [ở cô] trở xuông, từ đâu gói trở lên thì phạm tội Thullaccaya. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng * r > -r • vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra * J L băng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị dùng thân sờ vào thân [đôi tượng] từ xương đòn [ở co] trở lên, từ đầu gối trở xuống thì phạm tội Dukkata. Vi dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata. r 5 l. Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata, Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata, Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai: Đối với dạ-xoa nam, hoặc ma nam, hoặc thú đực, vi dùng thân sờ vào thân [đôi tượng] từ xương đòn [ở cô] trở xuồng, từ đâu gói trở lên thì phạm tội Thullaccaya. Vị dùng thân sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị dùng vật được găn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị sờ vào thân [đôi tượng] băng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] băng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị dùng thân sờ vào thân [đôi tượng] từ xương đòn [ở cô] trở lên, từ

4 Trường hợp bi nhiễm dục vọng một phía: Cô L B. Homer dịch rằng, người thực hiện hành động là vị Tỳ-khưu-ni. về điểm này, văn phạm cũng không xác định rõ giới tinh. Ngài Buddhaghosa giải thích là cả hai trường hợp như đã được ghi ở trèn. Chúng tôi xin phân tích thêm như sau: Trường hợI)vị Tỳ- khưu-ni nhiễm dục vọng và chủ đọng thì phạm tội theo quy định; trường hợp người nam nhiễm dục vọng, sờ vào cơ thể của vị Tỳ-khưu-ni, nêu vị Tỳ-khưu-ni không ưng thuận, thì không phạm tội như đã được xác định ở phần "khống phạm toi" ở đoạn kết. Từ ^qvassute^ầược hiểu là danh tĩnh từ, trung tánh, định sở cách, số ít. Qua hai đoạn văn đầu^ có thể nghĩ rằng, vị Tỳ-khưu-ni đóng vai trò thụ động, nhưng từ đoạn văn thử ba trở đi, tuy không the xác định rõ ràng được giới tính qua văn phạm nhưng việc vị Tỳ-khưu-ni đóng vai trò chu động được thể hiện qua ngư cảnh; có lẽ đây là điểm để cô L B. Homer xao định lối dịch của cô. Trái lại, chúng tôi ghi nghía theo lời giai thích cua ngài Buddhaghosa vì nó bao quát được mọi tình huống có thể xảy ra trong trường hợp này, nghĩa là dầu cho vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, có sự ưng thuận, dầu là chu động hay thụ ng trong khi tiếp xúc thân thể với người nam, ở phần thân từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, đều phạm tội Pārājika.

đầu gối trở xuống thì phạm tội Dukkata. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị dùng vật được gắn liền với thân SỜ vào thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vi sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata, Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía: Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cô] trở xuồng, từ đâu gói trở lên thì phạm tội Dukkata, Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vi dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkaịa. Vị sờ vào thân [đôi tượng] băng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkaịa. Vi sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị dùng thân sờ vào thân [đoi tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở lên, từ đầu gối trở xuống thì phạm tội Dukkaịa. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội Dukkata, Vi dùng vật được găn liên với thân sờ vào thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata, Vị dùng vật được găn liên với thân sờ vào vật được găn liên với thân [đôi tượng] thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội Dukkata. Không cố ý, vị Ni thất niệm, vị Ni không hay biết,5 vị Ni không ưng thuận, vi Ni bi điên, vi Ni có tâm bi rối loạn, vi Ni bi thọ khổ hành hạ, vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều Pārājika thứ nhất

—ooOoo—

1.2. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã mang thai do SâỊha, cháu trai của Migâra. Khi bào thai còn non tháng, cô ta đã che giâu. Khi bào thai đã được tròn tháng, cô ta đã hoàn tục và sanh con. Các Tỳ- khưu-ni đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ điều này:

5Asaíiyâ: Vị Ni thất niệm, nghĩa là tâm đang bận suy nghĩ việc khác. Ajānantiyā'. Vị Ni không biết đây là người nam hay người nữ .IV. 902).

Này Ni sư, Sundarīnandā hoàn tục không bao lâu đã sanh con. Không lẽ cô ta đã mang thai ngay khi còn là Tỳ-khưu-ni? -Này các Ni sư, đúng vậy. Này Ni sư, vì sao cô biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội Pārājika lại không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm? -Điêu không đức hạnh nào của cô ây, điêu không đức hạnh ây là của tôi. Điều ô danh nào của cô ấy, điều ô danh ấy là của tôi. Điều không vinh dự nào của cô ấy5 điều không vinh dự ấy là của tôi. Điều thất lợi nào của cô ấy, điều thất lợi ấy là của tôi. Này các Ni sư, tại sao tôi lại thông báo cho những người khác về điều không đức hạnh của bản thân, về điều ô danh của bản thân, về điều không vinh dự của bản thân, về điều thất lợi của bản thân? 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ trong khi biết vi Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội Pārājika lại không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nh6m?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ trong khi biết vị Tỳ- khưu-ni đã vi phạm tội Pārājika vẫn không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandã trong khi biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội Pārājika vẫn không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni, hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào trong khi biêt vi Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội PãrặịỉkaI vân không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm trong lúc vị A / ỉ Ni kia hãy còn tôn tại, hoặc bi chét đi, hoặc bị trục xuât, hoặc bỏ đi. Sau này, VỈ Nỉ ây nói như vây: 'Này các Ni sư, chỉnh trước đây, tôi đã biêt rõ Tỳ-khưu- ni kia rằng: 'Sư tỷ ấy là như the và như the" mà tôi không tự chính mình khiến trách, cũng không thông báo cho nhóm'\ vỉ Nỉ này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trủ, là người nữ che giấu tộỉy 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vi Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. JF • e -r e r Biêt nghĩa là vị tự mình biêt, hoặc các người khác thông báo cho cô ây, hoặc cô kia thông báo. Đã vi phạm tội Pārājikax Đã vi phạm một tội PãrãịỉkaI nào trong tám tội Pārājika.

Không tự chính mình khiển trách: Là không đích thân khiển trách. Không thông báo cho nhóm: Là không thông báo cho các Tỳ-khưu-ni khác. Khi vi Ni kia hãy còn tồn tại:

Còn tồn tại nghĩa là còn tồn tại trong hiện tướng [Tỳ-khưu-ni] được đề cập đến. Bị chết đi nghĩa là bị qua đời được đề cập đến. Bi trục xuất nghĩa là tự mình hoàn tục hoặc bi trục xuất bởi các vi khác. Bỏ đi nghĩa là chuyển sang sinh hoạt với tu sĩ ngoại đạo được đề cập đến. Sau này, vi Ni ấy nói như vầy: "Này các Ni sư, chính trước dây, tôi đã biết rõ Tỳ-khưu-ni kia rằng: 'Sư tỷ ấy là như thế và như thế.'" Mà tôi không tự chính mình khiển trách: Tôi không đích thân buộc tội. [Tôi] không thông báo cho nhóm: Tôi không thông báo cho các Tỳ-khưu- ni khác. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. Là vi phạm tội Pārājikaz Cũng giông như chiêc lá vàng đã lìa khỏi cành, không thể xanh trở lại, tương tợ như thế, vi Tỳ-khưu-ni biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội Pārājika [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không tự chính mình khiển trách, cũng sẽ không thông báo cho nhóm,\ khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là phạm tội Pārậịỉkay Không được cộng trú: Sự cộng trú, nghĩa là có chung hành SỊT, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị Ni ây không có được điêu ây, vì thê được gọi là "không được cộng tni." Vi Ni [nghĩ rằng]: "Sẽ xảy ra sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chiing", rồi không thông báo; vị Ni [nghĩ rằng]: "Sẽ xảy ra sự chia rẽ hội chúng hoặc sự bất đồng trong hội chúng"rồi không thông báo; vi Ni [nghĩ rằng]: "Vị Ni này hung bạo, thô lỗ, sẽ gây nguy hiểm đên mạng sông hoặc nguy hiêm đên Phạm hạnh", roi không thông báo; trong khi không nhìn thấy các Tỳ-khưu-ni thích hợp khác rồi không thông báo, vi Ni không có ý đinh che giấu rồi không thông báo; vi Ni [nghĩ rằng]: "C6 ta sẽ được nhận biết do hành động của minh", rồi không thông báo; vi Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều Pārājika thứ nhì. —ooOoo—

1.3. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ BA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandã xu hướng theo Tỳ-khiru Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vi] đã bị hội chúng hợp nhát phạt án treo. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vi

Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại xu hướng theo Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã xu hướng theo Tỳ- khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vị] đã bị hội chúng r hợp nhát phạt án treo, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu9 vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại xu hướng theo Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vi] đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào xu hướng theo vi Tỳ-khưu đã bỉ hội chúng hợp nhất phạt án \ treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, : khôngr hối cải, không the hiện tình đông đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giảo huân của bậc Đạo sư, Vi Tỳ- khiru-nỉ ấy nên được nói bởi các Tỳ-khtru-ni như sau: 'Này Nỉ sư,

vỉ Tỳ-khưu ấy đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vỉ [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hôi cải, không thê hiện tình đông đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giảo huân của bậc Đạo sư. Này Nỉ su, chớ có xu hướng theo vỉ Tỳ-khưu ấy.' Và khi được nói như vây bởi các Tỳ-khưu-ni mà vỉ Tỳ-khưu-nỉ ây vân châp giữy như thê, thì vị Tỳ-khiru-nỉ ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc [ỉ r y r r ây. Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc âyf như thê việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ, vị Ni này cũng là vỉ phạm tội Pārājika, không được cộng trú, ỉa người nữ xu hướng theo kẻ bỉ phạt án treo y 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,, được đề cập trong ý nghĩa này. Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới. Bi phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Theo Pháp, theo Luật: Theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó. Theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư: Theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, theo lời giáo huấn của đức Phật. Không tôn trọng nghĩa là vị không tuân theo hội chúng, hoặc [không tuân theo] cá nhân, hoặc [không tuân theo] hành sự. Không hối cải nghĩa là bị phạt án treo chưa được thâu hồi.

Không thể hiện tình đồng đạo nghĩa là các Tỳ-khưu có sự đồng cộng trú giông nhau, được gọi là các đông đạo. Vị ây không có điêu ây với các vị ây, vì thế được gọi là "không thể hiện tình đồng dạo." Xu hướng theo vi ấy: Vi ấy có quan điểm gì, có điều mong mỏi gcó sự thích ý gì thì cô Ni ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mỏi ấy, có sự thích r À ý ây. , Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khiru-ni xu hướng theo vị bị phạt án treo. Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỵ-khưu-ni khác. Các vi Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vi Ni ấy nên nói rang: "Này Ni sư, vị Tỳ-khưu ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đong đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc : . r r £ Đạo sư. Này Ni sư, chớ có xu hướng theo vị Tỳ-khưu ay?9 Nên được nói đên lân thứ nhì ...(nt).. Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt).. Nếu [vi Ni ấy] dứt bỏ, như r r r thê việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata, Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkaịa. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Này Ni sư, vi Tỳ-khưu ấy đã bị hội chúng hợp nhát phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hôi cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Này Ni sư, chớ có xu hướng theo vị Tỳ-khưu ấy.” Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như the việc này là tốt đẹp; nếu [vi Ni ấy] không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu5 nên được nhác nhở như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch chư Đại đức Nỉf xin hội chủng hãy lắng nghe tôi. Vỉ Tỳ-khưu-nỉ này tên [như vầy], xu hướng theo vỉ Tỳ-khưu đã bị hội chủng hợp nhất phạt án treo, A 2 y là vỉ [Tỳ-khưu] không tôn trọng, : không r hôi cải, không thê hiện * tình r đông đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huân của bậc Đạo sư. Vỉ Ni ây không chiu từ bỏ sự việc ấy. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chủng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-nỉ tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây.

Đây là lời đê nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu-ni này tên [như vay], xu hướng theo vỉ Tỳ-khưu đã bỉ hội chủng hợp nhất phạt án treo, r 9 y là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hôi cải, không thê hiện tình đông đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huân của bậc Đạo sư. Vi Nỉ ây không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chủng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đe dứt bỏ sự việc ây. Đại đức Ni nào đông ỷ việc nhác nhở Tỳ-khưu-nỉ tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây xin ỉm lặng; vị Nỉ nào không đông ỷ có thê nói lên. Tôi xỉn thông bảo sự việc này lần thứ nhì: ...(rư). y Tôi xin thông bảo sự việc này lân thứ ba: ...(rư).

x r 9 Tỳ-khưu-nỉ tên [như vây] đã được hội chủng nhác nhở đê dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đong ỷ nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy." Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. r 9

Là vi phạm tội Pārặịika: Cũng giông như tảng đá lớn bị bê làm hai, không thể gắn liền lại được, tương tợ như thế, vi Tỳ-khưu-ni khi đang được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chiu từ bỏ, thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vi phạm tội Pārājikay Không được cộng trú: Sự cộng tru nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bôn], có sự học tập giông nhau, điêu ây gọi là sự cộng trú. Vị Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú.” Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Pārājika. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni không dứt bỏ thì phạm tội Pārājika. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi Ni không dứt bỏ thì phạm tội Pārājika. Hành sự sai pháp, [lam] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkaịa, Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ5 vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều Pārūjika thứ ba. —ooOoo-

1.4. ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ TƯ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy. 6 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại

6 Theo ngài Buddhaghosa, điều không tốt đẹp là nói đến sự xúc chạm cơ thể chứ không phải sự thực hiện việc đôi lứa (VmA. IV. 904). . •

ỉ ỉ . . v

ưng thuận sự năm lây cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nam lay cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ the nham mục đích ấy là nham mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt) ...(nt)... Này các Tỳ-khxru? vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò5 ưng thuận sự viêng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, ke sát cơ the nham mục đích ấy là nham mục đích của việc thực hiện điều không tót đẹp ây vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khiru-ni nào nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, hoặc ưng thuận sự nam lấy chéo áo choàng [của người nam], hoặc đứng chung, hoặc trò chuyện, hoặc đi đen nơi hẹn hò, hoặc ưng thuận sự viếng thăm của người nam, hoặc đi vào nơi che khuất, hoặc kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vi Ni này cũng là vỉ phạm tội Pārājika, không được cộng trú, là người nữ liên quan tám sự việcy 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-iii: ...(nt).. vị Ni này là Tykhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. [Nữ] nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến. [Nam] nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể. Hoặc ưng thuận sự nắm lấy cánh tay: Cánh tay nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến đầu móng tay. Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp

ấy, vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở lên và đầu gối trở xuống thì phạm tội Thullaccaya. Hoặc ưng thuận sự năm lây chéo áo choàng: Nhăm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni ưng thuận sự nắm lấy hoặc tấm choàng dưới, hoặc tấm choàng trên thì phạm tội Thullaccaya, Hoặc đứng chung: Nhăm mục đích của việc thực hiện điêu không tót đẹp ấy, vị Ni đứng trong tầm tay (lm25) của người nam thì phạm tội Thullaccaya. Hoặc trò chuyện: Nhăm mục đích của việc thực hiện điêu không tót đẹp ây, vị Ni đứng trò chuyện trong tam tay của người nam thì phạm tội Thullaccaya, Hoặc đi đến nơi hẹn hò: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp áy, [khi] được người nam nói răng: "Hãy đi đên địa diêm tên [như vay],95 vị Ni đi [đen nơi ấy], thì phạm tội Dukkata theo mỗi bước đi, khi đã vào ở trong tàm tay của người nam thì phạm tội Thullaccaya. Hoặc ưng thuận sự viếng thăm của

người nam: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni ưng thuận sự viếng thăm của người nam thì phạm tội Dukkata. khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội Thuỉlaccaya. Hoặc đi vào nơi che khuất: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, khi đã vào trong chỗ được che kín bởi bất cứ vật gì thì phạm tội Thulỉaccaya. Hoặc kê sát cơ thê nhăm mục đích ây: Nhăm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy5 vị Ni đứng trong tầm tay của người nam kề sát cơ thể thì phạm tội Thullaccaya. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vi Ni trước đây. Là vi phạm tội Pãrậiika: Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn, 9 jT •

không thê tăng trưởng được nữa; tương tợ như thê, vi Tỳ-khưu-ni khi làm đủ tám sự việc thì không còn là nữ Sa-môn9 không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vị phạm tội Pārājikay Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bôn], có sự học tập giông nhau, điêu ây gọi là sự cộng trú. Vi Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú." Không cô ý, vi Ni thát niệm, vị Ni không hay biêt, vị Ni không ưng thuận, vị Ni bị điên, vị Ni có tâm bị rối loạn, vị Ni bi thọ khổ hành hạ, vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Dứt điều Pãrặiika thứ tư. -ooOoo-

1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 643

4. Bạch chư Đại đức Ni, tám điều Pārājika1 đã được đọc tụng xong. Vi Tỳ- khưu-ni vi phạm điêu nọ hoặc điêu kia thuộc vê các điêu này thì không có được sự cộng trú cùng với các Tỳ-khưu-ni,78 trước đây như the nào thì sau này là như vậy; r [vị . áy] _là vi • Ni • Ni phạm . n không• được cộng trú. Trong cácr điêu tội Pārājika, y ây, tôi hỏi các Đại đức Ni răng: Chác han các vi được thanh tịnh trong vân đê này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tinh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt chương Pārājika. -ooOoo-

7 Gồm 4 điều Pārājika đã được quy định cho Tỳ-khưu, được gọi là điều quy đinh chung và 4 điều quy định riêng được trình bày ở đây; như thế, tổng cộng là 8 điều Pārājika cho Tỳ-khưu-ni (VỉnA. IV. 906). 8 Xem lời giải thích về việc này ở chương Pārājika của Tỳ-khưu (TTTĐPGVN, tập 10, tr. 133; TTPV, tập l, tr. 255).

2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA

MƯỜI BÀY ĐIỀU Bạch chư Đại đức Ni, mười bảy điều Sañghādisesa này được đưa ra đọc tụng. 2.1. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ôĩiệ Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ, sau khi dâng kho chứa đô đạc đên hội chúng Tỳ-khưu-ni roi từ trân. Người ây có hai người con trai: Một người không có niềm tin và không mộ đạo, một nệười có niềm tin và mộ đạo. Họ đã phân chia tài sản thuộc về người cha. Khi ây, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này: Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Khi được nói như thê, người có niêm tin và mộ đạo ây đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này: -Này anh, chớ nói như thế, Cha chúng ta đã dâng đến hội chúng Tỳ-khưu- ni rồi. Đen lần thứ nhì, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này: -Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy. Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này: Này anh, chớ nói như thế. Cha chúng ta đã dâng đến hội chúng Tỳ- khưu-ni rồi. Đen lần thứ ba, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này: -Cái kho chứa đô đạc thuộc vê chúng ta, hãy chia vật ây. Khi được nỏi như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy [nghĩ rằng]: "Nếu thuộc về ta, ta cũng sẽ dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni,\ rồi đã nói với người không có niêm tin và không mộ đạo ây điêu này: —Chúng ta hãy chia. 2. Khi ấy, cái kho chứa đồ đạc ấy, trong lúc được phân chia bởi những người ấy, đã thuộc về người không có niềm tin và không mộ đạo ấy. Sau đó, người

không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: Thưa các Ni sư, xin hãy đi ra. Kho chứa đồ đạc là của chúng tôi.

Khi được nói như thế, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với người đàn ông ấy điều này: -Này ông, chớ nói như thế. Cha các ông đã dâng đến hội chúng Tỳkhưu-ni rồi. e A

"Đã được dâng! Chưa được dang!99 Họ đã hỏi các quan đại thân lo việc xử án. Các quan đại thân đã nói như vây: Thưa Ni sư, người nào biết là đã được dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni? Khi được nói như thế, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với các quan đại thần ấy điều này: Thưa các ngài, ngay cả các ngài cũng đã được thây hoặc đã được nghe trong khi thành lập nhân chứng và trong khi vật thí đang được dâng cúng mà. Khi ấy, các quan đại thần ấy [nói rằng]: "Ni sư đã nói đúng sự that." Rồi đã xử hội chúng Tỳ-khưu-ni được kho chứa đồ đạc ấy. 3. Khi ấy, người đàn ông ấy bị thua cuộc nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Những bà cạo đầu khả ố này không phải là các nữ Sa-môn. Tại sao các bà lại cho [người] cướp đoạt kho chứa đồ đạc của chúng tôi? Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã kê lại sự việc ây cho các vị quan đại thân. Các vị quan đại thân đã ra lệnh đánh đòn người đàn ông ây. Sau đó, người đàn ông ấy bị đánh đòn nên đã bảo xây dựng chỗ ngủ cho các đạo sĩ lõa the ở nơi không xa chô ngụ của các Tỳ-khưu-ni, roi đã xúi giục các đạo sĩ lõa thê răng: -Các ngươi hãy lăng mạ các Tỳ-khưu-ni ấy. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh giam giữ người đàn ông ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lần đầu làm cho [người ta] bị cướp đoạt kho chứa đô đạc, đên lân thứ nhì làm cho bị đánh đập, đên lân thứ ba làm cho bị giam giữ, bây giờ sẽ làm cho ch8t?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 4. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn,...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandã lại sống làm người thưa kiện?,, ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã sống làm người thưa kiện, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại sống làm người thưa kiện vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: “i Tỳ-khmi-ni nào sổng làm người thưa kiện với nam gia chủ, hoặc với con trai của nam gia chủ, hoặc với người nô tỳ, hoặc với người làm công, hoặc ngay cả với Sa-môn du sĩt VỊ Tỳ-khưu-ni này phạm tội Sañghādisesa ngay lúc vừa mới vỉ phạm, can được tách riêng y 5. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào, ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ..(nt).. vi Ni này là "vi Ty-khuu-ni^ được đề cập trong ý nghĩa này. Người thưa kiện nghĩa là người gây ra vụ xử án được đề cập đến. Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà. Con trai của nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai. Người nô tỳ nghĩa là được bàm sanh, được mua băng của cải, bị bát đi làm công việc. Người làm công nghĩa là người làm thuê, người khuân vác. Sa-môn du sĩ nghĩa là bất cứ người nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ- khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni. Ta sẽ thưa kiện: Vị Ni [nghĩ vậy rồi] tìm kiếm người thứ hai hoặc [đích thân] đi thì phạm tội Dukkata, Nói với người thứ nhất thì phạm tội Dukkata, Nói với người thứ nhì thì phạm tội Thullaccaya. Khi kết thúc vụ xử án thì phạm tội Sañghādisesa. Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sanghãdisesa: Chỉ có hội chúng, không phải một số Tỳ-khưu-ni, không phải một Tỳ-khưu-ni, ban cho hành phạt Mãnatta của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giông như tội ây; vì thê được gọi là "tội Sañghādisesay Vi Ni đi trong khi bi những người khác lôi kéo đi, vị Ni yêu cầu sự bảo vệ, vi Ni nói ra không nêu rõ [người nào], vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sanghãdisesa thứ nhất —ooOoo—

648 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

2.2. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ NHÌ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện r của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, ở thành Vesālī, cô vợ của một người dòng dõi Licchavī nọ ngoại tình. Khi ấy, người Licchavī ấy đã nói với người đàn bà ấy điều này: "Tốt hơn cô hãy chừa. Tôi sẽ làm điều thất lợi cho c6.” Mặc dâu được nói như thê, cô ta đã không lưu tâm đên. Vào lúc bây giờ, nhóm người Licchavī tụ họp lại ở Vesālī vì công việc cân làm nào đó. Khi ây, người Licchavī ây đã nói với những người Licchavī ây điêu này: -Thưa quý vị, quý vị hãy cho phép tôi đối với một người đàn bà. -Cô ấy tên là gì? Vợ của tôi ngoại tình. Tôi sẽ giết cô ta.

- Ngươi tự biết lấy. 2. Người đàn bà ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói chồng có ý định giết ta", roi đã lây đô đạc quý giá đi đên thành Sāvatthi, gặp các tu sĩ ngoại đạo và đã câu xin sự xuất gia. Các tu sĩ ngoại đạo đã không chịu cho xuất gia. Cô đã đi đên gặp các Tỳ-khưu-ni và câu xin sự xuất gia. Các Tỳ-khưu-ni cũng đã không chịu cho xuất gia. Cô đã đi đen gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, đưa cho xem gói đô đạc roi câu xin sự xuất gia. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nhận lây gói đô đạc rồi đã cho xuất gia. 3. Khi ấy, người

Licchavī ấy, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, đã đi đến thành Sāvatthi. Sau khi thấy [cô ấy] đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni, liền đi đến gặp đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã nói với đức Vua Pasenadi xứ Kosala điều này: Tâu Bệ hạ, vợ của thần đã lấy đi đồ đạc quý giá và đã đến thành Sāvatthi. Xin Bệ hạ hãy cho phép thần đối với cô ấy. -Này khanh, nếu thế thì hãy tìm kiếm rồi trình báo. Tâu Bệ hạ5 đã tìm thấy. Cô ta đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni.

-Này khanh, nếu đã được xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni thì không được phép làm gì cô ta cả. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy để cô ta thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau. 4. Khi ấy, người Licchavī ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại cho nữ tặc xuất gia?" Các Tỳ-khiru-ni đã nghe được người Licchavī ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 5. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ lại cho nữ tặc xuất gia?” ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã cho nữ tặc xuất gia, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 649

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại cho nữ tặc xuất gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: r

"Vị Tỳ-khưu-ni nào trong khỉ biêt nữ đạo tặc có tội tử hình đã được loan báo mà vẫn tiếp độ [cho tu] khi chưa xin phép đức vua, hoặc hội chủng, hoặc nhóm, hoặc phường hội, hoặc cộng đong, ngoại trừ có sự được phép, vi Tỳ- khưu-nỉ này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Sañghādisesa, cần được tách riêng." 6 Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-nf, được đề cập trong ý nghĩa này. Biêt nghĩa là vị tự mình biêt, hoặc các người khác thông báo cho cô ây, hoặc cô kia thông báo. Nữ đạo tặc nghĩa là cô nào lấy đi theo lối trộm cắp vật không được cho trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka; cô ây gọi là nữ đạo tặc. Có tội tử hình nghĩa là cô ta đã thực hiện loại hành động khiến cho cô ta đáng tội tò hinh. ' ' '

Được loan báo nghĩa là những người khác biết [về cô ta] rằng: "C6 này đáng tội tử hình.,, Khi chưa xin phép: Khi chưa hỏi ý. Đức vua nghĩa là nơi nào đức vua cai quản thì nên xin phép đức vua. Hội chúng nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến, nên xin phép hội chúng Tỳ-khưu-ni. Nhóm nghĩa là nơi nào nhóm cai quản thì nên xin phép nhóm. Phường hội nghĩa là nơi nào phường hội cai quản thì nên xin phép phường hội. Cộng đông nghĩa là nơi nào cộng đông cai quản thì nên xin phép cộng đông. Ngoại trừ có sự được phép: Trừ ra sự được phép. Sự được phép, nghĩa là có hai sự được phép: Đã được xuất gia nơi các tu sĩ ngoại đạo hoặc là đã được xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni khác. Ngoại trừ có sự được phép, vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tiếp độ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]? hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi châm dứt tuyên ngôn hành

sự, thây tê độ phạm tội Sañghādisesa. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Vi ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến vi Ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesax Chỉ có hội chúng, không phải một số Tỳ-khưu-ni, không phải một Tỳ-khưu-ni, ban cho hành phạt Mãnatta của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Là việc đinh danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì the được gọi là "tội Sañghādisesay Nữ đạo tặc, nhận biêt là nữ đạo tặc, vi Ni tiêp độ thì phạm tội Sañghādisesa, ngoại trừ có sự được phép. Nữ đạo tặc, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ có sự được phép. Nữ đạo tặc, [lầm] tưởng không phải là nữ đạo tặc, vi Ni tiếp độ thì vô tội, ngoại trừ có sự được phép. Không phải là nữ đạo tặc, [lam] tưởng là nữ đạo tặc thì phạm tội Dukkata. Không phải là nữ đạo tặc, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là nữ đạo tặc, nhận biết không phải là nữ đạo tặc thì vô tội. Vi Ni không biết rồi tiếp độ, sau khi xin phép rồi tiếp độ, tiếp độ người đã được phép, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ nhì. —ooOoo—

2.3. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ BA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, vị Tỳ-khưu-ni học trò của Bhaddā Kāpilānī,1 sau khi gây gô với các Tỳ-khưu-ni, đã đi đên gia đình thân quyên ở trong thôn. Bhaddā Kāpilānī không nhìn thây vị Tỳ-khưu-ni ây nên đã hỏi các Tỳ-khưu-ni rằng: -Ni tên [như vầy] đâu rồi, không có thấy? -Thưa Ni sư, sau khi gây go với các Tỳ-khưu-ni thì không được thay. Này các cô, gia đình thân quyến của cô này ở thôn kia, hãy đi đến và tìm kiếm ở nơi đó. Các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến nơi ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy và đã nói điều này: Này Ni sư, sao cô lại đi mỗi một mình? Chắc hẳn cô không bi xâm phạm?

Này các Ni sư, tôi không bị xâm phạm. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-khxru-ni lại đi vào trong làng một mình?,, ...(nt)

1 Không rõ lý do vì sao vị Ni Bhaddā Kāpilānī này không có danh xưng Tỳ-khưu-ni (ND).

Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni đi vào trong làng một mình, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khun-ni lại đi vào trong làng một mình vậy? Này các Tỳ-khmi, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào đi vào trong làng một mình, vỉ Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vỉ phạm, là tội Sanghādisesa, cần được tách riêng y Và điêu học này đã được đức Thê Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu-ni như thê. 3. Vào lúc bấy giờ, có hai Tỳ-khưu-ni đang đi

đường xa từ Sâketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường đi có con sông cần phải băng qua. Khi ấy, hai Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các người chèo đò và đã nói điều này: Này đạo hữu, tốt thay hãy đưa chúng tôi sang. Thưa các Ni sư, không thể đưa sang cả hai người cùng một lần. Rồi một người [chèo đò] đã đưa một [vị Tỳ-khưu-ni] sang. Người đưa sang đã làm nhơ vị Ni được đưa sang. Người không đưa sang đã làm nhơ vi Ni chưa được đưa sang. Hai cô Ni ấy sau khi gặp lại nhau đã hỏi rằng: -Này Ni sư, chắc hẳn cô không bị xâm phạm? -Này Ni sư, tôi đã bị xâm phạm. Này Ni sư, còn cô chắc không bi xâm phạm? -Này Ni sư, tôi đã bị xâm phạm. 4. Sau đó5 hai Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại đi sang bờ bên kia sông một mình?,, ..(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni đi sang bờ bên kia sông một minh, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni lại đi sang bờ bên kia sông một mình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khỉru-ni nào đi vào trong làng một mình, hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, vị Tỳ-khưu-nỉ này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vỉ phạm, là tội Sañghādisesa, cần được tách riêng'" Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

652 « PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

5. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu-ni, trong khi đang đi đến thành Sāvatthi thuộc xứ Kosala, lúc tối trời đã ghé vào ngôi làng nọ. Trong số đó, có vị Tỳ-khưu-ni đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Có người đàn ông nọ đã sanh lòng say đắm với hình dáng của vi Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy, trong khi sắp xếp chỗ ngủ cho các Tỳ-khưu-ni ây, đã sáp xép chỗ ngủ của vị Tỳ-khưu- ni ấy ở một bên. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã xét đoán ra rằng: “Ngiròi đàn ông này đã bị ám ảnh rồi. Nếu trong đem tối9 hắn ta đến thì ta sẽ bi mat phẩm giá", nên đã đi đến gia đình khác rồi nằm ngủ [ở đó], không thông báo cho các Tỳ- khưu-ni. Sau đó5 trong đêm tối, người đàn ông ấy đã đi đến và trong khi tìm kiếm vị Tỳ-khưu-ni ấy đã chạm vào các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni trong lúc không nhìn thấy vi Tỳ-khưu-ni ấy đã nói như vay: Chắc chắn là vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi ra ngoài với người đàn ông. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni ấy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với vi Tỳ-khưu-ni ấy điều này: -Này Ni sư, vì sao cô đã đi ra ngoài với người đàn ông? -Này các Ni su, tôi đã không đi ra ngoài với người đàn ông. Và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 6. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-khưu-ni ban đêm lại tru ngụ riêng một mình?,, ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni ban đêm trú ngụ riêng một mình, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn? đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni ban đêm lại trú ngụ riêng một mình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào đi vào trong làng một mình, hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình, vị Tỵ-khưu-nỉ

này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới Vỉ phạm, là tội Sañghādisesa, cần được tách rỉêngy Và điêu học này đã được đức Thê Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thê. 7. Vào lúc bây giờ9 có nhiêu Tỳ-khưu-ni đang đi đường xa đên thành Sāvatthi trong xứ Kosala. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khtru-ni nọ, bị khó chịu vì việc đại tiện nên tách rời ra mỗi một mình, rồi đã đi ở phía sau. Nhiều người đã nhìn thấy và đã làm nhơ vị Tỳ-khưu-ni ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni ấy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này Ni sư, vì sao cô lại tách rời ra mỗi một mình vậy? Chắc hẳn cô đã không bị xâm phạm? -Này các Ni su, tôi đã bị xâm phạm.

8. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ-khưu-ni một mình lại tách rời ra khỏi nhóm?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni một mình tách rời ra khỏi nhóm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao vị Tỳ-khưu-ni một mình lại tách rời ra khỏi nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khxru, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào đi vào trong làng một mình, hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình, hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm, vị Tỳ-khưu-nỉ này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Sañghādisesa, can được tách rỉêngy 9. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ..(nt)... vị Ni này là "vi Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Hoặc đi vào trong làng một mình: Vi Ni trong khi vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại, bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya. trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. Vị Ni trong khi vượt qua vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại, bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya. trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. Hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình: Sông nghĩa là bất cứ ở nơi đâu làm ướt y nội của vị Tỳ-khưu-ni [được quấn] che khuất cả ba vòng2 trong lúc [vị Ni ấy] lội qua nơi ấy. Vị Ni trong khi vượt qua bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya. trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. Hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình: Đen lúc rạng đông, vị Ni đang lìa khỏi tầm tay của vi Tỳ-khưu-ni thứ hai thì phạm tội Thullaccaya. khi đã lìa khỏi thì phạm tội Sañghādisesa. Hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm: Không phải ở trong làng, ở trong rừng, vị Ni trong khi lìa khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe của vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì thì phạm tội Thuỉlaccaya, khi đã lìa khỏi thì phạm tội Sañghādisesa. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. Ngay lúc vừa mói vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng.

2 Timandalam'. Ba vòng, nghĩa là vòng bụng ở rốn và hai vòng ở đầu gối.

Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội Sañghādisesa^ Trong lúc vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì bỏ đi hoặc hoàn tục, hoặc qua đời, hoặc chuyển sang phe phái khác, trong

những lúc có sự cố, vi Ni bi điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ ba. —ooOoo—

2.4. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ TƯ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khiru-ni Candakālī là vị Ni thường gây nên các sự xung đột, gây nên các sự cãi cọ, gây nên các sự tranh luận, gây nên các cuộc nói chuyện nhảm nhí và gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong lúc hành sự đang được tiến hành cho vị Ni ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã phản đối. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã đi vào làng vì công việc can làm nào đó. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: 66Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã đi vắng", nên đã phạt án treo Tỳ-khiru-ni Candakālī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-khưu-ni Thullanandã, sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng, đã quay trở về thành Sāvatthi. Trong khi Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đi về, Tỳ-khưu-ni Candakālī đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với Tỳ-khưu-ni Candakālī điều này: Này cô Ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, đã không đi ra tiêp rước y bát và đã không dâng nước uống vậy? -Thưa Ni sư, bởi vì sự việc này là như vậy, giống như là việc làm đối với kẻ không người bảo hộ. Này cô Ni, vì sao cô lại là không người bảo hộ? -Thưa Ni sư, các Tỳ-khưu-ni này [nói rằng]: "C6 này là không người bảo hộ, lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối\ rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-khưu-ni Thullanandã [nói rằng]: "Những cô ấy thì ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự, hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta mới biết về hành sự, hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta có thể thực hiện hành sự chưa được thực hiện, hoặc có thể hủy bỏ hành sự đã được thực hiện5\ rồi đã mau mau triệu tập hội chúng Tỳ-khưu-ni và đã phục hồi cho Tỳ-khưu-ni Candakālī.

2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 655

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandã khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo su?” ...(nt) —Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hoi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại

niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ- khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào khỉ chưa xỉn phép hội chủng, thực hiện hành sự và không quan tầm đen ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vỉ Tỳ-khưu-ni đã bỉ hội chủng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, vị Tỳ^khưu-nỉ này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Sañghādisesa, cần được tách rỉêngy 3 Vị nỉ nào: Là bất cứ vi Ni nào, ...(nt). Tỳ-khưu-iìi: ..(nt)... vị Ni này là "vj Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú, được thiết lập trong cùng ranh giới. Bi phạt án treo nghĩa là bi phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Theo Pháp, theo Luật: Theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó. Theo lỉri giáo huấn của bậc Đạo sư: Theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thang, theo lời giáo huấn của đức Phật. Khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự: Khi chưa hỏi ý hội chúng đã làm hành sự. Không quan tâm đến ước muốn của nhóm: Không biết đến ước muốn của nhóm. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ phục hồi,\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khiru-ni] hoặc chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa,

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vi Ni trước đây. Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thê được gọi là "tội Sañghādisesa^ Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni phục hồi thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni phục hồi thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lam] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni phục hồi thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni phục hồi sau khi đã xin phép hội chúng thực hiện hành sự, phục hồi sau khi đã quan tâm đến ước muốn của nhóm, phục hồi vi Ni đang thực hành các phận sự, phục hôi khi hội chúng thực hiện hành sự không còn tôn tại, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ tư. —ooOoo—

2.5. ĐIÊU SAÑGHĀDISESA THỨ NĂM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Nhiều người, sau khi nhìn thay Tỳ-khưu-ni Sundannandā ở trong nhà ăn, bị nhiễm dục vọng, rồi dâng đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā thọ thực được như ý thích. Các Tỳ-khưu-ni khác nhận lãnh không được như ý. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, loại mem từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và n?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu9 nghe nói Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, tự tay thọ nhận vật

thực loại cứng, loại mem từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem

lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào nhiễm dục vọng, tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, hoặc loại mem từ tay của người nam nhiêm dục vọng roi nhai hoặc ănf vị Tỳ- khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vỉ phạm, là tội Sañghādisesa, can được tách rỉengy 3. Vi ni nào: Là bất cứ vi Ni nào, ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. [Nữ] nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có /x M M tâm quyên luyên. [Nam] nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng bị dục chiếm ngự. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực [mềm], nước và tăm xỉa răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,\ rồi thọ nhận thì phạm tội Thullaccaya. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Sañghādisesa. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vi Ni trước đây. Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n", rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Thullaccaya. Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n”, rồi thọ nhận từ tay của dạ-xoa nam, hoặc ma nam, hoặc người nam vô căn, hoặc loài thú đực dạng người thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Thullaccaya. Vi Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,\ rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Dukkata. Vi Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata.

Cả hai không nhiêm dục vọng, trong khi biêt răng: "Là người nam không nhiễm dục vQng”, roi thọ nhận, vị Ni bị diên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì VO tôi. Điều Sañghādisesa thứ năm. --ooOoo--

2.6. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ SÁU 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Nhiêu người, sau khi nhìn thây Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn, bị nhiễm dục vọng rồi dâng đến Tỳ-khưu-ni

Sundarīnandā các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā trong lúc ngần ngại nên không thọ nhận. Vi Tỳ-khưu-ni đứng kế đã nói với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā điều này: Này Ni sư, vì sao Ni sư lại không thọ nhận? Này Ni sư5 là những người nam nhiễm dục vọng. -Này Ni sư, Ni sư mới nhiễm dục vọng. Này Ni sư, tôi không nhiễm dục vọng. -Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni su, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao vi Tỳ-khưu-ni lại nói như vay: Này Ni su, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni su, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn di?” ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni nói như vay: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn di", có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao vị Tỳ-khưu-ni lại nói như vầy: “Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn

Ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn di?" Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào nói như vây: 'Này Nỉ sư, cá nhân người đàn ông ây nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khỉ Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Nỉ sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mem nào đên Nỉ sư, Nỉ sư cứ tự tay thọ nhận vật ây roi hãy nhai hoặc ăn đi"; vỉ Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vỉ phạm, là tội Sañghādisesa, cần được tách riêng y 3. Vi nỉ nào: Là bất cứ vi Ni nào, ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Nói như vầy: Vi Ni xúi giục rằng: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn di” thi phạm tội Dukkata. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ an99, rồi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội Dukkata. Mỗi lần [vi Ni kia] nuốt xuống thì [vị Ni xúi giục] phạm tội Thullaccaya. Khi chấm dứt bữa ăn thì [vị Ni xúi giục] phạm tội Sañghādisesa. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở. Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Vi Ni xúi giục răng: "Hãy thọ nhận nước và tăm xỉa rng” thì phạm tội Dukkata, Do lời nói của vi Ni ấy, vị Ni kia

[nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n", roi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội Dukkata, Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, đối với vật thực loại cứng, hoặc loại mềm từ tay của dạ-xoa nam, hoặc ma nam, hoặc người nam vô căn, hoặc loài thú đực dạng người, vị Ni xúi giục rang: "Hãy nhai hoặc ăn di" thì phạm tội Dukkata. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n"rồi thọ nhận thì [vi Ni xúi giục] phạm tội Dukkata. Mỗi lần [vi Ni kia] nuôt xuống thì [vi Ni xúi giục] phạm tội Dukkaịa. Khi châm dứt bữa ăn thì [vị Ni xúi giục] phạm tội Thullaccaya. Vị Ni xúi giục rằng: "Hãy thọ nhận nước và tăm xỉa rang99 thì phạm tội Dukkata. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n", rồi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội Dukkata.

Vị Ni trong khi biết rằng: "Là người nam không nhiễm dục vọng95 rồi xúi giục, vị Ni [nghĩ rằng]: "C6 ta [sẽ] nổi giận và không thọ nhận,, rồi xúi giục, vi Ni [nghĩ rằng]: "C6 ta [sẽ] không thọ nhận vì lòng thương hại đến gia dinh" rồi xúi giục, vi Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ sáu. -00O00-

2.7. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ BẢY 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni CandakâỊĩ sau khi gây gổ với các Tỳ-khưu-ni đã nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: -Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Ni sư Candakālī khi nôi giận, bát bình lại nói như vầy: Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Candakālī khi nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: "T6i lìa bỏ đức Phật, ...(nt).. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy", có đung không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ..(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Candakālī khi nổi giận, bất bình lại nói như vầy: "T6i lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy?" Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khmi-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm

tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy." Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu- ni như saw. 'Này Ni sư, khi nối giận, bất bình chớ nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa- môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy" Này Nỉ sư, hãy hoan hỷ, pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đủng đan để cham dứt khổ đau" Và khi được nói như vây bởi các Tỳ-khưu-ni mà vi Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chân giữy như thê, vị Tỳ-khưu-ni ây nên được các Tỳ-khưu-ni nhác nhở đên lân thứ ba đê từ bỏ việc ây. Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc ây, như the việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vi Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội [khỉ được nhắc nhở] đen lan thứ ba, là tội Sañghādisesa, can được tách riêng y 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào, ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú. Nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm ton, có hoi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.” 3Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Vi Tỳ-khưu-ni nào nói như thế ấy. 4. Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ nay là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm ton, có hoi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.' Này Ni sư, hãy hoan hỷ9 pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng dăn đê châm dứt khô dàu." Nên được nói đên lân thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vi Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Này Ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm

3 Bản Pali và Việt của dịch giả đánh số 4 trùng thêm ở câu này, do đó Ban Biên tập xin phép xóa bớt, giữ lại số 4 câu dưới

tốn, CÓ hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ây.' Này Ni sư, hãy hoan hỷ, pháp đã được khéo thuyêt giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đan đe cham dứt kho dàu." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nen được noi đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vi Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo

bởi vi Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 5. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] khi nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hoi hận. ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy\ Vị Ni ấy không chiu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghi. 6. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] khi nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hoi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ây/ Vị Ni ây không chịu từ bỏ sự việc ây. Hội chúng nhác nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhăc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây xin im lặng; vi Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt).. Tỳ-khưu-ni tên [như vày] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 7. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Đoi với vị Ni vi phạm tội Sañghādisesa thì tội Dukkata do lời đề nghi và các tội Thullaccaya do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực. 8. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. [Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni không dứt

bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lâm] tưởng là hành sự sai pháp, vi Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni chưa được nhắc nhở, VỊ Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ bảy. —ooOoo—

2.8. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ TÁM L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Candakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nôi giận, bát bình roi nói như vây: Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê5 các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì sợ hãi. 2. Các Tỳ-khiru-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang:

"Vi sao Ni sư Candakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hi?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 nghe nói Tỳ-khưu-ni Candakājī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nôi giận, bát bình roi nói như vây: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hi", có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Candakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt).. các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hi?" Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào bỉ xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình roi nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vỉ vì thương, các Tỳ- khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưư-ni có sự thiên vỉ vì si mê, các ___

Tỳ-khưư-ni có sự thiên vị vì sợ hãi." Vỉ Tỳ-khrru-ni ây nên được nói bởi các Tỳ-khưu-nỉ như sau: 'Này Ni sư, khỉ bỉ xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó roi nôi giận, bát bình, chớ nên nói như vây: 'Các Tỳ-khưu-nỉ có sự thiên vỉ vì

thương, các Tỳ-khưu-nỉ có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vỉ vì si mêf các Tỳ-khĩm-nỉ có sự thiên vi vì sợ hãi." Chỉnh Nỉ sư mới thiên vỉ vì thương, mới thiên vỉ vì ghét, mới thiên vi vì si mêf mới thiên vỉ vì sợ hãi." Và khỉ được nỏi như vậy bởi các Tỳ-khưu-nỉ mà vỉ Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thếf vỉ Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu-nỉ nhắc nhở đen lần thứ ba đe từ bỏ việc ỉ r ỉ y r r r ây. Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc ây, như thê việc này là tót đẹp; nếu không dứt bỏ, vi Tỳ-khưu-nỉ này cũng phạm tội [khỉ được nhắc nhở] r \ _ \ đên lân thứ ba, là tội Sañghādisesa, cân được tách riêngy 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: vị Ni này là "vj T'-khiru-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Trong cuộc tranh tụng nào đó: Tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Bi xử thua nghĩa là bị thất bại được đề cập đến. Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú. Nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì si mê5 các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì sợ hi." Vi Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni nói như thế ấy. Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình, chớ nên nói như vầy: 'Các Tỳ-khiru-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi/ Chính Ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vi vì si mê, mới thiên vi vì sợ hãi.y Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata, Các vi Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni ấy

nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Này Ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình, chớ nên nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì sợ hãi.5 Chính Ni sư mới thiên vị vì thương, ...(ĩit)... mới thiên vị vì sợ hãi/9 Nên được nói đen lan thứ nhì ...(nt)... Nên được noi đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vi Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata, Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu5 nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy], bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi

nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi/Vi Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy], bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni CÓ sự thiên vi vì sợ hãi.5 Vị Ni ây không chiu từ bỏ sự việc ây. Hội chúng nhăc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây. Đại đức Ni nào đông ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt)... Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Đoi với vi Ni vi phạm tội Sañghādisesa, thì tội Dukkata do lời đề nghị và các tội Thullaccaya do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực. Vi Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. [Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Vi Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc. Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội Sañghādisesay Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vi Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên,...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ tám. —ooOoo—

2.9. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ CHÍN l. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-

ni Thullanandā sông thân cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiêng đôn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lân nhau. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại song thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lân nhau?99 ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lẫn nhau, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sống thân cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lân nhau vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: “Hơn nữa, các Tỳ-khưu-nỉ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khim-nỉ và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các Tỳ- khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-nỉ như sau: 'Các Sư tỷ song thân cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xaf có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xaf là những người gây khó khăn cho hội chủng Tỳ-khưu-nỉ và là những người che giấu tội lan nhau. Này các Nỉ sư, hãy tự tách rời ra. Hội chủng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ' Và khỉ được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-nỉ mà các Tỳ- khưu-nỉ ấy vẫn chấp giữ y như thế, các Tỳ-khưu-nỉ ấy nên được các Tỳ-khưu-ni nhác nhở đênr lân thứ ba r đê từ bỏr việc ây. Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc ây, như thê việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏf các vỉ Tỳ-khưu-nỉ này cũng phạm tội [khỉ được nhắc nhở] đến lần thứ ba, là tội Sañghādisesa can được tách riêng' 3. Hơn nữa, các Tỳ-khưu-ni: Là các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến. Sống thân cận [với thế tục]: sống thân cận bằng [hành động thuộc về] thân và khẩu không đúng đắn. Có hạnh kiểm xấu xa: Được hội đủ sở hành xấu xa. • • •

Có tiếng đồn xấu xa: Được lan rộng bởi lời đồn đãi về tiếng tăm xấu xa.

, . x ỉ y . . CÓ sự nuôi mạng xâu xa: Các vi duy trì sự sông băng việc nuôi mạng sai trái, xấu xa. Là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni: Các vị phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị. Là những người che giấu tội lẫn nhau: Các vi là những người che giấu tội qua lại cho nhau. 4. Các Tỳ-khưu-ni ấy: Là các vị Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục]. Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni su, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư

tỷ" Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt).. Nếu [các vị Ni ấy] dứt bỏ? như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Các Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói răng: "Các Sư tỷ sông thân cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ- khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni su, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.^, Nên được nói đen lan thứ nhì ..(nt).. Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [các vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các Tỳ-khưu-ni ấy cân được nhác nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhác nhở như vây: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 5. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các vi Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị. 6. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu-ni tên [như vây] và tên [như vây] sông thân cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở các Tỳ-khưu-ni tên [như vây] và tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì: ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(lít)... Các Tỳ-khưu-ni

tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ây. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 7. Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata, Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Đoi với vị Ni vi phạm tội Sañghādisesa, thì tội Dukkata do lời đề nghị và các tội Thullaccaya do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực. Hai, ba vị Ni nên được nhắc nhở chung [một lượt], không nên nhắc nhở nhiều k M hơn sô lượng ây. 8. Các Tỳ-khưu-ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. [Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Các vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đen lan thứ ba, không phải do thực hiện sự việc. Cần được tách riêng: Bi tách riêng ra khỏi hội chúng. ÍT e

Tội Sañghādisesa: ...(nt)... vì thê được gọi là tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, các vi Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, các vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, các vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội

Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Các vị Ni chưa được nhắc nhở, các vị Ni dứt bỏ, các vị Ni bị điên, các vi Ni có tâm bi roi loạn, các vi Ni bi thọ kho hành hạ, các vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ chín. —ooOoo—

2.10. ĐIỀU SAÑGHĀDISESA THỨ MƯỜI L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bị hội chúng nhắc nhở nên nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: Này các Ni sư, các vi hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đon như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng A r 5 < • đã không nói các cô ây bát cứ điêu gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối

nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: "Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.” 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Ni sư Thullanandâ khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vây: Này các Ni sư, các vi hãy sông thân cận, các vi chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ?" Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru. Các vị Tỳ- khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vây: “Này các Ni sư, các vị hãy sông thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiêm như vậy, có tiêng đôn như vậy, ...(nt).. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư ty?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. f , , r 3. Khi ây5 đức The Ton nhan ly do ây9 nhân sự kiện ây đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bị hội chúng nhắc nhở nên nói với các Tỳ-khmi-ni như vầy: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận5 các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, ..(nt).. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ", có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi được hội chúng r nhăc nhở lại nói với các r Tỳ-khưu-ni như vây: "Này các Ni sư, các vị hãy sông thân cận, các vị chớ có sông cách khác. ...(nt).. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ?” Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu-ni hãy pho

biến điều học này như vầy: y "Vị Tỳ-khưu-ni nào nói như vây: 'Này các Nỉ sư, các vỉ hãy sông thân cận, các vỉ chớ có song cách khác. Trong hội chủng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác CÓ hạnh kiêm như vây, có tiêng đôn như vậy, cỏ sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chủng Tỳ-khưu-nỉ và là những người che giấu tội lân nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chỉnh

các CÔ, hội chủng đãr nói với\ sự không tôn trọng, "r với ĩ sự xem thường,y không lòng nhân nại, theo lôi nói tâm phào, có tỉnh chát yêu nhược như vây: 'Các Sư tỷ song thần cận [với thế tục], có hạnh kiếm xấu xa, có tiếng đon xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xaf là những người gây khó khăn cho hội chủng Tỳ-khưu-ni và là những người che giau tội lan nhau. Này các Nỉ sưf hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ y Vị Tỳ-khưu-ni ây nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như saw. 'Này Ni sưf chớ nói như vây: 'Này các Ni sưf các vỉ hãy sông thân cận, các vỉ chớ có sông cách khác. Trong hội chủng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đon như vây, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-nỉ và là những người che giau tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ây bát cứ điêu gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo loi nóiz tâm phào, có ;tỉnh chát yêu nhược v như 5 vây: r 'Các Sư tỷ sông thân• cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xaf là những người gãy khó khăn cho hội chủng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lân nhau. Này các Nỉ sưf hãy tự tách rời ra. Hội chủng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷy Và khỉ được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-nỉ mà vi Tỳ-khưu-nỉ ây vân châp giữ y như thê, vị Tỳ-khưu-ni ây nên được các Tỳ-khưu-nỉ nhác nhở đên lân thứ ba đê từ bỏ việc ây. Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc ây, như thê việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ, vi Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba, là tội Sañghādisesa, can được tách rỉêngy 4. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là "vi Tỳ-khưu-ni,, được đề cập trong ý nghĩa này. Nói như vầy: "Này các Ni su, các vi hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội r - X A : e chúng đã không nói các cô ây bát cứ điêu gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng vói sự không tôn trọng: Với sự khinh khi. Với sự xem thường: Với sự chê bai. Không lòng nhẫn nại: Với sự nóng giận. Theo lối nói tầm phào: Việc nói tầm phào đã được thực hiện. Có tính chất yếu nhược: Có tính chất không phe nhóm. Đã nói như vầy: 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xâu xa, có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ'" V| Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khmi-ni nói như thế ấy.

Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vi Ni nào thấy, các vi Ni nào nghe, các vị Ni ây nên nói răng: “Này Ni sư, chớ nói như vây: 'Này các Ni su, các vi hãy sông thân cận, các vi chớ có sông cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác ...(nt).. Này các Ni su, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.'" Nên được nói đến lần thứ nhi. ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba. ...(nt).. Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vi Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng roi nên được nói rang: "Này Ni sư, chớ nói như vay: 'Này các Ni sư, các vị hãy sông thân cận, các vị chớ có sông cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác, ...(nt).. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ'" Nên được nói đến lần thứ nhi. ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba. ...(nt).. Nếu [vi Ni ấy] dứt bỏ9 như thế việc này là tót đẹp; nêu không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Tỳ-khưu-ni ây cân được nhác nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 5. “Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vây] khi được hội chúng nhác nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vây: 'Này các Ni sư, các vị hãy sông thân cận, các vị chớ có sông cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chát yêu nhược như vây: 'Các Sư tỷ sông thân cận [với thê tục], có hạnh kiêm xâu xa, có tiêng đôn xâu xa, có sự nuôi mạng xâu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ y Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhác nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vây] đê dứt bỏ sự việc ây. Đây là lời đề nghị. 6. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru-ni này tên [như vầy] khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: 'Này các Ni sư, các vi hãy sông thân cận, các vị chớ có sông cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lân nhau; hội chúng đã không nói các cô ây bát cứ điêu gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh

kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giâu tội lân nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ." Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu- ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin

im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhì: ...(nt)...Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba:...(nt).. Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lăng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 7. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata, Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya. Khi cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Đoi với vi Ni vi phạm tội Sañghādisesa, thì tội Dukkata do lời đề nghị và các tội Thullaccaya do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực. 8. Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây. [Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc. Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng. Tội Sañghādisesa: Chỉ có hội chúng, không phải một số vị, không phải một cá nhân, ban cho hành phạt Mãnatta của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì the được gọi là tội Sañghādisesa. Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giông như tội ây; vì thê được gọi là "tội Sañghādisesay Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Sañghādisesa. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt b6, vị Ni bị điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều Sañghādisesa thứ mười. 9. Bạch chư Đại đức Ni, mười bảy điều Sanghãdisescâ đã được đọc tụng xong, chín điều bi phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, tám điều [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba. Vị Tỳ-khưu-ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc

4 Ngài Buddhaghosa giải thích về 17 điều Sañghādisesa của Tỳ-khiru-ni như sau: Phần phạm tội ngay lúc yừa mới vi phạm gồm có điều 5 (mai mổi)Ị 8 và 9 (hai điều về vu cáo) ở Giới bổn cua Tỳ-khưu va 6 điều ở đây. Phần phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba gồm 4 điều, từ 10-13 ở Giới bổn của Tỳ-khưu và 4 điều ở đây. Tổng cộng là 17 điều (VừĩA. IV. 916).

vê các điêu này, thì vi Tỳ-khưu-ni ây nên thực hành nửa tháng Mãnatta nơi có cả hai hội chúng. Vị Tỳ-khưu-ni có hành phạt Mãnatta đã được hoàn tất thì vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng Tỳ-khưu-ni nhóm hai mươi vi. Nếu hội chúng Tỳ-khưu-ni nhóm hai mươi vi, chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị Tỳ-khưu-ni ấy thì vị Tỳ-khưu-ni ấy chưa được giải tội và các Tỳ- khưu-ni ấy bị khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đê này? Đên lân thứ nhì, tôi hỏi răng: Chác hãn các vị được thanh tinh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. —ooOoo—

TÓM LƯỢC CÁC ĐIỀU NÀY

Việc kiện tụng, nữ đạo tặc, trong làng, bị án treo và bởi việc nhai, việc gì với Ni sư, bị noi giận, ở sự việc nào đó5 [song] thân cận và với sự khinh khi;
các điều ấy là mười.
Dứt Mười bảy pháp.
—ooOoo—
3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA

Bạch chư Đại đức Ni, ba mươi điều Nissaggỉya Pãcỉttỉya này được đưa ra đọc tụng.

3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát? Không lẽ các Tỳ-khưu-ni sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sìi?" 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)..., các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ bình bát, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —..(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát vậy? Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-ni nào thực hiện việc tích trữ bình bát thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vỉ Nỉ ấy] phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ..(nt)... vị Ni này là Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. Bình bát có ba dạng: Bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. Bình bát cỡ lớn nghĩa là chứa được một nửa ālhaka cơm, một phan tư vật thực là thức ăn tương xứng với phan [cơm] ấy. Bình bát cỡ vừa nghĩa là chứa được một nālika cơm, một phàn tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. Bình bát cỡ nhỏ nghĩa là chứa được một pattha cơm, một phần tư vật thực là thức ăn

tương xứng với phân [cơm] ây. Lớn hơn các cỡ ây không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát. Thực hiện việc tích trữ: [Bình bát] Chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung. Nên được xả bỏ: Đen lúc rạng đông thì phạm vào tội Nissaggỉya, [bình bát ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu- ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khiru-ni ấy nên đi đến nơi hội chúng, đăp thượng y một bên vai, đảnh lê ở chân các Tỳ-khưu-ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức Ni, bình bát này của tôi đã qua đêm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về Tỳ-khưu-ni tên [như

vầy], là vật phạm vào tội Nissaggiya đã được xả bỏ đến hội chúng. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát này đến Tỳ-khưu-ni tên [như vy]." Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên đi đến nhiều Tỳ-khiru-ni, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni trưởng thượng, ngồi chôm hôm, chăp tay lên và nên nói như vầy: Thưa các Đại đức Ni, bình bát này của tôi đã qua đêm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức Ni. Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: "Xin các Đại đức Ni hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về Tỳ-khưu-ni tên [như vầy], là vật phạm vào Nỉssaggỉya đã được xả bỏ đến các Đại đức Ni. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức Ni, các Đại đức Ni nên cho lại bình bát này đến Tỳ-khưu-ni tên [như v*y]." Vị Tỳ-khưu-ni ây nên đi đên gặp một vị Tỳ-khmi-ni, đáp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Thua Ni sư, bình bát này của tôi đã qua đêm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến Ni su." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vi Tỳ-khưu-ni ấy, bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: "Tôi cho lại Ni sư bình bát này." Khi đã qua đêm, nhận biết là đã qua đêm thì phạm tội Nissaggỉya Pâcỉttỉya. Khi đã qua đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội Nỉssaggỉya Pâcỉttiya. Khi đã qua đêm, [lầm] tưởng là chưa qua đêm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttiya. Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Khi chưa chú nguyện đe dùng chung, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng chung thì phạm tội Nissaggỉya Pãcìttiya. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttỉya. Khi không bi mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm

thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. Khi không bi hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bi hư hỏng thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. Khi không bị vỡ? [lầm] tưởng là đã bi vỡ thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Bình bát là vật vi phạm tội Nissaggỉya, không xả bỏ roi sử dụng thì phạm tội Dukkata. Khi chưa qua đêm, [lầm] tưởng là đã qua đêm thì phạm tội Dukkata. Khi chưa qua đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa qua đêm, nhận biết là chưa qua đêm thì vô tội. Trong lúc rạng đông, vị Ni chú nguyện để dùng riêng, vị Ni chú nguyện để dùng chung, vị Ni phân phát, [bình bát] bị mất trộm, bị hư hỏng, bị vỡ5 [các người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị Ni bị điên, ..(ĩìt)..., vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ; vị Ni nào không cho lại thì phạm tội Dukkata. Điều học thứ nhất. —ooOoo—

3.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ5 nhiều vị Tỳ-khưu-ni, khi trải qua mùa [an cư] mưa ở trú xứ thôn làng, đã đi đến thành Sāvatthi. [Các vị Ni áy] có đây đủ các pháp thực hành, đây đủ oai nghi, [nhưng] mặc vải tàn tạ và y phục thô xâu. Các cư sĩ sau khi nhìn thây các Tỳ-khưu-ni ây [nghĩ răng]: "Các Tỳ-khưu-ni này có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, [nhưng] mặc vải tàn tạ

và y phục thô xấu. Các Tỳ-khmi-ni này sẽ bị rách rưới,\ rồi đã dâng y ngoài hạn kỳ đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã xác định rang: "Kathỉna của chúng tôi đã được thành tựu, [vậy là] y trong thời hạn9\ rồi đã bảo phân chia. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu-ni ấy đã nói điều này: Có phải các Ni sư cũng đã lãnh được y? -Này các đạo hữu, chúng tôi không được lãnh y. Ni sư Thullanandâ đã xác định rang: "Kathina của chúng tôi đã được thành tựu, [vậy là] y trong thời hạn", rồi đã bảo phân chia. Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandâ lại xác định y ngoài hạn kỳ là: Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia? 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê

bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại xác đinh y ngoài hạn kỳ là: Y trong thời hạn,, roi bảo phân chia? ...(nt). -Này các Tỳ-khiru, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ xác đinh y ngoài hạn kỳ là: "Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại xác định y ngoài hạn kỳ là: "Y trong thời hạn,, rồi bảo phân chia? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào xác định y ngoài hạn kỳ là: 'Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị Nỉ ấy] phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: vi Ni này là Tỳkhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi Kathỉna không được thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi Kathỉna được thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; [y] được dâng xác định trong thời gian trên thì [y] ây gọi là y ngoài hạn kỳ. Vị Ni xác định: "Y trong thời han^ rồi bảo phân chia, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata, Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggỉya. nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ- khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch chư Đại đức Ni, y này của tôi đã được bảo chia phàn sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn", giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng. ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)...các Đại đức Ni nên cho lại ..(nt)... "Tôi cho lại Ni su." Y ngoài hạn kỳ, nhận biết là y ngoài hạn kỳ, vi Ni xác định: "Y trong thời hạn", rồi bảo phân chia thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. Y ngoài hạn kỳ, có sự hoài nghi, vị Ni xác đinh: 'Y trong thời hạn', rồi bảo phân chia thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. Y ngoài hạn kỳ5 [lam] tưởng là y trong thời hạn, vị Ni xác định: "Y trong thời h@n", rồi bảo phân chia thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Y trong thời hạn, [lầm] tưởng là y ngoài hạn kỳ thì phạm tội Dukkata, Y trong thời hạn, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Y trong thời hạn, nhận biết là y trong thời hạn thì vô tội. Đối với y ngoài hạn kỳ, vị Ni nhận biết là y ngoài hạn kỳ rồi bảo phân chia, đối với y trong thời hạn, vị Ni nhận biết là y trong thời hạn rồi bảo phân chia, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. -ooOoo-

3.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi trao đôi y với vị Tỳ-khưu-ni nọ roi đã sử dụng. Khi ây, vị Tỳ-khưu-ni ây đã xếp y ấy lại rồi để riêng. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ây điêu này: -Này Ni sư, cái y đã được tôi trao đổi với cô, cái y ấy đâu rồi? Khi ây, vị Tỳ-khưu-ni ây đã đem y ây lại và đưa cho Tỳ-khưu-ni Thullanandâ thấy. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: "Này Ni sư, hãy nhận lại y của cô đi. Y này là của tôi. Y nào của cô là của chính cô, y nào của tôi là của chính tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của minh", rồi đã giật lại. Sau đó, vi Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi trao đổi y với Tỳ-khưu-ni rồi giật lai?99 ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni rồi giật lại, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi trao đổi y với Tỳ-khưu-ni rồi giật lại vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào khỉ đã trao đổi y với Tỳ-khưu-nif sau đó, lại nói như vây: 'Này Ni sưf hãy nhân lây y của cô. Y này là của tôi. Y nào của cô là của chỉnh cô, y nào của tôi là của chỉnh tôi. Hãy đưa dây, y này ỉa của tôi. Hãy mang đi y của mình\ rồi giật lại hoặc bảo giật lại thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vỉ Nỉ ấy] phạm tội Pãcittiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là uvi Ty-khuu-ni^ được đề cập trong ý nghĩa này. 4. Với vi Tỳ-khưu-ni: Với vi Tỳ-khiru-ni khác. Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung. Khi đã trao đổi: Sau khi trao đổi [y] lớn bằng [y] nhỏ hoặc là [y] nhỏ bằng [y] lớn. Giật lại: Vị Ni tự mình giật lại thì phạm vào tội Nỉssaggiya Pãcittỉya.

Bảo giật lại: Vi Ni ra lệnh người khác thì phạm tội Dukkata. Được ra lệnh một lần5 [vị nghe lệnh] giật lại nhiều lần thì phạm [chỉ một] tội Nissaggiya. Nên m J r r . : được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đên một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vay: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, y này của tôi, sau khi trao đổi với Tỳ-khưu-ni rồi đã giật lại, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng/6 hội chúng nên cho lại ...(nt).. các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Ni SU." Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni sau khi trao đổi y rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni sau khi trao đoi y roi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Nỉssaggỉya Pâcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni sau khi trao đổi y rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Vi Ni sau khi trao đổi vật dụng khác rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Dukkata. Vị Ni sau khi trao đoi y, hoặc vật dụng khác với người nữ chưa tu lên bậc trên rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm

tội Dukkata. Vi Ni kia cho, hoặc vị Ni lấy đi trong khi có sự thân thiết với vị Ni kia, vi Ni bị điên, vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

3.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ l. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandã bi bệnh. Khi ấy, có nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ điều này: Thưa Ni sư, có phải Ni sư không được khỏe? Vật gì cần được mang lại?

 Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về bơ lỏng. Sau đó, nam cư sĩ ấy đã mang lại một đồng kahāpana bơ lỏng từ nhà của chủ tiệm buôn nọ, rồi dâng cho Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói như vay: Này đạo hữu, tôi không có nhu cầu về bơ lỏng. Tôi có nhu cầu về dầu ăn.

Khi ây5 nam cư sĩ ây đã đi đên gặp người chủ tiệm buôn ây9 sau khi đên đã nói với người chủ tiệm buôn ây điêu này: > -Này ông, nghe nói Ni n sư không n A có nhu câu vê bơy lỏng mà có nhu câu vê dâu ăn. Hãy nhận lây bơ lỏng của ông và hãy cho tôi dâu ăn.

-Này ông, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua bơ lỏng thì bơ lỏng đã được mang đi. Ông hãy mang đến phần mua của dầu ăn rồi dầu ăn sẽ được mang đi.1 Khi ây, nam cư sĩ ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: -Tại sao Ni sư Thullanandā sau khi yêu câu vật khác lại yêu câu vật khác nữa? ...(îìt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi yêu cau vật khác lại yêu cầu vật khác nữa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim-ni nào sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa thì [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vỉ Nỉ áy] phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Sau khi yêu cầu vật khác: Sau khi yêu cầu bất cứ vật gì. Lại yêu câu vật khác nữa: Vị Ni yêu câu vật khác, trừ ra vật ây. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nissaggiya. nên được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đên một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu? nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được yêu cầu sau khi đã yêu cầu vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.,, hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni su.” Vật khác, nhận biết là vật khác, vị Ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pãciítiya. Vật khác, có sự hoài nghi, vị Ni yêu cau vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcittiya. Vật khác, [lầm] tưởng không phải là vật khác, vị Ni yêu cau vật khác nữa thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Không phải là vật khác, [lầm] tưởng là vật khác thì phạm tội Dukkata, Không phải là vật khác, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là vật khác, nhận biết không phải là

vật khác thì vô tội.

1 Người chủ hiệu buôn có ý chỉ trích Tỳ-khưu-ni Thullanandā nên đã nói: “Mang đến ... mang di." Nếu chỉ trích người cận sự nam thì phải nói: "Mang đi... mang den^ (ND).

Vị Ni yêu cầu thêm chính vật khác, vị Ni [nhận vật khác rồi] yêu cầu thêm vật khác nữa, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi yêu cầu,2 vi Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

3.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bịv bệnh. • Khi ây, có nam cư.sĩ_ nọ đã đi đên gặp 5 Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, sau khi đên đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ điêu này: Thưa Ni su, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? -Này đạo hữu, sức khỏe không khá. Mọi việc không được thuận tiện. -Thưa Ni su, tôi sẽ để lại ở nhà của chủ tiệm buôn kia một đồng kahāpana. Ni sư muốn vật gì ở tiệm buôn kia thì hãy bảo mang lại vật ấy. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã bảo cô Ni tu tập sự nọ rằng: -Này cô Ni tu tập sự, hãy đi rồi mang lại một đồng kahāpana dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn kia. Sau đó, cô Ni tu tập sự ây đã mang lại một đông kahāpana dâu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn ấy và dâng cho Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói như vầy: -Này cô Ni tu tập sự, tôi không có nhu cầu về dầu ăn. Tôi có nhu cầu về bơ lỏng. Khi ây, cô Ni tu tập sự ây đã đi đên gặp người chủ tiệm buôn ây, sau khi đên đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này: Này đạo hữu, nghe nói Ni sư không có nhu câu vê dâu ăn mà có nhu câu về bơ lỏng. Hãy nhận lấy dầu ăn của ông và hãy cho tôi bơ lỏng. —Thưa Sư cô, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua dầu ăn thì dầu ăn đã được mang đi. Sư cô hãy mang đen phan mua của bơ lỏng roi bơ lỏng sẽ được mang đi. 2. Khi ấy, co Ni tu tập sự ấy đã đứng khóc lóc. Các Tỳ-khxru-ni đã nói với cô Ni tu tập sự ấy điều này: —Này cô Ni tu tập sự, vì sao cô lại khóc lóc? Khi ấy, cô Ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ- khưu-ni nào ít ham muốn,...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai

2 Ý nghĩa của phần không phạm tội được ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Vật được dâng chưa đủ nên phải yêu cầu thêm nưa, ngoài vật đã được dâng, vị Ni con cần thêm vật thứ hai nen yêu cầu, giải thích sự cần thiết phải có thêm vật thứ hai rồi yêu cau (VinA. IV. 917).

răng: "Vi sao Ni sư Thullanandã sau khi bảo săm vật khác lại bảo săm vật khác nua?^ ..(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sam vật khác nữa, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khmi, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ- khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào sau khi bảo sắm

vật khác lại bảo sắm vật khác nữa thì [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vị Ni áy] phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: vị Ni này là Ty-khưuni“ được đe cập trong ý nghĩa này. Sau khỉ bảo sắm vật khác: Sau khi bảo sắm bất cứ vật gì. Lại bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật ấy. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata, Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggiya, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch chư Đại đức Ni, vật e " r e r này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo săm sau khi đã bảo săm vật khác, giờ can được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đen hội chiing." hội chúng nên cho lại ...(nt).. các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt).. "T6i cho lại Ni SU." Vật khác, nhận biết là vật khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Vật khác, có sự hoài nghi, vi Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Vật khác, [lầm] tưởng không phải là vật khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Không phải là vật khác, [lầm] tưởng là vật khác thì phạm tội Dukkaịa. Không phải là vật khác, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là vật khác, nhận biết không phải là vật khác thì vô tội. Vi Ni bảo sắm thêm chính vật khác, vị Ni [nhận vật khác rồi] bảo sắm thêm vật khác nữa, sau khi cho thây sự lợi ích roi bảo săm, vị Ni bị điên, vị Ni vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

3.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại Sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu câu vê y của hội chúng Tỳ-khưu-ni, đã đê

lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ5 rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: Thưa các Ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các Ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần. Với phân tài vật ây, các Tỳ-khưu-ni đã bảo săm dược phàm cho bản thân roi thọ dụng. Các cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: ữ r \ \ -Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác? 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được các cư sĩ ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc vê hội chúng, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khAc?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sắm vật khác nữa bằng phân tài vật thuộc vê hội chúng, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sam vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: r \ x \ "Vỉ Tỳ-khưu-ni nào bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc vê hội chúng, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác thì [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vị Nỉ áy]

phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Tykhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bằng phần tài vật đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng, nhăm đên nhu câu của việc khác. Thuộc về hội chúng: Của hội chúng, không phải của nhóm, không phải của một Tỳ-khưu-ni. Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nissaggiya. nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm bằng phần tài

vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đên hội chiing." hội chúng nên cho lại ...(nt).. các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni su." Thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biêt là thuộc vê nhu câu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya, Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vi Ni bảo săm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bo thí. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là thuộc vê nhu câu của việc khác thì phạm tội Dukkata, Không thuộc ve nhu cau của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Không thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội. Vi Ni sử dụng phan còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điêu học thứ sáu. -ooOoo—

3.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY L Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bây giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về y của hội chúng Tỳ-khưu-ni, đã để lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: Thưa các Ni sư, phân tài vật cho nhu câu vê y đã được đê lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các Ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần. Các Tỳ-khưu-ni sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm dược phẩm bằng phần tài vật ây và thọ dụng. Các cư sĩ biêt được roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phân tài vật thuộc việc khác?' ọ chúng, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của ...(ní).vê hội

Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ..(ỉìt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê hội chúng, đã được chỉ định vê

việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần y y y tài vật thuộc vê hội chúng, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác thì [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vị Nỉ áy] phạm tội Pâcittỉyay 2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-ỉdiưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là TY-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bằng phần tài vật đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng nhắm đến nhu cầu của việc khác. Thuộc về hội chúng: Của hội chúng, không phải của nhóm, không phải của một Tỳ-khưu-ni. Do tự mình yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu. Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggỉya, nên được xả bỏ đen hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt).. "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chiing."...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni SU." Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pâcittiya. Thuộc vê nhu câu của việc khác, có sự hoài nghi, vi Ni bảo săm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. Thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vi Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ? nên sử dụng như là vật bố thí. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác thì phạm tội Dukkata. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội. Vi Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bi điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA 687

3.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni thường trú ở căn phòng của phường hội nọ, bi thiêu thôn vê cháo. Khi ây, phường hội ấy sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về cháo của các Tỳ- khưu-ni, đã để lại phần tài vật ở nhà của chủ tiệm buôn nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: Thưa các Ni su, phân tài vật cho nhu câu vê cháo đã được đê lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ây, các Ni sư hãy bảo mang gạo đên roi bảo nấu cháo và thọ dụng. Các Tỳ-khưu-ni đã bảo săm dược phàm băng phân tài vật ây roi thọ dụng. Khi ấy, phường hội ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khAc?" ...(nt). a r \ -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khiru-ni bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc vê nhóm, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác, có đúng không vậy? -

Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sam vật khác nữa băng phân tài vật thuộc vê nhóm, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: ỉ A A " Vị Tỳ-khưu-nỉ nào bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc vê nhóm, . y • y • t r r đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác thi [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vỉ Nỉ ấy] phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bằng phần tài vật đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng, nhăm đên nhu câu của việc khác. Thuộc về nhóm: Của nhóm, không phải của hội chúng, không phải của một Tỳ-khưu-ni. Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý đinh [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nỉssaggiya. nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đên một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm bằng

phân tài vật thuộc vê nhóm, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni su." Thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biêt là thuộc vê nhu câu của việc khác, vị Ni bảo sam vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya. Thuộc vê nhu câu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo săm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pācittiya, Thuộc ve nhu cầu của việc khác, [lam] tưởng là không thuộc vê nhu câu của việc khác, vị Ni bảo săm vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí [cho bản thân]. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là thuộc vê nhu câu của việc khác thì phạm tội Dukkata, Không thuộc vê nhu câu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội. Vi Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên, ...(nt)..., vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo—

3.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni thường tru ở căn phòng của phường hội nọ, bi thiêu thôn vê cháo. Khi ây, phường hội ấy, sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về cháo của các Tỳ- khưu-ni, đã để lại phần tài vật ở nhà của chủ tiệm buôn nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này: Thưa các Ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ây, các Ni sư hãy bảo mang gạo đên roi bảo nau cháo và thọ dụng. Các Tỳ-khưu-ni sau khi tự mình yêu câu roi bảo săm dược phàm băng phân tài vật ây và thọ dụng. Phường hội ây biêt được roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo săm vật khác nữa do tự mình

yêu câu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sam vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA 689

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê nhóm, đã được chỉ đinh vê việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay: “ Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc ve nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vi Ni áy] phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vi Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Bằng phần tài vật đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng, nhắm đến nhu cầu của việc khác. Thuộc vê nhóm: Của nhóm, không phải của hội chúng, không phải của một Tỳ-khưu-ni. Do tự mình yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu. Bảo săm vật khác nữa: Vi Ni bảo săm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nỉssaggiya. nên được xả bỏ đen hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khmi, nên được xả bỏ như vầy: ..(nt)..."Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu câu của việc khác, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đên hội chong." ...(nt).. hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt).. "Tôi cho lại Ni su." Thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biêt là thuộc vê nhu câu của việc khác, vi Ni bảo sam vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vi Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là thuộc vê nhu câu của việc khác thì phạm tội Dukkata. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

690 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

Vị Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

3.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ là vị Ni nghe nhiêu, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ vê nói pháp thoại. Nhiều người thăm viếng Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Vào lúc bấy giờ, căn

phòng của Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bị hư hoại. Dân chúng đã nói với Tỳ-khưu- ni Thullanandâ điều này: -Thưa Ni sư, tại sao phòng ở này của Ni sư bị hư hoại? -Này các đạo hữu, không có các thí chủ, không có các nhân công. Khi ấy, những người ấy, sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về phòng ở của Tỳ-khưu-ni Thullanandâ rồi đã dâng lên phần tài vật thuộc về Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tự mình yêu cầu và đã bảo sắm dược phẩm bằng phần tài vật ấy rồi thọ dụng. Dân chúng biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandâ lại bảo sắm vật khác nữa do tư mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?" ...(nt). -Này các Tỳ-khxru, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu càu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu câu của việc khác, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu9 vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại bảo sam vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê cá nhân, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(lít)... Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: y y y " Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cảu băng phân tài vật thuộc về cả nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa áy] nên được xả bỏ và [vị Ni áy] phạm tội Pãcittiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vi Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA 691

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng nhăm đên nhu câu của việc khác. Thuộc về cá nhân: Của một Tỳ-khưu-ni, không phải của hội chúng, không phải của nhóm. Do tự mình yêu câu: Sau khi tự mình yêu câu. Bảo săm vật khác nữa: Vị Ni bảo săm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nỉssaggiya, nên được xả bỏ đen hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ..(nt).. "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác, giờ cân được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chilng." hội chúng nên cho lại ...(nt).. các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... t6Tôi cho lại Ni su." Thuộc vê nhu câu của việc khác, nhận biêt là thuộc vê nhu câu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya, Thuộc ve nhu cau của việc khác, có sự hoài nghi, vi Ni bảo sam vật khác nữa thì _ A LY

phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, [lâm] tưởng là thuộc vê nhu câu của việc khác thì phạm tội Dukkata. Không thuộc vê nhu câu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội

Dukkata. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội. Vị Ni sử dụng phân còn lại [sau khi đã bảo săm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. —ooOoo—

3.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MÔT L Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ ve nói pháp thoại. Khi ấy, vào mùa lạnh, đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi khoác lên tấm choàng len đắt giá, đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandã, sau khi đến đã đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandâ rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại.

692 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

Sau đó, khi đã được Tỳ-khưu-ni Thullanandâ chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phan khởi bang bài pháp thoại, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với Tỳ-khiru-ni Thullanandâ điều này: -Thưa Ni sư, có nhu cầu về vật gì xin Ni sư cứ nói. -Tâu Đại vương, nêu ngài có ý định bô thí đên tôi thì hãy dâng tâm choàng len này. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tấm choàng len rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. 2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này ham muôn quá độ, không tự biêt đủ! Tại sao lại yêu câu đức vua tâm choàng len?” Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại yêu cầu đức vua tấm choàng len?” ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ yêu cầu đức vua tấm choàng len, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại yêu cầu đức vua tâm choàng len vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: r r “ Vi Tỳ-khưu-ni, trong khi bảo săm tâm choàng loại dày, nên bảo săm tôi đa là bon kamsa. Nêu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị Nỉ ấy] phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Tâm choàng loại dày nghĩa là bát cứ loại tâm choàng nào vào mùa đông. Trong khi bảo sắm: Trong khi yêu cầu. Nên bảo sắm tối đa là bốn kamsa: Nên bảo sắm vật trị giá là mười sáu kahāpana} r r r A e r

Nêu bảo săm vượt quá trị giá ây: Vị Ni yêu câu vượt quá trị giá ây, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào Nỉssaggỉya, nên được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đên một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vy: ...(nt).. "Bạch chư Đại đức Ni, tấm choàng loại dày này của tôi đã được bảo sắm vượt quá bốn kamsa. giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)...hội chúng nên cho lại ..(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ..(nt).. "Tôi cho lại Ni SU.”

3 Kahāpana là đơn vị tiền tệ thời bấy giờ. Cũng nên nhắc lại rằng, vị Tỳ-khxru hoặc Tỳ-khưu-ni trộm cắp vật trị giá 5 mãsaka = l pãda = 1/4 kahāpana là phạm tội cực nặng Pārājika. (ND).

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA < 693

Hơn bốn kamsa. nhận biết là hơn, vị Ni bảo sắm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Hơn bốn kamsa. có sự hoài nghi, vi Ni bảo sắm thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. Hơn bon kamsa, [lầm] tưởng là kém? vị Ni bảo sam thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. Kém bốn kamsa. [lầm] tưởng là hơn thì phạm tội Dukkata, Kém bốn kamsa. có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaịa. Kém bon kamsa. nhận biết là kém thì vô tôi. Vị Ni bảo săm [vật trị giá] tôi đa là bôn kamsa, vị Ni bảo săm [vật trị giá] tối đa kém bốn kamsaf của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bảo sắm vật có giá trị tháp đôi với người có ý định bảo săm vật giá tri cao, vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười một
—ooOoo—

3.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tư tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Khi ấy, vào mùa nóng, đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi khoác lên tấm choàng sợi lanh đắt giá, đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandã, sau khi đến đã đảnh lễ Tỳ- khưu-ni Thullanandâ rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã chỉ dạy, thức tinh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó9 khi đã được Tỳ-khưu-ni Thullanandâ chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ điều này: Thưa Ni sư, có nhu câu vê vật gì xin Ni sư cứ nói. -Tâu Đại vương, nêu ngài có ý định bô thí đên tôi thì hãy dâng tâm choàng sợi lanh này. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tấm choàng sợi lanh rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. 2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua tấm choàng sại lanh?” Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi ladir ...(no*

694 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

Này các Tỳ-khưu5 nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandã lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: ĩ , r ^Vị Tỳ-khưu-ni, trong khi bảo săm tâm choàng loại nhẹ,

nên bảo săm tôi đa là hai kamsa rưỡi. Nêu bảo săm vượt quá trị giá ây thì [vật áy] nên được xả bỏ và [vỉ Nỉ ấy] phạm tội Pâcittỉyay 3. Tâm choàng loại nhẹ nghĩa là bát cứ loại tâm choàng nào vào mùa nóng. Trong khi bảo sắm: Trong khi yêu cầu. Nên bảo sắm tối đa là hai kamsa rưỡi: Nên bảo sắm vật trị giá là mười kahāpana. Nếu bảo sắm vượt quá tri giá ấy: Vị Ni yêu cầu vượt quá trị giá ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do sự đạt được thì phạm vào tội Nỉssaggỉya, nên được xả bỏ đên hội chúng, hoặc đên nhóm, hoặc đên một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vây: ...(nt).. "Bạch chư Đại đức Ni, tấm choàng loại nhẹ này của tôi đã được bảo sắm vượt quá hai kamsa rưỡi, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng?9 ...(lít)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại NÌ su." Hơn hai kamsa rưỡi, nhận biết là hơn, vị Ni bảo sắm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. Hơn hai kamsa rưỡi, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. Hơn hai kamsa rưỡi, [lâm] tưởng là kém, vi Ni bảo săm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. Kém hai kamsa rưỡi, [lầm] tưởng là hơn thì phạm tội Dukkata. Kém hai kamsa rưỡi, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Kém hai kamsa rưỡi, nhận biết là kém thì vô tội. Vị Ni bảo sắm [vật tri giá] tối đa là hai kamsa rưỡi, vị Ni bảo sắm [vật trị giá] tôi đa kém hai kamsa rưỡi, của các thân quyên, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bảo sắm vật có giá trị tháp đôi với người có ý định bảo săm vật giá trị cao, vị Ni bị điên, ..(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười hai. —ooOoo—

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA 695

TÓM LƯỢC CÁC ĐIỀU NÀY Bình bát, ngoài hạn kỳ và trong thời hạn, trao đôi và yêu câu, sau khi bảo săm, có nhu câu vật khác nữa, thuộc vê hội chúng, [của] nhóm, tự mình yêu cầu, thuộc về cá nhân, [trị giá] bốn kamsa và hai kamsa rưỡi. -ooOoo— -Bạch chư Đại đức Ni, ba mươi điều Nỉssaggỉya Pãcittỉycâ đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được . r y z \ r 7 :. thanh tịnh trong vân đê này? Đên lân thứ nhì, tôi hỏi răng: Chác han các vi được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong van đe này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt các điều Nissaggiya. —ooOoo—

4 Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đều có 30 điều Nissaggiya Pãciưiya. Phần của Tỳ-khưù-ni gồm có 12 điều quy định riêng đã được trình bày ở trên, còn 18 điêu được quy định chung đã được trình bày ở Giới bổn cua Tỳ-khưu: Phần Y bỏ ra 2 điều là điếu 4 (bảo giặt y) và điêu 5 (thọ lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni), rồi thêm vào 2 điều là điều 2 (phân chia y) và điều 3 (trao đổi y rồi giật lại) ở trên là đủ 10 điều; Phần Tơ tằm bỏ ra 7 điều học đầu rồi thay thế bằng 7 điều ở trên đây, từ điêu 4-10, rồi cộng thêm vào 3 điều còn lại cha Tỳ-khưu là đủ 10 điều; Phần Bình Bát bỏ ra 3 điêu là điều l (cất giữ bình bát), điều 4 (ỵ choàng tam mưa) và điều 9 (ngụ ở rừng), rồi thêm vào điều đầu tiên ở9trên (tích trữ bình bát) và 2 điều sau cung (tấm choàng loại day và loại nhẹ) là đủ 10 điều; như vậy, tổng cộng là 30 điều học (VinA. IV. 919).

4. CHƯƠNG PẢCITTIYA

Bạch chư Đại đức Ni, một trăm sáu mươi sáu điều Pãcittiya này được đưa ra đọc tụng.

4.1. PHẨM TỎI

4.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện . r * của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, hội chúng Tỳ-khiru-ni được nam cư sĩ nọ thỉnh câu vê tỏi [nói răng]: "Các Ni sư nào có nhu câu vê tỏi, tôi dâng t6i." Và người canh ruộng được ra lệnh rằng: "Nếu các Tỳ-khxru-ni đi đến, hãy dâng cho mỗi một vị Tỳ-khưu-ni hai, ba b6." Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatthi có lễ hội. Tỏi đã được đem lại bao nhiêu đều không còn. Các Tỳ-khưu-ni đã đi r r y đên nam cư sĩ ây và đã nói điêu này: Này đạo hữu, có nhu câu vê tỏi. -Thưa các Ni sư, không có. Tỏi đã được đem lại bao nhiêu đều hết cả. Xin hãy đi đen ruộng. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đi đến ruộng, đã không biết chừng mực và đã bảo mang đi nhiều tỏi. Người canh ruộng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Tại sao các Tỳ-khxru-ni sau khi đi đến ruộng lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi? 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người canh ruộng ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi?99 ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Ngài đã nói pháp thoại rồi đã bảo các Tỳ~khưu rằng: 3. Này các Tỳ-khưu, vào thời quá khứ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã là vợ của người Bà-la-môn nọ và có ba người con gái là Nandā, Nandavatī và Sundarīnandā. Này các Tỳ-khưu, khi ấy người Bà-la-môn ấy, sau khi qua đời đã sanh vào bào thai của con chim thiên nga nọ. Các lông của con chim ây đã là hoàn toàn băng vàng. Nó đã cho các cô ây môi người một lông chim. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Tỳ-khưu-ni Thullanandâ [nghĩ rằng]: "Con chim thiên nga này cho chúng ta mỗi người một lông chim^, nên đã nắm lấy con chim thiên nga chúa ấy và đã vặt trụi lông. Bộ lông của con chim ấy trong khi được mọc lại có màu trắng. Này các Tỳ-khưu, lúc bấy giờ Tỳ-khưu-ni Thullanandâ cũng vì quá tham lam khiến vàng đã bị tiêu tan; giờ đây tỏi sẽ bị mất đi. "Vật gì đã được nhận lãnh thì nên hoan hỷ với vật ấy, bởi vì quá tham lam nên kẻ ác đã nắm lấy thiên nga chúa, khiến cho vàng đã bị tiêu tan." Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Tỵ-khưu~ni Thullanandâ bàng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "VỊ Tỳ-khưu-ni nào nhai tỏi thì phạm tội Pãcỉttỉyay 4. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni:...(nt).. vị Ni này là "vj Ty-khtru-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Tỏi nghĩa là [loại thảo mộc] thuộc về xứ Magadha được đề cậẸ đến. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ n”rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata, Mỗi lần nuốt

xuống thì phạm tội Pãcittiya. Tỏi, nhận biết là tỏi, vị Ni nhai thì phạm tội Pãcittiya. Tỏi, có sự hoài nghi, vị Ni nhai thì phạm tội Pãcỉttỉya. Tỏi, [lầm] tưởng không phải tỏi, vị Ni nhai thì phạm tội Pãcittiya, Không phải tỏi, [lầm] tưởng là tỏi, vị Ni nhai thì phạm tội Dukkata. Không phải tỏi, có sự hoài nghi, vị Ni nhai thì phạm tội Dukkata, Không phải tỏi, nhận biết không phải tỏi, vị Ni nhai thì vô tội. Trong trường hợp củ hành, củ hành đỏ, củ hành tây, lá hẹ, nấu chung với súp, nấu chung với thịt, nấu chung với dàu ăn? rau cải trộn, hương vị làm ngon miệng, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo—

4.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sau khi cạo lông ở chỗ kín, roi lõa thê tăm chung với các cô gái diêm ở một bên tăm nơi dòng sông

Aciravatī. Các cô gái điếm phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ- khưu-ni lại cạo lông ở chỗ kín, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được các cô gái điếm ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: —Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín? ...(nt). Này các Tỳ-khiru5 nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư cạo lông ở chỗ kín, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào cạo lông ở chỗ kín thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là T-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Chỗ kín nghĩa là hai nách và chỗ tiểu tiện. Cạo: Vi Ni cạo [nhổ] chỉ một sợi lông thì phạm tội Pãcittiya. Vị Ni dầu cạo [nhổ] nhiều sợi lông cũng phạm [chỉ một] tội Pãcittỉya. Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. -ooOoo—

4.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có hai Tỳ-khiru-ni bị bực bội bởi sự không được thỏa thích nên đi vào phòng trong roi thực hiện việc đập vô băng lòng bàn tay. Các Tỳ- khưu-ni đã chạy lại vì tiêng động ây9 roi đã nói với các Tỳ-khưu-ni ây điêu này: -Này các Ni sư, vì sao các cô lại làm điêu nhơ nhớp cùng với người nam vậy? -Này các Ni sư, chúng tôi không làm điều nhơ nhớp cùng với người nam. Rồi đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay?^ ..(nt)

Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khmi-ni thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khiru9 vì sao các Tỳ-khưu-ni lại thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa

có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: “Khi thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay thì phạm tội Pãcittiyay 3. Việc đập vỗ bằng lòng bàn tay nghĩa là trong lúc ưng thuận sự xúc chạm, vi Ni đánh [đập, vỗ] vào chỗ tiểu tiện mặc dầu chỉ bằng cánh hoa sen thì phạm tội Pãcittiya. Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bi điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

4.1.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có người nọ5 trước đây là cung nữ của đức vua, đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Có Tỳ-khmi-ni nọ bị bực bội bởi sự không được thỏa thích, đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu-ni ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này Ni sư, đức vua lâu lâu mới đến với cô, cô chịu đựng bằng cách nào? r y Này Ni sư, với gậy ngăn băng nhựa cây. Này Ni su, gậy ngăn băng nhựa cây ây là gì? Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã giải thích gậy ngắn bằng nhựa cây cho vi Tỳ- khưu-ni nọ. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni nọ? sau khi áp dụng gậy ngan bang nhựa cây roi không nhớ đê rửa và đã quăng bỏ ở một góc. Các Tỳ-khưu-ni khi nhìn thây vật bi các con ruồi bu quanh đã nói như vầy: Việc làm này là của ai? Cô Ni nọ đã nói như vây: Việc làm này là của tôi. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng gậy ngắn bằng nhựa c2y?” ...(nt) -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói vị Tỳ-khưu-ni áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng gậy ngăn băng nhựa cây vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: ^[Trường hợp] gậy ngăn băng nhựa cây thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Gậy ngắn bằng nhựa cây nghĩa là làm bằng nhựa cây, làm bằng gỗ, làm bằng bột gạo, làm bằng đất sét. Áp dụng: Trong khi img thuận sự xúc chạm, vị Ni đưa vào chỗ đường tiểu cho dù chỉ là cánh hoa sen thì phạm tội Pãcỉttiya. Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

4.1.5. ĐIỀU HỌC THỨ NAM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bay giờ, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở phía dưới gió [nói rằng]: Bạch Thế Tôn, người nữ có mùi thối. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: “Các Tỳ-khưu-ni hãy áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước9\ rồi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamĩ bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 2. Sau đó, đức Thế \ Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép việc làm sạch sẽ bằng nước đến các Tỳ- khưu-ni. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khxru-ni nọ [nghĩ rằng]: "Việc làm sạch sẽ bằng nước đã được đức Thế Tôn cho phép", rồi trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu nên đã gây ra vết thương ở chỗ đường tiểu. Sau đó, vị Tỳ- khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 3. Các Tỳ-khưu-ni

nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ băng nước quá sW'...(nt).

Này các Tỳ-khưu? nghe nói vi Tỳ-khưu-ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ băng nước quá sâu vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ băng nước nên áp dụng tối đa hai lóng tay; vượt quá giới hạn ấy thì phạm tội Pãcỉttiyay 4 Việc làm sạch sẽ bằng nước nghĩa là việc rửa ráy chỗ đường tiểu được đe cạp đen. Trong khi áp dụng: Trong khi rửa. Nên áp dụng tối đa hai lóng tay: Nên áp dụng tối đa hai khớp ở hai ngón tay. Vượt quá giới hạn ấy: Trong khi ưng thuận sự xúc chạm, vi Ni vượt quá cho dù khoảng cách mảnh bằng sợi tóc thì phạm tội Pãcittỉya. Khi hơn hai lóng tay, nhận biết là đã hơn, vị Ni áp dụng thì phạm tội Pãcittiya. Khi hơn hai lóng tay, có sự hoài nghi, vị Ni áp dụng thì phạm tội Pâcỉttiya, Khi hơn hai lóng tay, [lam] tưởng là kém, vị Ni áp dụng thì phạm tội Pãcittiya. Khi kém hai lóng tay, [lầm] tưởng là đã hơn thì phạm tội Dukkata. Khi kém hai lóng tay, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi kém hai lóng tay, nhận biết là kém thì vô tội. Vị Ni áp dụng tối đa hai lóng tay, vị Ni áp dụng tối đa kém hai lóng tay? vì nguyên nhân bệnh, vi Ni bi diên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

4.1.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, có vi quan đại thân tên là Arohanta, đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người vợ cũ của vị ấy cũng đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bấy giờ, vi Tỳ-khưu ấy nhận phần phân phát bữa ăn khi có sự hiện diện của Tỳ-khxru-ni ấy. Sau đó, trong lúc vi Tỳ-khưu ấy đang thọ thực, vi Tỳ-khiru-ni ây đã đứng gân với nước uông và quạt roi nói chuyện thê tục, là nói vê chuyện đùa giỡn lúc còn tại gia.1 Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã xua đuổi vị Tỳ-khưu-ni ấy [nói rang]:

1 Accãvadati đã được dịch là Tng mạ,, theo ngữ cảnh ở trang 34, nay được ghi nghĩa khác nương theo Chủ giải (VinA.W. 922).

Này Sư tỷ, chớ làm như thê. Điêu ây không được phép. Trước đây, ông đã làm tôi như vây và như vây. Bây giờ, chỉ chừng ây, ông lại không chiu. Rồi đã đổ tô nước uống lên đầu và đã dùng quạt đánh vi Tỳ-khưu ấy. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-khưu-ni lại đánh Tỳ-khưu?,^ .(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni đánh vi Tỳkhưu, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Ty-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại đánh Tỳ-khưu vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khiru-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Trong khi vỉ Tỳ-khiru

đang thọ thực, vi Tỳ-khưu-ni nào đứng gần với nước uổng hoặc với quạt thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào, ...(nt). Tỳ-khưu-ni:...(nt).. vị Ni này là Tykhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. [Đối với] vi Tỳ-khưu: [Đối với] người nam đã tu lên bậc trên. Đang thọ thực: Đang thọ thực loại vật thực mềm nào đó thuộc về năm loại

vật thực mem. Nước uống nghĩa là bất cứ loại nước uống nào. Quạt nghĩa là bất cứ loại quạt nào. Đứng gần: Vi Ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội Pãcittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội Pãcittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi Ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội Pãcittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, [lâm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni đứng gân với nước và quạt thì phạm tội Pãcỉttỉya, Vị Ni sau khi rời xa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata, Trong lúc [vi Tỳ-khiru] đang nhai vật thực cứng, vị Ni đứng gần thì phạm tội Dukkaịa. Vi Ni đứng gần người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nam chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata.

Vị Ni dâng, vị Ni bảo [người khác] dâng, vị Ni ra lệnh cho người [nữ] chưa tu lên bậc trên, vị Ni bi điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo—

4.1.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, trong khi mùa thu hoạch, các Tỳ-khưu-ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt roi mang đi đên thành phô. Tại trạm gác công, [lính gác nói rằng]: "Thua các Ni su, hãy đóng góp phn", đã giữ lại rồi đã thả ra. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ây đã đi đên chô ngụ và đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt?59 ..(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni yêu cầu lúa còn nguyên hạt, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khmi? vì sao các Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào yêu câu, hoặc bảo yêu câu, hoặc xay, hoặc bảo xay, hoặc giã, hoặc bảo giã, hoặc nâu, hoặc bảo nâu lúa còn nguyên hạt roi thọ thực thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vj Ty-khuu-ni^ được đề cập trong ý nghĩa này. Lúa còn nguyên hạt nghĩa là lúa gạo sālī, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrũsaka [bắp?]. [Sau khi] yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu. [Sau khi] bảo yêu cầu: Sau khi bảo người khác yêu cầu. [Sau khi] xay: Sau khi tự mình xay. [Sau khi] bảo xay: Sau khi bảo người khác xay. [Sau khi] giã: Sau khi tự mình giã. [Sau khỉ] bảo giã: Sau khi bảo người khác giã. [Sau khi] nấu: Sau khi tự mình nấu.

[Sau khi] bảo nấu: Sau khi bảo người khác nấu. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ n", rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittiya. Vì nguyên nhân bệnh, vi Ni yêu cầu rau cải, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. --ooOoo--

4.1.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ là lính được đức vua trả lương [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cầu xin tiền lương bằng số ấy", rồi đã gội đầu và đi đến hoàng cung, nương theo chỗ ngụ của các Tỳ-khiru-ni. Có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi đại tiện vào vật đựng, rồi trong khi đổ bỏ phía bên kia bức tường, đã làm rơi lên trên đầu của người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Những bà cạo đầu khả ố này không phải là nữ Sa-môn. Tại sao lại đổ vật đựng chất thải lên đầu? Ta sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này. Rồi đã cầm lấy cây lửa đi vào Ni viện. Có nam cư sĩ nọ đang đi ra khỏi Ni viện, đã nhìn thây người Bà-la-môn ây câm cây lửa đang đi vào Ni viện, sau khi nhìn thây, đã nói với người Bà-la-môn ây điêu này: Này ông, vì sao ông lại cầm cây lửa và đi vào Ni viện? Này ông, những bà cạo đầu khả ố này đổ vật đựng chất thải lên đầu tôi. Tôi sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này. Này ông, hãy đi. Điều này là điều may mắn. Và ông sẽ đạt được số tiền lương ấy là một ngàn. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã gội đầu rồi đi đến hoàng cung và đã đạt được số tiền lương ấy là một ngàn. 2. Sau đó, nam cư sĩ ây đã đi vào Ni viện và kê lại sự việc ây cho các Tỳ- khưu-ni rồi đã chê trách. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại đo bỏ phân phía bên kia bức tường?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khtru-ni đổ bỏ phân phía bên kia bức tường, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu9 vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khxru-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỷ-khưu-nỉ nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa phía bên kìa bức tường, hoặc phía bên kia hàng rào thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vi Tỳ-khưu-nf, được đề cập trong ý nghĩa này. Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến. Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến. Rác rến nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến. Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mẩu xương, hoặc nước dơ được đề cập đến. Bức tường nghĩa là có ba loại tường: Tường gạch, tường đá, tường gỗ. Hàng rào nghĩa là có ba loại hàng rào: Hàng rào gạch, hàng rào đá, hàng rào gỗ. Phía bên kia bức tường: Phía đối nghịch của bức tường. Phía bên kia hàng rào: Phía đối nghịch của hàng rào. Đổ bỏ: Vị Ni tự mình đổ bỏ thì phạm tội Pãciítiya. Bảo đổ bỏ: Vị Ni ra lệnh người khác đổ bỏ thì phạm tội Dukkata. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] đổ nhiều lần [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcỉttỉya. Vi Ni đổ bỏ sau khi đã xem xét, vị Ni đổ bỏ nơi không phải là lối đi, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám. —ooOoo—

4.1.9. ĐIÊU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nọ là kề bên chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đo bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa ở trong ruộng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại làm dơ ruộng lúa mạch của chúng tôi? 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khiru-ni lại đo bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh?" ...(nt).

—Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đổ bỏ phân, nước tiêu, rác rên và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: ^Vị Tỳ-khưu-ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: (nt) vị Ni này là "vj Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến. Nước tiêu nghĩa là nước thải được đê cập đên. Rác rến nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến. Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mẩu xương, hoặc nước dơ được đề cập đến. Cỏ cây xanh nghĩa là loại hạt và rau cải nào được trồng để làm thực phẩm sử dụng cho loài người. Đổ bỏ: Vi Ni tự mình đổ bỏ thì phạm tội Pãcittiya, Bảo đổ bỏ: Vị Ni ra lệnh ngươi khác đổ bỏ thì phạm tội Dukkata. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] đổ nhiều lần [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãcỉttỉya. Cỏ cây xanh, nhận biết là cỏ cây xanh, vị Ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội Pãcỉttỉya, cỏ cây xanh, có sự hoài nghi, vị Ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội Pâcỉttiya. cỏ cây xanh, [lầm] tưởng không phải là cỏ cây xanh, vị Ni đổ bỏ hoặc bảo đô bỏ thì phạm tội Pâcittiya. Không phải là cỏ cây xanh, [lầm] tưởng là cỏ cây xanh thì phạm tội Dukkata. Không phải là cỏ cây xanh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Không phải là cỏ cây xanh, nhận biết không phải là cỏ cây xanh thì vô tội. Vị Ni đổ bỏ ở ruộng đã được đổ bỏ [rác], vi Ni đổ bỏ sau khi xin phép các người chủ, vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

4.1.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VèỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đi để xem vũ, ca và tấu nhạc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn,

...(nt).. các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ, ca và tấu nh@c?" ...(ùĩ) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đi để xem vũ, ca và tấu nhạc, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ, ca và tấu nhạc vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: 9 r “ Vị Tỳ-khưu-ni nào đi đê xem vũ, hoặc caf hoặc tâu nhạc thìphạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vj TAkhưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Vũ nghĩa là bất cứ loại vũ gì. Ca nghĩa là bất cứ bài ca gì. Tấu nhạc nghĩa là bất cứ loại tấu nhạc gì [trống, kèn, đờn, v.v...]. Vi Ni đi để xem thì phạm tội Dukkaía. Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội Pãcỉttiya. Sau khi rời khỏi tầm nhìn, vị Ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội Pãcittiya. Vi Ni đi để xem mỗi một [môn biểu diễn] thì phạm tội Dukkata. Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội Pâcỉttỉya. Sau khi rời khỏi tầm nhìn, vị Ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị Ni đứng ở trong tu viện roi nhìn thây hoặc nghe, sau khi đi đên chô đứng hoặc chỗ ngồi, hoặc chỗ nằm của vi Tỳ-khưu-ni thì họ vũ, hoặc họ ca, hoặc họ tấu nhạc, vị Ni nhìn thấy hoặc nghe trong khi đi ngược chiều, khi có việc cần phải làm vị Ni đi rồi nhìn thấy hoặc nghe, trong những lúc có sự cố, vị Ni bi điên,...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Tồi là thứ nhất. -ooOoo—

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 709

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Tỏi, việc cạo [nhổ] lông, việc đập vỗ bằng lòng bàn tay, gậy ngắn [bằng nhựa cây], việc làm sạch sẽ, vị [Tỳ-khưu] đang ăn, với lúa còn nguyên hạt, hai điêu vê rác rên và việc nhìn xem. —ooOoo—

710 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

4.2. PHẨM BÓNG TỐI

4.2.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị Tỳ- khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī, từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatthi vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy cùng người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn thì phạm tội Pãcittiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khini-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,5 được đề cập trong ý nghĩa này. Trong bóng tối ban đêm: Khi mặt trời đã lặn. Không có đèn: Không có ánh sáng. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú dực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện. Cùng: Cùng với. Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vi Tỳ-khun-ni. Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pãcittiya.

Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pâcittiya. Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội Dukkata. Vi Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội Dukkata. Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất -ooOoo—

4.2.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vi Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī, từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatthi vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn,\ nên cùng chính người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại cùng nẹười nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chô được che khuât?" ...(nt) —Này các Tỳ-khưu, nghe nói vi Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất vậy? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở cho được che khuất thì phạm tội Pâcittiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Chỗ được che khuất nghĩa là chỗ được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tam màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện. Cùng: Cùng

với. Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khiru-ni. Hoặc đứng chung: Vi Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pãcừtiya. Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tâm tay của người nam thì phạm tội Pãcittỉya, Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội Dukkata, Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội Dukkata. Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vi Ni không mong mỏi chỗ kín dáo, đang bận tâm chuyện khác, vi Ni đứng chung hoặc chuyện trò, vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. -ooOoo—

4.2.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī, từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatthi vì công việc càn làm nào đó. Khi ấy, vi Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung chuyện trò ở chỗ được che khuất" nên đã cùng chính người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng tr6ng?"...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói vi Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 713

"Vi Tỳ-khưu-nỉ nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở khoảng trống thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Khoảng trống nghĩa là không bị che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc là không bị che khuất bởi bất cứ vật gì. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú dực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện. Cùng: Cùng chung. Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khưu-ni. Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vi Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội Dukkata. Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội Dukkata, Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị Ni bị diên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

4.2.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao 10, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu? nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở

giao lộ, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandã lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thâm thì vào tai và đuôi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay: Tỳ-khưu-nỉ nào ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ cùng người nam, một nữ với một nam hoặc đứng chung, hoặc chuyện trò, hoặc thầm thì vào tai, hoặc đuối đi vị Tỳ-khưu-nỉ thứ nhì thì phạm tội PâcỉttiyaP 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vj Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Đường có xe cộ nghĩa là đường có xe kéo hàng được đề cập đến. Ngõ cụt nghĩa là họ đi vào bằng chính lối nào thì đi ra bằng chính lối đó. Giao lộ nghĩa là nơi ngã tư đường được đề cập đến. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực? có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện. Cùng: Cùng với. Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vi Tỳ-khưu-ni. Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pãcittiya. Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hoặc thâm thì vào tai: Vi Ni nói vào lô tai của người nam thì phạm tội Pâcỉttỉya. Hoặc đuổi đi vi Tỳ-khưu-ni thứ nhỉ Vị Ni có ý định hành xử sai nguyên tác roi đuôi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì thì phạm tội Dukkata. Khi vị Ni [kia] đang rời khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe thì phạm tội Dukkata. Khi đã rời khỏi thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi tách rời khỏi tam tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội Dukkata, Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội Dukkata. Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vi Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác, vi Ni đứng chung hoặc chuyện

trò, vi Ni không có ý định hành xử sai nguyên tắc, vị Ni đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì khi có việc cần làm,1 vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. -ooOoo—

4.2.5. ĐIỀU HỌC THỨ NAM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bay giờ, có Tỳ-khưu-ni nọ, là vị thường tới lui với các gia đình và là vị nhận bữa ăn thường kỳ của gia đình nọ. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khxru-ni ấy đã mặc y, cầm y bát9 rồi đi đến gia đình ấy; sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi/ rồi đã ra đi không thông báo các chủ nhân. Người nữ nô tỳ của gia đình ấy, trong lúc quét nhà đã bỏ chỗ ngồi ấy bên trong cái thùng. Trong khi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy, mọi người đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này: —Thưa Ni sư, chỗ ngồi ấy đâu rồi? -Này các đạo hữu, tôi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy. —Thưa Ni sư, hãy đưa ra chô ngôi ây. Họ đã chê trách và đã ngưng lại bữa ăn thường kỳ. Sau đó, những người ấy, trong khi làm sạch sẽ nhà đã nhìn thấy chỗ ngồi ấy ở bên trong cái thùng nên đã xin lỗi vị Tỳ-khưu-ni ấy và thiết lập lại bữa ăn thường kỳ. 2. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo các chủ nhan?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói vi Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo các chủ nhân, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khtru, vì sao Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo các chủ nhân vậy? Này các Tỳ-khxru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay:12

1 Khi có việc cần làm là nhàm mục đích hoàn thành công việc rút thẻ cho bữa trai phạn, v.v... hoặc mục đích sắp xép lại sự bề bộn ở trong trú xá (VinA. IV. 927). 2 Từ "āsanāni có nghĩa là 4tchỗ ngồi, hành động ngồi,\ nhimg ở ngữ cảnh này là một loại chỗ ngồi gọn gàng, có thể di chuyên được, dườĩig như là "mọt loại đệm lót ngof9 (ND).

"Vị Tỳ-khưu-nỉ nào sau khi đi đên các gia đình trước bữa ăn và ngôi xuổng trên chỗ ngoi, roi ra đi không thông báo các chủ nhân thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Trước bữa ăn nghĩa là từ lúc mặt trời mọc cho đến giữa trưa. Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-lỵ, gia đình Bà-la- môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Sau khi đi đến: Sau khi đã đến nơi ấy. Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của tư thế kiết-già được đề cập đến. [Sau khi] ngôi xuống: Sau khi ngôi xuông ở nơi ây. Ra đi không thông báo các chủ nhân: Không thông báo người có trí suy xét ở gia đình ấy. Trong khi vượt qua mái che mưa thì phạm tội Pãcittỉya. ở ngoài trời, trong khi vượt qua vùng lân cận thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa thông báo, nhận biết là chưa thông báo, vị Ni ra đi thì phạm tội Pãcittỉya. Khi chưa thông báo, có sự hoài nghi, vi Ni ra đi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa thông báo, [lầm] tưởng là đã thông báo, vị Ni ra đi thì phạm tội Pãcỉttiya. Không phải là chỗ của tư thế kiết-già thì phạm tội Dukkaía. Khi đã thông báo, [lầm] tưởng là chưa thông báo thì phạm tội Dukkata. Khi đã thông báo, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã thông báo, nhận biết là đã thông báo thì vô tội. Vị Ni đi khi đã thông báo, ở chỗ ngồi không thể di động, vị Ni bị bệnh, trong những

lúc có sự cố, vị Ni bị điên,...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm.
—ooOoo—

4.2.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi.3 Mọi người trong khi khiêm tốn đối với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ nên không '.M A ngôi xuông cũng không năm xuông. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandâ, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngôi xuông và năm xuông trên chô ng6i?"

3 Tuy đây cũng là ^āsananf" nhưng lớn hơn vì có thể nằm xuống (ND).

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ, sau khi đi đến các gia đình, 9 1 /x k \ ' M A .m sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngôi xuông và năm xuống trên chô ngSi?” ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, sau khi đi đến các gia dinh, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân roi ngôi xuống và năm xuống trên chỗ ngồi, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngôi xuông và năm xuống trên chô ngôi vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào, sau khỉ đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ỷ các chủ nhân rồi ngồi xuổng hoặc nằm xuổng trên chỗ ngồi thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(lít). Tỳ-khini-ni: ..(nt).. vị Ni này là "vj T-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này.
Sau bữa ăn nghĩa là khi đã quá giữa trưa cho đến khi mặt trời lặn. Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-lỵ, gia đình Bà-la- môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Sau khi đi đến: Sau khi đã đến nơi ấy. Không hỏi ý các chủ nhân: Người nào là chủ nhân ở gia đình ấy thì không hỏi người ấy để cho phép. Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của tư thế kiết-già được đề cập đến. Ngồi xuống: Vị Ni ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội Pãcỉttiya. Nằm xuống: Vị Ni nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội Pâcỉttỉya. Khi chưa hỏi ý9 nhận biêt là chưa hỏi ý, vi Ni ngôi xuông hoặc năm xuông trên chỗ ngồi thì phạm tội Pãcittỉya. Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vi Ni ngồi xuổng hoặc năm xuống trên chô ngôi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa hỏi ý5 [lầm] tưởng là đã hỏi ý? vị Ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội Pãcỉttỉya. Không phải là chỗ của tư thế kiết-già thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý5 [lam] tưởng là chưa hỏi ý thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị Ni có hỏi ý roi ngôi xuồng hoặc năm xuống trên chô ngôi, ở chô được quy định thường xuyên, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ..(nt)... vi Ni vi

phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu. --ooOoo--

4.2.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni, trong khi đi đên thành Sāvatthi trong xứ Kosala nhằm lúc chiều tối, đã ghé vào ngôi làng nọ và đi đến gia đình Bà- la-môn nọ xin chỗ ngụ. Khi ấy, người nữ Bà-la-môn đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này các Ni sư, hãy chờ đến khi ông Bà-la-môn về. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Đến khi ông Bà-la-môn về", rồi đã trải ra chỗ năm; một sô đã ngôi xuông, một sô đã năm xuông. Sau đó, người Bà-la-môn ây đã trở về vào ban đêm và đã nói với người nữ Bà-la-môn điều này: Các cô này là ai? Thưa ông, là các Tỳ-khưu-ni. —Mây người hãy lôi những bà cạo đâu khả ô này ra. Rồi đã cho người lôi ra khỏi nhà. 2. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru-ni, sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối5 không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xu6ng?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đên các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ năm roi ngôi xuông và năm xuông vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào, sau khỉ đi đên các gia đình vào lúc trời tôi, không hỏi ỷ các chủ nhân lại trải ra, hoặc bảo trải ra chô năm roi ngôi xuông hoặc năm xuống thì phạm tội Pãcittỉyay

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 719

3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là "vj Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Lúc trời tối nghĩa là khi mặt trời đã lặn cho đến lúc rạng đông. Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la- môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Sau khi đi đến: Sau khi đã đến nơi ấy. Không hỏi ý các chủ nhân: Người nào là chủ nhân ở gia đình ấy thì không hỏi ý người ấy để cho phép. Chỗ nằm nghĩa là ngay cả tấm trải nằm bằng lá. [Sau khi] trải ra: Sau khi tự mình trải ra. [Sau khi] bảo trải ra: Sau khi bảo người khác trải ra. Ngoi xuống: Vị Ni ngôi xuông trên chô ây thì phạm tội Pãcittiya. Nằm xuống: Vi Ni nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý5 vị Ni trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội Pâcỉttiya. Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị Ni trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống, hoặc nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa hỏi ý, [lầm] tưởng là đã hỏi ý, vi Ni trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống, hoặc nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Khi đã hỏi ý, [lầm] tưởng là chưa hỏi ý thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý5 có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội. Vị Ni có hỏi ý, sau đó trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống, hoặc nằm xuốnẹ, vị Ni bị bệnh, trong những

lúc có sự cố, vị Ni bi điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4.2.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī phục vụ Bhaddā Kāpilānī rất nghiêm chỉnh. Bhaddā Kāpilānī đã nói với các Tỳ-khtru-ni điều này: Này các Ni sư, Tỳ-khưu-ni này phục vụ tôi rất nghiêm chỉnh. Tôi sẽ cho cô này y. Khi ấy, vị Tỳ-khiru-ni ấy do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác rang:

Này Ni su, nghe nói tôi không phục vụ Sư thầy nghiêm chỉnh. Nghe nói Sư thầy sẽ không cho tôi y. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)...các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni do hiêu sai, do xét đoán sai roi than phiền với vị khác?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói vi Tỳ-khưu-ni do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào do hỉêu sai, do xét đoán sai roi than phiên với vỉ khác thi phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là TV-khiru-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Do hiểu sai: Do được hiểu cách khác. Do xét đoán sai: Do được xét đoán cách khác. Với vi khác: Vị Ni than phiền với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni than phiền thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni than phiên thì phạm tội Pãcỉttỉya. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lâm] tưởng chưa tu lên bậc trên, vị Ni than phiền thì phạm tội Pãcittiya. Vị Ni than phiên với người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vi Ni bi điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo-

4.2.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni, trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân, đã nói với Tỳ-khưu-ni Candakālī điều này:

- Này Ni sư, Ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không? Tỳ-khưu-ni Candakālī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: —Chẳng lẽ chính tôi là nữ đạo tặc hay sao? Chẳng lẽ chính tôi là kẻ không biêt xâu hô hay sao? Những Ni sư nào trong khi không nhìn thây đô đạc của bản thân, những vi Ni ây đã nói với tôi như vây: "Này Ni sư, Ni sư có nhìn thây đồ đạc của chúng tôi khong?^ Này các Ni sư, nếu tôi lấy đồ đạc của các cô5 tôi không còn là nữ Sa-môn, tôi bi tiêu hoại Phạm hạnh, tôi bi sanh vào địa ngục. Còn cô nào đã nói sai trái vê tôi như thê, ngay cả cô ây cũng hãy không còn là nữ Sa-môn, hãy bi tiêu hoại

Phạm hạnh, hãy bị sanh vào địa ngục. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Candakālī lại nguyên rủa bản thân, nguyên rủa luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Candakālī nguyền rủa bản thân, 5 e A

nguyên rủa luôn cả người khác vê địa ngục và cả Phạm hạnh nữa, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(íìt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Candakālī lại nguyền rủa bản thân, nguyền rủa luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ"khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỷ-khưu-ni nào nguyên rủa bản thân hoặc người khác vê địa ngục, hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Bản thân: Đối với cá nhân mình. Người khác: Vị đã tu lên bậc trên. Vi Ni nguyền rủa ve địa ngục hoặc ve Phạm hạnh thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi Ni nguyền rủa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội Pãcittỉya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi Ni nguyền rủa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội Pãcỉttiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni nguyên rủa vê địa ngục hoặc vê Phạm hạnh thì phạm tội Pãcitíiya. Vị Ni nguyên rủa vê sự sanh làm loài thú, hoặc vê cảnh giới nga quỷ, hoặc vê phân sô xui của loài người thì phạm tội Dukkata. Vị Ni nguyên rủa người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata,

Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị Ni [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vi Ni [nói để] đề cập đến pháp, vị Ni [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vị Ni bị diên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

4.2.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Candakālī sau khi gây gổ với các Tỳ-khưu-ni5 lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Candakālī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc 16c?" ...(nt). Này các Tỳ-khiru, nghe nói Tỳ-khưu-ni Candakālī tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khiru-ni Candakālī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vậy? Này các Tỳ-khuru? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "VI Tỳ-khtru-ni nào tự đánh đấm chỉnh minh rồi khóc lóc thì phạm tội Pãcittiyay 2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là Tykhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Chính mình: Đối với cá nhân mình. Vị Ni đánh đấm, khóc lóc thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị Ni đánh dấm, không khóc lóc thì phạm tội Dukkata. Vị Ni khóc lóc, không đánh đấm thì phạm tội Dukkata. Bi tác động do sự

mất mát về thân quyến, hoặc do sự mất mát về vật dụng, hoặc do sự bất hạnh vì bệnh hoạn vị Ni khóc lóc không đánh đấm, vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười. Phẩm Bóiĩg tối là thứ nhì. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY L . x r r . • <• l Trong bóng tôi, ở chô được che khuất, ở khoảng trông, ở giao lộ, hai điêu về không hỏi ý, lúc trời tối và có sự hiểu sai, về địa ngục, vi Ni đã đánh đấm. —ooOoo—

43 PHẨM LÕA THẺ

4.3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, nhiều Tỳ-khưu-ni lõa thể tắm chung với các cô gái điếm ở một bến tắm nơi dòng sông Aciravatī. Các cô gái điếm đã l À • Ạ / y _____ • Ạ w che gieu các Tỳ-khưu-ni ây răng: -Các bà Đại đức ơi, có được cái gì cho các bà với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc đang còn quá trẻ vậy? Chớ không phải các dục lạc là nên được thụ hưởng hay sao? Khi nào trở nên già cả khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vơ được cả hai mối lợi. Trong khi bị các cô gái điếm chế giễu, các Tỳ-khưu-ni đã xấu hổ. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi ve chỗ ngụ và đã ke lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ay len đức The Ton. Khi ay, đức The Ton nhan ly do ay, nhan sự kiện áy, đã nói pháp thoại rồi bảo các Ty-khmi rằng: -Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu-ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt)... và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào lõa thê tăm thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Lõa thể tắm: Vị Ni không quấn y hoặc không choàng y rồi tắm. Trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội Pãcỉttiya. Vị Ni có y [choàng tắm] bị cướp đoạt, hoặc vi Ni có y [choàng tắm] bi hư hỏng, trong những lúc có sự cô, vị Ni bi điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo—

4.3.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, vải choàng tăm của các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thê Tôn cho phép. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Vải choàng tắm đã được đức Thế Tôn cho phép", rồi đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước, trong lúc để lòng thòng ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây. 2. Các Tỳ-khmi-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại mặc những vải choàng tắm không đúng kích thu&c?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước, có đúng không vậy? - Bạch Thế

Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại mặc những vải choàng tăm không đúng kích thước vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Trong khi cho thực hiện vải choàng tăm, vỉ Tỳ-khưu-ni nên bảo làm theo kích thước, ở đây, kích thước này là chiều dài bổn gang tay, chiều rộng hai gang, theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nêu vượt quả mức ây thì [vải choàng tam] nên được cắt bớt và phạm tội Pãcittiyay 3. Vải choàng tăm nghĩa là vật mà vị Ni quân vào roi tăm. Trong khi cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước, ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang, theo gang tay của đức Thiện Thệ.1 Nếu vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata, Do sự đạt được thì nên cắt bớt roi nên sám hoi tội Pãcỉttiya, Vị tự mình hoàn tát phân vị ây chưa làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị bảo . r - ĩ L * những người khác hoàn tát phân vi ây chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vị tự mình hoàn tát phân những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pâcittiya. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội Pãcittiya. Vị tự làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội Dukkata, Được làm bởi người khác, vị Ni có được rồi sử dụng thì phạm tội Dukkata.1

1 Nếu tính gang tay của đức Thiện Thệ theo kích thước của n^gười bình thường là 0,25m thì kích thước vải choàng^tắm cua Tỳ-khưu-ni là Im x 0,5m. Vải choàng tăm mưa của các Tỳ-khuru lớn hơn: l,50m x 0,625m (ND).

Vị Ni làm theo kích thước, vị Ni làm nhỏ hơn, do người khác làm quá kích thước sau khi có được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị Ni làm mái che hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê, vị Ni bị điên,...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo—

4.3.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, y bằng vải y đắt giá của vị Tỳ-khưu-ni nọ đã bi làm xấu xí, đã bị may vụng vê. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với Tỳ-khưu-ni ây điêu này: -Này Ni sư, vải y này của cô tuyệt đẹp nhưng y đã bị làm xấu xí, đã bị may vụng ve. -Này Ni su, tôi tháo rời ra, có phải cô sẽ may lại? -Này Ni sư, đúng vậy. Tôi sẽ may lại. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã tháo rời y ấy rồi đã trao cho Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ [nghĩ rằng]: “Ta sẽ may lại, ta sẽ may lại", nhưng không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại?" ..(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi bảo tháo rời y của vi Tỳ-khưu-ni rồi

không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khiru-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vỉ Tỳ-khĩru-nỉf vị Ni ấy sau đó không gặp trở ngại van không may lại, cũng không no lực trong việc bảo [người khác] may lại, ngoại trừ trong bon ngày hoặc năm ngày thì phạm tội Pãcỉttỉyay

3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Tỳ-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Của vi Tỳ-khưu-ni: Của vị Tỳ-khưu-ni khác. Y nghĩa là bát cứ loại y nào thuộc vê sáu loại y. Khi đã tháo rời: Sau khi tự mình tháo rời. [Sau khi] bảo tháo ròi: Sau khi bảo người khác tháo rời. Vi Ni ấy sau đó không gặp trở ngại: Khi không có trở ngại. vẫn không may lại: Không tự mình may lại. Không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại: Không chỉ thị người khác. Ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày: Trừ ra trong bốn ngày hoặc năm ngày. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ không may lại, ta sẽ không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pâcỉttiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội Pãcittiya, ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội Pãcỉttiya. ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội Pãcỉttỉya, ngoại trừ trong bon ngày hoặc năm ngày. Vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời vật phụ tùng khác, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y hoặc vật phụ tùng khác của người nữ chưa tu lên bậc trên, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội Dukkata, ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Trong khi có trở ngại, vị Ni đã tâm câu nhưng không có được [thời gian], trong khi làm vị Ni ấy vượt quá bốn ngày hoặc năm ngày, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba.
—ooOoo—

4.3.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khiru-ni roi ra di, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. Các y ây được đê lại lâu ngày trở nên móc meo. Các Tỳ-khưu-ni đem

phơi năng các y ây. Các Tỳ-khưu- ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này: -Này các Ni sư, các y bi mốc meo này là của vị nào vậy? Khi ây, các Tỳ-khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni rồi ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vây: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào vượt quá năm ngày thiêu văng y hai lớp thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Vượt quá năm ngày thiêu văng y hai lóp: Đên ngày thứ năm, vị Ni không quấn hoặc không trùm, hoặc không phơi nắng năm y? vi Ni vượt quá ngày thứ năm thì phạm tội Pãcittiya.2 Khi đã vượt quá năm ngày, nhận biết là đã vượt quá thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi đã vượt quá năm ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Pâcỉttỉya, Khi đã vượt quá năm ngày, [lam] tưởng là chưa vượt quá thì phạm tội Pâcittiya. Khi chưa vượt quá năm ngày, [lầm] tưởng là đã vượt quá thì phạm tội Dukkata. Khi chưa vượt quá năm ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi chưa vượt quá năm ngày, nhận biêt là chưa vượt quá thì vô tội.

2 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng cứ mỗi y là tính một tội Pãcittiya (VinA. IV. 929).

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 729

Vào ngày thứ năm, vị Ni quân hoặc trùm, hoặc phơi năng năm y, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vi Ni bị điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

4.3.5. ĐIỀU HỌC THỨ NAM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi đi khát thực đã trải ra tâm y bị đâm ướt roi đi vào trong tru xá. Có vị Tỳ-khưu-ni khác đã choàng lên y ây roi đi vào làng để khất thực. Vị Ni kia đi ra đã hỏi các Tỳ-khưu-ni rằng: -Này các Ni su, các vị có nhìn thấy y của tôi không? Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho vi Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, vi Tỳ- khưu-ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Vì sao vị Tỳ-khiru-ni trùm y của tôi mà không hỏi ý? Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khiru-ni trùm y của Tỳ-khưu-ni mà không hỏi yr ...(nt). —Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni trùm y của vị Tỳ-khưu-ni mà không hỏi ý, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni trùm y của Tỳ-khưu-ni mà không hỏi ý vậy? Này các Tỳkhưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: ' Tỳ-khim-nỉ nào sử dụng y thiết thân [của vỉ Nỉ khác] thì phạm tội Pãcittỉya. “ 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là uvị Tỳ-khưu-nr9 được đề cập trong ý nghĩa này. Y thiết thân nghĩa là y nào đó trong năm y của người nữ đã tu lên bậc trên. Vị Ni quấn hoặc trùm y chưa được vị Ni kia cho, hoặc chưa hỏi ý vị Ni kia thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni kia] thì phạm tội Pâcittỉya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có

Sự hoài nghi, vị Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni kia] thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lâm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni kia] thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi Ni sử dụng y thiết thân của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị Ni kia cho, hoặc sau khi hỏi ý vị Ni kia roi quân hoặc trùm lên, vi Ni có y bị cướp đoạt, vi Ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ..(nt).. vi Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

4.3.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ cho Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với Tỳ- khưu-ni Thullanandâ điều này: -Thưa Ni sư, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã gây chướng ngại [nói rằng]: Các người có nhiêu phận sự, có nhiêu công việc cân phải làm. Vào lúc bấy giờ, ngôi nhà của gia đình ấy bị cháy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandâ lại gây chướng ngại việc bố thí của chúng tôi? khiến chúng tôi bị xa lìa cả hai là tài sản và phước báu?" 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn5 phê phán, chê bai răng: "Vi sao Ni sư Thullanandã lại gây chướng ngại lợi lộc vê y của nhóm?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm thì phạm tội Pãcittỉyay

3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Nhóm nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến. Y nghĩa là bát cứ loại y nào thuộc vê sáu loại y [có kích thước] tôi thiêu cân phải chú nguyện để dùng chung. Gây chướng ngại: Vị gây chướng ngại [hỏi rằng]: “Các người có thể bố thí y này như thế no?" thì phạm tội Pâcittiya, Vị gây chướng ngại vật phụ tùng khác thì phạm tội Dukkata. Vị gây chướng ngại y hoặc vật phụ tùng khác của nhiều vi Tỳ-khưu-ni9 hoặc của một vị Tỳ-khưu-ni? hoặc của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkaịa. Vi Ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi

phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo—

4.3.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có y ngoài hạn kỳ phát sanh đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khiru-ni có ý định phân chia y ấy nên tụ hội lại. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đang đi vắng. Tỳ- khưu-ni Thullanandâ đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này: -Này các Ni su, các Tỳ-khưu-ni đang đi vắng, trong khi ấy y sẽ không được chia. Rồi đã ngăn cản sự phân chia y đúng pháp. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Trong khi ấy y sẽ không được chia" nên đã ra đi. Đen khi các Tỳ-khưu-ni học trò trở về lại, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã bảo phân chia y ấy. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)...các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại ngăn cản sự phân chia y đúng phap?99 ...(nt). Này các Tỳ-khưu? nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ ngăn cản sự phân chia y đúng pháp, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại ngăn cản sự phân chia y đúng pháp vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào ngăn cản sự phân chia y đủng pháp thỉ phạm tội Pãcittiyay 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là TV-khưu-ni“ được đề cập trong ý nghĩa này. Sự phân chia y đúng pháp nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi phân chia. Ngăn cản: Vị Ni ngăn cản [hỏi rằng]: "C6 thể phân chia y này như thế nW' thì phạm tội Pãcỉttỉya, Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni ngăn cản thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni ngăn cản thì phạm tội Pâcittỉya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni ngăn cản thì vô tội. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội. Vị Ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lọi ích, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4.3.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ cho y của Sa-môn đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống [bảo rằng]: —Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông. Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống đã nói lời khen ngợi về Tỳ-khưu-ni Thullanandâ ở đám đông rằng: -Ni sư Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ vê nói pháp thoại. Hãy bô thí đên Ni sư. Hãy phục vụ cho Ni sư. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ lại cho y của Sa-môn đến người nam tại gia?"...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu~ni Thullanandâ cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại cho y của Sa-môn đen người nam tại gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)...vị Ni này là "vi Ty-khuu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Người nam tại gia nghĩa là bát cứ người nam nào sông trong căn nhà. Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ, trừ raTy4Zra va sīdb 48 *

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du si, trừ ra Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự và Sa-di-ni. Y của Sa-môn nghĩa là đề cập đến việc làm thành đúng phép đã được thực hiện. Vị Ni cho thì phạm tội Pãcittiya. Vị Ni cho đến cha mẹ, vị Ni cho mượn [trong thời hạn], vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám. —ooOoo—

4.3.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ điều này: Thưa Ni sư, nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi-ni trải qua mùa [an cư] mưa, có ý định phân chia y nên đã tụ họp lại. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này: - Này các Ni sư, hãy chờ đợi. Có niềm hy vọng về y cho hội chúng Tỳkhưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandâ điều này: Này Ni sư, hãy đi và tìm hiêu vê y ây. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi đến gặp gia đình ấy, sau khi đến đã nói với những người ấy điều này: Này các đạo hữu, hãy dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Thưa Ni sư, chúng tôi không thể dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ lại để cho vượt quá thời hạn về y khi niêm hy vọng vê y không chác chn?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandã lại để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vậy? Này các Tỳ- khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chan thì phạm tội Pãcittiyay 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,, được đề cập trong ý nghĩa này. Niềm hy vọng về y không chắc chắn nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: "Nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y.” Thời hạn về y nghĩa là khi Kathỉna không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi Kathina được thành tựu thì năm tháng. Đe cho

vượt quá thời hạn về y: Khi Kathina không được thành tựu, vi Ni đê cho vượt quá ngày cuôi cùng của mùa mưa thì phạm tội Pâcittiya. Khi Kathỉna được thành tựu, vị Ni đê cho vượt quá ngày Kathỉna hét hiệu lực thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi y không chắc chắn, nhận biết là y không chắc chắn, vị Ni để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội Pãcittiya. Khi y không chắc chắn, có sự hoài nghi, vị Ni đê cho vượt quá thời hạn vê y thì phạm tội Dukkata. Khi y không chắc chan, [lam] tưởng là được chắc chan, vị Ni đe cho vượt quá thời hạn ve y thì vô tội. Khi y được chắc chắn, [lầm] tưởng là không chắc chắn thì phạm tội Dukkata, Khi y được chắc chắn, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi y được chắc chắn, nhận biết là được chắc chắn thì vô tội. Vị Ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên,...(nt)...vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo-

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 735

4.3.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bay giờ, có ngôi trú xá dành cho hội chúng đã được nam cư sĩ nọ cho xây dựng. Vào dịp lễ của ngôi trú xá ấy, người ấy có ý định dâng y ngoài hạn kỳ đến cả hai hội chúng. Vào lúc bấy giờ, Kathỉna của cả hai hội chúng đã được thành tựu. Khi ây, nam cư sĩ ây đã đi đên gặp hội chúng và câu xin sự thâu hồi Kathỉna. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thâu hồi Kathỉna. Và này các Tỳ-khưu, Kathina nên được thâu hôi như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vi Tỳ- khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: 2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thâu hồi Kathina. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng thâu hôi Kathina. Đại đức nào đông ý với việc thâu hôi Kathina xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Kathina đã được hội chúng thâu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, r r 3. Sau đó, nam cư sĩ áy đã đi đên gặp hội chúng Tỳ-khưu-ni và câu xin sự thâu hồi Kathina. Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nghĩ rằng]: "Sẽ có y cho chúng ta", nên đã ngăn cản sự thâu hoi Kathina. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại không cho sự thâu hồi Kathina của chúng t6i?'* Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được nam cư sĩ áy phàn nàn, phê phán, chê bai. 4. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự thâu hôi Kathina đúng pháp?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā ngăn cản sự thâu hồi Kathina đúng pháp, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khxru, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại ngăn cản sự thâu hồi Kathina đúng pháp vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào ngăn cản sự thâu hồi Kathỉna đúng pháp thì phạm tội Pâcittỉyay

736 > PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

5. Vị Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni:...(nt).. vi Ni này là Tykhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Sự thâu hồi Kathina đúng pháp nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi thâu hồi. Ngăn cản: Vị ngăn cản [hỏi rằng]: “C6 thể thâu hồi Kathina này như thế nào?,, thì phạm tội Pâcittiya. Đúng pháp, nhận biết là đúng pháp, vị Ni ngăn cản thì phạm tội Pãcỉttỉya. Đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni ngăn cản thì phạm tội Dukkata. Đúng pháp, [lầm] tưởng là sai pháp, vi Ni ngăn cản thì vô tội. Sai pháp, [lầm] tưởng là đúng pháp thì phạm tội Dukkata, Sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Sai pháp, nhận biết là sai pháp thì vô tội. Vi Ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Lõa thể là thứ ba. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Lõa thể, vải choàng tắm, sau khi tháo ra, năm ngày, [y] thiết thân, của nhóm, việc phân chia, [y của] Sa-môn, không chắc chắn và với việc [thâu hồi]

Kathỉna.

—ooOoo-

44 PHẨM NẰM CHUNG

4.4.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung trên một chiếc giường. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: uTại sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung trên một chiếc giường, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: 6'Vi sao các Tỳ-khiru-ni? hai [người] lại nằm chung trên một chiếc giuờng?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung trên một chiếc giường, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni5 hai [người] lại nằm chung trên một chiếc giường vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: “Các Tỳ-khưu-ni nào hai [người] nằm chung trên một chiếc giường thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Các vi Ni nào: Là bất cứ các vị Ni nào ...(nt).. Các Tỳ-khưu-ni: Các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến. Hai [người] nằm chung trên một chiếc giường: Khi một vị Ni đang nằm, vị Ni kia nằm xuống thì phạm tội Pãcittỉya. Hoặc cả hai cùng nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi đứng dậy roi cùng nam xuống lại thì phạm tội Pãcittỉya. Khi một vị Ni đang năm thì vị Ni kia ngôi, hoặc cả hai đêu ngôi, các vị Ni bị điên, ...(nt).. các vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo—

4.4.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni5 hai [người] năm chung một tâm trải tâm đắp. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung một tấm trải tâm đáp, giông như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại năm chung một tâm trải tấm đắp?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung một tấm trải tấm đắp, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung một tấm trải tấm đắp vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: A r r r "Các Tỳ-khưu-nỉ nào hai [người] năm chung một tâm trải tăm đáp thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Các vi Ni nào: Là bất cứ các vị Ni nào ...(nt). Các Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... đề cập đến các người nữ đã tu lên bậc trên. Hai [người] nằm chung một tấm trải tấm đắp: Sau khi trải ra bằng chính tấm ấy, họ lại đắp bằng chính tấm ấy thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chung một tấm trâi tấm đắp, nhận biết là chung một tấm trải tấm đắp, [hai vi Ni] nằm chung thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chung một tấm trải tấm đắp, có sự hoài nghi, [hai vị Ni] nằm chung thì phạm tội Pãcittỉya. Chung một tấm trải tấm đắp, [lâm] tưởng là khác tâm trâi, tâm đáp, [hai vị Ni] năm chung thì phạm tội Pãcỉttỉya. Chung tấm trải, khác tấm đắp thì phạm tội Dukkata, Khác tấm trải, chung tấm đắp thì phạm tội Dukkata, Khác tấm trải, tấm đắp, [lầm] tưởng là chung một tấm trải, tấm đắp thì phạm tội Dukkata. Khác tấm trải, tấm đắp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khác tấm trải, tấm đắp, nhận biết là khác tam trải, tấm đắp thì vô tội. Sau khi chỉ rõ sự sáp xép1 roi [cả hai] năm xuông, các vị Ni bi điên, các vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo—

1 Ngài Buddhaghosa giảng rằng: "Các vị Ni sau khi đã đặt ở giữa tấm y ca-sa, hoặc cây gậy chống, hoặc chỉ là sợi dây lưng rồi nằm xuong thì không phạm toi" (VinA. IV. 932).

4.4.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ là vị Ni nghe nhiêu, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ ve nói pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bật. Dân chúng [nghĩ rằng]: "Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bậf\ nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên, sau đó mới thăm viếng Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ có bản chất ganh tỵ [nghĩ rằng]: "Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì cũng chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo, có nhiều sự r • • y 9 y 9 y \ ĩ y \ r

khuêch trương", roi đi tới, lui, roi đứng lại, roi ngôi xuông, roi năm xuông, roi đọc tụng, roi bảo đọc tụng, roi học bài ở phía trước Bhaddā Kāpilānī. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Ni sư

Thullanandâ lại cô ý quây rây Ni sư Bhaddā Kāpilānī?^, ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ..(nt)... Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào cổ ỷ quấy rầy vị Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vj TV-khưu.ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Vi Tỳ-khưu-ni: Là vị Tỳ-khưu-ni khác. Cố ý: Sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định. Quấy rầy: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Do việc này, sự không thoải mái sẽ có cho người này9\ không hỏi ý roi đi tói, lui, hoặc đứng lại, hoặc ngôi xuông, hoặc nam xuống, hoặc đọc tụng, hoặc bảo đọc tụng, hoặc học bài ở phía trước thì phạm tội Pâcỉttỉya, Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni cố ý quấy ray thì phạm tội Pâcỉttỉya, Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni cố ý quấy rầy thì phạm tội Pãcittiya.^Ịgười nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni cố ý quấy rầy thì phạm tội Pâcỉttiya.

Vị Ni cố ý quấy rầy người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Không có ý định quấy rầy, sau khi đã hỏi ý rồi đi tới, lui, hoặc đứng lại, hoặc ngồi xuống, hoặc nằm xuống, hoặc đọc tụng, hoặc bảo đọc tụng, hoặc học bài ở phía trước, vị Ni bị diên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

4.4.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ5 Tỳ-khưu-ni Thullanandâ không chăm sóc người nữ đệ tử bi ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc. 2. Các Tỳ-khiru-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm s6c?" ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách ràng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khiru-ni Thullanandâ lại không chăm sóc người nữ đệ tử bi ốm đau, cũng không nồ lực kiếm người chăm sóc vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-ni nào không chăm sóc người nữ đệ tử bỉ ốm đau, cũng không no lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bi ốm đau nghĩa là bị bệnh. Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến. Không chăm sóc: Không tự mình chăm sóc. Không nỗ lực kiếm người chăm sóc: Không chỉ thị người khác. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ không chăm sóc, cũng không nỗ lực kiếm người

chăm s6c", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Vi không chăm sóc người

nữ học trò, hoặc người nữ chưa tu lên bậc trên, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội Dukkata. Trong khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiêm không có được [người chăm sóc], vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bi điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

4.4.5. ĐIỀU HỌC THỨ NẤM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Bhaddā Kāpilānī đã vào mùa [an cư] mưa ở thành Sãketa. Vị Ni ây vì công việc cân làm nào đó đã phái người đưa tin đi đên gặp Tỳ-khưu- ni Thullanandâ [nhắn rằng]: "Nếu Ni sư Thullanandâ có thể cho tôi chỗ ngụ thì tôi có thể đi đến Sāvatthi.^, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã nói như vầy: - Hãy đi đến, tôi sẽ cho. Sau đó? Bhaddā Kāpilānī đã từ thành Sâketa đi đến thành Sāvatthi. Tỳ- khưu-ni Thullanandã đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị Ni nghe nhiêu, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ vê nói pháp thoại và được xem là nổi bật. Dân chúng [nghĩ rằng]: “Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bāf\ nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên, sau đó mới thăm viếng Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ có bản chất ganh tỵ [nghĩ răng]: “Nghe nói các cô này ít ham muôn, tự biêt đủ, tách ly, không tụ hội thì cũng chính các cô này song có nhiều sự giao hảo, có nhiều sự khuếch trương", rồi nổi giận, bất bình, đã lôi kéo Bhaddā Kāpilānī ra khỏi chỗ trú ngụ. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi đã cho Ni sư Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra vậy? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây:

"Vị Tỳ-khiru-nỉ nào sau khỉ đã cho chỗ ngụ đến vị Tỳ-khưu-nỉ lại nổi giận, bất bình roi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pâcỉttiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Đen vi Tỳ-khưu-ni: Đen vị Tỳ-khưu-ni khác. Chỗ ngụ nghĩa là chỗ có gắn liền cánh cửa được đề cập đến. Sau khi đã cho: Sau khi tự mình cho. Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú. Lôi kéo ra: Sau khi năm lây ở trong phòng roi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội Pãcỉttiya, Sau khi năm lây ở phía trước roi lôi kéo ra bên ngoài thì phạm tội Pãcittiya. Với một lần ra sức, mặc dầu làm cho [vi Ni

kia] vượt qua nhiều cánh cửa [vị Ni ấy] phạm [chỉ một] tội Pãcittiya. Bảo lôi kéo ra: Vị Ni ra lệnh người khác thì phạm tội Dukkata, Được ra lệnh một lần, mặc dầu làm cho [vị Ni kia] vượt qua nhiều cánh cửa [vị Ni ra lệnh] phạm [chỉ một] tội Pãciítiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vi Ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pâcỉttiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi Ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pâcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vi Ni sau khi đã cho chô ngụ lại nôi giận, bát bình roi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pâciítiya. Vi Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia thì phạm tội Dukkata, Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra khỏi chỗ không có gắn liền cánh cửa thì phạm tội Dukkata. Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vi Ni kia thì phạm * tội • Dukkata. ỵ Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra người Vị A r nữ chưa A

tu lên bậc trên khỏi chô có găn liên cánh cửa, hoặc chô không có găn liên cánh cửa thì phạm tội Dukkata, Vi Ni lôi kéo ra5 hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của cô kia thì phạm tội Dukkata, Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vị Ni không biết hổ thẹn, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vi Ni kia; vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vị Ni bị điên, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia; vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vị Ni thường gây nên các sự xung đột,... vị Ni thường gây nên sự cãi cọ,... vị Ni thường gây nên sự tranh luận,... vị Ni thường

gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí,... vị Ni thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia; vi Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra người nữ đệ tử, hoặc người nữ học trò không thực hành phận sự đúng đắn, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vi Ni kia; vi Ni bị điên; ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

4.4.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, Tỳ-khưu-ni Candakālī sông thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Candakālī lại sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ?,^ ...(nt). Này các Tỳ-khưu5 nghe nói Tỳ-khưu-ni Candakālī sông thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni Candakālī lại sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu-ni nào sống thân cận với nam gia chủ, hoặc với con trai của nam gia chủ, vị Tỳ-khưu-nỉ ây nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau: 'Này Nỉ sư, chớ có song

thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này Nỉ sư, hãy tự tách rời ra. Hội chủng khen ngợi sự tách rời này của Sư tỷ.' Và khỉ được nói như vậy bởi các Tỳ-khim-nỉ mà vỉ Tỳ-khưu-ni ấy van chấp giữ y như thê, vị Tỳ-khưu-ni ây nên được các Tỳ-khưu-ni nhác nhở đên lân thứ ba đê từ bỏ việc ây, Nêu được nhác nhở đên lân thứ ba mà dứt bỏ việc âyf như thê việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Pãcỉttìyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Sống thân cận: sống thân cận với [hành động thuộc về] thân và khẩu không đúng đắn. r Nam gia chủ nghĩa là bát cứ người nam nào sông trong căn nhà. Con trai của nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni sống thân cận. Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vi Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rang: "Này Ni sư, chớ có song thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của Sư tỷ." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [vi Ni ấy] không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khiru-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Này Ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này Ni su, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của Sư tỷ." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [vị Ni ấy] không dứt bỏ thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhác nhở như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khiru~ni này tên [như vây] sông thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Vị ỉ r .-L. ỵ * Ni ây không chịu từ bỏ sự việc ây. Hội chúng nhác nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vây] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt). Tỳ-khưu-ni tên [như vây] đã được hội chúng nhác nhở đê dứt bỏ sự việc ây. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkaịa. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, [lam] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata.

Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 745

Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vi Ni bị điên,...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. A

Điêu học thứ sáu. —ooOoo-

4.4.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm ô uê. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?"...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kỉnh hoàng thì phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khini-ni:...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.
ở trong quốc độ: Vị Ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào, tức là trong quốc độ của người ấy. Có sự nguy hiêm nghĩa là ở trên con đường ây5 chô căm trại của bọn cướp được thây, chô ăn được thây, chô đứng được thây, chô ngôi được thây, chô năm được thấy. Có sự kỉnh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thây, bị cướp giật được thây, bi đánh đập được thây. Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe. Đi du hành: ở ngôi làng, trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội Pâcỉttỉya theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội Pãcittỉya theo từng khoảng cách mx^yojana.

746 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

Vị Ni đi cùng với đoàn xe, vi Ni đi trong vùng an toàn không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4.4.8. ĐIÊU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm ô uế. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoang?" ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng

vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiêm5 có sự kinh hoàng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng thì phạm tội Pâcỉttiya." 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bên ngoài quốc độ: Vi Ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào thì trừ ra khu vực ấy, ở trong quốc độ của người khác. Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thây, chô ăn được thây, chô đứng được thây, chô ngôi được thây, chô năm được thay. Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bi cướp giật được thấy, bi đánh đập được thấy. Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: ở ngôi làng, trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội Pãcỉttỉya theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng khoảng cách nửa yojana. Vị Ni đi cùng với đoàn xe, vị Ni đi trong vùng an toàn, không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên,...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo—

4.4.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành trong mùa [an cư] mưa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi.,, 2. Các Tỳ-khuu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành trong mùa [an cư] mua?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu-ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khiru-ni lại đi du hành trong mùa [an cư] mưa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khĩm-nỉ nào đi du hành trong mùa [an cư] mưa thì phạm tội Pãcittiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Trong mùa [an cư] mưa: Sau khi đã không sống [an cư mùa mưa] ba tháng thời kỳ đâu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Đi du hành: ở ngôi làng, trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội Pãcìttiya theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội Pãcỉttiya theo từng khoảng cách nửa yqiana.

Vị Ni đi vì công việc cần làm trong bảy ngày, vị Ni đi khi bị quấy rối bởi điều gì đó5 trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

4.4.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni sông mùa mưa ở ngay tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, mùa lạnh tại nơi ấy, mùa nóng tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Các hướng đi của các Tỳ-khưu-ni bị tắt nghẽn, tăm tối. Các hướng đi không còn được các vi Ni này nhận ra nữa7, 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu-ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt)... nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ khỉ trải qua mùa [an cư] mưa mà không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do-tuần thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ,..(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Ty-khuu-ni^ được đề cập trong ý nghĩa này. Khi trải qua mùa [an cư] mưa nghĩa là đã trải qua [mùa an cư mưa] ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do-tun", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Khi có trường hợp nguy hiêm5 vị Ni tìm kiêm nhưng không có được vị Tỳ- khưu-ni thứ hai, vi Ni bị bệnh, vị Ni bị điên, ..(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vo tôi. Điều học thứ mười. Phẩm Nằm chung là thứ tư. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Việc nằm [chung], tấm trải, sự quấy rầy, vị Ni bi ốm đau và chỗ ngụ, [sống] thân cận, hai điêu vê quôc độ, với trong mùa [an cư] mưa, vị Ni du hành. —ooOoo—

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 749

4.5. PHẨM NHÀ TRIỂN LÃM TRANH

4.5.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, tranh ảnh gợi cảm đã được thực hiện ở nhà triển lãm tranh, nơi công viên của đức Vua Pasenadi xứ Kosala. Nhiều người đi để xem nhà triển lãm tranh. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư cũng đã đi đe xem nhà triển lãm tranh. Dân chúng phàn nàn5 phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đi đe xem nhà triển lãm tranh, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?” 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khxru-ni nhóm Lục Sư lại đi đe xem nhà triển lãm tranh?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đi để xem nhà triển lãm tranh, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu5 vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển

lãm tranh vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào đi để xem hỉ viện của đức vua hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Hí viện của đức vua nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho đức vua giải trí và hưởng lạc. Nhà triên lãm tranh nghĩa là bát cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc. Khu vườn nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Công viên nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc. Hồ sen nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc. Vi Ni đi để xem thì phạm tội Dukkata. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị Ni lại nhìn nữa thì phạm tội Pâcittiya. Vị đi đe xem mỗi một nơi thì phạm tội Dukkata. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội Pãcittiya. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị Ni lại nhìn nữa thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị Ni đứng ở trong tu viện nhìn thay, vị Ni nhìn thây trong khi đi ra hoặc đi về, khi có việc can phải làm, vị Ni đi roi nhìn thay, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo—

4.5.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá, nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?,, 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thu?95 ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng ghe cao và ghế nệm lông thú vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "VỊ Tỳ-khưu-ni nào sử dụng ghế cao hoặc ghế nệm lông thủ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Tykhưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Ghê cao nghĩa là sự vượt quá kích thước được đê cập đên.

Ghế nệm lông thú nghĩa là được thực hiện với các lông thú đã được mang lại. Sử dụng: Vị Ni ngôi xuông hoặc năm xuông trên chô ây thì phạm tội Pãcittiya. Vị Ni sử dụng sau khi đã cắt các chân của ghế cao, vi Ni sử dụng sau khi đã hủy bỏ các lông thú của ghế nệm lông thú, vị Ni bi điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. • Điều học thứ nhì. —ooOoo—

4.5.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư se chỉ sợi. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá, nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại se chỉ sợi, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?” 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại se chỉ sợi?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni se chỉ sợi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khiru, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại se chỉ sợi vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào se chỉ sợi thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị TV-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Chỉ sợi nghĩa là có sáu loại chỉ sợi: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bang sợi len, loại bằng gai thô, loại bang chỉ bo. Se [chỉ]: Vị Ni tự mình se [chỉ]. Trong lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata. mỗi một vòng quay thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị Ni se lại chỉ sợi đã được se [không tốt hoặc bị đứt], vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

4.5.4. ĐIỀU HỌC THỨ Tư 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni phục vụ người tại gia. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại phục vụ người tại gia?" ..(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni phục vụ người tại gia, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt)... Này các Tỳ-khưu5 vì sao các Tỳ-khưu-ni lại phục vụ người tại gia vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "VỊ Tỳ-khưu-nỉ nào phục vụ người tại gia thì phạm tội Pâcittỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Phục vụ người tại gia nghĩa là vị Ni nấu cháo hoặc [nấu] bữa ăn, hoặc [nấu] vật thực loại cứng, hoặc giặt tấm vải choàng, hoặc [giặt] khăn đội đầu cho người tại gia thì phạm tội Pãcỉttỉya. Trường hợp nước cháo, khi có bữa thọ thực của hội chúng, khi cúng dường bảo tháp, vị Ni nâu cháo hoặc [nâu] bữa ăn, hoặc [nâu] vật thực loại cứng, hoặc giặt tấm vải choàng, hoặc [giặt] khăn đội đầu cho người phục vụ của bản thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. -ooOoo—

4.5.5. ĐIỀU HỌC THỨ NAM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đi đên gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandâ và đã nói điêu này: Thưa Ni sư, hãy đên. Hãy giải quyêt sự tranh tụng này. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã trả lời rằng: -Tốt thôi! Rồi không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. Sau đó, vị Tỳ-1M . /x M , 7 khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ khi được vi Tỳ-khưu-ni nói rằng: 'Thưa Ni sư5 hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này' đã trả lời rằng: 'Tốt thôi!5 lại không giải quyêt, cũng không nô lực cho việc giải quy^t?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi được vị Tỳ- khưu-ni nói răng: "Thua Ni su, hãy đên. Hãy giải quyêt sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!,, rồi không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi được vi Tỳ- khưu-ni nói rằng: "Thua Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" lại không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyêt vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt)...Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào khi được nói bởi vi Tỳ-khưu-ni răng: 'Thưa Nỉ sư, hãy đen. Hãy giải quyết sự tranh tụng này'đã trả lời rang: 'Tốt thôi! 'Vị Ni ấy sau đó không gặp trở ngại van không giải quyết, cũng không no lực cho việc giải quyết thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là "vị Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bỏi vị Tỳ-khưu-ni: Bởi vị Tỳ-khưu-ni khác. Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này: Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy xét xử sự tranh tụng này. Vi Ni ấy sau đó không gặp trở ngại: Khi không có trở ngại. Không giải quyết: Không tự mình giải quyết. Không nỗ lực cho việc giải quyết: Không chỉ thị cho vị khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni không giải quyêt, cũng không nô lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội Pãcittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vi Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội Pãcittỉya.

Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội Pãcỉttỉya, Vị Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaịa, Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Khi có trường hợp trở ngại, vị Ni tìm kiếm nhưng không đạt được [cơ hội], vị Ni bị bệnh, vị Ni bi điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. --ooOoo--

4.5.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến các kịch si, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống [nói rằng]: "Hãy nói lời khen

ngợi về ta ở đám dong?5 Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống nói lời khen ngợi về Tỳ-khưu-ni Thullanandâ ở đám đông rằng: "Ni sư Thullanandã là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Hãy bố thí đến Ni sư. Hãy phục vụ cho Ni su." 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)...các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ lại tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến người nam tại gia?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến người nam tại gia, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến người nam tại gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là "vj Tỳ-khưu-ni,, được đề cập trong ý nghĩa này.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 755

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà. Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu và Sa-di* Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du si, trừ ra Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự và Sa-di-ni. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tăm xỉa răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mem nghĩa là năm loại vật thực [gôm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Cho: Vị Ni cho bằng thân, hoặc bằng vật được gắn liền với thân, hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội Pãcittiya. Vị Ni cho nước uống và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. Vi Ni bảo [người khác] cho, không [tự mình] cho, vị Ni cho sau khi đã để gần bên, vị Ni cho vật thoa bên ngoài, vị Ni bị điên, ..(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo-

4.5.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ; các vi Ni khác đen thời kỳ không có được [đe sử dụng]. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham mu6n, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại sử dụng y nội trợ không chịu xả b6?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-ni nào sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ thì phạm tội Pãcittiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Y nội trợ nghĩa là vật đã được bố thí [nói rằng]: "Các Tỳ-khưu-ni đến thời kỳ hãy sử dụng?5

Sử dụng không chiu xả bỏ: Vị Ni sau khi sử dụng hai, ba đêm, sau khi giặt vào ngày thứ tư, vẫn sử dụng không chiu xả bỏ cho vi Tỳ-khưu-ni, hoặc cô Ni tu tập sự, hoặc vị Sa-di-ni thì phạm tội Pãcỉttiya. Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị Ni sử dụng thì phạm tội Pâcittỉya. Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị Ni sử dụng thì phạm tội Pãcỉttỉya. Khi chưa xả bỏ, [lầm] tưởng là đã xả bỏ, vị Ni sử dụng thì phạm tội Pâcittiya. Khi đã xả bỏ, [lâm] • tưởng là chưa xả bỏ thì phạm tội Dukkata. e v Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã xả bỏ? nhận biêt là đã xả bỏ thì vô tội. Sau khi đã xả bỏ rồi sử dụng, vi Ni sử dụng khi đến phiên lần nữa, không có các Tỳ-khưu-ni khác đến thời kỳ, vi Ni có y bi cướp đoạt, vị Ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4.5.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi không xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi, du hành. Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ của Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bi cháy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: Này các Ni su, chúng ta hãy mang đồ đạc ra ngoài đi.

Một số vị Ni đã nói như vầy: Này các Ni sư, chúng ta sẽ không mang ra ngoài. Bất cứ vật gì bị hư hỏng, cô ta sẽ gán trách nhiệm cho chúng ta. Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi quay trở vê lại chô trú ngụ ây đã hỏi các Tỳ-khưu-ni rằng: -Này các Ni sư, các cô có mang đồ đạc ra ngoài không? Này Ni sư, chúng tôi đã không mang ra ngoài. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Vì sao trong khi chỗ trú ngụ đang bi cháy, các Tỳ-khưu-ni lại không mang đo đạc ra ngoài? 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ khi chưa xả bỏ chỗ tru ngụ lại ra di, du hành?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi, du hành, có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 757

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khiru, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi chưa xả bỏ chỗ tru ngụ lại ra đi, du hành vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-ni nào khỉ chưa xả bỏ chỗ trú ngụ mà ra đi, du hành thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là "vi Tỳ-khưu-nf, được đề cập trong ý nghĩa này. Chỗ trú ngụ nghĩa là [chỗ tru ngụ] có gắn cánh cửa được đề cập đến. Khi chưa xả bỏ mà ra di, du hành: Sau khi chưa xả bỏ cho vi Tỳ-khưu-ni, hoặc cô Ni tu tập SỊT, hoặc vi Sa-di-ni, trong khi vượt qua hàng rào của chỗ tru ngụ được rào lại, vị Ni phạm tội Pãcittiya. Trong khi vượt qua vùng phụ cận của chỗ trú ngụ không được rào lại, vi Ni phạm tội Pãcittiya. Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ9 vi Ni ra đi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị Ni ra đi thì phạm tội Pâcỉttiya, Khi chưa xả bỏ, [lam] tưởng là đã xả bỏ9 vị Ni ra đi thì phạm tội Pâcittỉya. Vi Ni ra đi khi chưa xả bỏ chô không có găn cánh cửa thì phạm tội Dukkata. Khi đã xả bỏ, [lầm] tưởng là chưa xả bỏ thì phạm tội Dukkata. Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ thì vô tội. Sau khi đã xả bỏ rồi ra đi, khi có

sự nguy hiểm, sau khi tìm kiếm [người để trông nom chỗ trú ngụ] nhưng không có, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo—

4.5.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN X. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư học tập kiên thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại học tập kiến thức nhảm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ..(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhảm nhí?^, ...(nt). -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí, có đúng không vậy?

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhảm nhí vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho2 những . A kẻ chưa có đức etin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "VỊ Tỳ-khưư-ni nào học tập kiến thức nhảm nhí thì phạm tội Pãcittỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Kiến thức nhảm nhí nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài [thế tục] không liên hệ mục đích. Học tập: Vị Ni học tập theo câu thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng câu. Vi Ni học tập theo âm thì phạm tội Pãcittiya theo từng âm. Vị Ni học tập chữ viết, vi Ni học tập sự ghi nhớ [thuộc lòng], vị Ni học tập Kinh Parittā để hộ thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

4.5.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư dạy kiên thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại dạy kiến thức nhảm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" 2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại dạy kiên thức nhảm nhí?,, ...(nt)7 -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhảm nhí vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin z A kẻ chưa có đức 1tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru? các Tỳ-khưu-ni hãy choz những phô biên điêu học này như vây: “ Tỳ-khưu-ni nào dạy kiên thức nhảm nhỉ thì phạm tội Pãcỉttỉyay

3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni:...(nt)... vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,^ được đề cập trong ý nghĩa này. Kiến thức nhảm nhí nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài [thế tục] không liên hệ mục đích. Học tập: Vị Ni dạy theo câu thì phạm tội Pãcỉttỉya theo từng câu. Vị Ni dạy theo âm thì phạm tội Pãcittiya theo từng âm. Vi Ni dạy chữ viết, vị

Ni dạy sự ghi nhớ [thuộc lòng], vị Ni dạy Kỉnh Parittā để hộ thân, vi Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Nhà triển lãm tranh là thứ năm. —ooOoo-

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Đức vua, ghế cao và [se] chỉ sợi, [phục vụ] người tại gia và giải quyết [sự tranh tụng], cho [vật thực], y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập và chỉ dạy. —ooOoo—

760 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

4.6. PHẨM TU VIỆN

4.6.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khxru ở trú xứ là thôn làng, chỉ mặc có một y đang làm công việc may y. Các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý đã đi vào tu viện rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viên?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn? đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện vậy? Này các Tỳ-khưu? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào khỉ chưa hỏi ỷ mà đi vào tu viện thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điêu học này đã được đức Thê Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thê. 2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ấy đã rời khỏi trú xứ ấy. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã đi kh6i", nên đã không đi đến tu viện. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã quay trở lại trú xứ ây lân nữa. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã di đến", nên đã hỏi ý rồi đi vào tu viện và đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy; sau khi đến đã đảnh lễ các Tỳ-khưu ấy rồi đứng ở một bên. Các vị Tỳ-khưu ây đã nói với các Tỳ-khưu-ni ây đang đứng một bên điêu này: Này các Sư tỷ, tại sao các vi lại không quét tu viện, cũng không đem lại nước uống, nước rửa? Thưa các ngài Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy đinh rằng: "Khi chưa hỏi ý, không được đi vào tu viện^,; vì thế chúng tôi đã không đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ,..(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi vào tu viện sau khi hỏi ý vi Tỳ-khưu hiện diện. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào khỉ chưa hỏi ỷ vỉ Tỳ-khưu hiện diện mà đi vào tu viện thì phạm tội Pãcỉttỉyay

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 761

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu-ni như thế. 3. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khiru ấy, sau khi đi khỏi trú xứ ấy, đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các Tỳ-khiru-ni [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã đi đến9\ nên đã đi vào tu viện khi chưa hỏi ý. Sự ngần ngại đã khởi lên cho các vị Ni ấy: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: 'Khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện, không được đi vào tu viện9; và chúng ta khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện mà đã đi vào tu viện, phải chăng chúng ta đã phạm tội PãcittiyaT' Các vi đã trình sự việc ấy len đức Thế Tôn. ...(nt)... Và này các

Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào trong khi biết tu viện có Tỳ-khimf chưa hỏi ỷ lại đi vào thì phạm tội Pãcỉttỉyay 4. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị Ni ấy, hoặc các vị [Tỳ-khưu] ấy thông báo. Tu viện có Tỳ-khưu nghĩa là nơi nào có các Tỳ-khưu cư ngụ, cho dù ở gốc cây. Chưa hỏi ý lại đi vào tu viện: Khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu, hoặc vị Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, trong khi vượt qua hàng rào của tu viện được rào lại, vi Ni phạm tội Pãcittiya. Trong khi đi vào vùng phụ cận của tu viện không được rào lại, vị Ni phạm tội Pãcittỉya. Nơi có Tỳ-khưu, nhận biết là có Tỳ-khưu, vị Ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pãcittỉya. Nơi có Tỳ-khưu, có sự hoài nghi, vị Ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Dukkata. Nơi có Tỳ-khưu5 [lầm] tưởng không có Tỳ-khưu, vị Ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện thì vô tội. Nơi không có Tỳ-khưu5 [làm] tưởng là có Tỳ-khưu thì phạm tội Dukkata. Nơi không có Tỳ-khưu, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Nơi không có Tỳ-khưu, nhận biết là không có Tỳ-khưu thì vô tội. Vi Ni đi vào khi đã hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện, khi không có vị Tỳ-khưu hiện diện vị Ni đi vào không hỏi ý, vị Ni đi nhìn theo đầu [các vị Ni đi vào trước], vị Ni đi vào nơi các Tỳ-khưu-ni đang tụ hội, con đường băng ngang qua tu viện, vi Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bi điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất. -ooOoo-

4.6.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức ưpãli là Đại đức Kappitaka, ngụ ở mộ địa. Vào lúc bấy giờ, vi Tỳ-khưu-ni trưởng thượng của các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư qua đời. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đưa [thi thê] vị Tỳ-khưu-ni ây đi, thiêu xác ây và đã làm bảo tháp ở nơi không xa . A ye r # r trú xá của Đại đức Kappitaka, roi thường đi đên nơi bảo tháp ây khóc lóc. Khi ấy, Đại đức Kappitaka bị quấy rầy bởi tiếng khóc ấy, nên đã đập vỡ bảo tháp ấy roi phân tán. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã hội ý rằng: "Kappitaka này đã phá vỡ bảo tháp của Ni sư chúng ta, chúng ta hãy giết lão di." Có vi Tỳ-khưu-ni nọ đã kể lại sự việc ây cho Đại đức Upâli. Đại đức upâli đã kê lại sự việc ây cho Đại đức Kappitaka. Khi ấy, Đại đức Kappitaka đã rời khỏi trú xá roi an nấp chờ đợi. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đi đến tru xá của Đại đức Kappitaka, sau khi đen đã làm cho trú xá của Đại đức Kappitaka bị bao trùm bởi những hòn đá và đất cục rồi bỏ đi [nghĩ rằng]: "Kappitaka đã ch8t!" 2. Sau đó5 khi trải qua đêm ây, vào buôi sáng, Đại đức Kappitaka đã mặc y, cầm y bát đi vào thành Vesālī để khất thực. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã nhìn thấy Đại đức Kappitaka đang đi khất thực, sau khi nhìn thấy đã nói như vây: -Kappitaka này còn sông. Vậy ai đã tiêt lộ kê hoạch của chúng ta? Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã nghe được rằng: "Nghe nói kế hoạch của chúng ta đã bị tiết lộ bởi ngài Đại đức Upāli.,, Các vi Ni ấy đã sỉ vả Đại đức Upâli rằng: -Tại sao gã thợ cạo lau chùi bụi bặm và dòng dõi hạ tiện này lại tiết lộ kế hoạch của chúng tôi? 3. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sỉ vả ngài Đại đức Upli?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục

Sư sỉ vả upâli, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sỉ vả Upâli vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỷ-khiru-nỉ nào sỉ vả hoặc chửi rủa Tỳ-khưu thì phạm tội Pâcỉttỉyay

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 763

4. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là TV-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Tỳ-khưu: Là người nam đã tu lên bậc trên. [Hoặc] sỉ vả: Vị sỉ vả theo mười nên tảng của sự sỉ vả1 hoặc với bát cứ điêu nào của những điều này thì phạm tội Pâcỉttiya, Hoặc chửi rủa: Vi gây ra sự sợ hãi thì phạm tội Pãcittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni sỉ vả hoặc chửi rủa thì phạm tội Pãcittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni sỉ vả hoặc chửi rủa thì phạm tội Pãcittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vi Ni sỉ vả hoặc chửi rủa thì phạm tội Pãcittỉya, Vị sỉ vả hoặc chửi rủa người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkaía. Người nam chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata, Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Vị Ni [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vi Ni [nói để] đề cập đến pháp, vị Ni [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vi Ni bị điên,...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo—

4.6.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA l. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Candakālī là người tạo ra các sự xung đột, là người tạo ra các sự cãi cọ, là người tạo ra các sự tranh luận, là người tạo ra các cuộc nói chuyện nhảm nhí, và là người tạo ra các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong khi hành sự đang được thực thi đoi với vị Ni ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ phản đối. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã đi vắng", nên đã phạt án treo Tỳ-khưu-ni Candakālī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi hoàn tất công việc cân làm ây ở trong làng đã trở vê lại thành Sāvatthi. Trong khi Tỳ-khưu-ni Thullanandã đi về, Tỳ-khưu-ni Candakālī đã không sắp xếp chỗ ngồi, không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với Tỳ-khưu- ni Candakālī điều này:*

Xem điều Pãcỉttìya 2 của Tỳ-khưu (TTTĐPGVN, tập 10, tr. 370; TTPV, tập 2, Phân tích Giới Tỳ-khưu II).

764 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

A » A \ • 1 *1 A M Tỉ. —Này cô Ni, vì sao trong khi tôi đi vê, cô lại không sáp xép chô ngôi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống vậy? Thưa Ni sư, bởi vì sự việc này là như vậy, giống như là việc đối với kẻ không người bảo hộ. Này cô Ni, vì sao cô lại là không người bảo hộ? —Thưa Ni su, các Tỳ-khưu-ni này [nói rằng]: "C6 này là không người bảo

hộ5 lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đốf\ rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bị kích động, đã chửi rủa nhóm rằng: -Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành SỊT, hoặc sự thành tựu của hành sự. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ bị kích động rồi chửi rủa nh6m?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bị kích động rồi chửi rủa nhóm, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khtru-ni Thullanandâ bị kích động rồi chửi rủa nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào bị kích động rồi chửi rủa nhóm thì phạm tội Pãcittiyay 3 Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vi Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Bi kích động nghĩa là sự giận dữ được đề cập đến. Nhóm nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến. Chửi rủa: Vị Ni chửi ma rằng: "Npữn^ cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sụ*" thì phạm tội Pãcittiya. Vi Ni chửi rủa nhiêu vị Tỳ-khưu-ni, hoặc một vị Tỳ-khưu-ni, hoặc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Vị Ni [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vị Ni [nói để] đề cập đến pháp, vị Ni [nói] nhăm đên sự giảng dạy, vi Ni bị điên, ..(nt)...vị Ni vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 765

4.6.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các Tỳ-khưu-ni. Khi thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm], các Tỳ- khưu-ni đã đi đên các gia đình thân quyên, roi một sô vị Ni đã thọ thực, một sô vị Ni đã nhận lấy đồ khất thực rồi đi. Sau đó5 người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này: Này quý ông, các Tỳ-khưu-ni đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông. Những người ây đã nói như vây: Này ông, có phải ông sẽ làm hài lòng chúng tôi không? Ngay cả những vị Ni đã được ông thỉnh mời lại còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số vi Ni đã thọ thực, một số vi Ni đã nhận lấy đồ khất thực rồi đi. 2. Khi ây, người Bà-la-môn ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni sau khi thọ thực ở nhà của chúng tôi lại còn thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và đã từ choi [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi kMc?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và đã từ choi [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: “

Vi Tỳ-khưu-nỉ nào đã được thỉnh mời hoặc đã từ chổi [vạt thực dâng thêm] lại nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mem thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni:...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Đã được thỉnh mòi nghĩa là được thỉnh mời với loại vật thực nào đó của năm loại vật thực. Đã từ chối [vật thực dâng thêm] nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, [thí chủ] đứng trong tầm tay (lm25) dâng lên và sự khước từ được ghi nhận.

766 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng. Vật thực mem nghĩa là năm loại vật thực [gôm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n", rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Pâcittiya.2 Vị Ni nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội Dukkata. Môi lân nuôt xuông thì phạm tội Dukkata, Vị Ni đã được thỉnh mời nhưng chưa từ chối [vật thực dâng thêm], vị Ni uống cháo, vị Ni hỏi trước các chủ nhân rồi thọ thực, vi Ni thọ dụng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ, vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

4.6.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru-ni nọ, trong lúc đi khất thực ở con đường nọ trong thành Sāvatthi, đã đi đến gia đình nọ, sau khi đên đã ngôi xuống trên chô ngôi được săp đặt săn. Khi ây, những người ây sau khi dâng bữa ăn đến vị Tỳ-khưu-ni ấy rồi đã nói điều này: Thưa Ni sư, luôn cả các Tỳ-khưu-ni khác hãy đi đến. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: uLàm cách nào để các Tỳ-khưu-ni khác không đi đến?" nên khi đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni, đã nói điều này: Này các Ni sư, ở chỗ đàng kia, chó thì dữ tợn, bò thì hung bạo, là khu vực đầm lầy, chớ có đi đến chỗ ấy. Có vị Tỳ-khưu-ni khác, trong khi đi khất thực ở con đường ấy, cũng đã đi đên gia đình ây, sau khi đên đã ngôi xuồng trên chô ngôi được sáp đặt săn. Khi ấy, những người ấy, sau khi dâng bữa ăn đến vị Tỳ-khưu-ni ấy rồi đã nói điều này: Thưa Ni sư, tại sao các Tỳ-khưu-ni khác không đi đến? 2. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao vị Tỳ-khưu-ni lại bon xẻn về giadìnìi?" ...(nt).

2 Lời dịch Việt của cước chú Pali ở trang đối diện: Khi đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị Ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pācittiya. Khi đã được thỉnh mời, có sự hoài nghi, vị Ni nhai hoặc an vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pācittiya. Khi đã được thỉnh mời, [lầm] tưởng là chưa được thỉnh mơi, vị Ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mèm thì phạm tội Pãcỉttiya.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 767

-Này các Tỳ-khưu9 nghe nói vi Tỳ-khưu-ni bon xẻn về gia đình, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khxru, vì sao Tỳ-khưu-ni lại bon xẻn về gia đình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vây: "Vi Tỳ-khưu-nỉ nào bon xẻn vê gia đĩnh thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị TV-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la- môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh. Là bon xẻn: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để các Tỳ-khưu-ni khác không đi đến?" rồi nói xấu về gia đình trong sự hiện diện của các Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vị Ni nói xâu vê các Tỳ-khưu-ni trong sự hiện diện của gia đình thì phạm tội Pãcittiya. Trong khi không bon xẻn về gia đình vị Ni giải thích về điều bất tiện đang hiện hữu, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

4.6.6. ĐIÊU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng, rồi đã đi đến thành Sāvatthi. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Các Ni sư đã trải qua mùa [an cư] mưa ở đâu? Chác hãn sự giáo giới đã có hiệu quả? Này các Ni sư, ở nơi ấy không có Tỳ-khiru, do đâu mà sự giáo giới sẽ có hiệu quả? Các Tỳ-khmi-ni nào ít ham mu6n, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳkhưu?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu-ni sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sông mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu? Này các Tỳ-khiru9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(ĩ!t).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào sổng mùa [an cư] mưa tại trủ xứ không có Tỳ-khưu thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là TV-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. Trú xứ không có Tỳ-khưu nghĩa là không thê đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng tru. Vị Ni [nghĩ răng]: "Ta sẽ sông mùa [an cư] mua", roi sáp xép chô trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng thì phạm tội Dukkata. Với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội Pãcỉttỉya. Các vi Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bỏ đi hoặc hoàn tục, hoặc qua đời5 hoặc chuyển sang phe phái khác, trong những lúc có sự cố5 vị Ni bị điên, ..(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu. —ooOoo—

4.6.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-khiru-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng, rồi đã đi đến thành Sāvatthi. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Các Ni sư đã trải qua mùa [an cư] mưa ở đâu? Chắc hẳn đã thỉnh cầu3 nơi hội chúng Tỳ-khưu? Này các Ni sư5 chúng tôi không có thỉnh câu nơi hội chúng Tỳ-khiru. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham

muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3 Tức là làm lễ Pavāranā (ND).

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khmi-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào khỉ trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghỉ ngờ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là TV-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. r Khi trải qua mùa [an cư] mưa nghĩa là đã sông [an cư mùa mưa] ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ9\ khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Khi có nguy hiểm, sau khi tầm cầu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. -ooOoo—

4.6.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakyā, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới các Tỳ-khưu- ni nhóm Lục Sư. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư điều này: -Này các Ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi [nghe] giáo giới. -Này các Ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài Đại đức nhóm Lục Sư giáo giới cho chúng tôi ngay tại đây. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ..(nt)...các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư không đi giáo giới, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, ..(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào không đi vì việc giáo giới hoặc vĩ việc đồng cộng trủ thì phạm tội Pãcittiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là "vi Ty.khưu.ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Việc giáo giới nghĩa là Tám trọng pháp. Việc đồng cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pâcỉttỉya.

Khi có nguy hiêm, sau khi tìm kiêm nhimg không đạt được vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo—

4.6.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni không hỏi vê lê Uposatha. cũng không thỉnh cầu sự giáo giới. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu-ni không hỏi về lễ Uposatha, cũng không thỉnh cầu sự giáo gi&i?” ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni không hỏi vê lê Uposatha. cũng không thỉnh cầu sự giáo giới, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni không hỏi về lễ Uposatha, cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khtm-nỉ vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chủng Tỳ- khưu: Việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến [để nghe] giảo giới; nếu vượt quả hạn ấy thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vào mỗi nửa tháng: Vào mỗi kỳ Uposatha, Ngày lễ Uposatha nghĩa là có hai ngày lễ Uposatha: Ngày mười bốn và ngày mười lăm.

Việc giáo giới nghĩa là Tám trọng pháp. Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không hỏi về lễ Uposatha, cũng không thỉnh cầu sự giáo giới", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì, vị Ni bi bệnh, trong những lúc có sự cố, vi Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

4.6.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phân dưới thân. Khi ây, người nam ây đã gắng sức để làm ô uế vi Tỳ-khưu-ni. Vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kêu thét lên. Các Tỳ- khưu-ni đã chạy lại và đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này Ni su, vì sao cô đã kêu thét lên? Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ- khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân?,, .(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khxru, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân vậy? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu-nỉ nào khỉ chưa xỉn phép hội chủng hoặc nhóm, lại cùng người nam, một nữ với một nam làm cho vỡ ra hoặc xẻ ra, hoặc rửa rảy, hoặc bôi thuôc, hoặc băng lại, hoặc tháo băng mụt nhọt, hoặc vét loét phát sanh ở phân dưới thân thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này. ở phần dưới thân nghĩa là từ lỗ rún trở xuống, từ đầu gối trở lên. Phát sanh: Được

sanh lên tại nơi ây.

772 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

Mụt nhọt nghĩa là bất cứ loại mụt nhọt nào. vết loét nghĩa là bất cứ loại vết thương nào. Khi chưa xin phép: Khi chưa hỏi ý. Hội chúng nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến. Nhóm nghĩa là nhiều vị Tỳ-khưu-ni được đề cập đến. Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng làm ô uế. Cùng: Cùng với. Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vi Tỳ-khưu-ni. Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy làm vỡ ra" thì phạm tội Dukkata\ khi đã bị vỡ thì phạm tội Pãcỉítiya. Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy xẻ ra" thì phạm tội Dukkata} khi đã được xẻ thì phạm tội Pâcỉttiya. Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy rửa" thì phạm tội Dukkata; khi đã được rửa thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi Ni ra lệnh rang: "Hãy bôi thu6c" thì phạm tội Dukkata; khi đã được bôi thuốc thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi Ni ra lệnh rằng: "Hãy băng lại" thì phạm tội Dukkata; khi đã được băng lại thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi Ni ra lệnh rằng: "Hãy tháo bang99 thì phạm tội Dukkata; khi đã được tháo băng thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi Ni bảo làm cho vỡ ra, hoặc bảo xẻ ra, hoặc bảo rửa, hoặc bảo bôi thuốc, hoặc bảo băng lại, hoặc bảo tháo băng sau khi đã xin phép, có người nữ nào đó có trí suy xét là người nữ thứ nhì, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Tu viện là thứ sáu. —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Tu viện, sự sỉ vả và có sự giận dữ, thọ thực, bon xẻn vê gia đình, [an cư] mùa mưa, lễ Pavāranā. sự giáo giới, hai việc và với phần dưới thân. -ooOoo-

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 773

4.7. PHẨM SẢN PHỤ

4.7.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ mang thai. Cô ấy đi khất thực. Dân chúng đã nói như vầy: Hãy bố thí đồ khất thực cho Ni sư. Ni sư mang bào thai nặng ne!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ mang thai?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nỌ... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiêp độ người nữ mang thai?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khiru-ni tiếp độ người nữ mang thai, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ mang thai vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ mang thai thì phạm tội Pãcittiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ..(ĩit).. vi Ni này là "vi Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ mang thai nghĩa là có sanh mạng đã thành tựu được đề cập đến. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. 3. Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp âộ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]5 hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ đinh ranh giới thì phạm tội

Dukkata, Do lời đe nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata, Khi cham dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttỉya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. 4. Người nữ mang thai, nhận biết là người nữ mang thai, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Người nữ mang thai, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm

tội Dukkata. Người nữ mang thai, [lầm] tưởng là người nữ không mang thai, vị Ni tiếp độ thì vô tội. 5. Người nữ không mang thai, [lầm] tưởng là người nữ mang thai thì phạm tội Dukkata. Người nữ không mang thai, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ không mang thai, nhận biết là người nữ không mang thai thì vô tội. 6. Vị Ni tiêp độ người nữ mang thai [lâm] tưởng là không mang thai, vi Ni tiếp độ người nữ không mang thai [khi] nhận biết là không mang thai, vị Ni bi điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo—

4.7.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni tiêp độ người nữ còn cho con bú. Cô ây đi khất thực. Dân chúng đã nói như vầy: "Hãy bố thí đồ khất thực cho Ni sư. Ni sư còn có người thứ nhi!" Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiêp độ người nữ còn cho con bii?"...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khiru-ni tiêp độ người nữ còn cho con bú5 có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiêp độ người nữ còn cho con bú vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: ^Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ còn cho con bủ thì phạm tội Pâcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)...vi Ni này là "vj Tỳ-khưu-ni^, được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ còn cho con bú nghĩa là người mẹ hoặc là người vú nuôi. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp âộ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]? hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì

phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pâcỉttiya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Người nữ còn cho con bú, nhận biết là người nữ còn cho con bú, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pâcỉttỉya. Người nữ còn cho con bú5 có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Dukkata. Người nữ còn cho con bú9 [lầm] tưởng là người nữ không cho con bú, vi Ni tiếp độ thì vô tội. Người nữ không cho con bú, [lam] tưởng là người nữ còn cho con bú thì phạm tội Dukkata. Người nữ không cho con bú, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Người nữ không cho con bú, nhận biết là người nữ không cho con bú thì vô tội. Vị Ni tiếp độ

người nữ còn cho con bú [lầm] tưởng là người nữ không cho con bú, vị Ni tiếp độ người nữ không cho con bú [khi] nhận biết là người nữ không cho con bú, vị Ni bi điên, vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo—

4.7.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm. Các vị Ni ây ngu dót, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai nm?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vây: Cô Ni tu tập sự ây nên đi đến nơi hội chúng, đăp thượng y một bên vai, đảnh lê ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngôi chôm hôm, chăp tay lên và nên nói như vây:

"Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vây], thỉnh câu hội chúng sự châp thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm.^, Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vây] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vây], thỉnh câu hội chúng Sự châp thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập ve sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự châp thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự châp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lăng. Tôi ghi nhận sự việc này là như V0' Cô Ni tu tập sự ấy nên được nói rằng: "C6 hãy nói như vầy: 'Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng song, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự lấy vật không được cho, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa điều phi Phạm hạnh, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự nói doi, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự dê đuôi, uông chát say là

rượu và nước lên men, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời, không vi phạm trong hai nm."' Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tiếp độ cô Nỉ tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là T-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

4. CÁC ĐIỀU PÃCITTIYA 777

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp do", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]9 hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pâcittỉya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata, Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittỉya, Hành sự đúng pháp, [lam] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự sai pháp, [lâm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata, Vi Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. -00O00-

4.7.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: Này các cô Ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này? có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép. Các cô Ni ấy đã nói như vầy: —Này các Ni su, chúng tôi không phải là các cô Ni tu tập sự. Chúng tôi là các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thu^n?^ ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng châp thuận, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

778 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng châp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho

sự chấp thuận vê việc tiếp độ đên cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm ấy nên đi đen nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni9 ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vay: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy], là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vây] đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp âộy Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lan thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu- ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự ten [như vầy], đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự tên [như vay] đã thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vi Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay.59 Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tiếp độ cô Nỉ tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chủng chấp thuận thì phạm tội Pãcittiyay

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 779

3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tkhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp. Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban. cho. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vi Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tiếp độ9\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata, Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttỉya, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya, Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội A e J •í Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, [lâm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiêp độ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự sai pháp, [lâm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp,

nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm [và] đã được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. -ooOoo—

4.7.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi.1 Các cô ấy không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ kho, nhức nhoi, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

1 ūnadvādasavassam gihigatam: Cụm từ này được số đông các dịch giả dịch là "'người nữ đã kết hôn chưa đủ 12 năm,, (ND).

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tu6i?" ...(nt). —Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ..(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khiru-ni lại tiêp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi vậy? Này các Tỳ-khưu, bởi vì người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi, không có khả năng chiu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thủ, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người nữ đã kết hôn khi đã đủ mười hai tuổi có khả năng chiu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các loi nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chiu các cảm thọ khô, nhức nhôi, khóc liệt, sác bén, gay găt, không chút thích thú, khó chiu, chét người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy 1 Ầ 1 Ổ Ả• Ă A phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là Tỳ-khưu-ni,^ được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa đủ mười hai tuổi nghĩa là chưa đạt đến mười hai tuổi. Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độc, rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]9 hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcittiya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Khi chưa đủ mười hai tuổi, nhận biết là khi chưa đủ mười hai tuổi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Dukkata. Khi chưa đủ mười hai tuôi, [lâm] tưởng là đã tròn đủ, vi Ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ mười hai tuôi? [lâm] tưởng là chưa đủ mười hai tuổi thì phạm tội Dukkata. Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, nhận biết là đã tròn đủ thì vô tội. Vị Ni tiếp độ [người nữ đã kết hôn] khi chưa đủ mười hai tuổi [lầm] tưởng là đã tròn đủ, vị Ni tiếp độ [người nữ đã kết hôn] khi đã tròn đủ mười hai tuổi [với sự] nhận biết là đã tròn đủ, vị Ni bị điên, ..(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

4.7.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vi Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai nm?" ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiêp độ nguồi nữ đã két hôn khi tròn đủ mười hai tuồi, chưa thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi. Và này các Tỳ-khưu5 nên ban cho như vầy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy], thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy] là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm.,^ Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu- ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự châp thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm đên người nữ đã két hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đên người nữ đã két hôn khi tròn đủ mười hai tuôi tên [như vây]. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi

tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy] xin im lặng; vi Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lăng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên được nói rằng: "C6 hãy nói như vây: 'Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giêt hại mạng sông, không vi phạm trong hai năm. ...(nt)... Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời, không vi phạm trong hai năm.9,9 Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu-ni nào tiếp đô người nữ đã kết hôn khỉ tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. V| Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là "vj Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi. Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp âộ"\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ đinh ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo

của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư te độ phạm tội Pãcỉttiya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata, Hành sự đúng pháp, nhận biêt là hành sự đúng pháp, vi Ni tiêp độ thì phạm tội Pâcỉttiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni tiếp độ thì phạm tội Pâcỉttỉya, Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaịa. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata, Vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo—

4.7.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhung] chưa được hội chúng chấp thuận. Các Tỳ-khiru-ni đã nói như vầy: Này các cô Ni tu tập SỊT, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép. Các cô Ni ấy đã nói như vầy: -Này các Ni sư, chúng tôi không phải là các cô Ni tu tập sự. Chúng tôi là các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận?,, ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai

tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ..(nt)... Này các Tỳ-khưu5 vì sao các Tỳ-khmi-ni lại tiếp độ người nữ đã két hôn khi tròn đủ mười hai tuôi, đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong

hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép ban cho sự châp thuận vê việc tiêp độ đên người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các Tỳ-khưu5 nên ban cho như vầy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm nên đi đên nơi hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở chân các Tỳ-khxru-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã két hôn khi tròn đủ mười hai tuôi, đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độy Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. ...(nt)... Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. ...(nt).. hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 3. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy]9 là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận ve việc tiếp độ đen cô Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy]; là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm. Đại đức Ni nào đông ý việc ban cho sự châp thuận vê việc tiêp độ đên cô Ni tên [như vây], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vi Ni nào không đong ý có the nói lên. Sự chap thuận vê việc tiêp độ đã được hội chúng ban cho đên cô Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức vê sự khó khăn trong việc cap dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: r A 9

"Vỉ Tỳ-khim-nỉ nào tỉêp độ người nữ đã két hôn khỉ tròn đủ mười hai tuôif đã thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chủng chấp thuận thì phạm tội Pãcỉttỉya."

4. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi. Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp. Chưa được chấp thuan nghĩa là sự chấp thuận vê việc tiếp độ băng hành sự với lời thông báo đen lan thứ hai chưa được ban cho. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tiếp âộ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khiru-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pâcỉttiya, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pâcỉttiya. Hành sự sai pháp, [lâm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [và] đã được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4.7.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai nm?" ,..(nt).

-Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ5 cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ9 cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗf cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm thì phạm tội Pãcittỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vi Ni này là Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến. Sau khi tiếp độ: Sau khi cho tu lên bậc trên. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Không dạy dỗ: Không tự mình dạy dỗ bằng cách đọc tụng, bằng sự thẩm vấn, bằng sự giáo giới, bằng sự chỉ dạy. Không bảo người dạy dỗ: Không chỉ thị cho người khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai

năm,,; khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pâcittỉya. Khi có sự nguy hiểm, vị Ni tầm cầu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự co, vị Ni bi điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. —ooOoo—

4.7.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm. Các vị Ni ây ngu dót, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm?,, .(nt) -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu-ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm, có đúng không vậy?

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: y r Z

“ Vỉ Tỳ-khưu-ni nào không hâu cận Ni sư tê độ đã tỉep độ cho trong hai năm thì phạm tội Pâcittiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni,, được đề cập trong ý nghĩa này. 3 Đã tiếp độ cho: Đã cho tu lên bậc trên. Ni sư tế độ nghĩa là vị Ni là thầy tế độ được đề cập đến. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Không hầu cận: Không tự mình hầu cận. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không hầu cận trong hai năm,,; khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittỉya. Vi Ni sư tế độ là vị Ni ngu dốt hoặc không có liêm sỉ, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố9 vi Ni bị điên, ...(nt)...vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. —ooOoo—

4.7.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, Tỷ-khưu-ni Thullanandã sau khi tiêp độ người nữ đệ tử roi không cách ly [vị Ni áy], cũng không làm cho [vị Ni áy] được cách ly. Người chồng đã giữ lại. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham mu6n, ...(nt).. các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vi Ni ấy] được cách ly, khiến người chồng đã giữ lại? Nếu vị Tỳ-khưu-ni này đã ra đi thì người chồng không thể giữ lại duve." ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly, khiến người chồng đã giữ lại, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vi Ni ấy] được

cách ly, khiến người chồng đã giữ lại vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru9 các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử

rồi không cách ly [vỉ Ni áy], cũng không làm cho [vi Ni áy] được cách ly, cho dâu chỉ là nămf sáu do- tuần thì phạm tội Pâcittiyay 2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vj Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sông chung trú xá được đê cập đên. Đã tiếp độ cho: Đã cho tu lên bậc trên. Không cách ly: Không tự mình cách ly. Không làm cho [vi Ni ấy] được cách ly: Không chỉ thị cho vị khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni áy] được cách ly, cho dâu chỉ là năm, sáu do-tuân", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pâcỉttiya. Khi có trường hợp nguy hiểm, vị Ni tìm kiếm nhưng không có được vị Tỳ- khxru-ni thứ hai, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đàu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. Phẩm Sản phụ là thứ bảy. -ooOoo-

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, [học tập] về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai tuổi và đã được tròn đủ, với hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ và năm, sáu do-tuần. —ooOoo—

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 789

4.8. PHẨM THIÊU NỮ

4.8.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. Các cô ấy không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chiu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén5 gay gắt? không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tu8i?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiêp độ thiêu nữ chưa đủ hai mươi tuổi, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi vậy? Này các Tỳ-khưu, thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chiu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, ...(nt)... có khuynh hướng không cam chịu [các cảm thọ] ... chét người thuộc vê cơ thê đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, thiêu nữ đã đủ hai mươi tuôi có khả năng chịu đựng đôi với sự lạnh, sự nóng, ...(nt)... có khuynh hướng cam chiu [các cảm thọ] ... chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tiêp độ thiêu nữ chưa đủ hai mươi tuôi thì phạm tội Pâcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tykhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là chưa đạt đến hai mươi tuổi. Thiếu nữ nghĩa là Sa-di-ni được đề cập đến. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

790 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ9\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do

lời đe nghi thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcittiya, nhóm [chứng minh] và vi Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pâcỉttiya. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Dukkata. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là đã tròn đủ, vị Ni tiếp độ thì vô tội. Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội Dukkata, Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là đã tròn đủ thì vô tội. Vi Ni [lầm] tưởng là đã tròn đủ rồi tiếp độ [thiếu nữ] chưa đủ hai mươi tuổi, vị Ni nhận biết là đã tròn đủ rồi tiếp độ [thiếu nữ] đã tròn đủ hai mươi tuổi, vị Ni bị điên,...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất -ooOoo—

4.8.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ l. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai nam?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khtru-ni lại tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đên thiêu nữ mười tám tuôi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban

cho như vầy: Thiếu nữ mười tám tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vay: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiêu nữ mười tám tuôi, thỉnh câu hội chúng sự châp thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm.,, Nên được thỉnh câu lân thứ nhì. Nên được thỉnh câu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm đên cô Ni tên [như vây], là thiêu nữ mười tám tuổi. Đây là lời đề nghị. 3. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi, thỉnh câu hội chúng sự chap thuận việc học tập vê sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tên [như vay], là thiếu nữ mười tám tuổi. Đại đức Ni nào đong ý việc

ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tên [như vầy], là thiêu nữ mười tám tuôi xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tên [như vầy] là thiếu nữ mười tám tuổi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 4. Thiêu nữ mười tám tuôi ây nên được nói răng: "C6 hãy nói như vây: 'Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống, không vi phạm trong hai năm. ...(nt)... Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời, không vi phạm trong hai năm.,, Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào tỉếp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tu6i, chưa thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm thì phạm tội Pãcỉttỉyay 5. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(ĩìt).. vi Ni này là "vi Ty-khưu-iìi" được đề cập trong ý nghĩa này. Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi. Thiếu nữ nghĩa là vi Sa-di-ni được đề cập đến. Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho, hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ9\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]9 hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đe nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttỉya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biêt là hành sự đúng pháp, vị Ni tiêp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya, Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittỉya. Hành sự đúng pháp, [lâm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biêt là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata, Vị Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vi Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ hai. -00O00-

4.8.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1 Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ9 các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: -Này các cô Ni tu tập sự5 hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự càn dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép. Các cô Ni ấy đã nói như vầy: -Này các Ni sư, chúng tôi không phải là các cô Ni tu tập sự. Chúng tôi là các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuan?" ...(nt). —Này các Tỳ-khmi, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai

năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 793

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuôi ây, đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm nên đi đên nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni9 ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi ten [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [ệiờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp âộy Nên được thỉnh cầu lân thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 3"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chung hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này ten [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh câu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị. 4. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vày], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm. Đại đức Ni nào đông ý việc ban cho sự châp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vi Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Sự chấp thuận ve việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đen cô Ni tên [như vầy] là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 5. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây:

794 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

"Vị Tỳ-khưu-ni nào tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuôif đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chủng chấp thuận thì phạm tội Pãcittiyay 6. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến

hai mươi tuổi. Thiếu nữ nghĩa là vị Sa-di-ni được đề cập đến. Hai năm: [Thời hạn] hai năm. Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp. Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận vê việc tiếp độ băng hành sự với lời thông báo đen lan thứ hai chưa được ban cho. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư te độ phạm tội Pâcittỉya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vi Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya, Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pâcỉttỉya, Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata, Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập ve sáu pháp trong hai năm, [và] đã được hội chúng chấp thuận, vi Ni bị điên, ..(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba. —ooOoo—

4.8.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên]. Các vi Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các vị Ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 795

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)...các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm nien]?99 ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên], có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)...Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] thì phạm tội Pācittiya^ 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị TVkhưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa đủ mười hai năm [thâm niên] nghĩa là chưa đạt đến mười hai năm [Tỳ-khưu-ni]. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]5 hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata, Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata, Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttỉya, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Vị Ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm [thâm niên], vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ tư. —ooOoo—

4.8.5. ĐIÊU HỌC THỨ NĂM l. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận. Các vi Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các vị Ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

2. Các Tỳ-khiru-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] lại tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuan?" ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiêp độ khi chưa được hội chúng châp thuận, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu9 vì sao các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] lại tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đen vị Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Và này các Tỳ- khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu-ni đã tròn đủ mười hai năm [thâm niên] ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên vả nên nói như vầy: “Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy]9 là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ.99 Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng nên xác định vị Tỳ-khưu-ni ấy rằng: Tỳ-khưu-ni này có kinh nghiệm, có liêm sỉ.,, Nếu là vi Ni ngu dốt, không có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị Ni ngu dổt5 có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị Ni có kinh nghiệm, không có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nêu là vị Ni có kinh nghiệm, có liêm sỉ thì nên ban cho. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vay: Hội chúng can được thông báo bởi vi Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: 3. “Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vj Ni này tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Đây là lời đề nghị. 4. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Ni này tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến vị Ni tên [như vày] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khiru-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào tròn đủ mười hai năm [thâm niên] khỉ chưa được hội chủng chập thuận mà tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 6. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Tròn đủ mười hai năm [thâm niên] nghĩa là đã đạt đến mười hai năm [Tỳ-khưu-ni]. Chưa được chập thuận nghĩa là sự chập thuận vê việc ban phép tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ5\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo : • * r

của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi châm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttiya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vi Ni tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội Dukkata. Vị Ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm [thâm niên] và được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ năm. —ooOoo—

4.8.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Ty-khiru-ni Candakālī đi đến hội chúng và thỉnh cầu sự chấp thuận ve việc ban phép tiếp độ. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khun-ni đã xác định Tỳ-khưu-ni Candakālī rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp âộ'\ rồi đã không ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Tỳ-khưu-ni Candakālī đã trả lời rằng: "Tốt thôi!99 Vào lúc bấy giờ, hội chúng

Tỳ-khưu-ni đã ban cho sự chập thuận vê việc ban phép tiêp độ đên các Tỳ- khưu-ni khác. Tỳ-khưu-ni Candakālī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Chẳng lẽ chính tôi là kẻ ngu dốt, chính tôi là kẻ không có liêm sỉ hay sao? Bởi vì hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến các Tỳ- khưu-ni khác mà không ban cho đến chính tôi. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni áy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Candakālī khi được nói rằng: 'Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ\ đã trả lời: 'Tốt thôi!\ sau đó lại tiến hành việc phê phán?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu5 nghe nói Tỳ-khưu-ni Candakālī khi được nói răng: “Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp d", đã trả lời: "Tốt th6i!”, sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Candakālī khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp âộ'\ đã trả lời: "Tốt th6i!”, sau đó, lại tiến hành việc phê phán vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào khỉ được nói rằng: 'Này Ni su, vẫn chưa phải lúc cho r> r r CÔ được ban phép tiêp độ\ đã trả lời răng: 'Tót thôi!sau đó lại tiên hành việc phê phán thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ..(nt)...vị Ni này là "vị TV-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô ban phép tu lên bậc tren?9 Khi đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi Ni phê phán [hội chúng] đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi; vị Ni bi điên; ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo—

4.8.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có cô Ni tu tập sự nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandâ và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã nói với cô Ni tu tập sự

ấy rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6." Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô Ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô\ lại không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp d" ..(nt). Này các Tỳ-khxru, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta9 như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", rồi không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp độ9 có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", l@i không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu-nỉ nào sau khỉ đã nói với cô Nỉ tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho taf như the thì ta sẽ tiếp độ cho côvỉ Nỉ ấy sau đó không có trở ngại gì vân không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiêp độ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là T-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô: Như thế thì ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô. Vi Ni ấy sau đó không có trở ngại gì: Khi không có sự nguy hiểm. Không tiếp độ: Không tự mình tiếp độ. Không ra sức cho việc tiếp độ: Không chỉ thi cho người khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp âộ'\ khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Khi có sự nguy hiêm5 vị Ni tâm câu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cô, vị Ni bị điên,...(nt).. vị Ni vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. -ooOoo—

4.8.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có cô Ni tu tập sự nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandã và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ-khtru-ni Thullanandã đã nói với cô Ni tu tập sự ấy rằng: “Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6.” Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô Ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô\ lại không tiếp độ9 cũng không ra sức cho việc tiếp d?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô'\ rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ9 có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự răng: "Này cô Ni, nêu cô sẽ hâu cận ta hai năm, như thê thì ta sẽ tiếp độ cho c6”, lại không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào sau khỉ đã nói với cô Nỉ tu tập sự rằng: 'Này cô Nif nêu cô sẽ hâu cận ta hai năm, như thê thì ta sẽ tỉếp độ cho côvị Ni ây sau đó không có trở ngại gỉ van không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ..(nt).. vị Ni này là "vj Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm: Nếu cô sẽ phục vụ hai năm [tròn đủ]. Như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô: Như thế thì ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô. Vi Ni ấy sau đó không có trở ngại gì: Khi không có sự nguy hiểm. Không tiếp độ: Không tự mình tiếp độ.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 801

Không ra sức cho việc tiếp độ: Không chỉ thị cho người khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ9\ khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội Pãcittiya. Khi có sự nguy hiểm, vị Ni tầm cầu nhưng không đạt được, vi Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vi Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ tám. -00O00-

4.8.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác]. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại tiếp độ cô Ni tu tập sự5 là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác]?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguôn gây sâu khô [cho người khác], có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách

rằng: ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác] vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vỉ Tỳ-khim-nỉ nào tiếp độ cô Nỉ tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác] thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là vị Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Đàn ông nghĩa là người nam đã đạt đên hai mươi tuôi. Thanh niên nghĩa là người nam chưa đạt đến hai mươi tuổi. Thân cận nghĩa là thân cận bằng thân và khẩu không được đúng đắn. Nhẫn tâm nghĩa là đề cập đến sự giận dữ.

802 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

Nguồn gây sầu khổ [cho người khác] nghĩa là người làm sanh khởi khổ đau, đem đến sự buồn rầu cho những người khác. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tiếp âộ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ đinh ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pâcỉttiya. nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata, Vị Ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ chín. -ooOoo-

4.8.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khiru-ni Thullanandâ tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép. Cha mẹ và người chồng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Ni sư Thullanandâ lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được chúng tôi cho phép?“ Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được cha mẹ và người chồng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Ni sư Thullanandâ lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho ph6p?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép vậy? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khirư-ni nào tiếp độ cô Nỉ tu tập sự chưa được cha mẹ hoặc người chồng cho phép thì phạm tội Pãcỉttỉyay £v|Ninao: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tykhưuni" được đề cập trong ý nghĩa này.

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 803

Cha mẹ nghĩa là đề cập đến các bậc sanh thành. Người chồng nghĩa là đã được đám cưới với người đó. Chưa được cho phép: Không có hỏi ý. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người

nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vi Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tiếp độ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttỉya. nhóm [chứng minh] và vi Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Vị Ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vi Ni sau khi xin phép rồi tiếp độ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười. -ooOoo—

4.8.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MÔT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ cô Ni tu tập sự", rồi đã triệu tập các vị Tỳ-khưu trưởng lão lại, sau khi nhìn thấy nhiều vật thực loại cứng loại mềm, lại giải tán các vị Tỳ-khưu trưởng lão [nói rằng]: "Thua các ngài Đại dức, tôi sẽ không tiếp độ cho cô Ni tu tập sự lúc nay.^ Rồi đã triệu tập Devadatta, Kokālika, Katamorakatissaka con trai của Khandadevī và Samuddadatto rồi tiếp độ cô Ni tu tập sự. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Ni sư Thullanandā lại tiêp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parivāsai^ ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandâ tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vi [Tỳ-khưu] đang chiu hành phạt Parỉvâsa, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandâ lại tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành

1 Các vị Tỳ-khưu có tên ở trên có liên quan đến tội Sañghādisesa thứ 10 và 11 của Tỳ-khưu về việc chia rẽ hội chúng và xu hướng theo kẻ đã chia rẽ hội chúng (ND).

phạt Parỉvãsa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho 2 .kẻA chưa có đức tin, những A ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu? các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: m Tỳ-khưu-nỉ nào tiếp độ cô Nỉ tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vỉ [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parỉvãsa thi phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,, được đề cập trong ý nghĩa này. 3. Với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vi [Tỳ-khưu] đang chiu hành phạt Parivữsa: Với tập thể đã bị cách ly. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]5 hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát5 hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi cham dứt tuyên ngồn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttiya. nhóm [chứng minh] và vi Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Vị Ni tiếp độ với tập thể không bị cách ly, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười một. -ooOoo-

4.8.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khini-ni tiếp độ hàng năm, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các tru xá nhìn thấy rồi phàn nàn, A phê phán, chê bai răng: -Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hàng năm khiến chỗ tru ngụ không đủ đáp ứng? Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hàng nam?^ ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hàng năm, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hàng năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tiếp độ hàng năm thì phạm tội Pãcỉttỉyay 3. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ..(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Hàng năm: Mỗi năm. Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ'\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni]5 hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi cham dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcỉttỉya. nhóm [chứng minh] và vi Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata, Vị Ni tiếp độ cách năm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì VO tôi. Điêu học thứ mười hai. -ooOoo—

4.8.13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hai người trong một năm; theo như thế ấy, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các tru xá nhìn thay roi tương tợ y như the phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hai người trong một năm; theo như thế ấy chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hai người trong một nm?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hai người trong một năm, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hai người trong một năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các Tỳ-khiru-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khim-ni nào tiếp độ hai người trong một nam thì phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là "vị Ty-khưuni" được đề cập trong ý nghĩa này. Trong một năm: Trong [thời hạn] một năm. Tiếp độ hai người: Cho tu lên bậc trên hai người. Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tiếp độ hai người,\ rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu- ni], hoặc vi Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội Dukkata. Do lời đề nghị thì phạm tội

Dukkata. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội Dukkata. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội Pãcittiya, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội Dukkata. Vi Ni tiếp độ một người trong một năm,2 vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười ba. Phẩm Thiếu nữ là thứ tám.
—ooOoo—

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Hai điều về thiếu nữ và [chưa được chấp thuận] bởi hội chúng, mười hai năm [thâm niên] và do vị được chấp thuận, thôi đi [chưa phải lúc], [dâng] y, hai năm [hầu cận], vị Ni thân cận, và [chưa cho phép] bởi chồng, các vi đang chịu hành phạt Parivãsa. hàng năm và với việc tiếp độ hai người.

—ooOoo—

2 Tổng hợp điều học này và điều học trước thì hai năm chỉ có thể tiếp độ một người (ND).

49 PHẨM DÙ DÉP

4.9.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng dù dép, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dép?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dép, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dép vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khtru-ni hãy phổ biến điêu học này như vây: ^Vị Tỳ-khưu-ni nào sử dụng dù dép thì phạm tội Pãcittỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy đinh cho các Tỳ-khưu-ni như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru-ni nọ bị bệnh. Không có dù dép, vị Ni ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dù dép đối với vi Tỳ-khưu-ni bi bệnh. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vi Tỳ-khưu-ni nào không bị bệnh, sử dụng dù dép thi phạm tội Pãcittiyay Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Không bi bệnh nghĩa là không có dù dép, vị Ni ấy vẫn thoải mái. Bị bệnh nghĩa là không có dù dép, vị Ni ây không được thoải mái. Dù nghĩa là có ba loại dù: Dù trăng, dù băng sậy, dù băng lá được buộc theo vòng tròn. Sử dụng: Vị Ni sử dụng dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội Pãcỉttỉya.

Kh6ng bị bệnh nhận biết là không bi bệnh, vị Ni sử dụng dù dép thì phạm tội Pãcittỉya. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni sử dụng dù dép thì phạm tội Pãcittỉya. Không bi

bệnh [lầm] tưởng là bi bệnh, vi Ni sử dụng dù dép thì phạm tội Pãcỉttiya. Vi Ni sử dụng dù, không [sử dụng] dép thì phạm tội Dukkata. Vi Ni sử dụng dép, không [sử dụng] dù thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh [lam] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh nhận biết là bi bệnh thì vô tội. Vị Ni bị bệnh, vị Ni mang trong tu viện, [mang] trong vùng phụ cận tu viện, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ nhất —ooOoo—

4.9.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyên băng xe. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại di chuyên băng xe, giông như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê . __ bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại di chuyên băng xe?" ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại di chuyển bang xe vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào dỉ chuyển bằng xe thì phạm tội Pãcỉttỉyay Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế. 2. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ bị bệnh, không thể đi bằng chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xe đoi với Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: “ Vỉ Tỳ-khưu-nỉ nào không bỉ bệnh, dỉ chuyển bằng xe thì phạm tội Pãcỉttiyay 3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

4. CÁC ĐIỀU PĀCITTIYA 809

Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là Ty.khưu.ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Không bi bệnh nghĩa là vị Ni ấy có thể đi bằng chân. Bi bệnh nghĩa là vị Ni ấy không thể đi bằng chân. Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiệu khiêng, ghế khiêng. Di chuyển: Vị Ni di chuyển [bằng xe] dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội Pãciítiya. Không bị bệnh nhận biết là không bi bệnh, vị Ni di chuyển bằng xe thì phạm tội Pãcittiya. Không bi bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni di chuyển bang xe thì phạm tội Pãcỉttỉya. Không bị bệnh [lam] tưởng là bi bệnh, vị Ni di chuyển bang xe thì phạm tội Pâcỉttỉya. Bi bệnh [lầm] tưởng là không bi bệnh thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh nhận biết là bi bệnh thì vô tội. Vị Ni bi bệnh, trong những lúc có sự cố5 vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vổ tội. Điều học thứ nhì. —ooOoo—

4.9.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA 1 Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru-ni nọ thường lui tới với gia đình của người đàn bà nọ. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Thưa Ni su, xin hãy trao vật trang sức ở hông này cho người đàn bà tên này. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: “Nếu ta dùng bình bát đựng rồi đi thì ta sẽ khôn^ nên đã buộc vào rồi đi. Khi cô Ni ấy ở trên đường lộ, sợi chỉ bị đứt khiến [các vật kết vào] bị văng tung toé. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê

bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại mang vật trang sức ở hông, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?" Vị Tỳ-khưu-ni ấy trong khi bị những người ấy chế giễu đã xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi ve chỗ ngụ và ke lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại mang vật trang sức ở h6ng?" ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni mang vật trang sức ở hông, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại mang vật trang sức ở hông vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những

kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-ni nào mang vật trang sức ở hông thì phạm tội Pãcittiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Vật trang sức ờ hông nghĩa là bất cứ loại gì quàng ở hông. Mang: Vị Ni mang vào dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội Pãcittỉya. Do nguyên nhân bi bệnh, vi Ni mang băng vải buộc ở hông, vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ ba. —ooOoo—

4.9.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đeo đồ trang sức của phụ nữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đeo đồ trang sức của phụ nữ, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vāy?^ Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đeo đô trang sức của phụ nữ?,, ...(nt) Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đeo đồ trang sức của phụ nữ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu9 vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đeo đồ trang sức của phụ nữ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khtm-nỉ nào đeo đồ trang sức của phụ nữ thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Đô trang sức của phụ nữ nghĩa là vật đeo ở dâu, vật đeo ở cô, vật đeo ở cánh tay, vật đeo ở bàn chân, vật đeo ở hông.

Đeo: Vi Ni đeo vào dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội Pâcỉítiya.
Do nguyên nhân bị bệnh, vi Ni bi điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đầu tiên thì
VO tôi.
Điều học thứ tư.
-00O00-
4.9.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tăm băng vật thơm có màu sắc. Dân chúng phàn nàn, phê

phán, chê bai rang: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tam bang vật thơm có màu sắc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm có màu sắc?" ..(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm có màu sắc, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -..(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư lại tắm băng vật thơm có màu săc vậy? Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu? các Tỳ- khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào tăm băng vật thơm có màu sác thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vi Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Vật thơm nghĩa là bất cứ vật gì có mùi thơm. [Vật] có màu săc nghĩa là bát cứ vật gì có màu săc. Tắm: Vị Ni tắm, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Khi hoàn tất việc tăm phạm tội Pãcittiya. Do nguyên nhân bi bệnh, vi Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vo tôi. Điều học thứ năm. —ooOoo—

812 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

4.9.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tăm băng bã dâu mè có tâm hương?,, ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "Vị Tỳ-khưu-ni nào tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương thì phạm tội Pãcỉttỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-nỉ: ...(nt).. vị Ni này là "vj T-khưu-ni'' được đề cập trong ý nghĩa này. Có tẩm hương nghĩa là bất cứ vật gì có tẩm hương thơm. Bã dầu mè nghĩa là xác hạt mè được đề cập đến. Tắm: Vị Ni tắm, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội Pãciítiya. Do nguyên nhân bị bệnh, vị Ni tắm bằng bã dầu mè loại bình thường, vị Ni bi điên, ..(nt)... vị Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. Điều học thứ sáu. —ooOoo—

4.9.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khun-ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ the]. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thay roi phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ the], giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]?" .(nt). —Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể], có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thé Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo Tỳ-khxru-ni xoa bóp và chà xát [cơ thê] vậy? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào bảo Tỳ-khưu-nỉ xoa bóp và chà xát [cơ thể] thì phạm tội Pâcỉttìyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. [Bởi] vi Tỳ-khưu-ni: [Bởi] vị Tỳ-khưu-ni khác. Bảo xoa bóp: Vị Ni bảo xoa bóp thì phạm tội Pãcỉttiya, Bảo chà xát: Vị Ni bảo thoa dầu [toàn thân] thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi Ni bị bệnh, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ bảy. —ooOoo—

4.9. 8-10. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM-CHÍN-MƯỜI L Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ the]. ...(nt)... bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. ...(nt).. bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể]. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Tỳ-khmi-ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể], giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?” Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru-ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thểỉ?” ...(nt).

814 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN TỲ-KHƯU-NI

Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thê], có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ the] vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] thì phạm tội Pãcittỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vi Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-nin được đề cập trong ý nghĩa này. Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sa-di-ni nghĩa là người nữ có liên quan đến mười điều học. Người nữ tại gia nghĩa là đề cập đến người nữ ở gia đình. Bảo xoa bóp: Vị Ni bảo xoa bóp thì phạm tội Pãcittiya. Bảo chà xát: Vi Ni bảo thoa dầu [toàn thân] thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vì nguyên nhân bệnh, trong những lúc có sự cô, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Các điều học thứ tám-chín-mười. —ooOoo—

4.9.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MÔT 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý. Các Tỳ-khiru phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại ngôi xuống trên chô ngôi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi y?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni ngôi xuồng trên chô ngôi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý5 có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại ngôi xuồng trên chô ngồi ở phía trước vi Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vỉ Tỳ-khưu-ni nào ngồi xuổng trên chỗ ngồi ở phía trước vỉ Tỳ-khưu khỉ chưa hỏi ỷ thì phạm tội Pãcittỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Phía trước vi Tỳ-khưu: Phía trước người nam đã tu lên bậc trên. Khi chưa hỏi ý: Sau khi không xin phép. Ngồi xuống trên chỗ ngồi: Vị Ni ngồi xuống, cho dầu ở trên mặt đất cũng phạm tội Pãcỉttiya. Khi chưa được hỏi ý, nhận biết là chưa được hỏi ý, vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa được hỏi ý, có sự hoài nghi, vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa được hỏi y, [lầm] tưởng là đã được hỏi ý, vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội Pãcỉttỉya, Khi đã được hỏi ý5 [lầm] tưởng là chưa được hỏi ý thì phạm tội Dukkata. Khi đã được hỏi ý, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã được hỏi ý? nhận biết là đã được hỏi ý thì vô tội. Vị Ni hỏi ý roi ngôi xuống trên chô ngôi, vi Ni bi bệnh, trong những lúc có Sự cô, vị Ni bị điên, ...(nt).. vi Ni vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười một —ooOoo—

4.9.12. ĐIÊU HỌC THỨ MƯỜI HAI 1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni hỏi câu hỏi đến vi Tỳ-khmi chưa được thỉnh ý trước. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rang: uTại sao các Tỳ- khưu-ni lại hỏi câu hỏi ở vi Tỳ-khiru chưa được thỉnh ý trư&c?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni hỏi câu hỏi ở vi Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại hỏi câu hỏi ở vi Tỳ- khưu chưa được thỉnh ý trước vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khiru-ni nào hỏi câu hỏi ở vỉ Tỳ-khiru chưa được thỉnh ỷ trước thì phạm tội Pãcỉttiyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Tỳ-khưu-ni,9 được đề cập trong ý nghĩa này. Chưa được thỉnh ý: Không có hỏi ý. Vi Tỳ-khưu: Người nam đã tu lên bậc trên. Hỏi câu hỏi: Sau khi đã thỉnh ý trước về Kinh, vị Ni hỏi Luật hoặc Vi diệu pháp thì phạm tội Pãcỉttỉya. Sau khi đã thỉnh ý trước ve Luật, vi Ni hỏi Kinh hoặc Vi diệu pháp thì phạm tội Pãcỉttiya, Sau khi đã thỉnh ý trước

về Vi diệu pháp, vị Ni hỏi Luật hoặc Kinh thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị Ni hỏi câu hỏi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa hỏi y, có sự hoài nghi, vi Ni hỏi câu hỏi thì phạm tội Pãcittiya. Khi chưa hỏi ý9 [lầm] tưởng là đã hỏi ý5 vị Ni hỏi câu hỏi thì phạm tội Pãcỉttiya. Khi đã hỏi ý, [lầm] tưởng là chưa hỏi ý thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý5 có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội. Vị Ni hỏi sau khi đã thỉnh ý, vị Ni hỏi bất cứ phạm vi nào sau khi đã thỉnh ý không giới hạn [phạm vi câu hỏi], vị Ni bị điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười hai. —ooOoo—

4.9.13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ không mặc áo lót1 đã đi vào làng khất thực. Khi vị Ni ấy đang ở trên đường lộ, các cơn gió xoáy đã hất tung y hai lớp lên. Dân chúng đã la lớn lên rang: -Ngực và bụng của Ni sư đẹp! Vị Tỳ-khưu-ni ây trong khi bị dân chúng chê giễu đã xâu hô. Sau đó5 vị Tỳ-khiru-ni ấy đã đi về chỗ ngụ và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khưu-ni không mặc áo lót lại đi vào lang?" ...(nt). —Này các Tỳ-khưu5 nghe nói vị Tỳ-khưu-ni không mặc áo lót đi vào làng, có đúng không vậy? 1 Áo lót là một trong năm thứ y của Tỳ-khưu-ni: Ỵ hai lớp (sañghāti), thượng y (utqrāsañgo), y nội (antaravãsako), áo lót (sañkaccikam), vải choàng tam (udakasātika). Năm thứ y này can phải có khi tu lên bậc trên (TTTDPGVN, tập 11, tr. 923; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 515).

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni không mặc áo lót lại đi vào làng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào không mặc ảo lót đi vào làng thì phạm tội Pâcittỉyay 2. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Không mặc áo lót: Thiếu đi áo lót. r > A 9 y

Ao lót nghĩa là nhăm mục đích che kín phân dưới xương đòn [ở cô] và phân trên lỗ rún. Đi vào làng: Vị Ni trong lúc vượt qua hàng rào của làng được rào lại thì phạm tội Pâcỉttỉya, Vị Ni trong lúc đi vào vùng phụ cận của làng không được rào lại thì phạm tội Pãcỉttỉya. Vi Ni có y bị cướp đoạt, vi Ni có y bị hư hỏng, vị Ni bị bệnh, khi bị thất niệm, trong lúc không biết, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười ba. Phẩm Du dép là thứ chín. -ooOoo— Bạch chư Đại đức Ni, một trăm sáu mươi sáu điều Pãcittiya2 đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rang: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tinh trong van đe này? Đen lan thứ ba, tôi hỏi rang: Chắc han các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. —ooOoo—

2 Lời giải thích của ngài Buddhaghosa về 166 điều học Pâcittiya của Tỳ-khưu-ni được tóm lược như sau: Tông sô giới Pācittiya của Tỳ-khưu-ni là 166 điêu và đã được trình bày ở đây là 96 điêu, 70 điều còn lại là những điều đã quy đinh chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni được trình bày ở Bhikkhuvibhañga (Phẩn tích Giơi Tỳ-khưu). Trông số 92 điều ứng đối trị cua Tỳ-khưu, thay vì tìm 70 điều là phần quy đinh chung, chúng ta sẽ bớt đi 22 điều quy định riêng cho Tỳ-khưu gom có: 10 điều thuộc phần giáo giới (21-30), 4 điêu thuộc phần vật thực: Trường hợp vật thực thỉnh sau (33), thọ thực thức ăn không phải là đồ thừa (35), mời thức ăn không phải là đồ thừa rồi buộc tội (36), yêu cầu các loại vật thực thượng hạng (39); thêm vào 8 điều nữa la: Bố thí đến tu sĩ ngoại đạo (41), che giấu tội xấu xá (64), cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi (65), hẹn hò roi đi chung đường xa với người nư (67), đi vào hậu cung của đức vua (83), vào làng lúc sái thời chưa thông báo vị Tỳ"khưu hiện diện (85), tọa cụ (89), ý choàng tắm mưa (92). Tổng cộng là 22 điều (VinA. IV. 947-48)

818 PHÂN TÍCH GIỚI BÔN TỲ-KHƯU-NI

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Dù và xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật thơm, bã dầu mè, vi Tỳkhưu-ni9 cô Ni tu tập sự và vị Sa-di-ni, với người nữ tại gia, khi chưa hỏi ý, việc thỉnh ý trước, với vi không mặc áo lót là mười ba. —ooOoo—

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM Tỏi và bóng tôi, lõa thê và liên quan việc năm chung, [nhà] triên lãm, tu viện và sản phu, thiếu nữ, dù và dép. Dứt phần nhỏ nhặt —ooOoo—

5. CÁC ĐIÊU PATIDESANIYA .

Bạch chư Đại đức Ni, tám điều Pātidesanīya này được đưa ra đọc tụng.

5.1. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ NHẤT 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana5 tu viện e r Ã của ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ, ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thii?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vi Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng vậy? Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy: y A r

"Vị Tỳ-khưu-nỉ nào yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng, vị Tỳ-khim-nỉ ây nên thú nhận rang: 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, can phải thú nhận; tôi xỉn thú nhận tội Và điêu học này đã được đức Thê Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thê. 3. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khiru-ni bị bệnh. Các Tỳ-khưu-ni thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu-ni bị bệnh điều này: Này các Ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? -Này các Ni sư, trước đây, chúng tôi

yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngân ngại nên không yêu câu, vì thê chúng tôi không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

-Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu-ni bi bệnh được yêu cầu bơ lỏng roi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào không bỉ bệnh, yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vỉ Tỵ- khưu-nỉ ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vỉ phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, can phải thủ nhận; tôi xin thú nhận tội '" 4. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt). Tỳ-khưu-ni: ...(nt).. vị Ni này là "vj Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Không bi bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có bơ lỏng. Bi bệnh nghĩa là vi không có sự thoải mái khi không có bơ lỏng. Bơ lỏng nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng].1 Vị Ni không bị bệnh, yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. [Nghĩ rằng]: "Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng,95 rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Môi lân nuôt xuông thì phạm tội Pātidesanīya. Không bị bệnh nhận biết là không bi bệnh, vị Ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni yêu cầu bơ lỏng roi thọ dựng thì phạm tội Pātidesanīya. Không bị bệnh [lam] tưởng là bị bệnh, vị Ni yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Bị bệnh [làm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội Dukkata, Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh nhận biết là bị bệnh thì vô tội. Vị Ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vi Ni thọ dụng phần còn lại của vị Ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vi khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bi điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học Pātidesanīya thứ nhất. —ooOoo—

5.2-8. ĐIỀU HỌC PĀTIDESANĪYA THỨ HAI ĐẾN THỨ TÁM 1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu đường mía rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu cá rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu thịt rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu sữa tươi rồi thọ dqng. ..(nt).. yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các

1 Thịt của mười loài thú, vị Tỳ-khưu không được dùng gồm có: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (TTTDPGVN, tập 11, tr. 283-87; 77PK, tập 5, My. II, chương VI, tÊ 37-42)*

Tỳ-khưu-ni lại yêu câu sữa đông roi thọ dụng? Khi được đây đủ, ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thu?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khiru-ni nào ít ham mu6n, ...(nt).. các vị Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cau sữa đông rồi thọ dqng?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni yêu cầu sữa đông rồi

thọ dụng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "Vị Tỳ-khưu-nỉ nào yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên thủ nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vỉ phạm tội đảng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội "' Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế. 3 Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Các Tỳ-khưu-ni thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu-ni bị bệnh điều này: -Này các Ni su*, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không? -Này các Ni sư, trước đây chúng tôi yêu câu sữa đông roi thọ dụng, nhờ thê chúng tôi được thoải mái. Giờ đây [nghĩ rằng]: “Dức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi Tỳ-khưu-ni bi bệnh được yêu cầu sữa đông roi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vầy: "Vị Tỳ-khưu-ni nào không bị bệnh, yêu câu sữa đông roi thọ dụng, vỉ Tỳ- khưu-ni ấy nên thú nhận rang'. 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vỉ phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, can phải thủ nhận; tôi xỉn thủ nhận tội 4. Vi Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt) Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Ty-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này. Không bi bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có sữa đông. Bi bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có sữa đông. Dâu ăn nghĩa là dâu mè, dâu hạt mù tạt, dâu có chứa mật ong, dâu cây eranda. dầu từ mỡ thú.

Mật ong nghĩa là mật của loài ong. Đường mía nghĩa là được sản xuất từ cây mía. Cá nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến. Thịt nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng]. Sữa tươi nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng]. Sữa đông nghĩa là sữa đông của chính các loài thú ấy. Vị Ni không bi bệnh, yêu cầu cho nhu cầu của bản than, trong lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. [Nghĩ rằng]: "Với sự đạt được, ta sẽ thọ dung”rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata. Môi lân nuôt xuông thì phạm tội Pātidesanīya, Không bị bệnh nhận biết là không bị bệnh, vi Ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya, Không bi bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni yêu cầu sữa đông roi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Không bị bệnh [lâm] tưởng là bị bệnh, vị Ni yêu cau sữa đông roi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Bị bệnh [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkata. Bị bệnh nhận biết là bị bệnh thì vô tội. Vị Ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị Ni thọ dụng phần còn lại của vị Ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh câu, vì nhu câu của vị khác, băng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bi điên, ...(nt).. vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội. Điều học Pāḷidesanīya thứ tám. —ooOoo— 5. Bạch chư Đại đức Ni, tám điều Pātidesanīya đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc

hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt các điều Pātidesañīya.

6. CÁC ĐIỀU SEKHIYÃ

Bạch chư Đại đức Ni, các pháp Sekhiyã này được đưa ra đọc tụng. 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại quân y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. 2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau?" ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư quân y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau vậy? Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ- khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy pho biến điều học này như vay: "'Ta sẽ mặc y [nội] tròn đềiC là việc học tập nên được thực hànhy 3 Nên mặc y nội cho tròn đều với việc che kín ở vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị Ni nào mặc y nội lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. Vị Ni không cố ý, khi thất niệm, vị Ni không biết, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự co, vị Ni bị điên, ...(nt)... vi Ni vi phạm đau tiên thì vô tội. —ooOoo— L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước giống như các cô gái tại gia hưởng dục vay?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muôn, ...(nt)... các vi Ni ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiêu tiện và khạc nhổ ở trong nu&c?" Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 3. Khi ây, đức The Ton nhan ly do ây, nhan sự kiện áy, đã hỏi các Ty- khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện và khạc nho ở trong nước, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).. Và này các Tỳ-khiru? các Tỳ-khưu-ni hãy phô biên điêu học này như vây: "'ĩh sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ ở trong nước" là việc học tập nên được thực hànhy Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế. 4. Vào lúc bấy

giờ, các Tỳ-khưu-ni bị bệnh, ngần ngại khi đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vay: sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ ở trong nước khỉ không bỉ bệnh' là việc học tập nên được thực hành y 5. Vi Ni không bệnh, không nên đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước. Vi Ni nào không bị bệnh đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô ở trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội Dukkata. Vị Ni không cố ý, khi thất niệm, vi Ni không biết, vị Ni bi bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước, trong những lúc có sự cố, vị Ni bi điên, vi Ni CÓ tâm bi roi loạn, vi Ni bi thọ khô hành hạ, vi Ni vi phạm đâu tiên thì vô tội. Điều học thứ mười lăm. -ooOoo— Bạch chư Đại đức Ni, các pháp Sekhỉyã đã được đọc tụng xong. Trong các điêu ây, tôi hỏi các Đại đức Ni răng:] r y Chác hãn các vi được thanh tịnh trong vân ỉ 9

đê này? Đên lân thứ nhì, tôi hỏi răng: Chác han các vị được thanh tịnh trong

6. CÁC ĐIỀU SEKHIYĀ 825

Vấn đề này? Đen lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vi được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tinh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt các điều Sekhiyã. —ooOoo—

7. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

Bạch chư Đại đức Ni, bảy pháp dàn xép tranh tụng này được đưa ra đọc tụng. 1. Nhằm đưa đến sự dàn xếp, nhằm đưa đến sự giải quyết các sự tranh tụng đã sanh khởi hoặc chưa sanh khởi, nên áp dụng cách hành xử Luật với sự hiện diện, nên áp dụng cách hành xử Luật bang sự ghi nhớ, nên áp dụng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, nên phán xử theo sự thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vi ấy, cách dùng cỏ che lấp. 2. Bạch chư Đại đức Ni, bảy pháp dàn xép tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đen lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vi được : r y M _L \ t r -l 9 J thanh tịnh trong vân đê này? Đên lân thứ ba, tôi hỏi răng: Chác han các vị được thanh tinh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tinh nên mới im lăng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Dứt các pháp dàn xếp tranh tụng. —ooOoo— 3 Bạch chư Đại đức Ni, phần mở đầu đã được đọc tụng, tám điều Pārājika đã được đọc tụng, mười bảy điều Sañghādisesa đã được đọc tụng, ba mươi điều Nỉssaggỉya Pãciítỉya đã được đọc tụng, một trăm sáu mươi sáu điều Pãcỉttỉya đã được đọc tụng, tám điều Pātidesanīya đã được đọc tụng, các pháp Sekhiyã đã được đọc tụng, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng. Bấy nhiêu điều của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tất cả [chư Đại đức Ni] nên học tập các điều học ấy với sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ.

Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni được chấm dứt. PĀCITTIYA PÃLI ĐƯỢC CHẤM DỨT.

-ooOoo-

PHỤ LỤC l QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BÔ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN PÃLI TÍCH LAN Các tập luật trong quyên này được Tỳ-khmi Indacanda dịch từ bản Pâli Tích nguyên cách đánh sô bản Việt ngữ theo hệ thông này. Lưu ý, cách đánh sô các đoạn giữa bản Pâli Tích Lan, Chattha Sañgāyana Tipitaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác. 2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIỂU HÁN VAN Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pali và bản Hán, bộ Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (ĐCT) được sử 3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH • GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su", “chính niêm”"chúng sinh"... đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn su", "chánh niệm,\ "chúng sanh”.. đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tinh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền). 4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM An ban lan nay van giữ nguyên van từ, văn khí, van mạch cua dịch gia, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dâu châm câu; đông thời chuan hóa quy cách viêt hoa, viêt thường, in nghiêng, cách sử dụng sô từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

830 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

4.1. Thuật ngữ, giai vi, giới phàm, địa vị, chức vụ 4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết -Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uân, năm thủ uân9 năm triên cái, mười phiên não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị dế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uân, ngũ căn, lục căn, lục độ, thát bảo, thát giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân man", thuyết "Luân hồi tịnh hóa9\ v.v... 4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mano), thức (yiññāna). giới (s)định (samādhi), tuệ (paññā), v.v... 4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiên-na9 đàn-việt, đàn-tín, kiêt-già5 v.v... 4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử9 v.v... 4.1.5. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vi, địa vi, chức vụ, học vi: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư5 Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm5 A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn, v.v... 4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: uNày các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng.. 4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,... 4.2. Danh từ riêng 4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa

vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viêt thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phô Lạc Dương, vùng đát Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan? thành Xá-vệ5 nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tân-già?... 4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dâu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguôn góc từ tiêng nước

ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Ke) thuộc gandhabbā (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Co Độc). 4.2.4. Các danh từ phiên âm bi tỉnh lược Ế6tiếp đầu ngũ*” được viết lại chuẩn mực để không bi phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: sửa thành 4.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như “dức”"đấng”, thương đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết. 4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm 4.4.1. Tựa kỉnh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành. 4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in ng hiêng. Ví dụ: Kỉnh Trường bộ, Kỉnh Dược Sư, Kinh A-dỉ-đàf Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chỉ lược. 4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Bud dha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasañganī). 5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 5.1. Viet băng chữ các sô trong chánh văn. Ví dụ: Tám thăng xứ, mười ba gia-nan, một ngàn hai trăm năm mươi vị Ty-kheo. 5.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tinh theo 3 cách. 5.3. Áp dụng sô A-rập đôi với ngày, tháng, năm sinh, năm mat của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). 5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32. 5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú) Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. Trang 254-256 được viết là 254-56. -MI. 276-278 được viết là M. L 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH 6.1. Chú thích theo ấn bản Pãli của PTS 6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang. -S. L 70 (Samyutta Nikāya, tập L trang 70). -Sn. 140 (Suttanỉpãta. trang 140). -J, L 389 ụâtaka, tập I, trang 389). -Vin. II. 287 (Vinaya. tập II, trang 287). -Vbh. 351 (Vỉbhanga, trang 351). -Kv. 401 (Kathãvatthu, trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nikãya Atthakathaṃ tập I, trang 41 đến 42). 6.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ

số 10). -Sn. v. 600 (Suttanỉpãta, kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragāthā, kệ số 1196). 6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: r (Samyutta Nikāya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1). 6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phân Phụ lục. -GS II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), p. 338, note 1. 6.3. Chú thích ten bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh Kinh Tham ải (It. I. L §1) nghĩa là Kỉnh Tham ái này nằm trong Kinh Phật thuyêt như vậy. chương I, phàm I, kinh sô 1. Kỉnh Châu báu (Sn. II. §1) nghĩa là Kinh Châu bảu này nằm trong Kinh tập. phẩm II, kinh số 1. Kỉnh Bāhiya (Ud L §10) nghĩa là Kỉnh Bāhiya này nằm trong Kinh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh số 10. 6.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pali và tiếng Việt -D, 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kỉnh Đại niệm xứ). Nghĩa là Trường bộ. kinh sô 22, tên kinh trong tiêng Pali là Mahāsatipatthāna Suttaṃ tên tiêng Việt là “Kinh Đại niệm xứ."

-D. L 113, Sonadanda Sutta (Kinh Chủng Dức). Nghĩa là Trường bộ. tập I, trang 113, Kinh Sonadanda Sutta bằng tiếng Pãli và Kinh Chủng Đức bằng tiếng Việt. 6.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pali Pali (viết tắt là P), Sanskrit (viết tắt là S), Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Ầm thiên (P. Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.E. The Radian gods). 6.6. Chú thích theo Hán văn 6.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhỉ kiến kinh (T.Ol. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kỉnh (T.02. 0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12. 6.6.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kỉnh và Trung A-hàm kỉnh. -Phạm động kỉnh (£01. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kinh. 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kinh (roi. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh} trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 6.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ TạpA-hàm, Biệt dịch TạpA-hàmf Tăng nhất A-hàm. vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh. -Tạp M(r.O2. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa la kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh. 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kỉnh, trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp,ịt (T.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh] trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 6.6.4. Tên kỉnh và phẩỉn được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp củ kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp củ kỉnh "Nê-hoàn phẩm” (7.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp cú kỉnh. "Nê-hoàn phẩm^, thứ 36, trang

0573, cột a, dòng thứ 23.

834 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận (r26.1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc ĐCT. tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ- đạt-ma Tập dỉ môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 6.6.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tăng.(r02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh. 11 là số thứ tự của "Bất dai phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4. p.(T.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận săc và bô túc thêm một sô từ5 ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thông nhát đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này. Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đây đủ, đông thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ Đại Chảnh tạng và Nam truyền Đại tạng kinh, Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguôn dịch và tham chiêu của các cước chú. về từ "Pali" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pali (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ, Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng “p^li” theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng “Pali.” Đe nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pli” cho tất cả các bài liên he, riêng trong các dịch phẩm của Ty-khmi Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ “Pali” cha dịch giả. Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2 TÀI LIỆU THAM KHẢO PÃLI & TIẾNG ANH (Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giảo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PẢLI Añguttara Nỉkãya, 6 vols.ed. by Morris, R., Hardy, EHunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1885-1910). Añguttara Nikāya Atthakathā (Manoratthapūrānī). 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.). Apadānaṃ 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27). Apadāna Atthakathā (Vỉsuddhcỳanavỉlãsinĩ), ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS9 1954). Buddhavamsa. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakathaṃ ed. by Homer, L B. (London: PTS, 1946). Cariyāpitaka. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyāpitaka Atthakathaṃ ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, w. (London: PTS, 1918). Cūlavamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-27). Dhammapadaṃ ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakathaṃ 5 volsed. by Smith, H., Norman, H. Cand Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.). Dhammasañganī, ed. by Miiller, E. (London: PTS, 1985). Dhammasañgani Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dīghā Nikāya. 3 volsed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910). Dīghā Nikāya Atthakathā (Sumañgalavilāsinī). 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32). Dīpavamsa. ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakathaṃ 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka. 6 volsed. by Fausboll, v. (London: PTS, 1877-96). Kathāvatthu. 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-97). Kathāvatthu Atthakathaṃ ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS? 1979). Khuddakapātha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915). Mahāvamsa. ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1908). Majjhimā Nikāya, 3 volsed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1888-99). Majjhimā Nikāya Atthakathā (Papañcasūdani), 5 vols., ed. by Woods, J. H, Kosambī, Dand Homer, L B. (London: PTS, 1922-38). Mahāniddesa. 2 vols.,ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17). Milindapañha - Milinda Tikā, ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1880). Nettipakarana. ed. by Hardy, E. (London: PTS? 1902). Niddesa Tikā {Saddhammapcyjotika). 3 volsed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40). Patisambhidāmagga, 2 vols.,ed. by Taylor, A. c. (London: PTS51905-07). Patisambhidāmag^a 3 Atthakathā l)(Saddhammappakāsinī). . ’ 3 vols., ed. by Joshi,

Patthāna. ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1908). Petavatthu. ed. by Minayeff (London: PTS, 1888). Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Puggalapañňatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). Puggalapañňatti Atthakathaṃ ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, c. z E (London: PTS, 1914). Samyutta Nikāya. 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). Samyutta NikāyaAtthakathā (Sārattappakāsinī), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37). Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipāta Atthakathā (Paramatthcyotikā II), 3 volsed. by Smith, H. (London: PTS9 1916-18). Theragāthā - Therīgāthā. ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883). Theragāthā Atthakathā (Paramatthajotikā V). 3 volsed. by Woodward, F. London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Atthakathā (Paramatthajotikā VI), ed. by Muller, E, (London: PTS, 1893)* Udānaṃ ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885).

Udāna Atthakathā. ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926). Vinaya Pitaka. 5 vols.5 ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83). Vibhañga. ed. by Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1904). Vibhañga Atthakathā, ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (London: PTS? 1923). B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1900). Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. w. (London: Triibner and Co.51880). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS, 1910). Cūlavamsa (Translation), 2 volstr. by Mrs. Rickmers, c. Mabel (London: PTS, 1929-30). Dialogues of the Buddhā, tr. by Rhys Davids, T. w., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899). Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethren (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings. 5 vols.? tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. and Woodward, E L. (London: PTS, 1917-30). The Book of the Gradual Sayings. 5 vols.,tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS9 1932-36). The Buddhist Monastic Code (The Pātimokkha Training Rules), tr. and ex. by Thānissaro Bhikkhu (Geoggrey DeGraff) (Copyright Thanissaro Bhikkhu, 1994). The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols.tr. by Homer, L B. (London: PTS 1954-59). The Jātaka or Stories ofthe Buddha s Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R,Rouse, w. H. D., Francis, H. T,Neil, R. A.Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path ofPurity. 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31). The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890). C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH Rhys Davids, c. A. FA Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. F.Buddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS5 1912). Rhys Davids, c. A. E, Buddhism (London: PTS, 1912). Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam^on, 1896). Rhys Davids, T. WBuddhist India (New York: G. p. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903). Tāranātha, History ofBuddhism ỉn India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism ỉn Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922). Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824). D. TỪ ĐIỂN Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). A Critical Pali

Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism. 6 vols.,ed. by Malalasekera, G. p, Buswell, R. E, Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99). Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27). English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955). Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A ác giới 120 127,129,130,132,133,135,136,138, ái dục 19, 57, 58, 151, 481 139,140,142,143,236,237,397,399 A-la-hán 11, 31 52, 53, 57, 58, 117, 123, 400, 401, 402, 403, 404, 500

bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác 19 bảy pháp dàn xếp tranh tụng 621, 827 bậc Có Danh Vọng 619 bến đò Pāyāgā 22 bậc Đạo sư 4, 20, 21, 328, 330, 516, 531, bình bát phụ trội 335, 336 532, 546, 638, 639, 655 bốn chánh cần 123, 127, 129, 130, 131, 133, bậc Hiền trí 434 134, 135, 136, 399, 400, 401, 402, bậc Hữu học 577, 578, 579, 583 403, 404 bậc Pháp Chủ 62 bốn nền tảng của thần thông 123, 127, 129, bậc Thánh 14, 15, 120, 121, 392,613 130,131,133,134,1Í5,136,399,400, Bà-la-môn Vassakâra 62, 63 401, 402, 403,404 Bà-la-môn Verañja 11, 16, 21, 22 bốn sự thiết lập niệm 123, 127, 129, 130, ba minh 117, 121, 123, 127, 129, 130, 131, 131,133 134,135,136,399,400,401 133,134,135,136,397,399,400,401, 402, 403, 404 402, 403, 404 bố thí 5, 21, 29, 89, 91, 117, 154, 155, 156, bản ngã 144, 147, 148 157,158,159,162,215,216,220,264 Bất lai 55, 117, 123, 127, 129, 130, 132, 298,299,313,317,360 362,396,397, 133, 135, 136, 397, 399, 400, 401, 408,410,440,459,463,464,465,474, 402, 403, 404 475,478,479,489,550, 551, 577, 597, bát quan trai giới 273 598,629,685,686,688,689,691,692, bảy giác chi 123, 127, 129, 130, 132, 133, 693,730,731,732,754,755,765,773, 134, 135, 136, 399, 400, 401, 402, 774, 777, 783, 792 403, 404 C cách dùng cỏ che lấp 621, 827 521, 528, 531, 536, 537, 539, 540, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 267, 268, 269 548, 550, 560, 561, 565, 566 567, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư 65, 66, 77, 97, 568, 569, 575, 585, 586, 587, 588, 98, 109, 113, 115,281,284,301,302, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 313, 314, 315, 325, 330, 335, 337, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 339 347, 351 361, 370, 371, 383, 603, 604, 605, 607, 608, 609, 610, 387, 395, 405, 419, 420, 421, 428, 611 612, 613, 614, 615, 616, 769 429, 430, 436 438 443 444, 446, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka 452 469, 472, 488, 489, 491, 493, 239, 240, 241, 242, 247, 248, 414 494, 497, 498, 502, 512, 515, 516,

các Tỳ-khiru nhóm Mười Bảy Sư 113, 417, cõi Đạo-lợi 31 418,420,421,469,499, 500, 512,539, cõi Đẩu-suất 31 540, 543 cõi Hóa Lạc 31 các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư 436, 640, 641, cõi Ma vương 11, 120 675,677,698, 699,708,725,749,751, cõi Phạm thiên 11, 120 757, 758, 762, 769, 807, 808, 810, 811, cõi Tha Hóa Tự Tại 31 812,819, 820, 821,823, 824 cõi Tứ

Đại Thiên Vương 31 các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya 248 cỏ kusa 76, 466, 468, 498, 509 cảm thọ 101, 102, 103, 104, 138, 520, 779, cỏ muñja 120,215,216,220,416 780, 789 cỏ muñjakita 90 cây kapithana 410 cộng tru 35, 38, 39, 45, 65, 66, 67, 97, 98, cây Nimba 11 100,120,121,122,149,256,438,528, cây pilakkha 410 529,549,632,633 636 637 638,639, cây udumbara 410 640, 641, 642, 643, 655, 768, 770 cây usĩra 410, 416 cô Ni tu lên bậc trên 295,297, 327,431,436, cây vācā 410 438,441,443 Chánh đẳng giác 14 cô Ni tu tập sự 59, 295, 298, 327, 431, 434, Chánh Đẳng Giác 11,146,147,148 436,438,441,442,443,450, 575,576, chánh kiến 15 581,647,682,755 756, 757,775, 776, Chánh pháp 5, 7, 35, 37, 366, 477, 509, 580, 777,778,779, 783,792,798, 799, 800, 619, 628, 632, 748 801,802, 803,804,813,818 chấp thủ 19,32,33,152 cỏ pabbajā 120, 215, 216, 220, 416 chưng ngộ 4, 11, 120, 121, 122, 123, 126, cỏ tina 120,215,216, 220 127,128,129,130,131,132,135,136, cư sĩ 3,4, 16, 40,43, 58, 59, 90, 97, 98, 122, 137, 236, 237, 399, 400, 401, 402 140,197,198,265,266,274,275 277, Chủng Tử 31 278, 309,310,311,329,331 387, 388, chư thiên 7, 11,31,99, 120,388,395, 608 392,394,405,462,463,476,477,496, cốc liêu 61, 215, 216, 220, 221, 222, 223, 497, 553,554,645,677,680,681,682, 224, 231,426, 569 683, 684, 685, 697, 705, 735 cõi Dạ-ma 31 D dầu cây eranda 346, 473, 821 dục tầm 33, 153 dạ-xoa NaỊeru 11 dục tưởng 32, 33, 153 dòng họ Bhāradvāja 372 dục vQĩig 33,36,53,153,171,172,183,190, dòng họ Gotama 372 630,631,632,633,634,635,640,641, dòng họ Kaccâna 372 656, 657, 658, 659, 660 dòng họ Kosiyā 372 du sĩ ngoại đạo 187, 332,333,476,477, 509, dòng họ Moggallăna 372 733, 754, 755 dòng họ Vāsettha 372 duyên kh 589,590,591,592,593,594,595, dòng Sakyā 11,298,299,303,304,306,308, 596, 597, 598, 599, 600, 601,602, 603, 309,310,325,327 328,332,333 338, 604, 605, 607, 608, 609, 610,611,612, 349,350,353,354, 365,405,436,478, 613,614,615, 677, 679, 680, 682, 683, 480,481,483,484,485,487,488,489, 685, 687, 688, 690, 691, 698, 699, 700, 510, 517, 563, 564, 580, 701, 769 702, 704, 705, 706, 711, 712, 713, 715, do-tuần 323, 324, 325, 445, 447, 457, 508, 716, 718, 719, 720, 722, 725, 726, 728, 522, 524, 748, 788 729, 730, 731, 732, 733, 735, 738, 739, dục lậu 16 740, 741, 743, 745, 746, 750, 751, 752,

754, 755, 756, 757, 758, 763, 765, 766, 795, 797, 798, 800, 801, 802, 804, 805, 767, 768, 770, 771, 774, 775, 777, 779, 808, 809, 810, 811, 812, 813 814, 815 781, 783, 785, 786, 787, 790, 792, 794

Đ Đại đức Ānanda 17, 21, 38, 80, 91, 94, 95, địa ngục Avīci 53 121,281,284,290,335,356,460,465, điều học 3,4, 5, 6, 17,20,21,31,34,35,36, 470, 476, 520, 554, 556 37, 38, 39, 44, 65, 66, 96, 97, 98, 118, Đại đức Anuruddha 390, 391, 392 120,121, Ì50,153,170,172,182 183, Đại đức Channa 231, 261, 411, 412, 424, 188,190,193,197,198,215,220,231, 501,534 232,236,242,247,249,254,256 258, Đại đức CũỊapanthaka 434, 435 259,261,262,263,269,272,274 276, Đại đức Dabba Mallaputtā 236, 237, 238, 277,279,280,281,282,284,285 289 239, 241, 242, 247, 248, 414, 548 290,293,294,295,296,297 298,299 Đại đức DaỊhika 92 300,301 302 303,304,306,307,308, Đại đức Kappitaka 762 310,312,313,314,315,316,317,318, Đại đức Lakkhana 143, 144 319,321,322 323,324 325,326,327, Đại đức Mahâkassapa 215, 216

328,329,330,332,333 334 335,336, Đại đức Nandā 570 338,339 342 346 347,348,349 350, Đại đức Pilindivaccha 92,342,343,344,345 351 352,354,355,356,358,359 360, Đại đức Râhula 389 361,362 366,372,383,387,389,392 Đại đức Sãgata 496,497 394,395,398,406,407,410,411,412, Đại đức Sānputta 18, 20, 281, 335, 452, 453 414 416 418 419 421 423 425 426 Đại đức Seyyasaka 151, 152, 153 429,431,432,435,436,437,439,441 Đại đức Sobhita 149 443,444,446,447,449,450,452,453, Đại đức Udāyi 151,170, 171,182,183, 188, 454,455,456,457,459,460,463,465, 189,193,194,195,196,197,198,273, 468,470,471,472,473 474 477,478, 274 276,277,293 295,296,393,394, 480,482,483,485,486,490,492,493, 442, 450,514, 567 494,495,498,499 500, 501,502 504, Đại đức Upâli 58, 91, 300, 536, 762 506, 507, 509,510,511, 512, 514, 515, Đại đức Upananda 298, 299, 303, 304, 306, 516,518, 520, 522,523, 526,529 532, 308,309,310,327,328,332,333,349, 533, 534, 535,536,537, 538, 540,541, 350,352,353 354,405,478,480,481 542, 543, 545 546 547, 549, 551, 556, 483 484 485, 510, 517, 564 557,558, 559, 561,562, 563, 564 566, Đại đức upasena 320, 321, 322 567,568, 570, 571 574 575, 577, 578, Đại đức Velatthasīsa 470, 471 580, 581,585, 599,604, 606, 607,608, đang Chiến Thắng 638, 655 614,616,621,625,627,631,632,633, đấng Toàn Giác 583 636,638,641,647,649,651, 652,653 đạo hữu 62, 63, 85, 91, 93, 95, 96, 115, 116, 655,657,659,660,663,666,669,675 135,136,137,140,143,255,265,266 678,679,681,683,684,686,687,689, 298,299, 302,304, 306, 309,310,311, 690,692,694,695,698,699,700,701, 312,313, 320,328,329,331,332,333 702, 703, 704,705,707,708, 710,711, 353 354,355,360 361,391,404,405, 712,714,715,717,718,720,721,722, 449,455,458,459 484,485,489 497, 724,725,726,728,729,730,731,733, 521, 522, 535,550, 560,628,630,651, 734,735,737,738,739,740,741,743, 677, 680, 682, 690, 697, 715, 733 745, 746, 747, 748,749, 750 751 752, đậu māsā 595, 597 753,754,755,757,758,760,761,762 đậu muggā 595, 597 764,765,767,768,769,770,771,773,

842 PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

774,776,778,780, 782,784, 786, 787, đức Thế Tôn Kakusandha 18, 19, 20 788,789,791,793,795,797,798,799, đức Thế Tôn Kassapa 18, 19, 20 800, 801, 802, 804, 805, 806, 807, 808, đức Thế Tôn Konãgamana 18, 19, 20 810,811,812,813,814,815,817,819, đức Thế Tôn Sikhī 18, 19 820, 821, 823, 824, 827 đức Thế Tôn Vessabhū 18, 19 động Sappasondika 238 đức Thế Tôn Vipassī 18, 19 đức Gotama 619

gạo sālī 17, 613, 704 giáo pháp 11, 16, 18, 19, 23, 38, 40, 42, 43, giác ngộ 19,20,21,38,628 146,147,148,261,275,278,298,388, giải tọi 35, 153, 154, 271, 272, 647, 650, 395, 477, 604, 608, 660, 662 672, 673 Giới bổn 3, 4, 6, 19, 20, 21, 35, 39, 40, 42, giảng đường Kūtāgāra 22, 58, 93, 116, 118, 43, 45, 67, 100, 122, 149, 256, 261, 314, 396, 397, 458, 474, 476, 762 262,431,536,537,538,539,621,625, giáo giới 428, 429, 430, 431,432, 433, 434, 627,628,633,637,640,642,672,695, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 442, 770, 827 572, 627, 767, 768, 769, 770, 771, giới, định, tuệ 21,275,278 772, 786,817 giới hạnh 39,62,64,93,97,98,171,189,632 giáo huấn 4, 5, 19, 262, 638, 639, 655 Giới luật của bậc Thánh 392 giới uẩn 243,252

lang Sattapanna 238 Hoàng hậu Mallikâ 499, 500, 554 hạnh đầu-đà 26 hoàn tục 58, 60, 92, 268,269 635, 636, 637, hạnh Sa-môn 40, 41, 42, 43 654,768 hành xứ 431,632 họ Gotama 251, 372 hành xử Luật 827 họ Kaccāyana 251 Hàn Lâm 238 họ Moggallãna 251, 372 hẻm núi Gotama 238 họ Vāsittha 251 hẻm núi Tapoda 238 hữu lậu 16 hẻm núi Tinduka 238 Hy-mã-lạp sơn 218, 219 hỏa giới 238

khất thực 16,17,18,26,27,35,36,39,53,60, 579, 581, 582, 594, 595, 596, 597, 598, 61, 62, 66, 77, 82, 105, 107, 116, 117, 632 729, 762, 765 766, 773, 774, 816 118, 138, 143, 144, 216, 254, 255, 264, khe núi Kẻ Cướp 238 265, 266, 270, 295, 296, 303, 306, 320, khinh an 14 321, 322, 338, 344 345 353, 354, 355, khổng long 448 359, 396, 397, 398, 440,449, 452,455, kiết-già 95,496,716,717 457, 458, 459,461, 462,463,464,465, kinhhành 35, 139, 435 471, 478, 480,485, 497, 519, 573, 578, ...L _____ làng Kalanda 24, 27 lễ Pavāranā 4, 149, 243, 244, 245, 246, 250, làng Pilinda 344, 345 ~ 252, 253, 254, 357, 432, 529, 768, 772 lậu hoặc 4, 5, 16, 19, 20, 21, 34, 37, 142, lễ Uposatha 4, 6, 35, 90, 149, 231, 243, 244, 366, 632 245,246,250,252,253,254, 529, 538, 627, 770, 771

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT 843

M Minh Hạnh Túc 11 Minh thứ hai 15 Minh thứ ba 16 Minh thứ nhất 15 N năm lực 123, 127, 129, 130, 132, 133, 134, ngũ dục 19 135, 136, 399,400, 401, 402, 403, 404 người thừa tự 30, 31, 91 năm quyền 123, 127, 129, 130, 132, 133, nguyên cáo 252, 253 134, 135, 136, 399, 400, 401, 402, Nhạp lưu 21, 117, 123, 127, 129, 130, 132, 403, 404 133,134,135,136,373,378,379, 397, ngài Ānanda 38, 91, 448 399, 400, 401, 402, 403, 404 ngài Anuruddha 4, 448 Nhất lai 117, 123, 127, 129, 130, 132, 133, ngài Devadatta 448 135, 136, 397, 399, 400, 401, 402, ngài Katamorakatissako 448 403, 404 ngài Kokâlika 448 nhị thiền 117, 122, 123, 126, 128, 130, 131, ngài Mahâcunda 448 132,133,134, 135, 136 ngài Mahākaccāna 448 Như Lai 17, 18,21,24, 118, 398,619 ngài Mahākotthita 448 Niết-bàn 32, 33, 35, 153 ngài Mahāmoggallāna 448 Ni sư tế độ 626, 773, 775, 777, 779, 780, ngài Mahinda 6 783, 785,786, 787,790, 792, 794, 795, ngài Râhula 448 797,802,803, 804, 805, 806 ngài Revata 6, 448 Ni viện 295, 296, 627, 705 ngài Samuddadatto 448 núi Isigili 60, 238 ngài Sāriputta 448 núi Kīta 239, 263 ngài Upāli 448 núi Linh Thứu 238 ngày rằm Kattika 357 núi Vebhâra 238 ngày uposatha 432, 458, 461, 580 nữ Sa-môn 79, 90, 91, 633, 637, 640, 642, ngoại đạo 5, 40, 43, 52, 187, 195, 196, 332, 646,660,661,662,705,721 333,338,365,366,452,476,477, 509, 733, 754, 755

Phạm hạnh 11, 16,18, 19,20,23,24,28,29, 231, 236, 247, 254, 258, 261, 263, 30, 31, 32, 33, 36, 38, 40, 43, 62, 64 265, 273, 276, 281, 284, 289, 293, 97, 98, 119, 151, 152, 171, 189, 190, 295, 298, 301, 303, 306, 308, 313 191, 242, 243, 249, 252, 293, 431, 314, 315, 317, 320, 323 325, 327, 435 518, 637, 648, 660, 661, 662, 330, 332, 335 338, 342, 347, 349, 721,724,776 351, 352, 356, 358, 360, 365, 370, pháp Sa-môn 33, 36, 61, 64, 65, 66, 96, 98, 383, 387, 388, 390, 393, 396, 398, 118,152,171,183,190,243,252,366, 405, 407, 409, 411, 414, 415, 417, 498, 631 419, 420, 423, 424, 426, 428, 434, pháp theo từng câu 387, 388 436 438 440, 442, 443, 446, 448, pháp thượng nhân 117, 119, 120, 121, 122, 450, 452, 454, 458, 462, 464, 467, 137,139,140,141,142,143,144,147, 469 470, 472, 474, 476, 478, 480, 148, 149, 150, 250, 345, 397, 398 481, 483, 484, 487, 491, 493 494, Pháp và Luật

31,32,33,36,38, 119, 152 496 498, 499, 501, 502, 503, 505, Phật Thế Tôn 11, 17, 18, 19, 20, 60, 93, 116, 509, 510, 512, 514, 515, 516, 517, 118, 151, 170, 182, 188, 193, 215, 518, 521, 523, 524, 528, 530, 534,

536, 537, 539, 540, 542, 543, 544, 710, 724, 737, 747, 748, 749, 760, 545, 547, 548, 550, 553, 557, 560, 762, 769, 773, 789, 803, 807, 816, 563, 564, 565 567, 568, 569, 570, 819,820,823 573, 575, 576, 580, 585, 586, 587, phép tu lên bậc trên 35, 798, 799, 800 5.88, 589, 592, 596 600, 604, 606, phước báu 38, 94, 155, 239, 303, 306, 353, 607, 616, 629, 635 637, 640, 645, 414, 630, 730 648, 650, 654, 656, 658, 660, 663, phước xá 5, 390, 391, 452, 453, 475 665, 668, 675, 693, 697 701, 708, R rồng chúa Manikantha 217, 218 rừng Bhesakalâ 503, 606, 607 rừng Andhā 57, 88, 295 rừng Jātiyā 56 S sắc pháp 154, 155 sáu pháp 432, 511, 626, 775, 776, 777, 778, Sa-di ỉàntaka 530, 531, 532, 533 779,781,782, 783,784,785,788,790, Sa-di-ni 52, 59, 138, 147, 148, 295, 297, 791, 792,793,794,799, 800, 802, 803, 298,327,431,434,436,438,441,442, 804,814 443,450,477, 510, 511, 575, 576, 581, sáu thắng trí 117, 397 647,733,755,756,757,789,791,794, si mê 13, 120, 268, 269, 270, 271, 329, 331, 813,814,818 340,415,550, 663,664, 798 Sa-môn Gotama 11,12,13, 14,254,255,476 sở hành 238,255,431,519,613,666 Sa-môn Thích tử 62, 64, 97, 98, 171, 189, sông Aciravatī 86, 87,499,500,557,698,724 197, 231, 255, 299, 302, 304, 306, sông Gañgā 22, 29, 217, 218 310, 313 314, 317 328, 330, 335, sông Tapodã 138, 148, 505 338, 339 346, 351 354, 407, 409, sông Vaggumudā 93,116,118,120,396, 398 444, 446, 452 454, 463, 472, 491, sơ thiền 132,397,399,400,401,402,403,404 493, 494, 519, 560, 563, 565, 577, sự hư hỏng về giới 35 585, 598, 606, 607, 608,616 sự hư hỏng về hạnh kiểm 542 Sa-môn thị giả 21 sự hư hỏng về tri kiến 542 sân hận 13,19, 120,242,243, 247,249, 254, sự phạm tội 373 329,331,340,415, 550, 798 sự thực chứng về Quả 398 Sát-đế-lỵ 250, 270, 372, 374, 379, 381, 384, sự thực hành 16, 64, 97, 98, 171, 189 386,463,487,556, 557, 576,716 717, sự tịch diệt 19,20,32,33, 153 719, 767 sự tranh tụng 243, 252, 516, 664, 753 sáu loại y 282, 297, 301, 350, 355, 441, 443, sự tu tập về Đạo 121,122,398 509,511,512, 549, 679, 727, 731 sự xả lời nguyện 510, 511

tác ý 19,38, 538,539 tảng đá Đen 238 tà kiên ác 524,525,526,527,530,531,638,655 tăng thượng giới 39, 325 tà mạng 431 tăng thượng tâm 39, 325 tam học 275, 278 tăng thượng tuệ 39, 325 tâm hướng thượng 434 tế le 154, 155, 156, 157, 158, 159, 162, 273 tam quy 632 tham ái 32, 33, 36, 94, 120, 123, 127, 128, tam thiên 117, 122, 123, 126, 128, 130, 131, 129,130,131,133,135,136,151,152 132, 133, 134, 135, 136 154,155,171,183,190,399,400,401, Tám trọng pháp 431, 432, 434, 435, 438, 402,403, 404, 553 770,771 tham, sân, si 122, 399

tháng Kattika 358 731,732,733,735,737,738,739,740, thành ÂỊavĩ 313, 388, 389, 407, 409, 426 741,743,745,746,749,750,751,752, thành Bārānasī 22, 92, 613 754,755,756,757,758,760,763,765, thành Bhaddiya 56 766,767,768,770 771,773 774,775, Thánh đạo tám chi phần 123, 127, 129, 130, 777,779, 781,783,785,786,787, 789,

132, 133, 134, 135, 136, 399, 400, 790,792,794,795,797,798,800,801, 401,402, 403, 404 802, 804, 805, 807,808, 809, 810,811, Thánh Hữu học 39 812, 813, 814, 815, 816, 819, 820, 823 thành Kapilavatthu 325, 338, 436, 487, 563, thành Susumãragira 503, 606, 607 580, 701,769 thành Takkasilâ 371 thành Kosambī 92, 231, 261, 284, 318, 389, Thánh Vô học 632 411, 424, 496, 497, 501, 534, 604 tháp thờ AggãỊava 215, 216, 313, 388, 407, thành phố Bhârukaccha 58 409, 426 Thánh quả 4, 275, 278 tháp thờ Gotamaka 281 thành Rājagaha 54, 58, 60, 62, 6 5,91, 138, Thất Diệp 238 143, 144, 145, 146, 147, 215, 216, thất niệm 180,388, 408,410, 427, 515, 585, 236 247 254 255, 258, 295, 327 586, 587, 588,589,590, 591, 592, 593 342, 351 414, 448, 449, 454 456, 594, 595, 596,597,598, 599,600 602 463, 469, 484, 505, 518, 521, 548, 603,604,605,606,607,608,609,612, 575, 708, 747, 7-48, 803 616,617, 635,642, 817, 823, 824 thành Sāgalā 77, 92 thầy tế độ 40,42,43,53,138, 139, 151, 167, thành Sāketa 444, 446, 509, 741 250, 251, 320, 470, 520, 549, 576, thành Sāvatthi 57, 59, 77, 88, 151, 170, 182, 649, 762, 787 188,193,195,196,263,264,265,273, Thế Gian Giải H 276,284,289,293,295 298 299,301 thể nhập 120, 121, 149, 238 303,306,308,315,317,320,321,323, thí chủ 215, 216, 220, 221, 222, 232, 233, 330,332 335 342, 347,349 352,356, 234, 303, 312, 360, 425, 466, 468, 358,360,365,370, 383,387,390,392, 475, 478, 479, 550, 580, 598, 684, 393,405,415,417,419,420,423,428, 686 687, 689, 690, 691,765 434,438,440,442,443,444,446,447, thiền định 295 450,452,453,462,464,467 470,472, Thiên Nhân Sư 11 478,480,481,483,491,493,494,498, thiên nhãn thanh tịnh 15 499 502,509,510,512, 514, 515,516, Thiện Thệ 20, 220, 322, 323, 565, 567, 568, 517,521, 523,536, 537,539,540, 542, * 569, 570, 571, 725 543,544, 545,547, 550, 553, 557, 558, thiền thứ ba 14 559,560, 561,562, 564, 565,567, 568, thiền thứ hai 14 569,570, 573,576, 577, 585, 586, 587, thiền thứ nhất 14 588,589, 590,591, 592,593,594, 595, thiền thứ tư 14 596,597, 598,599,600,601, 602,603, thiền tịnh 18, 93, 94, 236, 237, 320, 321 604,605,607,608,609,610,611,612, thọ kho 44, 52, 76, 101, 102, 103, 104, 105, 613,614,615,616,629,635,637,640, 137,164,180,261,382,520,617,635, 645,648,650,651,652,654 656,658, 642, 668, 779, 780, 789, 824 660,663,665,668,675,677,679,680, thượng y 20, 220, 221, 232, 233, 282, 283, 682,683,685,687,688,690,691,693, 284,285, 286,295,296, 302, 303 697,698,699,700,702,704,705,706, 318, 323 328, 331, 336 337, 340, 710,711,712,713,715,716,718,719, 359, 558, 586, 676, 728, 775, 778, 720,722,724,725,726,728, 729,730, 781,784,791,793,796,816

tiếp độ 649, 650, 773, 774, 775, 776, 777, tu viện Nigrodha 325, 338, 436, 487, 563, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 580,701,769 785, 786, 787 788, 789, 790, 791, Tỳ-khiruArittha 525,528,637,638 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, Tỳ-khiru Channa 411, 412 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806 Tỳ-khưu hiền thiện 5, 34, 37, 366, 370, tỉnh giác 14, 153,388 371,544 tỉnh thức 242, 248 Tỳ-khưu nhóm Vajjiputtaka 38 Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu 11 Ty-khưu-ni Candakalī 654, 660, 663, 720, trai phạn 22, 360, 361, 405, 454, 455, 456, 721,722, 743,763,797, 798 457, 458, 460, 467, 484, 485, 486, Tỳ-khưu-ni Mettiyã 240, 241, 242, 247 495, 550, 580, 629,630,715 Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā 629, 630,

631, trí biết như thật 144, 148 633, 635, 656, 658 triền cái 14 Tỳ-khưu-ni Thui lanan dã 91D, 91, 448, 635, trí giải thoát 95, 120, 121, 138, 140 636, 637, 638, 646, 647, 648, 649 trú xá 35, 58, 68, 70, 71, 78, 79, 82, 89, 90, 654, 655 665, 668, 669, 677, 678, 94, 107, 109, 113, 120, 135, 136, 137, 679, 680, 681, 682, 683, 690, 691, 138, 140, 170, 171, 183, 231, 232, 692, 693 694, 697, 698, 713, 714, 233 234, 235 236, 242, 248, 263, 716, 717, 726, 730, 731, 732, 733, 272, 286, 288, 289, 290, 295, 300, 734 735, 739, 740, 741 752, 753, 314, 335, 345 356, 388, 404, 405 754, 755, 756, 757, 763, 764, 785, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 786, 787, 798, 7'99, 8C10, 80 1,802 ,803 424, 425, 426, 453, 564, 565, 629, Tỳ-khưu-ni Uppalavannā 53, 295, 296 675, 715, 729, 735, 737, 738, 740, Tỳ-khưu Sobhita 138 750, 751, 762, 786, 788, 804, 805, Tỳ-khưu thường trú 89 812,813 Tỳ-khiru trưởng lão 239, 388,419,428,429, tứ diệu đế 275, 278 430, 434, 437, 438, 439, 448, 536 tu sĩ ngoại đạo 477, 478, 487, 563, 575, 637, 570,803 648, 649, 817 Tỳ-khxru trưởng thượng 220, 221, 232, 233, tứ thiền 117, 122, 123, 126, 128, 130, 131, 282, 283, 285, 318, 328, 331, 336 132, 133, 134, 135, 136, 137 337, 340 tu viện Badarikâ 389 Tỳ-khưu vãng lai 89 tu viện Ghosita 231, 261, 411, 424, 501, 534, 604 V vải pamsukūla 79, 80 vị thông Luật 449 vị Ajjuka 77 VỊ trì Kmh 449 vị ẩn sĩ 217,218,388, 395, 608 vị trì tụng 449 vị Arittha 528,533 vị Trời Tối Cao 619 vị DaỊhika 77, 92 vị Trưởng lão Ni 632 Vi diệu pháp 18, 537,816 vị Vajjī 38, 52 vị nghe nhiều 431, 449, 553 vô minh lậu 16 VỊ Ni tu tập sự 52, 147, 297, 477, 510, 733 vô ngã 19 vị Pháp sư 373, 378, 380, 381, 382, 384, vô nguyện định 122, 127, 128, 130, 131, 386, 449, 535 133, 134, 135, 136, 401,404 vị Sāmanera 532, 533 vô nguyện giải thoát 122, 126, 128, 130, vị thiên nhân 94, 139, 409 131, 133, 134, 135, 136, 404 VỊ Thinh văn 140, 143, 388, 395

vô phiền não định 122, 127, 128, 130, 131, Vua Pasenadi 491, 499, 500, 553, 554, 648, 133, 134* 135, 136, 404 691,692, 693,749 vô phiền não giải thoát 122, 126, 128, 130, Vua Seniya Bimbisāra 63, 64,148, 342, 343, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 404 344, 345, 346, 456, 505, 506 vô thường 19, 96 vùng Ambatittha 496 vô tướng định 122, 127, 128, 130, 131, 133, Vương Xá 77 134,135,136,404 vườn Tapoda 238 vô tướng giải thoát 122, 126, 128, 130, 131, vườn xoài của Jīvaka 238 133, 134, 135, 136, 404 X xứ Bhagga 503, 606, 607 xứ Magadha 6, 62, 63, 64, 148, 342, 343, xứ Cetiya 496 344, 345, 346, 456, 505, 506, 698 xứ Kâsĩ 558 xứ Uttarâpatha 16 xứKosala 323,390,452,467,491,499, 500, xứ Vajjī 26, 27, 116, 117,396 523,553,554,561,648,652,691,692, 693,718, 749

y ca-sa 264, 267, 431,738 y nội 54, 80, 284, 286, 293, 296, 302, 303, y đắp ghẻ 568, 569 359, 585, 653, 728, 755, 759, 816, 823 y màu ca-sa 23, 24 y pamsukūla 251,320,321,322 y may bằng vải bi quăng bỏ 26 y phụ trội 281, 282 y thiết thân 729, 730

A Abbhānakamma 153 514, 515, 516, 517, 521, 523, 524, 528, abbhantara 288, 289 530, 536, 537, 539,540, 542, 543, 544, Aciravatī 86, 87, 499, 500, 557, 699, 724 545 547, 550, 553, 557, 558, 560, 564, Aggājava 215, 216, 313, 388, 407, 409, 426 565, 567, 568, 569, 570, 573, 576, 585, Anathapindika 151, 170, 182, 188, 193, 263, 586, 587, 588, 589, 592, 596

600,616, 265, 273,276,284,289,293,298, 301, 629,635,637 640,645, 648 650 654, 303,306,308,315,317,320, 323 330 656,658,660,663,665, 668, 675,693 332,335 342,347, 349 352 356, 358, 697, 710, 724, 737,749,760, 773,789, 360, 365,370,383 387, 390, 393,405, 807,816,819, 820, 823 415,417,419,420,423 428,434,438, Ānīyata 3, 273, 274, 276, 277, 279, 280, 440,442,443,446,450,452,462,464, 621,625 467,470,472,478, 480,481,483,491, Assaji 239,263,264, 265,266,267,268, 269 493,494,498,499 502, 509, 510, 512, Avakannaka 372, 374, 379, 384 Ã Ālavī 313, 388, 389, 407, 409, 426 āpatti 373 ālhaka 85, 336, 489, 675 Ārohanta 702

Isigili 60, 238 U udumbara 410 245,246,250,252,253,254,432,458, Upāli 58,91, 300, 448, 519, 536, 762 461, 529, 538, 580, 627, 770, 771 uposatha 4, 6, 35, 90, 149, 231, 243, 244, Uttarakurū 18 K Kalanda 23, 24, 27 Kathina 282, 284, 285, 286, 289, 290, 291, kainsa 692, 693, 694, 695 293,312,357,457,461,487, 627,677, Kānā 462, 464 678, 734, 735, 736 Kannakiyja 22 Kattika 357, 358, 359 Kantaka 530, 531,532, 533 Kira 458 Kapila 92 Kītāgiri 263, 264, 265, 266, 267, 268 Kapilavatthu 325, 338, 436, 487, 563, 580, Kokalika 254, 258, 448, 803 701,769 Kokanada 606, 607 Kāsi 264, 265 Kosala 323, 390, 452, 467, 491, 499, 500, Kassapa 18, 19, 20, 138, 146, 147, 148 523,553,554,561,648,652,691,692 kāta 373, 384 693,718, 749 Katamorakatissaka 254, 258, 803 Kosiyā 372, 374, 375, 379, 384 Katamorakatissako 448 kotacikā 373, 384

Kulavaddhaka 372, 374, 379, 384 Kūtāgāra 22, 58, 93,116,118, 314, 396, 397, 458, 474, 476, 762

KH

Khandadevī 254, 258, 448, 803

Gañgā 22, 29, 217, 218 Gotama 11, 12, 13, 14, 16, 21, 22, 238, 251, Gaya 6 254, 255, 372, 375, 379, 384, 456, Gijjhakūta 60, 61, 80, 109, 143, 144, 145, 476,619 146, 147 238, 247 Gotamaka 281

GH

Ghosita 231,261,411, 424, 501, 534, 604

C

Campā 77, 90 Corapapāta 238

Jātiyā 56 515,516,517, 521, 523, 524, 528, 530, Javakannaka 372, 374, 379, 384 536, 537, 539 540, 542, 543 544, 545, Jetavana 151, 170, 182, 188, 193, 263, 265, 547, 550, 553, 557, 560, 564, 565, 567, 273,276,284,289,293,298,301,303, 568, 569, 570, 573, 576 585, 586, 587, 306,308,315,317,320,323 330 332, 588, 589, 592, 596,600,616,629,635, 335,342,347, 349,352,356, 358,360, 637,640,645,648,650,654,656,658, 365,370,383,387,390,393,405,415, 660,663,665,668,675,693,697,710, 417,419,420,423,428,434 438,440, 724,737,749,760,773,789, 807, 816, 442,443,446,450,452,462,464 467, 819, 820, 823 470,472,478,480,481,483,491,493, Jīvaka 238 494 498,499, 502, 509,510,512,514,

Takkasilā 371 Tinduka 238 Tapoda 238 tulam 85 TH Thullaccaya 46, 47, 48, 49, 50, 51, 56, 68, Thullanandā 90,91,448, 629, 635, 636, 637, 69,70,71,72, 73,74, 75, 77, 101, 102 638,646,647,648, 649,654,655,666, 103,104,106 107,108, 109, 110 111 668,669,677,678,679,680,681,682, 112,113,114, 115, 133, 134, 135,136, 683,690,691,692, 693,694,697,698, 137,139,140,142,164,165,166,167, 713, 714, 716, 717, 726, 730, 731, 732, 168,169, 170,173,174, 175,176,177, 733,734 735,739, 740,741,752,753, 178,179,181,182,185,187,191,213, 754, 755, 756, 757, 763, 764, 785, 786, 214,215,223 234,252 253,257,258, 787, 798, 799, 800, 801, 802, 803 260,263 271, 377,385,633,634,640, 642,647,649, 653,655,657, 659,662, 665, 668, 672 D Devadatta 4,254,255,256,258,448,454, 803 Dukkata 6, 54, 56,61,68, 69, 70,71, 72, 73, donain 85 74, 75, 76, 77, 78, 80, 81, 84, 85, 87, Dubbhāsitā 252, 253, 377, 378, 379, 381, 90, 91, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 382, 385 109,113,116,135,136,137,138, 139,

140, 167, 168,173, 174,175,176,177, 535, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 544, 178,179,180,181,182,185,186,187, 545, 546, 547, 548,549, 550, 551, 557, 188,191,213,214,215,223,224,225, 563, 564, 565, 566,568, 569 570, 571, 226,227,228,229,230,234,235,236, 574 575, 576, 579 582 585, 586, 587, 246,247 252, 253,254 257,258,259, 588, 589, 590, 591,592, 593, 594,595, 260,262,263,271,272,283,284,289, 596, 597, 598, 599 600,601,602,603, 292,294,295,297,300,301,303 305, 604, 605, 606, 607, 608,609,610,611, 308,312,314,315,316,317,319,322, 612,614,615,616,633,634, 635,639 323,324,325,326,327 329, 331 332, 640 642 647, 649,650,655, 656 657, 333 337,338,340,341,347,349,350, 659,661,662, 663,664, 665,667,668, 351,352,355,358,360,361,362,377, 671,672, 677, 678,680, 681, 683,684, 379,380,385,386,387,388 390,393, 685, 686,687,688,689,691,692, 693 396,402,403,404,405,407,408,410, 694,698,702,703,705,706, 707, 708, 413,415,417,419,420,422,424,425 711,712,713,714,716,717,719, 720, 426,431,432,433 434,436,438,439, 721,722, 724, 725,727, 728, 730,731 440,441,443,445,447,448,450,451, 732,734,736 738,740,741, 742,744, 453,457,458 461,464,466,468,469, 750, 751, 754, 755,756, 757, 761, 763, 470,471,472,473 474 475 477,478, 764, 766, 768, 772,773, 774, 775, 777, 479,481,482,484,487,491,492,494, 779,780,781, 782,783, 785,790,792, 495,498,499, 500,502,503, 505, 508, 794,795,797, 802,803804, 805,806, 510,511,513,514,515,516,517,518, 808, 809, 811, 812, 815, 816, 820, 822, 520, 521, 522, 524, 527, 528, 529, 533, 823,824 DH Dhammā 372 Dhanitthaka 372, 374, 379, 384 Dhammarakkhita 250, 374, 379, 384 Dhaniya 60, 61, 62, 63, 64, 65 N Nandā 629, 698 300,301,302,303,304,305,307,308, Nandavatī 629, 698 312 313 314 315 316 317 319 322 Nandivisāla 371 323,324,326,328,329,330,331 332, Nigrodha 325, 338, 436, 487, 563, 580, 333 335,337, 339,341,342 346 347 701,769 348,349, 350 351,352,354,355 357, Nissaggiya 676, 678, 680, 681, 683, 684, 358,359 360,361,362,621,625,675, 686, 687, 689, 691, 692, 694 676, 677, 678,679,680, 681, 683, 684, Nissaggiya Pācittiya 3, 281, 282, 283, 284, 685, 686,687,688,689,690,691,692, 285,289,292,294,295,296,297,299, 693,694, 695, 827

pāda 65, 67, 328, 692 132,133,134,135,138,139,140,142, Panduka 92,239 143,149,150,184,242,243 244,245, Pārājika 3,5,6,23,35,38,39,44,45,46,47, 246,247,248,249,250,251,252,253, 48, 49 50,51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 254,274,275 276,328,377, 378,379, 58, 59 6065 66, 67, 68, 69, 70, 71 385,406, 505,518,621,625,626,627, 72, 73, 74,75, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 632,633, 634, 635,636 637 638,640, 83, 84, 85,86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 641 642 643, 692, 827 93 97,98,99,100 101,102,103,104 Parivāsa 35, 153, 154, 271, 272, 405, 517, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 626, 803, 804, 806 113,114,115,116,120,121,122,123, Pasenadi 491, 499, 500, 553, 554, 648, 691, 124,125,126,127,128,129,130,131, 692,693, 749

Pātidesanīya 3,252,253,254, 377,385,573, Pavāranā 4, 6, 149, 243, 244, 245, 246, 250, 574,575, 576,579, 580, 582, 583,621, 252, 253, 254, 357,432, 529, 768, 772 625, 819, 820, 822, 827 Pilindivaccha 92, 342, 343, 344, 345 Pātimokkha 3, 4, 19, 20, 21, 35, 39, 40, 42, Punabbasuka 239, 263, 264, 265, 266, 267, 43, 67, i00, 122, 149, 256, 262, 431, 268, 269 536, 537, 538, 539, 627

Bārānasī 22, 77, 92,613 200,215,217,220,231,267,273,275, Brahmajālasutta 4 286,288,291,292,341,365,390,395, Buddha 372 431,601,602,625,627,629,633 634 Buddhaghosa 5, 6, 11, 17, 27, 31, 35,46, 55, 640, 672, 682, 695, 728, 738, 817 65, 87, 95,96,144,145,151,153,170, Buddharakkhita 250, 374, 379, 384 BH Bhaddā Kāpilānī 650, 710, 711, 712, 719, Bhāradvāja 372, 374, 375, 379, 384 739, 741 Bhārukaccha 52, 58 Bhaddavatikā 496 Bhesakalā 503, 606, 607 Bhaddiya 52, 56 Bhummajaka 239,240,241,242,247,248,414 M Maddakucchi 238 Mānatta 153, 154, 271, 272, 432, 626, 647, Magadha 6, 62, 63, 64, 148, 342, 343, 344, 650, 672, 673 345, 346, 456, 505, 506, 698 māsaka 65, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 75, 76, Mahākassapa 215, 216 84, 87, 88, 89, 92, 328, 330, 649, 692 Mahānāma 487, 488, 489, 491 Mettiya 239, 240, 241, 242, 247, 248, 414 Mahāpajāpatī Gotamī 437, 701 Migalandika 93, 94, 95, 96 Mahāvana 22,27, 30,31, 35, 57, 58,93,116, Migāra 273, 274, 277, 558, 629, 630, 635 118, 314, 396, 397, 458, 474, 476, 762 Moggallāna 17, 18, 144, 148, 149, 251, 267, Mahāvihāra 6 268, 372, 375, 379, 384 Mallā 236 R Rāhula 389, 448 448, 449, 454, 456, 463, 469, 484, 505, Rājagaha 54,58,60,62,65,91,138,143,144, 518, 521, 548, 575, 708, 747, 748, 803 145, 146, 147, 215, 216, 236, 239 247, Ratthapāla 219 254, 255, 258, 295, 327, 342, 351 414, Rūpam aniccam 388 L Licchavī 30, 31, 59, 60, 138, 148, 149, 648 Lohitaka 239 V Vaggumudā 93, 116, 118, 120, 396? 398 295,327,351,414,448,454,469,484, v^jiputtaka 38, 52 505, 518, 548, 575, 708, 747, 748, 803 Vanganta 320, 321 Verañjā 3, 11, 16, 17, 22 Vāsettha 372, 375, 379, 384 Vesālī 22, 23 24, 27, 35, 38, 52, 57, 58, 59, Vassakāra 62, 63 60, 77, 91, 93, 95, 116 118, 281, 314 Vebhāra 238 396, 397, 458, 474, 476, 648, 762 Vedanā aniccā 388 Visākhā 273, 274, 277, 558, 629 Veluvana 143, 215, 236, 239, 247, 254, 258,

S Saddhā 52, 59 370,383,387,390,392,393,405,415, Sāketa 281,299,335,444,446, 509,651,741 417,419,420,423,428,434,438,440, Sakyā 11, 298, 299, 303, 304,306, 308, 309,

442,443,444,446,447,450,452,453, 310,325,327,328,332 333,338,349, 462,464,467,470,472,478,480,481, 350 353,354,365 405,436,478,480, 483,491,493,494,498,499, 502, 509, 481,483,484,485,487,488,489,510, 510,512,514,515,516, 517, 521, 523, 517, 563 564, 580, 701,769 524, 528,530, 536,537,539, 540, 542, SãḶha 629, 630, 635 543, 544, 545, 547, 550, 553, 557, 558, Samāpatti 373 559, 560, 561, 562, 564, 565, 567, 568, Samuddadatto 254, 258, 448, 803 569, 570, 573, 576,577, 585, 586, 587, Sangha 153, 372 588, 589, 590,591,592, 593, 594, 595, Sañghādisesa 3, 5, 6, 53, 56, 58, 59, 151, 596,597, 598, 599,600,601,602,603, 153,154,155,156,157,158,159,160 604,605, 607, 608,609,610,611,612, 161,162,163,164,165,166,167,168, 613,614,615,616,629,635,637 640, 169,170,172,173,174,175,178,180, 645,648, 650, 651,652, 654, 656, 658, 181,182,183,184,185,186,187,188, 660 663 665, 668,675,677, 679, 680, 190,191,192,193,197,198,199,200, 682,683,685, 687,688,690,691,693, 201,202,203,204,205,206,207 208, 697,698,699,700,702,704,705,706, 209,210,211,212,213 214,215,220, 710,711,712,713,715,716,718,719, 223,224 225,226,229,230,232,234, 720, 722,724,725,726,728,729,730, 235 236,242,243,244,245,246,247, 731, 732, 733, 735,737,738,739,740, 249,250,251,252,253 254,256,257, 741, 743, 745, 746,749, 750, 751, 752, 258,259,260,262,263,270,271,272, 754, 755, 756, 757,758, 760, 763, 765, 274,275,276,277,278,279,377,385, 766,767,768,770,771, 773, 774,775, 406,518, 542,569,621,625,626,645, 777,779,781,783,785,786,787,789, 647,649,650,651,652,653,654,655, 790,792,794 795,797 798, 800, 801, 656, 657,658,659,660,661,662, 663, 802, 804, 805, 807, 808, 809, 810,811, 664, 665, 666, 668, 670, 672, 803, 827 812, 813, 814, 815, 816, 819, 820, 823 Sañgharakkhita 250, 374, 379, 384 Savitthaka 372, 374, 379, 384 sañghāti 147, 816 Sekhiya 3, 585, 625 Sañkassa 22 Sekhiyā 585,619, 621, 823, 824, 825, 827 Sappasondika 238 Seniya Bimbisāra 63,64,148, 342, 343,344, Sāriputta 6, 18, 19, 20, 21, 267, 268, 281, 345, 346, 456, 505, 506 335, 336, 448, 452, 453 Sītavana 238 Sattapanna 238 Soreyya 22 Sāvatthi 52, 57, 59, 77, 88, 151, 170, 182, Sotāpatti 373 188, 193, 195, 196, 239, 263, 264, Sudinna Kalandaputta 23, 24, 25, 26, 31 265, 266 273, 276 284, 289, 293, Sundarīnandā 629, 630, 631, 633, 635, 636, 295, 298, 299, 301, 303, 306, 308, 656, 658, 698 315,317,320,321,323,330,332,335 Supabbā 52, 58 342 347,349,352 356 358,360,365, Suttavibhañga 3, 4, 6, 625, 628

Hārika 147 Hatthaka 365, 366

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯ0NG PHÁP BÀO CAO QUÝ

z ISĨÍ trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử l đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tồn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

-Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ

đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc an hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật từ, thân bằng quyến thuộc của quý vi luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẬP 10
* TAM TẠNG THƯỢNG TỌA Bổ -10
PHÂN TÍCH GIỚI BỔN
(SUTTAVIBHAÑGA)
Việt dịch TỲ-KHƯU INDACANDA

Chiu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tập ĐINH THỊ THANH THUÝ

Biên tập Nguyễn Thi Kim Phước

Sửa bản in se. Tâm Lành, se. Tâm Trí, se. Liên Liên Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Thủy Tiên, Yên Nhiên

Trình bày & Bìa Tống Viết Diễn, Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.l, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP l 62 Nguyễn Thi Minh Khai, p. Đa Kao, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2 86 - 88 Nguyễn Tất Thành, p. 12, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3 88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Bình, Q.l, TP.HCM — ĐT: 38 216 009

GIAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quậiĩ Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In lân thứ nhát, sô lượng 6.000 cuồn, khô 19 x 27 em, tại Công ty Cô phân In Khuyên học phía Nam Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phủ Trung, Củ Chi, TP. HCM.

" XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/0Ỉ-47/THTPHCM gm II l li#

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022. 9 786043 357233

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.